

NGOẠI NHƯ TUNG - HOANG PHUOC DIEM
Là chuyên gia lịch sử và chủ biên

BINH PHÁP TÔN TỬ

và hơn 200 trận đánh nổi tiếng
trong lịch sử Trung Quốc

1000 năm
và hàng nghìn bộ binh



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Tên eBook: Binh Pháp Tôn Tử và hơn 200 Trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc

Tác giả: Hoàng Phác Dân , Ngô Như Tung

Thể loại: Dẫn sử, Quân sự, Văn học phương Đông

Người dịch: Lê Khánh Trường, Lê Việt Anh

Nhà phát hành: Fahasa

Nhà xuất bản: NXB Mũi Cà Mau

Khối lượng: 550.00 gam

Kích thước: 14.5x20.5 cm

Ngày phát hành: 04/2004

Số trang: 592

Scan, đánh máy, soát chính tả: hellospace88

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: Thư Viện PDF - thuvienpdf.com

Giới thiệu:

Tôn Tử Binh Pháp, tác phẩm lý luận quân sự ra đời sớm nhất và sâu sắc nhất trong *Vũ kinh thất thư* của *Trung Hoa*, lần đầu tiên được giới thiệu kèm theo hai trăm trận đánh nổi tiếng nhất trong lịch sử *Trung Hoa*, được tuyển chọn từ các bộ *Trung Hoa* cổ đại chiến tranh chiến lược tiên biên của Viện khoa học quân sự *Trung Hoa* và *Trung Hoa* quân sự sử.

Ngô Như Tung & Hoàng Phác Dân, hai chuyên gia lâu năm về *Binh pháp Tôn Tử* ở Viện khoa học quân sự *Trung Hoa* chú giải và thẩm định toàn bộ nội dung.

Đại tướng *Quách Hoá Nhược*, nhà nghiên cứu khoa học quân sự nổi tiếng của *Trung Hoa* giới thiệu: Bộ truyện *Binh Pháp Tôn Tử và hơn 200 Trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc* này có giá trị đặc sắc về học thuật. Các sự kiện được chọn lựa một cách nghiêm túc, trung thành với sự thật lịch sử, phù hợp với tư tưởng chủ đạo của *Binh pháp Tôn Tử*, tập trung phản ánh tinh hoa của trước tác đó, thể hiện được trình độ nghiên cứu học thuật hiện nay đối với *Binh pháp Tôn Tử*. Tính khoa học và tính giản dị làm cho bộ sách này trở thành người thầy và người bạn tốt của đông đảo bạn đọc.

Binh Pháp Tôn Tử và hơn 200 Trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc là một cuốn sách rất hay nói về lịch sử chiến tranh kéo dài suốt 5000 năm lịch sử Trung Hoa với vô số những trận đánh lớn nhỏ mà rất nhiều trận đánh trong số đó độc giả Việt Nam chưa từng biết tới. *Binh Pháp Tôn Tử và hơn 200 Trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc* được đánh giá đây là một cuốn sách rất hay về Binh pháp, về nghệ thuật dụng binh, rất đáng tiền. Một tư liệu rất hay và rất đáng đọc cho bạn nào thích nghiên cứu về Lịch sử chính trị, và đặc biệt là nghệ thuật quân sự.

Binh pháp Tôn tử vốn chỉ có 13 chương ngắn gọn, mang tính lí thuyết và hơi khô khan, nhưng dưới ngòi bút của 2 tác giả và thông qua bài học rút ra từ các trận chiến thì tất cả mọi thứ đều trở nên dễ hiểu và gần gũi với người đọc.

Mời các bạn đón đọc *Binh Pháp Tôn Tử và hơn 200 Trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc* của tác giả Ngô Như Tung.

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

THIÊN I : KẾ

Chính nghĩa thắng phi nghĩa, Võ Vương diệt Trụ Vương
Tề Hoàn Công nuôi binh trong dân
Tào Tháo đánh trận Quan Độ
Tần vương chủ động diệt 6 nước
Mạo Đồn mạnh mà giả yếu
Địch Thanh giả bộ nghi ngại
Việt Vương nghi binh phá quân Ngô
Hàn Tín đánh lừa Ngụy Báo Vương
Khuất Hà nhử quân Giảo
Thốc Phát Nộc Thiện làm rối loạn quân Hậu Tần
Thạch Đạt Khai phòng thủ nhiều lớp, đánh tan quân Tương
Tấn Văn Công lui quân mà thắng trận Thành Bộc
Lưu Ký quấy nhiễu quân Kim
Tào Cữu cạy khoẻ mắt Thành Cao
Ngũ Tử Tư quấy nhiễu nước Sở
Tào Tháo dùng kế ly gián, đánh bại Mã Siêu
Trịnh Thành Công bất ngờ giải phóng Đài Loan
Lưu Bang chưa đánh đã thắng
Tần Vương thua trận ở Hàm Đan

THIÊN II : TÁC CHIẾN

Tề Dẫn Vương gây chiến liên miên, tự chuốc lấy thất bại
Tấn Lệ Công đánh nhanh diệt quân Tần
Vua Tần tham lợi, bại ở Hào Sơn
Lưu Bang dụng lương của địch vào Quan Trung
Trần Thắng dựng cờ khởi nghĩa
Thương Ưởng lập pháp thưởng công quân đội
Lý Tổ trọng đãi hàng tướng
Lý Tự Nguyên thần tốc chiếm Đại Lương

THIÊN III: MƯU CÔNG

Chỉ một bức thư, Hàn Tín bình định nước Yên
Đại thần của Tề phá tan ý đồ của Tấn

Trường Tôn Thành chia mạnh hợp yếu, đánh Đột Quyết
Cao Hoan đánh thành Ngọc Bích, trí tận lực kiệt
Trần Thái không đánh mà thắng Khương Duy
Tư Mã Chiêu vây lâu đánh chậm, hạ thành Thọ Xuân
Tư Mã Viêm chỉ một trận, diệt Tôn Hạo
Kế sách toàn thắng của Gia Cát Lượng ở Long Trung
Đàm Quan dùng 3 quân hợp vây diệt giặc Oa
Lý Cao dụ địch chia quân, chiếm Thái Sơn
Vu Khiêm cố thủ Bắc Kinh, đuổi Ngõa Thích
Ban Siêu cố thủ đánh lui quân Nguyệt Thị
Công Tôn Tán bỏ mạng vì tử thủ cô thành
Đường Huyền Tông trói tay quân đội, để mất Trường An
Ngư Triều Ân tự làm loạn quân mình
A Cốt Đà thiện chiến dùng ít thắng nhiều
Vương Tiễn diệt nước Sở
Quân Hán đồng lòng giữ vững Sơ Lạc
Lâm Tắc Từ lấy chuẩn bị đánh không chuẩn bị, thắng quân Anh
Cam Mậu ước hẹn với vua trước khi xuất binh
Hàn Tín biết người biết ta, bình định Tam Tần
Vương Chiêu Viễn trận nào cũng thua

THIÊN IV: HÌNH

Lý Mục kiềm chế Hung Nô
Viên Sùng Hoán phòng thủ chắc, đánh quân Hậu Kim
Lại Văn Quang dụng binh như thần, diệt quân Thanh
Mặc Tử không đánh mà cứu được nước Tống
Lý Tự Thành không bỏ lỡ cơ hội đánh thắng quân Minh
Tùy Văn Đế lấy yếu chống mạnh, diệt nước Trần
Minh Anh Tông đánh giặc cầu may, bị bắt làm tù binh

THIÊN V: THẾ

Ngô Lân đánh bại Hô San
Chu Đệ tránh “thực, chọn “hư” chiếm Kim Lăng
Tần Vương dùng chính binh và kỳ binh thắng trận Trường Bình
Lý Tịnh mau chóng quét sạch quân Thổ Dục Hồn
Mạo Đốn giả sợ, diệt Đông Hồ
Ngụy Thư thay đổi biên chế, thắng bộ lạc Tuất Địch
Hoàn Ôn hợp nhất lực lượng, chiếm Thành Đô

Khang Hy lấy mạnh đánh yếu, chiếm lại Đài Loan

Tôn Tần dụ Bàn Quyên tới chỗ chết

Tào Tháo chọn người tài giữ được Hợp Phì

THIÊN VI: HƯ THỰC

Lý Tự Thành chiếm trận địa trước, diệt quân Minh

Cảnh Yểm nhiều phen điều động quân địch, diệt Trương Bộ

Trương Hiến Trung dùng lợi nhỏ dụ địch, chiếm Nhạc Châu

Lý Tịnh thả thuyền cản địch, chiếm Giang Lăng

Chu Đức Uy làm địch mệt mỏi, đại thắng ở Bá Hương

Thái Bạt Đào dụ địch ra khỏi thành, chiếm Thống Vạn

Trương Hiến Trung thay đổi địa bàn tác chiến, chiếm Nang

Dương

Lý Tự Thành chiếm thành Lạc Dương

Thiết Huyền phòng thủ Tế Nam, chống Chu Đệ

Mộ Dung Thùy chia quân nghi binh, đánh Tây Yên

Đặng Ngải giỏi phòng thủ, thắng Khương Duy

Đặng Ngải đi đường tắt vào Tứ Xuyên, diệt Lưu Thiện

Mã Toại đánh vào nơi Điền Duyệt phải ứng cứu

Lưu Bang buộc địch phải chuyển hướng, chiếm Thành Cao

Nộ Nhĩ Cáp Xích tập trung binh lực, đánh Quân Minh

Nhà Kim không phòng thủ biên cương, bị đánh bại

Tất Tái Ngô bất ngờ chiếm Tứ Châu

Chu Hoàn lấy ít đánh nhiều thắng Tào Nhân

Trương Tuần dùng mưu đánh quân phản loạn

Tất Tái Ngô thích ứng với tình hình, yểm hộ toàn quân

Từ Đạt tránh thực đánh hư, chiếm Thái Nguyên

Chu Đệ căn cứ tình hình địch đánh tan quân Thát Đát

THIÊN VII: QUÂN TRANH

Tôn Sách biến công thành thắng, đánh Vương Lăng

Triệu Xa dụ địch đến Yên Dục tiêu diệt

Lý Quảng Lợi đem quân mệt mỏi đánh giặc

Sở Hoài Vương ngoại giao sai lầm, thất bại nhục nhã

Lý Tư Nguyên nắm địa hình, cứu U Châu

Thành Cát Tư Hãn theo đường mòn đánh chiếm Cư Dung

Chu Nguyên Chương dụ Trần Hữu Lượng

Lý Thế Dân dùng nghi binh, đánh lui Đột Quyết

Lưu Bang làm tan rã ý chí quân địch ở Cai Hạ
Thái Bạt Khuê đánh đòn tâm lý, thắng quân Yên
Tào Quệ tránh nhuệ khí, thắng trận Trường Thước
Tạ Ngải lâm nguy không loạn, thắng Ma Thu
Lý Thế Dân dưỡng nhuệ khí, tăng quân lực đánh quân Tiết
Đoàn Thiệu đánh từ trên núi xuống, phá quân Chu
Quách Tử Nghi giả thua đánh tan phản quân
Bào Phòng đánh địch tinh nhuệ, bị thảm bại
Dương Hành Mật thả mồi dụ địch, thắng trận Quảng Lăng
Tào Tháo rút quân, đánh địch đuổi theo
Lưu Giang vây hải tặc, chừa một lối thoát để tiêu diệt chúng
Mộ Dung Khác không bức bách địch, chiếm được thành

THIÊN VIII: CỬU BIẾN

Mã Viện hành quân sai đường, thân bại danh liệt
Sầm Bành tiến thẳng vào đất Thục, đánh Công Tôn Thuật
Lý Uyên không đánh Hà Đông, mà vào Quan Trung
Phù Sai cố giành Trung nguyên, thất bại ê chề
Nhạc Phi không nghe lệnh vua, tiến vào Trung nguyên
Đánh trận không ình theo sơ đồ định sẵn
Lý Hoài Quang thấy lợi quên hại, bại trận ở Ngụy Châu
Lý Tục Tân đơn độc thọc sâu, bị tiêu diệt
Lã Bố tham sống sợ đánh, bị giết chết
Đặng Khương áp sát chiến lũy, khích Diêu Nang

THIÊN IX: HÀNH QUÂN

Cầu Phủ phá đập đìm chết quân Đường
Tiền Truyền Quán chiếm thượng lưu, giành toàn thắng
Bàng Sư Cổ hạ trại ở vùng đất thấp trũng, bị nhấm chìm
Chu Á Phủ đi vòng, tránh nguy hiểm
Hạ Hầu Đôn khinh địch, rơi vào ổ phục kích
Trịnh Trang Công dụ Bắc Nhung rời hiểm địa để tiêu diệt
Triệu Nguyên Ngô viết thư khiêm nhường, dụ địch mà tiêu diệt
Lục Tồn rút quân, không mất 1 người lính
Lý Cử trá hàng, đánh bại Lưu Sương
Triệu Phạm, Triệu Quý dụ Lý Toàn tiến ra mà tiêu diệt
Khích Chí giỏi quan sát, thấy được thời cơ tiến công
Thượng Tỳ Tỳ trước theo sau chống, thắng địch

Tiêu Huệ khinh địch, mất hết quân
Thích Tục Quang chọn kỹ, luyện nghiêm, quân đội tinh nhuệ
Gia Cát Lượng trong lúc khó khăn, giữ đúng chữ tín

THIÊN X: ĐỊA HÌNH

Lý Tiết chiếm đường hẹp, mai phục đánh quân phiến loạn
Quách Tiến chiếm nơi hiểm trở chặn quân Liêu
Mông Ca viễn chinh mất mạng, quân mệt phải rút về
Ngô Hán đánh Thục, trước thua sau thắng
Điền Bô không điều động được quân, phải tự sát
Phù Dung đơn độc bị tử trận ở Phì Thủy
Cấp dưới bất trị, quân Tấn thảm bại ở đất Tất
Lý Tông Kha không trị nổi kiêu binh, để mất thiên hạ
Khưu Phúc chủ quan khinh địch, bị vây khốn
Nhạc Phi lợi dụng địa hình, thắng Lý Thành
Ngô Khởi yêu lính như con, đánh đâu thắng đó
Hàn Tín dàn trận quay lưng về mé sông

THIÊN XI: CỬU ĐỊA

Phương Lạp bỏ nơi hiểm yếu nên thất bại
Tôn Quyền không nấn ná ở khinh địa, phá Hoán Thành
Trường Tôn Trĩ không đánh tranh địa mà chiếm được Quan

Trung

Lý Định Quốc quyết chiếm giao địa, đánh Quế Lâm
Gia Cát Lượng ở trọng địa gặt lúa mạch, đánh Tư Mã
Lý Tự Thành dùng kế, ra khỏi “vi địa” Xa Tương
Trịnh Thành Công ở tử địa quyết chiến, thắng quân Thanh
Lưu Tú bắt ngờ đánh vào chỗ yếu, thắng trận Côn Dương
Lưu Miện tấn công vào chỗ dựa chính của địch, cứu Công Chúa
Tư Mã Ý nhanh tay bắt Mạnh Đạt
Lưu Dự tiến sâu cướp lương, diệt Nam Yên
Vương Trấn Ố tung quân xông tới diệt Hậu Tần
Bố Tát Trung Nghĩa khéo bày trận hình trăng lưỡi liềm
Chu Nguyên Chương chặt dây buộc thuyền, ngăn ý muốn trở về

của binh sĩ

Tôn Trạch dùng nhàn hạ làm yên lòng người, đánh quân Kim
Hạng Vũ đập nôi đục thuyền đánh Cự Lộc
Nước Tần dùng uy áp chế, diệt nước Tề

Hách Liên Bột Bột phá băng chôn xe, chống truy kích
Trong đêm bão tuyết, Lý Tố đánh chiếm Thái Châu
Điền Đơn đánh lừa địch giành đại thắng

THIÊN XII: HÒA CÔNG

Chu Du mượn gió phóng hỏa trận Xích Bích
Phan Mỹ dùng lửa đánh Lưu Sưởng, chiếm Quảng Châu
Tào Ân đốt cháy thủy trại, chiếm Kim Lăng
Hầu Cảnh dùng hỏa công, bị gió thổi ngược, tự đốt quân mình
Triệu Nang Tử quyết dùng nước lũ đánh Trí Bá
Lý Tự Thành không củng cố chiến quả, để mất thiên hạ
Lưu Bị vì giận mà đánh, thua to ở Di Lăng
Dương Huyền Cẩm vì giận mà đánh, bại trận bỏ mạng

THIÊN XIII: DỤNG GIÁN

Vi Lý Khoan dùng gián điệp, diệt trừ tướng địch
Khổng Dung khai thác người nắm tình hình, dẹp yên A Khê
Tần Vương dùng nhiều vàng mua gián điệp, diệt trừ Lý Mục
Nhạc Phi dùng phản gián, phế trừ Lưu Dự
Lê Thực Kỳ 2 phen làm “tử gián”
Đạt Hề Vũ khôn khéo giả danh do thám doanh trại địch
Lưu Bang bỏ nhiều vàng dùng kế ly gián, thắng Hạng Vũ
Xung Thế Hoàn dùng gián điệp diệt trừ hai Vương
Cao Nhân Hậu Dùng Phản Gián Dẹp Loạn Thiên Năng
Thương Thang dùng người tài làm gián điệp, diệt vua Kiệt

LỜI NÓI ĐẦU

Tôn Tử, tên Vũ (Võ), tự Trường Khanh, không rõ năm sinh năm mất. Sống cùng thời với Khổng Tử (cuối thời Xuân Thu: năm 551-479 trước Công Nguyên), người Lạc An, nước Tề (nay là huyện Huệ Dân, tỉnh Sơn Đông), được coi là nhà lý luận quân sự nổi bật nhất thời cổ đại Trung Quốc.

Binh pháp Tôn tử là tác phẩm lý luận quân sự sớm nhất và xuất sắc nhất trong Vũ kinh thất thư (7 cuốn binh thư được lưu truyền rộng rãi nhất) ở Trung Quốc. Theo các nhà khoa học quân sự hiện đại của Trung Quốc, Binh pháp Tôn tử chứa đựng những tư tưởng triết học quân sự sâu sắc và hoàn chỉnh; 13 thiên binh pháp của Tôn tử đã tổng kết những kinh nghiệm chiến tranh của Trung Quốc thời cổ đại, đúc thành một hệ thống lý luận quân sự tinh thâm uyên bác, đã từng bồi dưỡng nên những quân sư thiên tài trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc như Tôn Tẫn (mà nhiều nhà sử học cho là cháu đích tôn của Tôn tử), Úy Liêu thời Chiến Quốc, Hàn Tín đời Hán, Lý Tịnh đời Đường, Nhạc Phi đời Tống và nhiều danh tướng khác. Các nhà sử học cho rằng tất cả những mưu lược được truyền tụng lâu nay trong Tam Quốc chí về cơ bản, đều lấy trong Binh pháp Tôn tử.

Trong tác phẩm quân sự nổi tiếng làm cơ sở lý luận cho cuộc chiến tranh cách mạng Trung Quốc, cuốn Luận trì cữu chiến (Bàn về đánh lâu dài), lãnh tụ Mao Trạch Đông đã nhắc đến phương châm "biết người biết ta, trăm trận không nguy" của Tôn tử và coi đó là một chân lý khoa học. Các tướng lĩnh Trung Quốc cổ nhiều người nghiên cứu rất sâu Binh pháp Tôn tử, nổi tiếng nhất là nguyên soái Lưu Bá Thừa và đại tướng Quách Hóa Nhược.

Ở Việt Nam, thế kỷ thứ XIII, đời Trần, trong cuốn Binh thư yếu lược của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn soạn cho các tướng sĩ học tập có trích dẫn nhiều đoạn trong Binh pháp Tôn tử. Cuốn Binh thư yếu lược hiện còn lưu hành, được biết là do người đời sau viết lại (bản gốc đã thất truyền) nhưng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, người bạn chiến đấu của Trần Quốc Tuấn, đã viết trong lời giới thiệu sách Vạn Kiếp tông bí truyền thư. "Tôn Vũ nước Ngô đem nữ nhân trong cung thử tập trận mà phía tây phá nước Sở mạnh, phía bắc làm nước Tần, nước Tấn phải sợ, nêu cao danh

tiếng với các nước chư hầu, thế là người giỏi bày trận thì không cần đánh vậy". Như thế chúng ta thấy ít nhất từ đời nhà Trần, các tướng lãnh Việt Nam 3 lần đánh quân Nguyên 3 lần thắng, đều tinh thông binh pháp Tôn tử.

Đến thời hiện đại, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dịch Binh pháp Tôn tử làm tài liệu huấn luyện cho các cán bộ quân sự cách mạng trên chiến khu Việt Bắc. Người đã viết về "Phép dụng binh" của Tôn tử như sau:

"Ông Tôn Tử là một nhà quân sự có tiếng nhất ở Trung Quốc. Ông sinh hơn 2000 năm trước. Ngày nay, chẳng những trường học Trung Quốc mà trường học quân sự các nước cũng lấy phép dụng binh của ông làm gốc và ra sức nghiên cứu. Về phép ông Tôn Tử tuy đã lâu đời nhưng những nguyên tắc của ông đến nay vẫn đúng. Nguyên tắc dụng binh của Tôn Tử chẳng những đúng về quân sự mà về chính trị cũng rất hay".

Cuốn Binh Pháp Tôn tử mà các bạn đang cầm trong tay, được xuất bản cũng không ngoài tinh thần đó. Đại tướng Quách Hoá Nhược, nhà lý luận quân sự nổi tiếng của Trung Quốc được mời viết lời giới thiệu. Ông viết: "Bộ truyện này có giá trị đặc sắc về học thuật. Các sự kiện được chọn lựa một cách nghiêm túc, trung thành với các sự thực lịch sử, phù hợp với tư tưởng chủ đạo của Binh pháp Tôn tử, tập trung phản ánh tinh hoa của trước tác đó, thể hiện được trình độ nghiên cứu học thuật hiện nay đối với Binh pháp Tôn tử. Tính khoa học và tính giản dị dễ hiểu làm cho bộ sách này trở thành người thầy và người bạn tốt của đông đảo độc giả thanh thiếu niên Trung Quốc".

2 chuyên gia nhiều năm nghiên cứu Binh pháp Tôn tử ở Ban nghiên cứu chiến lược của Viện khoa học quân sự Trung Quốc là Ngô Như Tung và Hoàng Phác Dân được giao trách nhiệm viết lời giới thiệu, tóm tắt nội dung 13 thiên Binh pháp Tôn tử, chú giải và thẩm định toàn bộ nội dung lời dân giải của hơn 200 trận đánh nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, dùng để minh họa cho những luận điểm quân sự của Tôn tử. Phần dẫn giải các trận đánh nói trên, Nhà xuất bản đã mời các giáo sư, giảng viên đại học hữu quan biên soạn dựa theo các sử liệu, tham khảo bộ sách *Trung Quốc cổ đại chiến tranh chiến lược biên* của Viện khoa học quân sự Trung Quốc và bộ Trung Quốc quân sự sử. NXB hi vọng cuốn Binh pháp Tôn tử này sẽ đem lại cho các bạn độc giả những giờ phút thoải mái và bổ ích.

NXB Mũi Cà Mau

THIÊN I : KẾ

Bình giả, quốc chi đại sự. Tử sinh chi địa, tồn vong chi đạo, bất khả bất sát dã. Cố kinh chi dĩ ngũ, hiệu chi dĩ kê nhi sách kỳ tình: nhất viết đạo, nhị viết thiên, tam viết địa, tứ viết tướng, ngũ viết pháp. Đạo giả, lệnh dân dữ thượng đồng ý giả dã. Cố khả dữ chi tử, khả dữ chi sinh, nhi bất nguy dã. Thiên giả, âm dương, hàn thử, thời chế dã. Địa giả, cao hạ, viễn cận hiểm dị, quảng hẹp, tử sinh dã. Tướng giả, trí, tín, nhân, dũng, nghiêm dã. Pháp giả, khúc chế, quan đạo, chủ dụng dã. Phàm thử ngũ giả, tướng mạc hất văn, tri chi giả thắng, bất tri chi giả bất thắng. Cố' hiệu chi dĩ kê, nhi sách kỳ tình. Viết: Chúa thực hữu đạo? Tướng thực hữu năng? Thiên địa thực đắc? Pháp lệnh thực hành? Binh chúng thực cường? Sĩ tốt thực luyện? Thượng phạt thực minh? Ngô dĩ thử tri thắng phụ hĩ.

Tướng thính ngô kế, dụng chi tất thắng, lưu chi; tướng bất thính ngô kế, dụng chi tất bại, khứ chi.

Kế lợi dĩ thính, nãi vi chi thế, dĩ tá kỳ ngoại. Thế giả, nhân lợi nhi chế quyền dã.

Bình giả, nguy đạo dã. Cố năng nhi thị chi bất năng, dụng nhi thị chi bất dụng, cận nhi thị chi viễn, viễn nhi thị chi cận. Lợi nhi dụ chi, loạn nhi thủ chi, thực nhi bị chi, cường nhi tị chi, nộ nhi nạo chi, ti nhi kiêu chi, dật nhi lao chi, thân nhi li chi.

Công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý. Thử binh gia chi thắng, bất khả tiên truyền dã.

Phù vị chiến nhi miếu toán thắng giả, đắc toán đa dã; vị chiến nhi miếu toán bất thắng giả, đắc toán thiếu dã. Đa toán thắng, thiếu toán bất thắng, nhi huống ư vô toán hồ? Ngô dĩ thử quan chi, thắng phụ kiến hĩ.

Dịch nghĩa:

Chiến tranh là đại sự của quốc gia. Nó liên quan đến sự sống còn của quân dân, sự tồn vong của đất nước, cho nên không thể không suy xét kỹ lưỡng.

Bởi thế, phải thông qua việc phân tích 5 phương diện địch ta mà xem xét tình thế thắng bại của cuộc chiến. 5 phương diện ấy, 1 là Chính trị, 2 là Thiên thời, 3 là Địa lợi, 4 là Tướng lĩnh, 5 là Pháp chế.

Chính trị làm sao cho dân cùng ý nguyện với vua, từ đó có thể kêu gọi họ vì vua mà chết, vì vua mà sống, không sai tắc lòng.

Thiên thời là chỉ ngày đêm, mưa nắng, nóng lạnh, sự biến đổi thời tiết bốn mùa.

Địa lợi là chỉ hình thế cao thấp của đất, đường xa lối gần, điều kiện hiểm trở, bằng phẳng, rộng hẹp, sinh địa, tử địa. v.v..

Tướng lĩnh là chỉ mưu trí, thành tín, nhân từ, dũng cảm, nghiêm minh.

Pháp chế là chỉ cách tổ chức biên chế quân đội, quản lý tướng sĩ, quân nhu.

Phàm 5 phương diện đó, tướng soái không thể không biết. Hiểu biết rõ thì giành phần thắng, không biết rõ thì không thể giành phần thắng.

Cho nên phải thông qua so sánh 7 tình huống đôi bên để xác định sự thắng bại của chiến cuộc. 7 tình huống đó là: Chúa bên nào có chính nghĩa? Tướng lĩnh bên nào có tài năng? Bên nào giành được thiên thời địa lợi? Pháp lệnh bên nào được chấp hành triệt để? Vũ khí trang bị bên nào tốt hơn? Sĩ tốt bên nào được huấn luyện thành thạo? Thưởng phạt bên nào công minh? Căn cứ vào đó, ta đủ đoán biết ai thắng ai bại.

Nếu biết nghe theo mưu kế của ta, dụng binh tất thắng, ta lưu lại. Nếu không nghe theo mưu kế của ta, dụng binh ắt bại, ta bỏ đi.

Đã nghe theo mưu kế hay tức là đã tạo nên lợi thế, làm điều kiện hỗ trợ ở bên ngoài. Nói lợi thế, tức là mượn điều kiện có lợi cho mình, linh hoạt ứng biến, nắm chắc quyền chủ động tác chiến.

Dùng binh nên theo nguyên tắc giả trá. Cho nên có thể đánh mà làm bộ không thể đánh; muốn đánh mà làm bộ không cần đánh; muốn đến gần mà làm như lùi ra xa; muốn lùi ra xa mà làm bộ tới gần; địch tham lợi thì dùng lợi nhỏ mà dụ địch; địch rối loạn thì thừa cơ tiến đánh; lực lượng địch đủ mạnh, thì phải chú ý đề phòng; quân địch tinh nhuệ hùng mạnh thì tạm thời né tránh; địch hung hăng thì ta quấy nhiễu; địch dè dặt thận trọng thì ta làm cho nó trở nên kiêu ngạo; địch nghỉ ngơi dưỡng sức thì ta làm cho nó mỏi

mệt; địch đoàn kết thì ta ly gián nó. Địch không đề phòng thì ta tiến đánh, ra quân bất ngờ. Đó là sự ảo diệu của người cầm quân, không thể hướng dẫn, tiên liệu trước một cách cứng nhắc.

Chưa lâm chiến mà đã tính toán được phần thắng, là nhờ kế hoạch chu đáo, điều kiện thắng lợi có đủ. Chưa lâm chiến mà tiên liệu không thể thắng, là do kế sách không chu đáo, điều kiện thắng lợi chưa đầy đủ. Kế sách chu đáo, điều kiện đầy đủ thì giành phần thắng; kế sách sơ hở, điều kiện chưa đủ thì sẽ thất bại, huống hồ không có cả kế sách lẫn điều kiện? Ta căn cứ vào đó mà xét, thì thấy ngay ai thắng ai thua.

Tóm tắt nội dung:

“Kế” là thiên đầu tiên của “Bình pháp Tôn tử”, có ý nghĩa nêu ra những điều thiết yếu nhất trong toàn bộ 13 thiên, ở thiên này, Tôn tử tập trung trình bày vấn đề người chỉ đạo chiến tranh trước khi lâm chiến phải có kế sách toàn cục như thế nào.

Tôn tử xuất phát từ nhận thức rằng “Chiến tranh là đại sự của quốc gia” mà nhấn mạnh tính trọng yếu của việc hoạch định chiến lược trước khi lâm chiến, tức là thông qua việc xem xét và so sánh 5 phương diện, 7 tình huống tức là những điều kiện khách quan giữa ta và địch mà tính toán chính xác xu thế thắng bại một cách toàn diện, rồi trên cơ sở đó quyết định quyết sách chiến lược của mình cho đúng đắn.

Ở thiên này, Tôn tử còn đề xuất lý luận về việc tích cực “tạo thế”, giành lấy phần thắng trong chiến tranh. Ông chủ trương phát huy đầy đủ tính năng động chủ quan của người chỉ đạo chiến tranh là phải phân tích, nắm vững các điều kiện, tạo nên lợi thế về chiến lược, chiến thuật, từ đó đảm bảo chỗ đứng thắng lợi cho mình trong cuộc chiến. Để tạo nên ưu thế chủ động trên chiến trường, Tôn tử đề xuất nguyên tắc tác chiến trứ danh “địch không đề phòng thì ta tiến đánh, ra quân bất ngờ”, nhấn mạnh việc cơ động linh hoạt, biến hoá mau lẹ, dùng lối đánh lừa khi địch ngộ địch mà tấn công và tiêu diệt đối phương.

"Đạo giả, lệnh dân dữ thượng đồng ý dã. Cố khả dữ chi tử, khả dữ chi sinh, nhi bất nguy dã".

Chính trị là làm sao cho dân cùng ý nguyện với vua, từ đó có thể kêu gọi họ vì vua mà chết, vì vua mà sống, không sai tấc lòng.

Chính nghĩa thắng phi nghĩa, Võ Vương diệt Trụ Vương

Cuối đời Ân Thương (thủ tổ nhà Thương đóng đô ở đất Bạc, đất này có biệt danh là Ân, nên có lúc đời hiệu là Ân, nên cũng gọi là Ân Thương - ND), thế nước mỗi ngày một suy yếu. Khoảng năm 1099 trước Công Nguyên, Đế Tân (Trụ vương) nối ngôi.

Chiến tranh liên miên đã khiến dân chúng thêm lầm than, nhưng Trụ vương còn tăng thêm phu phen lao dịch để xây cất cung điện, mở rộng kinh đô đến tận Triều Ca (huyện Kỳ, tỉnh Hà Nam).

Để thoả mãn cuộc sống hoang dâm xa xỉ cực độ của mình, Trụ vương ra sức vơ vét của cải của dân chúng và của các nước chư hầu khiến cho những người nô lệ bị áp bức ngày một căm phẫn, liên tiếp nổi lên phản kháng nhưng đều bị Trụ vương đàn áp tàn khốc.

Chế độ tàn bạo và hủ bại của Trụ vương làm cho cả xã hội lung lay. Lúc đó, có một bộ lạc cổ xưa họ Cơ, là tộc Chu, lặn lẽ nổi dậy ở Kỳ Sơn (tỉnh Thiểm Tây).

Cơ Xương (tức Chu Văn vương sau này) giữ chức Tây bá (cai quản các nước chư hầu phía tây) của nhà Thương, ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, tích lũy lực lượng ở Chu Nguyên, chờ cơ hội diệt Thương. Trụ vương lo sợ, bắt Cơ Xương giam cầm tại Dũ Lý (bắc huyện Thang Dương, tỉnh Hà Nam).

Con trai của Cơ Xương là Cơ Phát (tức Chu Võ vương sau này) thương nghị với đại thần Hoảng Yêu, lợi dụng sự hiếu sắc tham tài của Trụ vương, cứu Cơ Xương thoát cảnh giam cầm.

Cơ Xương trở về, chọn Lã Thượng (hay Lã Vọng, tức Khương Thượng Tử Nha), 1 hiền sĩ văn võ kiêm toàn, lại am hiểu nội bộ nhà Thương, làm phò tá, tích cực chuẩn bị lật đổ nhà Thương.

Cơ Xương tiếp tục phát triển sản xuất, làm dân đủ no, nước mạnh thêm, tu đức hành thiện, thu phục nhân tâm. Bữa nọ, khi người ta đào mương thấy một bộ xương bị coi là vô chủ, Cơ Xương nói: “Ta làm chủ một nước, người chết kia là dân trong nước, sao lại bảo là bộ xương vô chủ?”. Cơ

Xương cho mai táng bộ xương chu đáo. Tiếng lành đồn xa, dân chúng đều nói: “Đến một năm xương còn được Tây bá ban ơn, hưởng hồ đối với người sống”. Từ đó nhiều nhân tài lũ lượt bỏ nhà Thương, đi theo Cơ Xương.

Khoảng năm 1070 trước Công Nguyên, Chu Văn vương qua đời, Cơ Phát nối ngôi cha, hiệu là Võ vương. Năm thứ hai sau khi lên ngôi, Chu Võ vương rước linh vị Văn vương tiến quân về phía đông, triệu các chư hầu thiên hạ tới hội minh. Quân đến Mạnh Tân (tỉnh Hà Nam), thì có 800 chư hầu đến hội minh, Võ vương chỉ huy binh mã chư hầu tiến hành diễn tập vượt sông, chuẩn bị diệt Trụ.

Tháng giêng năm 1066 trước Công Nguyên, Chu Võ vương triệu tập chư hầu, thống lĩnh hơn 300 binh xa, 3000 dũng sĩ, bốn vạn năm ngàn giáp sĩ, liên hợp các bộ lạc, tổng cộng trên 6 vạn người, vượt sông Diển Hà, tiến về Triều Ca. Trụ vương hoảng hốt tìm cách đôi phó. Nhưng quân chủ lực đang ở chiến trường đông nam xa xôi, Trụ vương miễn cưỡng tập hợp 17 vạn nô lệ và tù binh để ứng chiến.

Quân của Trụ vương tuy đông gấp mấy lần quân Chu, nhưng nô lệ và tù binh vốn căm hờn Trụ vương, vừa thấy quân Chu xông tới, liền bỏ chạy, nhiều người còn quay giáo đánh lại chủ nô. Trụ vương thấy tình thế đại bại, vội chạy về Triều Ca vận bộ long bào và bước lên giàn lửa tự thiêu.

“Pháp già, khúc chế, quan đạo, chủ dụng dã”

Pháp chế là chỉ cách tổ chức biên chế quân đội, quản lý tướng sĩ, quân nhu.

Tề Hoàn Công nuôi binh trong dân

Năm Chu Trang công thứ 12 (năm 685 trước Công Nguyên), công tử nước Tề là Tiểu Bạch giết anh mình là công tử Củ, lên ngôi vua xưng là Tề Hoàn công. Tề Hoàn công muốn phong cho Bao Thúc Nha là người có công, làm Thừa tướng, nhưng ông nhất quyết tiến cử Quản Trọng, vì cho rằng Quản Trọng tài giỏi, có thể phò tá Tề Hoàn công trị quốc xưng bá.

Vì muốn xây dựng nghiệp bá, Tề Hoàn công quên mối thù Quản Trọng từng giúp công tử củ, dùng tên bản mình, bằng lòng trọng dụng Quản Trọng.

Quản Trọng đề xướng chính sách xoá bỏ chế độ công điền, giảm nhẹ thuế má và hình phạt, thiết lập qui chế làm muối và bán muối, chế tác nông cụ, đúc tiền, chinh đốn vật giá, cho phép sĩ, nông, công, thương được góp ý kiến vào việc trị quốc.

Tề Hoàn công nghe xong, hỏi thêm: “Phương sách trị quốc của Trọng phụ thật là cao kiến, khiến cho quả nhân thoát khỏi bế tắc. Hiềm nỗi quân lực nước Tề còn yếu, khó bề uy phục bốn phương, mà muốn tăng quân lại không có tiền, chẳng hay Trọng phụ có cách gì?”

Quản Trọng đáp: “Xưa nay quân cốt tinh, không cốt đông, cốt mạnh về tâm chứ không cần mạnh về lực. Chỉ cần thiên hạ đồng tâm hiệp lực thì có thể giành chiến thắng. Bệ hạ nên ẩn cái danh mà trọng cái thực, có thể dùng cách nuôi binh trong dân. Đó là cách ít tốn kém mà hiệu quả cao, vừa xây dựng được một đội quân hùng mạnh mà ngoại bang lại không hay biết”.

Quản Trọng thấy Tề Hoàn công nghiêm trang lắng nghe, bèn tiếp: “Thần đã suy xét kỹ, cả nước Tề có thể chia thành 21 hương, trong đó công thương 6 hương, sĩ 15 hương. Công thương chuyên tâm kinh thương, tích lũy tiền của cho quốc gia, bãi miễn quân dịch. Sĩ hương tức nông hương, thời bình do giáp sĩ quản lý nông phu làm ruộng, thời chiến do giáp sĩ chỉ huy nông phu tác chiến. Cứ 5 nhà biên chế thành 1 quĩ, 10 quĩ là 1 lý, 4 lý thành 1 liên, 10 liên thành 1 hương, 5 hương thành 1 quân. Mỗi nhà cử 1 người, 5 người thành 1 ngũ, ngũ có quĩ trưởng, 200 người thành 1 tốt, tốt có liên trưởng, 2000 người thành 1 lữ, lữ có hương lương nhân’, 5 lữ, tức 1 vạn

người là 1 quân. 15 hương cộng có 3 vạn người, phân làm 3 quân. Như vậy, binh sĩ tức là nông dân, lúc thời vụ thì làm việc nhà nông, lúc nông nhàn thì luyện tập, khi chiến tranh bệ hạ có thể điều động, tập trung họ lại thành quân đội tác chiến, Trên chiến trường, mọi người vốn quen biết nhau, chiến đấu trong đêm tối họ cũng nhận ra giọng nói của nhau. 1 quân đội như thế, sống cùng vui, chết cùng buồn, phòng thủ thì kiên cố, chiến đấu thì hùng mạnh, đủ sức tung hoành thiên hạ”.

Tề Hoàn công khen hay và phong Quản Trọng làm Thừa tướng.

Quản Trọng lập tức áp dụng pháp chế nuôi binh trong dân, kiến lập quân đội. Năm Chu Hi vương thứ hai (năm 680 trước Công Nguyên), tại Quyên, nước Tề hội minh với 4 nước Tống, Trần, Vệ, Trịnh, bắt đầu xưng bá.

Trong thời gian Quản Trọng làm thừa tướng, Tề Hoàn công phía bắc chinh phục 2 tộc Nhung, Địch, phía nam trấn áp Kinh, Sở, trở thành đệ nhất bá chủ thời Xuân Thu, bảo vệ và phát triển ở mức nhất định nền văn hoá tiến bộ ở Trung nguyên. Khổng tử từng cảm khái thốt lên: “Nếu không có Quản Trọng, chúng ta hẳn đều bị bọn man di lãng nhục”.

“Hiệu chi dĩ kế, nhi sách kỳ tình. Viết: chúa thực hữu đạo ? Tướng thực hữu năng? Thiên địa thực đắc? Pháp lệnh thực hành? Binh chúng thực cường? Sĩ tốt thực luyện? Thường phạt thực minh? Ngô dĩ thử tri thắng phụ hĩ”.

Phải thông qua so sánh 7 tình huống đôi bên để xác định sự thắng bại của chiến cuộc. Đó là: Chúa bên nào có chính nghĩa? Tướng lĩnh bên nào có tài năng? Bên nào giành được thiên thời địa lợi? Pháp lệnh bên nào được chấp hành triệt để? Vũ khí trang bị bên nào tốt hơn? Sĩ tốt bên nào được huấn luyện thành thạo? Thường phạt bên nào công minh? Ta căn cứ vào đó, đủ biết ai thắng bại.

Tào Tháo đánh trận Quan Độ

Cuối thời Đông Hán, tại khu vực rộng lớn ở phía nam và bắc Hoàng Hà đã dần hình thành 2 tập đoàn lớn là Viên Thiệu và Tào Tháo. Đến năm Hán Hiến đế Kiến An thứ tư (năm 199), về cơ bản Viên Thiệu đã chiếm toàn bộ địa khu từ hạ du Hoàng Hà trở lên phía bắc, với lực lượng mấy chục vạn quân, khi cần có thể tiến đánh, khi lui có thể trấn giữ địa lợi.

Tháng 6/199, Viên Thiệu lựa 10 vạn tinh binh, 4 vạn chiến mã, dự định tiến xuống phía nam lấy thành Hứa Xương, lúc này là kinh đô của Hán Hiến đế, để tranh thiên hạ phía nam của mình.

Để giành quyền chủ động về chiến lược, tháng 8/199, Tào Tháo sai Tương Tạng Bá đem quân từ Lang Tà tiến vào Thanh Châu để kiềm chế Viên Thiệu, củng cố cánh phải đề phòng Viên Thiệu từ phía đông tập kích Hứa Xương.

Tháng 8/199, Tào Tháo lệnh cho tướng Bình Lỗ là Vu Cấm đem 2000 quân trấn giữ Diên Tân là bên sang ngang trọng yếu bên bờ nam Hoàng Hà (phía bắc huyện Diên Tân, tỉnh Hà Nam, nay đã bị vùi lấp), hiệp trợ thái thú Đông quận là Lưu Diên trấn giữ Bạch Mã, ngăn chặn quân Viên Thiệu vượt sông tiến xuống phía nam.

Tháng 9, Tào Tháo thấy Viên Thiệu đông quân hơn mình, Hoàng Hà lại trải dài ngàn dặm, khó bề phòng giữ chu đáo mọi chỗ, cũng không thể trải hết binh lực ra ngăn chặn suốt dòng sông, suy đi tính lại quyết định dồn chủ lực đóng tại Quan Độ để thu hút mũi tiến công chính diện của Viên Thiệu.

Tháng Chạp, giữa lúc Tào Tháo đang bố trí lực lượng chống Viên Thiệu, thì Lưu Bị dấy binh đánh Tào, chiếm Hạ Bì rồi cử người đi liên kết với Viên Thiệu hợp lực tiến công Tào Tháo. Tào Tháo lâm vào tình thế bị địch giáp công 2 mặt. Sau khi phân tích tình hình, Tào Tháo chủ trương trước đánh Lưu Bị, sau đánh Viên Thiệu.

Sau khi Tào Tháo đánh bại Lưu Bị, đem quân về Quan Độ, Viên Thiệu mới tính đánh Hứa Xương.

Tháng Hai năm Kiến An thứ năm (năm 200) Viên Thiệu tiến quân đến Lê Dương. Mưu sĩ Tuân Du kiến nghị với Tào Tháo hãy đem quân đi trước tới Diên Tân, giả bộ vượt sông đánh vào hậu phương Viên Thiệu, buộc Viên Thiệu phải chia quân ra ứng chiến; sau đó lại phái một lực lượng nhỏ gấp rút tiến công Viên Thiệu ở Bạch Mã, dương đông kích tây, đánh vào chỗ đối phương không phòng bị, thì có thể đánh bại Nhan Lương.

Tào Tháo nghe theo kế của Tuân Du, quả nhiên Viên Thiệu chia binh tới Diên Tân. Tào Tháo liền thừa cơ thống kình kỵ, phái Trương Liêu, Quan Vũ làm tiên phong, tiến gấp tới Bạch Mã.

Khi quân Tào còn cách Bạch Mã chừng mười dặm, Nhan Lương mới phát giác, vội vã đem quân nghênh chiến. Quan Vũ mau chóng áp sát quân của Nhan Lương, chém chết Nhan Lương. Quân Viên Thiệu thua to.

Sau khi giải vây cho Bạch Mã, Tào Tháo đưa dân chúng nơi đây men theo Hoàng Hà rút về phía tây. Viên Thiệu đem quân đuổi theo. Tào Tháo chỉ còn 600 kỵ binh phía nam Bạch Mã trong khi quân Viên Thiệu đông tới năm, sáu ngàn kỵ binh, đằng sau còn có bộ binh tám sát.

Tào Tháo hạ lệnh cho sĩ tốt cởi bỏ yên ngựa và quăng mọi của cải sang hai bên đường để dụ địch. Quả nhiên, quân Viên Thiệu tranh nhau thu nhặt của cải, bây giờ quân Tào đột nhiên nhảy lên mình ngựa phản công, cuối cùng đánh bại quân Viên Thiệu tại Bạch Mã, giết chết Văn Xú và an toàn trở về Quan Độ.

Viên Thiệu tuy gặp bất lợi, nhưng binh lực vẫn chiếm ưu thế so với quân Tào. Tháng 7, Viên Thiệu lại chuẩn bị tiến xuống phía nam đánh Hứa Xương. Tháng 8, chủ lực của Viên Thiệu tiếp cận Quan Độ lập doanh trại liên tiếp kéo dài mấy chục dặm từ đông sang tây. Tào Tháo cũng dựng trại đối diện với trại của quân Viên Thiệu.

Tháng 9, quân Viên Thiệu dựng lên các vọng lâu (đài quan sát), đắp đất cao như núi và sai cung thủ dùng tên bắn sang doanh trại quân Tào. Quân Tào phải dùng mộc che đỡ mới đi lại được.

Mưu sĩ Lưu Hoa bày kế với Tào Tháo dùng các xe bắn đá để bắn phá các vọng lâu của quân Viên Thiệu. Tào Tháo lập tức hạ lệnh cho thợ chế tạo xe bắn đá. Các xe bắn đá nhanh chóng được chế tạo, vừa đem dùng thử đã thấy

ngay uy lực. Các tảng đá bay sang phía doanh trại quân Viên Thiệu, rơi ầm ầm như sấm sét các vọng lâu cao ngất bị phá nát hoàn toàn.

Đôi bên cứ giằng co như vậy 3 tháng. Trong doanh trại quân Tào, tình hình ngày một khó khăn đúng như nhận định của Tư Thụ. Lương thực tiếp tế không đủ, binh sĩ dần dần mỏi mệt. Tào Tháo suy tính rằng nếu kéo dài tình trạng này sẽ bất lợi cho mình, định đem quân lui về Hứa Xương, bèn viết thư hỏi ý kiến của Tuân Úc.

Tuân Úc tuy ở Hứa Xương, nhưng nắm rõ tình hình ngoài mặt trận. Trong thư phúc đáp, Tuân Úc viết: “Quân ta chỉ đông = 1/10 đối phương mà đã chặn lấy yết hầu kẻ địch, không cho chúng tiến lên đã hơn nửa năm. Hiện quân Viên Thiệu đã mất 2 tướng, binh tuy đông nhưng thế công đã yếu. Lúc này nên tìm cơ hội xuất kỳ chế thắng, thần tốc đánh bại địch...”.

Niềm tin của Tuân Úc củng cố thêm lòng tin cho Tào Tháo. Khi được tin thám báo có mấy ngàn xe lương của Viên Thiệu đang chuyển vận về phía Quan Độ, Tào Tháo liền phái 2 tướng Từ Hoảng, Sử Mỗi đem binh đi đánh phá.

Hai tướng Từ, Sử bí mật xuất phát, chặn đoàn xe lương quân Viên Thiệu giữa đường. Tướng hộ tống vận lương là Hàn Mạnh không địch nổi phải bỏ chạy. Hai tướng Từ, Sử liền cho lính đốt toàn bộ mấy ngàn xe lương, khiến quân Viên Thiệu càng thêm khó khăn.

Sau đó, Viên Thiệu lại phái đoàn xe lương gấp rút đi tiếp tế, lần này sai đại tướng Thuần Vu Quỳnh dẫn hàng vạn lính hộ tống, đem chứa ở kho cố Thị và kho Ô Sào. Nhớ bài học đoàn xe lương bị đốt phá lần trước, Tư Thụ khuyên Viên Thiệu cử một đại tướng đem quân tới hiệp trợ Thuần Vu Quỳnh bảo vệ kho lương, đề phòng quân Tào tập kích, Viên Thiệu 1 lần nữa không nghe.

Mưu sĩ Hứa Du còn kiến nghị với Viên Thiệu: “Chủ lực của Tào Tháo hiện thời hoàn toàn đóng ở Quan Độ, thành Hứa Xương tất bỏ trống. Nếu ta dùng khinh binh lặng lẽ đem tập kích Hứa Đô, mượn tiếng phụng nghênh Hiến đế, dựa vào đó để thảo phạt thì có thể bắt sống Tào Tháo”. Viên Thiệu lại gạt đi.

Cùng lúc đó, Thẩm Phối bắt giữ gia quyến của Hứa Du, phao tin gia quyến Hứa Du phạm pháp. Hứa Du cả giận, liền bỏ doanh trại Viên Thiệu

mà sang hàng Tào Tháo. Được Tào Tháo hậu đãi, Hứa Du hiến kế: “Hiện nay hơn 1 vạn xe lương của Viên Thiệu chất tại Cô Thị và Ô Sào do Thuần Vu Quỳnh coi giữ. Nếu mình công dùng khinh binh tập kích bất ngờ, đốt hết lương thảo, thì nội 3 ngày chẳng đánh quân Viên Thiệu cũng tan”.

Kiến nghị của Hứa Du vừa hay lại vừa phù hợp với ý đồ tìm cơ hội xuất kỳ chế thắng của Tào Tháo. Do vậy, Tào Tháo coi trận tập kích ô Sào là trận đánh trọng yếu tới thắng bại toàn cục.

Tào Tháo đích thân dẫn 5000 quân mã, cầm cờ hiệu quân Viên Thiệu, người ngậm tăm, ngựa buộc miệng, mỗi người mang theo một bó cỏ, lợi dụng đêm tối theo đường nhỏ tới Ô Sào. Khi đến sau trại, quân Tào mới tức thời bủa vây và phóng hoả rồi xông lên chém giết, Thuần Vu Quỳnh không cản nổi, phải rút vào dinh lũy cố thủ.

Viên Thiệu được cấp báo kho lương Ô Sào bị đánh phá đã không nghe lời Trương Cáp nên “đi cứu Ô Sào”, mà lại đi nghe lời Quách Đờ “đi đánh doanh trại quân Tào, Tào Tháo tất phải đem quân về cứu”. Viên Thiệu sai hai tướng Cao Lãm, Trương Cáp đem quân đánh doanh trại quân Tào, chỉ phái một đội kỵ binh nhỏ đi cứu Ô Sào.

Quân vào báo với Tào Tháo là Viên Thiệu cho kỵ binh cứu viện sắp tới Ô Sào, xin được chia binh ra ngăn chặn. Tào Tháo đã có tính toán từ trước, chỉ đáp: “Bao giờ chúng đến sau lưng ta các người hãy báo!” Thế là sĩ tốt liều chết tấn công, giết Thuần Vu Quỳnh, đốt sạch kho lương.

Đại doanh của quân Tào kiên cố, phòng bị nghiêm ngặt, 2 tướng Cao Lãm, Trương Cáp đánh không nổi, phải rút về. Đồng thời tin kho lương Ô Sào bị thiêu trụi lan truyền trong quân Viên Thiệu, ai nấy dao động bàn tán xôn xao.

Bọn Quách Đờ sợ bị truy cứu trách nhiệm liền gièm pha đổ lỗi cho Trương Cáp. Trương Cáp trước nay một dạ trung thành bị đổ oan hết sức phần uất bèn cùng Cao Lãm sang hàng Tào Tháo. Quân Viên Thiệu náo loạn, sĩ khí sa sút hẳn.

Tào Tháo thừa thế chia quân làm ba đường tấn công Viên Thiệu. Sức chiến đấu của quân Viên Thiệu đã suy sụp lại không phối hợp được với nhau nên đại bại, bị tiêu diệt hơn 7 vạn quân.

“Thế giả, nhân lợi nhi chế quyền dã”

Nói lợi thế, tức là mượn điều kiện có lợi cho mình linh hoạt ứng biến, nắm chắc quyền chủ động tác chiến.

Tần vương chủ động diệt 6 nước

Giữa thế kỷ thứ tư trước CN, Tần Hiếu công trọng dụng Thương Ưởng, thay đổi phép tắc luật lệ, sau một thế kỷ phát triển, đến khi Tần vương Doanh Chính lên ngôi (năm 246 trước Công Nguyên), Tần đã trở thành một nước lớn, mạnh và giàu.

Năm Tần vương Chính thứ chín (năm 238 trước Công Nguyên), Doanh Chính 22 tuổi, bắt đầu nắm hết quyền hành, loại bỏ Thừa tướng Lã Bất Vi và Trường Tín hầu Lao Ái và các thế lực phản loạn, bắt đầu chế định chiến lược và sách lược thống nhất 6 nước.

Doanh Chính biết dùng người tài; bất kể là người Tần hay nước khác; nếu trung thành phục vụ Tần vương đều được trọng dụng. Như Lý Tư người Sở, Úy Liêu người Ngụy, được Doanh Chính giao cho chức Trưởng sử, Quốc úy, đã đề xuất cho ông sách lược thống nhất sáu nước.

Úy Liêu (tên Liêu, nhậm chức Quốc úy nhà Tần, nên xưng là Úy Liêu) cho rằng hiện thời quyết sách của sáu nước đều do các hào thần mỗi nước khống chế, mà những hào thần ấy vị nào cũng chỉ mưu lợi riêng, chẳng nghĩ gì tới sự hưng vong của quốc gia. Nếu nước Tần dùng châu báu mua chuộc, các người đó sẽ chịu sự sai khiến của Tần.

Lý Tư cho rằng trong sáu nước, Hàn là nước yếu nhất, lại ở sát phía Đông nước Tần, nên phải chiếm lấy trước tiên.

Tần vương Doanh Chính nghe lời, cho người đem vàng bạc châu báu đi ngay các nước du thuyết.

Sau hơn một năm hoạt động, Tần đã mua chuộc được nhiều hào thần các nước, biết được không ít những điều cơ mật về chính trị và quân sự của sáu nước.

Năm Tần vương Chính thứ 11 (năm 236 trước Công Nguyên) 2 nước Triệu, Yên đánh nhau, đại tướng Bàng Huyền của nước Triệu đem quân đánh Yên. Doanh Chính bàn với Lý Tư và Úy Liêu, quyết định tạm thời chưa đánh Hàn, mà thừa cơ nước Triệu bỏ trống, lấy danh nghĩa cứu nước Yên, chia quân 2 đường tiến công Triệu.

Điếu Nang vương nước Triệu nghe tin hai đạo quân Tần tiến đánh, muốn mời lão tướng Liêm Pha- trở lại cầm quân, liền sai thị vệ Đường Cửu mang tặng Liêm Pha một bức hoạ con nghê và bốn con ngựa khoẻ, dặn: “Nếu thấy lão tướng còn tráng kiện, thì hãy thỉnh lão tướng ra cầm quân”.

Mưu sĩ của nước Triệu là Vương Ngao làm nội ứng cho Tần, lén đến gặp sủng thần của vua Triệu là Quách Khai bàn cách ngăn cản không để Liêm Pha trở lại cầm quân.

Quách Khai mời Đường Cửu tới tư dinh, tặng Đường Cửu nhiều vật quý, yêu cầu Đường Cửu trở về tâu với nhà vua rằng Liêm Pha đã già yếu, không thể cầm quân đánh giặc.

Đường Cửu sau khi nhận tặng phẩm của Quách Khai, đến gặp Liêm Pha, về tâu với vua Triệu: “Liêm Pha còn có thể cưỡi ngựa, ăn thịt, nhưng đã mất hẳn khả năng khống chế đại tiểu tiện. Ngồi tiếp hạ thần trong thời gian ngắn mà phải 3 lần vào trong tiểu tiện”. Vua Triệu thờ dài: “Liêm Pha quả thật già yếu mất rồi! ”. Thế là không có ý định mời lão tướng nữa.

Lúc này 2 đạo quân của Tần đã đánh chiếm 9 thành của nước Triệu. Trong năm đó, vua Triệu là Điếu Nang vương vì lo buồn mà sinh bệnh từ trần, U Mậu vương Thiên là con lên nối ngôi.

Năm Tần vương Chính thứ 13 (năm 234 trước Công Nguyên) đại tướng của Tần là Hoàn Ý đánh quân Triệu đại bại tại Bình Dương, diệt 10 vạn quân, giết tướng Triệu là Hộ Triếp.

Vương Thiên vội cho gọi danh tướng Lý Mục đang chống Hung Nô về triều, phong làm đại tướng quân chống Tần. Năm sau, quân Tần lại đánh Nghi An. Lý Mục dẫn quân đến Ba Hạ, đánh bại quân Tần ở trận Ba Hạ. Để thưởng công, vua Triệu phong Lý Mục làm Võ An quân.

Năm Tần vương Chính thứ 15 (năm 233 trước Công Nguyên), công tử Hàn Phi nước Hàn kiến nghị với Doanh Chính: muốn thống nhất 6 nước, phải phá tan thế “hợp tung” của họ, trước hết đánh Triệu, Hàn; cô lập Sở, Ngụy; lôi kéo Tề, Yên; đợi lấy xong Triệu, Hàn sẽ tiêu diệt nước khác. Kiến nghị của Hàn Phi thể hiện trước đánh nước yếu, sau đánh nước mạnh, đánh từ gần đến xa, mỗi đối thủ có phương châm riêng. Doanh Chính nghe theo, linh hoạt ứng biến, tu sửa hoàn thiện phương châm định trước.

Thấy chưa thể diệt ngay Triệu, Doanh Chính tập trung đánh Hàn. Năm Tần vương Chính thứ 16 (năm 231 trước Công Nguyên), trước tình thế quân Tần ngày một lấn át, nước Hàn buộc phải dâng đất Nam Dương để cầu hoà. Tần phái Nội Sử Đẳng đem quân tới tiếp nhận.

Năm sau (năm 230 trước Công Nguyên), Nội sử Đẳng từ Nam Dương xuất quân đánh kinh đô Dương Địch, bắt sống Hàn vương An. Nước Hàn diệt vong, Tần đem đất Hàn đổi thành quận Dĩnh Châu. Trong khi đó, nước Triệu bị hạn hán nghiêm trọng, kinh tế khó khăn, dân chúng đói khổ, tình hình nguy ngập. Doanh Chính chớp thời cơ, 1 năm sau lệnh cho Vương Tiễn và Đao Hoà chia quân 2 đường tiến công nước Triệu.

Vương Tiễn tiến đánh đất Tinh Hình (tây Tinh Hình, tỉnh Hà Bắc). Đao Hoà bao vây kinh đô Hàm Đan của nước Triệu. Vua Triệu lệnh cho Võ An quân Lý Mục và tướng Tư Mã Thượng ngăn chặn quân Tần. Đôi bên đánh nhau cả năm, quân Tần vẫn không thắng được.

Lúc này mưu sĩ Vương Ngao của Tần lại nhận được mật lệnh đến đại doanh của lão tướng Vương Tiễn, nói: “Ý của Tần vương là lão tướng hãy viết một bức thư cầu hoà gửi cho Lý Mục của quân Triệu. Ta sẽ có cách làm cho Lý Mục thất bại”.

Vương Tiễn hiểu ra kế ly gián của Tần vương, liền sai sứ giả đem thư sang doanh trại của Lý Mục đề nghị giảng hoà. Lý Mục cũng phái người mang thư trả lời, đồng ý đàm phán. Thế là sứ giả đôi bên cứ thế đem thư qua lại, đôi bên tạm ngưng chiến.

Trong khi đó, tại kinh đô Hàm Đan, Vương Ngao luôn lui tới tư dinh của Quách Khai, nay tặng vàng, mai dâng ngọc, trở thành tri kỷ. Một bữa, Vương Ngao làm ra vẻ bí mật báo tin với Quách Khai: “Lý Mục giao hảo với Vương Tiễn, ước định với nhau là sau khi dẹp xong nước Triệu sẽ phong cho Lý Mục làm vua...”.

Quách Khai vội tâu với vua Triệu. Vua Triệu chưa tin, Quách Khai liền đề nghị nhà vua phái người đến quan sát doanh trại của Lý Mục quả nhiên thấy Lý Mục và Vương Tiễn có thư tín qua lại với nhau. Vua Triệu nghi ngờ, liền sai sứ giả mang chiếu chỉ đến đại bản doanh của Lý Mục, phong cho Triệu Thông làm đại tướng, buộc Lý Mục trao lại binh quyền cho Triệu Thông.

Lý Mục thờ dài: “Đúng là họ muốn đẩy ta vào tình cảnh của Liêm Pha”. Ông thừa biết Triệu Thông không phải là đối thủ của Vương Tiễn, nên không chịu giao quyền, đòi gặp vua Triệu. Sứ giả là tay chân của Quách Khai, liền lập mưu cùng Triệu Thông giết Lý Mục.

Năm Tần vương Chính thứ 19 (năm 288 trước Công Nguyên), Vương Tiễn tiếp tục đánh Triệu. Quân Triệu do thay chủ tướng, chỉ huy sai lầm, sĩ khí sa sút nên đại bại, Triệu Thông bị giết. Quân Tần thừa thắng tiến chiếm toàn bộ vùng đất phía đông Thái Hành Sơn, đến sát kinh đô Hàm Đan.

Quân Tần bao vây Hàm Đan, vua Triệu vô kế khả thi, chỉ ở trong cung uống rượu giải sầu. Quách Khai ngầm cho người đem thư tới Vương Tiễn, đề nghị Tần vương Doanh Chính thân chinh đến Hàm Đan, thì sẽ tận lực khuyên vua Triệu đầu hàng.

Tần vương Doanh Chính quả nhiên thân chinh tới Hàm Đan. Vua Triệu ở trên mặt thành nhìn thấy cờ hiệu của Tần vương thì kinh hoàng. Quách Khai nhân lúc ấy liền khuyên vua Triệu đem viên ngọc họ Hoà (ngọc quý) cùng bản đồ Hàm Đan dâng cho Tần vương thì sẽ không bị giết. Vua Triệu đành tự mang lễ vật, mở cửa thành ra hàng. Nước Triệu diệt vong.

Khi quân Tần đang diệt Triệu, Vương Tiễn đã điều một lực lượng tập kết ở Trung Sơn, gần biên giới nước Yên. Thái tử Đan, nước Yên thấy khó bề chống nổi, liền kết giao với các dũng sĩ, tổ chức ám sát Tần vương Doanh Chính.

Năm Tần vương Chính thứ 20 (năm 227 trước Công Nguyên), Thái tử Đan phái Kinh Kha và Tần Vũ Dương đi sứ sang Tần, vờ hiến bản đồ nước Yên, kỳ thực nhằm thừa cơ ám sát Doanh Chính. Kinh Kha đến kinh đô Hàm Đan của Tần, khi dâng địa đồ liền rút dao đâm Doanh Chính, nhưng chưa đâm trúng thì đã bị giết. Doanh Chính liền hạ lệnh cho Vương Tiễn và Tân Thắng đem quân chinh phạt nước Yên. Không lâu sau Vương Tiễn chiếm được Kế Đô của nước Yên.

Doanh Chính muốn bắt Thái tử Đan là kẻ đã phái người đi ám sát mình, liền hạ lệnh cho tướng Lý Tín đem quân truy kích, đánh bại quân Yên tại Diễn Thủy. Vua Yên hết đường, bèn giết Thái tử Đan để tạ tội với Tần vương và cầu hoà, nhưng Doanh Chính hạ lệnh đánh tiếp xuống phía nam, lập nước Yên mới.

Đại bộ phận đất đai nam bắc Hoàng Hà đã bị Tần khống chế, chỉ còn trợ nước Ngụy ở vùng trung hạ du. Năm Tần vương Chính thứ 22 (năm 225 trước Công Nguyên), Doanh Chính phái con trai của lão tướng Vương Tiễn là Vương Bôn đánh Ngụy.

Ngụy vương vội cho tu sửa thành trì, đào hào sâu quanh thành, đồng thời sai sứ sang cầu cứu Tề. Nhưng đại thần Hậu Thắng nói với vua Tề: “Nếu cứu viện Ngụy, hậu quả sẽ khó lường”. Nên Tề không xuất binh cứu Ngụy.

Vương Bôn liên tiếp chiến thắng, nhanh chóng tiến tới kinh đô Đại Lương nước Ngụy, bao vây. Quân Ngụy liều chết giữ thành.

Mùa mưa đến, nước sông dâng cao. Vương Bôn liền cho dẫn nước sông Hoàng Hà vào thành. Thành Đại Lương bị ngập lụt ba ngày, tường thành nhiều chỗ sứt lở. Quân Tần theo đó vào thành, bắt sống vua Ngụy. Nước Ngụy diệt vong.

Sau khi diệt Hàn, Triệu, Ngụy; Doanh Chính lại chuẩn bị đánh Sở. Lão tướng Vương Tiễn tâu nước Sở hùng mạnh, phải có 60 vạn quân mới thắng được, còn tướng trẻ Lý Tín tâu rằng chỉ cần 20 vạn. Doanh Chính liền phong Lý Tín làm đại tướng, Mông Điền làm phó tướng, đem quân đánh Sở. Vương Tiễn cáo bệnh về nhà dưỡng lão.

Lý Tín đánh mấy trận đầu thắng lợi, chủ quan là tình thế thuận lợi. Không ngờ sau đó, Sở cử đại tướng Hạng Yên đem 20 vạn binh mã dùng chiến thuật mai phục, đánh bại quân Tần. Doanh Chính liền thân chinh đến nhà Vương Tiễn mời ông ra cầm quân, cấp cho ông 60 vạn quân. Vương Tiễn lần này xuất quân đánh bại đại quân của Hạng Yên.

Năm sau, Vương Tiễn cùng lão tướng Mông Võ (cha của Mông Điền) đem quân tiếp tục tiêu diệt lực lượng còn lại của quân Sở, bắt sống Sở vương Phụ Sô. Nước Sở diệt vong.

Diệt Sở xong, Vương Bôn thay cha làm đại tướng, viễn chinh Liêu Đông, bắt sống vua Yên, tiêu diệt tàn quân của công tử Giá nước Triệu. Như vậy, 6 nước chỉ còn có Tề. Lúc này vua Tề mới khẩn trương, vội vã tập trung quân đội tại phía tây nước Tề, chuẩn bị chống đỡ.

Năm Tần vương Chính thứ 26 (năm 221 trước Công Nguyên), để tránh quân chủ lực của Tề ở phía tây, Vương Bôn đem đại quân tiến thẳng từ bắc xuống nam, tới tận kinh đô Lâm Tri. Đồng thời, Tần lại phái sứ giả đến đàm

phán với vua Tề, hứa cấp đất, phong tước. Trước tình thế đại quân đôi phương ở sát nách và sự dụ dỗ về chính trị, vua Tề đầu hàng. Nước Tề diệt vong.

Tần vương Doanh Chính xưng đế, lấy niên hiệu Tần Thủy Hoàng chấm dứt cục diện cát cứ và phân tranh hỗn loạn của các chư hầu, lập nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc.

“Năng nhi thị chi bất năng ”.

Có thể đánh mà làm như không thể đánh.

Mạo Đốn mạnh mà giả yếu

Sau khi Hán Cao Tổ Lưu Bang thống nhất Trung Quốc, tộc Hung Nô ở phía bắc ngày một lớn mạnh, đe dọa vương triều Tây Hán mới được kiến lập.

Mùa đông năm Hán Cao Tổ thứ bảy, Hán Cao Tổ đem quân chinh phạt. 32 vạn quân Hán lần lượt tiến lên phía bắc. Tướng Hung Nô là Mạo Đốn liền sai Tả Hiền vương và Hữu Hiền vương mang hơn một vạn thiết kỵ tiến xuống phía nam. Quân Hung Nô đến Tân Dương thì gặp quân Hán. Hai bên đánh 1 trận, quân Hung Nô đại bại. Quân Hán truy kích đến Ly Thạch (tỉnh Sơn Tây) lại đánh thắng quân Hung Nô, thu rất nhiều đàn gia súc mà Hung Nô vứt bỏ, mới dừng lại.

Sau đó Hung Nô lại tập trung quân tại phía tây bắc Lâu Phiên (Ninh Vũ, tỉnh Sơn Tây). Hán Cao Tổ lệnh cho xa kỵ tiến công mạnh, quân Hung Nô phải rút lui, quân Hán thừa thắng tiến lên phía bắc. Hán Cao Tổ vui mừng vì thắng lợi liên tiếp, định giải quyết luôn một lần cả thù trong lẫn giặc ngoài, bèn phái gián điệp đi thăm dò thực lực nội bộ Hung Nô.

Mạo Đốn biết vậy, liền để cho gián điệp của quân Hán thâm nhập vào nội địa, còn mình giấu diếm lực lượng mạnh, chỉ để lộ những cánh quân giả yếu ở bên ngoài. Gián điệp của quân Hán trở về tâu với Hán Cao Tổ những điều tai nghe mắt thấy và nói quân Hung Nô yếu kém, tan rã, có thể tiến đánh dễ dàng.

Hán Cao Tổ nghe vậy liền đích thân dẫn đại quân xuất phát từ Tân Dương, trước khi lên đường lại phái Phụng Xuân Quân Lưu Kính đi trước để thăm dò hư thực một lần nữa.

Suốt dọc đường tiến binh, hễ gặp binh mã của Hung Nô, quân Hán chỉ mới hò hét, binh mã của Hung Nô đã bỏ chạy tán loạn; đại quân dễ dàng vượt qua Cú Trú Sơn (tây bắc huyện Đại, tỉnh Sơn Tây). Lúc này, Lưu Kính phụng mệnh đi trước thám thính quay trở về. Hán Cao Tổ vội hỏi: “Việc đánh Hung Nô dễ dàng phải không?”. Lưu Kính đáp: “Thần cho rằng chớ nên khinh địch mà tấn công”.

Hán Cao Tổ hỏi: “Vì sao?”. Lưu Kính đáp: “Hai nước giao tranh, lẽ ra nên giữu võ giương oai, phô trương lực lượng của mình, nhưng binh mã Hung Nô toàn là bọn tàn quân già yếu, chẳng tỏ ra một chút sĩ khí, thần cho rằng đó là đối phương giả trá, bệ hạ nên thận trọng”.

Hán Cao Tổ đang muốn đánh, thấy Lưu Kính can ngăn nên nổi giận, lệnh bắt Lưu Kính đưa về Quảng Võ (tây nam huyện Đại, tỉnh Sơn Tây) hạ ngục, chờ đánh xong trở về sẽ trị tội.

Hán Cao Tổ đem binh mã tiến công, chỉ muốn đánh nhanh thắng nhanh, lệnh cho Thái Bộc Hạ Hầu Anh gấp rút tiến quân, khiến chỉ còn kỵ binh theo kịp, bộ binh bị tụt lại phía sau. Khi quân tới Bình Thành, binh mã Hung Nô tràn ra vây kín. Đồi bên giao chiến hồi lâu chưa phân thắng bại, vừa hay có Mạo Đốn chỉ huy kỵ binh Hung Nô kéo đến. Quân Hán vừa phải hành quân gấp rút, đói khát, lại vừa trải qua một trận kịch chiến, tình thế thật khó khăn. Hán Cao Tổ thấy vậy nhìn quanh, thấy góc đông bắc Bình Thành có một ngọn núi lớn tên là Bạch Đẳng Sơn, vội hạ lệnh phá vây, rút lên núi, dựng lũy đá ở đường lên núi, liệu chết chống cự.

Quân Hung Nô mấy phen xông lên núi đều không được. Mạo Đốn chia quân làm bốn cánh vây kín quanh núi. Đây chính là nơi Mạo Đốn đã chọn làm cái bẫy để tiêu diệt quân Hán.

Hán Cao Tổ chỉ mong hậu quân của mình đến giải vây, nhưng hậu quân Hán tụt hậu đã bị bốn mươi vạn quân Hung Nô chặn kín các nẻo đường dẫn tới Bạch Đẳng Sơn nên không tiếp cận được với tiền quân của Hán Cao Tổ.

Hán Cao Tổ bị vây khốn bảy ngày bảy đêm trên Bạch Đẳng Sơn, may có mưu sĩ Trần Bình hiến kế, phái người đem nhiều vàng bạc châu báu dâng cho ái thiếp của Mạo Đốn, nhờ nói giùm với Mạo Đốn. Mạo Đốn nể vợ, nói lỏng vòng vây, chừa 1 góc cho Hán Cao Tổ chạy thoát.

Hán Cao Tổ đem quân trở về, qua Quảng Võ liền ghé vào thăm Lưu Kính và nói: “Trẫm vì không nghe lời khanh nên mới bị trúng gian kế của bọn Hung Nô, thật xấu hổ khi gặp lại khanh”. Đoạn phong cho Lưu Kính chức quan Nội hầu và hai ngàn hộ dân.

“Dụng nhi thị chi bất dụng ”

Muốn đánh mà làm như không cần đánh.

Địch Thanh giả bộ nghỉ ngơi

Đời Tống Nhân Tông, năm Hoàng Thạch thứ nhất (năm 1049), thủ lĩnh dân tộc thiểu số Quảng Tây là Nùng Trí Cao khởi binh chống nhà Tống, đánh thành chiếm đất, giết quan địa phương, làm chấn động cả vùng Lĩnh Nam.

Vua Tống phái tướng Trương Trung, Tưởng Giai đem quân đi trấn áp. Cả 2 vì khinh địch mà thất bại; lại phái Tôn Miến, Dư Tịnh đi dụ hàng cũng vô ích. Tống Nhân Tông hết sức lo buồn. Năm Hoàng Thạch thứ tư (năm 1052), danh tướng nhà Tống là Địch Thanh lãnh binh chinh phạt. Tống Nhân Tông cử Địch Thanh làm Tuyên Huy Nam Viện Sứ, thống nhất chỉ huy quân Lĩnh Nam.

Vì khi hành quân, mỗi ngày chỉ đi một chặng đường vừa phải, đến mỗi châu thành lại nghỉ một ngày, cho nên khi tới Tân Châu quân lính vẫn mạnh khoẻ, sĩ khí hăng hái.

Bấy giờ Nùng Trí Cao đóng quân tại Ung Châu (bờ nam sông Nam Úc, huyện Nam Ninh tỉnh Quảng Tây), dựa vào ải Côn Luân để chống quân Tống. Vị trí ải Côn Luân nằm ở tây nam Tân Châu, là cửa ải hiểm yếu, dễ thủ khó công.

Năm Hoàng Thạch thứ 5 (năm 1053) trung tuần tháng Giêng, đại quân Tống đến Tân Châu đúng vào dịp tết Nguyên tiêu. Địch Thanh cho toàn quân nghỉ 10 ngày chờ lệnh, lại còn cho mở yến tiệc 3 ngày. Ngày thứ nhất vào rằm tháng Giêng. Tối hôm đó trăng sáng vắng vạc, cả thành Tân Châu treo đèn kết hoa, náo nhiệt vui vẻ khác thường. Địch Thanh đích thân chủ trì yến tiệc, mời các chư tướng uống rượu thoải sức.

Hôm sau Địch Thanh lại đích thân chủ trì yến tiệc, nhưng lần này chỉ mời toàn các phó tướng. Tiệc đến tận canh hai, đột nhiên mây đen kéo tới che lấp cả mặt trăng, mưa trút ầm ầm. Địch Thanh bỗng hai tay ôm bụng, nói là cảm thấy không khoẻ, xin lui vào nghỉ. Lát sau, Địch Thanh cho người ra chuyển lời: “Nguyên sư thỉnh tướng quân Tôn Miến thay mặt tiếp rượu, chờ nguyên sư uống thuốc và nghỉ ngơi xong sẽ lại ra tiếp đãi quan khách”.

Chờ đến canh 5, trời sắp sáng vẫn chưa thấy Địch Thanh trở lại bàn tiệc. Đến lúc mọi người đều buồn ngủ, có quân chạy vào báo tin : “Canh ba đêm nay, nguyên sư đã chiếm được ải Côn Luân!

Thì ra, Địch Thanh sớm đã tính rằng nếu chỉ bằng sức mạnh thì không thể chiếm được ải Côn Luân. Sau khi đến Tân Châu, tuy có thể lập tức tấn công, nhưng ông hạ lệnh cho quân sĩ nghỉ ngơi 10 ngày, bày yến tiệc ba ngày để đối phương mất cảnh giác. Quả nhiên, quân do thám của địch báo về là quân Tống đang nghỉ ngơi, chưa tiến công ngay, nên địch lơ là phòng bị.

Đến ngày Rằm tháng Giêng, mọi việc chuẩn bị xong. Khi Địch Thanh rời bàn tiệc để hạ lệnh hành động, quân lính giữ ải Côn Luân vẫn tưởng quân Tống đang say sưa yến tiệc, nên cũng tụ tập ăn nhậu. Địch Thanh đích thân dẫn quân đội mưa gió, men theo đường nhỏ, trong đêm tối tiến sát cửa ải mà quân trên ải vẫn không hay biết. Địch Thanh phát lệnh xông lên chém giết. Một trận ác đấu diễn ra, cuối cùng quân Tống chiếm được cửa ải trọng yếu này. Đường tiến quân xuống phía nam đã rộng mở, quân Tông thừa thắng tiến thẳng xuống Ung Châu.

Nùng Trí Cao nghe tin Côn Luân thất thủ, liền chiếm giữ địa hình có lợi, từ trên cao nhìn xuống, bày trận nghênh chiến.

Địch Thanh bố trí bộ binh ở mặt trước, kỵ binh hộ vệ hai bên, tấn công mấy ngàn quân của Nùng Trí Cao, quân Nùng Trí Cao bỏ chạy tan tác. Quân Tống toàn thắng.

“Cận nhi thị chi viễn”

Muốn đến gần mà làm như lùi xa.

Việt Vương nghi binh phá quân Ngô

Năm Chu Kính vương thứ 42 (năm 478 trước Công Nguyên), nước Ngô bị hạn nặng, kho lương dốc cạn, dân chúng chết đói vô số. Câu Tiễn cho rằng thời cơ đã tới, cất binh đánh Ngô.

Tháng 3, đại quân Câu Tiễn kéo đến Lạp Trạch. Vua Ngô là Phù Sai nghe tin, vội đem quân nghênh chiến. Đồi bên bày trận ở 2 bờ sông Nam Bắc, quân Ngô ở phía Bắc, quân Việt ở bờ Nam.

Câu Tiễn thấy binh mã quân Ngô không ít hơn quân mình, liền bàn với Phạm Lãi, Văn Chủng dùng kế nghi binh, Phạm Lãi chỉ huy hữu quân tiến lên mạn ngược, Văn Chủng chỉ huy tả quân tiến xuống mạn xuôi. Chiều tối, sau khi ăn, hai đạo quân tả hữu chia ra ẩn ở mé sông.

Đến nửa đêm, hai đạo quân của Phạm Lãi và Văn Chủng cùng hò reo và chiêng trống âm âm. Phù Sai tưởng quân Việt chia làm hai đường vượt sông, liền phân binh thành 2 đạo nghênh chiến.

Nhân lúc quân Ngô đã toả ra hai phía cách xa nhau, Câu Tiễn thống lĩnh quân chủ lực vượt sông tấn công bất ngờ. Tại đây, lực lượng quân Ngô quá mỏng nên bị đánh bại. Quân Việt thừa thắng truy kích đến tận Mạt Ấp (nam huyện Ngô, tỉnh Giang Tô).

Hai đạo tả hữu quân Ngô vội vã quay trở lại cứu viện, nhưng vì gấp gáp mệt mỏi nên cũng đại bại, phải tháo chạy. Quân Việt truy kích đến kinh đô Thành Giao của Ngô thì đuổi kịp. Trong lúc đó, hai cánh của Phạm Lãi và Văn Chủng đã kịp vượt sông hợp với trung quân, bao vây quân Ngô, đánh quân Ngô thảm bại. Phù Sai chỉ còn một ít tàn quân, đành lui vào đóng cửa thành cố thủ.

“Viễn nhi thị chi cận”

Muốn lùi ra xa mà làm như tới gần.

Hàn Tín đánh lừa Ngụy Báo Vương

Tháng Sáu năm Hán Cao tổ thứ hai (205 trước Công Nguyên), mẫu thân của Ngụy Báo vương bị bệnh nặng, Ngụy Báo vương tâu với Lưu Bang xin được về nhà thăm nom. Lưu Bang thấy lời xin hợp đạo nghĩa, liền chấp thuận và định kỳ hạn để Ngụy Báo vương trở lại. Nào ngờ Ngụy Báo vương sau khi vượt qua Hoàng Hà liền phản lại Hán vương mà liên kết với Sở.

Ngụy Báo vương chiếm cứ Hà Đông (tỉnh Sơn Tây), tiến sang phía tây có thể uy hiếp Quan Trung, xuống phía nam có thể cắt đứt sự liên hợp giữa Quan Trung với Huỳnh Dương, cùng với quân sở tạo thành thế gọng kìm uy hiếp Huỳnh Dương. Lưu Bang hay tin Ngụy Báo vương làm phản, cử Hàn Tín làm Tả Thừa tướng, cùng 2 tướng Tào Tham và Quán Anh đem quân hỏi tội.

Hàn Tín đem quân đến Lâm Tấn Quan, nhìn sang phía đối diện, thấy quân Ngụy bày trận san sát, không thể vượt sông, bèn chọn nơi hạ trại. Hàn Tín lệnh Tào Tham đem binh sĩ lên rừng chặt cây lấy gỗ, bất kể cây lớn cây nhỏ, càng nhanh càng tốt. Đoạn lại lệnh cho Quán Anh sai binh sĩ đến các chợ mua vài ngàn chiếc vò, vại, chum đem về, không được chậm trễ. Hai ngày sau, Tào Tham và Quán Anh làm xong phần việc được giao.

Tiếp đó, Hàn Tín yêu cầu họ làm bè và hướng dẫn cách làm bè gỗ ghép với chum vại. Mấy hôm sau, toàn bộ công việc đã hoàn thành.

Nghe tin bè mảng đã làm xong, Hàn Tín đích thân kiểm tra. Đến tối, ông lệnh cho Quán Anh cùng vài ngàn binh sĩ ở lại bến Lâm Tấn, làm như chuẩn bị vượt sông, để thu hút sự chú ý của quân Ngụy, còn ông cùng với Tào Tham, nửa đêm tổ chức đưa các bè mảng xuống Hạ Dương cho quân lính vượt sông.

Ngụy Báo vương chỉ chú ý tới tình hình ở bến Lâm Tấn, vì cho rằng phía thượng du quân Hán không hề có thuyền nên chẳng thể vượt sông. Do vậy, quân Hàn Tín sang sông không gặp trở ngại gì, khi tiến sát tới Đông Trương, gặp doanh trại quân Ngụy, Tào Tham dẫn quân xông vào chiếm An Ấp, hậu phương quân Ngụy. Hàn Tín khích lệ quân sĩ thừa thắng tiến quân công phá kinh đô Bình Dương của nước Ngụy.

Ngụy Báo vương ở Bình Dương nghe tin An Ấp thất thủ, vội đem quân ra ngoài thành nghênh chiến, nhưng chẳng mấy chốc đã thua, vội ôm đầu tháo chạy.

Quân Hán truy đuổi đến Đông Viên (tây Viên Khúc, tỉnh Sơn Tây) thì vây kín quân Ngụy lại. Hàn Tín ra lời kêu gọi, quân Ngụy liền vứt giáo qui hàng. Ngụy Báo vương hết đường chạy trốn, đành xuống ngựa khoanh tay chịu trói.

"Lợi nhi dụ chi "

Địch tham lợi thì đem lợi mà nhử.

Khuất Hà như quân Giáo

Năm 702 trước Công Nguyên, Sở Võ vương thân chinh đem quân đánh nước Giáo. Đại quân hạ trại tại phía nam thành nước Giáo. Quân Sở công phá mãnh liệt, nhưng gặp phải sự chống cự kiên cường của quân trong thành, tấn công mấy trận dữ dội vẫn chưa hạ nổi.

Sở Võ vương buồn rầu ngồi một mình trong trướng uống rượu. Khuất Hà vào yết kiến, tâu: “Thần có một kế khả dĩ dụ địch ra khỏi thành”, Sở vương cả mừng, sai tả hữu lui ra ngoài, một mình mật nghị với Khuất Hà.

Sáng hôm sau, 1 đoàn phu dịch nước Sở đi vòng qua Giáo thành lên dãy núi phía bắc chặt cây làm củi, đến chiều từng tốp, từng tốp lẻ tẻ lại gánh củi về doanh trại, hoàn toàn không có binh sĩ hộ tống. Quân canh giữ thành Giáo lấy làm lạ, liền mời vua ra xem rồi xin được xông ra bắt sống phu dịch. Nhưng vua nói: “Không được! Đây là kế của quân Sở dụ ta ra ngoài thành, chớ mắc mưu”.

Liên tiếp mấy ngày sau, quân Sở vẫn tiếp tục cho phu dịch lên núi chặt củi và gánh về doanh trại. Trong thành Giáo bị vây đã lâu, củi cũng sắp cạn. Vua Giáo lúc này cũng tin rằng quân Sở lên núi kiếm củi là để tính kế lâu dài, liền cho quân xông ra bắt phu dịch của quân Sở để cướp củi. Quân Giáo chỉ chờ có thế, liền xông ra bắt được 30 phu dịch người Sở.

Hôm sau, quân Sở vẫn tiếp tục cho phu dịch lên núi kiếm củi. Quân Giáo thấy vậy lại tranh nhau xông ra bắt phu dịch. Quân Sở đã bố trí phục binh từ sớm ở phía ngoài cửa bắc thành Giáo. Đợi quân Giáo ra khỏi thành một lúc, tiếng trống trận liền nổi lên, tiếng hô dậy đất. Quân Giáo cuống cuồng chạy về thành nhưng bị phục binh quân Sở đổ ra chém giết và bắt sống rất nhiều. Nước Giáo nhỏ bé, chỉ một trận bị thiệt hại nặng, đành chịu nhục làm thuộc quốc cho Sở.

“Loạn nhi thủ chi ”

Địch rối loạn thì thừa cơ tiến đánh.

Thốc Phát Nộc Thiện làm rối loạn quân Hậu Tần

Tháng 3 năm Đông Tấn Nguyên Hưng thứ nhất (năm 402), Thốc Phát Lợi Lộc Cô của dân tộc Tiên Ti tạ thế, em trai là Thốc Phát Nộc Thiện kế vị, dời đô về phía đông, tới Lạc Đô (tỉnh Thanh Hải), xưng hiệu Lương vương, sử gọi là Nam Lương.

Năm Nguyên Hưng thứ ba (năm 404), Hậu Tần vương Diêu Hưng sai sứ giả đến đe dọa Thốc Phát Nộc Thiện. Thốc Phát Nộc Thiện sợ uy thế Hậu Tần, đành khuất phục cầu hoà, tạm bỏ niên hiệu Lương vương.

Mùa hè năm 406, Thốc Phát Nộc Thiện đem thuộc hạ đến vùng sa mạc gần thành Cô Tạng, bề ngoài làm như nghe lệnh Hậu Tần, kỳ thực để huấn luyện binh mã, rửa cái nhục phải bỏ niên hiệu, chuẩn bị tái lập Vương quốc Nam Lương.

Tháng 5 năm Nghĩa Hy thứ tư (năm 408), Hậu Tần vương Diêu Hưng không an tâm về Thốc Phát Nộc Thiện, cử binh đánh Cô Tạng. Quan thượng thư là Lang Vi Tông can: “ Nộc Thiện mưu thâm chí lớn, không phải hạng tầm thường, không nên viễn chinh”. Hậu Tần vương không nghe, nói: “Quả nhân đã có diệu kế”.

Diêu Hưng cử con trai mình là Diêu Bất lĩnh 3 vạn quân đến Cô Tạng, phái Tả Bộc Xạ Tề Nan đem hai vạn kỵ binh chinh phạt Hạ vương Hách Liên Bột Bột.

Diêu Hưng cho người đem thư tới Thốc Phát Nộc Thiện giải thích rằng Hạ vương Hách Liên Bột Bột phản nghịch nên phải đem đại quân đi trừng phạt, Diêu Bất đến Hà Tây để chặn đường rút chạy của quân Hạ về phía tây mà thôi.

Thốc Phát Nộc Thiện cũng vờ nghe lời Diêu Hưng, nhưng ngầm sai thủ hạ thân tín dò xét hành động của quân Hậu Tần. Không lâu, bắt được mấy tên mật sứ của Hậu Tần vương, Nộc Thiện đích thân hỏi cung, được biết trong nội bộ của mình có kẻ làm nội ứng cho Hậu Tần vương. Nộc Thiện cả giận đem từng tên nội ứng ra tra xét rồi xử tử hết để trấn an lòng quân. Lúc này, đại quân của Diêu Bất đã hạ trại ở đồng cỏ phía tây Cô Tạng, chuẩn bị đánh thành.

Thốc Phát Nộc Thiện đứng trên thành quan sát thế trận của quân Hậu Tần, chỉ thấy trên đồng cỏ mênh mông doanh trại quân địch san sát trải dài hàng chục dặm, lũy cao hào sâu, giáp trụ lấp lánh, thanh thế hùng mạnh. Bộ hạ của Nộc Thiện đã có vẻ kinh sợ nhưng Thốc Phát Nộc Thiện đã sẵn kế trong đầu. Ông lệnh cho 10 viên tướng đem quân đi mai phục ở phía sau doanh trại quân Hậu Tần. Sau đó lệnh các quận huyện sở thuộc dồn nhiều đàn dê cừu tới ngoại vi thành Cô Tạng.

Tả hữu nghe lệnh lấy làm lạ, Thốc Phát Nộc Thiện mỉm cười, nói: “Quân địch từ xa đến đây, kỷ luật nghiêm chỉnh, quân đông tướng nhiều, phải làm cho chúng hỗn loạn mới mong đánh thắng”. Mọi người thán phục, liền đi chuẩn bị.

Những đàn dê cừu lớn được dồn đến gần phía sau doanh lũy quân Hậu Tần. Đại tướng của quân Hậu Tần là Liềm Thành cho rằng quân Nam Lương chưa đánh đã loạn, bèn hạ lệnh cho quân sĩ bắt cừu, ai bắt được nhiều sẽ được thưởng công. Binh lính thấy thế tranh nhau ra đuổi bắt, doanh trại lập tức hỗn loạn. Diêu Bật muốn ngăn lại đã không kịp nữa.

Thốc Phát Nộc Thiện thấy quân địch đã trúng kế, liền đứng trên thành bắn pháo hiệu. Mười viên tướng mai phục sẵn lập tức dẫn kỵ binh đánh vào doanh trại quân Hậu Tần. Quân Hậu Tần đã rối loạn, không kịp bày trận, chết vô số, tàn binh ôm đầu tháo chạy.

Hậu Tần vương Diêu Hưng thấy con trai thất trận trở về, thở dài ngao ngán, nói với Thượng thư Vi Tông: “Quả nhân hối hận đã không nghe lời hiền khanh, mới ra nông nỗi này”.

Tháng 11 năm đó, trước sự bái lạy hoan hỉ của bá quan, Thốc Phát Nộc Thiện lên ngôi vị Nam Lương vương một lần nữa.

“Thực nhi bị chi”

Lực lượng địch hùng mạnh, thì phải chú ý đề phòng.

Thạch Đạt Khai phòng thủ nhiều lớp, đánh tan quân Tương

Để kiểm soát thượng du Trường Giang, bình định nốt Giang Nam, tháng 5 năm Thanh Hàm Phong thứ ba (năm 1853), Thiên vương Hồng Tú Toàn ra lệnh cho các tướng Hồ Dĩ Hoảng và Lại Hán Anh đem hơn 1000 chiến thuyền tiến về phía tây đánh quân Tương. Nhưng đến tháng 8 năm sau, quân Thái Bình liên tiếp thua, mất hàng ngàn dặm đất, phải rút khỏi Hồ Nam. Để xoay chuyển tình thế, Hồng Tú Toàn lệnh cho danh tướng Dực vương Thạch Đạt Khai đem quân cứu viện.

Thạch Đạt Khai tiến đến Hồ Khẩu, Mai Gia Châu (thuộc bờ nam Trường Giang, phía tây Cửu Giang), thì thủy quân của quân Tương do Tăng Quốc Phiên lãnh đạo đã vượt qua Cửu Giang xông tới, tình thế nguy hiểm.

Thạch Đạt Khai cùng chư tướng thấy hạm đội địch xếp đội hình nghiêm chỉnh, những chiến thuyền rộng lớn ở giữa chỉ huy, các con thuyền nhỏ ở ngoài tác chiến linh hoạt như con thoi, trên các thuyền rồng có lắp đại bác phương Tây.

Thạch Đạt Khai nói: “Quân địch tinh nhuệ đang lúc mạnh nhất, thủy quân mạnh mẽ, nhất thời ta chưa thắng thế nổi. Tạm thời đắp lũy kiên cố phòng thủ, đợi cơ hội xuất kích mới thắng được”. Các tướng lập tức tổ chức bố phòng và khẩn trương xây dựng, tu sửa và củng cố công sự. Quân Thái Bình dưới nước thì dựa vào hệ thống bè mảng, trên bộ thì có thành lũy phòng thủ nghiêm mật, sẵn sàng chờ địch.

Ban ngày, quân Tương tiến vào Hồ Khẩu liều mạng tấn công, không xông được vào bên trong, bị thương vong nặng nề.

Buổi tối, trên 100 chiến thuyền nhỏ của quân Thái Bình chia thành nhiều tốp, tiến đến gần doanh trại thủy quân của quân Tương, nhúng củi vào dầu, châm lửa rồi ném đuốc sang thuyền địch. Cùng lúc đó, quân Thái Bình ở hai bên bờ đánh trống reo hò liên tục, khiến quân Tương ăn không ngon, ngủ không yên, vô cùng mệt mỏi, bèn quyết đánh gấp để thoát cảnh khó khăn.

Một ngày khác, quân Tương phối hợp thủy bộ cùng tấn công Hồ Khẩu. Chúng quyết lao thuyền vào phá bè mảng, tuy bị thương vong vẫn liên tục

xông vào.

Vì thủy bộ quân Tương phối hợp tấn công quá mạnh, bất chấp thương vong, nên quân Thái Bình sau nhiều giờ tử chiến, cuối cùng hệ thống bè mảng liên hoàn trên sông bị phá tan.

Thấy nếu chỉ dựa vào Hồ Khẩu khó bề chống giữ, lại càng khó thủ thắng, Thạch Đạt Khai cho chất cát, đá lên các thuyền lớn, rồi đánh chìm ở giữa sông để ngăn không cho thuyền lớn của địch vượt qua. Phía bờ tây, ông cố ý để một cửa ải chỉ có các tấm phên mỏng che chắn. Các thuyền nhỏ của địch có thể dễ dàng vượt qua. Công việc chuẩn bị xong xuôi, chỉ chờ địch sa bẫy.

Quân Tương tiến công Mai Gia Châu. Qua một trận kịch chiến, quân Thái Bình giả thua rút lui, cánh quân giữ Hồ Khẩu cũng rút lui về phía hồ Phàn Dương. Thủy sư quân Tương là Tiêu Tiệp Tam đặc ý, lệnh cho các thuyền nhỏ xông vào đốt phá định tiêu diệt quân Thái Bình trong hồ Phàn Dương. Hôm sau, Tiêu Tiệp Tam lại ra lệnh cho các thuyền nhỏ thừa thắng vượt qua cửa ải phía tây truy kích, đến tận Cô Đường cách Hồ Khẩu 40 dặm mới dừng lại.

Thạch Đạt Khai thấy quân địch đã vào sâu, lập tức ra lệnh bịt kín cửa ải Hồ Khẩu để cắt đứt đường rút lui của hơn 100 thuyền lớn nhỏ và 2000 quân của Tiêu Tiệp Tam; chia cắt thủy quân của quân Tương ra làm hai.

Hôm sau, khi đoàn thuyền của Tiêu Tiệp Tam chuẩn bị quay về Trường Giang, phát hiện trên mặt sông phía Hồ Khẩu đã có vô số hạm thuyền lớn bày trận chỉnh tề phong toả mặt sông. Từ các lũy đất 2 bên bờ xuất hiện vô số cỗ pháo chĩa nòng nhắm xuống. Tiêu Tiệp Tam biết là đã trúng kế.

Đoàn thuyền nhỏ của quân Tương bị pháo đập, bị thuyền lớn tấn công, lại không có các thuyền rồng che chở, không thể đánh trả, đường rút cũng chẳng còn, cái bị chìm, cái bị đập tan.

Trong khi các thuyền nhỏ của Tiêu Tiệp Tam tiến sâu vào phía hồ Phàn Dương, thì các thuyền rồng của quân Tương bị hơn 30 thuyền nhỏ của quân Thái Bình bao vây bắn tên lửa và phóng hỏa đốt cháy.

Nửa đêm, nhân trời không trăng sao, quân Thái Bình lại cho hơn 30 chiếc thuyền nhỏ lặng lẽ đến sát thủy trại thuyền rồng của quân Tương, ném đuốc lửa lên thuyền. Mấy ngàn quân Thái Bình ở hai bên bờ cũng phóng tên

lửa xuống thủy trại quân Tương. Chỉ thấy mặt sông đầy lửa, không gian đầy khói, cả thủy trại quân Tương mịt mù khói lửa.

Thuyền rồng của quân Tương nặng nề, không có thuyền nhỏ bảo vệ, chẳng khác gì chim gãy cánh, khó bề xoay sở. 1 số thuyền chưa dập tắt đám cháy đã vội vã kéo buồm rút chạy. Trận này quân Tương đại bại. Hơn 40 thuyền rồng bị cháy, những chiếc còn lại chạy về cứu Giang.

Quân Thái Bình thừa thắng, nửa đêm, nhân lúc trăng mờ, mấy chục lá thuyền nhỏ của Thạch Đạt Khai lén tiếp cận thủy trại của quân Tương ở Cửu Giang và nhất tề phóng tên lửa, ném đuốc lửa, đốt cháy hơn mười hạm thuyền lớn của quân Tương.

Quân Tương mới thoát Hồ Khẩu rút về đây, chưa kịp hoàn hồn, lại bị tập kích bất ngờ, thì hồn xiêu phách lạc, vội gióng buồm chạy, chẳng còn hàng ngũ gì nữa.

La Đại Cương chỉ huy quân Thái Bình ngược dòng tiến lên, đuổi kịp soái thuyền của Tăng Quốc Phiên, bèn vây chặt Lại. Quân Thái Bình nhảy lên thuyền đánh xáp lá cà. Trong cơn hỗn chiến, Tăng Quốc Phiên được tùy tùng bảo vệ, nhảy xuống 1 thuyền nhỏ chạy trốn. Thủy quân do y khổ công xây dựng trong 2 năm đã bị diệt sạch. Trận Hồ Khẩu, Quân Thái Bình thắng lợi hoàn toàn.

“Cường nhi tị chi”

Quân địch hùng mạnh thì ta né tránh.

Tấn Văn Công lui quân mà thắng trận Thành Bộc

Trận Thành Bộc giữa Tấn và Sở năm Chu Tương vương thứ 20 (năm 632 trước Công Nguyên) là trận đánh có ý nghĩa quyết định với cuộc tranh giành bá chủ lâu dài giữa Tấn và Sở thời Xuân Thu.

2 năm trước (năm 634 trước Công Nguyên), nước Lỗ sau nhiều lần bị nước Tề tiến đánh, đã phái người sang nước Sở cầu cứu. Nước Tống từng bị Sở đánh bại tại trận Hoảng Thủy khiến Tống Tương Công tử thương, song không cam chịu thất bại, mấy năm gần đây thấy thế lực nước Tấn ngày một lớn mạnh, bèn cử người sang giao hảo để dựa vào Tấn. Như vậy, nước Lỗ thì ngả theo Sở, Tống ngả theo Tấn, dẫn tới trận đánh lớn ở Thành Bộc giữa Tấn và Sở.

Lệnh Doãn Thành Đặc Thần đem quân Sở tiến thẳng đến nơi đóng quân của nước Tấn.

Tấn Văn Công thấy cuối cùng quân Sở đã bị khích nộ mà đem quân đánh trước, liền y theo kế hoạch đã định, hạ lệnh lui quân 90 dặm về địa giới nước Vệ, vì vùng ấy có địa hình có lợi cho sự tác chiến của quân Tấn.

1 số tướng sĩ Tấn cho rằng quân Sở đã mệt mỏi vì phải vây lâu thành đô nước Tống, có thể đánh luôn cần gì phải thôi thủ. Hồ Yến giải thích: “Ngày trước Tấn hầu lưu vong đến Sở, từng chịu ơn của vua Sở, có hứa “Nếu Tấn, sở giao tranh, Tấn sẽ lui binh 90 dặm”. Nay nếu không thực hiện lời hứa ấy, thì không đáng mặt anh hùng”.

Quân Tấn đã lui xa, nhiều tướng sĩ quân Sở không muốn đuổi theo. Đại tướng Đấu Bật của quân Sở nói với Thành Đặc Thần: “Quân Tấn một mực kéo cả đại quân thối lui. Hiện thời ta tiến Tấn lùi, như vậy là quân ta về vang lăm rồi. Huống hồ Sở vương đã lệnh tránh giáo chiến với quân Tấn, vậy nên dịp này đem quân về nước thì hơn”.

Thành Đặc Thần cho rằng quân Tấn rút chạy, nên không nghe Đấu Bật, hạ lệnh truy kích. Quân Sở đuổi liên 90 dặm, đến tận Thành Bộc thuộc nước Vệ (nam huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam).

Tấn vương bề ngoài ra vẻ giữ lời hứa, thực tế là để tranh thủ dư luận, đặc biệt tranh thủ sự ủng hộ của các nước Tề, Tần, Tống. Rút lui 90 dặm vừa tránh được nhuệ khí của quân địch, vừa khiến quân địch chủ quan kiêu ngạo. Trong khi quân Tấn có 700 chiến xa, 3 vạn quân, trang bị đầy đủ. Hữu quân do hai tướng Hồ Mao, Hồ Yển chỉ huy. Tả quân do Loan Chi, Tư Thần chỉ huy. Trung quân do Tiên Chấn, Khích Tần chỉ huy. Tiên Chấn làm nguyên soái tổng chỉ huy. Quân đội ba nước Tần, Tề, Tống chưa đến 2 vạn người tham chiến như cũ, thống nhất do Tiên Chấn điều động.

Lúc này quân Sở đã đuổi tới. Thành Đắc Thần quan sát địa hình, thấy dải đất Khuừ Lăng gần phía quân Tấn có lợi để bày trận, liền bố trí quân Sở ở Khuừ Lăng. Bố trí xong, Thành Đắc Thần sai Đấu Bật ra khiêu chiến với quân Tấn. Tấn Văn công lại còn giữ lễ, phái Loan Chi đem thư sang trả lời: “Tấn hầu vì không dám quên ơn cũ của Sở vương, nên mới lui quân về đây. Nay vẫn không được quan đại phu (chỉ Thành Đắc Thần) lượng thứ, đành sáng mai nghênh chiến”.

Hôm sau, trận quyết chiến bắt đầu. Tả quân của tướng Tư Thần trước hết tiến công hữu quân của Sở ở trước mặt. Đội tiên phong của quân Sở vốn là lính 2 nước Trần, Thái hợp lại, sức chiến đấu yếu ớt, bị tấn công đột ngột, vô cùng hoảng hốt, công tử Mão của nước Thái bị giết, quân sĩ tháo chạy tán loạn.

Hữu quân Tấn do Hồ Mao chỉ huy kéo lá cờ lớn ở phía nam, giả bộ chủ tướng thối lui để dụ tả quân Sở do Tử Tây chỉ huy ở trước mặt đuổi đánh. Đồng thời, tả quân Tấn do Loan Chi chỉ huy cho người ở phía sau trên địa dùng xe ngựa kéo các cành cây cho bụi đất tung lên mù mịt, giả bộ quân cũng đang rút lui, để dụ cánh hữu của quân Sở do Đấu Bật chỉ huy xông tới.

Thành Đắc Thần không hiểu mưu kế của quân Tấn, liền hạ lệnh cho toàn quân xông tới. Tả quân của Tử Tây tiến quá nhanh, để hở hãn bên sườn.

Nguyên soái Tiên Chấn của quân Tấn thấy quân Sở đã bị dẫn dụ, liền ra lệnh thay đổi thế trận, đánh thẳng vào bên sườn bị hở của cánh tả quân địch.

Lúc này quân của Hồ Mao và Hồ Yển giả bộ lui cũng đã bỏ lá cờ lớn, phối hợp với trung quân kẹp chặt cánh quân bên tả của địch. Quân Tử Tây bị kẹp ở giữa hai gọng kìm, bị tiêu diệt gần hết, số còn lại tháo chạy.

Bên quân Sở, Đấu Bật chỉ huy quân cánh hữu, vốn sĩ khí và binh lực đều đã bị sa sút trầm trọng, thấy cảnh tả quân Tần của Loan Chi rút chạy vội thúc quân xông lên, nhưng cũng lại bị đánh thảm bại như cánh bên tả. Đấu Bật trúng tên bỏ chạy.

Hai cánh quân tả, hữu của quân Sở đã tan tác, chủ lực trung quân trơ ra trước đòn. Hai cánh tả hữu của quân Tần thì vừa đắc thắng lập tức cùng với trung quân hợp thành thế bao vây quân Sở.

Quân Sở chống không nổi, nhiều tốp quăng cả xe ngựa, khí giới bỏ chạy. Thành Đắc Thần thấy quân mình sắp bị tiêu diệt hoàn toàn, nhân lúc quân Tần chưa hoàn thành thế hợp vây, vội thu thập tàn binh tháo chạy.

Trận Thành Bộc kết thúc. Tần Văn công biết nghe ý kiến các tướng, biết né cường địch, dụ quân Sở tới khu vực có lợi cho mình, chờ địch đã mỏi mệt, hết hãn khí thế, từ mạnh hóa yếu, mới quyết chiến, chỉ 1 trận đã thắng. Trận này có quyết định để Tần Văn công tranh bá ở Trung nguyên.

“Nộ nhi náo chi ”

Địch hung hăng thì ta quây nhiễu

Lưu Ký quấy nhiễu quân Kim

Tháng 5 năm Nam Tống Cao Tông Thiệu Hưng thứ mười (năm 1140), triều Kim hủy bỏ hoà nghị thư với triều đình Nam Tống, hung hăng cất quân tiến xuống phía nam đoạt lại toàn bộ đất Giang Nam và Thiểm Tây mà hoà nghị thư đã qui định phải trả lại cho Nam Tống, sau đó tiếp tục tiến quân uy hiếp Hoài Nam.

Nam Tống cử Lưu Ký làm thái thú Biện Kinh (Khai Phong, tỉnh Hà Nam), đem 18000 người theo đường thủy tiến lên phía bắc nhậm chức, được tin Biện Kinh đã bị quân Kim chiếm, liền hạ lệnh cho quân bỏ thuyền lên bộ, tiến gấp, trung tuần tháng 5 thì tới Thuận Xương (huyện Phụ Dương, tỉnh An Huy) cố thủ ở đó.

Để biểu thị quyết tâm, Lưu Ký ra lệnh đánh chìm mọi chiếc thuyền đậu ở cửa thành phía đông, đồng thời đưa toàn bộ gia quyến của mình vào một ngôi chùa, chất đầy củi xung quanh và tuyên bố với các tướng sĩ: “Nếu thành bị phá, các vị hãy lập tức hoả thiêu toàn bộ gia đình của ta!”

Quân dân đều xúc động trước gương trung kiên của Lưu Ký nguyện sống chết giữ thành.

Lưu Ký phái các tướng canh giữ 4 cửa thành, lệnh cho nam giới xây đắp lũy đất, củng cố tường thành, nữ giới thì mài dao kiếm, lại phái trinh sát đi do thám tình hình địch. 6 ngày sau, công việc chuẩn bị phòng thủ hoàn thành, nghiêm trận chờ địch. Lúc này mấy ngàn kỵ binh quân Kim đã vượt qua sông Dĩnh Hà ở phía bắc Thuận Xương và tiến gần đến thành.

Lưu Ký đã mai phục sẵn quân liền xông ra bất ngờ, quân Kim không kịp đề phòng, kinh hoàng bỏ chạy, thương vong cả ngàn tên, 2 tên bị bắt sống.

Lưu Ký lấy khẩu cung tù binh, được biết tướng Hàn Thường của quân Kim hạ trại ở trên bãi cát cách Thuận Xương 30 dặm về phía tây bắc. Lưu Ký phái hơn 1000 quân ngay đêm ấy, nhân địch vừa tới, tập kích bất ngờ khiến chúng thua to, mất hết nhuệ khí.

Ngày 29/5, 3 đạo quân Kim do thống chế Cát Vương Hoàn Nhan Bào và Long Hồ đại vương Đột Hợp Tốc chỉ huy kéo 3 vạn quân đến Thuận

Xương, chuẩn bị công thành. Địch mạnh kéo đến sát thành, mà 4 cửa thành đều mở rộng, trên mặt thành không có 1 người lính nào. Quân Kim ngờ đối phương có quỷ kế, chưa dám tiếp cận, trước tiên bắn một trận tên như mưa rào, vẫn không thấy trong thành có phản ứng gì, tướng quân Tống đã sợ hãi chạy khỏi thành, mới mạnh dạn xông vào. Vừa đến sát cổng thành thì đột nhiên hàng vạn mũi tên từ trên thành cùng lúc bắn xuống, quân Kim thương vong nặng nề, hoảng hốt lui lại. Lưu Ký lập tức đem quân xuất kích, quân Kim rối loạn, nhảy cả xuống sông, lớp chết đuối, lớp bị bắt nhiều không kể xiết.

Quân Kim đến Đông Thôn, cách thành 20 dặm hạ trại. Ngay đêm đó, 1 trận mưa lớn ập xuống, trời tối đen như mực. Lưu Ký phái tướng giỏi Lưu Sung đem 500 tráng sĩ lên vào doanh trại địch tập kích, trời tối đen thì nằm yên, khi chớp loé sáng, thấy địch thì chém giết.

Quân Kim trong trại hỗn loạn, sau đó rút xa thêm 15 dặm để né tránh. Lưu Ký lại chọn hơn 100 tráng sĩ, mỗi người giắt theo một cây sáo, ban đêm lên vào doanh trại địch. Hơn trăm tráng sĩ lúc thì tản mác ẩn núp, lúc thì thổi sáo tụ lại, đợi khi chớp loé sáng mới ra tay. Quân Kim chẳng biết quân Tống nhiều hay ít, trong bóng tối chẳng phân biệt đâu là ta, địch, cứ thế chém giết lẫn nhau. Sáng ra thì trong doanh trại quân Kim chỉ thấy xác chết ngổn ngang. Hoàn Nhan Bào tức tốc phái người cấp báo với thống soái Hoàn Nhan là Tông Bật (tức Ngột Thuật) ở Biện Kinh.

Tông Bật nghe tin đội quân đánh Thuận Xương thất trận thì cả giận, lập tức triệu tập hơn 10 vạn quân tới Thuận Xương.

Lưu Ký biết tin Tông Bật đem đại quân đến tăng viện, liền họp bàn kế sách với các tùy tướng. Có người nói: “Chúng ta đã đánh thắng, nay nên lui về phía nam để bảo toàn lực lượng”.

Lưu Ký nói: “Chính vì chúng ta đã đánh bại đội tiên phong của địch mà làm cho chúng hết cả oai danh. Nay tuy địch nhiều ta ít nhưng ta chỉ có thể tiến chứ không được lùi. Hơn nữa, địch mạnh ở phía trước, ta vừa rút là địch sẽ truy đuổi ngay, chẳng những bỏ phí thắng lợi vừa rồi, mà còn để nguy hiểm cho vùng Lương Hoài, làm kinh động Giang, Chiết, công hoá thành tội hay sao?”

Mọi người đều cho là phải, sẵn sàng một mất một còn với chúng.

Lưu Ký gọi 2 người họ Tạ và họ Thành nói nhỏ mấy câu sau đó hai người lên ngựa ra khỏi thành đi do thám. Tạ và Thành giữa đường gặp đại quân Kim đến chi viện, liền giả bộ kinh sợ mà ngã ngựa để quân Kim bắt giữ. Tông Bật hỏi cung, cả hai đáp: “Lưu Ký chỉ thích hư danh, muốn 2 bên hoà hảo để được làm Thái thú Biện Kinh, hưởng vinh hoa phú quý thôi”.

Tông Bật tin là thật, cả mừng nói: “Nếu vậy là việc lấy Thuận Xương chẳng có gì là khó”, rồi hạ lệnh quân sĩ tiến gập.

Hôm sau, Lưu Ký thấy Tạ, Thành hai người trở về, cổ đeo gông, thì biết họ đã hoàn thành nhiệm vụ. Lưu Ký hạ lệnh cho hai người lên thành, thấy trên gông có một lá thư, bèn xẻ luôn trước mặt mọi người vì e có thể ảnh hưởng xấu đến quyết tâm của quân dân.

Ngày 9/6, Tông Bật kéo quân đến dưới thành, thấy tường thành sơ sài thì nói: “Đúng là có thể dùng phát trần quét sạch”. Lúc đó, Lưu Ký sai người đem thư thách đánh, còn viết là nếu Tông Bật dám vượt sông đánh thành, thì Lưu Ký sẵn sàng bắc 5 cây cầu nổi đón đối phương sang.

Tông Bật xem thư cả giận, truyền lệnh sáng hôm sau sẽ vượt sông công thành. Y còn bẻ tên tuyên bố chiếm thành xong sẽ giết sạch đàn ông trong thành.

Tối hôm đó, Lưu Ký sai lính lén đem độc dược rắc lên cỏ ở phía thượng du sông Dĩnh Thủy.

Sáng ngày 10, quân Kim thấy trên sông có 5 chiếc cầu nổi, liền theo đó vượt sông hợp vây Thuận Xương, trước hết tấn công mãnh liệt vào cổng thành phía đông.

Quân Lưu Ký chưa đầy hai vạn người, nhưng chiến đấu ngoan cường. Quân địch đánh cửa thành phía đông không nổi, bỗng nghe tiếng trống nổi dồn. Lưu Ký nghe tiếng trống, đem ngay năm ngàn quân cơ động xông ra, quân Kim đại bại.

Tông Bật đích thân chỉ huy hơn ba ngàn “Nha binh” đến chi viện. Cứ ba người thành một “ngũ”, ngựa cột chặt với nhau bằng thừng da gọi là “thiết tháp”, chỉ có thể tiến, chẳng thể lùi, hai bên có kỵ binh giáp sắt bảo hộ, gọi là “Quải tử mã”. Quân Kim dùng cách này thường công phá thắng lợi nhiều thành trì vững chắc, nên “Nha binh” được xưng là “Thường thắng quân”.

Thấy tình thế nguy cấp, Lưu Ký cho rằng trước hết phải tiêu diệt bọn “Nha binh” của Tông Bật thì tự khắc lực lượng còn lại sẽ tan vỡ. Ông lệnh cho binh sĩ dùng rìu và đao xông vào bọn “Nha binh” cứ nhắm chân ngựa mà chém.

Quân Tống mấy phen chém giết, quân Kim người chết ngựa què, tổn thất tám chín phần. Lúc này trời nắng gay gắt, người ngựa đói khát, tranh nhau uống nước, ăn cỏ, nhưng đều trúng độc ngã lã.

Thừa lúc địch mệt mỏi, Lưu Ký phái binh liên tục tập kích. Quân Kim chết như rạ. Tông Bật buộc phải rút về phía tây, đào hào bày trận, dự tính vây khốn Thuận Xương lâu dài. Nào ngờ trời đổ mưa lớn, nơi đất bằng nước ngập cả thước, lại bị Lưu Ký cho quân tập kích ban đêm, gây thêm tổn thất. Tông Bật bất đắc dĩ phải rút quân về Biện Kinh.

“Tị nhi kiêu chi”

Địch dè dặt thận trọng thì ta làm cho nó trở nên kiêu ngạo.

Tào Cữu cậy khoẻ mất Thành Cao

Năm Hán Cao Tổ thứ ba (năm 204 trước Công Nguyên) cuộc Hán sở tranh hùng trứ danh trong lịch sử đã kéo dài ba năm. Tháng 9 năm đó, trong khi sở Bá vương Hạng Vũ đang tấn công mãnh liệt Lưu Bang tại chiến trường phía tây, thì quân của Bành Việt ở phía sau lớn mạnh, tạo thành áp lực to lớn khiến Hạng Vũ đêm ngày lo lắng.

Để trị an hậu phương, Hạng Vũ quyết định thân chinh đem quân sang phía đông chinh phạt Bành Việt, giao cho đại tướng Tào Cữu ở lại trấn thủ Thành Cao và dặn: “Nhất định phải giữ được Thành Cao. Nếu Lưu Bang đến khiêu chiến, bất cứ thế nào cũng không đem quân ra khỏi thành, chỉ cần ngăn chặn Lưu Bang tiến sang phía đông là được”.

Thành Cao (trấn Ty Thủy, tây bắc Huỳnh Dương, tỉnh Hà Nam) là một thành trì hiểm yếu, lại có kho lương lớn nên giữ vai trò trọng yếu về chiến lược.

Hạng Vũ không an tâm lắm nên trước khi đi còn dặn thêm Tào Cữu: “Ta đi chỉ độ nửa tháng, đánh bại Bành Việt, sẽ trở về ngay, rồi chúng ta sẽ cùng xuất binh đi đánh Lưu Bang, người tuyệt đối không được khinh suất rời thành”.

Thế nhưng việc tác chiến với Bành Việt không thuận lợi như Hạng Vũ nghĩ. Mãi tháng Mười năm sau, Hạng Vũ vẫn chưa kịp trở về Thành Cao. Lúc này Lưu Bang đã thừa cơ đem quân vượt Hoàng Hà, tiến xuống đánh Thành Cao.

Thoạt đầu, Tào Cữu còn tuân thủ quân lệnh của Hạng Vũ, dù quân Hán nhiều lần khiêu chiến, Tào Cữu vẫn cẩn thận cố thủ bên trong, không cho bất cứ ai ra ngoài thành giao chiến.

Lưu Bang không đạt mục đích giao chiến trực tiếp, liền đổi chiến thuật. Ông biết Tào Cữu tính nóng nảy, hữu dũng vô mưu, liền lợi dụng nhược điểm đó để bày cách dụ Tào Cữu ra khỏi thành.

Lưu Bang phái một số binh sĩ đến bên thành réo tên Tào Cữu ra chửi bới, gọi Tào Cữu là hạng chuột rúc hang, là thỏ đế hèn nhát, không dám ra giao

chiến. Quân lính cứ réo chửi như thế mấy ngày liền, Tào Cửu hết chịu nổi, cuối cùng quân biến lời dận dò thận trọng hành sự của Hạng Vũ, lúc cơn giận sôi trào, liền hạ lệnh mở cửa thành đem quân xông ra.

Quân Hán đã nghỉ ngơi và chỉnh đốn mấy tháng, lúc này thấy quân Sở xuất chiến, vừa đánh vừa giả bộ thua chạy về phía bên kia sông Ty Thủy, gần Thành Cao.

Tào Cửu ngỡ quân Hán đánh không lại, càng kiêu ngạo, chỉ huy quân sở vượt sông đuổi theo. Quân Hán ở bờ bên kia đã chờ sẵn, đợi đến lúc quân Sở ra tới giữa sông mới lập tức tập trung binh lực phản công ác liệt. Quân Sở tiến không nổi, lui chẳng xong, bị tiêu diệt gần hết. Tào Cửu nhảy xuống sông tự vẫn.

“Dật nhi lao chi ”

Địch nghỉ ngơi dưỡng sức thì ta làm cho nó mỏi mệt.

Ngũ Tử Tư quấy nhiễu nước Sở

Năm Chu Kính vương thứ tám (năm 512 trước Công Nguyên), Ngô vương Hạp Lư sau mấy năm trợ giúp nông thương, tu sửa pháp chế, luyện binh tập võ, gia tăng thành trì, đã đủ lực lượng để đánh nước Sở, khuếch trương thế lực. Vậy là vua triệu Tể tướng Bá Hi, đại phu Ngũ Viên (tự Tử Tư), đại tướng Tôn Võ (tức Tôn tử) lại bàn bạc.

Đại tướng Tôn Võ nói: “Đại vương muốn xuất quân viễn chinh, phải dùng rất nhiều quân nhu. Xem chừng trước mắt trăm họ chưa gánh vác nổi đảm phụ, sĩ tốt chưa hết mỗi mệt, chưa phải là thời cơ. Nên đợi thêm vài năm, điều kiện chín muồi, mới có thể giành toàn thắng

Ngũ Tử Tư vì muốn báo thù cho cha, chỉ hận chưa thể diệt ngay nước Sở, bèn đề xuất chiến lược tiêu hao sinh lực của nước Sở, làm địch mỗi mệt. Ông đề nghị chia quân sĩ làm 3 đạo, mỗi lần dùng một đạo đi quấy phá biên cương nước Sở, theo kiểu “người đến ta lui, người lui ta đến” làm quân địch mỗi mệt. Hạp Lư theo lời Ngũ Tử Tư, năm sau phái một đạo quân tập kích Lục Thành và Tiềm Thành của nước sở.

Nước Sở điều Trưởng Quan Mậu từ Thấm Thành (cách Tiềm Thành không xa) đem quân cứu Tiềm Thành. Khi Mậu kéo quân tới Tiềm Thành, thì quân Ngô đã rời xa. Mậu liền đem dân chúng rời đến Nam Cương (bắc huyện Hoắc Sơn), để tiện cho binh mã của Thấm Thành kịp thời đến cứu.

Cùng lúc quân Sở cứu Tiềm Thành, thì quân Ngô lại đánh phá Lục Thành, sát thương rất nhiều lính Sở, sau khi cướp bóc của cải liền rút đi.

Không lâu, quân Ngô lại đột nhiên đánh đất Huyền của Sở. Sở phái Tả tư mã Mậu và Hữu tư mã Kê đem đại quân đến cứu. Quân Sở hành quân gấp gáp mấy trăm dặm, khi tới Dự Chương, thì nghe tin quân Ngô đã lui binh. Thế là quân Sở vô cùng mệt mỏi mà chẳng được gì.

Cứ nay nam mai bắc bị quấy nhiễu, bị động vội vã ứng cứu, quân Sở mỗi mệt, dân chúng thì không an tâm sản xuất, lòng người bất an. Đến năm thứ tư (năm 508 trước Công Nguyên), Ngũ Tử Tư lại hiến kế “Mị Sở” với vua Ngô Hạp Lư để tiến thêm một bước làm rối loạn nước Sở.

Ngũ Tử Tư nói: “3 năm nay nước Ngô ta đã quấy nhiễu nước Sở, người Sở rất căm hận, tức nhiên muốn đem quân trừng phạt ta. Trước mắt, thuộc quốc của Sở là nước Đồng (bắc huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy) phản bội nước Sở, ta nên giả bộ giúp nước Sở trừng phạt nước Đồng để dụ quân Sở đến gần nước Đồng”.

Quả nhiên nước Sở phái Lệnh doãn Tử Thường đem quân đến phía bắc và phía tây nước Đồng hạ trại. Tử Thường do thám, thấy chiến thuyền quân Ngô dàn trận trên mặt sông, cho rằng quân Ngô quả thực lo sợ nên muốn đánh Đồng để lấy lòng Sở, bởi vậy chỉ ngồi im quan sát xem đối phương sẽ đánh nước Đồng như thế nào.

Quân Ngô lúc này đã tập kết gần Sào Thành, thấy quân Sở hạ trại từ mùa thu tới mùa đông, sĩ khí ngày một sa sút, phòng bị lỏng lẻo, Tôn Võ liền dẫn quân bất ngờ tập kích đánh tan các đạo quân Sở ở quanh nước Đồng. Trên đường thắng lợi trở về, quân Ngô chiếm Sào Thành, bắt sống Công tử Phồn, thái thú Sào Thành và thu nhiều chiến lợi phẩm mang về nước.

Như vậy, chiến lược làm mệt nước Sở được tiến hành trong 6 năm. Trong 6 năm đó, Sở Chiêu vương tuổi nhỏ, quyền hành rơi vào tay gian thần nên quốc gia suy bại. Năm 506 trước Công Nguyên, Sở phái Lệnh doãn Tử Thường đem quân vây Thượng Thái là đô thành nước Thái (nay thuộc tây nam Thượng Thái, tỉnh Hà Nam). Nước Thái liên hợp với nước Đường (tây bắc huyện Tuy, tỉnh Hồ Bắc), sai sứ thần sang Ngô cầu viện. Vua Ngô nhân cơ hội này liền liên hợp với hai nước đánh Sở.

Tôn Võ nói: “Ngày trước thần cho rằng thời cơ chưa chín muồi. Trải qua sáu năm, chiến lược làm Sở mỗi mệt đã có hiệu quả rõ rệt. Nay chính là thời cơ đánh Sở”. Tôn Võ còn phân tích rằng sau khi liên minh với Đường, Thái, quân Ngô có thể dùng chiến lược vu hồi, đánh từ cạnh sườn và từ sau lưng. Từ bình nguyên Hoài Hà vượt qua Đại Biệt Sơn, tìm chủ lực quân Sở tại địa khu Giang Hán mà tiêu diệt.

Năm 506 trước Công Nguyên, Ngô vương Hạp Lư cử em trai Phú Khái, cùng Ngũ Tử Tư, Bá Hi và Tôn Võ, đem hơn ba vạn quân đi đánh Sở.

Quân Ngô đáp thuyền tiến về phía tây dòng sông Hoài Hà, qua Liễu Châu (huyện Phụng Đài, tỉnh An Huy), rồi để thuyền lại Hoài Nạp (tây bắc Hoàng Xuyên, tỉnh Hà Nam), tướng sĩ lên bờ, men Hoài Hà tiếp tục tiến chệch về phía nam.

Do quân Sở mỗi một, vùng biên cương phía bắc có nhiều sơ hở trong phòng bị, quân Ngô lại được quân Thái, Đường đi trước dẫn lối, nên nhanh chóng vượt qua ba cửa ải hiểm yếu phía bắc nước Sở, tiến thẳng đến gần Hán Thủy. Cuộc hành quân này chẳng tốn một giọt máu mà thọc sâu hàng ngàn dặm vào nước Sở.

Quân Sở do lệnh doãn Tử Thường, Tả tư mã Mậu chỉ huy bày trận ở phía tây Hạ Châu (Hán Khẩu, tỉnh Hồ Bắc) và dọc theo Hán Thủy. Quân Ngô dàn trận ở bờ đối diện.

Tư mã Mậu đề nghị đem quân của mình đi chặn đường rút của quân Ngô, Lệnh doãn Tử Thường không đồng ý, một mình đem quân vượt Hán Thủy tiến công quân Ngô. Ba trận đánh lớn đều không đem lại kết quả.

Ngày 19/11, đôi bên Ngô, sở bày trận tại Bá Cử (bắc Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc). Tinh thần của quân Ngô hăng hái, quân Sở thì miễn cưỡng nghênh chiến. Phù Khái đem 5000 quân của mình quyết sống mái một phen, trước hết tấn công quân của Tử Thường.

Quân Sở vừa giáp trận đã rối loạn. Tử Thường thấy chủ lực như vậy, ôm đầu tháo chạy sang nước Trịnh, đại phu Sử Hoàng tử thương.

Ngô vương Hạp Lư, đại tướng Tôn Võ thừa thắng dốc toàn lực đánh. Quân Sở đại bại rút chạy về phía tây. Quân Ngô truy kích đến dải Vân, Tù thì đuổi kịp. Đợi quân Sở ra đến giữa sông Thanh Phát quân Ngô mới tấn công.

Số quân Sở đi trước thoát nạn, số vượt sông phía sau thì vừa chết đuối, vừa bị chém giết gần hết. Quân Ngô tiếp tục truy kích, đến Ung Thê lại đuổi kịp. Quân Sở thảm bại.

Tôn Võ không cho đối phương nghỉ lấy hơi, lập tức vượt Hán Thủy tiến thẳng đến Sính Đô.

Quân Ngô đánh liên tiếp 5 trận thắng, ngày 27/11 thì chiếm được Sính Đô của nước sở (Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc), Sở Chiêu vương phải mang em gái chạy trốn.

“Thân nhi li chi”

Nội bộ quân địch đoàn kết thì ta phải li gián chúng.

Tào Tháo dùng kế ly gián, đánh bại Mã Siêu

Năm Hán Hiến đế Kiến An thứ 16 (năm 221 trước Công Nguyên), tháng 3, Thừa tướng Tào Tháo phái Tư lệ hiệu úy Chung Do đi trừng phạt Trương Lỗ đang chiếm cứ Hán Trung, đồng thời cử Chinh tây hộ quân Hạ Hầu Uyên đem binh đi Hà Đông hội quân với Chung Do.

Địa khu Quan Trung ở gần Hán Trung là phạm vi thế lực của Mã Siêu, Hàn Toại. Hai người Mã, Hàn cho rằng Tào Tháo chinh phạt Trương Lỗ tất kéo quân qua Quan Trung, tức là muốn đánh chính họ, liền tập trung hơn 10 vạn người ngựa cố thủ Chương Quan để chống quân Tào.

Đánh nhau mấy trận, Hàn Toại thấy quân Tào hùng mạnh, mấy lần xin cầu hoà. Ban đầu Tào Tháo không đáp ứng, sau mưu sĩ Giả Hủ hiến kế, Tào Tháo liền quyết định một mình cưỡi ngựa ra trước hàng quân gặp Hàn Toại.

Hôm sau Tào Tháo và Hàn Toại cưỡi ngựa một mình ra trước hàng quân để đối thoại với nhau.

Cha của Tào Tháo và cha của Hàn Toại ngày trước cùng thi đỗ khoa Hiếu Liêm, Tào và Hàn lại cùng theo nghiệp đèn sách khoa cử, nên khi đối thoại Tào Tháo chỉ nhắc chuyện xưa, không đề cập gì quân sự, đôi bên trò chuyện hồi lâu thậm chí còn vỗ tay cười lớn.

Hàn Toại trở về bên quân mình, Mã Siêu vội hỏi: “Tào Tháo nói gì vậy?”, Hàn Toại đáp: “Chỉ nói chuyện cũ ở kinh sư thôi”. “Đôi bên ra trước hàng quân để đàm phán mà lại không bàn việc quân sự là thế nào?”, Mã Siêu lòng đầy hồ nghi.

Tào Tháo về đến trại, y theo mưu của Giả Hủ, gửi cho Hàn Toại 1 phong thư, trong thư có nhiều chỗ cố ý dập xóa.

Mã Siêu nghe nói Tào Tháo gửi thư cho Hàn Toại, liền đến xem, thấy trong thư có nhiều chỗ dập xóa, nghi là Hàn Toại định giấu mình điều gì nên xóa đi, hỏi tại sao lại xóa như vậy.

Hàn Toại nói: “Thư gửi đến đã dập xóa như thế rồi, chắc là Tào Tháo sợ ý nên viết nhầm, phải xóa bỏ”. Mã Siêu nói: “Tào Tháo là người cực kỳ tinh

tế, không đời nào viết nhầm như vậy được”. Hàn Toại chẳng biết đối đáp ra sao nữa. Mã Siêu cho rằng mỗi nghi ngờ của mình là đúng.

Hàn Toại vốn cùng cha của Mã Siêu là Mã Đằng khởi binh, tình thân như huynh đệ, vốn có quan hệ rất tốt với Mã Siêu kẻ địch không lợi dụng gì được. Chẳng ngờ đến lúc này chỉ vì một bức thư của Tào Tháo mà nội bộ mất đoàn kết, 2 bên không còn đồng tâm hiệp lực với nhau nữa.

Tào Tháo thấy thời cơ đã chín muồi, liền sai 1 số quân khinh kỵ đến khiêu chiến với Mã Siêu, đánh nhau một hồi, đột nhiên hai đạo quân tịnh nhuệ từ hai bên sườn ập tới chém giết quân của Mã Siêu.

Đạo quân Quan Tây của Mã Siêu bị đánh bại, Tào Tháo liền kéo quân về Hứa Đô. Các tướng hỏi Tào vì sao chỉ có vài vạn quân lại đánh thắng hơn mười vạn quân của Mã Siêu, thì Tào Tháo cười đáp: “Tôn tử đã nói: thân nhi li chi, ta chỉ làm theo kế của Giả Hủ mà chia rẽ nội bộ của đối phương đó thôi”.

“Cảng kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý”

Địch không đề phòng thì ta tiến đánh, ra quân bất ngờ.

Trịnh Thành Công bất ngờ giải phóng Đài Loan

Sau khi Trịnh Thành Công đem quân đánh Nam Kinh thất bại, năm 1660, đại quân của nhà Thanh vây đánh căn cứ địa phần Thanh của Trịnh Thành Công là đảo Hạ Môn. Cuộc chiến diễn ra ác liệt, quân chủ lực nhà Thanh đã lên được Hạ Môn, nhưng vì không quen hải chiến nên toàn bộ hơn một vạn quân Thanh bị tiêu diệt. Tướng Thanh là Đạt Tố phải rút quân về Tuyền Châu. Thắng trận Hạ Môn, Trịnh Thành Công quyết tâm đông tiến thu hồi Đài Loan đang bị Hà Lan xâm chiếm.

Rất may lúc ấy có Hà Đình Bân - thuộc hạ cũ của phụ thân Trịnh Thành Công (Trịnh Chi Long), từng làm phiên dịch cho quân Hà Lan ở Đài Loan, từ Đài Loan tới xin gặp Trịnh Thành Công.

Hà Đình Bân tặng Trịnh Thành Công bản đồ Đài Loan và truyền đạt nguyện vọng tha thiết của nhân dân Đài Loan muốn được giải thoát khỏi ách đô hộ của Hà Lan. Hà Đình Bân cũng trình bày những thay đổi mấy năm gần đây ở Đài Loan, sự thống trị và tình hình bố phòng quân sự của quân đội thực dân tại đó.

Trịnh Thành Công một mặt ra sức chuẩn bị đông tiến, một mặt cử người đem thư ra gặp Tổng đốc Hà Lan tại Đài Loan là Huiize, nhắc lại “thiện ý đối với quý quốc Hà Lan”, “quyết không đối địch”, nhằm làm cho bọn thực dân tê liệt cảnh giác.

Trước đó, việc Trịnh Thành Công gặp thất bại trong việc đánh Nam Kinh trên đất liền đã khiến quân Hà Lan cho rằng Trịnh Thành Công sẽ tiến đánh Đài Loan, bèn phái Fantland từ Jakarta đem hạm đội gồm 12 chiến thuyền chở 1.453 lính đến tăng cường phòng thủ cho Đài Loan. Nhưng khi Huiize đưa thư của Trịnh Thành Công cho Fantland xem, Fantland kinh địch cho rằng Trịnh Thành Công không thể đánh Đài Loan, nên chỉ để lại 3 chiến hạm, 600 quân và một ít quân nhu.

Tháng 1/1661, Fantland về Jakarta. Trịnh Thành Công cho rằng thời cơ đã chín muồi, liền tuyên bố quyết tâm thu hồi Đài Loan vào lúc kẻ địch không ngờ.

Ngày 22/3, chiến hạm quân Trịnh xuất phát từ vịnh Liêu La tiến về phía Đài Loan.

Binh lực của Hà Lan trên đảo Đài Loan tổng cộng hơn 2000 lính. Chủ lực phòng thủ tại đồn N trên đảo Y thuộc phía tây Đài Loan. Một đơn vị nhỏ khoảng 200 lính phòng thủ tại đồn P trên đất liền. Ngoài ra có chiến hạm lớn và các tàu nhỏ luân phiên tuần tiễu trong Đài Giang giữa hai đồn.

Sau khi phân tích tình hình, Trịnh Thành Công quyết định phương án tác chiến là tiến vào Đài Giang bằng đường cảng Lộc Nhĩ là chỗ địch không phòng bị, dùng chủ lực đổ bộ lên cảng Hoà Liêu rồi chiếm đồn P, sau đó chiếm các nơi khác.

Sáng sớm ngày 2/4, hạm đội quân Trịnh tiến đến ngoài cảng Lộc Nhĩ, dưới sự dẫn đường của Hà Đình Bân, toàn bộ hạm đội dễ dàng tiến vào Đài Giang lúc xế chiều, khi thủy triều lên, quân chủ lực liền đổ bộ.

Nhân dân Đài Loan được liên lạc trước, nô nức kéo ra tiếp ứng, phụ giúp quân Trịnh đổ bộ mau chóng trong chưa đầy 2h. Quân Trịnh lên bờ lập tức chiếm kho lương thực và bao vây đồn P. Quân Hà Lan bị bất ngờ, lúng túng, sau đó chia làm 3 mũi để chống trả.

Trên biển, quân Hà Lan dùng 4 chiến hạm công kích hạm đội quân Trịnh đang khống chế Đài Giang để khôi phục liên lạc đường thủy giữa hai đồn N và P.

Quân Hà Lan kêu ngạo tưởng rằng người Trung Quốc chịu không nổi khói súng và tiếng đại bác, nào ngờ quân Trịnh đã quen với hải chiến, vừa khai chiến thì đại bác của hạm đội quân Trịnh đã bắn phá dồn dập sang tàu chiến Hà Lan.

Chẳng mấy chốc chiến hạm lớn nhất của Hà Lan đã bốc cháy, 2 chiến hạm khác phải bỏ chạy về phía Nhật, cái còn lại chạy về Indonesia. Hạm đội Hà Lan tan vỡ hoàn toàn. Sau đó quân Hà Lan từ Indonesia phái binh đến cứu viện nhưng quân Trịnh đã đứng vững trên đảo, lại được nhân dân Đài Loan hết lòng ủng hộ, nên sau mấy trận kịch chiến, đến cuối năm đó, toàn bộ quân Hà Lan phải đầu hàng. Trịnh Thành Công cuối cùng đã thu hồi được Đài Loan.

“Vị chiến nhi miếu toán thắng giả, đắc toán đa dã”

Chưa lâm chiến mà tính được phần thắng, là nhờ kế hoạch chu đáo, điều kiện thắng lợi đầy đủ.

Lưu Bang chưa đánh đã thắng

Tháng 7 năm Hán Cao Tổ thứ 11 (năm 196 trước Công Nguyên), Hoài Nam vương Anh Bố dấy binh phản Hán.

Tin tức truyền về Tràn An. Hán Cao Tổ liền triệu chư tướng vào triều hỏi: “Anh Bố tạo phản, nên làm thế nào?”. Các tướng chưa suy xét gì đã nói luôn: “Đem binh đi tiến công bắt sống mang hẳn về đây, xem gan hãn to chừng nào!?”

Lưu Bang giận dữ nói: “Nói nghe dễ lắm! Được! Vậy ai tình nguyện đem quân đi đánh hẳn?”. Các tướng nghe vậy, tự biết mình lỡ lời, chưa ai nghĩ ngay được kế gì, thấy đều im lặng. Mọi người ra về trong tâm trạng buồn bã.

Nhữ Âm hầu Hạ Hầu Anh chợt nhớ trong sổ thuộc hạ của mình có một người tên gọi là Tiết Công từng làm Lệnh doãn nước Sở, người này đa mưu túc trí, hẳn có kế hay, bèn vội trở về phủ.

Tiết Công vừa nghe Hạ Hầu Anh đã nói ngay: “Ô, Hoài Nam vương quá nhiên tạo phản!”, Hạ Hầu Anh ngạc nhiên: “Tại sao tiên sinh nói như vậy?”, Tiết Công đáp: “Anh Bố tạo phản là chuyện tất nhiên thôi ! ”

Hạ Hầu Anh khó hiểu: “Nghĩa là sao?”, Tiết Công đáp: “Triều đình trước sau đã giết Hoài Âm hầu Hàn Tín và Lương vương Bành Việt; Anh Bố tự ngầm mình cũng có công khai quốc như hai vị kia, ắt sẽ đến phiên mình bị xử trí, nên phải tạo phản.”

Hạ Hầu Anh thán phục, tiến cử ông với Lưu Bang. Lưu Bang mừng rỡ: “Vậy khanh hãy đưa ngay người ấy lên gặp trẫm. ”

Tiết Công vừa tới, Lưu Bang liền hỏi luôn: “Khanh có thể dẹp yên loạn tặc Anh Bố?”, Tiết Công quả quyết: “Chắc chắn. Anh Bố chỉ có 3 cách hành động, phân tích kỹ thì sẽ biết ngay kết quả”.

Lưu Bang hỏi: “Vậy Anh Bố sẽ sử dụng ba cách gì?”

Tiết Công liền đáp: “Nếu Anh Bố dùng thượng sách, phía đông chiếm Ngô, phía tây bình Sở, phía bắc lấy Tề và Lỗ, rồi truyền hịch đòi Yên, Triệu hàng phục, sau đó cố thủ những địa khu do mình khống chế, thì toàn bộ dãy

đất phía đông Hàn Sơn sẽ không còn là của bệ hạ nữa. Nếu Anh Bố dùng trung sách, đông chiếm Ngô, tây chiếm Sở, bình Hàn lấy Ngụy, bảo đảm có kho lương, tập trung binh lực ở Thành Cao, chặn đứng đường ra của Quan Trung, thì thắng bại khó đoán trước”.

Lưu Bang hỏi: “Còn hạ sách?”, Tiết Công trầm giọng đáp: “Nếu Anh Bố dùng hạ sách, đông chiếm Ngô, tây lấy Thái, chỉ cố thủ ở địa khu Hoài Nam, thế thì Anh Bố đã thành cá nằm trong lưới, bệ hạ có thể an tâm ngủ ngon!”

Lưu Bang nói luôn: “Cứ theo ý khanh, hẳn Anh Bố sẽ dùng hạ sách?”, Tiết Công đáp: “Bệ hạ đoán đúng! Anh Bố nguyên là một tù nhân của Ly Sơn, tuy làm chúa một phương, song lúc nào cũng chỉ mưu lợi cho cá nhân, không nuôi chí lớn, chắc chắn hẳn dùng hạ sách”.

Lưu Bang gật gù: “Hay! Khanh nói đúng lắm! ”. Hôm sau, Lưu Bang ban thưởng cho Tiết Công rất hậu và phong cho tước hầu, hưởng lộc ngàn hộ.

Đúng như Tiết Công dự đoán, sau khi Anh Bố đẩy binh phản Hán, quả nhiên trước tiên tiến sang phía đông đánh bại Kinh vương Lưu Giả là người được phong cho đất Ngô, sau đó đem quân vượt Hoài Thủy, đánh bại ba đạo quân của Sở vương Lưu Giao, sau đó đem binh tiến sang phía tây.

Tháng 10 năm ấy, Hán Cao Tổ Lưu Bang đích thân đem 12 vạn quân xuất chinh, đến Kỳ Tây (huyện Túc tỉnh An Huy) thì gặp quân Anh Bố. Lưu Bang thấy quân Anh Bố tuy ít hơn quân mình nhưng tinh nhuệ, liền tạm thời chưa giao chiến. Còn Anh Bố vừa gặp quân Hán đã bày trận muốn đánh ngay, quân của Anh Bố mấy lần khiêu chiến không thành, nhuệ khí suy giảm.

Lưu Bang thấy thời cơ chín muồi, liền đem binh xuất chiến, đánh bại quân Anh Bố. Anh Bố đem tàn quân chạy xuống Giang Nam, bị Trường Sa vương Ngô Nhuế giết.

“Vị chiến nhi miếu bất thắng giả, đắc toán thiếu dã”

Chưa lâm chiến mà đoán không thể thắng, là do kế sách không chu đáo, điều kiện thắng lợi chưa đủ.

Tần Vương thua trận ở Hàm Đan

Tháng Chín năm Chu Noãn vương thứ 55 (260 trước Công Nguyên) đại tướng Tần là Bạch Khởi sau khi đại phá quân Triệu ở Trường Bình muốn tiếp tục tấn công đô thành Hàm Đan của Triệu. Tể tướng Phạm Thư vì ghen tức với Bạch Khởi, liền tâu với Tần Chiêu vương: “Quân ta đã mỏi mệt, không nên đánh tiếp”. Thế là Tần giảng hoà với Triệu.

Năm sau, Tần Chiêu vương lại muốn cất binh đánh Triệu. Lúc này Triệu đã hồi sức. Bạch Khởi cho rằng đã mất thời cơ liền cáo bệnh, không xuất chinh. Tần Chiêu vương liền cử Ngũ đại phu Vương Lăng làm đại tướng đi đánh Hàm Đan. Quân dân nước Triệu trên dưới đồng lòng chống Tần.

Năm 258 trước Công Nguyên, thấy quân của Vương Lăng vây Hàm Đan đã lâu vẫn không hạ nổi, tổn thất khá nặng, Tần Chiêu vương muốn cử Bạch Khởi đi thay, Bạch Khởi phân tích tình hình, nói: “Tần tuy thắng Triệu ở Trường Bình, nhưng dốc cạn cả kho, binh sĩ thương vong quá nửa. Viễn chinh vây đánh đô thành nước Triệu, chư hầu ắt sẽ đến cứu Triệu, trong ngoài giáp công thì nhất định quân ta sẽ thất bại”. Tần Chiêu vương nghe vậy im lặng.

Tể tướng Phạm Thư chủ trương đánh Triệu nên viện ra nhiều lý lẽ. Thế là Tần Chiêu vương nhất quyết cử Bạch Khởi xuất chinh. Bạch Khởi lại cáo bệnh không thể ra trận. Tần Chiêu vương đành cử Vương Hột đi thay Vương Lăng. Phạm Thư cũng tiến cử Trịnh Anh Bình làm đại tướng cùng Vương Hột cất quân đánh Triệu.

Hàm Đan bị bao vây, tuy quân dân đồng lòng quyết tử, nhưng bị vây đã quá lâu sợ khó giữ nổi. Vua Triệu liền cử em trai là Bình Nguyên quân Triệu Thắng sang cầu cứu nước Sở.

Triệu Thắng là một trong bốn công tử thời Chiến Quốc (3 người kia là Mạnh Thường quân, Xuân Thân quân và Tín Lăng quân), môn hạ có mấy ngàn thực khách. Ông muốn chọn 20 người văn võ kiêm toàn theo mình sang Sở, nhưng chỉ chọn được 19 người, còn thiếu 1. Có 1 vị tên là Mao Toại tự tiến cử mình, xin được sang Sở.

Triệu Thăng đến nước Sở, bàn chủ trương liên hợp chống Tần. Vua Sở sợ quân Tần hùng mạnh, rước họa vào thân, nên chần chừ không đáp ứng.

Mao Toại thấy vua Sở mãi không chịu xuất quân, liền cầm kiếm bước lên thềm. Vua Sở cả giận, nhưng Mao Toại hùng hồn nói rằng Sở đã mấy lần bị nhục vì đại bại với Tần, nay liên hợp với Triệu không chỉ vì nước Triệu, mà chính là có lợi cho Sở. Vua Sở cho là phải, liền cử Xuân Thân quân Hoàng Yết đem binh sang cứu Triệu. Triệu Thăng khâm phục khí phách của Mao Toại, từ đó coi Mao Toại như thượng khách, nhất nhất nghe theo kế của họ Mao.

Hàm Đan bị vây đã ba năm. Cây cỏ trong thành cũng đã bị dùng làm thức ăn hết sạch, song quân dân vẫn quyết tâm kháng Tần. Vương Hột chẳng cách gì tiến đánh được.

Tín Lăng quân Ngụy Vô Kỵ của nước Ngụy có người chị là vợ của Bình Nguyên quân Triệu Thăng, đã mấy lần viết thư thúc giục nên Ngụy Vô Kỵ đã mấy lần thỉnh cầu vua Ngụy xuất binh, song chưa được chuẩn y vì vua Ngụy nhận được thư và lễ vật của Tần Chiêu vương. Trong thư nói rõ: “Nếu Ngụy ủng hộ Tần đánh Triệu, sau khi diệt Triệu sẽ được chia đất. Nếu cứu Triệu thì ngói vỡ ngọc tan”. Do đó, mười vạn quân Ngụy do đại tướng Tấn Bỉ chỉ huy đóng trại ở biên giới Ngụy - Triệu, nhưng được mật lệnh của vua Ngụy vẫn án binh bất động.

Ngụy Vô Kỵ chiêu hiền đãi sĩ, được thuộc hạ kính mến. Có người là Hầu Doanh bày kế cho ông lấy trộm hồ phù của nhà vua. Ông liền y theo kế đó. Ông vốn có ơn với cha của nàng Gia Cơ được vua Ngụy sủng ái nên liền nhờ nàng Gia Cơ lấy trộm hồ phù của vua, rồi đem theo lực sĩ Chu Hợi rời Đại Lương.

Đến quân doanh của đại tướng Tấn Bỉ, ông chìa hồ phù ra, nhưng Tấn Bỉ không tin, đòi cử người về trực tiếp xin lệnh của vua rồi mới giao binh quyền. Ngụy Vô Kỵ sai Chu Hợi giết Tấn Bỉ, đoạt binh quyền. Sau đó, Ngụy Vô Kỵ cho những người lính già yếu về quê nhà, còn 8 vạn tinh binh thì gấp rút kéo tới Hàm Đan.

Các đạo quân chư hầu cứu viện lần lượt đến nước Triệu. Quân Sở do Hoàng Yết chỉ huy cũng đã tới chân thành Hàm Đan. Vợ chồng Bình Nguyên quân Triệu Thăng đem quân dân nước Triệu hội sư với Tín Lăng quân Ngụy Vô Kỵ, chuẩn bị quyết chiến với quân Tần.

Quân Tần xa nhà đã lâu, không có ý chí chiến đấu, lại bị các đạo quân mã kéo tới vây đánh, rốt cuộc đại bại. Đại tướng Tần là Trịnh An Bình vốn người nước Triệu, thấy tình cảnh đó liền đem 2 vạn tinh binh đầu hàng Triệu. Binh lực của Vương Hột càng suy yếu, đành giải vây Hàm Đan và rút về Tần.

Tin quân Tần bại trận truyền về Hàm Dương. Võ An quân Bạch Khởi ngẩng mặt lên trời thở dài: “Không nghe lời ta, để đến nỗi này!”.

Vua Tần biết Bạch Khởi có lòng oán trách, cả giận. Tế tướng Phạm Thư còn đổ thêm dầu vào lửa. Vua Tần ra lệnh cho Bạch Khởi đem quân đi trả thù. Bạch Khởi lại viện lý do bệnh nặng, kiên quyết chối từ. Vua Tần càng giận thêm, liền tước bỏ tước vị của Bạch Khởi giáng làm thứ dân, đuổi khỏi kinh thành. Bạch Khởi uất ức lập tức lên đường. Tế tướng Phạm Thư không an tâm, liền thưa với vua: “Trước khi đi, Bạch Khởi vẫn còn oán thán bệ hạ rất nhiều. Để hãn sống e di họa.”. Vua Tần bèn ra lệnh cho Bạch Khởi phải tự sát. Bạch Khởi mới đi tới Đỗ Bưu ở phía tây bắc Hàm Dương, thì sứ giả của vua Tần đuổi kịp, đọc chiếu chỉ và đưa kiếm. Bạch Khởi phải tự sát. Một vị tướng anh dũng vô song bị chết oan uổng!

Ít lâu sau, do Trịnh An Bình, người được Phạm Thư tiến cử, đầu hàng Triệu và việc Vương Kê thông đồng với chư hầu, Phạm Thư cũng bị giáng làm thứ dân. Trận Hàm Đan đã làm cho tương quan lực lượng giữa Tần và các nước chư hầu trở thành ngang nhau.

THIÊN II : TÁC CHIẾN

Phàm dụng binh chi pháp, trì xa thiên tứ, cách xa thiên thặng, đối giáp thập vạn, thiên lí quỹ lương; tắc nội ngoại chi phí, tân khách chi dụng, giao tất chi tài, xa giáp chi phụng, nhật phí thiên kim, nhiên hậu thập vạn chi sự cử hĩ.

Kỳ dụng chiến dã quý thắng, cửu tắc độn binh toả nhuệ, công thành tắc lực khuất, cửu bạo sư tắc quốc dụng bất túc. Phù độn binh toả nhuệ, khuất lực đàn hoá, tắc chư hầu thừa kỳ tệ nhi khởi, tuy hữu trí giả, bất năng thiện kỳ hậu hĩ. Cố binh văn chuyết tốc, vị đồ xảo chi cửu dã. Phù binh cửu nhi quốc lợi giả, vị chi hữu dã. Cố bất tận tri dụng binh chi hại giả, tắc bất năng tận tri dụng binh chi lợi dã.

Thiện dụng binh giả, dịch bất tái tịch, lương bất tam tải, thủ dụng ư quốc, nhân lương ư địch, cô quân thực khả túc dã.

Quốc chi bản ư sư giả sư giả viễn thâm, viễn thâm tắc bách tính bản. Cận sư giả quý mại, quý mại tắc tài kiệt, tài kiệt tắc cấp ư khuru địch. Lực khuất, tài đàn, trung nguyên nội hư ư gia, bách tính chi phí thập khứ kỳ thất; công gia chi phí, phá xa bãi mã, giáp trụ thí nỗ, kích thuẫn tế lỗ, khiúu ngư đại xa, thập khứ kỳ lục.

Cố tri tướng vụ thực ư địch, thực địch nhất chung, đương ngô nhị thập chung, ky hãn nhất thạch, đương ngô nhị thập thạch.

Cố sát địch giả, nộ dã; thủ địch chi lợi giả, hoá dã. Cố xa chiến, đặc xa thập thặng dĩ thượng, thưởng kỳ tiên đặc giả, nhi canh kỳ tinh kỳ, xa tạp nhi thừa chi, tốt thiện nhi dưỡng chi, thị vị thắng địch nhi ích cường.

Cố binh quý thắng bất quý cửu.

Cố tri binh chi tướng, dân chi tư mệnh, quốc gia an nguy chi chủ dã.

Dịch nghĩa:

Phàm dùng binh tác chiến phải theo một qui luật: phải huy động hàng ngàn chiến xu lớn nhỏ, hàng chục vạn binh sĩ, lại còn vận chuyển quân lương xa hàng ngàn dặm, như vậy kinh phí ở tiền phương và hậu phương

đều tốn kém, nào chi phí khí tài chiến đấu, nào chi phí duy tu xe cộ, quân trang, nào tiếp đãi khách khứa, mỗi ngày tốn hàng vạn lượng vàng, mới huy động được mười vạn quan đi chiến đấu.

Dùng một đội quân như vậy đi chiến đấu, ắt đòi hỏi phải thắng nhanh, kéo dài sẽ khiến quân đội mỏi mệt, nhuệ khí sút kém, đánh thành sẽ hao tổn binh lực, quân đội ở lâu bên ngoài sẽ làm cho nền tài chính nước nhà khốn đốn. Nếu quân đội mỏi mệt, nhuệ khí sút kém, binh lực hao tổn, kinh tế đất nước cạn kiệt, các nước khác thừa cơ tiến đánh, thì dù người có đa mưu túc trí cũng khó bề cứu vãn. Cho nên về mặt quân sự, chỉ nghe nói dùng binh có thể vụng về nhưng thắng nhanh, chứ chưa hề thấy chỉ huy giỏi mà lại đánh dây dưa. Dùng binh lâu ngày, dai dẳng mà có lợi cho đất nước thì thực là xưa nay chưa từng có. Cho nên, người không hiểu hết cái hại của việc dùng binh thì không hiểu nổi cái lợi của việc dùng binh.

Người giỏi dùng binh không trưng binh 2 lần, không tải lương nhiều đợt, vũ khí trang bị thì dùng của mình, lương thực thì lấy của địch, như thế lương thảo của quân đội mới luôn luôn đầy đủ.

Nước nghèo là do dùng binh nhiều, càng đem quân đi xa thì càng khó khăn. Quân đội càng đi đánh xa thì trăm họ càng khốn khổ. Gần nơi đóng quân vật giá sẽ đắt đỏ, vật giá đắt đỏ sẽ khiến tài chính quốc gia cạn kiệt. Tài chính quốc gia cạn kiệt, ắt phải tăng thuế má. Ngoài chiến trường thì quân lực hao tổn, ở hậu phương thì nhà nghèo túng. Tài sản trăm họ mười phần chỉ còn ba, tiền của quốc gia do xe hư, ngựa què, khí giới chiến cụ phải bổ sung, nên mười phần cũng chỉ còn bốn.

Bởi thế, tướng lĩnh khôn ngoan nuôi quân bằng lương thực lấy của địch. Lấy của địch một斛 gạo bằng ta phải tiếp tế 20斛, lấy được 20 xe cỏ của địch bằng ta phải cắt 20 xe cỏ nuôi ngựa.

Muốn quân đội anh dũng chiến đấu, phải khích lệ sĩ khí, muốn quân đội đoạt lấy lương thảo của địch, phải hậu thưởng cho họ. Ví vậy trong chiến đấu, đoạt được 10 chiến xa trở lên thì phải thưởng cho người chiếm được chiến xa trước, rồi cho thay hiệu kỳ mà nhập vào đoàn xe của ta, ưu đãi các hàng binh và sử dụng họ, đó là cách vừa thắng địch, vừa có lợi cho ta.

Do đó, dùng binh quý ở tốc chiến tốc thắng, chứ không nên kéo dài dai dẳng.

Tướng lĩnh hiểu được cách dùng binh là thần hộ mạng của dân chúng, làm chủ sự an nguy của đất nước vậy.

Tóm tắt nội dung:

Trong thiên này, Tôn tử chủ yếu luận về chiến lược tiến công đánh nhanh thắng nhanh và tính tất yếu khách quan của nó.

Tôn tử phân tích một cách hệ thống, toàn diện quan hệ mật thiết giữa chiến tranh với nhân lực, vật lực và tài lực. Mỗi quan hệ này, trong điều kiện lịch sử nhất định, khi trình độ sản xuất còn thấp kém, quy mô và phương thức chiến tranh theo lối cổ xưa, hoàn cảnh tác chiến khi có các nước chư hầu dòm ngó, ắt phải theo chiến lược “tốc chiến tốc thắng ” để tránh nguy hại của chiến lược kéo dài dai dẳng. Tôn tử định rõ chủ trương, tư tưởng chỉ đạo tác chiến “binh quý thắng, bất quý cửu” để tránh lâm vào tình thế nguy khốn cho đất nước.

Để bảo đảm phương châm chiến lược tốc chiến tốc thắng và thực thi cho thuận lợi, giải quyết mâu thuẫn giữa phí tổn lớn lao của chiến tranh với khó khăn về hậu cần, Tôn tử đề xuất việc đoạt lương thảo của địch thành nguyên tắc chủ yếu, lấy lương thảo của địch bổ sung cho quân mình, giảm bớt chi phí tài chính và đảm phụ của nhân dân. Đồng thời Tôn tử còn chủ trương thông qua việc khen thưởng quân đội và đối đãi với tù, hàng binh mà phát triển lực lượng của mình, nhằm “vừa thắng địch, vừa làm cho ta mạnh lên”

“Kỳ dụng chiến dã, thắng cửu tắc độn binh toả nhuệ, công thành tắc lực khuất cửu bạo sư tắc quốc dụng bất túc. Phù độn binh toả nhuệ, khuất lực đàn hoá, tắc chư hầu thừa kỳ tậ nhi khởi, tuy hữu trí giã, bất năng thiện kỳ hậu hĩ”.

Dùng một đội quân như vậy đi chiến đấu, ắt đòi hỏi phải thắng nhanh, kéo dài sẽ khiến quân đội mỏi mệt, nhuệ khí sút kém, đánh thành sẽ hao tổn binh lực, quân đội ở lâu bên ngoài sẽ làm cho nền tài chính nước nhà khốn đốn. Nếu quân đội mỏi mệt, nhuệ khí sút kém, binh lực hao tổn, kinh tế đất nước cạn kiệt, các nước chư hầu thừa cơ tiến đánh, thì dầu có người đa mưu túc trí cũng khó bề cứu vãn.

Tề Dẫn Vương gây chiến liên miền, tự chuốc lấy thất bại

Giữa thời Chiến Quốc, hai nước mạnh là Tề và Tần đối đầu nhau ở hai phía đông tây. Năm Chu Noãn vương thứ nhất (năm 314 trước Công Nguyên), Tề thừa cơ nước Yên có nội loạn tranh giành ngôi vua, liền tiến đánh Kế đô của nước Yên (nay là tây nam Bắc Kinh), giết Tiễn Yên vương Khoái cùng đưa con trai 4 tuổi của ông ta.

Quân Tề chém giết và cướp đoạt của cải, làm dân Yên phẫn nộ, nhiều nơi nổi dậy kháng cự. Các nước chư hầu ở Trung nguyên cũng chuẩn bị cứu Yên, quân Tề buộc phải rút về.

Quý tộc Yên đưa Thái tử Bình lên làm vua lấy hiệu là Yên Chiêu vương. Sau khi lên ngôi, Yên Chiêu vương bề ngoài phục tùng nước Tề, nhưng ngầm trọng dụng các hiền sĩ như Tô Tần, Nhạc Nghị, cải cách nội chính, muốn báo thù nước Tề.

Yên Chiêu vương và Tề tướng Tô Tần bí mật bàn sách lược đánh Tề: phải làm cho Tề “phía tây bị mệt với Tống phía nam bị mỏi với Sở”, phải tác chiến với cả hai phía, khi đã tiêu hao nặng nề, Yên sẽ thừa cơ đánh Tề. Năm 301 trước Công Nguyên Yên Chiêu vương cử Tô Tần sang Tề thi hành mưu kế đó.

Tề Dẫn vương hiếu chiến, lại có Tô Tần xúi giục, ngay năm đó liên hợp với Tần, Hàn và Ngụy đánh Sở, giết tướng Sở là Đường Muội, chiếm Trọng Khưu. Vua Sở đưa Thái tử Hoàn sang Tề làm con tin, hai nước tạm thời hoà hoãn.

Năm Chu Noãn vương thứ 17 (298 trước Công Nguyên), Tề Dẫn vương lại liên hợp với Hàn, Ngụy đánh Tần, sau 3 năm chiếm được ải Hàm Cốc, nước Tần phải cầu hoà. Sau khi liên quân Tề, Ngụy, Hàn rút khỏi Tần, lại thừa thắng tấn công Yên, đánh bại quân Yên, bắt sống 2 tướng đại thắng trở về.

Tề Dẫn vương mấy lần thắng lợi, ngày càng kiêu ngạo, tự xưng bá chủ. Yên Chiêu vương bàn với Tô Tần. Tô Tần cho rằng muốn đánh Tề, trước hết phải phá vỡ liên minh Tề, Hàn, Ngụy để cô lập nước Tề. Muốn như vậy thì kinh đô Định Đào của Tống là đô thị phồn hoa nhất ở Trung nguyên, các

nước nhòm ngó đã lâu, nếu dụ Tề Dẫn vương diệt Tống, thì các nước ắt sẽ kéo đến tranh giành, như vậy Tề sẽ phải đối mặt với mấy địch thủ cùng lúc.

Năm 288 trước Công Nguyên, Tô Tần lại được cử sang Tề. Khi ông đến, vừa lúc sứ thần của Tần cũng sang. Lúc này Tần Chiêu vương tự xưng là Tây đế, muốn lôi kéo Tề nên phái sứ sang Tề tôn là Đông đế, rồi hai bên liên quân đánh Triệu chia đất với nhau.

Tề Dẫn vương hỏi ý kiến Tô Tần. Tô Tần nói: “Tề, Tần cùng xưng đế, thì các nước chư hầu sẽ chỉ tôn trọng Tần chứ không coi trọng Tề. Nếu Tề không xưng đế, thiên hạ sẽ thân với Tề mà xa lánh nước Tần, hơn nữa, đánh Triệu không lợi bằng chiếm Tống”. Tô Tần khuyên Tề Dẫn vương liên hợp đánh Tần, lợi dụng thời cơ các nước đánh Tần mà thôn tính nước Tống. Tề Dẫn vương tưởng bằng cách đó vừa làm cho Tần từ mạnh hoá yếu, vừa có thể chiếm được Tống, bèn không xưng đế mà liên hợp các nước để đánh Tần.

Năm Chu Noãn vương thứ 28 (287 trước Công Nguyên), 5 nước Tề, Triệu, Hàn, Ngụy, Sở đánh Tần. Yên Chiêu vương thấy Tề Dẫn vương đã sa vào bẫy của Tô Tần, một mặt phái binh đi đánh Tần, một mặt cử binh giúp Tề đánh Tống. Tề Dẫn vương tưởng nước Yên trung thành, bèn rút quân ở biên giới với Yên mà dốc toàn lực để đánh Tần, Tống. Nước Tần thấy thế liên hợp của các nước kia quá mạnh, để gỡ nguy, buộc phải bỏ hiệu xưng đế, trả lại đất của Ngụy và Triệu mà Tần từng chiếm đoạt.

Năm sau, Tề lại cất quân đánh Tống, diệt được nước Tống. Tề Dẫn vương sau khi đánh bại Tần và diệt Tống càng kiêu ngạo, lại chiếm đoạt Hoài Bắc (nay là dải đất bờ bắc sông Hoài, tỉnh Giang Tô) vốn của nước Sở, 2 lần cất binh bức Hàn, Ngụy, Triệu, các nước nhỏ ở lưu vực Tứ Thủy đều buộc phải thần phục Tề. Các nước muốn tự vệ, đều nuôi chí phản Tề. Nước Tề do chinh chiến liên miên, quốc lực hao tổn, dân chúng oán thán vô cùng.

Yên Chiêu vương thấy thời cơ đánh Tề đã đến, triệu đại tướng Nhạc Nghị đến bàn kế sách. Nhạc Nghị nói: “Nước Tề hùng mạnh, đất rộng người đông. Yên không thể đơn độc đánh Tề. Cần liên hợp với Triệu, Sở và Ngụy mới có thể thành công”.

Yên Chiêu vương nghe lời khuyên của Nhạc Nghị, phái sứ giả sang liên kết với Ngụy, Sở, sau đó, lại cử Nhạc Nghị sang Triệu, nhờ khuyên Tần

đánh Tề.

Năm 284 trước Công Nguyên, Yên Chiêu vương cử Nhạc Nghị làm nguyên soái chỉ huy liên quân 6 nước Yên, Tần, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy đánh Tề. Tề Dẫn vương cử Xúc Tử làm đại tướng chỉ huy đại quân nghênh chiến.

Quân Tề đánh nhau đã nhiều năm, sức lực mỗi mệt; tinh thần sa sút. Tề Dẫn vương thân chinh đốc thúc quân lính, còn sai người đến báo với Xúc Tử rằng nếu họ không chịu đánh trận thì sẽ bị chém đầu và đào phá mả tổ của họ. Tướng sĩ quân Tề càng nghe càng nản, không muốn chiến đấu. Chỉ một trận Tế Tây, quân Tề đại bại, Xúc Tử bỏ quân chạy biệt tích.

Nhạc Nghị thừa thắng chỉ huy liên quân truy kích, chiếm kinh đô Lâm Tri của Tề. Tề Dẫn vương bỏ chạy đến đất Cử. Nước Sở phái Náo Xỉ đem binh vào đất Tề. Tề Dẫn vương tưởng lầm có thể nhờ quân Sở chống lại quân Yên bèn ủy nhiệm Náo Xỉ làm Tế tướng. Náo Xỉ nhân đó giết Tề Dẫn vương, lấy lại đất Hoài Bắc. Nước Tề bị Nhạc Nghị chiếm hơn 70 thành, cơ hồ mất nước.

“Binh văn chuyết tốc, vị đồ xảo chi cứu dã”

Về phương diện quân sự, chỉ nghe nói dùng binh có thể vụng về nhưng thắng nhanh, chứ chưa thấy chỉ huy giỏi mà lại đánh dây dưa lâu dài.

Tấn Lệ Công đánh nhanh diệt quân Tần

Năm Chu Giản vương thứ 8 (578 trước Công Nguyên), nổ ra trận Ma Tuy (nay là huyện Kim Dương, tỉnh Thiểm Tây) giữa Tần và Tấn. Trước trận này, Tấn đã chuẩn bị đầy đủ; bắt đầu từ Tấn Cảnh Công đến con trai là Tấn Lệ Công, công việc chuẩn bị kéo dài 10 năm, nhằm tiến công nước Tần ở phía Tây, dựng nghiệp bá.

Trước hết, Tấn Cảnh Công dùng lễ hậu tiếp đãi quý khách nước Tề từ phía đông tới và trả lại cho Tề vùng đất Tề từng cắt nhượng cho Tấn, khiến Tề Cảnh Công cảm kích, liền bỏ kế hoạch liên minh với Sở chống Tấn.

Tiếp đó, Tấn Cảnh Công lại dùng sách lược “liên Ngô chế Sở”, cử 1 đơn vị quân đội và chiến xa lặn lội xuống nước Ngô ở vùng duyên hải phía nam để huấn luyện giúp Ngô cách dùng bộ binh và chiến xa, nhằm làm quân Ngô mạnh lên mà khống chế nước Sở, láng giềng của Tấn.

Thứ 3, sau khi thực hiện thành công sách lược liên Tề, liên Ngô chế Sở, liền dùng kế giải tán liên minh Tần Sở, đánh bại từng nước. Khi đã khiến Ngô quấy nhiễu Sở rồi, Tấn Cảnh công liền thả tướng Chung Nghi của Sở từng bị bắt ngày trước, làm quan hệ Tấn Sở trở nên hoà hoãn.

Trải qua thêm vài năm ngoại giao, sứ thần hai nước Tấn và Sở gặp nhau tại kinh đô nước Tống, đôi bên ước hẹn: “Không xâm phạm lẫn nhau, nước nào hại Sở, Tấn sẽ trừng phạt, nước nào hại Tấn, Sở sẽ trừng phạt”.

Năm 580 trước Công Nguyên, Tấn Lệ Công lên nối ngôi, thử thăm dò nước Tần, liền hội kiến với Tần Hoàn công ở Lệnh Hồ. Quan đại phu nước Tấn là Sĩ Nhiếp nói riêng với Tấn Lệ công rằng Tần Hoàn công không có chút thành ý nào.

Quả nhiên Tần Hoàn công về nước liền nuốt lời hứa, phái người sang Sở và tộc Địch bày mưu đánh Tấn. Nhưng Sở cự tuyệt đề nghị của Tần Hoàn công và báo cho Tấn biết. Năm 579 trước Công Nguyên, nước Tần ước hẹn với tộc Địch tiến công Tấn. Nước Tấn đã giải trừ được sự uy hiếp ở phương nam là nước Sở, có thể toàn lực chống liên quân Tần-Địch. Ở Giao Cương, Tấn đánh bại Tần và Địch. Sau đó, Tấn Lệ công cho rằng thời cơ đánh Tần

đã tới, nên cử quan đại phu Lã Tương sang Tần tuyên bố tuyệt giao với Tần và đọc bản tuyên ngôn thảo phạt dài nhất lịch sử thời Xuân Thu.

Sau khi biết nội dung bản tuyên bố, Sở quyết định không can thiệp. Năm 578 trước Công Nguyên, trước khi cất quân, Tần Lệ công họp bàn chu đáo với quần thần. Thứ 1, các nước liên minh với Tần ở phía đông nam không lấy gì làm chắc chắn, nhất là nước Sở vốn hữu hảo với Tần, nay tạm hoà hoãn với Tần chỉ là để đối phó với Ngô. Thứ 2, cần liên hợp quân đội tám nước liên minh như Tề, Tống ...để đánh Tần. Thứ ba, phải đánh Tần cho triệt để, nhằm diệt trừ hiểm họa ở phía tây nước Tấn. Do vậy, phải đánh nhanh thắng nhanh, không thể kéo dài.

Tháng 5, quân Tấn và liên quân 8 nước, tổng cộng 20 vạn người, đánh Tần. Tần điều động toàn bộ binh lực được vài vạn người, vượt sông Kinh đến Ma Tuy thì gặp quân Tấn.

Quân Tần mới sang sông đã bị quân Tấn triển khai tấn công, chưa đứng vững chân đã phải ứng chiến, nhanh chóng bị đánh bại, toàn bộ số quân đã qua sông bị tiêu diệt. Trận Ma Tuy được ghi rõ trong lịch sử thời Xuân Thu như là trận đánh điều động binh lực rất lớn, dùng binh thần tốc.

“Bất tận tri dụng binh chi hại giả, tắc bất năng tận tri “dụng binh chi lợi dã”

Người không hiểu biết hết cái hại của việc dùng binh, thì sẽ không hiểu nổi cái lợi của việc dùng binh.

Vua Tần tham lợi, bại ở Hào Sơn

Tần Mục công lên ngôi, trọng dụng hiền sĩ, nước Tần ngày một cường thịnh, chỉ muốn mở rộng bờ cõi. Năm Chu Nang vương thứ 24 (628 trước Công Nguyên), Tần Mục công muốn nhân lúc hai vua nước Tấn, Trịnh đều mới băng hà, thừa cơ đem quân đánh Trịnh, để tiến vào Trung Nguyên.

Tần Mục công hỏi ý kiến quan đại phu Kiến Thúc. Kiến Thúc nói: “Trịnh là nước nhỏ, ở xa ta ngàn dặm. Quân ta phải hành quân xa như vậy, há có thể giữ được bí mật? Muốn đánh kẻ địch có phòng bị, thì rất khó thủ thắng, mà dù có thủ thắng, thì cái lợi cũng quá nhỏ. Nếu lỡ thất bại, tổn thất sẽ nặng nề”. Tần Mục công không nghe lời Kiến Thúc, liền cử Mạnh Minh Thị, con trai của Bách Lý Tào và Tây Khất Thuật, con trai của Kiến Thúc là Bạch Ất Bính làm tướng, đem quân viễn chinh sang phía đông.

Kiến Thúc lo lắng, hôm quân đội xuất phát, ông ra tiễn con, khóc và nói: “Ta xem chuyển này các người đi chẳng có ngày về. Các người xuất chinh, nước Tấn ắt sẽ đem binh đến Hào Sơn chặn đánh. Hào Sơn (phía tây bắc huyện Lạc Ninh, tỉnh Hà Nam) có nhị lăng (Đại Sơn), địa thế hiểm yếu. Rơi ta sẽ phải tới đó lượm xác các người mất thôi”.

Quân Tần lên đường, qua Hào Sơn, rồi Lạc Ấp, đến địa giới nước Hoạt. Lúc này có một người lái trâu nước Trịnh, tên Huyền Cao, biết tin quân Tần lén đánh Trịnh, liền mạo xưng là sứ thần nước Trịnh tới xin gặp Mạnh Minh Thị.

Huyền Cao nói với Mạnh Minh Thị: “Quốc vương chúng tôi nghe nói quý quân muốn tới nước Trịnh, đặc phái tôi mang đến món lễ vật nhỏ gồm 4 bộ da thuộc và 12 con trâu làm tặng phẩm”,

Đồng thời Huyền Cao gấp cử người đi kinh đô cấp báo với nhà vua rằng quân Tần lén đem quân đánh Trịnh, thỉnh nhà vua chuẩn bị nghênh chiến.

Mạnh Minh Thị nghĩ nước Trịnh đã biết tin, ắt sẽ chuẩn bị ứng chiến, không còn khả năng đánh lén được nữa, nếu tiến quân đi sâu vào nội địa nước Trịnh, đằng sau không có cứu viện thì khó thành công, bèn hạ lệnh hạ trại ở địa giới nước Hoạt.

Đang trong tình thế tiến thoái lưỡng nan, Mạnh Minh Thị hạ lệnh ban đêm tập kích nước Hoạt, cướp nhiều của cải chất lên chiến xa mà đem binh về nước.

Nước Tấn đang có tang, nghe tin quân Tần vượt qua Đào Lâm, Hàm Cốc đông chinh, Tấn Nang công mới lên ngôi liền triệu văn võ bá quan nghị sự. Đại phu Tiên Chấn nói: “Tần Mục công không nghe lời can của Kiến Thúc, đem binh phạt Trịnh, thật quá tham lam. Đối với kẻ địch tham tàn, quyết không thể tha mà sinh hoạ. Quân ta nên chặn đánh chúng”.

Đại tướng Loan Chi nói: “Tần Mục công từng có ân sâu với Tấn Văn công, nên hồi trước Tấn Văn công từng lui quân 90 dặm né tránh. Nay ta chặn đánh, chỉ e trái ý Tấn Văn công vừa tạ thế...”.

Tiên Chấn nói: “Tha cho địch một ngày, sẽ lưu hoạ đời sau. Nay ta lo cho hậu thế thì có hổ thẹn gì với tiên quân”. Thế là Tấn Nang công quyết định đánh Tần.

Cuối tháng 3 năm sau (627 trước Công Nguyên) quân Tấn đến Hào Sơn, mai phục ở dọc hai bên hẻm núi, ở trên cao, chờ sau khi quân Tần đã lọt hết vào hẻm núi sẽ ập xuống đánh.

Đầu tháng 4, quân Tần từ nước Hoạt kéo về, binh xa chở nặng nên hành quân rất chậm. Khi vào hẻm núi Hào Sơn, đường chật hẹp nên đội ngũ trải ra rất dài.

Bạch Ất Binh nói với Mạnh Minh Thị: “Cha tôi dặn qua Hào Sơn phải hết sức cẩn thận, chớ để quân đội phân tán”. Mạnh Minh Thị thở dài: “Qua được Hào Sơn đã tới địa giới nước nhà rồi. Tôi đi phía trước mở đường, hai vị đốc quân phía sau cố theo cho kịp nhé!

Đi được một đoạn dài, bỗng phía trước bị vô số cây gỗ chắn kín, Mạnh Minh Thị biết nguy, cố trấn tĩnh hạ lệnh binh sĩ dọn gỗ lấy lối đi. Quân đang khiêng dọn gỗ, bỗng chiêng trống tứ bề nổi lên, quân Tấn ào xuống cắt quân Tần thành nhiều đoạn. Quân Tần lớp bị giết, lớp bị bắt làm tù binh, tan rã hoàn toàn. 3 tướng Mạnh Minh Thị, Tây Khất Thuật, Bạch Ất Binh bị bắt sống.

“Nhãn lương ư địch, cố quân thực khả túc dã”

Lương thực thì lấy của địch; như thế lương thảo của quân mình mới luôn đầy đủ.

Lưu Bang dụng lương của địch vào Quan Trung

Tháng 9 nhuận năm 208 trước Công Nguyên, Lưu Bang được Sở Hoài vương phái sang Quan Trung, quấy rối Hàm Dương là kinh đô nước Tần (đông bắc thành Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây).

Lúc này tuy chủ lực của quân Tần đang ở Hà Bắc xa xôi, binh lực ở Quan Trung ít ỏi, nhưng ở các cửa ải quan trọng đều có quân Tần canh giữ. Lưu Bang chỉ có 1 vạn quân, muốn đến Hàm Dương quả là khó khăn.

Trên đường tiến quân, Lưu Bang liên tục mộ thêm lính, thanh thế lớn dần. Nhưng khi tiến công Mạo Ấp (nay là phía nam huyện Cự Dã, tỉnh Sơn Đông) thì bị chặn đứng. Lưu Bang đành đi vòng sang phía tây, đến Cao Dương (này là phía tây huyện Khởi, tỉnh Hà Nam) thì có lính vào báo: “Có 1 lão nho xưng tên Lê Thực Kỳ muốn vào yết kiến”. Lưu Bang vốn ghét các nhà nho, lúc này đang được hai thị nữ hầu rửa chân, bèn nói: “Cho lão ta vào”.

Lê Thực Kỳ vừa vào, thấy Lưu Bang ngạo mạn vô lễ thì không quỳ, chỉ vái một cái. Lưu Bang cũng chẳng buồn ngẩng đầu nhìn khách.

Lê Thực Kỳ cao giọng hỏi: “Túc hạ đem quân tới đây là giúp Tần đánh các nước, hay là giúp các nước khác diệt Tần vậy?”. Lưu Bang nghe vậy thì cả giận: “Lão hủ nho nói năng vớ vẩn, chẳng lẽ thiên hạ muốn diệt Tần, riêng ta lại muốn giúp Tần hay sao?”. .

Lê Thực Kỳ tiếp: “Vậy thì vì sao túc hạ tiếp người lớn tuổi hơn mà lại vô lễ vậy? Đánh trận không thể không có mưu sĩ, túc hạ khinh mạn hiền sĩ thế này thì còn ai muốn tới hiến kế nữa?”.

Lưu Bang nghe lời khách, biết không phải người tầm thường, vội ngưng rửa chân, chỉnh đốn y phục, cung kính mời khách ngồi và xin được chỉ giáo.

Lê Thực Kỳ nói thao thao bất tuyệt về nguyên nhân thành bại của 6 nước. Lưu Bang thán phục, hỏi làm sao mới thắng Tần. Lê Thực Kỳ cười: “Binh mã túc hạ chỉ hơn vạn người, muốn trực tiếp đánh với quân Tần, khác nào đem dê vào trước miệng cọp, cực kỳ nguy hiểm!”.

Lưu Bang vội hỏi mưu kế, Lê Thực Kỷ vuốt râu thông thả nói: “Theo ý lão phu, trước hết hãy chiếm Trần Lưu (nay là đông nam thành Khai Phong, tỉnh Hà Nam). Trần Lưu là cụm giao thông quan trọng thông với 4 phía. Tiến có thể đánh, lùi có thể giữ, trong thành lại nhiều lương thảo”.

Lưu Bang đang lo lương thảo cho quân đội, vội hỏi: “Tiên sinh có diệu kế gì để chiếm Trần Lưu?” Lê Thực Kỷ nói: “Nếu túc hạ muốn chiếm Trần Lưu, lão phu nguyện giúp sức. Huyện lệnh ở Trần Lưu vốn là chỗ quen biết lâu năm của lão phu, để lão phu đi khuyên y đầu hăng”.

Lê Thực Kỷ tới Trần Lưu, huyện lệnh thấy người quen cũ, mở tiệc tiếp đãi. Trong bữa tiệc, Lê Thực Kỷ đàm đạo về thời thế trong thiên hạ, phân tích lợi hại được mất, huyện lệnh nghe chẳng chút động lòng, mà còn nói là quyết sống chết giữ thành.

Lê Thực Kỷ không thuyết phục được, bèn lảng sang chuyện khác. Chờ đêm xuống, Lê Thực Kỷ lén mở cổng thành cho quân Lưu Bang ập vào. Quân Lưu Bang xông vào phủ đường, giết chết viên huyện lệnh, quân giữ thành liền đầu hàng. Lưu Bang vào thành, xem xét kho lẫm, thấy lương thực chất đầy, liền phong Lê Thực Kỷ làm Quảng Dã quân.

Quân Lưu Bang đã có dư lương thảo, ung dung tiến sang phía tây, dọc đường dân chúng ủng hộ, đội ngũ lớn lên không ngừng. Sau đó Lưu Bang tiến quân thuận lợi. Thế là năm thứ nhất Hán Cao Tổ (năm 206 trước Công Nguyên), tháng 10, gửi thư chiêu hàng tới Tần vương Tử Anh. Tử Anh đành phải đầu hàng. Vương triều nhà Tần diệt vong.

“Sát địch giả, nộ dã”

Muốn quân đội anh dũng chiến đấu, phải khích lệ sĩ khí.

Trần Thắng dựng cờ khởi nghĩa

Tháng 7/209 trước Công Nguyên, hơn 900 dân nghèo bị sai đi Ngự Dương (huyện Giao Mật Vân, Bắc Kinh) phòng thủ biên cương, dọc đường bị mưa lớn phải dừng ở làng Đại Trạch (huyện Túc, tỉnh An Huy). Mưa to nhiều ngày không ngớt, đường bị tắc làm họ khó bề tới Ngự Dương đúng hạn. Theo luật của nhà Tần sẽ bị xử tử. 2 trưởng cơ là Trần Thắng và Ngô Quảng bèn bàn kế.

Hôm ấy Trần Thắng nói với trưởng cơ Ngô Quảng: “Dân chúng đã chịu cực khổ quá lâu bởi vua Tần. Tần công tử Phù Tô và tướng Hạng Yên của nước Sở uy vọng rất cao. Chúng ta mượn danh nghĩa của họ để nổi dậy khởi nghĩa, nhất định sẽ có nhiều người hưởng ứng”.

Ngô Quảng nói: “Đúng! Nay chạy cũng chết, khởi nghĩa cũng chết. Đàng nào cũng chết, chi bằng liều một phen dựng đại nghiệp!”.

Hôm sau, 2 người đi xem bói. Thầy bói nói: “Sự nghiệp của hai vị nhất định thành công, hơn nữa còn lập nên kỳ công, có điều phải cầu quỉ thần giúp đỡ”. Trần Thắng và Ngô Quảng vội quì lạy, xin ông thầy chỉ giáo. Không lâu, trong lúc đi bắt cá, một tốp lính thú bắt được một con cá lớn, khi mổ bụng cá, thấy bên trong có một tờ giấy, giờ xem thì trên giấy viết ba chữ bằng máu đỏ: “Trần Thắng vương”. Ai nấy kinh dị kháo nhau àm cả lên.

Đêm khuya, từ một ngôi miếu hoang gần chỗ ở cứ văng vẳng vọng lại mấy câu: “Hưng Đại sở, Trần Thắng vương” nghe như tiếng hồ li ai nấy lo sợ không dám chợp mắt.

Sáng hôm sau, Trần Thắng đi tới đâu, mọi người đều nhìn chàng bằng cặp mắt kinh ngạc.

Thấy thời cơ đã chín muồi, Ngô Quảng nhân lúc 2 tên quan áp giải say rượu, bèn cố ý nói là anh em muốn chạy trốn, viên quan liền dùng roi đánh Ngô Quảng.

Ngày thường Ngô Quảng là người hiền hậu, được anh em lính thú yêu mến, thấy anh bị đánh, ai nấy phẫn nộ. Lúc ấy, một viên quan lại rút kiếm ra, Ngô Quảng liền đoạt lấy kiếm và giết hẳn.

Trần Thăng chạy lại giết nốt tên quan kia, đoạn chàng giơ kiếm nói lớn: “Anh em chúng ta gặp mưa gió đều đã lỡ kỳ hạn cứ theo luật triều đình, sẽ bị xử tử. Mà dù không bị xử tử làm lính thú nơi biên ải thì rồi cũng bỏ xác quê người”.

Anh em lính thú xông vào, 1 người nói to: “Vậy chúng ta phải làm gì?”. Trần Thăng lớn tiếng: “Tráng sĩ dù chết thì cũng phải chết cho thơm. Chẳng lẽ vua chúa là do trời sinh ra hay sao?” Lời Trần Thăng hung hồn, dũng dạc, có lý, mọi người xúc động hô lớn: “Chúng tôi nguyện tuân theo sự chỉ huy của anh!”. Sau đó, mọi người chặt tre làm vũ khí, chặt đầu viên quan áp giải tế trời, tuyên thệ với nhau, tự xưng hiệu Đại Sở.

Trần Thăng xưng là tướng quân, Ngô Quảng làm Đô úy hô to: “Chém vô đạo, giết bạo Tần”. Cuộc khởi nghĩa nông dân đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc đã nổ ra như vậy.

“Thủ địch chi lợi giả, hoá dã”

Muốn quân đội đoạt lấy chiến lợi phẩm, phải hậu thưởng cho họ.

Thương Ưởng lập pháp thưởng công quân đội

Thời Chiến Quốc, năm Chu Hiến vương thứ 8 (361 trước Công Nguyên), Tần Lý công lên ngôi, chuẩn bị khuếch trương thế lực về Trung Nguyên, ra lệnh: “Quần thần và tân khách nào đề xuất kế hay làm nước Tần giàu mạnh, quả nhân sẽ ban thưởng chức quyền và đất đai”.

Dụ lệnh thu nạp nhân tài của Tần Lý Công truyền đến tai Vệ Ưởng. Ông vội thu thập hành lý sang Tần. Đến Tần, Vệ Ưởng nhờ sủng thần Cảnh Lâm dẫn vào yết kiến Tần Lý công. Để thăm dò thái độ nhà vua, Vệ Ưởng cố ý thao thao bất tuyệt về đạo của tiên vương, về nhân chính và lễ trị. Tần Lý công chẳng chút hứng thú, lim dim mắt như ngủ gật.

Vệ Ưởng xin tái kiến. Lần này ông nói về sự phát triển nông nghiệp để đất nước giàu mạnh, về thuật khích lệ quân công để xây dựng quân đội. Tần Lý công chăm chú lắng nghe, thế là hai người đàm đạo suốt 3 ngày liền.

Tần Lý công muốn Vệ Ưởng soạn thảo phương pháp cải cách chế độ, chuẩn bị thi hành, nhưng vấp phải sự phản đối của hầu hết các đại thần quý tộc. Nhà vua cảm thấy mình mới lên ngôi, quyền lực chưa vững, đành tạm thời bó tay.

5 năm sau, điều kiện cải cách đã chín muồi, địa vị của Tần Lý công đã vững chắc, nhà vua liền phong cho Vệ Ưởng làm Tả Thứ Trưởng, phụ trách pháp luật và nói với các đại thần: “Ai dám phản đối Vệ Ưởng tức là phản đối trẫm!”. Thế là các đại thần không ai dám phản đối.

Trước khi công bố pháp lệnh, Vệ Ưởng cho trồng một cây cột cao 3 trượng ở cửa nam kinh thành và nói: “Ai có thể nhổ cây cột này mang trồng ở cửa thành phía bắc, sẽ được thưởng 10 lượng vàng”. Rất nhiều người đứng xem, bàn tán sôi nổi, không ai tin là chỉ nhổ 1 cây cột mà được những mười lượng vàng. Vệ Ưởng thấy không ai ra tay, lại tuyên bố: “Ai làm việc đó, sẽ được thưởng 50 lượng vàng”. Có người thấy phần thưởng lớn như vậy, liền nhận lời và nhổ cây cột đến trồng ở cửa bắc. Vệ Ưởng thưởng ngay 50 lượng vàng. Việc này làm chấn động kinh thành, ai cũng khen Vệ Ưởng biết giữ chữ tín, nói là làm.

Bây giờ Vệ ưởng mới công bố pháp lệnh mới, chủ yếu gồm 5 điều: 1. Biên tạo hộ tịch. 2. Huynh đệ phân cư. 3. Tưởng thưởng quân công. 4. Khích lệ nghề nông. 5. Thiêu hủy “thi”, “thư”.

Trong pháp lệnh tưởng thưởng quân công có qui định: bất kể chức vụ cao thấp, xuất thân thế nào, nếu có công đều được thưởng tước vị. Định rõ tước vị của nước Tần có 20 cấp, gắn liền với số ruộng đất và nô tỳ được hưởng tùy từng cấp.

Pháp lệnh ban ra, tướng sĩ trong quân đội ai nấy hồ hởi nhưng giới quý tộc thì oán hận. Theo qui định của pháp lệnh mới, dù là người trong vương tộc tôn thất mà không có quân công thì cũng không được ghi vào hộ tịch công hầu, không được đãi ngộ đặc biệt.

Pháp lệnh mới còn qui định cấm dân chúng đánh nhau, phạm đánh nhau sẽ căn cứ vào tình tiết nặng nhẹ mà trừng phạt. Điều này nhằm để mọi người vì nước mà giết địch chứ tuyệt đối không được vì oán thù riêng mà tàn sát lẫn nhau.

Năm Tần Lý công thứ tám (354 trước Công Nguyên), Ngụy, Triệu đánh nhau. Tần thừa cơ đem quân đánh Ngụy. Do pháp lệnh thưởng công rõ ràng, chém đầu 1 tên địch được thăng 1 tước vị, thành thử binh sĩ ai nấy đua nhau giết địch.

Chỉ một trận Nguyên Lý (nay là tây nam Đặng Thành, tỉnh Thiểm Tây), quân Ngụy thua to, bị chém 7000. Đây là thắng lợi quân sự đầu tiên sau ngày công bố pháp lệnh mới.

2 năm sau (352 trước Công Nguyên), do thắng lợi của sự thay đổi pháp luật, Vệ ưởng được thăng tước Đại Lương Tạo, tương đương tướng quốc ở các nước Trung Nguyên, còn kiêm nhiệm tổng chỉ huy quân đội.

Bấy giờ các nước ở Trung Nguyên đánh nhau dữ dội. Vệ ưởng cầm quân đánh Ngụy. Tinh thần tướng sĩ hồ hởi, quân Tần tiến như vũ bão, chiếm cứ đô của Ngụy là An Cấp (tây bắc huyện Hạ, tỉnh Sơn Tây). Đây là thắng lợi lớn thứ hai sau khi ban hành pháp lệnh mới.

Năm sau, Vệ ưởng lại đem quân đánh Dương Thành của nước Ngụy. Đây là trường thành kiên cố mà nước Ngụy xây dựng để phòng Tần tiến công. Lính phòng thủ Dương Thành không địch nổi, phải đầu hàng.

Pháp lệnh mới biến Tần trở thành cường quốc ở Trung Nguyên. Vệ Ưởng vì có công lớn, được phong tước hiệu Thương quân, hưởng lộc 15 ấp, nên gọi là Thương Ưởng.

Sau khi Tần Lý công băng hà, Thương Ưởng bị giới quý tộc nước Tần sát hại, nhưng kế sách phú quốc cường binh của ông đã làm cơ sở cho chính sách của cả nước từ đó về sau.

“Tốt thiện nhi dưỡng chi, thị vị thắng địch nhi ích cường”

Ưu đãi và sử dụng hàng binh là cách vừa thắng địch vừa làm mạnh lên.

Lý Tố trọng đãi hàng tướng

Năm Đường Hiến Tông Nguyên Hoà thứ 9 (năm 814), Tiết độ sứ Chương Nghĩa (Chương Nghĩa, Hoài Ninh, đều thuộc đạo Hoài Tây, trụ sở tại Thái Châu) là Ngô Thiếu Dương qua đời, con trai ông lúc ấy đang làm thứ sử Thái Châu (nay là Nhữ Nam, tỉnh Hà Nam) tên là Ngô Nguyên Tế không chịu báo tang, dùng Thái Châu làm căn cứ, dấy binh làm phản đem quân đốt phá Hoài Tây. Đường Hiến Tông chiêu dụ không thành, mới điều binh mã trừng phạt.

Thái tử Chiêm Sự Lý Tố chủ động dâng thư lên Đường Hiến Tông xin đem binh đi thảo phạt Ngô Nguyên Tế. Lý Tố là con trai của danh tướng triều Đường Lý Thạnh, ngày trước từng được triều đình trọng dụng, giữ nhiều chức vụ, lập nhiều công tích.

Đường Hiến Tông bèn cử Lý Tố làm Tiết độ sứ chỉ huy quan quân vùng Hoài Tây.

Năm Nguyên Hoà thứ 12 (năm 817) Lý Tố đến Đường Châu thấy sau nhiều lần thất trận, tướng sĩ có tâm lý sợ tác chiến tinh thần vô cùng sa sút, quyết định tạm thời chưa xuất kích, dùng sách lược dưỡng binh, kiên trì đồng cam cộng khổ với họ, luôn thăm hỏi, ủy lạo thương bệnh binh và để cho binh lính được nghỉ ngơi lấy sức.

Quân phiến loạn sau khi đánh bại hai viên tướng cũ của triều đình, nay thấy Lý Tố là tướng mới được điều tới chưa có tiếng tăm gì, lại cũng chưa dám có hành động quân sự nào, nên chủ quan chảnh lo phòng bị.

Sau mấy tháng chinh đồn và nuôi dưỡng, Lý Tố thấy quan quân Hoài Tây đã có thể tác chiến, liền quyết định tiến đánh Thái Châu.

Lý Tố bắt đầu thực thi sách lược “lấy địch đánh địch”. Trước khi đánh thành Thái Châu, hãy diệt trừ các cứ điểm ngoại vi Thái Châu, bắt hàng hoặc bắt sống nhiều tướng sĩ quân phiến loạn, rồi đối đãi tử tế với họ để họ theo mình.

Một hôm bộ tướng của Lý Tố là Mã Thiếu Lương gặp thủ hạ của Ngô Nguyên Tế là Đinh Sĩ Lương. Đôi bên dàn trận đánh nhau ác liệt. Cuối

cùng Đinh Sĩ Lương bại trận và bị bắt.

Mã Thiếu Lương giải Đinh Sĩ Lương về doanh trại. Được tin ấy, nhiều tướng sĩ từng bị bại trận bởi tay Đinh Sĩ Lương kéo đến xem và đòi mổ bụng moi gan họ Đinh để giải hận. Lý Tố đồng ý.

Khi Đinh Sĩ Lương bị giải đến trước mặt Lý Tố. Lý Tố hỏi: “Trước khi chết người muốn nói gì không?”. Đinh Sĩ Lương bình tĩnh, đồng dạc trả lời: “Đại trượng phu chết thì chết, không cần nhiều lời!”.

Lý Tố tán thưởng: “Quả là bậc đại trượng phu ít có!”. Đoạn hạ lệnh cởi trói cho Đinh Sĩ Lương. Đinh Sĩ Lương không ngờ được đối xử như vậy, cảm kích trước tấm lòng của Lý Tố, nguyện chiến đấu để báo đáp. Lý Tố liền tặng giáp trụ, binh khí và cho làm tùy tướng của mình.

Lúc này ở ngoại vi Thái Châu có một cứ điểm kiên cố trọng yếu là Văn Thành San do tướng Ngô Tú Lâm của quân phiến loạn chỉ huy. Quân Đường trước đây đánh vào nhiều lần đều thất bại.

Đinh Sĩ Lương hiến kế với Lý Tố: “Sở dĩ không phá được Văn Thành San là vì Ngô Tú Châu được Trần Quang Hiệp bày mưu hiến kế. Nếu chủ tướng cho phép, Lương này xin bắt Trần Quang Hiệp đem về”. Lý Tố vui mừng chuẩn y.

Trần Quang Hiệp tuy tài trí, nhưng có nhược điểm là tự cao tự đại và thích đích thân cầm quân đánh nhau. Đinh Sĩ Lương lợi dụng nhược điểm ấy, quả nhiên bắt được Trần Quang Hiệp.

Ngô Tú Châu mất Trần Quang Hiệp, không còn ai bày mưu, bị vây ít ngày, đành đem 3000 quân đầu hàng. Trong số thuộc hạ của Ngô Tú Châu có một viên tướng là Lý Hiến rất dũng cảm, Lý Tố bèn đổi tên thành Lý Trung Nghĩa và cho làm tùy tướng ở bên mình.

Lý Tố ra lệnh di chuyển toàn bộ gia quyến của hàng binh tại Văn Thành San về Đường Châu là nơi an toàn hơn, phái binh mã hộ tống cẩn thận. Quân triều đình liên tiếp thắng trận, sĩ khí phấn khởi, ai cũng muốn một trận thư hùng với phiến quân.

Phía quân phiến loạn cũng có nhiều người thấy tình thế bất lợi liền bỏ sang hàng Lý Tố. Lý Tố để cho họ tự chọn ở lại hoặc về quê, ai có cha mẹ còn được ông cấp cho quần áo ấm và lương thực đem về. Ai nấy cảm động đều tình nguyện ở lại làm lính cho Lý Tố.

Lý Tố hạ lệnh tiến công các cứ điểm, mỗi khi có hàng binh ông đều thân chinh tiếp đón, thăm hỏi, vì vậy toàn bộ tình hình quân phiến loạn ông đều nắm rõ. Ngô Tú Châu sau khi đầu hàng cũng được Lý Tố trọng dụng cho làm nha tướng. Khi Lý Tố bàn với Ngô Tú Châu cách đánh Thái Châu, Ngô Tú Châu nói: “Tướng phòng thủ Hưng Kiều San (ở phía đông Văn Thành San) là Lý Hựu, một dũng tướng của Ngô Nguyên Tế, rất anh dũng thiện chiến. Nếu chủ tướng muốn lấy Thái Châu, phải có Lý Hựu mới xong! Lý Tố bèn hạ lệnh theo dõi sát động tĩnh của Lý Hựu.

Một hôm thám mã về phi báo rằng Lý Hựu dẫn binh đi cắt lúa mạch tại thôn Trương Sài. Lý Tố vội gọi Sử Dụng Thành tới dặn: “Người mang ba trăm quân tới mai phục ở cánh rừng cạnh thôn Trương Sài. Sau đó người sai người phất cờ hô hoán, giả bộ đốt số lúa mạch mà Lý Hựu đã cắt được. Lý Hựu vốn khinh thường quân ta, nhất định sẽ thúc ngựa truy sát. Lúc ấy phục binh đổ ra sẽ bắt sống được y”. Sử Dụng Thành tuân lệnh, đem quân đi làm đúng theo lời dặn, bắt sống được Lý Hựu.

Vì trước đây Lý Hựu từng chém chết nhiều quan quân trong chiến đấu, cho nên các tướng đều căm hận, nhao nhao đòi xử tử y. Lý Tố vội can ngăn họ. Chẳng những không giết, Lý Tố còn đối đãi với Lý Hựu như thượng khách. Lý Hựu cảm động, nguyện theo chính nghĩa, hết lòng vì Lý Tố.

Chư tướng thấy Lý Tố thân thiết với các hàng tướng mà họ căm giận thì một là họ chưa hiểu, hai là họ không phục, nên thường sinh sự khiến lòng quân dao động. Bất đắc dĩ Lý Tố sai người giải Lý Hựu về triều để vua xử tội. Trước đó ông đã gửi mật thư tâu rõ ý định của mình và nói rằng: “Lý Hựu là một tướng tài, muốn dẹp được Ngô Nguyên Tế không thể thiếu Lý Hựu, nếu giết Lý Hựu, e rằng khó bình định Thái Châu”.

Đường Hiến Tông rất tán thưởng cách sử dụng hàng tướng của Lý Tố, bèn hạ chiếu tha tội cho Lý Hựu và để Lý Hựu về làm quân cho Lý Tố. Lý Tố liền cử Lý Hựu làm Tân binh mã sử, được phép tùy ý ra vào doanh trướng của Lý Tố. Trải qua sóng gió vừa rồi, Lý Hựu càng cảm động vì được tín nhiệm, đã liên tiếp bày mưu hiến kế cho Lý Tố.

Có lần Lý Tố còn gọi Lý Hựu tới ngủ chung với mình, hai người trò chuyện tâm sự vô cùng thân mật. Có kẻ lén nghe trộm, không hiểu họ nói chuyện gì, chỉ thấy Lý Hựu khóc hu hu vì xúc động.

Các hàng tướng khác thấy Lý Tố tin dùng Lý Hựu, đều nguyện ra sức đền đáp ơn của Lý Tố. Ít lâu sau, Lý Tố theo kế của Lý Hựu mà dẹp yên Thái Châu, bức Ngô Nguyên Tế phải đầu hàng.

“ Binh quý thắng, bất quý cứu ”

Dùng binh quý ở tốc chiến tốc thắng, không nên kéo dài dai dẳng.

Lý Tự Nguyên thần tốc chiếm Đại Lương

Thời Hậu Đường, tháng 10 năm thứ nhất Đồng Quang (năm 923), sau khi quân Đường đánh quân Lương đại bại tại Trung Bộ (nay là huyện Văn Thượng, tỉnh Sơn Đông), bắt sống Vương Ngạn Chương là thống soái quân Lương, Đường chúa Lý Tồn Húc mở đại yến chiêu đãi tướng tá.

Lý Tồn Húc nâng ly rượu hướng sang phía Thiên binh Tiết độ sứ Lý Tự Nguyên nói: “Chiến công vừa qua Tiết độ sứ là người đứng đầu, ta kính tướng quân một ly!

Đoạn Lý Tồn Húc nói tiếp với các tướng lĩnh: “Trước khi giao chiến với Ngụy Lương, chỉ có một mình Vương Ngạn Chương là đáng sợ với chúng ta. Nay Vương Ngạn Chương đã bị bắt, hẳn là ý trời muốn diệt chúng. Song phía Ngụy Lương còn có Đoạn Ngưng đóng quân trên sông ngăn chặn, chúng ta nên làm thế nào đây?”. Các tướng bàn luận xôn xao chưa rõ nên làm thế nào.

Lý Tự Nguyên đứng dậy nói: “Dùng binh quý ở chỗ thần tốc. Từ đây tới Đại Lương (đô thành của quân Lương, nay là Khai Phong, tỉnh Hà Nam) không xa, quân ta nên tiến gấp tới đó. Khi Đoạn Ngưng hay tin, thì chúng ta bắt được Lương chúa Chu Hữu Trinh rồi”.

Lý Tồn Húc nghe lời, lập tức cử Lý Tự Nguyên làm tiên phong đem binh mã tiến suốt ngày đêm đến Đại Lương.

Quân đến Tào Châu (nay là phía bắc huyện Tào, tỉnh Sơn Đông), tướng của Lương mở cửa thành đầu hàng. Thuộc hạ đề nghị tạm nghỉ vài ngày, Lý Tự Nguyên nói: “Từ đây đến Đại Lương chỉ còn hơn 200 dặm, các vị cố gắng thêm chút nữa, chờ khi bắt được Chu Hữu Trinh hãy nghỉ ngơi cũng chưa muộn!”.

Lương chúa Chu Hữu Trinh nghe tin Tào Châu thất thủ, quân Đường đã tới gần Đại Lương, thì rơi lệ, vội triệu tập quần thần bàn kế. Quần thần cứ ngỡ là thần binh từ trên trời đột nhiên ập xuống ai nấy nhìn nhau, chẳng biết nên đối phó cách nào.

Chu Hữu Trinh bèn sai Trương Hán Luân phi ngựa lên phía bắc báo tin cho Đoàn Ngưng đem quân về cứu nguy. Trương Hán Luân đi tới Hoại Châu (nay là phía đông huyện Hoại, tỉnh Hà Nam), bị Hoàng Hà ngăn trở, chưa thể tới ngay quân doanh của Đoàn Ngưng.

Trong thành Đại Lương chờ quân tiếp viện chẳng thấy trở về ai nấy nơm nớp lo sợ. Chu Hữu Trinh cử Khai Phong Doãn Vương Toán giữ thành. Vương Toán không có lính để điều động bắt buộc phải bắt dân lên mặt thành cố thủ.

Thành Đại Lương như trứng để đầu đặng, Chu Hữu Trinh lên lầu ngắm trông về phía bắc, nhưng bóng quân cứu viện vẫn mịt mù tăm cá. Trong lúc nguy cấp, lại chọn một người thân tín thưởng cho nhiều vàng, rồi bảo người ấy giả làm kẻ rách rưới đem thư lên phía bắc gọi Đoàn Ngưng đem quân về gấp để cứu đô thành.

Người này ra khỏi thành, nhưng thấy triều Lương chắc hẳn tới ngày diệt vong, chẳng muốn liều chết làm gì, bèn bỏ trốn luôn, Chu Hữu Trinh tuyệt vọng, vô kế khả thi.

Hôm sau, có tin cấp báo, quân Đường đã kéo đến chân thành, Chu Hữu Trinh tự liệu hết bề cứu vãn, liền hạ lệnh cho Đô sứ Hoàng Phố Lâm chém đầu mình.

Hoàng Phố Lâm đành phải vâng lời, chém một nhát, Chu Hữu Trinh gục xuống, máu phun như suối. Hoàng Phố Lâm cũng tự sát. Thành Đại Lương không đánh tự mất.

Lúc này Đoàn Ngưng đang dẫn binh mã từ Hoại Châu gấp về Đại Lương. Dọc đường gặp Lý Tông Kha do Lý Tồn Húc phái đi chiêu hàng, nghe tin Chu Hữu Trinh tự sát, đô thành đã bị quân Đường chiếm, chẳng biết chống sao, liền đầu hàng.

THIÊN III: MƯU CÔNG

Phàm dụng binh chi pháp, toàn quốc vi thượng, phá quốc thứ chi; toàn quân vi thượng, phá quân thứ chi; toàn lữ vi thượng, phá lữ thứ chi; toàn tốt vi thượng, phá tốt thứ chi; toàn ngũ vi thượng, phá ngũ thứ chi. Thị cô bách chiến bách thắng, phi thiện chi thiện giả dã; bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã.

Cố thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh, kỳ hạ công thành. Công thành chi pháp, vi bất đắc dĩ. Tu lỗ phần ôn, cụ khí giới, tam nguyệt nhi hậu thành, cự nhân, hựu tam nguyệt nhi hậu dĩ. Tướng bất thắng kỳ phần nhi nghĩ phụ chi, sát sĩ tam phân chi nhất nhi thành bất bại giả, thử công chi tai dã. Cố thiện dụng binh giả, khuất nhân chi binh nhi phi chiến dã, bại nhân chi thành nhi phi công dã, hủy nhân chi quốc nhi phi cứu dã, tất dĩ toàn tranh vu thiên hạ, cô binh bất đôn nhi lợi khả toàn, thử mưu công chi pháp dã.

Cố dụng binh chi pháp, thập tắc vi chi, ngũ tắc công chi, bội tắc phân chi, địch tắc năng chiến chi, thiếu tắc năng đào chi, bất nhược tắc năng tị chi. Cô' tiểu địch chi kiên, đại địch chi cầm dã.

Phù tướng giả, quốc chi phụ dã, phụ chu tắc quốc tất cường, phụ khích tắc quốc tất nhược. cả quân chi sở dĩ hoạn ư quân giả tam: bất tri, quân chi bất khả dĩ tiến nhi vị chi tiến, bất tri quân chi bất khả dĩ thoái nhi vị chi thoái, thị vi mi quân. Bất tri tam quân chi sự, nhi đồng tam quân chi chính giả, tắc quân sĩ hoặc hĩ. Bất tri tam quân chi quyền, nhi đồng tam quân chi nhậm, tắc quân sĩ nghi hĩ. Tam quân kí hoặc thả nghi, tắc chư hầu chi nạn chí hĩ, thị vị loạn quân dẫn thắng.

Cố tri thắng hữu ngũ: tri khả dĩ chiến dữ bất khả dĩ chiến giả thắng, thức chúng quả chi dụng giả thắng, thượng hạ đồng dục giả thắng, dĩ ngu đãi; bất ngu giả thắng, tướng năng nhị quân bất ngự giả thắng. Thử ngũ giả, tri thắng chi đạo dã.

Cô viết: tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất đãi; bất tri bỉ nhi tri kỷ, nhất thắng nhất phụ; bất tri bỉ bất tri kỷ, mỗi chiến tất đãi.

Dịch nghĩa:

Phàm chỉ đạo chiến tranh, khiến đối phương bị khuất phục mà dân nước cho là thượng sách, đánh phá đất nước của đối phương là hạ sách; khiến toàn quân đối phương hàng phục là thượng sách; đánh bại toàn quân là hạ sách; khiến toàn lữ đối phương hàng phục là thượng sách, đánh tan toàn lữ là hạ sách; khiến toàn tốt đối phương khuất phục là thượng sách; tấn công toàn tốt là hạ sách; khiến toàn ngũ đối phương qui hàng là thượng sách, phá vỡ toàn ngũ là hạ sách. Vì vậy, người dùng binh trăm trận trăm thắng chưa được xem là người giỏi nhất; người không cần giao chiến mà khiến đối phương hàng phục mới là người dùng binh giỏi nhất.

Thế nên thượng sách là dùng mưu lược đánh bại đối phương (phạt mưu), thứ đến là dùng ngoại giao (phạt giao), thứ nữa là dùng quân đội (phạt binh), hạ sách là tấn công thành trì của địch. Bất đắc dĩ mới công thành, bởi việc chế tạo và chuẩn bị vũ khí để tấn công thành trì phải mất vài tháng mới hoàn thành, lại cần thêm vài tháng nữa kiến tạo địa hình công thành. Tướng lĩnh vì nóng lòng mà xua quân tràn lên như kiến thì thành chưa lấy được mà sĩ tốt thương vong mất 1/3. Đây chính là cái họa mà việc tấn công thành trì đem đến vậy. Cho nên người giỏi dùng binh không đánh mà vẫn khuất phục được quân đội của đối phương, vẫn hạ được thành lũy của đối phương, phá được đất nước đối phương mà không cần mất nhiều ngày tháng. Phải dùng chiến lược toàn thắng mà tranh với thiên hạ, có như thế quân đội mới không mệt mỏi suy yếu mà giành được thắng lợi toàn vẹn, đây chính là phép tấn công bằng mưu lược vậy.

Chính vì thế, nguyên tắc dùng binh là, binh lực của ta gấp mười lần đối phương thì bao vây, gấp năm lần thì tấn công, gấp hai lần thì cố gắng đánh thắng, binh lực tương đồng thì tìm kế phân tán đối phương, binh lực ít hơn thì phòng thủ vững chắc, thực lực kém hơn nhiều thì cần tránh giao chiến. Cho nên, quân đội yếu kém mà vẫn cố chấp phòng thủ ắt sẽ chuốc lấy thất bại trước binh lực hùng hậu của đối phương.

Tướng lĩnh được ví như tấm mộc che chắn cho quốc gia, tướng lĩnh tận tâm tận lực phò trợ, quốc gia ắt cường thịnh, tướng lĩnh không tận chức tận trách, quốc gia ắt suy nhược.

Có ba điều nguy hại mà vua chúa có thể gây ra cho hành động quân sự: Một là, không biết rõ quân đội không thể tiến mà vẫn xua quân tiến lên,

không biết rõ quân đội không thể thoái mà vẫn hạ lệnh thoái lui, thế gọi là trói buộc quân đội. Hai là, không rõ nội tình sự vụ của quân đội mà vẫn tham dự vào công việc hành chính của quân đội, thì sẽ khiến quân sĩ hoang mang. Ba là, không hiểu rõ quyền nghi cơ biến trong quân sự mà vẫn can thiệp vào sự chỉ huy quân đội, như thế sẽ khiến tướng sĩ nghi ngờ. Quân đội đã hoang mang lại nghi ngờ ắt các chư hầu liệt quốc sẽ thừa cơ xâm lăng. Thế gọi là làm loạn quân mình, tự chuốc lấy thất bại.

Có năm điều có thể đoán trước được thắng lợi:

- Một là, biết có thể đánh hay không thể đánh.
- Hai là, hiểu được phép dùng khác nhau giữa nhiều quân và ít quân.
- Ba là, toàn quân tướng sĩ đồng lòng nhất trí.
- Bốn là, lấy mình có chuẩn bị kỹ lưỡng mà đánh địch không có chuẩn bị.
- Năm là, tướng có tài chỉ huy mà vua không trói buộc, áp chế.

Vì thế mới nói, biết người biết mình trăm trận chẳng nguy; không biết người nhưng biết mình hoặc thắng hoặc bại; đã không biết người lại không biết mình thì mỗi trận mỗi nguy.

Tóm tắt nội dung:

Mưu công, tức là vận dụng mưu lược để chiến thắng đối phương. Trong thiên này, Tôn tử luận về tư tưởng chiến lược “toàn thắng” cùng phương pháp và điều kiện thực hiện.

Tôn tử cho rằng, “Bách chiến bách thắng” không phải là phương pháp dùng binh hay nhất, người chỉ đạo chiến tranh tài giỏi phải làm được điều “bất chiến nhi khuất nhân chi binh”, tức là không cần trực tiếp giao chiến mà khiến đối phương phải hàng phục. Đây chính là trình độ lý tưởng nhất về nghệ thuật quân sự mà Tôn tử hằng theo đuổi không mệt mỏi, cũng chính là điều mà “Binh pháp Tôn tử” đứng vững và vượt qua hấp lực của chiến tranh.

Tư tưởng chiến lược toàn thắng, bao gồm hai phương diện chính trị và khoa học. Về chính trị, Tôn tử chủ trương chiến lược “Phạt mưu”, “Phạt giao”, khiến đối phương hàng phục, về quân sự, Tôn tử căn cứ vào sự khác

nhau về lực lượng giữa ta và địch mà lựa chọn chiến thuật chính xác, linh hoạt, khiến đối phương khuất phục.

Để thực hiện mục tiêu toàn thắng, Tôn tử chủ trương giải quyết tốt mọi quan hệ giữa tướng soái và vua chúa, song phương cần phải có sự phối hợp nhịp nhàng, gắn bó, nương tựa lẫn nhau. Ông còn chỉ rõ hậu quả tồi tệ của việc vua chúa kém cỏi mà lại muốn can thiệp vào quân sự. Đồng thời Tôn tử trên góc độ chỉ đạo chiến tranh đã qui nạp và đưa ra năm điều kiện cơ bản để thực hiện chiến lược toàn thắng. Cuối thiên này, Tôn tử còn đưa ra qui luật quân sự nổi tiếng “Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất đãi”, cho đến nay qui luật này vẫn bao hàm ý nghĩa gợi mở sâu xa.

“Bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiện chi thiện giả dã”

Không đánh mà khuất phục được đối phương mới là phương sách tối thượng.

Chỉ một bức thư, Hàn Tín bình định nước Yên

Năm Hán Cao đế thứ hai (205 trước Công Nguyên), quân Hán và Sở giằng co tại Thành Cao và Huỳnh Dương. Nhằm ngăn cản thế công của Hạng Vũ, Lưu Bang đã chọn sách lược giữ vững chính diện, tấn công hai bên sườn. Ông ra lệnh cho Hàn Tín mang theo một phần binh lực, tấn công các thế lực đang cát cứ ở phía bắc sông Hoàng Hà. Chỉ 4 tháng, Hàn Tín đã diệt Ngụy, phá Đại rồi thừa thắng vượt Thái Hành Sơn tấn công Triệu.

Nước Triệu đã tập trung 20 vạn quân tại cửa ải Tinh Hình (một trong 8 cửa núi của Thái Hành sơn) để chuẩn bị quyết chiến với quân Hán. Mưu thần của Triệu là Lý Tả Xa hiến kế với chủ tướng là Trần Dư rằng: “Quân Hán từ xa tới, quân lương ắt đi sau, tôi nguyện lãnh binh đánh chặn xe chở lương của quân Hán, tướng quân hãy trấn thủ tại Tinh Hình, khiến quân Hán trước không thể tiến, sau không thể thoái, không quá 10 ngày ắt phải tan”.

Trần Dư là thư sinh, không biết trận mạc, tự cho là quân chánh nghĩa không dùng gian kế, nên không theo kế của Lý Tả Xa. Kết quả quân Triệu đại bại, Trần Dư bị giết.

Hàn Tín lấy được nước Triệu, nhưng không thấy Lý Tả Xa đâu, ông liền hạ lệnh ban thưởng ngàn vàng cho ai bắt sống được Lý Tả Xa.

Vài ngày sau, quả nhiên có người trói Lý Tả Xa giải đến, tướng sĩ đều cho rằng Hàn Tín ắt sẽ chém họ Lý. Nào hay vừa thấy Lý Tả Xa, Hàn Tín đã tự tay cởi trói cho ông.

Hàn Tín thỉnh Lý Tả Xa ngồi chiếu trên, còn mình ngồi dưới, nhất mực cung kính, thỉnh cầu Lý Tả Xa về sách lược tấn công Yên. Lý Tả Xa tạ từ rằng: “Tướng bại trận không thể coi là dũng, kẻ trượng phu khi nước mất không thể mưu cầu sống còn. Tôi là tù binh của tướng quân, há đủ tư cách đàm luận đại sự cùng tướng quân sao?”

Hàn Tín bèn dùng câu chuyện Bách Lý Hề phò trợ Tần xưng bá thiên hạ mà khuyên Lý Tả Xa, ông nói: “Tiên sinh biết Bách Lý Hề từng ở nước Ngưu nhưng Ngưu bị Tần tiêu diệt. Sau đó Bách Lý Hề đến nước Tần, Tần nghe theo sách lược của Bách Lý Hề mà ngày càng cường thịnh”.

Hàn Tín lại nói: “Ngày nay, tiên sinh cũng như Bách Lý Hề vậy. Nếu Trần Dư dùng sách lược của tiên sinh, chỉ e ta đã là tù binh của tiên sinh. Vì Trần Dư không nghe theo tiên sinh nên ta mới có cơ hội thỉnh giáo, xin tiên sinh chớ chối từ”.

Lý Tả Xa thấy Hàn Tín kính trọng mình và thành tâm xin chỉ giáo, nên cũng thành thực giúp Hàn Tín phân tích rõ tình thế quân sự đương thời, ông nói: “Tướng quân đã tiêu diệt Ngụy, Đại, Triệu, toàn quân đã mệt mỏi. Nếu nước Yên cố thủ thành trì, chỉ e lâu ngày lương thực quân Hán sẽ cạn, tướng quân chớ nên dùng sở đoản của mình mà đối địch với sở trường của người”.

Hàn Tín chăm chú lắng nghe rồi hỏi: “Theo tiên sinh thì ta nên dùng kế gì?”, Lý Tả Xa nói: “Tướng quân chỉ mất nửa ngày đã đánh bại 20 vạn đại quân nước Triệu, oai danh chấn động thiên hạ; nay tướng quân hãy về tướng sĩ, an ủi bách tính lê dân nước Triệu trước, khi lòng người đã qui thuận, tướng quân hãy phái một sứ giả tới Yên, nói rõ lợi hại với vua nước Yên, như thế, tướng quân chẳng cần giao tranh mà vẫn khiến Yên phải hàng phục”.

Hàn Tín nói: “Được! Xin chiếu theo ý của tiên sinh mà làm”. Nói rồi ông lập tức viết thư gửi cho vua Yên, là Tang Đồ.

Sau đó Hàn Tín phái một sứ giả có tài biện luận đi trao thư, trong thư ông viết rõ ưu thế của quân Hán, và những điều lợi hại giữa hai việc chống trả và qui hàng. Đồng thời Hàn Tín theo kế của Lý Tả Xa, đưa quân tới dàn trận nơi biên ải nước Yên ra vẻ muốn tấn công.

Vua Yên vốn đã nghe nói quân Hán hùng hậu, lại thấy đại quân áp sát biên giới thì vô cùng kinh sợ. Nay có sứ giả mang thư khuyên hàng của Hàn Tín đến, bèn chấp thuận qui hàng. Hàn Tín lấy được nước Yên chẳng tốn một mũi tên, tiếp tục tập trung binh lực tấn công nước Tề.

“ Thượng binh phạt mưu ”

Thượng sách là đánh bằng mưu lược.

Đại thần của Tề phá tan ý đồ của Tấn

Vua Tề là Tề Hoàn công từng trọng dụng Quản Trọng, tiến hành cải cách, khiến Tề trở thành nước mạnh nhất thời Xuân Thu. Sau khi Tề Hoàn công qua đời, nước Tề suy yếu. Hơn 100 năm sau, khi Tề Cảnh công kế tục, trọng dụng hiền thần là Án Anh nhằm khôi phục lại nghiệp bá như thời Tề Hoàn Công.

Để quốc gia cường thịnh, Tề Cảnh công chủ trương kết giao hữu hảo với lân bang, tránh gây chiến tranh, ổn định thế cuộc. Trong thời kỳ Án Anh làm tướng quốc, quần thần trí dũng song toàn, binh lực ngày càng hùng hậu.

Tề ngày một hùng mạnh làm vua Tấn là Tấn Bình công lo ngại. Tấn Bình công muốn chinh phục nước Tề, củng cố địa vị bá chủ Trung Nguyên của mình. Tấn Bình công phái quan đại phu là Phạm Chiêu làm sứ giả sang thăm dò thực lực của Tề.

Phạm Chiêu vừa tới Tề, Tề Cảnh công cử hành đại yến, ân cần tiếp đãi sứ giả thượng quốc. Trong tiệc, Tề Cảnh công luôn mời Phạm Chiêu uống rượu. Phạm Chiêu tự đắc, ra vẻ mình là sứ thần nước lớn, và tìm cơ hội thăm dò thực lực nước Tề.

Phạm Chiêu trắng trợn hỏi về chính trị, quân sự, kinh tế... nhưng Tướng quốc nước Tề là Án Anh cùng các quan đại phu của Tề giải đáp chẳng chút e ngại, khiến Phạm Chiêu cảm thấy thực lực của Tề chẳng thể coi thường.

Phạm Chiêu nói với Tề Cảnh công: “Thình quân vương cho bi nhân mượn chung rượu của ngài”. Tề cảnh công lập tức sai bảo: “Mau rót đầy rượu vào chung của ta để chúc rượu sứ giả thượng quốc! Phạm Chiêu nâng ly rượu của Tề cảnh công lên uống cạn, đặc ý nhìn khắp lượt quần thần nước Tề. Người hầu lại vội rót rượu vào cái chung y vừa uống.

Án Anh thấy sứ thần nước Tấn quá ngạo mạn, bèn khảng khái cất giọng khinh miệt nói với người hầu rượu rằng: “Hãy vớt chung rượu đó đi và mang một cái chung sạch cho đức vua của ta!”.

Phạm Chiêu lúng túng, cảm thấy vị đại phu ăn vận giản dị này thực đáng gờm, bèn chau mày, vờ say đứng lên múa may trước tiệc. Múa được vài

đường, Phạm Chiêu nói với nhạc sư nước Tề rằng: “Hãy tấu khúc nhạc Thành Chu cho ta múa, để tạo tửu hứng cho các vị”.

Nhạc sư nước Tề vốn đã không ưa gã sứ thần thượng quốc này, nói: “Tôi bất tài, không biết tấu khúc nhạc Thành Chu”. Phạm Chiêu thấy quần thần nước Tề kiên trung bất khuất như thế bèn mượn cớ say rượu mà cáo lui, trở về Dịch quán.

Tề Cảnh công thấy sứ giả thượng quốc tức giận bỏ đi thì lo lắng, nói với quần thần: “Quả nhân muốn có quan hệ hữu hảo với lân bang, há có thể chọc giận sứ giả, nếu có bất hoà chỉ e sẽ ảnh hưởng tới bách tính lê dân”.

Án Anh đã có ý từ trước, mỉm cười nói: “Phạm Chiêu chẳng phải là kẻ không hiểu lễ tiết. Hôm nay y hạ nhục vua tôi chúng ta là muốn thăm dò thực lực của ta, do vậy chúng thần cố ý chọc tức, khiến y phải e ngại”. Nhạc sư cũng nói: “Khúc nhạc Thành Chu là khúc nhạc chỉ dành cho thiên tử. Phạm Chiêu chỉ là một sứ thần mà lại muốn dùng nhạc của thiên tử để nhảy múa, hạ thần sao có thể diễn tấu cho y nghe được?”

Những lời khuyên can của Án Anh và nhạc sư khiến Tề Cảnh công an lòng. Án Anh lại tiếp: “Chắc chắn ngày mai Phạm Chiêu sẽ tạ tội với bệ hạ. Hạ thần muốn đưa y xem toàn bộ tình hình quân đội của chúng ta...”, Tề Cảnh công đồng ý.

Sáng hôm sau, quả nhiên Phạm Chiêu tới tạ lỗi cùng Tề Cảnh công, viện cớ say rượu mà thất lễ, xin vua Tề khoan thứ. Sau đó Phạm Chiêu được Án Anh đưa đi tham quan các doanh trại quân đội của Tề. Sau khi đã biết rõ hư thực của Tề, Phạm Chiêu về nước và báo cáo với Tấn Bình công rằng: “Nước Tề hiện nay vua tôi đồng lòng nhất trí, ta chưa thể thôn tính”. Tấn Bình công bỏ ý định chinh phạt Tề.

“Kỳ thứ phạt giao”

Thứ đến là dùng ngoại giao đánh bại đối phương.

Trường Tôn Thành chia mạnh hợp yếu, đánh Đột Quyết

Chu Tịnh đế Đại Đinh nguyên niên thời Nam Bắc Triều (năm 581), tướng quốc nước Chu là Tùy vương Dương Kiên lấy danh “nhường ngôi”, phế Chu Tịnh đế làm Giới công, tự lập làm hoàng đế, thiết lập một triều đại mới, đổi quốc hiệu là Tùy.

Buổi đầu dựng nước, lãnh thổ nhà Tùy nhỏ hẹp chỉ có hơn một ngàn huyện tại Trung Nguyên, với gần 3 triệu người. Vùng đất đai rộng lớn ở giữa từ phía bắc Trường Thành đến phía nam Trường Giang do xứ Đột Quyết hùng mạnh và nước Trần ngày một suy tàn chiếm cứ.

Dương Kiên sau khi lên ngôi, vào tháng 9 năm thứ nhất nhà Tùy, phái Tả Bộc Xạ Cao Cảnh lãnh binh chinh phạt nước Trần. Đột Quyết thừa cơ liên hiệp với Thứ sử Doanh Châu là Cao Bảo Ninh ở phía bắc Trung Nguyên xâm phạm bờ cõi nước Tùy, tấn công vây hãm cửa ải Lâm Du (Sơn Hải quan), chuẩn bị đánh xuống phía nam.

Dương Kiên bị bức phải lui quân, biết cường địch đang ở phía bắc, nếu không đánh bại Đột Quyết trước thì chẳng những không thể thống nhất Trung Nguyên mà còn nguy hiểm cho quốc gia.

Đột Quyết là tộc du mục nổi lên ở phương bắc vào thời mạt Ngụy. Vì có kỵ binh thiện chiến, căn cứ địa lại ở thảo nguyên mênh mông, nên hành động mau lẹ, đến đi khôn lường, thường tấn công chớp nhoáng, đánh xong rút ngay, né tránh giao tranh, rất khó đối phó.

Tháng 12 năm 1 Tùy Khai Hoàng (năm 581), Đột Quyết Đà Bát Khả Hãn mắc bệnh chết, nội bộ bắt đầu tranh giành quyền lực. Cuối cùng cháu của Đà Bát là Nhiếp Đồ lên làm thủ lĩnh, lấy hiệu là Sa Bát Lược Khả Hãn, dựng “Nha Trưởng” (tức đại bản doanh của Khả Hãn) tại Đô Cận Sơn (Hàng Ái sơn thuộc Mông Cổ).

Lúc này Trường Tôn Thành là quan của triều Bắc Chu cũ, nay mới nhậm chức đô úy, dâng thư cho vua Tùy nói: “Đột Quyết tương đối mạnh, nay không phải là lúc để thảo phạt. Nhưng quan hệ giữa thúc diệt huynh đệ của họ ngày một bất hòa, chúng ta nên thừa cơ này dùng sách lược “viễn giao cận công, li cường hợp nhược” (xa thân gần đánh, chia mạnh hợp yếu),

khiến nội bộ xứ Đột Quyết hiềm nghi ganh ghét lẫn nhau, từ đó mà tự suy yếu”. Dương Kiên xem thư xong cả mừng, triệu Trường Tôn Thành vào cung hỏi han, và chấp thuận sách lược của Trường Tôn Thành.

Sau đó Dương Kiên phái Thái Bộc Nguyên Huy ra Y Ngô (huyện Cáp Mật, tỉnh Tân Cương), mang theo lễ vật kết giao với Điểm Quyết Khả Hãn. Khi sứ giả của Điểm Quyết đến Tùy, Dương Kiên cố ý đem địa vị của sứ giả Điểm Quyết đặt trên sứ giả của Nhiếp Đồ nhằm lôi kéo Điểm Quyết, đồng thời chia rẽ nội bộ của họ.

Dương Kiên cử Trường Tôn Thành làm Xa Kỳ tướng quân, ra Hoàng Long Đạo (thành phố Triều Dương, tỉnh Liêu Ninh), mang theo vàng bạc tặng thủ lĩnh các bộ lạc Hê, Tập, Khiết Đan và yêu cầu họ đưa đi báo kiến với Xử La Hâu, đồng thời gài tâm phúc lại đó, dụ Xử La Hâu qui thuận nhà Tùy. Hai thế lực khá mạnh của xứ Đột Quyết đã bị nhà Tùy lôi kéo, đủ sức kiềm chế Nhiếp Đồ. Nội bộ Đột Quyết càng thêm mâu thuẫn. Nhiếp Đồ Khả Hãn buộc phải chia binh làm hai cánh quân canh giữ lãnh địa của mình, đề phòng Khả Hãn khác tập kích.

Tháng 5 năm Tùy Khai Hoàng thứ hai (năm 582), Nhiếp Đồ thống lĩnh 40 vạn quân xâm nhập Trường Thành, đến tháng 12 đã tiến sâu tới Võ Uy Thiên Thủy, Kim Thành (Cam Túc, Lan Châu), Diên An. Nhiếp Đồ còn muốn đánh tiếp xuống phía nam nhưng Điểm Quyết Khả Hãn mượn cơ không theo, lui binh về Y Ngô.

Trường Tôn Thành nhân cơ hội này phao tin qua con trai của Nhiếp Đồ rằng: “Thiết Lạc (nằm ở hai phía đông tây ngoài biên giới phía bắc của Mông Cổ) muốn làm phản, sẽ tập kích Nha Trưởng của Nhiếp Đồ”. Nhiếp Đồ e ngại vội rút quân về.

Tùy Khai Hoàng năm thứ 3 (năm 583) Nhiếp Đồ lại cùng Đại La Tiện khởi binh nam tiến, nhưng do mâu thuẫn nội bộ sâu sắc, lại thêm trong nước liên tục bị hạn hán và dịch châu chấu hoành hành, nên cuối cùng cũng chỉ xâm lấn biên giới nhà Tùy vài lần mà thôi.

Tháng 4 năm Tùy Khai Hoàng thứ 3, Dương Kiên sau 3 năm chuẩn bị thực lực gia tăng, muốn diệt trừ họa Đột Quyết, mà xứ Đột Quyết lúc này nội bộ xâu xé lẫn nhau thực lực suy yếu rất nhiều, vì thế Dương Kiên hạ lệnh khởi binh tấn công toàn diện Đột Quyết.

Dương Kiên bổ nhiệm Vệ vương Dương Sảng làm Nguyên soái hành quân, thống lĩnh 20 vạn binh mã đánh vào ba mục tiêu của Đột Quyết; Hà Gián vương Dương Hoảng cùng Tổng Quản Hạ Châu Đâu Lô Tích thống lĩnh 7 vạn quân kỵ binh, bộ binh chủ lực tấn công Nhiếp Đồ tại vùng Hà Sáo; Tổng Quản Tần Châu Đâu Vinh Định và Tổng quản U Châu Âm Thọ chia làm hai cánh quân tấn công Đại La Tiện ở phía tây và Cao Bảo Ninh ở phía bắc, phối hợp cùng quân chủ lực hành động.

Dương Sảng xuất binh gặp Nhiếp Đồ tại Bạch Đạo (vùng tây bắc thành phố Hồ Hoà Hạo Đặc thuộc nội Mông cổ). Tổng Quản quân Tùy là Lý Sung dẫn 5000 kỵ binh tinh nhuệ thừa cơ Nhiếp Đồ không phòng bị, đột nhiên tập kích, đánh bại quân Đột Quyết. Nhiếp Đồ phải vứt bỏ giáp bào, trốn vào trong cỏ mà chạy. Tàn binh còn lại không còn chủ tướng, hết lương thực lại thêm bệnh dịch lan tràn, người chết vô số.

Phía đông, Âm Thọ xuất binh đánh Hòa Long (thành phố Triều Dương, Liêu Ninh), Cao Bảo Ninh bỏ thành chạy đến Khiết Đan, bị thuộc hạ giết chết, Âm Thọ chiếm lĩnh Hoà Long. Phía tây, quân của Đâu Vinh Định đánh bại quân Đại La Tiện tại Cao Việt Nguyên (tây bắc Võ Uy, tỉnh Cam Túc). Nhà Tùy xuất binh lần này gây thiệt hại nặng cho Nhiếp Đồ khiến nội bộ Đột Quyết vì thất bại mà trách cứ lẫn nhau, mâu thuẫn càng sâu sắc. Dương Kiên tiếp tục thi hành sách lược “ly cường hợp nhược”, khiến nội bộ Đột Quyết liên tục chém giết lẫn nhau.

Trường Tôn Thành nhân dịp này phái người tới thương thuyết với Đại La Tiện: “Nhiếp Đồ không chỉ đem thất bại lần này qui tội cho ngài mà còn thừa cơ thi hành kế hoạch định sẵn của ông ta là hủy diệt bản doanh ở Bắc Nha của ngài. Ngài nên sớm phòng bị mới được”.

Đại La Tiện bèn phái người tới gặp Trường Tôn Thành, Trường Tôn Thành nói với sứ giả rằng: “Điểm Quyết đã giao hảo với nhà Tùy Nhiếp Đồ chẳng thể làm gì được; nếu Đại La Tiện kết giao với Tùy thì lực lượng càng mạnh, còn sợ gì Nhiếp Đồ trách tội và làm nhục nữa?”. Sau khi sứ giả trở về báo cáo, Đại La Tiện bèn kết giao cùng nhà Tùy.

Nhiếp Đồ nghe tin Đại La Tiện kết giao với Tùy thì vô cùng tức giận đem quân tập kích Bắc Nha, giết mẹ của Đại La Tiện, cướp đi rất nhiều người và súc vật.

Đại La Tiệp trở về không chốn nương thân, bèn chạy về phía tây đến với Điểm Quyết. Điểm Quyết hay tin thì cả giận, bèn để Đại La Tiệp mang binh tấn công Nha Trưởng, có gần 10 vạn kỵ binh của các bộ lạc khác theo về với Đại La Tiệp. Đại La Tiệp xuất binh tấn công Nhiếp Đồ, đánh đâu thắng đó, thu lại đất đai đã mất.

Từ đó trở đi hai bên không ngừng chém giết lẫn nhau, cả hai cùng phái sứ giả đến Trường An thỉnh cầu vua Tùy viện trợ, Dương Kiên liên tiếp từ chối, khiến đôi bên tiếp tục đánh nhau, mâu thuẫn càng thêm sâu sắc, lực lượng càng suy yếu.

Tháng Hai năm Tùy Khai Hoàng thứ tư (năm 584) Điểm Quyết Khả Hãn đầu hàng nhà Tùy. Tháng Chín cùng năm, vì liên tiếp thất bại nên Nhiếp Đồ Khả Hãn cũng xin kết giao hoà hiếu. Thiên Kim công chúa tự xin đổi họ Dương, làm con gái vua Tùy, Dương Kiên đều chấp thuận và cải phong cho Thiên Kim công chúa thành Đại Nghĩa công chúa.

Năm Khai Hoàng thứ năm đời nhà Tùy (năm 585), Nhiếp Đồ vừa bị Điểm Quyết vây hãm, lại sợ Khiết Đan tập kích hậu phương nên vào tháng 7 sai sứ giả cấp báo với nhà Tùy xin đưa bộ lạc tới vùng Mạc Nam Bạch Đạo Xuyên (tây bắc thành phố Hồ Hoà Hạo Đặc, Nội Mông) lánh nạn.

Lúc này Đại La Tiệp vì được Tùy trợ giúp, thế lực ngày càng lớn mạnh, các bộ lạc ở Thiết Lặc, Y Ngô, Qui Từ (huyện Khố Xa, Tân Cương) đều theo phò, Đại La Tiệp xưng hiệu là “Tây Đột Quyết”, rất có chiều hướng thay thế Nhiếp Đồ để trở thành thủ lĩnh Đột Quyết.

Chính vì lẽ này, Dương Kiên chấp thuận thỉnh cầu của Nhiếp Đồ, cung cấp y thực, ban cho xa mã cùng các tài vật khác và phái Tấn vương Dương Quang phát binh viện trợ.

Nhiếp Đồ đã có chỗ dựa vững chắc liền tấn công và đánh tan Đại La Tiệp. Lúc ấy nước A Bát thừa cơ đến cướp vợ con của Nhiếp Đồ. Dương Kiên hạ lệnh tấn công A Bát đoạt lại vợ con cho Nhiếp Đồ và đem toàn bộ chiến lợi phẩm ban tặng cho Nhiếp Đồ.

Nhiếp Đồ vô cùng cảm kích bèn lập ước, lấy Lũy Sa Thạch làm biên giới, dâng biểu rằng: “Hoàng đế đại Tùy là vị thiên tử chân chính, từ nay về sau, tiểu nhân không dám dấy binh cậy hiểm, trộm dùng danh hiệu, nguyện cúi đầu quì gối, làm tôi tớ suốt đời”.

Như vậy, thế lực uy hiếp phía bắc nhà Tùy đã tạm thời bị tiêu trừ, Dương Kiên tập trung toàn lực tiêu diệt nước Trần. Việc bình định Đột Quyết đã mang lại cục diện có lợi cho nhà Tùy, Trường Tôn Thành có công lớn.

“Kỳ hạ công thành ”

Đánh thành trì là hạ sách.

Cao Hoan đánh thành Ngọc Bích, trí tận lực kiệt

Cuối thời Nam Bắc Triều, dòng họ Thái Bạt thuộc tộc Tiên Ti dựng nên triều Ngụy, chia ra làm Đông Ngụy và Tây Ngụy. Đông Ngụy do Thừa tướng Cao Hoan cầm quyền, Tây Ngụy do Thừa tướng Vũ Văn Thái đứng đầu, đôi bên không ngừng tranh giành quyền lực với nhau.

Năm thứ 4 Võ Định Đông Ngụy (năm 546), Cao Hoan thống lĩnh toàn bộ binh mã vượt Thái Hành Sơn tiến về phía đông, bao vây yếu địa của Tây Ngụy là thành Ngọc Bích (tây nam Lâm Phần, tỉnh Sơn Tây). Cao Hoan muốn dẫn dụ Vũ Văn Thái mang binh tới sẽ đánh.

Wũ Văn Thái án binh bất động, lệnh cho Vi Hiếu Khoan là Thứ sử Tân Châu trấn thủ Ngọc Bích, giữ vững không nghênh chiến. Cao Hoan toàn lực công thành, liền mấy ngày đêm, Vi Hiếu Khoan tùy cơ ứng biến, phòng thủ vững vàng.

Trong thành Ngọc Bích không có nguồn nước, trồng trọt chủ yếu nhờ vào sông Phần Thủy. Cao Hoan hạ lệnh cho binh lính lên thượng du sông Phần đắp đê khiến sông đổi dòng, không cho chảy gần thành. Vi Hiếu Khoan thấy vậy bèn hạ lệnh cho binh sĩ và dân phu đào giếng trong thành, sợ bị đối phương cắt mất nguồn nước.

Cao Hoan lại sai quân đào đất đắp lũy ở phía nam thành Ngọc Bích, đắp sao cho cao quá tường thành nhằm tiện cho việc công thành.

Đầu thành Ngọc Bích vốn có hai vọng lâu, Vi Hiếu Khoan hạ lệnh cho binh sĩ vận gỗ lớn làm cho vọng lâu cao lên. Ngoài thành núi đất cao một thước, trong thành vọng lâu cao hơn một đoạn, từ trên cao ném đá bắn tên xuống kiềm chế đối phương.

Đông Ngụy không chiếm được lợi thế, Cao Hoan phái người nói với Vi Hiếu Khoan rằng “Người đã dựng lâu lên trời, ta sẽ đào xuống đất để tấn công”. Nói rồi, Cao Hoan chỉ huy binh sĩ đào mười đường hầm vào trong thành Ngọc Bích, chỉ cần địa đạo vừa thông, sẽ lập tức công thành.

Vi Hiếu Khoan bình tĩnh, ông hạ lệnh cho binh sĩ trong thành đào một đường hào dài dưới chân thành. Địa đạo vừa trở ra tới bên hào, quân lính

trong thành chờ sẵn trên hào lao tới giết sạch những binh lính đối phương nào xuất hiện. Sau đó lại đốt lửa tại cửa địa đạo rồi quạt lửa và khói vào trong địa đạo. Địa đạo biến thành hầm lửa, quân Đông Ngụy quá nửa chết ngộp vì khói.

Cao Hoan lại thay cách khác, dùng xe chở gỗ lớn, phá tường thành, phàn tường thành, chỗ nào bị xe gỗ đụng vào đều lở từng mảng lớn. Chỉ vài ngày, tường thành Ngọc Bích gần sập hẳn.

Vi Hiếu Khoan sai người dùng vải gai may thành những tấm lớn, treo lơ lửng. Xe gỗ lao tới thì buông vải chặn lại, xe gỗ cái thì bị trùm, cái thì bị nhắc hẳn lên, không thể phát huy hết uy lực.

Cao Hoan vội sai binh lính cầm sào, trên đầu quấn vải có tấm dầu, đốt lửa giơ lên cao, vừa đốt các tấm vải, vừa thiêu vọng lâu.

Vi Hiếu Khoan cho người chế tạo thật nhiều câu liêm, lưỡi câu mài thật sắc. Khi binh sĩ Đông Ngụy giơ sào lên đốt thì dùng câu liêm câu gãy. Lửa ở đầu sào rơi xuống đầu quân Đông Ngụy khiến kẻ chết, kẻ bị bỏng nhiều không kể xiết.

Cao Hoan lại sai người đào hào dưới chân thành, đóng cọc vào rồi châm lửa đốt hàng cọc cháy hết thì tường thành cũng muốn sập.

Vi Hiếu Khoan cho người tích trữ gỗ lớn, đóng thành từng mảng đợi chỗ tường thành nào sắp bị đổ liền dựng mảng gỗ lên, chặn lại, quân Đông Ngụy không thể thừa cơ tấn công.

Ngoài thành nghĩ mọi cách để tấn công, trong thành dùng các mưu kế để chống lại hiệu quả. Vi Hiếu Khoan lại nhân đêm tối dùng kỳ binh đánh úp, chiếm lấy các lũy đất của quân địch.

Cao Hoan vô kế khả thi, phái Tổ Đình làm sứ giả vào thành du thuyết nói với Vi Hiếu Khoan rằng: “Ngài cố thủ độc thành cuối cùng cũng khó bảo toàn, chi bằng hàng sớm thì còn được phú quý”.

Vi Hiếu Khoan khảng khái đáp: “Thành trì của ta kiên cố binh nhiều lương đủ. Hiếu Khoan này đường đường là nam nhi đại trượng phu, há có thể đầu hàng để hưởng vinh hoa phú quý?”. Tổ Đình biết không thể thuyết phục được, nên cáo biệt mà về. Khi rời thành, y khẽ hỏi quân sĩ trấn thủ rằng: “Vi Hiếu Khoan được hưởng tước vị bổng lộc nên mới cam nguyện lấy thân báo quốc, sĩ tốt binh lính đâu có được sung sướng gì, có sao phải

xông vào nơi nước sôi lửa bỏng?”. Các binh sĩ trấn thủ im lặng không lưu tâm đến lời nói của Tổ Đình.

Dụ hàng không được, Đông Ngụy viết cáo thị treo thưởng, bắn vào thành, cáo thị viết: “Ai chém đầu Vi Hiếu Khoan ra hàng sẽ được phong làm quan thái thú, tước vị khai quốc quận công thưởng vạn súc gấm”. Vi Hiếu Khoan cho người thu thập tất cả các cáo thị lại, rồi đích thân viết lên mặt sau rằng: “Ai chém được Cao Hoan cũng thưởng như thế”. Sau đó đem cáo thị bắn ra ngoài thành, chọc tức Cao Hoan. Cao Hoan xem xong nổi giận lôi đình.

Vi Hiếu Khoan có người cháu là Vi Thiên sống tại Đông Ngụy, Cao Hoan bắt Vi Thiên đến dưới thành Ngọc Bích, kề dao vào cổ, uy hiếp Vi Hiếu Khoan rằng: “Nếu không đầu hàng, chém ngay tức khắc”. Vi Hiếu Khoan chẳng chút dao động, vẫn thản nhiên cùng các mưu sĩ bàn kế giữ thành. Binh sĩ trong thành thấy vậy rất cảm động, nguyện sống chết cũng phải giữ vững thành trì.

Sau gần hai tháng tấn công thành Ngọc Bích, rốt cục Đông Ngụy không chiếm được. Binh sĩ chết vì chiến trận và bệnh tật đến 7 vạn người, xác phơi khắp chốn. Vì quá nhiều xác chết không thể chuyển đi hết, nên quân Đông Ngụy đào 1 hố lớn, nhặt xác bỏ xuống rồi chôn cùng 1 huyệt.

Cao Hoan không nghĩ ra được kế nào để công thành nữa, vừa lo vừa giận chẳng bao lâu sau thì đổ bệnh. Qua vài ngày Cao Hoan đành hạ lệnh rút quân về. Vi Hiếu Khoan giữ được thành, triều đình Tây Ngụy phong làm Phiêu Kỵ đại tướng quân, Khai Phủ Nghi Tam Ti (tương đương tam công, được quyền tự chọn thuộc hạ), thăng tước Kiến Trung Quận công.

“Thiện dụng binh giả, khuất nhân chi binh nhi phi chiến dã”

Người giỏi dùng binh, không đánh mà vẫn khuất phục được quân địch.

Trần Thái không đánh mà thắng Khương Duy

Tháng Giêng năm thứ 10 niên hiệu Ngụy Chính Thủy, Tư Mã Ý phát động “Cao Bình Lăng sự biến”, giết đại tướng quân Tào Sảng, cướp chính quyền Tào Ngụy.

Tướng Ngụy là Hạ Hầu Bá từng có quan hệ giao hảo với Tào Sảng, sợ tai họa chạy sang đầu hàng đại tướng nước Thục là Khương Duy. Khương Duy đưa Hạ Hầu Bá đến yết kiến vua Thục và nói rằng nhân khi nội bộ nước Ngụy đang rối loạn nên chiếm Trung Nguyên, thống nhất Trung Quốc, vua Thục đồng ý. Khương Duy và Hạ Hầu Bá liền tới Hán Trung bàn việc khởi binh.

Khương Duy phái Cầu An, Lý Hâm đến Khúc Sơn (đông nam huyện Mân, tỉnh Cam Túc) xây dựng hai thành, Cầu An giữ thành phía đông, Lý Hâm giữ thành phía tây. Khương Duy còn cho người liên lạc với người Khương chuẩn bị rời Tây Bình tiến về Ung Châu.

Chinh Tây tướng quân nước Ngụy là Quách Hoài hay tin Khương Duy xuất binh, bèn thương nghị kế sách ứng phó với Thứ sử Ung Châu là Trần Thái. Trần Thái nói: “Hai thành tại Khúc Sơn tuy vững chắc, nhưng cách Thục quá xa, cô lập không viện binh. Ta chỉ cần bao vây 2 thành là có thể lấy mà không tổn xương máu. Người Khương sợ làm phụ dịch cho Khương Duy chưa chắc đã nghe theo”.

Quách Hoài dùng kế của Trần Thái, phái Thái thú Nam An là Đặng Ngải cùng Trần Thái đem quân bao vây 2 thành ở Khúc Sơn. Trần Thái chặn đường vận chuyển lương thực từ Khúc thành đến Hán Trung, cắt đứt nguồn nước ở ngoài thành, khiến quân Thục bị đói khát.

Cầu An và Lý Hâm muốn xuất thành quyết chiến nhưng Trần Thái chọn nơi hiểm yếu mà phòng thủ không cho quân nghênh chiến. Cầu An, Lý Hâm vô kế khả thi, đành rút vào thành.

Khúc thành thiếu lương cạn nước, binh sĩ đói khát vô cùng. May mà trời đổ tuyết nên quân Thục lấy tuyết đun chảy thành nước, gặng gượng qua ngày. Vì quá bức bách, Lý Hâm đành mang theo mấy chục quân, liều chết phá trùng vây, về Hán Trung cầu cứu Khương Duy.

Giữa đường Lý Hâm gặp quân lính của Khương Duy vội đem hết nội tình trong thành thuật lại. Khương Duy nói: “Vì quân Khương không tới nên ta đến trễ”.

Khương Duy nói tiếp: “Nay Khúc Sơn tình hình nguy cấp đợi quân Khương tới e không kịp. Chi bằng chúng ta vượt qua núi Ngưu Đầu (phía nam huyện Lũy, tỉnh Cam Túc) vòng về phía sau lưng Ung Châu, Quách Hoài và Trần Thái tất phải đi cứu Ung Châu, Khúc Sơn tự nhiên sẽ thoát vây”

Khương Duy kéo quân tới núi Ngưu Đầu. Trần Thái hay tin bèn nói: “Bình pháp quý ở chỗ không cần đánh mà vẫn khuất phục được đối phương. Khương Duy vượt qua núi Ngưu Đầu, chúng ta chỉ cần tới đó cắt đứt đường về của y là xong!”. Nói rồi Trần Thái bèn sai sứ mời Quách Hoài đem quân đến núi Ngưu Đầu.

Quách Hoài theo kế, đem quân đến gần sông Thao ở phía tây bắc núi Ngưu Đầu.

Khương Duy đem binh vượt qua núi Ngưu Đầu. Trần Thái mang quân chặn đường, Khương Duy phóng ngựa vùng thương định bắt Trần Thái. Sau vài hiệp, Trần Thái giả thua, rút binh vào lũy.

Trần Thái trấn thủ nơi hiểm yếu, Khương Duy vô kế khả thi.

Lúc này binh lính tiên tiêu trở về báo với Khương Duy rằng: Quách Hoài đã mang quân xuất phát từ sông Thao tiến về phía Ngưu Đầu Sơn để cắt đứt đường về của quân Thục. Khương Duy thở dài, than thở: “Nếu đường về bị cắt đứt, quân không đánh cũng tự loạn”. Khương Duy không còn kế nào cứu thành Khúc Sơn nữa, đành hạ lệnh lui binh.

Cầu An không đợi được viện binh đành mở cửa thành hàng Ngụy. Trần Thái dùng kế, không hao tổn một tên lính mà hạ được 2 thành ở Khúc Sơn của Thục và bức Khương Duy, Hạ Hầu Bá phải lui binh nên được Tư Mã Ý yêu quý. Sau khi Quách Hoài chết, Trần Thái kế nhiệm chức Chinh Tây tướng quân kiêm Đô đốc quân sự tại Ung Châu.

“Bạt nhân chi thành, nhi phi công dã”

Chiếm được thành của địch mà không cần phải đánh.

Tư Mã Chiêu vây lâu đánh chậm, hạ thành Thọ Xuân

Sau khi được hoàng đế nước Ngụy là Tào Mao phong làm Đại đô đốc, Tư Mã Chiêu nắm đại quyền trong tay, thanh thế càng lớn.

Gia Cát Đản vốn đã chán ghét việc Tư Mã Chiêu chuyên quyền, một mặt tập kết hơn 10 vạn người ở Lương Hoài và gần 5 vạn binh mã mới chiêu mộ tại Dương Châu, một mặt tích trữ lương thảo chuẩn bị cố thủ tại Thọ Xuân (huyện Thọ, tỉnh An Huy).

Gia Cát Đản còn sai bộ hạ là Ngô Cường đem con mình là Gia Cát Tịnh sang Đông Ngô làm con tin, tự nguyện đầu hàng Đông Ngô và cầu Đông Ngô đem binh viện trợ.

Đông Ngô vui mừng, phong Gia Cát Đản làm Thọ Xuân hầu, phái 4 tướng là Toàn Đoan, Toàn Dịch, Đường Tư, Vương Tộ đem 3 vạn quân do tướng Văn Khâm chỉ huy đi cứu viện Thọ Xuân.

Biết tin, Tư Mã Chiêu đích thân chỉ huy 26 vạn quân đánh Thọ Xuân.

Thoạt tiên, Vương Cơ cùng bộ tướng muốn công thành, Tư Mã Chiêu cho rằng Thọ Xuân thành trì kiên cố, quân nhiều nếu thực sự tấn công thì thương vong rất lớn, nếu Đông Ngô lại phái thêm viện binh thì trước sau đều thù địch, rất nguy hiểm. Duy chỉ có vây thành, diệt viện mới có thể hạ được thành, bắt được Gia Cát Đản.

Quả nhiên Đông Ngô lại phái Chu Dị đem 3 vạn binh mã tới Đồn An Phong (phía đông nam cố Thủy, tỉnh Hà Nam), làm ngoại viện cho Văn Khâm!

Không lâu sau, Tôn Sâm là đại tướng quân của Đông Ngô đích thân đem đại quân ra Đồn Hoạch Lý (huyện Sào, tỉnh An Huy) và lại phái Chu Dị đem quân giải cứu Thọ Xuân. Chu Dị bị thua rồi lại làm trái quân lệnh, bị Tôn Sâm giết. Tôn Sâm lui binh về Kiến Nghiệp (Nam Kinh, tỉnh Giang Tô). Tư Mã Chiêu sai người phao tin đồn rằng: “Viện binh của Đông Ngô sắp tới, mà lương thảo của quân Ngụy sắp hết, nên quân Ngụy đã đem một phần binh mã tới Hoài Bắc, đây là lúc sắp được giải vây”.

Gia Cát Đản hay tin tưởng thật, nên không hạn chế dùng lương thảo nữa. Chẳng bao lâu trong thành bắt đầu thiếu lương mà viện binh mãi không thấy tới.

Hai tướng tâm phúc của Gia Cát Đản là Tưởng Ban và Tiêu Di kiến nghị rằng: “Tôn Sâm giết Chu Dị và lui quân, thực tế đã bó tay. Trước mắt trong thành thiếu lương, không thể trấn thủ lâu, chi bằng nhân khi lòng quân ổn định, ta quyết một trận tử chiến với quân Ngụy. Tuy không thể toàn thắng, nhưng vẫn hơn là ngồi chờ chết”.

Văn Khâm phản đối, cho rằng Đông Ngô sẽ phái quân cứu viện, Tưởng, Tiêu hai người cứ giữ ý kiến của mình, đôi bên tranh chấp. Gia Cát Đản cả giận muốn giết Tưởng, Tiêu. Hai tướng sợ hãi trèo ra khỏi thành đầu hàng quân Ngụy.

Lúc này, cháu của tướng Ngô Toàn Dịch là Toàn Huy và Toàn Nghị ở Kiến Nghiệp phát sinh mâu thuẫn với gia tộc, nên hai người bèn đem theo mẹ chạy đến hàng Tư Mã Chiêu. Tư Mã Chiêu liền bí mật viết một phong thư mang danh nghĩa Toàn Huy, Toàn Nghị, rồi sai thuộc hạ thân tín của Toàn Huy vào thành trao cho Toàn Dịch, nói Đông Ngô vì không lấy được Thọ Xuân nên giận dữ muốn giết hết gia tộc họ Toàn ở Kiến Nghiệp, nên hai người mới bỏ chạy.

Toàn Dịch, Toàn Đoan vội đem hơn một ngàn quân mã ra đầu hàng quân Ngụy. Lòng người trong thành Thọ Xuân bắt đầu dao động.

Văn Khâm nói với Gia Cát Đản: “Tưởng, Tiêu cho rằng chúng ta không thể phá vây, Toàn Đoan lại đã ra hàng. Đây là lúc đối phương chủ quan, lơ đãng, ta có thể thừa cơ phản công”.

Gia Cát Đản và tướng Ngô là Đường Tư cũng cho rằng thời cơ đã tới, vì thế rời thành phá vây, liền 6 ngày đêm chiến đấu liên tục, chiến trận rất ác liệt. Quân Ngụy leo lên cao lặn đá và hấn tên xuống như mưa khiến quân Ngô chết vô số kể thây phơi thành núi, máu chảy thành sông. Văn Khâm và Gia Cát Đản đành lui binh về thành.

Lương thực trong thành Thọ Xuân sắp cạn, vài vạn người đã rời thành đầu hàng. Văn Khâm cho rằng để tiết kiệm lương thảo nên đưa dân chúng rời thành, chỉ giữ quân của Gia Cát Đản và viện binh lại cố thủ chờ quân

Đông Ngô tới. Gia Cát Đản không nghe theo, vì thế sinh mâu thuẫn oán hận giữa hai người.

Ngày nọ, Văn Khâm đến bàn việc quân, Gia Cát Đản bất ngờ tuốt gươm giết Văn Khâm. Con của Văn Khâm là Văn Ương, Văn Hổ hay tin định tụ tập thuộc hạ báo thù, nhưng thuộc hạ không theo, hai người bèn rời thành đầu hàng quân Ngụy.

Các tướng Ngụy muốn xử tử Văn Ương, Văn Hổ. Tư Mã Chiêu nói: “Văn Khâm tội ác đầy trời, con của y theo lý cũng bị xử tử. Nhưng Văn Ương, Văn Hổ vì cùng đường mà tới hàng, hơn nữa chưa hạ được thành mà đã giết hàng tướng, sẽ khiến quân trong thành chống cự đến cùng”. Nói rồi, Tư Mã Chiêu hạ lệnh tha cho Văn Ương, Văn Hổ, phong tước Quan Nội hầu. 2 người bái tạ, phóng ngựa xung quanh thành, nói lớn: “Bọn ta đã được đại tướng quân nước Ngụy tha tội, ban tước, các người sớm đầu hàng đi!”. Lòng quân trong thành dao động, lại thêm đói khát ai nấy đều có ý đầu hàng.

Tư Mã Chiêu đích thân đến sát bên thành quan sát tình hình. Quân giữ thành tuy cầm cung nhưng không bắn. Tư Mã Chiêu nói với các tướng của mình rằng: “Ta đã có thể tấn công thành trì!” thế là quân Ngụy công thành.

Thành Thọ Xuân bị phá. Gia Cát Đản khốn quẫn phá vây vượt ra, gặp ngay thuộc hạ của Tư Mã Ý là Hồ Phấn, liền bị chém chết.

Tướng Ngô là Đường Tư, Vương Tộ thấy Gia Cát Đản bị giết bèn ra hàng, tới đây quân Ngụy đã thắng. Vì Tư Mã Chiêu chỉ đạo đúng đắn, nên giành được thắng lợi to lớn mà không trả giá đắt.

“Hủy nhân chi quốc nhi phi cứu dã”

Phá được nước người mà không mất nhiều ngày tháng.

Tư Mã Viêm chỉ một trận, diệt Tôn Hạo

Năm thứ 4 Cảnh Nguyên Ngụy Nguyên đế (năm 263), Ngụy diệt Thục, thay thế tam quốc chân vạc thành thế song lập Ngụy - Ngô Nam Bắc. Tướng quốc nước Ngụy là Tấn công Tư Mã Chiêu được phong làm Tấn vương.

Diệt xong Thục, địa vị thống trị trong chính quyền Tào Ngụy của họ Tư Mã càng vững chắc. Năm thứ hai Ngụy Hàm Hy (năm 265) tháng 8, con là Tư Mã Viêm kế vị Tấn vương.

Tháng 12 cùng năm, phế truất Ngụy Nguyên đế Tào Hoán, tự lập làm vua, lấy quốc hiệu là Tấn, thay niên hiệu là Thái Thủy.

Đông Ngô từ sau khi Ba Thục bị diệt, tình thế nguy ngập. Năm thứ 7 Ngô Vĩnh An (năm 264), Ngô cảnh đế Tôn Hưu bệnh chết, cháu của Tôn Quyền là Tôn Hạo lên làm vua, Tôn Hạo chìm trong tử sắc, xa xỉ vô độ. Tôn Hạo yêu nịnh thần, tin lời thầy bói, giết những ai dám can gián hoặc đắc tội với mình. Trong triều ai nấy lo sợ.

Năm Thái Thủy thứ tám (năm 272), tình hình tạm ổn, Tư Mã Viêm liền triệu Dương Hựu tới bàn việc chinh phạt Đông Ngô. Dương Hựu cho rằng năm xưa Tào Tháo nam chinh thất bại, nguyên nhân vì thiếu thủy quân, chế tạo chiến hạm, khống chế miền thượng du, một khi thời cơ chín muồi, có thể tấn công theo nhiều đường, thủy lục quân cùng tiến, đột nhiên tập kích mới diệt được Ngô.

Tư Mã Viêm bí mật lệnh cho Thứ sử Ích Châu là Vương Tuấn huấn luyện thủy quân tại Ba Thục, đồng thời chế tạo chiến thuyền.

Wương Tuấn tập trung hơn một vạn binh sĩ cùng thợ đóng thuyền ở các quận tại Ba Thục, trong 1 năm đã đóng đủ số thuyền cần dùng. Thuyền lớn có thể tải hơn 2 ngàn người, trên thuyền có đường đi cho ngựa. Đây là chiến thuyền lớn nhất từ xưa tới đời nhà Tấn.

Dương Hựu thực hành sách lược mềm mỏng tại Kinh Châu, giảm thiểu quân tuần tra thủ bị, tiến hành khai phá ruộng đất. Khi mới đến quân không đủ lương trăm ngày, sau vài năm đã tích quân lương đủ dùng 10 năm.

Dương Hựu lại đối xử tốt với người Ngô, quân Tấn không hề xâm lấn đất Ngô. Khi đi săn, cầm thú bắn được đều chia cho thợ săn người Ngô. Những hành động này của Dương Hựu được lòng người Ngô và làm mất đi tinh thần cảnh giác của họ.

Năm Tấn Thái Thủy thứ mười (năm 274) danh tướng nước Ngô là Lục Kháng bệnh chết, quân đội do ông nắm quyền do năm con trai của ông thống lĩnh. Việc phòng thủ trung và hạ du của Trường Giang vì mất đi 1 tướng tài nên càng lỏng lẻo.

Dương Hựu cho rằng thời cơ diệt Ngô đã tới, bèn tâu với Tư Mã Viêm: “Tôn Hạo bạo ngược đã nhiều, nay diệt Ngô đã có thể không cần đánh cũng thắng, nếu Tôn Hạo chẳng may mắc bệnh mà chết, nước Ngô lập nên một vị minh quân thì e rằng Tấn khó lòng diệt Ngô”.

Tư Mã Viêm tán đồng, muốn phái Dương Hựu thống lĩnh các đại quân diệt Ngô, Dương Hựu lấy cố cao tuổi khước từ, và tiến cử Đỗ Dự thay mình.

Chẳng bao lâu sau, Dương Hựu bệnh chết, Tư Mã Viêm phong Đỗ Dự làm Trấn Nam đại tướng quân kiêm đô đốc quân sự Kinh Châu.

Cuối năm thứ năm Tấn Hàm Ninh (năm 279), Tư Mã Viêm tập trung hơn 20 vạn người chia làm sáu lộ quân chinh phạt Đông Ngô. 6 lộ quân tập trung lại Giang Bắc, các nơi phòng thủ bên sông của Ngô trải dài từ Dương Châu tới Giang Lăng đều bị quân Tấn tiến công. Để tiện cho việc thủy, lục quân hợp đồng tác chiến, quân Tấn qui định từ Ba Thục thuận xuống Giang Lăng thuộc về thủy quân, sau khi tới Kiến Bình, do Đỗ Dự chỉ huy, khi tới Kiến Nghiệp, do An Đông tướng quân là Vương Hồn chỉ huy.

Tháng Giêng năm Tấn Thái Khang thứ nhất (năm 280), các lộ quân thủy lục cùng xuất phát, thanh thế mạnh mẽ, quân Ngô kinh sợ vô cùng.

Thủy quân Vương Tuấn, binh giáp đầy sông, cờ xí rợp trời, ào ào thuận dòng mà xuống, vượt Cù Đường, qua Vu Hiệp, công phá thành Đan Dương (phía phía đông Tì Qui, tỉnh Hồ Bắc) bắt sông Đan Dương giám Thịnh Kỳ.

Cùng lúc Vương Tuấn tiến, quân Đỗ Dự cũng mang binh tiếp ứng, phái bộ tướng là Chu Chỉ mang 800 quân kỳ binh, nhân khi đêm tối vượt sông mai phục tại Lạc Hương (đông bắc huyện Tùng Từ, tỉnh Hồ Bắc). Quân của

Vương Tuấn tới Lạc Hương, đô đốc quân Ngô là Tôn Hâm sai quân rời thành ứng chiến. Vừa giao chiến quân Ngô đại bại, thoái lui.

Chu Chi cùng 800 quân kỳ binh mai phục ngoài thành cùng theo bại quân của Ngô vào thành, Tôn Hâm còn hoảng hốt thì đã bị hất sống.

Quân thủy lục của Vương Tuấn và Đỗ Dự hợp công Giang Lăng, Ngũ Diên tướng quân, trấn thủ Giang Lăng giả đầu hàng mai phục tinh binh trong thành dụ quân Đỗ Dự vào rồi đánh úp. Đỗ Dự biết mưu này, bồng hạ lệnh tấn công chiếm Giang Lăng, chém chết Ngũ Diên.

Binh mã vùng thượng du sông Trường Giang đánh đầu thắng đó, bức tướng giữ thành ở Võ Xương (Ngạc Thành, tỉnh Hồ Bắc) phải đầu hàng, giành thắng lợi hoàn toàn và chấm dứt cuộc chiến miền thượng du. Quân của Vương Hồn ở hạ du đã tiến tới Hoàn Giang (đông nam huyện Hòa, tỉnh An Huy), mở rộng đường qua sông.

Để cứu vãn tình thế nguy cấp, Tôn Hạo phái Thừa tướng Trương Để đem quân qua sông nghênh chiến. Khi quân đến Ngư Chử (ở Thái Thạch phía bắc Dương Đồ, tỉnh An Huy). Thái thú Đan Dương là Thẩm Anh kiến nghị nên thủ vững ở đây để phòng quân thủy của Vương Tuấn từ phía đông kéo xuống.

Trương Để nói: “Quân thủy của Vương Tuấn tới đây thì đã mỏi mệt, ta nào có sợ gì, nay nếu ta sang sông quyết chiến may mà thắng được thì uy thế càng tăng, sau đó đánh lên phía tây nghênh chiến với quân thủy của Vương Tuấn tại dọc đường”. Nói rồi Trương Để hạ lệnh toàn quân vượt sông, tìm quân Vương Hồn mà quyết chiến.

Quân Ngô tại Dương Hà (tên cầu ở huyện Hoà, tỉnh An Huy) gặp quân tiên phong của Vương Hồn do Trương Kiêu chỉ huy. Trương Để liền bao vây. Trương Kiêu thấy cô thế khó địch bèn xin hàng.

Quân Ngô tiến tới Bản Kiêu (bắc Dương Hà) thì gặp quân chủ lực của Vương Hồn. Thẩm Anh mang năm ngàn tinh binh xông lên giao tranh mấy lần liền đều bị quân Tấn đánh tan, Thẩm Anh và hai đại tướng chết trận.

Quân Ngô lui binh, quân Tấn thừa thắng phản kích đánh bại quân Ngô. Lúc này Trương Kiêu từ phía sau cũng đánh tới. Quân Tấn tiền hậu giáp công, quân Ngô tan rã. Trương Để bị giết.

Lúc này lục quân của Tấn đã đến bên sông, quân thủy của Vương Tuấn đã tới Tam Sơn. Tôn Hạo phái tướng quân Trương Tượng chỉ huy hơn một vạn quân thủy, tiến lên chặn Vương Tuấn, Trương Tượng lại xin hàng quân Tấn .

Đại tướng Đào Tuấn mà Ngô phái đi dẹp loạn vừa hay về tới Kiến Nghiệp. Tôn Hạo vội vội tới, hỏi Đào Tuấn có cách gì chống quân Tấn, Đào Tuấn huênh hoang: “Thần chỉ cần hai vạn binh mã cùng chiến thuyền xuất chiến thì có thể diệt địch”.

Tôn Hạo liền trao hết quân quyền cho Đào Tuấn, lệnh cho y hôm sau mang quân nghênh chiến.

Quân Ngô biết tin này, ngay đêm đó liền tranh nhau đào ngũ.

Tôn Hạo không còn binh mã, các viên quan nước Ngô cũng đều kéo nhau qua sông hàng Tấn. Tôn Hạo bèn nghe theo kế sách của Trung thư lệnh Hồ Sung, dâng thư xin hàng cùng một lúc cho cả ba người Vương Hổn, Vương Tuấn, Lang Nha Vương Trụ, muốn ba người đó vì tranh công mà khiến quân Tấn nội loạn. Vương Hổn tiếp được hàng thư bèn mời Vương Tuấn đến Giang Bắc bàn bạc, Vương Tuấn mượn lời truyền rằng: “Gió to, không thể dừng”, nói rồi giương buồm tiến thẳng đến Kiến Nghiệp.

Ngày 15/3, Vương Tuấn đem 8 vạn quân thủy tiến vào Kiến Nghiệp, Tôn Hạo đầu hàng Vương Tuấn. Như vậy chỉ 2 tháng, Tư Mã Viêm đã diệt chính quyền cát cứ gần 60 năm của Tôn Ngô.

“Tất dĩ toàn tranh vu thiên hạ”

Phải dùng chiến lược toàn thắng để tranh thiên hạ.

Kế sách toàn thắng của Gia Cát Lượng ở Long Trung

Năm Kiến An thứ 12 (năm 207), mùa đông, Lưu Bị không quản khó nhọc, 3 lần tới lều tranh, Gia Cát Lượng mới đồng ý tiếp đón. Lưu Bị nói: “Hiện nay nhà Hán suy vi, gian thần chuyên quyền, quần hùng hỗn chiến. Tại hạ không tự lượng sức, muốn ban bố đại nghĩa khắp thiên hạ. Nhưng, trí mưu thiên cận; nay tới bãi kiến tiên sinh, thỉnh cầu chỉ giáo”.

Thành ý cầu hiền tài cùng thái độ thành khẩn khiêm nhường của Lưu Bị khiến Gia Cát Lượng cảm kích. Ông đem bản đồ hình thế thiên hạ ra thuyết giải.

Gia Cát Lượng nói: “Muốn hưng phục nhà Hán, thì kẻ địch chính trước mắt là Tào Tháo. Hiện y đã có vài chục vạn quân, lại ép thiên tử hạ lệnh các chư hầu, nên tạm thời không thể đối mặt trực tiếp với y được.

Tôn Quyền chiếm cứ Giang Đô đã 3 đời, nơi đó địa thế hiểm yếu, lòng dân theo về, nhân tài chí sĩ nhiều, vì thế, nên liên hiệp với Tôn Quyền mà không nên thôn tính”.

Gia Cát Lượng chỉ hai vùng Kinh Châu, Ích Châu, nói: “Kinh Châu phía bắc dựa vào Hán Thủy, Miến Thủy, phía nam thông với Nam Hải, phía đông liền với Ngô, Hội (quận Hội Kê), phía tây gần Ba, Thục, là nơi dụng võ thuận cho cả công lẫn thủ.

Đáng tiếc Lưu Biểu tài hèn chí đoản, nhu nhược, dễ kị người tài, không thể đương đầu với sự chinh phạt của Tào Tháo, Tôn Quyền! Đây là mảnh đất tốt mà trời dành cho tướng quân, lẽ nào tướng quân không muốn nó?”

Gia Cát Lượng thấy Lưu Bị trầm tư, bèn tiếp: “Còn có Ích Châu, địa thế hiểm yếu, dễ thủ khó công, nơi đó đất đai ngàn dặm từ xưa đã được gọi là “thiên phủ chi quốc”. Nhưng Lưu Chương bất tài vô dụng, nào có ai xem là minh quân!”

Lưu Bị nghe nói bất giác động lòng, nhưng vẫn nói: “Tại hạ tài hèn đức bạc, trí mưu nông cạn, nay lại gặp thất bại, muôn làm được việc lớn chỉ e khó lắm”.

Gia Cát Lượng nói: “Tướng quân chớ quá khiêm tốn, ngài là hậu duệ nhà Hán, thiên hạ người người đều khâm phục, chỉ cần ngài chiêu hiền đãi sĩ, hào kiệt khắp nơi sẽ đua nhau theo về. Tướng quân nên nắm thời cơ, trước chiếm Kinh Châu, sau khi có nơi an thân, hãy lấy Ích Châu. Sau đó giữ vững nơi hiểm yếu, củng cố lực lượng, chiếm cứ một phương, như vậy...”. Lưu Bị bất giác buột miệng nói: “Thì có thể noi theo Cao Tổ, mưu đồ xưng bá Trung Nguyên”.

Gia Cát Lượng nói: “Muốn xưng bá Trung Nguyên, còn cần hoà với tộc Nhung ở phía tây, Di Việt ở phía nam, ngoài liên kết với Tôn Quyền, trong tu chính chính trị, chờ thời cơ thuận lợi.

Một khi thời cơ chín muồi, thì hạ lệnh cho 1 đại tướng, đem quân của Kinh Châu tiến đến Lạc Dương, ngài tự mang quân ở Ích Châu đến lấy Thái Xuyên, đến lúc đó, nhà Hán có thể hưng phục”.

Những lời phân tích về chiến lược vạn toàn của Gia Cát Lượng khiến Lưu Bị vui mừng, và hận rằng đã gặp nhau quá muộn. Ông thành khẩn nói: “Tiên sinh tài năng cái thế, không thể sống ẩn cư mãi nơi này, những mong tiên sinh vì lo đến sự an nguy của nhà Hán mà giúp Bị này một tay!”

Gia Cát Lượng tuy ẩn cư nhưng luôn quan tâm đến sự thay đổi của hình thế chính trị xã hội, và tìm kiếm cho mình 1 đảng minh quân. Nay Lưu Bị chính là một vị minh quân, do vậy Gia Cát Lượng mừng rỡ.

Sau khi Gia Cát Lượng rời khỏi Long Trung, chiếu theo sách lược đã định, trong trận Xích Bích, cùng liên hợp với Tôn Quyền đánh bại Tào Tháo, lấy được Kinh Châu, sau chiếm Ba Thục, hình thành thế chân vạc Ngụy, Thục, Ngô.

“Thập tắc vi chi, ngũ tắc công chi, bội tắc chiến chi”

Binh lực gấp mười thì bao vây, gấp năm thì tấn công, gấp hai thì nỗ lực đánh địch.

Đàm Quan dùng 3 quân hợp vây diệt giặc Oa

Đầu thế kỷ 16, Nhật nội chiến liên miên. 1 số tàn binh và võ sĩ phong kiến câu kết với hải tặc Trung Quốc, liên tiếp xâm phạm duyên hải đông nam Trung Quốc, trăm họ gọi là “Oa Khẩu”, tức hải tặc Nhật.

Chính trị triều Minh lúc ấy thối nát, quân đội yếu kém, nên giặc Oa hoành hành bạo ngược. Chúng rất tàn bạo, giết người đốt nhà tàn ác, trăm họ khổ cực vô cùng.

Triều Minh liên tiếp phái Du Đại Du, Trương Kinh, Đàm Quan, Thích Tục Quang đi dẹp giặc Oa, đánh liên mấy trận, quét sạch giặc Oa ở duyên hải Sơn Đông, Chiết Giang.

Thích Tục Quang là người huyện Bồng Lai, tỉnh Sơn Đông, vốn là thuộc hạ của Du Đại Du, sau được điều tới trấn thủ ba phủ Ninh Ba, Thiên Hưng, Đài Châu của tỉnh Chiết Giang. Thích Tục Quang chiêu mộ quân mã tại Kim Hoa, Nghĩa Ô, huấn luyện nghiêm minh, đánh thắng mấy trận, được gọi là “Thích Gia Quân”.

Tháng Giêng năm Gia Tĩnh 42 (năm 1563), giặc Oa nghe tin Thích Gia Quân sắp tiến vào Mân liên giết hết dân trong thành, rồi bỏ thành rút về Bình Hải Vệ (Bình Hải, Phú Điền) nhằm xây thành lũy cố thủ. Bình Hải Vệ tọa lạc trên một bán đảo nhỏ, nằm giữa 2 vịnh Bình Hải, Hưng Hoá.

Các lộ quân cùng tiến vào Phúc Kiến, triều đình phái Đàm Quan làm quan tuần sát Phúc Kiến kiêm đề đốc quân vụ, thống nhất chỉ huy các lộ quân liên hiệp dẹp giặc Oa.

Du Đại Du mang 6000 quân từ Giang Tây tiến đến cửa sông Hưng Hoá, hội quân với Lưu Hiến là Tổng binh Quảng Tây, vây khốn giặc Oa tại Bình Hải Vệ, dựng rào chắn, đào hào ngăn, không cho chúng chạy trốn lên đất liền. Du Đại Du còn phái Hứa Chiêu Quang đi tuần ngoài bờ biển Bình Hải Vệ, ngăn giặc Oa chạy ra biển. 2 lộ binh mã cùng chờ Thích Tục Quang tiến tới nhằm liên hiệp binh lực tấn công sào huyệt giặc Oa.

Sau khi nhận lệnh dẹp giặc Oa ở đất Mân, Thích Tục Quang lại tới Nghĩa Ô chiêu mộ binh mã, vừa hành quân vừa luyện binh, đến 13/4 thì tới

Phúc Thanh, Phúc Kiến. Thích Tục Quang viết thư báo cáo tình hình cho Đàm Quan, xin Đàm Quan kết hợp 3 cánh quân cùng hành động.

Giặc Oa biết quân Minh đã tới, bèn sai người hộ tống phần lớn tài vật đã cướp được chở về nước, đồng thời điều 3000 quân tới Hứa Gia Thôn thuộc Chư Lâm. Bán đảo Bình Hải Vệ giống một cái chân duỗi ra biển mà Chư Lâm là cổ chân, địa hình hiểm trở, là yết hầu cổ thủ của Bình Hải Vệ.

Đàm Quan biết rõ khó khăn trong lần tác chiến này, quân Minh nhiều hơn giặc Oa sáu, bảy lần, hợp với binh pháp “thập tắc vi chi” (gấp 10 lần thì bao vây).

Đàm Quan triệu tập Thích Tục Quang, Du Đại Du, Lưu Hiến tới bàn kế sách tấn công. Mọi người đều cho rằng, giặc Oa tuy ít quân nhưng chiếm cứ nơi hiểm yếu, có thể lấy một chọi mười, quân Minh cần phải tốc chiến tốc thắng.

Thích Tục Quang nguyện đảm đương trọng trách chủ động đi tiên phong, hội hợp với hai cánh quân của Lưu Hiến và Du Đại Du.

Đàm Quan quyết định ngày hôm sau sẽ tấn công Bình Hải Vệ, lấy Thích Tục Quang làm quân tiên phong, đảm trách việc tấn công chính diện; Du Đại Du làm hữu quân, Lưu Hiến làm tả quân, đảm nhiệm bao vây 2 cánh, dùng tinh binh lâm chiến nhằm giết hết giặc Oa.

Mờ sáng hôm sau, Thích Tục Quang lấy quân của Hồ Thủ Nhân làm quân tiên phong, chia binh theo ba lộ, gấp tiến quân, khi đến dưới chân núi Ngũ Đẳng Sơn, trăng còn chưa xuống núi, binh mã nghỉ ngơi chờ thời cơ.

Trời vừa rạng sáng, Thích Tục Quang chỉ huy binh mã tiến sát đồn lũy giặc Oa. 2000 quân giặc Oa với hơn 100 kỵ binh tiên phong, tiến ra nghênh chiến.

Thích Gia Quân phóng hoả khi đánh chặn, tiếng nổ long trời, lửa thiêu ngập đất khiến chiến mã giặc Oa kinh hoàng chạy lồng, đội hình tán loạn. Nhưng bộ binh giặc Oa vẫn ngoan cố chống cự, vung đao múa kiếm, hò hét xông lên. Thích Gia Quân không sợ, đánh giáp lá cà với giặc Oa.

Khi cuộc chiến đến hồi ác liệt, hai cánh quân của Lưu Hiến và Du Đại Du cùng xông trận. Giặc Oa tứ bề gặp địch, mất hết tinh thần chiến đấu, bị giết sạch. Tàn quân giặc Oa chạy về Hứa Gia Thôn. 3 cánh quân Minh thừa thắng truy kích, bao vây giặc Oa tại Hứa Gia Thôn.

Thích Tục Quang quan sát hướng gió rồi dùng hoả công, trong nháy mắt sào huyết giặc Oa biến thành biển lửa, giặc Oa kinh hãi bỏ chạy.

Trận này, quân Minh tập trung toàn bộ ưu thế về binh lực, dưới sự chỉ huy thống nhất của Đàm Quan, dùng chiến lược đột kích chính diện bao vây hai cánh, chỉ trong vài giờ đã giết hơn 2000 giặc Oa, cứu hơn 3000 tù nhân bị giặc Oa giam giữ.

Ngày hôm sau, Thích Tục Quang phái binh quét sạch sào huyết giặc Oa, lấy lại Binh Hải Vệ. Quân Minh thừa thắng tiến binh, toàn hộ giặc Oa ở phía nam Phúc Kiến tan rã.

“Địch tắc năng phân chi”

Binh lực tương đương thì phải tìm cách phân tán binh lực đối phương.

Lý Cao dụ địch chia quân, chiếm Thái Sơn

Cuối nhà Đường, triều chính thối nát, quan lại chuyên quyền, các phiên trấn nổi loạn. Đại Đường bắt đầu suy thoái. Năm thứ 14 Đường Thiên Bảo (năm 755), tiết độ sứ Phạm Dương là An Lộc Sơn làm phản, mở màn binh lửa liên miên. Năm thứ 3 Đường Đức Tông Kiến Trung (năm 782) tháng 11, tiết độ sứ Lư Long là Chu Thao, Ngụy Bác Tiết độ sứ là Điền Duyệt, Hằng Dực Đô đoàn luyện quan sát sứ Vương Võ Tuấn và Tự lĩnh Tri Thanh quân vụ Lý Nạp cùng ăn thề phản Đường xưng vương.

Chu Thao làm thủ lĩnh, tự xưng là Dực vương; Điền Duyệt xưng Ngụy vương; Vương Võ Tuấn xưng Triệu vương, Lý Nạp xưng Tề vương. 4 người lôi kéo thêm Lý Hi Liệt là Tiết độ sứ Hoài Tây (lưu vực Hoài Hà của Hoãn Bắc, tỉnh Dự Đông).

Tháng Ba, Giang Tây Tiết độ sứ Lý Cao chém chết bộ tướng của Lý Hi Liệt là Hàn Sương Lộ tại Hoàng Mai (nay ở phía tây bắc huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc) và tiến phá Hoàng Châu.

Lúc này Lý Hi Liệt dờn sào huyệt về Thái Sơn (phía tây nam huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Bắc) xẻ gỗ đào đất, đắp thành cố thủ.

Vách núi Thái Sơn dựng đứng, hình thế hiểm trở, mặt tây nam giáp với Trường Giang, vách núi lởm chởm, dốc đứng. Chỉ có 1 con đường nhỏ ở phía đông nam ngoằn ngoèo dẫn lên. Lý Hi Liệt sai quân trấn giữ tại đây.

Lý Cao là người đa mưu túc kế, giỏi tùy cơ ứng biến. Đứng trước tình thế khó khăn này, nếu đánh mạnh sẽ thương vong lớn mà không chắc thắng nổi. Hiển nhiên phải tìm cách phân tán lực lượng quân địch rồi tiến đánh mới có thể thủ thắng.

Do đó Lý Cao sai người cố ý tiết lộ tin tức, nói rằng ông sẽ tấn công phía tây, chiếm Kỳ Châu (nay ở phía bắc huyện Kỳ Xuân, tỉnh Hồ Bắc) đồng thời ông công khai thu mua thuyền bè luyện tập thủy quân trên sông Trường Giang, làm như muốn thực sự tấn công phía tây. Vài ngày sau, tất cả được chuẩn bị xong. Lý Cao hạ lệnh cho các chiến thuyền xuất phát đồng thời tập hợp bộ binh ở phía nam Thái Sơn theo quân thủy tiến về phía tây.

Lý Hi Liệt nghe báo, nhưng e Kỳ Châu bị mất, bởi nơi này chỉ có 1 ít binh sĩ trấn thủ, nên y đích thân mang quân đuổi theo. Quân Lý Hi Liệt sau mấy ngày truy đuổi đã rời xa Thái Sơn hơn 300 dặm. Lý Cao thấy Lý Hi Liệt trúng kế, lệnh cho bộ binh lên thuyền, thuận dòng quay về Thái Sơn.

Lúc ấy chỉ còn 1 ít quân Lý Hi Liệt ở lại giữ Thái Sơn, bị quân Lý Cao tấn công đã đầu hàng.

Lý Hi Liệt thấy quân của Lý Cao lên thuyền mà về mới biết mình mắc mưu, vội cho quân quay về cứu Thái Sơn nhưng Thái Sơn bị Lý Cao chiếm rồi.

Lý Cao không để quân Lý Hi Liệt nghỉ ngơi, lập tức tấn công, đánh tan bọn chúng. Đây là một trong những chiến dịch lớn trong cuộc thảo phạt Lý Hi Liệt của quân nhà Đường.

“Thủ sắc năng toả chi”

Quân ít hơn địch thì phải cố thủ.

Vu Khiêm cố thủ Bắc Kinh, đuổi Ngôã Thích

Quyền quân chính trong những năm Chính Thống thuộc triều Anh Tông nhà Minh bị quan đại thần Vương Chấn thao túng, nên thống trị suy thoái. Mông cổ Ngôã Thích ở phía bắc đã thống nhất được các bộ lạc Mông cổ khác, lực lượng rất lớn, không ngừng quấy nhiễu bờ cõi nhà Minh.

Năm Chính Thống thứ 14 (năm 1449), tháng 7, thủ lĩnh bộ tộc Ngôã Thích là Dã Tiên chia binh làm 4 đường, xâm lấn bờ cõi. Quân chủ lực do Dã Tiên chỉ huy tiến công Đại Đồng (Tp Đại Đồng, tỉnh Sơn Tây), các thành ngoài biên ải đều bị Ngôã Thích chiếm.

Vương Chấn cao ngạo tự đại, văn dốt võ dốt, điều động 50 vạn quân, cùng Anh Tông thân chinh, Binh bộ thị lang Vu Khiêm cùng các quan đại thần hết sức ngăn trở cũng vô hiệu.

Dã Tiên chỉ huy binh mã, trung tuần tháng Tám đã vây hãm quân Minh tại Thổ Mộc (đông nam Hoài Lai, tỉnh Hà Bắc), 50 quan đại thần nhà Minh bị giết, Anh Tông bị bắt, quân Minh thảm bại. Vương Chấn bị hộ vệ tướng quân Phàn Trung giết chết.

Tin tức truyền tới kinh thành, triều Minh hoảng sợ. Các đại thần tranh cãi kịch liệt, cuối cùng chia thành hai phe, một phe do Hàn lâm thị giảng Từ Trình đứng đầu chủ trương dời đô xuống phía nam, một phe do Binh bộ thị lang Vu Khiêm đứng đầu chủ trương cố thủ.

Hoàng Thái hậu lệnh cho Thành vương coi việc triều chính, Vu Khiêm làm Thượng thư bộ binh, gánh trọng trách bảo vệ kinh thành.

Vu Khiêm cho rằng sau trận đánh tại Thổ Mộc, 50 vạn quân Minh tan rã, nhưng quân Ngôã Thích cũng bị thương, ắt phải nghỉ ngơi, rồi chúng mới tấn công các ải trọng yếu, chiếm lấy Bắc Kinh. Chỉ cần lòng người nhất trí, nắm vững thời cơ, sẽ giữ được kinh thành. Để ổn định cục diện, thống nhất ý chí, Vu Khiêm lập tội trạng của Vương Chấn, trừng trị phe cánh của y.

Cư Dung quan và Tử Kinh quan là hai ải mà quân Ngôã Thích từ hướng tây bắc và tây nam tấn công Bắc Kinh cần phải qua. Vu Khiêm lệnh cho Viên Ngoại bộ binh Lang La Thông cùng Binh Khoa cấp sự trung Tôn

Tường trấn thủ hai ải này và chôn địa lôi tại các nơi hiểm yếu, ngăn chặn đường tiến của quân Ngôã Thích.

Với sự đồng lòng của tướng lĩnh, quân dân, Vu Khiêm tổ chức lực lượng, tăng cường đào hào đắp lũy. Ông còn tập hợp thợ thủ công ngày đêm chế tạo vũ khí, trong vài ngày đã làm được mấy vạn bộ áo giáp, hơn 1000 chiến xa, hơn 2 vạn khẩu súng hoả mai, 44 vạn mũi tên.

Vu Khiêm lệnh vận chuyển mấy trăm vạn thạch lương thảo từ các châu huyện lân cận tới Bắc Kinh. Lúc này quân sĩ còn lại trong thành chỉ còn gần 10 vạn, phần đông là binh sĩ già yếu, Vu Khiêm lệnh cho Đô đốc Thạch Hưởng chinh đốn lại quân ngũ cùng tướng lĩnh. Qua 1 tháng chuẩn bị, thao luyện, chiêu mộ, quân số lên 22 vạn, các tướng sĩ đều có vũ khí, khiên giáp.

Tháng 10 năm ấy, quân chủ lực do Dã Tiên chỉ huy được Hỷ Ninh là quan triều Minh bị bắt, dẫn đường lên vượt núi, qua ải Nam Quan, tấn công Tử Kinh quan (nay ở trên đỉnh núi Tử Kinh, huyện Dịch, tỉnh Hà Bắc). Tôn Tường chết trận, quân Ngôã Thích tiến gần tới Bắc Kinh.

Vu Khiêm phái các tướng chỉ huy quân sĩ bày trận ở bên ngoài Cửu Môn, Bắc Kinh, ông tự mình chỉ huy quân trấn thủ tại Đức Thăng Môn. Khi các cánh quân bài binh bố trận xong, Vu Khiêm lệnh đóng cửa thành, biểu lộ quyết tâm “không thắng không về”.

Dã Tiên đem quân tới dưới thành Bắc Kinh, bài binh bố trận ở ngoài Tây Trục Môn. Vu Khiêm phái Đô đốc Cao Lễ, Mao Phúc Thọ đem quân nghênh chiến, đánh bại quân tiên phong Ngôã Thích tại phía bắc thổ thành Chương Nghi Môn. Trận đầu thắng lợi, tinh thần tướng sĩ lên cao. Ngay đêm ấy, Vu Khiêm lại phái binh tập kích doanh trại Ngôã Thích, cứu hơn 1000 tù binh.

Quân Ngôã Thích chuyển hướng sang tấn công Đức Thăng Môn. Vừa may trời đổ mưa lớn, Hữu đô đốc Thạch Hưởng theo lệnh của Vu Khiêm phái một ít quân kỵ binh đi nghênh chiến rồi vội thua dụ địch. Hơn 1 vạn kỵ binh Ngôã Thích truy kích tới bên thành, Vu Khiêm hạ lệnh phản công, quân mai phục đổ ra chém giết, Thần Cơ Doanh dùng hoả pháo oanh kích. Tiền hậu giáp công, kỵ binh Ngôã Thích thảm bại, em trai Dã Tiên là Bột La chết trận.

Dã Tiên 2 trận đại bại, chuyển sang tấn công Tây Trục Môn. Vì các cửa đều phòng thủ nghiêm ngặt, tướng sĩ đồng lòng, quân Ngôã Thích tấn công không nổi, lại hao tổn nhiều quân.

Ngày 14/10, Dã Tiên lại tấn công Chương Nghi Môn. Vu Khiêm phái phó tổng binh Võ Hưng, đô đốc Vương Kinh, dùng quân đem súng hoả mai làm tiên phong, quân cung đao làm hậu quân. 5 vạn quân kỵ khác của Ngôã Thích bao vây tấn công Cư Dung quan (tây bắc huyện Xương Bình, tỉnh Bắc Ninh). La Thông trấn giữ ở đây lợi dụng thời tiết chuyển lạnh đột ngột, lệnh quân sĩ đổ nước lên tường thành, khiến Cư Dung quan biến thành một toà băng thành, quân Ngôã Thích không tấn công được. La Thông nhân khi quân địch không phòng bị, xuất thành tập kích, đánh bại ý đồ muốn chiếm Cư Dung quan của Dã Tiên.

Cuộc chiến bảo vệ Bắc Kinh kéo dài 5 ngày liền, Dã Tiên sợ công thành không được, mà còn không có đường lui, cuối cùng nhân đêm tối, nhổ trại lui binh. Vu Khiêm quân ít nhưng kiên trì cố thủ, bảo vệ được Bắc Kinh.

“Bất nhược tắc năng tị chi ”

Yếu hơn địch thì tránh giao chiến.

Ban Siêu cố thủ đánh lui quân Nguyệt Thị

Khi Ban Siêu đi sứ Tây Tạng, nước Nguyệt Thị từng phái binh giúp đỡ sứ giả nhà Hán đánh bại nước Xa Sư, nên quốc vương nước Nguyệt Thị gửi thư tới Ban Siêu với ý định xin lấy công chúa nhà Hán làm vợ. Không có chiếu chỉ của triều đình, Ban Siêu đã từ chối lời thỉnh cầu này.

Quốc vương Nguyệt Thị thẹn quá hoá giận, lệnh phó vương chỉ huy 7 vạn quân, tấn công Ban Siêu vào năm Vĩnh Nguyên thứ hai thời Đông Hán (năm 90).

Ban Siêu đóng quân lại thành Sơ Lặc chỉ có vài ngàn quân, khi hay tin đại quân Nguyệt Thị sẽ tấn công, binh sĩ đều lo sợ.

Ban Siêu thản nhiên, triệu tập bộ hạ và nói: “Thế quân Nguyệt Thị tuy mạnh, nhưng phải vượt Thông Lĩnh ở phía đông (tên gọi chung của cao nguyên Bạc Mễ Nhĩ và sơn mạch Ca Lạt của núi Côn Luân), đường xa ngàn dặm, không có lương thảo tiếp viện, sao đánh lâu được? Nếu ta cố thủ trong thành, địch khó chịu nổi đói khát, không đánh cũng phải lui”.

Thuộc hạ của Ban Siêu theo lệnh, đem hết lương thảo của trăm họ bên ngoài vào trong thành, tổ chức phòng thủ.

Phó vương Nguyệt Thị tự thị kiêu dũng lại ý binh nhiều, ngày ngày tới trước thành khiêu chiến. Ban Siêu đều bỏ ngoài tai, chỉ hạ lệnh cho quân sĩ cố thủ.

Phó vương Nguyệt Thị tấn công mấy lần không được, do lương thảo sắp hết, đành phải chia quân ra bốn phía tìm kiếm lương thảo.

Xung quanh thành Sơ Lặc, bốn phía đều là nơi hoang dã, không tìm đâu ra lương thảo. Thấy tình hình bắt đầu nguy ngập, phó vương Nguyệt Thị lòng như lửa đốt. Không còn cách nào khác, phó vương đành cho sứ giả mang vàng bạc châu báu tới nước Khâu Từ (nay ở huyện Khố Xa, Tân Cương) để cầu viện.

Ban Siêu tính trước điều này, nên sai quân mai phục giữa đường, đợi khi sứ giả Nguyệt Thị tới, đổ ra giết và bắt hết binh tướng Nguyệt Thị.

Ban Siêu đem đầu sứ giả Nguyệt Thị bêu trước cổng thành, Phó vương kinh hãi, đến bước đường cùng đành sai sứ giả cầu hoà với Ban Siêu, xin ông cho một con đường để trở về cố quốc.

“Tiêu địch chi kiên, đại địch chi cần dã”

Binh đã yếu mà cứ cố thủ sẽ bị quân địch lớn mạnh bắt hết.

Công Tôn Tán bỏ mạng vì tử thủ cô thành

Cuối thời Đông Hán, cường hào cát cứ các nơi, quanh năm binh lửa, năm Hưng Bình thứ hai (năm 195) Công Tôn Tán chiếm U Châu, bị tướng Khúc Nghĩa của Viên Thiệu chỉ huy liên quân đánh bại, mất hơn 2 vạn quân, phải lui về cố thủ tại Dịch Kinh (tây bắc huyện Hùng, tỉnh Hà Bắc).

Lúc ấy hạn hán, dịch châu châu xảy ra, lương thực thiếu thốn, Công Tôn Tán phải thực hiện kế hoạch “tích trữ lương thực, cố thủ Dịch Kinh, chờ thời thế”.

Năm Kiến An thứ ba (năm 198), Viên Thiệu phái đại quân bao vây Dịch Kinh, Công Tôn Tán biết mình thế cô sức yếu. nếu để lâu ắt sẽ bị Viên Thiệu đánh bại. Ông liền phái con trai là Công Tôn Tục đến nhờ quân khởi nghĩa nông dân ở Hắc Sơn (nam Thái Hành Sơn, tỉnh Hà Bắc) cứu viện, còn mình chuẩn bị đem binh phá vây, tiến về Tây Sơn (Thái Hành Sơn), dựa vào quân khởi nghĩa ở Hắc Sơn để chuyển về Dự Châu, cắt đứt hậu lộ của Viên Thiệu.

Quan Tịnh, hộ tướng của Công Tôn Tán lại can: “Nay tinh thần chiến đấu của quân sĩ đã mất hết, sở dĩ có thể cố thủ ở đây, là vì mọi người đều lo cho người thân ở quê, nên mới nương nhờ ngài. Nếu ngài rời khỏi đây, e rằng khó có kết quả!”.

Công Tôn Tán đã có kế hoạch đứng đắn lại nghe lời can sai lầm của Quan Tịnh mà bỏ kế hoạch phá vây, quyết tâm cố thủ chờ viện binh. Đại quân của Viên Thiệu ngày càng tới gần toàn bộ quân sĩ của Công Tôn Tán đều sợ, chỉ còn cách đắp thêm thành lũy cho chắc để tử thủ.

Mùa xuân năm sau, lãnh tụ quân khởi nghĩa ở Hắc Sơn là Trương Yên cùng Công Tôn Tục mang 10 vạn quân đến chi viện cho Dịch Kinh. Đại quân còn chưa tới, Công Tôn Tán nóng vội sai sứ giả tới liên lạc, hẹn sẽ đốt lửa làm hiệu, nội ngoại giáp công đánh Viên Thiệu.

Nào ngờ, sứ giả bị quân trinh sát của Viên Thiệu bắt được. Viên Thiệu tương kế tựu kế, theo đúng ước hẹn mà nổi lửa. Công Tôn Tán tưởng quân chi viện đã tới, bèn rời thành nghênh chiến với Viên Thiệu, trúng quân mai phục của Viên Thiệu.

Công Tôn Tán đại bại, vội lui quân vào thành. Viên Thiệu tăng cường tấn công, sai người đào địa đạo dưới chân thành rồi cho gỗ vào đốt, tường thành đổ xuống. Viên Thiệu tấn công. Đến đây, Công Tôn Tán mới hối hận về việc nghe theo lời khuyên sai lầm của Quan Tĩnh, ông biết ngày tàn đã tới bèn chém hết gia quyến rồi tự thiêu. Viên Thiệu đánh thắng Công Tôn Tán, chiếm 4 châu: Dực, U, Tĩnh, Thanh và trở thành thế lực cát cứ lớn nhất Trung Nguyên lúc bấy giờ.

“Bất tri quân chi bất khả dĩ tiến nhi vị chi tiến, bất trí quân chi bất khả dĩ thoái nhi vị tri thoái, thị vị mi quân”

Không biết rõ quân không thể tiến mà vẫn xua quân tiến lên, không biết rõ quân đội không thể thoái mà vẫn hạ lệnh thoái lui, như thế gọi là trói buộc quân đội.

Đường Huyền Tông trói tay quân đội, để mất Trường An

Tháng 11 năm Đường Thiên Bảo thứ 14, An Lộc Sơn lấy danh nghĩa thảo phạt Dương Quốc Trung, chỉ huy hơn 10 vạn quân, tiến gấp từ Phạm Dương xuống, hòng chiếm Tây kinh Trường An (Tây An, tỉnh Thiểm Tây), Đông kinh Lạc Dương (Lạc Dương, tỉnh Hà Nam).

Mùng 8 tháng Chạp, An Lộc Sơn chiếm Huỳnh Dương, cho quân tiên phong đánh Lạc Dương. Đường Huyền Tông luôn yêu vì An Lộc Sơn, hoàn toàn bất ngờ trước việc này, ông lệnh Tiết độ sứ An Tây là Phong Thường Thanh cùng Hữu kim ngô đại tướng quân Cao Tiên Chi chiêu mộ binh mã nghênh chiến.

Phong Thường Thanh có kinh nghiệm trận mạc, sau khi tới Lạc Dương, chỉ 10 ngày đã chiêu mộ được 6 vạn quân. Nhưng quân chiêu mộ chưa được huấn luyện đã vội nghênh chiến, bị thiết kỵ của An Lộc Sơn đánh tan, phải rút về phía Tây, đến ngày 12, An Lộc Sơn chiếm được Lạc Dương.

Để đảm bảo an toàn cho Trường An, Phong Thường Thanh và Cao Tiên Chi lui quân về thủ tại ải Đồng Quan (tỉnh Thiểm Tây), nơi này địa thế hiểm yếu, dễ thủ khó công. An Lộc Sơn chưa thể công phá.

Nhưng Đường Huyền Tông lại nghe lời xiểm nịnh của giám quân thái giám Biên Lệnh Thành mà ghép Phong Thường Thanh và Cao Tiên Chi vào tội “làm lòng quân dao động, bỏ mấy trăm dặm đất Thiểm, ăn bớt quân lương” mà giết 2 đại tướng.

Tiếp đó, Đường Huyền Tông phái Tiết độ sứ Hà Tây Lũng Hữu là Ca Thư Hàn làm phó nguyên soái binh mã, chỉ huy 8 vạn quân hợp với quân số cũ của Cao Tiên Chi, tiến đóng lại Đồng Quan, chờ cơ hội đánh bại quân phản loạn.

Tháng Giêng năm Thiên Bảo thứ 15, quân An Lộc Sơn phía trước bị chặn tại Đồng Quan, sau lưng bị cắt đường về, lòng quân bất an. An Lộc Sơn không thể chờ thêm, vội xưng Đại Yên Hoàng đế tại Lạc Dương, và thương nghị với các tướng việc rút lui về Phạm Dương.

Lúc ấy quyền quân chính trong triều do Tể tướng Dương Quốc Trung thao túng hoàn toàn. Dương Quốc Trung chỉ sợ Ca Thư Hàn lui binh về Trường An đoạt quyền của mình, nên tâu với Đường Huyền Tông hãy hạ lệnh cho Ca Thư Hàn rời ải, tấn công quân phản loạn nhằm lấy lại Thiểm Châu, Lạc Dương.

Sau khi hay tin, Ca Thư Hàn bèn tâu với Đường Huyền Tông: “An Lộc Sơn vốn giỏi dùng binh nên dùng kế giả thua dụ ta. Quân phản loạn từ xa mà tới, lợi về đánh nhanh, quân ta phòng thủ nơi hiểm yếu chờ thời cơ. Nay quân giặc tình thế quẫn bách, tự sẽ rối loạn, đến khi ấy ta thừa kế tấn công, chẳng cần đánh ta cũng bắt được An Lộc Sơn”.

Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật cũng tâu: “Nên dẫn quân tới lấy Lạc Dương, quấy nhiễu sào huyệt An Lộc Sơn. Đại quân tại ải Đồng Quan nên cố thủ, đó là nơi hiểm yếu, không nên vội tấn công”.

Dương Quốc Trung thấy các tướng phản đối, cho rằng họ liên kết để chống mình, y liền tâu: “Quần giặc không phòng bị, mà Ca Thư Hàn không tấn công, sẽ bỏ lỡ cơ hội”.

Đường Huyền Tông mù quáng chỉ tin Dương Quốc Trung, đồng thời cũng muốn phản công, nên bỏ qua ý kiến đúng đắn của các tướng, phái sứ giả tới giục Ca Thư Hàn tấn công. Ca Thư Hàn không dám trái lệnh, đành dẫn quân rời ải tấn công,

Lúc này, Thôi Càn Hựu chỉ huy một cánh quân phản loạn đóng tại Linh Bảo (tỉnh Hà Nam), và Tây Nguyên (cách Linh Bảo 50 dặm). Tây Nguyên phía nam dựa vào núi, phía bắc có Hoàng Hà ngăn, ở giữa có 1 đường độc đạo dài 70 dặm. Thôi Càn Hựu mai phục ở những nơi hiểm yếu, chờ quân Ca Thư Hàn tới.

Đầu tháng Sáu, hai quân sắp đánh. Ca Thư Hàn, ngồi thuyền quan sát trận thế quân địch, thấy quân của Thôi Càn Hựu không quá 1 vạn, chỗ dày chỗ mỏng, hỗn loạn không thành trận thế.

Ca Thư Hàn tiến quân, cho đại tướng Vương Tư Lễ dẫn 5 vạn quân đi tiên phong, tướng Bàn Trung mang 10 vạn quân đi đoạn hậu, tự mình chỉ huy 3 vạn quân ở phía bắc Hoàng Hà.

Hai bên vừa giao phong, quân phản loạn đã cuốn cờ như muốn bỏ chạy. Quân Ca Thư Hàn tưởng thật liền truy kích theo đường độc đạo, đúng như

dự định của Thôi Càn Hựu. Thôi Càn Hựu lệnh quân mai phục trút gỗ đá từ trên núi xuống, xông ra chém giết, quân triều đình chết vô số.

Vì đường hẻm chật hẹp, bộ binh khó lòng tác chiến quân triều đình bèn đeo giáp cho ngựa, dùng xe đi trước, tấn công quân địch. Thôi Càn Hựu lại dùng mấy chục xe cỏ chặn lại, sau đó nổi lửa, trong nháy mắt lửa khói bốc mịt mù, quân triều đình không thể tiến được. Quân triều đình lại cho rằng quân An Lộc Sơn vẫn tập trung trong khói lửa, bèn dùng cung bắn loạn. Cho tới chiều tối khói lửa tắt hết, quân triều đình mới phát giác rằng trước mặt chẳng hề có quân phản loạn.

Lúc này, Thôi Càn Hựu cho kỵ binh tinh nhuệ từ phía nam đánh vu hồi vào sau lưng quân triều đình, quan quân trước sau gặp địch, chẳng đánh tự tan, quân sĩ vứt bỏ vũ khí trốn vào sơn cốc và nhảy xuống sông Hoàng Hà.

Quân phản loạn thừa thắng tấn công. Bàn Trung thấy quân tiên phong của Vương Tư Lễ rút về, chẳng đánh cũng tự tan rã, quân lính Hà Bắc do Ca Thụ Hàn chỉ huy thấy vậy cũng tranh nhau bỏ chạy về Đồng Quan. Thôi Càn Hựu truy kích, chiếm ải Đồng Quan. Ca Thụ Hàn sợ bị Đường Huyền Tông chém đầu như Phong Thường Thanh, Cao Tiên Chi, nên đầu hàng quân phản loạn.

Trận Đồng Quan đại bại, Trường An khó giữ, Đường Huyền Tông vội bỏ kinh đô mà chạy, tự lãnh chịu hậu quả nặng nề do tin Dương Quốc Trung mà “trói tay” tướng lĩnh nơi mặt trận.

“Bất tri lam quân chi sự, nhi đồng tam quân chi chính, tắc quân sĩ hoặc hĩ. Bất trí tam quân chi quyền, nhi đồng tam quân chi nhậm, tắc quân sĩ nghi hĩ. Tam quân cái hoặc thả nghi, tắc chư hầu chi nạn chi hĩ. Thị vị loạn quân dẫn thắng”.

Không hiểu sự vụ trong quân đội mà lại can thiệp vào thì sẽ khiến tướng sĩ hoang mang; không biết sự quyền biến trong lĩnh vực quân sự mà can thiệp vào việc chỉ huy quân đội, sẽ khiến tướng sĩ nghi ngờ. Quân đội đã hoang mang lại nghi ngờ, ắt tai họa do các chư hầu xâm phạm sẽ tới. Thế gọi là tự làm loạn quân mình, tự chuốc lấy thất bại.

Ngự Triều Ân tự làm loạn quân mình

Tháng Chín năm Chí Đức thứ hai đời Đường Tiêu Tông (năm 757), quan quân triều đình liên tiếp đánh bại quân phản loạn của An Khánh Tự và lấy lại Trường An, Lạc Dương. Lúc này, Đường Tiêu Tông lại long trọng tiếp rước Đường Huyền Tông về triều, ban thưởng cho các công thần, không sai binh truy kích quân phản loạn, tạo cho chúng cơ hội phục hồi lực lượng.

An Khánh Tự sau khi chạy tới Nghiệp Thành (bắc An Dương, tỉnh Hà Nam), liền thu thập tàn binh, chiêu mộ quân mã được thêm 60 vạn, thế quân lại hùng mạnh như trước.

Quan quân phản công thắng lợi, mỗi mâu thuẫn giữa An Khánh Tự và Sử Tử Minh ngày một sâu sắc, Sử Tử Minh từng có lúc qui hàng triều Đường, nhưng cả hai lại cùng nhau liên hiệp chống lại nhà Đường,

Tháng Chín năm Càn Nguyên thứ nhất (năm 758) Đường Tiêu Tông lệnh cho Sóc Phương Tiết độ sứ là Quách Tử Nghi; Hà Đông Tiết độ sứ Lý Quang Bật cùng 9 Tiết độ sứ khác tập trung mấy chục vạn quân, thảo phạt An Khánh Tự.

Đường Tiêu Tông hẹp hòi, đa nghi, sợ địa vị và thanh thế của Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật quá lớn sẽ uy hiếp mình nên lần xuất quân này, ông không cử ai làm thống soái, mà phái cận thần Ngự Triều Ân - 1 người không hiểu gì về quân sự làm Quân dung Tuyên úy sử trí sử, 9 vị tiết độ sứ chỉ huy mấy chục vạn quân đều phải theo lệnh họ Ngự.

An Khánh Tự chỉ huy 7 vạn quân, tiếp chiến với quan quân tại Vệ Châu (huyện Cấp, tỉnh Hà Nam), Quách Tử Nghi đánh bại An Khánh Tự, giết hơn ba vạn quân, bức An Khánh Tự phải bỏ Vệ Châu tháo lui về Nghiệp Thành.

Quan quân bao vây Nghiệp Thành, đồng thời chia quân tấn công và chiếm lấy các quận huyện lân cận, Nghiệp Thành nguy ngập.

An Khánh Tự vội sai người đến Lạc Dương (nay ở tây nam Tp Bắc Kinh) cầu cứu Sử Tử Minh, chỉ cần Sử Tử Minh chịu xuất quân, An Khánh Tự sẽ nhường ngôi hoàng đế nước Yên cho. Sử Tử Minh cũng sợ quan quân

diệt mất An Khánh Tự thì y sẽ mất đi thế lực hậu thuẫn, liền dẫn 30 vạn quân cứu Nghiệp Thành.

Tháng 12, sau khi Sử Tử Minh tấn công và chiếm Ngụy Châu, tháng Giêng năm Càn Nguyên thứ hai, Sử Tử Minh tự xưng là Đại thánh Yên vương, đóng quân đợi thời cơ.

Lý Quang Bật phân tích tình thế với các tướng: “Sử Tử Minh án binh bất động là muốn quân ta lơ là cảnh giác, sau đó y thừa cơ tập kích. Nếu ta chia quân uy hiếp Ngụy Châu, Sử Tử Minh sẽ không dám khinh xuất. Nghiệp Thành hẳn sẽ phải đầu hàng, đến lúc đó ta sẽ tập trung lực lượng, dễ dàng đánh bại họ Sử”.

Ngự Triều Ân lại không chấp nhận kế sách này, mà hạ lệnh toàn quân dốc sức tấn công Nghiệp Thành, bỏ mặc cho Sử Tử Minh thừa cơ hành động.

Quan quân triều đình dẫn nước sông tràn vào Nghiệp Thành, An Khánh Tự tử thủ chờ cứu viện. Vì quan quân không có thống soái, nên thiếu sự chỉ huy thống nhất, tiến thoái không theo chiến lược. Do đó, vây thành mấy tháng mà không hạ được.

Quan quân mệt mỏi, Sử Tử Minh thấy thời cơ đã chín muồi, bèn đem quân tới cách Nghiệp Thành 50 dặm hạ trại, gióng trống phất cờ hư trương thanh thế. Sử Tử Minh sai tráng sĩ giả làm lính triều đình cướp và đốt lương thực của quan quân. Quan quân thiếu lương, lòng quân càng dao động.

Tại sông An Dương ở phía bắc Nghiệp Thành, Sử Tử Minh lập trung quân tinh nhuệ tấn công mãnh liệt, quan quân không có chủ soái, không thể phối hợp các cánh quân, mấy chục vạn quân mã bị năm vạn tinh binh của Sử Tử Minh đánh bại đành rút về Lạc Dương.

Sau khi tiến vào Nghiệp Thành, Sử Tử Minh dùng kế giết chết An Khánh Tự và các tướng thân tín của họ An rồi thu tóm toàn bộ binh lực của An Khánh Tự. Tháng Tư năm Càn Nguyên thứ hai, Sử Tử Minh tự xưng là hoàng đế Đại Yên, đổi Lạc Dương thành Yên Kinh.

Tháng Chín cùng năm, Sử Tử Minh tự mình mang quân chia 4 cánh tiến xuống phía nam, vượt qua Hoàng Hà, tấn công và chiếm Biện Châu, sau đó thừa thắng tiến về phía tây.

Lý Quang Bật không đủ binh lực, bèn bỏ Lạc Dương, lui quân về Hà Dương (nay ở phía đông nam huyện Mạnh tỉnh Hà Nam) bỏ ngõ đường lớn, nhưng dễ tiến thoái, có thể giám sát được phía sau lưng Sử Tử Minh. Lý Quang Bật gọi đây là thế “cánh tay vươn”.

Sau khi tiến vào Lạc Dương, chiếm được thành trống, Sử Tử Minh thấy Lý Quang Bật thủ tại Hà Dương, bất kỳ lúc nào y cũng có thể bị tập kích sau lưng và bị cắt đứt đường về, bèn đóng quân ở phía nam Bạch Mã Tự xây thành trì, đối đầu với quan quân.

Tháng Mười, Sử Tử Minh nhiều lần tấn công Hà Dương đều thất bại, y muốn dụ Lý Quang Bật tới Lạc Dương hội chiến, nhưng Lý Quang Bật án binh bất động, Sử Tử Minh bị thế “cánh tay vươn” chế ngự.

Tháng Chín năm Thượng Nguyên thứ nhất (năm 760), Đường Tiêu Tông muốn nhân cơ hội Sử Tử Minh đang giằng co với Lý Quang Bật, hạ lệnh cho Quách Tử Nghi mang 7 vạn quân từ Sóc Phương đến chiếm Lạc Dương, nhưng lại bị Ngự Triều Ân cản trở, mất đi cơ hội.

Tháng Hai năm Thượng Nguyên thứ hai, Sử Tử Minh sai người vào Trường An tung tin đồn rằng: tướng sĩ quân Sử đánh lâu muốn về, trên dưới không đồng lòng, nếu quan quân gấp đánh sẽ thắng. Ngự Triều Ân dốt nát tin ngay, nhiều lần tâu với Đường Tiêu Tông để Lý Quang Bật xuất binh phản công Lạc Dương.

Lý Quang Bật tâu rằng: “Thế giặc đang mạnh, không thể tiến công”. Ngự Triều Ân vu cho Lý Quang Bật tội muốn làm loạn.

Cố Hoài Ân là Sóc Phương Tả sương binh mã sứ, có hiềm khích với Lý Quang Bật cũng phụ họa thêm: “Nay đã đến lúc có thể lấy được Đông Kinh”. Đường Tiêu Tông nghe lời, lệnh cho Lý Quang Bật phải xuất kích. Lý Quang Bật phải nghe lệnh, hẹn cùng các cánh quân tấn công Lạc Dương, Ngự Triều Ân cũng xuất binh cùng lúc.

Quan quân đánh nhau với quân tiên phong của Sử Tử Minh tại núi Mang ở phía tây bắc Lạc Dương. Lý Quang Bật đề nghị dựa vào núi bày trận, Ngự Triều Ân không nghe, chỉ muốn bài binh bố trận ở đồng bằng. Lý Quang Bật nhẫn nại giải thích: “Nếu ta dựa vào núi có thể tiến thoái như ý. Nếu bày trận trên đồng bằng, chẳng may thất lợi thì nguy hiểm cho toàn quân, Sử Tử Minh là tướng thiện chiến, ta chớ khinh thị”. Nói rồi ông hạ lệnh cho

đại quân dựa vào núi kết trận. Nhưng đại quân vừa hành động, Ngự Triều Ân quát: “Không có lệnh của ta, cấm không được tự ý hành động”.

Sử Tử Minh thấy trận thế của quan quân rối loạn hèn thừa cơ tấn công.

Quan quân đại bại, tử thương mấy ngàn người. Sử Tử Minh thừa thắng chiếm Hà Dương, Hoài Châu (Tầm Dương, tỉnh Hà Nam). Trong cuộc chiến này, quan quân chiếm ưu thế tuyệt đối, nhưng toàn thua, vì người cầm quân không hiểu việc quân, không biết dùng người nên cuối cùng thảm bại.

“Trí khả dĩ chiến dữ bất khả dĩ chiến giả thắng”

Người biết đánh được hay không có thể giành thắng lợi.

A Cốt Đả chiến dùng ít thắng nhiều

Nước Liêu từ Ngũ Đại tới Bắc Tống luôn là một cường quốc phương bắc, cùng tồn tại với các nước Trung Nguyên. Từ khi Tống Đạo Tông lên ngôi, nước Liêu ngày một suy yếu. Năm 1101, cùng năm khi Tống Huy Tông kế vị, Thiên Tộ đến Gia Luật Diêu Hỉ cũng kế vị ngai vàng nước Liêu. Thiên Tộ đế hoang dâm vô đạo, ngày càng áp bức bóc lột các tộc dân mình cai quản.

Tộc Nữ Chân bị áp bức nặng nhất, cư trú tại Bạch Sơn Hắc Thủy (địa khu hành chính Đông Bắc), mỗi năm phải tiến cống vàng bạc châu báu ngựa và “Hải Đông Thanh” cho nước Liêu. Hải Đông Thanh là một giống chim ưng, sinh sống tại miền duyên hải Nhật. Người Nữ Chân muốn có được Hải Đông Thanh phải luôn chiến đấu quyết liệt với các bộ lạc khác.

Mỗi năm, sứ thần nước Liêu tới đòi cống vật đều muốn có mỹ nhân hầu hạ, ngay cả phụ nữ có chồng cũng phải tới phục dịch. Người Nữ Chân vô cùng oán hận.

Năm Chính Hoà thứ ba đời Tống Hy Tông (năm 1113), Nữ Chân Tiết độ sứ Ô Nhã Thư bệnh chết, em trai ông là A Cốt Đả lên thay.

Năm Chính Hoà thứ tư (năm 1114), A Cốt Đả một mặt phái người dò la thực hư triều Liêu, mặt khác triệu tập các bộ lạc sở thuộc lại xây dựng thành lũy, trấn giữ nơi hiểm yếu, chế tạo binh khí, tăng cường chuẩn bị chiến tranh.

Vua Liêu biết A Cốt Đả đang chuẩn bị chống lại mình, lệnh cho thống soái Tiêu Thác Bốc Gia đóng quân trấn giữ châu Ninh Giang (đông nam Cát Lâm, Phù Dư) để phòng bất trắc.

A Cốt Đả nói với tướng sĩ: “Chúng ta nên tấn công trước để chiếm thượng phong”. Ông tập trung hơn 2500 quân mã tiến về phía châu Ninh Giang. Khi quân sắp tới biên giới nước Liêu, A Cốt Đả phái bộ tướng là Tông Cán đốc thúc binh sĩ mau chóng vượt qua hào lũy quân Liêu dựng lên. A Cốt Đả vừa dẫn toàn quân vượt qua hào lũy thì tao ngộ với quân Bộ Hải của Liêu. Quân Bộ Hải đánh mạnh vào cánh trái quân Tông Cán, Tông Cán không địch nổi, từ từ thoái lui.

A Cốt Đả lệnh cho các cung thủ bắn tên yểm hộ cho Tông Cán. Tướng Liêu là Gia Luật Sắc Thực bồng ngã ngựa, thuộc hạ của y xông lên cứu.

A Cốt Đả dùng tên bắn chết thuộc hạ của Gia Luật Sắc Thực và bắn bị thương Gia Luật Sắc Thực. Kỵ binh quân Liêu xông tới đều bị bắn gục, Gia Luật Sắc Thực nhổ tên mà chạy, các cung thủ bắn đuổi, Gia Luật Sắc Thực chết dưới trận mưa tên.

Quân Liêu mất tướng như rã mất đầu, tranh nhau bỏ chạy. A Cốt Đả hạ lệnh: “Giết hết quân địch”. Quân Liêu đại bại. A Cốt Đả thừa thắng tiến công và vây hãm châu Ninh Giang.

Lúc này, Thiên Tộ đế của nước Liêu đang đi săn ở Khánh Châu thuộc vùng tây bắc Thượng Kinh, không biết quân Nữ Chân tiến công, khi hay tin châu Ninh Giang thất thủ, mới điều 7000 quân đến đóng tại Xuất Hà Điểm (tây huyện Triệu Nguyên, tỉnh Hắc Long Giang). Xuất Hà Điểm ở phía bắc sông Áp Tử, hai bên đối đầu nhau. Tháng 11, A cốt Đả nhân khi đêm tối mang quân vượt sông Áp Tử, tập kích quân Liêu, giành thắng lợi.

Sau trận đánh bại quân Liêu tại Xuất Hà Điểm, lực lượng A Cốt Đả càng mạnh, các bộ lạc ở phía bắc nước Liêu đều theo hàng Nữ Chân. A Cốt Đả muốn thiên hạ qui phục nên năm Tống Chính Hoà thứ năm (năm 1115) nhằm Tết Nguyên Đán lên ngôi hoàng đế, lấy quốc hiệu là Đại Kim, đổi niên hiệu là Nguyên Thụ quốc.

Sau khi lên ngôi, A Cốt Đả xuất quân tiến đánh Ích Châu (nay ở phía đông bắc Cát Lâm, Nông An). Quân Liêu bỏ thành rút về phủ Hoàng Long.

Vua Liêu hay tin bèn phái Đô thống hành quân là Gia Luật Ngạc Nhĩ Đa mang 20 vạn kỵ binh, 7 vạn bộ binh tập kết tại thành Đạt Lỗ Cổ (đông nam Xuất Hà Điểm) chờ quân Kim tấn công phủ Hoàng Long thì đánh tập hậu vào châu Ninh Giang. A Cốt Đả biết tin, tập trung binh lực về thành Đạt Lỗ Cổ nghênh chiến.

Quân Kim đến Đạt Lỗ cổ, A Cốt Đả thấy quân Liêu đóng rải rác khắp nơi, tinh thần ủ rũ, bèn nói với thuộc hạ rằng: “Quân Liêu nhiều nhưng lòng quân rối loạn, thấy quân ta đến đã tự khiếp sợ, chúng ta hãy nắm lấy cơ hội này mà tấn công”.

Liền đó ông truyền lệnh cho các tướng bày trận trên cao nguyên, lệnh cho Tông Hùng mang kỵ binh tiến đánh vào sườn trái quân Liêu.

Tông Hùng chỉ huy kỵ binh tấn công, quân Liêu ở sườn trái địch không nổi phải tháo chạy, nhưng sườn phải vẫn ngoan cường chống cự. Tông Hùng bèn dùng toàn lực tấn công sườn phải đánh tan quân Liêu, rồi truy kích, bao vây doanh trại quân Liêu. Sáng sớm ngày thứ hai, quân Liêu phá vây mà chạy. A Cốt Đả truy kích, giết sạch quân Liêu.

Tháng 8, A Cốt Đả lại tiến quân tới phủ Hoàng Long. A Cốt Đả thấy phủ Hoàng Long thành trì kiên cố lại có tinh binh trấn giữ, nên hạ lệnh vây mà không công. Tháng 9, quân trong thành mất hết tinh thần chiến đấu, quân Kim đánh 1 trận đã hạ được thành.

Thiên Tộ để được tin phủ Hoàng Long thất thủ thì vô cùng sợ hãi, tháng 11, vua Liêu đích thân chỉ huy 70 vạn đại quân phân ba lộ, tiến tới phủ Hoàng Long công kích quân Kim.

A Cốt Đả thấy Thiên Tộ đích thân chỉ huy đại quân thì cố thủ không ra. Sau vài ngày quân Kim bắt sông được một viên quan của Liêu, biết tin sau khi Thiên Tộ để xuất chinh. Gia Luật Trương Nô định mưu phản, Thiên Tộ để bắt đầu lui binh. A Cốt Đả xua quân truy sát.

Khi quân Kim tới Hộ Bộ Đáp Cương, A Cốt Đả nói: “Địch nhiều ta ít, không thể chia nhỏ quân ra. Ta thấy binh mã quân Liêu, trung quân mạnh nhất, Liêu chúa ở trong đó, chỉ cần đánh bại cánh quân này thì có thể thắng lợi hoàn toàn”.

Vì thế ông lệnh cho hữu quân tấn công, tả quân hợp công. Trung quân của Liêu vừa thua, 3 quân đã rối loạn, quăng vũ khí mà chạy.

Sau trận này, Thiên Tộ để mất hết lực lượng thảo phạt A Cốt Đả. Quân Kim càng đánh càng hăng, chỉ vài năm sau chiếm được Đông Kinh, Thượng Kinh, chiếm lĩnh miền đông bắc.

"Thức chúng quả chi dụng giả, thắng"

Biết được cách dùng binh nhiều ít khác nhau, thì có thể giành thắng lợi.

Vương Tiễn diệt nước Sở

Vương Tiễn là một danh tướng giỏi của Tần sau thời Chiến Quốc, trong các chiến dịch lớn nhỏ khi Tần thôn tính Tam Tấn (Hàn, Triệu, Ngụy), Vương Tiễn lập nhiều chiến công nổi danh về cách dùng binh lấy ít thắng nhiều nên được Tần vương Chính rất trọng dụng.

Năm thứ 21 Tần vương Chính (226 trước Công Nguyên) Tần chuẩn bị đánh Sở. Tần vương Chính hỏi tướng quân Lý Tín: “Tấn công Sở cần bao nhiêu binh mã?”, Lý Tín tướng trẻ, háo thắng, đáp: “Cần 20 vạn là đủ”. Tần vương Chính lại hỏi câu này với Vương Tiễn, Vương Tiễn đáp: “Sở là nước mạnh mà chỉ dùng 20 vạn quân ắt thất bại. Theo thần phải có 60 vạn mới đủ”. Tần vương than thầm: “Vương Tiễn già rồi! ”

Tần vương liền phong Lý Tín làm đại tướng, Mông Điền làm phó tướng, chỉ huy 20 vạn binh mã đánh Sở. Vương Tiễn thác bệnh về quê dưỡng lão.

Năm thứ 22 thời Tần Vương Chính (225 trước Công Nguyên), Lý Tín tấn công và chiếm Bình Dư, toàn quân đều hứng khởi.

Sở vương được tin, phong Hạng Yên làm đại tướng chỉ huy 20 vạn quân, cùng tiến bằng hai đường thủy, bộ chặn đánh Lý Tín. Khi giao chiến, bảy lộ binh mã do Hạng Yên mai phục cùng đánh úp, Lý Tín bại trận hỏ chạy.

Hạng Yên truy sát mấy ngày đêm, quân Tần thương vong vô số. Mông Điền tâu lại toàn bộ tình hình cuộc chiến cho Tần Vương Chính. Tần Vương hối hận vì không nghe lời Vương Tiễn nên đích thân đến gặp Vương Tiễn và nói: “Quả nhân không nghe tướng quân, Lý Tín quả nhiên làm nhục uy danh nước Tần. Nay nghe nói quân Sở từ phía tây kéo tới, tướng quân tuy bệnh, lẽ nào lại nhẫn tâm không giúp quả nhân”. Vương Tiễn từ chối, Tần Vương thỉnh cầu mấy lần nữa, Vương Tiễn nói: “Nếu đại vương thực muốn hạ thần cầm quân thì phải cấp đủ 60 vạn binh mã mới được”.

Tần vương hỏi vì sao cần dùng nhiều quân như vậy, Vương Tiễn đáp: “Dùng binh nhiều hay ít đều phải theo tình hình thực tế”. Tần Vương Chính đồng ý, phong ông làm đại tướng quân, giao cho 60 vạn quân chinh phạt Sở.

Năm Tần vương Chính thứ 23 (năm 229 trước CN) Vương Tiễn chỉ huy 60 vạn quân, thế như chẻ tre, chiếm một vùng rộng lớn của Sở từ Trần (Hoài Dương, tỉnh Hà Nam) cho tới Bình Dư. Sở vương huy động toàn bộ binh mã trong nước chống Tần.

Vương Tiễn đóng quân, doanh trại dài hơn 10 dặm, cố thủ không ra, Hạng Yên ngày ngày sai người khiêu chiến, Vương Tiễn không ra đánh. Hạng Yên nghĩ: “Vương Tiễn già rồi nên sợ không ra đánh”.

Vương Tiễn lo cải thiện bữa ăn cho binh lính, cho họ nghỉ ngơi, cùng ăn uống chung với họ. Các tướng cảm động, luôn xin chiến đấu, nhưng Vương Tiễn không nói gì.

Cứ thế giằng co mấy tháng, quân Sở mỏi mệt. Vương Tiễn hạ lệnh tấn công. Quân Sở bị đánh bất ngờ, hốt hoảng ứng chiến. Quân Tần dưỡng binh trăm ngày, dùng binh một giờ, lấy một địch mười, quân Sở tan rã.

Quân Sở bỏ chạy, quân Tần liên tục truy quét, đến tận Kỳ Nam giết chết Hạng Yên. Chẳng bao lâu sau, tấn công vào kinh đô Thọ Xuân của Sở, bắt sống Sở vương, phế làm thứ dân.

“Thượng hạ đồng dục giả thắng ”

Toàn quân đồng lòng nhất trí thì giành được thắng lợi

Quân Hán đồng lòng giữ vững Sơ Lạc

Mùa đông năm Vĩnh Bình thứ 17 đời Đông Hán (năm 74) Minh đế Lữ Trang phái Phụng xa Đô úy Đâu Cố, Kỳ Đô úy Lưu Trương, Phò mã Đô úy Cảnh Bình chinh phạt nước Xa Sư ở Tây Vực (thuộc hai huyện Thổ Lỗ Phiên và Cát Lâm Tát Nhĩ tỉnh Tân Cương).

Tháng Ba năm Vĩnh Bình thứ 18, Hung Nô sai Tả Lộc Lãi vương mang 2 vạn kỵ binh tập kích nước Xa Sư. Cảnh Cung sai Tư Mã mang 300 quân đi nghênh chiến, vì quân số quá ít nên bị Hung Nô đánh bại, giết sạch.

Hung Nô thừa thắng tấn công, giết chết Hậu vương An Đắc, bao vây thành Kim Bô.

Cảnh Cung cố thủ trong thành, dùng tên độc bắn ra như mưa. Quân Hung Nô trúng tên độc, vết thương bông rớt, thịt da rơi từng mảng, kinh hãi, ngỡ là lên thần. Vừa hay trời đổ mưa to, Hung Nô đành lui quân.

Để phòng bị Hung Nô tấn công nữa, Cảnh Cung rời quân đến thành Sơ Lạc, cạnh đó có một con suối lớn, và tăng cường phòng bị.

Tháng Bảy, Hung Nô quả nhiên lại kéo tới, chúng lấp kín khe suối hòng cắt đứt nguồn nước cung cấp cho thành Sơ Lạc. Cảnh Cung đích thân chỉ huy quân sĩ đào giếng lấy nước, nhưng đào sâu gần 20 trượng vẫn không có nước, binh sĩ vì quá khát đành lấy nước đá ngựa mà uống.

Cảnh Cung không nản lòng, tiếp tục sai người đào giếng, chẳng bao lâu đã có nước dùng, Cảnh Cung lệnh cho quân lính mang nước đổ ra ngoài thành cho người Hung Nô thấy, người Hung Nô rất ngạc nhiên, ngỡ rằng quân Hán có tướng nhà trời giúp đỡ, nên lại sợ hãi lui quân.

Tháng 11 quân Hung Nô do Yên Kỳ, Qui Từ tấn công, giết chết Trần Mục, Bắc Hung Nô sai quân vây công Quang Sung tại thành Liễu Trung, quân đội của nước Xa Sư vốn đã qui hàng nhà Hán nay cũng làm phản, câu kết với Hung Nô vây đánh Cảnh Cung.

Lúc ấy, do Hán Ninh đế băng hà nên quân tiếp viện đến chậm. Trong tình thế hiểm nghèo này, Cảnh Cung vẫn bình tĩnh, động viên binh lính cố thủ thành Sơ Lạc.

Mấy tháng trôi qua, viện binh chưa tới mà lương thực trong thành đã cạn, binh lính luộc da lấy từ cung nỏ ra ăn cho đỡ đói. Vì Cảnh Cung đồng cam cộng khổ với họ nên binh lính dù khổ đến đâu cũng không một lời oán thán, trên dưới một lòng quyết tử thủ thành.

Hung Nô Đơn Vu phát hiện binh lính trong thành ngày càng ít đi, nên phái sứ giả sang khuyên Cảnh Cung đầu hàng, sẽ phong cho làm Bạch Ốc vương và đem con gái mình gả cho Cảnh Cung.

Cảnh Cung chém đầu sứ giả Hung Nô, biểu lộ quyết tâm thà chết không đầu hàng.

Hung Nô Đơn Vu tức giận, tăng cường binh lực, tấn công thành Sơ Lặc. Thành Sơ Lặc nhỏ bé tuy sắp sập, nhưng Cảnh Cung và binh lính vẫn kiên cường chiến đấu, quân Hung Nô vẫn chưa chiếm được thành.

Tháng Giêng năm Kiến Sơ thứ nhất Hán Chương đế, viện binh của triều đình đã tới, thấy tướng sĩ trong thành quần áo rách rưới, thân hình tiều tụy, ai nấy đều rơi nước mắt. Cảnh Cung dẫn quân theo viện binh rời Sơ Lặc, khi lui về tới Ngọc Môn quan, toàn quân chỉ còn 13 người.

Trung Lang tướng Trịnh Chúng dâng thư lên Hán Chương đế, đề nghị vua ban thưởng cho cảnh Cung và các thuộc hạ của ông. Hán Chương đế phong Cảnh Cung làm Kỵ Đô úy, các binh sĩ khác đều được phong thưởng.

“Dĩ ngu đãi bất ngu giả thắng”

Người biết lấy mình có chuẩn bị kỹ đối địch với quân thù không chuẩn bị, có thể giành thắng lợi.

Lâm Tắc Từ lấy chuẩn bị đánh không chuẩn bị, thắng quân Anh

Từ đầu thế kỷ 19, thực dân Anh câu kết với quan lại hủ bại triều Thanh, chuyển rất nhiều nha phiến vào Trung Quốc, đầu độc nhân dân, cướp đoạt tài nguyên.

Tổng đốc Hồ Quảng là Lâm Tắc Từ, dâng thư lên hoàng đế Đạo Quang, nói rõ tác hại của nha phiến. Đạo Quang đế lệnh Lâm Tắc Từ làm khâm sai đại thần đến Quảng Châu điều tra và cấm nha phiến.

Tháng Ba năm Đạo Quang thứ 19 (năm 1839), Lâm Tắc Từ đến Quảng Châu, với sự giúp đỡ của tổng đốc Lương Quảng là Trịnh Vĩnh Trinh, ra lệnh điều tra và cấm nha phiến, công việc thu được hiệu quả tốt, rồi hủy nha phiến ở Hồ Môn. Nhưng Lâm Tắc Từ biết, người Anh sẽ dùng ưu thế quân sự để uy hiếp. Vì vậy ông bắt tay chuẩn bị.

Do Áo Môn là nơi người phương Tây tụ hội, đã bị người Bồ Đào Nha chiếm, Lâm Tắc Từ cho người đến Áo Môn mua báo chí của phương Tây để theo dõi tình hình mới nhất. Ông lập 1 văn phòng ở Quảng Châu, chuyên dịch những tài liệu về chính trị, lịch sử, địa lý thế giới và soạn thành các sách như: “Hoa Sư Di Ngôn”, “Tứ Châu Chí”...

Qua các tài liệu này, Lâm Tắc Từ phần nào nghiên cứu có hệ thống về ưu khuyết điểm của người Anh trong lĩnh vực quân sự để đặt ra chiến lược chiến thuật thích ứng với tình hình.

Nhằm vào đặc điểm địch mạnh ta yếu, Lâm Tắc Từ đề ra phương châm chiến lược là “Lấy thủ làm công, dưỡng quân ta mạnh, đánh quân địch mệt”. Ông tổ chức lực lượng, bố trí phòng vệ, trưng tập thuyền bè, chỉnh đốn thủy quân. Còn Anh cũng tăng cường kế hoạch xâm lược.

Tháng 11 năm Đạo Quang thứ 19, Anh yêu cầu nhà Thanh cho người Anh cư trú tại Áo Môn. Lâm Tắc Từ biết đây là hành động che đậy mưu đồ xâm lược nên cự tuyệt. Ông lệnh cho 10 chiếc tàu Anh phải rời khỏi Lão Vạn Sơn (nay ở huyện Trung Sơn, tỉnh Quảng Đông).

Tàu Anh rời khỏi Lão Vạn Sơn, nhưng vẫn quanh quẩn ở vùng duyên hải, chờ cơ hội đột nhập. Lâm Tắc Từ bàn bạc với Quan Thiên Bồi, tướng

chỉ huy thủy binh: “Nếu không trục xuất tàu Anh sẽ để lại hậu họa, cần hành động triệt để”.

Tháng Giêng năm Đạo Quang 20 (1840), dưới sự chỉ huy của Lâm Tắc Từ, vào một đêm tối trời, nhân khi thủy triều xuống, thủy quân chia làm 4 lộ, tấn công tàu Anh. Người Anh không hề đề phòng, bị tập kích bất ngờ, vô cùng hoảng sợ, thủy quân thừa cơ thiêu hủy 23 tàu, rất nhiều người Anh bị chết đuối, các tàu còn lại vội vã bỏ chạy.

Tháng Tư năm đó, Anh cho hơn 30 chiến thuyền xâm phạm bờ biển Quảng Đông, dùng đại bác bắn vào các thuyền đánh cá và cư dân miền duyên hải. Lâm Tắc Từ đề ra kế hoạch “dùng hỏa công đốt cháy chiến thuyền Anh” và tuyển chọn những tướng sĩ thủy quân ưu tú để huấn luyện.

Một đêm tháng 5, thủy quân Trung Quốc dùng hỏa thuyền tiến sát hạm đội Anh. Quân Anh đang ngủ say. Quân sĩ nhanh chóng trèo lên tàu giặc, châm lửa đốt, hơn 10 chiến thuyền đã bốc cháy, binh lính Anh hoảng loạn tháo chạy. Thủy quân lại dùng hỏa thuyền tấn công 10 chiến hạm khác của Anh ở ngoài vùng biển Kim Tinh Môn, Lão Vạn Sơn.

Với sự chỉ đạo đúng đắn của Lâm Tắc Từ, quân dân Quảng Đông tích cực phòng bị, anh dũng chiến đấu, khiến quân Anh không dám xâm phạm vùng duyên hải Quảng Đông.

“Tướng năng nhi quân bất ngư giả thắng”.

Tướng soái giỏi mà không bị vua kiểm chế, có thể thắng.

Cam Mậu ước hẹn với vua trước khi xuất binh

Năm thứ 7 Chu Noãn vương, Tần Võ vương phái Tả thừa tướng Cam Mậu đi sứ nước Ngụy, ước hẹn với Ngụy Tương vương cùng cất binh đánh Hàn, cho Hướng Thọ làm phó sứ. Cam Mậu vốn tài trí hơn người, được Tần Huệ vương yêu, phong làm tướng.

Trong công cuộc bình định Hán Trung, ông đã có rất nhiều công lao. Sau khi Tần Huệ vương chết, Tần Võ vương kế vị. Thục Hầu quân thừa cơ làm phản, Võ vương sai Cam Mậu mang quân vào dẹp. Dẹp xong trở về, Cam Mậu được phong làm Tả thừa tướng. Lần này Tần Võ vương lại phái Cam Mậu đi sứ, đặt hết hi vọng vào ông.

Cam Mậu tới kinh đô Đại Lương nước Ngụy. Sau khi cùng Ngụy Tương vương thương lượng xong việc thảo phạt nước Hàn, ông nói với phó sứ Hướng Thọ: “Ông hãy về trước báo cho đại vương hay Ngụy vương đã đồng ý cùng Tần phạt Hàn, nhưng tôi lại muốn ta không phải nhọc sức tấn công Hàn”.

Tần Võ vương sau khi nghe Hướng Thọ báo cáo cảm thấy khó hiểu, bèn thân chinh đến Tức Nhượng (địa danh của Tần) gặp Cam Mậu, hỏi rõ nguyên do. Cam Mậu đáp: “Tần và Ngụy cách nhau quá xa, đường sá xa xôi hiểm trở, tác chiến xa ngàn dặm thực khó lắm vậy”.

Tần Võ vương kinh ngạc. Khi Cam Mậu vào Thục dẹp loạn so ra còn gian khổ hơn phạt Hàn gấp bội mà chưa hề nghe Cam Mậu than khó, sao hôm nay ông ta nói vậy, hẳn phải có thâm ý. Cam Mậu nói: “Thần có một câu chuyện muốn kể cho đại vương nghe. Xưa kia, Tăng Sâm là học trò Khổng Phu Tử, khi còn nhỏ, nước Lỗ có người cùng họ tên giết người. Có người đi báo cho mẹ của Sâm biết, mẹ Sâm không tin, thản nhiên ngồi dệt vải. Một lúc sau lại có người đến nói: “Tăng Sâm giết người!” Mẹ Sâm vẫn không tin, thản nhiên ngồi dệt vải. Sau đó người thứ ba bước vào nói: “Tăng Sâm giết người!”. Mẹ Sâm hoảng sợ quẳng cả thoi mà chạy. Người có đạo đức như Tăng Sâm chỉ vì có ba người nói ông giết người mà đến ngay cả mẹ ông rất hiếu con cũng phải nghi ngờ. Nay thần đạo đức chẳng bằng

Tăng Sâm, mà đại vương tín nhiệm thần cũng chẳng bằng mẹ tin con, trong triều quyết không chỉ có vài ba người nghi ngờ thần, chỉ e đại vương sẽ...”

Tần Võ vương nói: “Ta chẳng phải là mẹ Tăng Sâm nên sẽ không nghe những lời sàm tấu”.

Cam Mậu chỉ cười rồi lại kể: “Năm xưa, Ngụy Văn hầu lệnh cho Nhạc Dương mang quân tấn công nước Trung Sơn, ba năm mới chiếm được. Khi Nhạc Dương trở về luận công, Ngụy Văn hầu bèn giao cho Nhạc Dương một cái hòm. Mở ra xem chỉ thấy bên trong toàn những số tấu của quần thần gièm pha ông suốt 3 năm qua.

Nhạc Dương chột hiểu ra, khấu đầu quì lạy nói: “Thắng lợi lần này chẳng phải do công của thần, mà toàn nhờ sự giúp đỡ của đại vương!”.

Cam Mậu tiếp: “Nay thần lĩnh mệnh phạt Hàn, nếu đại vương tin lời các đại thần trong triều, giữa đường bỏ dỡ, chẳng những đại vương phụ lòng Ngụy vương mà người Hàn sẽ oán hận thần”. Tần Võ vương nói: “Người an tâm, ta quyết không làm thế”. Để khiến Cam Mậu an lòng, Tần vương còn lập đàn tế trời ở Tức Nhưông. Sau đó đem toàn bộ gia quyến của Cam Mậu vào cung. Lúc ấy Cam Mậu thực sự an tâm...

Khi Cam Mậu chỉ huy đại quân xuất chinh, Tần vương đi tiễn nói: “Người cứ an lòng mà đi, ta sẽ không kiếm chế đâu”.

Liên quân Tần Ngụy hợp vây Nghi Dương của Hàn, đánh hơn một tháng mà chưa hạ được, trong triều Tần nổi lên dư luận phỉ báng, hoài nghi. Tần vương chỉ cười không nói.

3 tháng trôi qua, Cam Mậu vẫn chưa hạ nổi thành Nghi Dương. Quân Hàn cố thủ trong thành đánh bại các cuộc tấn công của liên quân Tần Ngụy. Nghi Dương là nơi trọng yếu của Hàn, binh nhiều lương đủ. Cam Mậu bèn thay đổi chiến lược, vây mà không đánh, chờ thời đợi biến.

Tại triều đình, vua Tần bắt đầu lo lắng. Lúc này Hữu thừa tướng Thư Lý Tử, Công Tôn Thích cũng có lời gièm pha Cam Mậu.

Đợi hơn năm tháng vẫn không có tin Cam Mậu thủ thắng, Tần Võ vương tiếp nhận ý kiến của quần thần, hạ chiếu thư lệnh cho Cam Mậu lui binh.

Cam Mậu nhận được chiếu chỉ, không vội bãi binh mà cho sứ giả mang thư về, trong thư nhắc tới lời thề ước tại Tức Nhưông, Tần vương hiểu ra,

không bãi chiếu chỉ, mà còn cho quân chi viện Cam Mậu.

Cam Mậu có thêm viện binh, đích thân xuất trận chỉ huy chiến đấu. Cuối cùng công phá Nghi Dương, giành thắng lợi. Hàn vương thấy quân Tần thế thịnh, đành phái Thừa tướng Trọng Xi cầu hoà với Tần. Cam Mậu bãi binh trở về, Tần Võ vương càng tín nhiệm ông.

“Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bất đãi”

Biết người biết ta, trăm trận không thua.

Hàn Tín biết người biết ta, bình định Tam Tần

Tháng Hai năm Hán Cao Tổ thứ 1 (206 trước Công Nguyên) Hạng Vũ tự xưng là Tây Sở Bá vương đóng đô tại Bành Thành (Tứ Châu, tỉnh Giang Tô), đồng thời phong vương cho 18 chư hầu. Phong cho Lưu Bang làm Hán Trung vương, cai quản Ba Thục, Hán Trung xa xôi, đem Quan Trung phong cho ba hàng tướng của Tam Tần là: Chương Hàm, Tư Mã Hân và Đồng Ế nhằm kèm giữ không cho Lưu Bang tiến về phía đông.

Sau khi Hạng Vũ phong vương cho các chư hầu, Hàn Tín bỏ Sở theo Hán, cùng Lưu Bang đến Nam Trịnh. Tuy được Đổng Công Hạ Hầu Anh và thừa tướng Tiêu Hà nhiều lần tiến cử, Hàn Tín vẫn chỉ làm 1 chức quan nhỏ là Trị túc Đô úy. Hàn Tín bèn bỏ đi tìm đường khác tiến thân.

Tiêu Hà hay tin Hàn Tín bỏ đi, liền vội đuổi theo mà không kịp báo cho Lưu Bang biết, Tiêu Hà đuổi mấy chục dặm mới theo kịp Hàn Tín, Tiêu Hà nói: “Hán vương là người trọng nhân tài hãy để ta tiến cử người với Hán vương lần nữa, hãy chờ thêm vài ngày rồi có đi cũng chẳng muộn”. Hàn Tín thấy Tiêu Hà thành khẩn mới theo ông ta về Nam Trịnh.

Lưu Bang theo ý Tiêu Hà, dựng đàn bái tướng rồi đích thân lên đàn cử hành nghi thức bái Hàn Tín làm đại tướng và truyền lệnh cho ba quân: “Kẻ nào khinh thị tướng quân, làm trái mệnh lệnh sẽ xử phạt theo quân pháp”.

Nghi thức hoàn tất, Lưu Bang hỏi: “Tiêu thừa tướng mấy lần liên cử, hẳn tướng quân có diệu kế?”. Hàn Tín nói: “Đại vương muốn tranh thiên hạ, thử tự ỉu rợ mình có dũng mãnh bằng Hạng vương không?”. Lưu Bang lặng thinh hồi lâu đáp: “Ta không bằng”.

Hàn Tín nói: “Thần cũng thấy vậy. Hạng vương quát một tiếng, cả ngàn người kinh sợ, nhưng y không biết dùng người, cũng chỉ là có cái dũng của kẻ thất phu. Dù có người lập được công lớn đáng phong tước vị, y cũng không chịu”.

“Hạng vương không dựng đô tại nơi dễ công thủ như Quan Trung, mà đóng đô tại Bành Thành, lại phong vương chư hầu theo thân sơ, tướng sĩ rất bất bình. Quân Sở đi tới đâu cướp của giết người tới đó, trăm họ bị bức phải

qui phục. Hạng vương danh làm Bá vương, thực mất lòng người, vì vậy thế lực sẽ mau chóng suy yếu”.

“Hạng vương phong vương cho Hàm, Hàn, Ế, họ đều là hàng tướng của Tần, năm xưa Hạng vương giết hơn 20 vạn hàng binh của Tần, chỉ có 3 người này may mắn sống sót, dân Tần thấy đều oán hận cả ba người ấy”.

“Mà đại vương từ khi tới đây, phế bỏ pháp luật hà khắc của Tần, dân Tần thấy đều qui phục. Nếu đại vương cất binh tiến về đông, phát cáo thị thì có thể bình định được Tam Tần”.

Lưu Bang vô cùng mừng rỡ liền quyết tâm đông chinh. Từ đó trở đi, Hàn Tín ngày đêm huấn luyện tướng sĩ, đích thân truyền thụ các trận pháp, chẳng bao lâu quân Hán binh lực ngày một mạnh mẽ, tinh thần chiến đấu tăng cao.

Lúc ấy, các tướng của Hạng Vũ là Điền Vinh, Trần Dư từng lập công lớn trong chiến tranh thảo phạt Tần nhưng không được phong vương nên rất bất mãn, vào tháng Năm năm Hán Cao đế thứ 1 cả hai làm phản. Hạng Vũ vội cất binh, trước hết tấn công Điền Vinh - đang tự xưng là Tề vương.

Lưu Bang thấy thời cơ đã tới, đích thân dẫn đại tướng Hàn Tín, thống lĩnh 10 vạn quân ngầm rời Cổ Đạo, tập kích đất Ung.

Trung tuần tháng Tám, quân Hán đã lóir Trần Thương (đông Bảo Khê) Chương Hàm cả kinh, vội mang quân ứng chiến.

Quân Hán xa quê đã lâu nên vừa tiếp chiến liền liêu mình xông lên. Quân của Chương Hàm phần lớn là dân đất Tần, vẫn chưa nguôi hận cũ với Hạng Vũ nên bỏ vũ khí tháo chạy.

Chương Hàm cùng tàn quân rút về thủ ở Hiến Chi. Quân Hán bắc thang công thành, Phàn Khoái dẫn quân đi đầu, chém giết quân giữ thành. Chương Hàm vội bỏ thành chạy về Phế Châu, kinh đô đất Ung, Hàn Tín không để mất thời cơ, phái Chu Bột, Quan Anh công chiếm Hàm Dương, cắt đứt đường lui về phía đông của Chương Hàm, sau đó cất binh vây công Phế Châu.

Phía trước mặt Phế Châu là sông Vị Thủy, Hàn Tín lệnh cho Phàn Khoái chặn dòng chảy tại hạ lưu, nước sông dâng lên ngập thành, Chương Hàm thấy nguy vội rời cửa bắc mà chạy. Hàn Tín hạ lệnh truy kích, Chương Hàm gắng gượng chiến đấu, cuối cùng thua trận, rút kiếm tự vẫn.

Địch vương Đông Ê, Tái vương Tư Mã Hân hay tin Chương Hàm thua trận tự sát, tự biết khó chống đỡ nên đầu hàng Hán vương. Như vậy, đất Tam Tần, như Hàn Tín dự liệu, trong 20 ngày đều lọt vào tay Hán vương Lưu Bang.

“Bất tri bỉ, bất tri kỳ, mỗi chiến tất đãi ”

Đã không biết người, lại chẳng hiểu mình, trận nào cũng thua.

Vương Chiêu Viễn trận nào cũng thua

Năm thứ bảy Chu Hiền Đức (năm 960), thủ lĩnh cấm quân Triệu Khuông Dẫn phát động binh biến tại Trần Kiều (đông bắc Khai Phong, tỉnh Hà Nam), đoạt chính quyền thay Chu xưng đế, dựng lên triều Tống, đóng đô tại Biện Lương (Khai Phong, tỉnh Hà Nam).

Triệu Khuông Dẫn tích cực trừ hoạch đại nghiệp thống nhất. Năm thứ 4 sau khi ông kế vị, ông bắt đầu việc thống nhất phía nam. Sau khi bình định Hồ Bắc, Hồ Nam, ông chuẩn bị diệt Hậu Thục.

Mạnh Sưởng kế vị ngôi vua Hậu Thục, chỉ biết vợ vét sản vật Ba Thục, không lo triều chính, quần thần e ngại, nhân dân oán thán.

Khi quân Tống diệt xong Lương Hồ, tướng Thục là Lý Ngô nói với Mạnh Sưởng: “Triệu Khuông Dẫn xưng đế, dựng lên nhà Tống, không như Bắc Hán, Hậu Chu chỉ biết an cư một phương, thời cơ thống nhất bốn bể đã tới. Nay Tống đã bình định Lương Hồ, theo ý thần thì ta nên cùng Tống giao hảo để bảo toàn Ba Thục”.

Tri khu mật viện sự Vương Chiêu Viễn cực lực phản đối: “ Chi bằng liên hợp với Bắc Hán, ước hẹn cùng vượt sông tiến xuống phương nam, quân ta rời Tí Ngộ cốc (nam Tây An, tỉnh Thiểm Tây) tiếp ứng, thành thế gọng kìm. Như vậy, Triệu Khuông Dẫn buộc phải lui về Trung Nguyên, không dám xâm phạm Ba Thục”.

Vương Chiêu Viễn luôn sánh mình với Gia Cát Lượng, nhưng y chỉ biết nói suông chứ không biết làm. Hậu Thục vốn chẳng quen luyện binh, Bắc Hán tự thân khó bảo toàn. Vương Chiêu Viễn đề ra một kế hoạch như vậy, vốn chỉ là khoác lác, nhưng lại được Mạnh Sưởng đồng tình, phái Quân hiệu Triệu Nhan Thao đi sứ Bắc Hán.

Triệu Nhan Thao biết rõ kế hoạch này khó thành công, liền mang thư mật cùng bản đồ địa hình của Ba Thục tới Biện Lương". Triệu Khuông Dẫn lệnh cho Vương Toàn Bản làm Hành doanh đô bộ thuộc, Lưu Quang Nghĩa, Thôi Nhan Tiến làm phó tướng, đem hai quân thủy, bộ binh đi chinh phạt Thục.

Mạnh Sường được tin cấp báo, hoảng hốt sai Vương Chiêu Viễn làm Hành doanh đô thống, đem quân chống lại Tống; lệnh cho tể tướng đặt tiệc rượu ngoài thành tiễn Vương Chiêu Viễn.

Rượu ngà say, Chiêu Viễn khoác lác: “Lần này thần xuất chinh chẳng những đánh đuổi được quân Tống mà còn thừa thắng truy kích. Với thần, việc lấy Trung Nguyên dễ như trở bàn tay”.

Vương Chiêu Viễn nghe nói quán Tống đã công chiếm Hưng Châu (Lược Dương, tỉnh Thiểm Tây), bèn sai Hàn Bảo Chính, Lý Tiến mang 5 ngàn quân nghênh chiến.

Hai người đem quân tới Tam Tuyền (tây nam huyện Miễn, tỉnh Thiểm Tây) thì gặp quân tiên phong của Tống do Sử Diên Đức chỉ huy.

Sử Diên Đức có biệt hiệu là Thần Tí (cánh tay thần), giao chiến một hồi, đã bắt sống Lý Tiến, Hàn Bảo Chính xông lại cứu cũng bị Sử Diên Đức bắt sống. Quân Thục bỏ chạy.

Vương Chiêu Viễn hay tin hai tướng bị bắt, không dám tiến nữa, đóng quân tại Lợi Châu (Quảng Nguyên, tỉnh Tứ Xuyên). Lợi Châu ở bờ đông sông Gia Lăng, núi non bao bọc, địa thế hiểm trở. Là con đường “yết hầu” để vào Thục. Vương Chiêu Viễn muốn đợi quân Tống ở đây, nhờ địa hình hiểm yếu mà giành thắng lợi.

Sử Diên Đức sau khi bắt sống hai tướng, không chủ quan, biết đại quân của Vương Chiêu Viễn đóng tại Lợi Châu, ông bèn đóng quân tại Tam Tuyền, đợi quân chủ lực tới. Vài ngày sau Vương Toàn Ân, Thôi Nhan Tiên mang quân tới. Nghe xong tình hình do Sử Diên Đức báo lại, Vương Toàn Ân quyết định tiến quân tới Lợi Châu.

Quân Tống nhanh chóng công phá trại Tiểu Mạn Thiên ở phía bắc cách thành Lợi Châu 40 dặm. Từ xa nhìn lại thấy quân Thục dựa vào núi sông dựng nhiều doanh trại, cờ trống nghiêm chỉnh.

Thôi Nhan Tiên thấy trên sông có cầu mà quân Thục không chặt bỏ, chỉ phái một số tướng sĩ giữ tại đầu cầu, Thôi Nhan Tiên nói với Sử Diên Đức: “Lạ thật, sao Vương Chiêu Viễn không phá cầu”. Sử Diên Đức nói: “Họ Vương ngu dốt mà tự đại, có lẽ y cố ý muốn hư trương thanh thế với ta!”.

Thôi Nhan Tiên muốn thử xem thực lực đối phương thế nào, nên sai Trương Vạn Hữu mang một ngàn quân đi cướp cầu. Quân Tống xông đến

cầu giết sạch quân canh, cướp được cầu. Điều này chứng thực quân Thục chẳng có bao nhiêu lực lượng.

Vương Toàn Ân sau khi hạ trại đóng quân bên sông liền chia quân thành 3 lộ giáp công trại Đại Mạn Thiên (cách Quảng Nguyên 35 dặm về phía đông bắc).

Địa thế trại Đại Mạn Thiên rất hiểm trở, khó tấn công. Vương Toàn Ân, Thôi Nhan Tiến hạ lệnh cho quân sĩ đứng trước trại chửi, khích cho Vương Chiêu Viễn ra đánh.

Quả nhiên Vương Chiêu Viễn nổi giận, ỷ vào nhiều quân, dốc toàn lực xuất chiến. Thôi Nhan Tiến thấy Vương Chiêu Viễn sai bộ tướng mang quân xuống núi, nên ra nghênh chiến rồi vờ thua chạy.

Vương Chiêu Viễn thúc quân đuổi theo. Đuổi hơn 3 dặm, bỗng quân mã của Sử Diên Đức đổ ra chém giết, Sử Diên Đức vừa đánh vừa nói: “Người còn chưa chịu đầu hàng, định để ta chém đầu hay sao?”.

Đánh một lúc, Sử Diên Đức phóng kiếm về phía tướng Thục, nói: “Người tự đánh một mình đi!” Nói rồi Sử Diên Đức vờ ngựa bỏ chạy, tướng Thục nổi giận thúc quân truy kích.

Vương Chiêu Viễn bỗng thấy mình rời trại quá xa, vội muốn thu quân trở về, đã thấy quân Tống từ ba mặt ập tới. Vương Chiêu Viễn bị lọt giữa trùng vây, chẳng lo gì đến tướng sĩ, vội đào tẩu vào trong núi.

May mà y vốn thông thạo đường núi ở đây, nên chạy thoát về thành Lợi Châu. Quân Tống thừa thắng chiếm Đại Mạn Thiên, thu nhiều lương thực và khí giới. Ngày hôm sau, Vương Toàn Ân, Thôi Nhan Tiến đuổi đến phía bắc thành Lợi Châu.

Đánh chẳng bao lâu, quân Thục thua chạy. Như thế chỉ sau ba trận; Vương Chiêu Viễn đã mất hết quân chủ lực bèn vượt sông trốn về Bảo Kiếm Môn.

Vương Toàn Ân không truy kích mà truyền lệnh hạ trại, chờ tin cánh quân phía đông của Lưu Quang Nghĩa tới mới quyết định hành động.

Cánh quân phía đông của Lưu Quang Nghĩa tiến tới Quì Châu, theo kế hoạch định trước, bỏ thuyền lên bộ cách Toả Giang Phù Kiêu 30 dặm, theo đường bộ tấn công Quì Châu.

Quì Châu là cửa ải đường thủy quan trọng nhất tại Thục, tướng giữ thành là Cao Nhan Trù, Võ Thủ Khiêm không ngờ quân Tống tấn công theo đường bộ, vội vã nghênh chiến, lập tức bại trận rút vào thủ trong thành Quì Châu.

Quân Tống đoạt được cầu nổi trên sông, tiến thẳng đến trước thành Quì Châu. Võ Thủ Khiêm muốn rời thành nghênh chiến, Cao Nhan Trù ngăn lại: “Quân Tống từ xa tới, chủ về đánh nhanh, ta cứ thủ chắc là được”.

Võ Thủ Khiêm không nghe, chỉ huy hơn ngàn quân kỵ rời thành nghênh chiến. Y đánh với tướng Tống là Trương Đình Hàn được một lúc, không chống nổi, thua trận rút vào thành.

Quân Tống thừa thắng đuổi vào trong thành Quì Châu, Cao Nhan Trù mang quân đánh trả, bị đánh bại, chạy về phủ, châm lửa tự thiêu.

Khi đã bình định xong các quận huyện tại Hiệp Trung, Lưu Quang Nghĩa báo tin cho Vương Toàn Bản. Vương Toàn Bản được tin, tiến quân chiếm Ích Quang (Chiêu Hoá, tỉnh Tứ Xuyên). Ông được một hàng binh cho biết phía đông có đường tắt đến Kiếm Môn. Vương Toàn Bản cả mừng, sai hàng binh dẫn đường.

Vương Chiêu Viễn được tin quân Tống đã chiếm được Ích Quang, bèn cho bộ tướng ở lại giữ Kiếm Môn, còn mình lui về Hán Nguyên (nay ở phía đông bắc cách Kiếm Các 30 dặm). Nào ngờ chưa tới được Hán Nguyên đã hay tin Kiếm Môn thất thủ, Vương Chiêu Viễn bỏ chạy.

Chạy tới Đông Xuyên, Vương Chiêu Viễn trốn vào một thương xá, quân Tống đuổi đến, bắt sống Vương Chiêu Viễn và Triệu Sùng Thao.

Tháng Giêng năm Càn Đức thứ ba (năm 956) Mạnh Sưởng nghe tin toàn bộ tướng lĩnh thua trận thì kinh sợ, bèn phân phát vàng hạc, chiêu mộ quân mã, sai thái tử Mạnh Huyền Triết làm nguyên soái, Lý Đình Khuê, Trương Huệ An làm phó soái dẫn quân tiếp viện cho Kiếm Môn.

Mạnh Huyền Triết không quen việc binh, Lý Đình Khuê, Trương Huệ An cũng là hạng hèn kém. Dọc đường, Mạnh Huyền Triết đem theo tì thiếp múa hát tối ngày, khi tới Miên Châu (Miên Dương, tỉnh Tứ Xuyên), nghe Kiếm Môn đã mất, liền kéo quân chạy. Dọc đường còn đốt nhà, cướp của. Vài ngày sau, hai cánh quân Tống hợp lại bao vây Thành Đô. Mạnh Sưởng dâng biểu xin hàng. Tống chỉ mất 66 ngày bình định Ba Thục.

THIÊN IV: HÌNH

Tích chi thiện chiến giả, tiên vi bất khả thắng, dĩ đãi địch chi khả thắng; bất khả thắng tại kỳ, khả thắng tại địch, cố thiện chiến giả, năng vi bất khả thắng, bất năng sử địch chi tất khả thắng. Cố viết: thắng khả tri, nhi bất khả vi.

Bất khả thắng giả, thủ dã; khả thắng giả, công dã. Thủ tắc bất túc, công tắc hữu dư. Thiện thủ giả, tàng ư cửu địa chi hạ; thiện công giả, động ư cửu thiên chi thượng, cố năng tự bảo nhi toàn thắng dã.

Kiến thắng bất quá chúng nhân chi sở tri, phi thiện chi thiện giả dã; chiến thắng nhi thiên hạ viết thiện, phi thiện chi thiện giả dã. Cố cử thu hào bất vi đa lực, kiến nhật nguyệt bất vi minh mục, văn lôi đình bất vi thông nhĩ. Cố chi sở vị thiện chiến giả, thắng ư dị thắng giả dã. Cố thiện chiến chi thắng dã, vô trí danh, vô dưng công, cố kỳ chiến thắng bất thắc; bất thắc giả, kỳ sở thổ tất thắng, thắng dĩ bại giả dã. Cố thiện chiến giả, lập ư bất bại chi địa, nhi bất thất địch chi hại dã. Thị cố thắng binh tiên thắng nhi hậu cầu chiến, bại binh tiên chiến nhi hậu cầu thắng. Thiện dụng binh giả, tu đạo nhi bảo pháp, cố năng vi thắng chi bại chính.

Binh pháp: Nhất viết độ, nhị viết lượng, tam viết số, tứ viết xứng, ngũ viết thắng. Địa sinh độ, độ sinh lượng, ượng sinh số, số sinh xứng, xứng sinh thắng. Cố thắng binh nhược dĩ dật xứng thù, bại binh nhược dĩ thù xứng dật. Thắng giả chi chiến dân dã, nhược quyết tích thủy ư thiên nhận chi khe giả, hình dã.

Dịch nghĩa:

Từ xưa, con người đánh trận trước hết phải làm sao không để địch đánh bại; sau đó chờ cơ hội giành thắng lợi. Quyền chủ động không để địch đánh bại là ở trong tay mình, còn ta có thể thắng địch hay không là do địch có sơ hở không. Cho nên người giỏi đánh trận có thể tạo nên điều kiện để địch không thể đánh bại, chứ không thể làm cho kẻ địch sẽ bị ta đánh bại. Vì vậy mới nói, thắng lợi có thể dự kiến, chứ không thể cưỡng cầu.

Nếu không muốn bị địch đánh bại thì phải tranh thủ phòng ngự. Nếu muốn chiến thắng địch, thì phải tranh thủ tiến công. Tranh thủ phòng ngự, là vì binh lực của địch có thừa; tranh thủ tiến công, là vì binh lực của địch thiếu hụt. Người giỏi phòng thủ thì giấu kín binh lực của mình như chôn sâu dưới chín lớp đất. Người giỏi tiến công, triển khai binh lực của mình như từ trên trời giáng xuống. Cho nên vừa bảo toàn được lực lượng của mình, lại vừa giành thắng lợi trọn vẹn.

Dự kiến thắng lợi không hơn được hiểu biết của nhiều người, thì chưa phải là người giỏi nhất trong số những người giỏi. Đánh thắng trận, dù thiên hạ đều khen giỏi, cũng chưa được coi là người giỏi nhất. Việc đó chẳng qua giống như việc bứt chiếc lá mùa thu, chưa phải là khoẻ mạnh, nhìn thấy mặt trời mặt trăng không phải là tinh mắt, nghe thấy tiếng sấm chưa phải là thính tai. Đời xưa, người ta gọi người thiện chiến là người thắng kẻ địch dễ thắng. Do đó, người thiện chiến mà thắng trận thì không có chiến thắng kỳ lạ, không có tiếng tăm vang lừng, cũng chẳng có chiến công anh dũng. Sở dĩ họ thắng lợi, là vì không phạm sai lầm. Sở dĩ họ không phạm sai lầm, là do họ xây dựng phương án tác chiến trên cơ sở tất thắng, là đánh thắng kẻ địch đã ở vào địa vị thất bại. Người thiện chiến luôn đặt mình ở vào chỗ không thể đánh bại mà không bỏ lỡ cơ hội đánh bại địch. Cho nên đội quân chiến thắng là quân đội trước hết phải nắm chắc thắng lợi, sau đó mới tìm địch giao chiến. Đội quân bại trận luôn mạo hiểm giao chiến với đối phương trước, sau đó mới cầu may thủ thắng. Người giỏi chỉ đạo chiến tranh ắt phải tu sửa chính trị, kiện toàn pháp chế, để có thể nắm chắc quyền quyết định thắng bại.

Có 5 nguyên tắc cơ bản:

- 1 là Độ, tức xác định diện tích đất đai và khả năng sản xuất trên diện tích ấy của đôi bên (ta và địch).
- 2 là Lượng, tức xác định sản vật tài nguyên của đôi bên nhiều ít.
- 3 là Số, tức so tính quân số đôi bên nhiều ít.
- 4 là Xứng, tức cân nhắc thực lực quân sự của đôi bên mạnh yếu thế nào.
- 5 là Thắng, là xác định kết cục cuối cùng của chiến giữa đôi bên xem ai thắng ai bại.

Diện tích (Độ) khác nhau sẽ dẫn đến tài nguyên (Lượng) khác nhau. Tài nguyên (Lượng) khác nhau sẽ sinh ra quân số (Số) khác nhau. Quân số (Số) khác nhau sẽ dẫn đến thực lực (Xứng) khác nhau. Thực lực (Xứng) khác nhau sẽ dẫn đến kết cục (Thắng) khác nhau. Cho nên quân thắng như lấy dật (nặng) cân với thù (nhẹ) quân thua như lấy thù (nhẹ) cân với dật (nặng). Kẻ chiến thắng có thực lực quân sự hùng mạnh thì chỉ huy tác chiến giống như thác nước chứa từ trên dòng thác cao vạn trượng đổ xuống, đó gọi là “hình” của thực lực quân sự.

Tóm tắt nội dung:

Thiên này chủ yếu bàn về việc căn cứ vào điều kiện vật chất của đôi bên (ta và địch), thực lực quân sự mạnh hay yếu mà linh hoạt cơ biến sử dụng hai phương thức công và thủ, nhằm đạt mục đích bảo vệ mình, tiêu diệt địch trong chiến tranh.

Tôn tử là nhà quân sự vĩ đại, nhận thức rõ rằng lực lượng so sánh khác nhau giữa ta và địch có ảnh hưởng to lớn tới kết cục chiến tranh. Ông chủ trương trong hành động quân sự, trước hết phải làm cho mình ở vào vị thế không bị đánh bại, sau đó mới tìm cách lợi dụng sơ hở, non yếu của đối phương, lấy ưu thế áp đảo mà giáng cho địch những đòn trí mạng, giành thắng lợi trọn vẹn.

Để trong tác chiến có thể xác lập địa vị ưu thế cho mình, Tôn tử đề ra một loại đối sách chính xác và thích hợp. 1 là tu sửa chính trị, kiện toàn pháp chế, 2 là nhận thức, đánh giá đúng thực lực của đôi bên, trên cơ sở đó mà phân tích, dự báo viễn cảnh của chiến tranh, 3 là căn cứ vào sự biến hoá tình thế chiến trường mà tranh thủ phòng ngự hay tiến công. Tôn tử cho rằng chỉ cần trước hết nắm chắc phần thắng (“tiên thắng”), sau đó hãy giao chiến với địch, thì giống như thác nước từ trên cao vạn trượng đổ xuống, cuối cùng sẽ thực hiện được ý đồ tác chiến bảo vệ được mình, giành thắng lợi trọn vẹn.

“Tiên vi bất khả thắng, dĩ đãi địch chi khả thắng”

Trước hết phải làm sao không để địch đánh bại, sau đó mới chờ cơ hội giành thắng lợi.

Lý Mục kiềm chế Hung Nô

Lý Mục là danh tướng nơi biên ải phương bắc nước Triệu sau thời Chiến Quốc. Những năm giữa thế kỷ 3 trước Công Nguyên, ông trấn giữ tại Nhạn Môn quan (vùng đông bắc, tỉnh Sơn Tây) chặn quân Hung Nô tràn xuống phía nam.

Lý Mục giỏi trị quân, thời bình thường chuẩn bị tới các phương án chiến đấu; căn cứ thực tế để tổ chức quân đội; thu thuế trong vùng cai quản, lấy đó làm nguồn cung cấp lương cho quân đội.

Ông chủ trương phòng ngự, bảo toàn lực lượng, kiềm chế địch lâu dài nên lệnh: “Dù quân Hung Nô tới, cũng phải mau chóng lùa gia súc về rồi nghe theo lệnh chỉ huy. Nếu ai dám cả gan xuất kích hay đi bắt quân địch, sẽ chém không tha”.

Cứ giằng co như vậy với Hung Nô mấy năm, vùng đất phía bắc nước Triệu không bị lấn chiếm, binh sĩ vẫn bảo tồn được lực lượng. Nhưng Hung Nô lại cho rằng Lý Mục khiếp sợ, không dám giao chiến, ngay cả một số binh sĩ của Lý Mục cũng nghĩ như vậy.

Vua Triệu nghe nói Lý Mục chỉ phòng thủ, bèn sai người trách cứ vì sao không giao chiến. Nhưng Lý Mục không thay đổi. Vua Triệu cá giận, hạ chiếu rút ông từ biên ải về và sai người khác thay.

Sau khi Lý Mục rút về, mỗi lần Hung Nô tới, quân Triệu đều xuất chiến nhưng đều bị thất lợi, thương vong vô số; hơn nữa vùng biên ải vì quanh năm binh lửa nên việc tích trữ lương thực cũng giảm sút hẳn.

Vua Triệu đành thỉnh Lý Mục trở lại. Lý Mục thác bệnh ở nhà, vua Triệu hạ chiếu buộc ông, ông nói: “Nếu bệ hạ muốn dùng thần, bệ hạ phải để thần thực hiện sách lược phòng thủ vốn có”. Vua Triệu đành đồng ý.

Lý Mục trở lại biên ải phía bắc, tăng cường phòng thủ và chuẩn bị chiến đấu. Cứ thế mấy năm Hung Nô không làm gì được, nhưng vẫn cho là Lý Mục khiếp sợ.

Quân sĩ của Lý Mục được hậu đãi, thường được khen thưởng, lại không có cơ hội giết địch, nên ý muốn giao chiến và tinh thần chiến đấu ngày càng

tăng, người người đều tỏ ý quyết tử chiến với Hung Nô.

Năm Triệu Lý Thành vương thứ 21 (năm 245 trước Công Nguyên) chuẩn bị xong xuôi, Lý Mục sai người lừa gia súc ra thảo nguyên. Hung Nô thấy vậy bèn cho một bộ phận nhỏ quân lính đi do thám. Lý Mục vội thua bỏ chạy. Tướng Hung Nô lại tưởng ông khiếp sợ, liền đích thân chỉ huy đại quân tiến đánh. Lý Mục dùng hai cánh quân tả hữu tấn công, quân sĩ dũng cảm xông trận, đánh bại 10 vạn kỵ binh Hung Nô. Sau mấy phen đánh nhau to, trong 10 năm Hung Nô không dám xâm phạm biên giới nước Triệu, tiếng tăm của Lý Mục càng lẫy lừng.

“Thiện thủ giả, tàn vu cứu địa chi hạ”

Người giỏi phòng thủ, giấu binh lực của mình kỹ như chôn sâu dưới chín lớp đất.

Viên Sùng Hoán phòng thủ chắc, đánh quân Hậu Kim

Cuối triều Minh, tộc Nữ Chân ở vùng đông bắc dựng lên nhà Hậu Kim năm 1616. Thủ lĩnh Hậu Kim là Nỗ Nhĩ Cáp Xích - giỏi dùng binh, thấy nhà Minh ngày càng hủ bại, biên giới bỏ ngỏ, đã xua quân tấn công. Đến năm 1622, Hậu Kim chiếm nhiều đất ngoài biên ải, uy hiếp triều Minh.

Lúc đó triều đình đang bế tắc về việc cử ai ra biên giới để chỉ huy, thấy Viên Sùng Hoán nguyện gánh vác liền đồng ý, phong cho ông chức Thiêm Sự, phái đi chỉ huy quân sự tại Sơn Hải quan.

Sau khi nhậm chức, ông có mâu thuẫn ý kiến với Kinh lược Liêu Đông là Vương Tại Tấn về kế sách chống giặc, ông cho rằng nên tích cực phòng thủ, giữ vững ngoài ải để bảo vệ trong ải. Ông chủ trương xây dựng tuyến phòng thủ kiên cố tại cứ điểm quân sự Ninh Viễn (Hưng Thành, tỉnh Liêu Ninh) ở ngoài Sơn Hải quan, nhằm ngăn quân Kim tràn xuống phía nam.

Nhưng Vương Tại Tấn lại chủ trương xây dựng tuyến phòng thủ ngoài ải cách Sơn Hải quan 8 dặm và đề ra kế sách “bảo vệ Sơn Hải để bảo vệ kinh đô”. Trước tình hình đó, Viên Sùng Hoán đành viết thư báo cho triều đình và chỉ rõ những sai lầm của Vương Tại Tấn trong kế sách phòng ngự. Triều đình phái Thượng thư bộ binh Tôn Thừa Tông ra Sơn Hải quan xử lý.

Tôn Thừa Tông tới Sơn Hải quan tiến hành điều tra, khảo sát, ủng hộ chủ trương “thủ vững bên ngoài, bảo vệ bên trong” của Viên Sùng Hoán và phái Viên Sùng Hoán mang quân tới đóng tại Ninh Viễn.

Năm Thiên Khải thứ ba đời Minh Hi Tông (năm 1623), thành Ninh Viễn được tu sửa xong, Viên Sùng Hoán lại đặt các loại hỏa pháo trên tường thành. Thành Ninh Viễn trở thành 1 cứ điểm quân sự kiên cố và trọng yếu.

Thành Ninh Viễn vừa được tu sửa, dân chúng và thương nhân kéo tới làm ăn. Vì thế, chỉ trong một năm công thương nghiệp phát triển, được mọi người gọi là “mảnh đất tốt vùng quan ngoại”.

Tháng 9 năm Thiên Khải thứ 4 (năm 1624), Tôn Thừa Tông theo ý Viên Sùng Hoán phái quân trấn giữ Cẩm Châu cùng các vùng phụ cận như Tùng

Sơn, Hạnh Sơn, Hữu Đồn... làm liền vệ cho Ninh Viễn, tạo thành tuyến phòng thủ từ Ninh Viễn tới Cẩm Châu.

Vào lúc Viên Sùng Hoán đang tích cực chuẩn bị, triều đình phái Cao Đệ tới thay thế Tôn Thừa Tông. Cao Đệ nhu nhược bất tài, nghĩ không thể chống giữ nổi vùng đất quan ngoại, nên vừa tới nhậm chức liền ra lệnh rút lui toàn bộ lực lượng trấn giữ tại Cẩm Châu, Hữu Đồn về giữ Sơn Hải quan.

Viên Sùng Hoán tuy phản đối nhưng vẫn phải theo lệnh, đem toàn bộ binh lực tại Cẩm Châu rút về trong Sơn Hải quan. Dân chúng lại gặp cảnh chạy nạn thống khổ. Trong khi chạy nạn, nhiều người chết, tình cảnh thê lương.

Năm Thiên Khải thứ 6 (năm 1626), ngày 14/1, được tin triều Minh thay đổi chủ tướng của tướng phòng thủ Liêu Đông, rút quân về Sơn Hải quan, Nỗ Nhĩ Cáp Xích dẫn 13 vạn quân tiến công.

Lúc ấy lực lượng trấn thủ thành Ninh Viễn chỉ có hơn 1 vạn quân, nhưng Viên Sùng Hoán chọn kế sách cố thủ, đem giấu kín binh lực của mình, đưa hết dân vào thành, sau đó đốt hết nhà cửa ngoài thành khiến quân địch không chỗ trú thân.

Để khích lệ binh sĩ, Viên Sùng Hoán trích máu viết sớ, tỏ rõ quyết tâm giữ thành chống giặc của mình. Quân dân toàn thành 1 lòng quyết cố thủ thành trì, hăng hái giết giặc.

Ngày 23/1, quân Hậu Kim tới dưới thành Ninh Viễn, và sai quân vượt qua thành Ninh Viễn hơn 5 dặm đóng quân hạ trại ở khu vực giữa Sơn Hải quan và thành Ninh Viễn.

Ngày 24, Nỗ Nhĩ Cáp Xích hạ lệnh tấn công thành Ninh Viễn. Quân Kim quen trèo lên thành tấn công, nhưng lần này thất bại, bởi Viên Sùng Hoán cho người đổ nước lên thành, đúng giữa mùa đông, nước đóng thành băng, quân Kim trèo lên đều rớt xuống.

Quân Hậu Kim lại dùng thang và xe công thành, Nỗ Nhĩ Cáp Xích đích thân đốc chiến. Quân Kim che khiên mộc trên đầu xông lên, người trước ngã xuống, người sau tiến lên. Quân Minh do Viên Sùng Hoán chỉ huy, dùng cung tên, gỗ đá và các loại hỏa khí tấn công quân Kim.

Tuy quân Minh người người đều hăng hái chiến đấu, nhưng các loại vũ khí trong thành cũng có hạn, lại không thể hi vọng Cao Đệ phái binh chi

viện. Trước tình thế này Viên Sùng Hoán thấy quân Minh lợi về đánh nhanh thắng nhanh, ông lệnh cho các pháo thủ của mình nhắm vào nơi quân Kim tập trung nhiều nhất mà bắn.

Khói lửa ngút trời, quân Kim chết vô số, Nỗ Nhĩ Cáp Xích thấy binh sĩ thương vong quá nhiều lại thêm trời sắp tối, đành hạ lệnh thu binh.

Sang ngày thứ hai, Nỗ Nhĩ Cáp Xích thay đổi cách điều động binh lực, chọn những chiến binh cao lớn mình mặc giáp, đầu che khiên, chia thành mười mấy ngả, tấn công Ninh Viễn.

Thoạt đầu, quân Kim bắn tên vào thành như mưa, liền sau đó binh mã ở các ngả xông lên. Các tướng lĩnh quân Minh đều rất nóng lòng, muốn Viên Sùng Hoán hạ lệnh phản công. Viên Sùng Hoán vẫn thản nhiên không cho nổ súng.

Tới khi quân Hậu Kim sắp tới chân thành, ông mới phát cờ lệnh, hô lớn “Bắn!”. Chỉ trong chớp mắt tiếng pháo nổ vang trời, quân Kim trúng đạn chết rất nhiều, số còn lại đều hết hoảng tháo chạy khiến đội ngũ hỗn loạn. Nỗ Nhĩ Cáp Xích bị thương nặng nên đành lui binh.

Viên Sùng Hoán chỉ huy tướng sĩ thừa thắng xông ra truy kích hơn 30 dặm, giết hơn 1 vạn quân Kim mới trở về thành. Cuộc chiến tại tuyến phòng thủ Ninh Viễn kết thúc. Sau đó Viên Sùng Hoán được thăng chức làm Hữu Thiêm Đô Ngự sử.

“Thiện công giả động vu cửu thiên chi thượng”

Người giỏi tấn công, triển khai binh lực của mình như từ trên trời giáng xuống.

Lại Văn Quang dụng binh như thần, diệt quân Thanh

Tháng 2 năm Thanh Đồng Trị thứ ba (1864), đô thành Thiên Kinh (nay là Nam Kinh) của Thái Bình Thiên Quốc lâm nguy. Phù vương Trần Đắc Tài, Tuân vương Lại Văn Quang dẫn quân Tây Bắc Thái Bình ngày đêm hành quân, cứu viện kinh đô.

Dọc đường, tướng lĩnh của Niệp quân (quân khởi nghĩa nông dân vùng bắc An Huy và Hà Nam) là Trần Đại Hi, Trương Tông Vũ, Nhậm Hoa Ban đều mang quân đến hội hợp, lại thêm sự gia nhập của nông dân ở một số nơi, quân chi viện tăng lên vài chục vạn, rầm rộ kéo về Thiên Kinh.

Triều Thanh chỉ sợ kế hoạch vây công Thiên Kinh thất bại, gấp lệnh cho Bình Niệp Khâm sai đại thần Tăng Cách Lâm Tầm dẫn kỵ binh Mông cổ, đồng thời rút quân từ Ngạc, Dự, Hoãn đến Ngạc Đông chặn đánh nghĩa quân.

Liên mấy tháng, nghĩa quân liên tiếp thất bại. Tháng 11, trong trận đánh tại bến Hắc Bạch (huyện Hoắc Sơn, tỉnh An Huy), quân Thái Bình thảm bại, chủ tướng Trần Đắc Tài tự sát.

Tuân vương Lại Văn Quang cùng 1 số tướng của Niệp quân dẫn quân đột phá trùng vây, trốn trong vùng rừng núi tại địa giới của Dự và Ngạc, bốn bề bị quân Thanh vây chặt.

Tình thế nguy ngập khiến các tướng lĩnh đều hiểu ra nguyên nhân dẫn tới thất bại liên tiếp của quân Thái Bình và Niệp quân là không có sự lãnh đạo thông nhất. Thủ lĩnh Niệp quân là Trương Tông Vũ, Nhậm Hoá Bang tới trước của Lại Văn Quang thỉnh cầu ông hợp nhất 2 đạo quân và chỉ huy họ. Lại Văn Quang nhận lời, cùng 2 người uống máu ăn thề, cùng sống cùng chết, hưng phục Thiên quốc tiêu diệt quân Thanh.

Nhằm thích ứng với chiến thuật tập kích về sau, Lại Văn Quang thực hiện sách lược “thay bộ binh bằng kỵ binh”, trong bộ binh cũng tăng cường thêm ngựa, lừa, la các loại.

Chinh đốn xong, Lại Văn Quang chỉ huy toàn quân xung phá trùng vây phong tỏa, tiến thẳng tới Tương Dương. Từ sau cuộc chiến tại bến Hắc

Bạch, Tăng Cách Lãng Tầm chủ quan cho rằng quân Thái Bình và quân Niệp đã tan rã, chỉ cần 1 ít binh mã cũng bình định được. Nên y khước từ sự tiếp viện của 2 cánh quân Sương, Hoài, 1 mình đem quân tấn công căn cứ quân khởi nghĩa.

Nào ngờ quân Thanh đều gặp thất bại tại 2 trận ở Tương Dương, Trịnh Châu, Tăng Cách Lâm Tầm buộc phải rút về thành Trịnh Châu. Quân Niệp nhanh chóng tiến lên phía bắc theo đường Nam Dương phủ (Nam Dương, tỉnh Hà Nam) đến địa khu Lỗ Sơn.

Giữa trưa ngày 18 tháng Giêng năm Đồng Trị thứ 4 (năm 1865), quân Thanh tới một vùng đất cách Lỗ Sơn 10 dặm, đã thấy quân Niệp dàn trận đợi sẵn.

Đôi bên vừa tiếp chiến, quân Niệp đã bỏ trận thoái lui, Tăng Cách Lâm Tầm hạ lệnh truy kích. Suốt dọc đường, quân Thanh nổ súng vang trời, quân Niệp kinh sợ, tranh nhau vượt qua sông Tri Thủy. Chỉ huy cánh tả quân Thanh là Hăng Linh, sợ quân Niệp chạy mất, bèn hạ lệnh vượt sông truy kích. Kỵ binh Mông Cổ hò hét vượt sông. Sau khi quân Thanh vượt sông được mấy dặm, vừa tới một ngọn đồi nhỏ, quân Thanh phía sau vừa nhìn, lập tức bàng hoàng: kỵ binh quân Niệp đông như kiến cỏ đang âm thầm lao tới. Trong nháy mắt binh mã quân Niệp từ bốn phương tám hướng đổ tới, cờ chiến phấp phới, đao kiếm chói loà.

Tướng lĩnh quân Thanh đều là danh tướng từng trải trăm trận chưa khi nào thấy trận thế vĩ đại như vậy nên hoảng hốt không biết phải làm thế nào.

Quân Thanh cả kinh, quay ngựa đào tẩu, quân Niệp thừa thế xông thẳng vào. Tăng Cách Lâm Tầm ở phía sau may có Tổng binh Trần Quốc Tuy liều mình tới cứu mới phá vây đào tẩu được.

Chiều tới, Tăng Cách Lâm Tầm tập trung lực lượng tiếp viện, quay lại chiến trường, đã không thấy quân Niệp đâu, chỉ thấy 1 vùng chiến địa, máu chảy thành sông, cây phơi khắp núi. Tăng Cách Lâm Tầm tức giận nói: “Bất luận ngày đêm phải mau truy kích, không diệt phỉ Niệp, quyết chẳng làm người!”. Sau chiến thắng ở Lỗ Sơn, quân Niệp theo sách lược thắng được thì đánh, không thắng được thì chạy. Đến cuối tháng 3, quân Niệp từ thành Khảo ở Hà Nam tiến vào địa giới Sơn Đông. Tăng Cách Lâm Tầm sau khi bổ sung lực lượng, luôn truy đuổi phía sau quân Niệp. Quân Thanh vô cùng mệt mỏi, tướng lĩnh oán thán không ngớt.

Tăng Quốc Phiên khôn ngoan lão luyện thấy được hiểm họa trong cuộc truy đuổi như vậy bèn nói: “Đây là điều tối kỵ trong binh pháp”. Nhà Thanh cũng hạ chiếu nhắc Tăng Cách Lâm Tãm. Nhưng Tăng Cách Lâm Tãm cho rằng quân Niệp chỉ là đám thổ phỉ nên không chịu thu quân.

Sau khi tiến vào Sơn Đông, quân Niệp lại hành quân gần 2 tháng nữa, khi chạy lúc đánh, tiếp tục khiến quân Thanh mệt mỏi. Binh sĩ chết vì đói khát lên tới mấy trăm người. Tăng Cách Lâm Tãm mấy mươi ngày không rời yên ngựa, tay run chẳng cầm nổi cung, phải dùng vải buộc nâng tay lên.

Lại Văn Quang thấy thời cơ chín muồi bèn mai phục tại trại Cao Lô ở bờ nam sông Hoàng Hà (cách 40 dặm phía bắc Tp Hà Trạch, tỉnh Sơn Đông) chờ quân Thanh. Quân Thanh cuối cùng đuổi kịp quân Niệp tại địa khu Giải Nguyên Tập ở phía nam trại Cao Lô, Tăng Cách Lâm Tãm lập tức hạ lệnh công kích.

Quân Niệp vừa đánh vừa chạy, dụ quân Thanh tiến sâu vào vùng trại Cao Lô. Tăng Cách Lâm Tãm cho rằng Niệp quân đã rơi vào “tử địa” bởi trước mặt là quân Thanh, sau lưng là Hoàng Hà, không còn đường chạy nữa. Tăng Cách Lâm Tãm đặc ý, sai người truyền lệnh cho Tri phủ Tào Châu (TP Hà Trạch) chuẩn bị sẵn trâu, bò, lợn, dê để khao thưởng quan quân thắng trận.

Người truyền lệnh còn chưa kịp xuất phát đã nghe pháo lệnh vang trời, từ trong rừng liễu dài mấy chục dặm bên sông Hoàng Hà, vô số quân Niệp tràn ra tấn công.

Lại Văn Quang phát cờ lệnh, quân Niệp phân thành 3 cánh công kích. Quân Thanh hung hãn như thú tới đường cùng. 2 bên đánh hơn 2h, cánh quân phía tây của quân Niệp yếu thế vừa hay cánh quân Niệp ở giữa đã đánh bại quân Thanh, lập tức chi viện cho cánh tây. Cánh quân phía tây liền phản công, 2 lộ giáp công, tiêu diệt hết cánh tả quân Thanh. Cùng lúc, cánh hữu quân Thanh cũng bị đánh tan. Lại Văn Quang giơ cao đại đao dẫn ba lộ binh mã nhất tề tấn công hậu quân quân Thanh, khắp vùng chiến địa vang rền tiếng hò reo: “Bắt sống giặc Tăng”.

Tăng Cách Lâm Tãm hoảng sợ, vội dẫn tàn quân rút vào một cái trại bỏ hoang có tên là Hà Mật. Quân Niệp vây kín trại Hà Mật, sau đó đào hào bên ngoài, canh giữ cẩn mật nhằm đề phòng Tăng Cách Lâm Tãm trốn mất.

Canh ba đêm ấy, Tăng Cách Lâm Tãm liêu chết dẫn quân phá vây. Quân Thanh phần lớn bị giết, Tăng Cách Lâm Tãm dẫn bộ hạ thân tín bỏ chạy.

Khi Tăng Cách Lâm Tãm chạy đến Ngô gia điếm ở phía tây bắc cách Hà Trạch 15 dặm thì bị một chiến binh quân Niệp phát hiện và chém chết trong ruộng lúa.

“Thiện chiến giả chi thắng dã, vô kỳ thắng vô trí danh, vô dũng công ”

Người thiện chiến mà thắng trận thì không có chiến thắng kỳ dị, không có tiếng tăm vang lừng cũng chẳng có chiến công anh dũng.

Mặc Tử không đánh mà cứu được nước Tống

Cuối thời Xuân Thu Sở vương dùng Công Thâu Ban (tức Lỗ Ban) chế tạo ra câu liêm đánh bại nước Việt, do vậy Công Thâu Ban được trọng dụng. Năm đó Công Thâu Ban phát minh ra thang, Sở vương quyết định dùng thang tấn công Tống, cả nước trên dưới đâu đâu cũng nghe tiếng mài dao, Sở vương thấy thắng lợi đã nằm trong tay, lòng vô cùng đắc ý.

Tin tức truyền tới tai Mặc Tử, ông rất phẫn nộ trước hành động ý mạnh hiếp yếu này của Sở nên lên đường tới Sở, để thuyết phục Công Thâu Ban, khuyên Sở vương bãi chiến.

Gặp Công Thâu Ban, Mặc Tử nói: “Ở phía bắc có người làm nhục tôi, tôi muốn nhờ ngài đi giết hắn!”. Công Thâu Ban không đáp Mặc Tử tiếp: “Tôi xin tặng ngài ngàn lượng vàng để tạ ơn”. Công Thâu Ban cả giận đáp: “Ta không giết người!”. Mặc Tử nói: “Ngài nói đúng, chẳng qua tôi nghe ngài chế tạo thang để tấn công Tống, vậy Tống có tội gì chẳng?”.

Công Thâu Ban ngăn người, nói: “Thang đã làm rồi, nhưng...”, Mặc Tử tiếp lời: “Ngài không muốn giết một người, nhưng lại muốn giúp Sở vương tấn công một nước, giết vô số người vậy gọi là nghĩa chẳng?”. Công Thâu Ban ghen lời. Mặc Tử khuyên nên ngưng chiến, Công Thâu Ban lúng túng: “Nhưng, tôi đã hứa với Sở vương, nhà vua đã quyết định đánh Tống”. Mặc Tử xin Công Thâu Ban đưa mình tới gặp Sở vương. Công Thâu Ban đành lấy quần áo sạch cho Mặc Tử thay rồi dẫn ông tới gặp Sở vương.

Mặc Tử gặp Sở vương, Sở vương nói: : “Tiên sinh cứ nói”. Mặc Tử nói: “Trước kia có 1 người, không cần xe đẹp mà lại đi trộm xe nát của hàng xóm, không cần gấm lụa lấy trộm áo rách của hàng xóm, không cần gạo thịt lại lấy cắp cám nhà hàng xóm. Sở vương bật cười nói: “Người này hẳn mắc bệnh ăn cắp vặt”.

Mặc Tử nói: “Đất Sở rộng 5000 dặm, đất Tống chỉ có 500 dặm, đất Sở dân giàu nước mạnh, đất Tống thiên tai quanh năm, chẳng khác nào là gạo thịt với trâu cám... Theo thần, đại vương tấn công Tống cũng giống vậy”, Sở vương gật đầu tán đồng, nhưng nói: “Thang đã làm xong, dù sao cũng phải thử”.

Mặc Tử nói: “Thành bại thực khó nói, nếu đại vương không tin, thì có thể thử ngay tại đây”, Sở vương hiếu kỳ, bèn sai người đi lấy mấy chục phiến gỗ mà Mặc Tử cần, Mặc Tử lại cởi dây lưng ra.

Mấy chục phiến gỗ chia làm hai, một nửa cho Công Thâu Ban, một nửa cho Mặc Tử, làm công cụ công và thủ thành. Dây lưng uốn thành hình vòng cung làm tường thành. Công Thâu Ban tấn công trước. Hai người như đang đánh cờ, bên này tiến, bên kia thoái.

Cả hai đấu hồi lâu, nhưng Sở vương không hiểu gì cả, chỉ thấy sau cùng Công Thâu Ban dừng tay. Mặc Tử lại thay đổi hướng dây lưng, lần này ông tấn công. Cách thức cũng giống nhau mà đánh một hồi, phiến gỗ của Mặc Tử đã tiến vào bên trong vòng cung. Sở vương vẫn không hiểu, chỉ thấy Công Thâu Ban đặt gỗ xuống, sắc diện khó coi thì biết ông ta công thủ đều hỏng, Sở vương cũng cảm thấy mất hứng.

Mặc Tử trầm tĩnh, cất giọng nói: “Tôi biết làm sao để có thể thắng ông và cũng biết ông muốn gì để có thể thắng tôi nhưng tôi không nói”. Công Thâu Ban lộ vẻ ngỡ ngàng, Sở vương ngạc nhiên: “Các ông đang nói cái gì vậy?”, Mặc Tử quay lại đáp: “Công Thâu Ban muốn giết thần; ông ta cho rằng giết được thần thì có thể tấn công nước Tống”, Sở vương kinh ngạc.

Mặc Tử tiếp: “Nhưng thần đã đem cách này dạy cho các đệ tử của thần. Nay tại Tống có Cầm Hoạt Ly và 300 người cầm vũ khí của thần để giữ thành. Cho nên giết thần cũng vô ích”.

Sở vương nghe xong tức giận nói: “Vậy thì không đánh Tống nữa”. Mặc Tử trả lại y phục cho Công Thâu Ban, mặc lại bộ quần áo rách nát khi tới đây, vui mừng quay về nước Lỗ.

Nào ngờ Mặc Tử vừa bước chân vào địa giới nước Tống, thì bị quân sĩ nước Tống nghi là gián điệp mà đuổi đi. Mặc Tử cứu nước Tống, nhưng người Tống không ai hay biết Mặc Tử đội mưa gió về tới nước Lỗ, ốm một trận liệt giường.

“Thiện chiến giả, lập vu bất bại chi địa, nhi bất thất địch chi bại dã ”

Người thiện chiến, luôn để mình ở nơi không bại mà không bỏ lỡ cơ hội đánh bại quân địch.

Lý Tự Thành không bỏ lỡ cơ hội đánh thẳng quân Minh

Tháng Tư năm Sùng Trinh thứ 15 (năm 1642) quân khởi nghĩa nông dân do Lý Tự Thành làm thủ lĩnh, sau khi chiếm trấn Chu Tiên, lại kéo về vây thành Khai Phong. Chư vương Chu Cung Hiếu không còn viện binh bèn động viên địa chủ hào phú trong thành tổ chức võ trang cố chống cự.

Thành Khai Phong tường cao hào sâu, Lý Tự Thành 2 lần công thành thất bại nên chọn sách lược chỉ vây không đánh.

Khi quân Lý Tự Thành mới bắt đầu vây thành, vua Minh Chu Do Kiềm hạ lệnh cho Binh bộ thị lang Tôn Truyền Đình, tổng đốc Thiểm Tây điều động ba phía binh mã tới cứu viện Khai Phong, Tôn Truyền Đình vì chưa tập trang đủ quân nên không đến kịp. Hạ tuần tháng Chín, do triều đình bức bách nên họ Tôn mới vội dẫn quân rời ải Đồng Quan.

Tháng 10, Tôn Truyền Đình hành quân tới huyện Hiệp (tỉnh Hà Nam) trời đổ mưa to, xe lương ngập trong bùn không theo quân được, binh lính đành hái trái xanh ăn cho đỡ đói. Lúc này kỵ binh trinh sát tới báo Lý Tự Thành đã mang quân tới, Tôn Truyền Đình lệnh cho tổng binh Ngưu Thành Hồ đem quân dụ đánh, chỉ được thua, không cho thắng.

Y còn lệnh cho tổng binh Cao Kiệt, Đặng Gia Đống, Tả Nương chỉ huy ba cánh quân trung, hữu, tả mai phục tại đường núi. Ngưu Thành Hồ giao chiến không lâu giả thua rút lui, Lý Tự Thành chỉ huy các tướng truy kích. Đuổi gần 2 dặm, chợt hai bên núi tiếng trống vang rền, hai cánh quân mai phục của Tả Nương Đặng Gia Đống đổ ra chém giết.

Lý Tự Thành biết mình mắc mưu, nhưng bình tĩnh nghĩ kế đánh lại. Ông lệnh các tướng chia quân nghênh chiến còn ở giữa bình tĩnh chỉ huy, cuộc chiến đang ác liệt, phía trước tiếng trống lại vang lên. Cao Kiệt cùng quân mã của y đánh thẳng vào trong trận. Ngưu Thành Hồ lúc này cũng quay lại phản kích.

Tôn Truyền Đình đứng ở trên cao đốc chiến, chỉ huy bốn cánh quân hợp đồng tác chiến. Lý Tự Thành cùng quân sĩ dốc sức chiến đấu. Cuối cùng địch nhiều ta ít, khó giành được thắng lợi, Lý Tự Thành biết quân Minh nhin đói đánh trận, đã rất mệt, ông liền hạ lệnh lui quân về hướng Đông và

đem rải quần áo, lương thực cùng vàng bạc châu báu trên đường. Quân Minh thấy vậy bèn tranh nhau cướp lấy, đội hình liền hỗn loạn.

Lý Tự Thành chẳng để mất thời cơ, chỉ huy nghìn quân quay lại phản kích. Lúc này, La Nhữ Tài cũng chỉ huy nghĩa quân đến kịp, phối hợp cùng Lý Tự Thành, giáp kích quân Minh. Quân Minh đội ngũ rối loạn không thể ứng chiến. Cánh quân do Tả Nhượng chỉ huy tan rã trước, các cánh quân còn lại cũng tháo chạy.

Lý Tự Thành trong khoảnh khắc bất lợi, đã lợi dụng nhược điểm của địch khiến chúng sai lầm, đã không bỏ lỡ cơ hội đánh bại địch. Nghĩa quân giành hết thắng lợi này tới thắng lợi khác.

“Thắng binh tiên thắng nhi hậu cầu chiến ”

Quân chiến thắng là quân trước nhất phải nắm chắc thắng lợi, sau đó mới tìm địch giao chiến.

Tùy Văn Đế lấy yếu chống mạnh, diệt nước Trần

Năm Đại Định thứ nhất thời Bắc Chu (năm 581), tướng quốc Chu là Dương Kiên lấy danh “được nhường ngôi”, tự lập hoàng đế, dựng nên triều Tùy. Dương Kiên muốn thôn tính nước Trần ở Giang Nam, thống nhất thiên hạ. Nhưng, Đột Quyết ở phương bắc không ngừng quấy rối, uy hiếp Trung Nguyên, vì thế Tùy Văn đế đề ra sách lược trước đánh Đột Quyết, sau diệt nước Trần.

Khi nhà Tùy đánh phá Đột Quyết, Dương Kiên giả ý hữu hảo với Trần, bắt được gián điệp của Trần, không giết mà còn tặng áo, thưởng ngựa cho về.

Sau vài lần bị Tùy khôn khéo lừa, Trần Hậu chúa lơ là cảnh giác, cho rằng Giang Nam có Trường Giang hiểm yếu làm chỗ dựa, quân Tùy không thể vượt mà tiến xuống phía Nam, cho nên chìm đắm trong tửu sắc, không màng triều chính. Chuyện nước nhà đều để thái giám xử lý.

Sau khi đánh bại Đột Quyết, nhà Tùy chuẩn bị diệt Trần. Dương Kiên hỏi Thượng thư Tả bộc xạ Cao Cảnh có kế gì diệt Trần, Cao Cảnh nói: “Đất Giang Bắc khí hậu lạnh lẽo, nên việc thu hoạch luôn chậm hơn Giang Nam, ta có thể tập trung điều động binh lực tuyên chiến khi Giang Nam thu hoạch mùa màng. Đối phương ắt phải chiêu mộ binh lính, như thế sẽ phải bỏ phế việc thu hoạch. Sau khi binh mã đối phương được tập trung, chúng ta liền thu binh giải giáp. Cứ thế vài lần, quân Trần cho đó là việc thường, khi ta thực dùng binh, đối phương còn nghi hoặc, khi chúng do dự, quân ta bất ngờ vượt sông. Kho lương ở Giang Nam phần nhiều bằng tre trúc, ta có thể cho người đi đốt, đợi chúng sửa xong rồi lại đốt, cứ thế vài năm, nước Trần sẽ kiệt quệ”.

Dương Kiên cả mừng, liền thực thi kế sách này. Từ đó về sau, việc thu hoạch mùa màng của nước Trần giảm đi, kinh tế suy yếu, quốc lực kiệt quệ.

Vì yêu cầu vượt sông tác chiến, Dương Kiên từ lâu đã sai Dương Tố làm tổng quản Tín Châu (Phụng Tiết, tỉnh Tứ Xuyên), huấn luyện quân thủy, chế tạo chiến hạm. Chiến hạm đóng thành loại lớn được gọi là “Ngũ nha” có thể chứa 800 người, chiến hạm cỡ trung gọi là “Hoàng long” có thể chứa

trăm người. Dương Tố còn cố ý đem phế liệu thả trôi xuống nhằm dọa người Trần khiến lòng quân khiếp nhược. Tổng quản Châu Ngô là Hạ Nhã Bật đóng binh bên sông cũng chọn sách lược làm mỗi một quân Trần bằng cách mỗi lần đổi gác đều kéo cờ lớn, bài binh bố trận. Quân Trần tưởng quân Tùy sắp vượt sông bèn vội điều quân chuẩn bị.

Quân Trần sau khi biết đối phương đổi gác, vừa mới an lòng, lại thấy bên bờ Giang Bắc bụi đất bay mù mịt, người ngựa reo hí vang trời, quân Trần lại lần nữa chuẩn bị nghênh chiến. Không lâu sau lại có tin báo đó là Hạ Nhã Bật mang quân đi sẵn. Cứ như thế, quân Trần không cảnh giác trước hành động của quân Tùy nữa.

Tình hình biên giới căng thẳng như vậy, mà Trần Hậu chúa vẫn chìm đắm trong tửu sắc, không lưu tâm triều chính. Thái thị lệnh Chương Hoa liêu chết tâu lên, ông kể lại công lao vĩ đại của tổ tiên Nam Trần, chỉ trích Trần Hậu chúa tin gian thần, phế bỏ trung thần, nếu không tỉnh ngộ “thần kiến mi lộc phục du vu Cô Tô hĩ!” (tạm dịch: “thần thấy con nai và con hươu lại về với Cô Tô! - Câu này trích dẫn lời Ngũ Tử Tư can gián Ngô vương Phù Sai thời Xuân Thu, ý nói nếu Trần không đổi mới, thì sẽ bị diệt vong như Ngô vậy). Trần Hậu chúa cả giận, lệnh chém đầu Chương Hoa.

Năm Khai Hoàng thứ 8 (năm 588) nhà Tùy, Dương Kiên cho rằng đã chuẩn bị đầy đủ và thắng lợi đã nắm chắc trong tay, bèn chọn sách lược “Tiên thanh hậu thực” (nói trước, đánh sau), công khai hạ chiếu thư, nói rõ 21 tội của Trần Thúc Bảo, in thành 30 vạn tờ rải khắp Giang Nam, tranh thủ sự ủng hộ của quân dân Giang Nam.

Tháng 10 cùng năm, Tùy Văn đế Dương Kiên lệnh cho Tấn vương Dương Quảng, Tần vương Dương Tuân, Thanh Hà công Dương Tố làm nguyên soái hành quân, do Dương Quảng chỉ huy các quân. Tả bộc xạ Cao Cảnh làm Tấn vương nguyên soái trưởng sử, chỉ huy 51 vạn tám ngàn quân thủy, bộ nhất tề chia làm 8 lộ tấn công nước Trần từ thượng, trung, hạ du sông Trường Giang.

Trước khi xuất quân, Tùy Văn đế sai lính giam lỏng sứ giả nước Trần để phòng bí mật tiết lộ. Tháng 11, ông đích thân tới Định Thành tuyên thệ trước khi xuất trận, tuyên bố đánh Trần.

Tháng Chạp, các lộ quân tập kết tại bờ bắc Trường Giang. Cùng lúc, phái nhiều gián điệp lọt vào nước Trần tiến hành phá hoại, quấy nhiễu khiến

quân dân nước Trần ngày đêm kinh sợ. Dương Tố thống lĩnh thủy quân xuất chiến, cờ xí chiến hạm đầy sông, thuận dòng tới thẳng bến Lưu Đầu. Tướng Trần là Thích Hân dẫn hơn 100 chiến hạm Thanh Long trấn giữ lại bến Lang Vĩ Hùng Hạ du. Bến Lang Vĩ địa thế hiểm trở, dễ thú khó công. Dương Tố nói: “Thẳng thua là ở đây, ban ngày tấn công dễ bị quân Trần biết rõ hư thực; chi bằng hãy đánh ban đêm”.

Đêm hôm sau, Vương Trường Tập mang bộ binh từ bờ nam tập kích dinh phủ của Thích Hân, đại tướng quân Lưu Nhân Ân mang kỵ binh từ bờ bắc công kích quân trấn thủ bến Lang Vĩ. Dương Tố chỉ huy mấy ngàn chiến thuyền Hoàng long lạng lẽ xuôi dòng.

Sáng sớm, quân Tùy giáp kích, thủy lục đều công, quân Trần bị bắt làm tù binh toàn bộ, chỉ có Thích Hân chạy thoát. Sau khi nghỉ ngơi một ngày, Dương Tố lại dẫn hơn 1000 chiến thuyền lớn nhỏ theo dòng mà xuống. Nào ngờ, hạm đội đến Kỳ Đình thì bị Nam Khang nội sứ Lã Trọng Tiêu giăng xích sắt dưới sông chặn lại, đôi bên đánh nhau mười mấy trận nhưng quân Tùy vẫn chưa vượt qua nổi. Dương Tố và Lưu Nhân Ân chỉ huy một phần binh lực bên bờ, phối hợp với thủy quân, tấn công quân Trần ở bờ bắc cuối cùng vào tháng Giêng năm Khai Hoàng thứ 9, quân Trần bị đánh bại, hạm đội của Dương Tố lại theo dòng mà xuống.

Tin tức quân Tùy tấn công truyền về kinh đô nước Trần nhưng đều bị Thi Văn Khánh, Thẩm Khách Khách giữ chức chương quản cơ mật giấu kín. Cả hai nói với Trần Hậu chúa rằng quân Tùy quấy nhiễu là sự thường, tướng sĩ biên ải có thể ứng chiến.

Khi gián điệp quân Tùy hoạt động khắp nơi, có người đề nghị nên tăng cường phòng thủ Kinh Khẩu và Thái Thạch thì Trần Thúc Bảo nói: “Vương khí ở đây đang vượng, Bắc Tề 3 lần tấn công, Bắc Chu 2 lần xâm phạm còn thất bại, huống hồ là Dương Kiên!”. Thượng thư Khổng Phạm đứng cạnh cũng nói: “Trường Giang mênh mông, từ xưa tới nay ngăn cách nam bắc, chẳng lẽ mấy cái thuyền nát của quân Tùy có thể bay qua được ư! Trần Hậu chúa đắc ý cười lớn. Rồi vẫn uống rượu ngâm thơ, chẳng màng tới chính sự.

Mùng 1 tháng Giêng năm Khai Hoàng thứ chín (năm 589), Dương Quảng tới Lục Hợp chỉ huy quân Tùy vượt sông, Hạ Nhã Bật từ Quảng Lăng, Hàn Cầm Hồ từ Hoàn Giang nhất tề mang quân vượt sông. Quân Trần nhân dịp năm mới đều uống rượu say mèm, không thể chống cự, quân

Tùy dễ dàng chiếm lĩnh Kinh Khẩu và Thái Thạch, hai cánh quân Hạ Nhã Bật và Hàn Cầm Hồ gấp hành quân, đông tây giáp kích Kiến Khang. Quân Tùy vùng thượng du cũng chia đường mà xuống, thành Kiến Khang bị cô lập hoàn toàn. .

Lúc này Trần Hậu chúa mới hoảng sợ, tuy quân đội còn hơn 10 vạn binh mã, nhưng chỉ biết than thở cả ngày mà không biết ứng phó thế nào. Ngày 20 tháng Giêng, Trần Thúc Bảo hạ lệnh xuất chiến khi chưa tính toán kỹ và chưa xác định rõ thống soái chi huy quân đội. Hạ Nhã Bật tập trung binh lực đánh một phần quân Trần trước, các cánh quân của Trần hành động tùy tiện, một cánh tan rã toàn quân theo đó tan rã. Quân Tùy thừa thắng, đánh thành Kiến Khang. Cùng lúc, Hàn Cầm Hồ cũng thắng trận tại Chu Tước môn, dẫn quân vào thành. Trần Hậu chúa dắt ái phi trốn vào giếng cạn, bị quân Tùy phát hiện bắt làm tù binh.

Tùy Văn đế không quá 4 tháng đã thống nhất Trung Nguyên.

“Bại binh tiên chiến nhi hậu cầu thắng”

Quân bại trận luôn mạo hiểm giao chiến với địch trước, rồi sau đó mới cầu may thủ thắng.

Minh Anh Tông đánh giặc cầu may, bị bắt làm tù binh

Mùa thu năm Minh Chính Thống thứ 14 (năm 1449) thành Bắc Kinh chợt có tin cấp báo từ biên ải trở về, rằng quân Ngôã Thích xâm lăng. Lúc này, Ngôã Thích đã thống nhất Mông cổ, binh lực hùng mạnh, thường bất ngờ xâm chiếm.

Tại Tử Cấm thành, Minh Anh Tông vô cùng lo lắng, vội thỉnh Ti Lễ giám thái giám Vương Chấn tới bàn bạc. Vương Chấn nguyên là người Uất Châu (huyện Uất tỉnh Hà Bắc) được triệu vào cung làm quan, vì tài giỏi nên Tuyên Tông hoàng đế sai đi hầu hạ thái tử Chu Kỳ Trấn. Khi Anh Tông Chu Kỳ Trấn kế vị, mới 9 tuổi nên mọi sự đều nhờ Vương Chấn. Vương Chấn từ từ thâm tóm quyền lực quốc gia.

Nay Chu Kỳ Trấn đã 23 tuổi mà vẫn nghe theo mọi sự sắp đặt của Vương Chấn. Vương Chấn trước mắt mua chuộc lòng tin của Anh Tông, sau lưng thì buôn quan bán tước, kết bè phái, khiến triều chính rối loạn. Nhưng Chu Kỳ Trấn vẫn tin tưởng, kính trọng y.

Wương Chấn vào cung, thấy Anh Tông buồn rầu thì cười lớn, nói: “Quân Ngôã Thích ít ỏi có gì đáng ngại. Chỉ cần hoàng thượng ngự giá thân chinh, đại quân thiên triều vừa tới, Ngôã Thích sẽ khiếp sợ bỏ chạy”.

Chu Kỳ Trấn tưởng thật, quyết định xuất chinh. Các quan nghe tin này đều kinh ngạc, cho rằng như thế quá mạo hiểm. Nhưng Anh Tông chỉ nghe theo lời sàm tấu của Vương Chấn, cho rằng mình đích thân chỉ huy 50 vạn quân, đánh 1 trận có thể thắng lợi, vì thế hạ lệnh chém đầu những ai dám can gián.

50 vạn quân đều là quân mới chiêu mộ, tướng không biết quân, quân chẳng quen vũ khí. Khi hành quân đội ngũ tán loạn. Minh Anh Tông lại cho rằng mình đích thân chỉ huy, quân Ngôã Thích ắt sẽ hoảng sợ mà chạy, do đó, cùng Vương Chấn sánh vai mà tiến.

Đại quân rời khỏi ải Cư Dung đi về phía tây, tiến vào vùng núi, đường sá khúc khuỷu lại thêm mưa gió suốt ngày, tướng sĩ vội vã chiêu tập, chưa kịp chuẩn bị áo lạnh nên vừa rét vừa đói.

Rất nhiều đại thần tới can ngăn thỉnh cầu không nên liều tiến. Vương Chấn không hiểu việc quân, chẳng những không nghe, lại còn giận dữ trách phạt. Thủ lĩnh Ngôã Thích là Dã Tiên hay tin quân Minh tiến về phía bắc, liền chọn cách dụ địch vào sâu, giả rút quân đi, chờ đợi cơ hội.

Anh Tông chẳng có chủ kiến, để mặc Vương Chấn sắp đặt, khi quân tới Đại Đồng, chưa kịp nghỉ ngơi đã hạ lệnh tiếp tục hành quân về phía bắc. Lúc này lương thảo trong quân đã cạn, nhiều binh sĩ chết đói, toàn quân hỗn loạn. Dã Tiên dò biết tình hình này liền mai phục tại hẻm núi bao vây quân Minh đi tiên phong. Tây Ninh hầu Chu Anh và Võ Tiến bá Chu Miện mang quân tiếp viện lại trúng mai phục, toàn quân tan rã.

Tin thất trận truyền tới, Anh Tông sợ hãi, Vương Chấn cũng kinh hãi. Y vốn cho rằng đại quân vừa tới thì quân Ngôã Thích sẽ khiếp sợ, nào ngờ Dã Tiên lại tấn công. Tâm phúc của Vương Chấn, quan trấn thủ tại Đại Đồng là Quách Kính thấy vậy bèn ngầm báo cho Vương Chấn, đề nghị lui quân. Vương Chấn vội hạ lệnh rút quân về Uất Châu.

Uất Châu là quê hương của Vương Chấn, mấy năm nay y đã dùng tiền tham nhũng xây dựng cung điện tại đây, y muốn mời Anh Tông tới nhà để khoe khoang uy thế. Binh mã rời khỏi Đại Đồng được 40 dặm, Vương Chấn chợt nghĩ 50 vạn đại quân đi qua Uất Châu ắt sẽ làm hỏng ruộng vườn nên đổi ý, hạ lệnh tiến về phía bắc, rồi từ phía bắc trở về kinh đô.

Trời đang tháng Tám, khí hậu khô hanh. 50 vạn quân đã cạn lương, đói khát, chết vô số. Dã Tiên hay tin quân Minh rút lui, vội mang 2 vạn tinh kỵ binh vượt Trường Thành truy kích. Khi tới Tuyên Phủ (Tuyên Hoá, tỉnh Hà Bắc) thì đuổi kịp. Vương Chấn hoảng hốt sai Thành quốc công Chu Dũng mang 3 vạn kỵ binh chông trả, bị quân Ngôã Thích đánh tan, Chu Dũng tử trận.

Lúc này quân Minh đã tới Thổ Mộc cách thành Hoài Lai 20 dặm. Vương Chấn phát hiện hơn một ngàn xe tài vật mà y vợ vét ở Đại Đồng chưa tới. Liền hạ lệnh toàn quân hạ trại đóng quân tại Thổ Mộc. Địa thế quanh Thổ Mộc khá cao, khô hạn, nguồn nước ngoài 15 dặm đã bị quân Ngôã Thích chiếm. Tướng sĩ hành quân ngàn dặm đều vô cùng đói khát lại không có nước uống nên rủ nhau đào giếng, nhưng đào liền mấy cái cũng không kiếm ra 1 giọt nước.

Thượng thư bộ binh Quảng Dã được tin Dã Tiên đem 2 vạn kỵ binh tới Thổ Mộc và bắt đầu tiến đánh, thì chỉ sợ Anh Tông gặp chuyện không may, 2 lần thỉnh cầu Anh Tông rút vào thành Hoài Lai đều bị Vương Chấn giấu nệm không báo. Quảng Dã thấy tình thế nguy cấp, liền xông vào, Vương Chấn sai người chặn lại và quát: “Hủ nho không hiểu việc quân lại dám nói xằng khiến lòng quân bất an, lập tức chém đầu”. Quảng Dã cùng vài vị trung thần ôm đầu than khóc. Sáng sớm hôm sau, Dã Tiên chỉ huy kỵ binh tấn công Thổ Mộc. Đô chỉ huy sứ Quách Mậu liền chết chống cự. Ngày 15/8, Dã Tiên vội rút quân, sai sứ xin giảng hoà. Anh Tông, Vương Chấn cả mừng vội sai sứ bàn định các điều khoản nghị hoà với Dã Tiên, tiếp nhận vô điều kiện mọi yêu cầu của Dã Tiên.

Vương Chấn thấy Dã Tiên đồng ý giảng hoà liền tưởng thật, truyền lệnh nhổ trại tìm nước uống. Mấy chục vạn quân Minh được lệnh tranh nhau chạy tới bờ sông. Dã Tiên thấy quân Minh hỗn loạn, liền hạ lệnh tấn công. Kỵ binh tinh nhuệ của Ngôã Thích như hổ đói giữa đàn cừu, mặc sức chém giết. Thổ Mộc và chân núi Lang Sơn biến thành bể máu. Hộ vệ tướng quân Phàn Trung thấy quân Minh tan rã, cả giận quát: “Ta vì thiên hạ mà chu diệt gian tặc này!” rồi bổ chùy vào đầu Vương Chấn. Anh Tông không thể đào tẩu bèn ngồi xuống quay mặt về phía nam, bị quân Ngôã Thích bắt sống.

Trận Thổ Mộc, Vương Chấn làm mất nước, kinh suất tiến quân khiến Anh Tông bị bắt, mấy chục vạn quân bị giết, hơn 50 đại thần tử nạn. Lịch sử gọi trận này là “biến cố” Thổ Mộc.

THIÊN V: THẾ

Phàm trị chúng như trị quả, phân số thị dã; đấu chúng như đấu quả, hình danh thị dã; tam quân chi chúng, khả sử tất thụ địch nhi vô bại giả, kỳ chính thị dã. Binh chí sở gia, như dĩ đoạn đầu noãn giả, hư thực thị dã.

Phàm chiến giả, dĩ chính hợp, dĩ kỳ thắng, cố thiện xuất kỳ giả, vô cùng như thiên địa, bất kiệt như giang hà. Chung nhi phục thủy, nhật nguyệt thị dã. Tử nhi phục sinh, tứ thời thị dã. Thanh bất quá ngũ, ngũ thanh chi biến, bất khả thắng thính dã. Sắc bất quá ngũ, ngũ sắc chi biến, bất khả thắng quan dã. Vị bất quá ngũ, ngũ vị chi biến, bất khả thắng thường dã. Chiến thế bất quá kỳ chính, kỳ chính chi biến, bất khả thắng cùng dã. Kỳ chính tương sinh, như hoàn chi vô đoạn, thực năng cùng chi?

Kích thủy chi tậ, chí ư phiêu thạch giả, thế dã; chí điều chi tậ, chí ư hủy chiết giả, tiết dã. Thị cô thiện chiến giả, kỳ thế hiểm, kỳ tiết đoán. Thế như hoắc nỗ, tiết như phát cơ.

Phân phân vân vân, đấu loạn nhi bất khả loạn dã; hỗn hỗn độn độn, hình viên nhi bất khả bại dã. Loạn sinh ư trị, khiếp sinh ư dũng, nhược sinh ư cường. Trị loạn, số dã; dũng khiếp, thế dã; cường nhược, hình dã. Cố thiện động địch giả: hình chi, địch tất tòng chi; dữ chi, địch tất thủ chi. Dĩ lợi động chi, dĩ tốt đãi chi.

Cố thiện chiến giả, cầu chi ư thế, bất trách ư nhân, cố năng trạch nhân nhi nhiệm thế. Nhiệm thế giả, kỳ chiến nhân dã, như chuyển mộc thạch. Mộc thạch chi tính, an tắc tĩnh, nguy tắc động, phương tắc chỉ, viên tắc hành, cố thiện chiến nhân chi thế, như chuyển viên thạch ư thiên nhận chi sơn giả, thế dã.

Dịch nghĩa:

Điều khiển số đông cũng như điều khiển số ít, đó là vấn đề tổ chức biên chế quân đội. Chỉ huy số đông hay số ít, đó là vấn đề hiệu lệnh chỉ huy. Thống lĩnh toàn quân mà gặp địch tấn công không bị bại trận, ấy là nhờ thuật biến hoá kỳ chính. Dùng binh đánh địch như lấy đá chọi trứng, ấy là nhờ biết vận dụng chính xác tránh thực chọi hư.

Phàm việc tác chiến, dùng chính binh đối địch, dùng kỳ binh thủ thắng. Cho nên, người giỏi dùng binh sẽ biến hoá phép tác chiến như trời đất không bao giờ cùng, như sông biển không bao giờ cạn. Lặn rồi lại mọc, như là mặt trăng mặt trời; qua rồi lại tái, giống như 4 mùa thay đổi. Âm nhạc chẳng qua có 5 âm giai, nhưng biến hoá của âm giai nghe sao cho hết; sắc màu chẳng qua có 5 màu; nhưng biến hoá của 5 sắc nhìn sao cho tận; vị chẳng qua có 5 vị, nhưng biến hoá của 5 vị nếm sao cho đủ. Chiến thuật chẳng qua có kỳ và chính, nhưng biến hoá của kỳ và chính là vô cùng. Kỳ chính chuyển hoá lẫn nhau giống như vòng tròn không đầu không cuối, nào ai có thể lần ra đầu mối?

Nước lũ chảy xiết cuốn phăng phiến đá, là nhờ thế nước lũ. Chim ưng chỉ 1 cú vỗ đã xé nát con mồi, ấy là nhờ tiết chớp nhoáng. Nên người chỉ huy giỏi biết tạo nên cái thế hiểm, cái tiết chớp nhoáng thế hiểm giống như cung đã giương hết mức, tiết chớp thì giống như lấy nỏ phóng tên.

Trong lúc tác chiến, người ngựa rối ren mà không để cho bộ đội rối loạn. Hỗn độn mù mịt mà vẫn đâu ra đấy, vẫn duy trì được thế, tiết, để không bị bại.

Khiến địch hỗn loạn là do ta có tổ chức chặt chẽ; khiến địch khiếp sợ là do ta có lòng dũng cảm; khiến địch suy yếu là do ta có binh lực lớn mạnh. Chặt chẽ hay hỗn loạn là do tổ chức quyết định; dũng cảm hay khiếp sợ là do ưu thế tạo nên; lớn mạnh hay suy yếu là do thực lực đối sách lộ ra. Tướng giỏi biết điều động kẻ địch, nguy trang để dụ địch khiến kẻ địch di chuyển theo ý muốn của ta; dùng lợi nhỏ mà dụ địch, địch ắt đến để chiếm đoạt. Dùng cách đó mà điều động kẻ địch đến nộp mạng.

Người giỏi tác chiến là biết tạo nên tình thế có lợi, chứ không trách cấp dưới, biết chọn lựa và sử dụng nhân tài mà lạo lợi thế. Người giỏi lác chiến và tạo thế giống như lăn gỗ đá. Đặc tính của gỗ đá là ở chỗ bằng phẳng thì nằm nên, ở chỗ nghiêng dốc thì xô dịch, vuông thì dừng, tròn thì lăn. Cho nên người giỏi chỉ huy tác chiến giống như lăn hòn đá tròn từ trên núi cao vạn trượng xuống chân núi vậy. Đó chính là tạo thế vậy!

Tóm tắt nội dung:

Trong thiên này, Tôn tử chủ yếu bàn về việc trên cơ sở thực lực quân sự lớn mạnh hãy phát huy tài năng chỉ huy tác chiến của tướng soái, tích cực

sáng tạo và vận dụng tình thế có lợi để đánh bại kẻ địch.

Chữ thế là binh thế, nghĩa là người chỉ đạo chiến tranh căn cứ vào ý đồ tác chiến nhất định mà biến đổi đúng đắn chiến thuật và sử dụng linh hoạt binh lực để tạo nên tình thế tác chiến có lợi. Tôn tử chỉ ra rằng trong tác chiến đối địch, dù là tiến công hay phòng thủ, đều phải biết cách biến đổi binh lực và vận dụng kỳ chính. Tôn tử nói: “Thế chẳng qua là kỳ và chính, đánh trận thì phải dùng chính binh đối địch, dùng kỳ binh thủ thắng”.

Đồng thời, quan hệ giữa chính và kỳ lại là hư thực khó đoán, biến hoá khôn lường, về mặt vận dụng chiến thuật, đó là vấn đề đánh chính diện và đánh 2 bên sườn: về sử dụng binh lực, đó là dùng chính binh đối địch và dùng kỳ binh thủ thắng; về chỉ huy tác chiến, đó là sử dụng linh hoạt “thường pháp” và “biến pháp”. Chỉ có tướng giỏi mới có thể căn cứ vào tình hình chiến trường mà linh hoạt vận dụng. Do đó, Tôn tử đề cao “nhiệm thế”, đòi hỏi quân đội phải tạo “thế hiểm” như nước lũ và áp sát đối phương mà chớp nhoáng diệt địch (“tiết đoản”). Tôn tử cũng chỉ rõ thủ đoạn chủ yếu của “nhiệm thế”, là thông qua nguy trang và đánh lừa mà điều động kẻ địch theo ý ta. Luận điểm của Tôn tử về “thế” đầy tính chất biện chứng, có giá trị cao về triết học quân sự.

“Tam quân chi chúng, khả sử tất thụ địch nhi vô bại giả, kỳ chính thị dã”

Thống lĩnh toàn quân mà khi gặp địch tấn công không bị bại trận, ấy là nhờ thuật biến hoá kỳ chính

Ngô Lân đánh bại Hồ San

Thời Nam Tống, tháng 8/1114 (năm Tống Cao Tông Thiệu Hưng thứ 10), nước Kim phái 2 tướng Hồ San và Địch Bố Lộc đem hơn 5 vạn quân đánh biên giới phía tây nhà Tống, hạ trại tại Lưu Gia Khuyên.

Phó xứ Xuyên Thiểm Hồ Thế Tương vội triệu Tả hộ quân đô thống Ngô Lân, Xuyên Thiểm đô thống Dương Chính, Khu mật viện đô thống Quách Hoạt tới bàn cách đối phó. Ngô Lân nói rằng nếu giao cho ông 3 vạn tinh binh, ông có thể đánh bại quân Kim.

Hồ Thế Tương hỏi Ngô Lân dùng cách gì để đánh bại kẻ địch, Ngô Lân đáp: “Dùng điệp trận mới tập luyện xong để nghênh chiến, nếu không thành công, tôi nguyện lấy cái chết để báo quốc”.

Điệp trận là dùng kỳ binh ở 2 bên cánh, phía trước, đằng sau dàn đội trường thương, đội cung nỏ, bố trí chặt chẽ, khi tác chiến phối hợp ăn ý với nhau, đã đánh là khiến địch không kịp trở tay.

Hồ Thế Tương liền giao cho Ngô Lân hai vạn tám ngàn tinh binh đi nghênh chiến; lại cử Dương Chính đem quân tới Thượng Nguyên và Quách Hoạt đem quân tới Thương Châu để hỗ trợ khi cần.

Ngô Lân kéo quân tới Tần Châu, Dương Chính cũng tiến vào địa giới Lũng Châu, bày trận đối diện với quân Kim.

2 tướng Kim là Hồ San thì thiện chiến, Địch Bố Lộc thì nhiều mưu, cả hai dùng binh lão luyện, sớm đã chiếm địa hình có lợi, bố phòng nghiêm ngặt. Phía trước có núi cao che chắn, đằng sau có thành Lạc Gia làm chỗ dựa. Chúng cho rằng quân Tống không dám liều lĩnh tấn công.

Ngô Lân bàn kế sách với các tùy tướng. Bộ tướng Diêu Trọng nói: “Chiếm được chỗ cao thì thắng, chờ dưới đồng bằng tất bại”. Ngô Lân cho là phải liền lệnh 2 tướng Diêu Trọng, Vương Ngạn nửa đêm phải bí mật chiếm lĩnh điểm cao trên núi, sau đó nổi lửa làm hiệu tập kích doanh trại quân địch và phái bộ tướng Trương Sĩ Liêm đem quân theo đường nhỏ không chế thành Lạc Gia và dặn: “Cơ sở của địch là thành Lạc Gia, nếu

chúng bại trận, ắt sẽ chạy về đây. Người cần chặn không cho chúng chạy về thành”.

Hô San và Địch Bố Lộc cho rằng chúng đã chiếm được địa hình có lợi, ngày mai quân Tống đến giao chiến khác nào lấy trứng chọi đá, cho nên đêm đó chúng không phòng bị gì.

Điêu Trọng và Dương Ngạn nhận lệnh, đem quân đi ngay trong đêm. Đêm ấy trời đầy sương mù, quân Tống dễ dàng chiếm lĩnh các điểm cao trên núi xong xuôi, liền đốt vô số đồng lửa làm đỏ rực cả vùng núi.

Ngô Lân nghĩ: “Địch Bố Lộc đa mưu, tất đoán biết ý định quân Tống muốn đánh nhanh, sẽ không liều lĩnh xuất trận. Nhưng Hô San từng bách chiến bách thắng, sẽ không đồng ý với Địch Bố Lộc”. Do vậy Ngô Lân dùng 1 ít binh mã khiêu chiến ở chính diện để nhử địch kéo quân ra. Hô San quả nhiên xuất chiến. Ngô Lân chỉ huy bộ đội dùng điệp trận, đôi bên đánh nhau ác liệt.

Giữa lúc ấy, 1 tướng báo với Ngô Lân, rằng địch ở trên cao tràn xuống, quân ta ở địa thế bất lợi, nên lui về phía đồng bằng rộng lớn rồi tái chiến, may ra có thể thắng. Ngô Lân ngắt lời: “Quân ta lui tức là địch thắng. Hiện tại quân địch đã bắt đầu thua rồi, quyết không được hoảng sợ”.

Kỵ binh, bộ binh, trường thương, cung nỏ của quân Tống phối hợp chặt chẽ, như từng đợt sóng đánh ập vào quân Kim. Quân Tống trên cao điểm cũng tập kích phía sau, quân Kim trước sau đều gặp địch, cuối cùng thất bại. Quân Tống giết 630 tên, bắt sống 700 tên. Hô San biết Ngô Lân lợi hại, dẫn tàn binh chạy về thành Lạp Gia.

Quân Tống truy kích, bắt thêm mấy ngàn tên, bức hàng hơn 1 vạn. Nhưng Trương Sĩ Liêm chưa kịp đem quân ngăn chặn thành phía Lạp Gia, thành thử hai chủ soái của quân Kim rút chạy vào được trong thành. Quân Tống vây chặt Lạp Gia, ngày đêm công phá. Quân địch trong thành vô cùng lo sợ, chỉ ngày một ngày hai sẽ thất thủ.

Bây giờ triều đình lệnh Ngô Lân gấp đem quân trở về. Nếu không, hẳn Ngô Lân đã đại thắng, nhờ dùng kỵ binh lấy ít thắng nhiều.

“Binh chi sở gia, nhi dĩ đoạ đầu noãn giả, hư thực thị dã”.

Dùng binh đánh địch như lấy đá chọi trứng, là nhờ biết vận dụng chính xác tránh thực chọi hư.

Chu Đệ tránh “thực, chọn “hư” chiếm Kim Lăng

Năm Minh Hồng Vũ thứ 31 (năm 1398) Thái Tổ Chu Nguyên Chương qua đời, Hoàng Thái Tôn Chu Doãn Văn nối ngôi, năm sau đổi niên hiệu thành Kiến Văn. Các thân vương từng được Thái Tổ phong đất liền dấy binh đe dọa triều đình. Chu Doãn Văn liền theo kế sách “tiêu diệt chư phiên” (tiêu diệt từng thân vương) của Binh bộ thư Tề Thái và Thái thường khanh Hoàng tử Trùng.

Trong nửa năm, có 5 thân vương bị phế bỏ. Yên vương Chu Đệ thấy các thân vương khác bị hại, liền lấy danh nghĩa “trừng phạt gian thần Tề Thái và Hoàng tử Trùng để thanh lọc triều đình”. Tháng 7/1399 Chu Đệ dấy binh, giương cờ “Quân dẹp nạn” chống lại triều đình.

Chu Đệ chỉ huy quân Yên trước sau đánh bại 2 thống soái Minh triều là Cảnh Bính và Lý Cảnh Long, tiến quân về Tế Nam, những tướng thừa thắng có thể dễ dàng chiếm Tế Nam, không ngờ thành Tế Nam phòng thủ kiên cố, đánh 3 tháng chưa hạ được. Chu Đệ tính lui quân về Bắc Bình tạm nghỉ ngơi, quân trong thành cho rằng “Quân dẹp nạn” đã kiệt sức lại xông ra truy kích. Quân Chu Đệ thiệt hại nặng, kinh hoàng bỏ chạy.

Tháng Chạp năm sau, quân Yên với quân triều đình lại đánh nhau 1 trận lớn ở Đông Xương (Liêu Thành, tỉnh Sơn Đông). Yên vương Chu Đệ bị phục binh vây chặt, may được tùy tướng cứu, nhưng chủ tướng Trương Ngọc tử trận, quân Yên bị tổn thất 3 vạn người.

Năm Kiến Văn thứ ba, quân Yên lại tiến xuống phía nam, giao chiến với quân Minh triều. Đôi bên bất phân thắng bại.

“Quân dẹp nạn” đã tác chiến 3 năm, Chu Đệ thường xông pha trận tiền làm gương cho binh sĩ, nhiều phen nguy hiểm, vậy mà những thành ấp chiếm được sau khi lui quân lại bị quân triều đình đoạt lại, nay chỉ còn chiếm lĩnh 3 phủ Bắc Bình, Bảo Định, Vĩnh Bình. Chu Đệ cảm thấy sâu sắc rằng phải có kế lâu dài.

Vừa hay lúc ấy có người bị triều đình giáng chức đến xin hàng Chu Đệ và nói: Kim Lăng (tức Nam Kinh, đô thành của triều Minh) đang bỏ trống, nên thừa cơ tiến chiếm”. Thế là Chu Đệ quyết tâm đánh Kim Lăng.

Tháng Chạp năm đó, Chu Đệ đem quân rời Bắc Bình, vòng qua thành Tế Nam kiên cố, tránh những nơi phòng thủ nghiêm mật, tiến về Kim Lăng. Tháng 5 năm sau, quân Yên liên tiếp chiếm các thị trấn quan trọng ở phía bắc Trường Giang và tập trung chiến thuyền chuẩn bị xuống bờ nam.

Tháng 6, quân Yên dàn hết thủy chiến thuyền lớn nhỏ thu được của địch thành hàng chữ nhất ở bờ bắc Trường Giang, trên thuyền chở đầy binh sĩ, phất cờ gióng trống thề nam tiến. Quân Yên vừa sang, quân triều đình đã chạy tán loạn. Tướng giữ thành Trấn Giang mở cửa thành đầu hàng.

Tin Trấn Giang thất thủ báo về Kim Lăng. Chu Doãn Văn bối rối. Văn võ đại thần lo sợ, người tính bỏ chạy, kẻ định đầu hàng, bàn bạc hồi lâu vẫn không có kết quả.

Thị Giảng học sĩ Phương Lý Nhũ đề nghị cố thủ kinh thành chờ viện binh. Chu Doãn Văn nghe theo, hạ lệnh tháo dỡ tất cả các nhà dân ở bên ngoài, mang hết gỗ vào trong thành để quân Yên không có chỗ dựa, khó bề đánh lâu. Quân dân phải dỡ nhà, khiêng gỗ cực khổ, đói khát, chết vô số. Trăm họ ngoài thành oán hận, bèn nổi lửa đốt nhà để khỏi phải khiêng gỗ vào thành. Lửa cháy bùng bùng, lan rộng, làm sạt lở cả góc thành phía tây nam và đông bắc. Thế là binh lính lại bắt dân phải đi đắp lại tường thành.

Phương Lý Nhũ lại hiến kế giả bộ phái Tào quốc công Lý Cảnh Long đến gặp Chu Đệ cầu hoà trong lúc chờ viện binh. Chu Doãn Văn nghe theo.

Lý Cảnh Long vốn là bại tướng dưới tay Chu Đệ rụt rè trình bày ý muốn cắt đất cầu hoà với Chu Đệ, chưa nói hết lời đã bị Chu Đệ thấy rõ ý đồ. Trước khi ra về Chu Đệ giao cho hãn 1 tờ giấy viết rằng nếu Kiến Văn để đem những tên gian thần liệt kê trong giấy này đến giao cho Chu Đệ, thì Chu Đệ sẽ lập tức lui binh.

Lý Cảnh Long liếc qua tờ giấy dày đặc những tên họ, thấy ngay trên cùng có tên mình, cũng chẳng xem kỹ bên trong viết gì vội nhét ngay vào trong áo và cáo lui. Hãn vừa ra về thì Chu Đệ cũng lập tức chỉ huy binh mã tiến về phía Kim Lăng.

Đến dưới chân thành Kim Lăng, chưa kịp phát lệnh tấn công đã có người đến báo rằng Lý Cảnh Long đã mở cổng Kim Xuyên nghênh đón quân Yên vào kinh thành. Chu Đệ mỉm cười, biết Lý Cảnh Long muốn lập công chuộc tội.

Chu Đệ tiến vào thành. Các cổng thành khác thấy cổng Kim Xuyên đã mở, cũng không chống cự mà mở rộng thêm. 1 số quan trong triều nghe tin cũng lục tục đầu hàng.

Lúc này hoàng cung bốc cháy, Kiến Văn đế Chu Doãn Văn mất tích, Chu Đệ trở thành hoàng đế, chính là Minh Thành Tổ.

“Phàm chiến giả, dĩ chính hợp, dĩ kỳ thắng”

Phàm việc tác chiến, dùng chính binh đối địch, dùng kỳ binh thủ thắng.

Tần Vương dùng chính binh và kỳ binh thắng trận Trường Bình

Tần Chiêu vương muốn hoàn thành nghiệp bá, dùng sách lược “viễn giao cận công” (giao hảo với nước xa, tiến công nước gần) do Phạm Thư đề xuất, phía nam giao hảo với Sở, phía đông buộc Ngụy hàng phục. Năm Chu Noãn vương thứ 50 (năm 265 trước Công Nguyên) Tần Chiêu vương đem đại binh đánh Hàn là nước gần Tần hơn cả. Hàn Huệ vương kinh sợ, phái sứ thần sang Tần, nguyện hiến Thượng Đảng để cầu hoà.

Quận Thượng Đảng có địa giới tiếp giáp với hai nước Triệu, Ngụy. Thái thú Thượng Đảng của Hàn là Phụng Đình muốn chia mũi nhọn tiến công của Tần sang Triệu, bèn phái người sang báo với Triệu vương rằng mình sẵn sàng hiến quận Thượng Đảng cho Triệu, mời Triệu vương cử binh sang chiếm 17 thành ấp của Thượng Đảng.

Nước Hàn đã hiến Thượng Đảng cho Tần, không ngờ bị Triệu nuốt, Tần Chiêu vương cả giận. Phạm Thư nói: “Sở dĩ bệ hạ chưa hoàn thành bá nghiệp là vì còn có Triệu chưa hàng phục. Nhân thời cơ này nên cất binh chiếm Thượng Đảng rồi tiến sang phía đông diệt Triệu”.

Tần Chiêu vương nghe theo, lệnh cho Tả thứ trưởng Vương Hột đem quân tiến đánh Thượng Đảng. Quân Triệu ở đây non yếu, không địch nổi quân Tần, phải rút về Trường Bình.

Triệu vương hay tin quân Tần tiến sang phía đông, liền cử lão tướng Liêm Pha đem binh đến mặt trận Trường Bình ngăn chặn. Tháng 4/260 trước Công Nguyên, quân Liêm Pha tới Trường Bình, gặp đội tiên phong của quân Tần. Ngay trận đầu tiên quân Triệu thua, phó tướng Gia tử trận. Tháng 6, Triệu mất 2 thành, 4 đô úy bị giết.

Triệu vương hay tin định thân chinh ra tiền tuyến quyết chiến, quan Đại phu Lô Xương cho rằng không nên, khuyên Triệu vương cử một đại thần quan trọng sang Tần cầu hoà. Triệu vương liền cử đại thần Trịnh Chu sang Tần. Tần vương giả bộ trọng đãi Trịnh Chu, nhưng ngầm khẩn trương chuẩn bị diệt Triệu.

Nghe tin Tần Triệu giảng hoà nhau, quân Triệu không còn ý chí chiến đấu nữa, 2 nước Sở Ngụy cũng bỏ ý định liên hợp với Triệu để cứu Triệu.

Nước Tần đã loại trừ được nguy cơ chư hầu liên minh với nhau, thẳng tay đánh Triệu.

Sau khi giảng hoà không lâu, quân Tần từ Trường Bình lại mấy lần đánh xuống phía nam, quân Triệu thua, thêm 2 đô úy bị giết. Tháng 7, quân Tần chiếm Tây Lũy (phía bắc Cao Bình, tỉnh Sơn Tây).

Lão tướng Liêm Pha thấy Tần mạnh Triệu yếu, liền hạ lệnh dựa vào địa hình hiểm yếu, đào hào đắp lũy cố thủ, không ra giao chiến, chờ quân Tần mỏi mệt. Đồi bên giảng co hơn 4 tháng, tướng Tần Vương Hột tìm đủ cách khiêu chiến nhưng Liêm Pha kiên quyết cố thủ, không chịu đánh. Vương Hột đành phải báo với Tần vương.

Tần vương hỏi Phạm Thư. Phạm Thư đáp: “Phải dùng kế loại trừ Liêm Pha thì mới tiến quân được”. Đoạn Phạm Thư trình bày cụ thể cách dùng kế phản gián. Tần vương khen là diệu kế liền cho Phạm Thư xuất ngân khố, dùng rất nhiều lễ vật cho người đi khắp nước Triệu mà tung tin đồn, rằng nước Tần chỉ sợ nước Triệu cử Triệu Quát là con của Mã Phục quân Triệu Xa làm đại tướng chứ không sợ Liêm Pha đã già yếu nay mai sẽ hàng”. Tin đồn lan tới kinh đô Hàm Đan của Triệu.

Các đại thần vốn ghen ghét Liêm Pha liền tâu với Triệu vương. Triệu vương vốn không hài lòng về việc Liêm Pha lâu nay cứ cố thủ không chịu giao chiến, tướng lão tướng đã khiếp sợ, nay tin lời đồn là thực, bèn cử Triệu Quát đến Trường Bình thay Liêm Pha.

Quan Thượng khanh Lạn Tương đang dưỡng trọng bệnh ở tư dinh nghe vậy lập tức vào triều tâu với Triệu vương: “Triệu Quát chỉ giỏi lý luận sách vở, không biết vận dụng, chớ nên dùng”.

Triệu vương không nghe. Mẹ của Triệu Quát cũng tâu với vua là con mình không đủ tài làm tướng. Vua hỏi vì sao, bà đáp: “Hồi Triệu Xa còn sống từng bảo rằng chiến trận là đại sự, liên quan đến sự tồn vong của quốc gia, mà Triệu Quát lại cho là việc quá dễ dàng. Nếu nước Triệu ta cử nó làm tướng, chắc chắn sẽ thất bại”. Triệu vương nói: “Trong nước chẳng còn ai có thể làm tướng bằng Triệu Quát. Ý trẫm đã quyết, người đừng nhiều lời”.

Triệu Quát đem viện binh tới Trường Bình vừa nhậm chức đã tự thị lập tức loại bỏ toàn bộ cách bố phòng của Liêm Pha và chuẩn bị tiến công để đánh bại quân Tần.

Tần Chiêu vương được tin Triệu Quát thay Liêm Pha thì cả mừng, bí mật phái Võ An quân Bạch Khởi làm thượng tướng lẫn lộn đến Trường Bình chỉ huy thay cho Vương Hột, còn Vương Hột trở thành tùy tướng. Tần Chiêu vương ra lệnh: ai để lộ tin này sẽ bị nghiêm trị.

Tháng 8, Triệu Quát xuất binh đại qui mô. Bạch Khởi biết Triệu Quát khinh địch và hiếu thắng, bèn dùng kế dụ địch vào sâu để bao vây tiêu diệt. Quân Tần vừa giao chiến đã giả bộ chạy. Triệu Quát thừa thắng, chẳng suy xét thực hư, thúc quân truy kích. Được một quãng, có tướng can ngăn: “Quân Tần sao lại dễ dàng thua chạy vậy, e có gian kế”. Triệu Quát tự đắc, thúc đại quân đuổi theo đến tận đại doanh của quân Tần. Tới đây quân Tần nhờ có hào sâu bên ngoài doanh trại, nên dừng lại chống cự.

Quân Triệu phía trước bị hào lũy chặn đường tiến, phía sau bị kỵ binh chặn đánh, bị bao vây ở giữa, đường tiếp tế lương thảo bị cắt đứt. Triệu Quát mấy lần tổ chức phá vây đều vô hiệu, buộc phải dựng thành lũy cố thủ, chờ viện binh.

Đến tháng 9, quân Triệu Quát đã thiếu lương thực 46 ngày, doanh trại không còn gì để ăn, nội bộ đã có cảnh ngăm giết nhau vì miếng ăn. Tuyệt vọng, Triệu Quát mặc áo giáp dày, đích thân dẫn tinh binh phá vây. Nhưng mới tiến ra đã bị loạn tiễn của quân Tần bắn chết. Toàn bộ 40 vạn quân Triệu đói khát phải qui hàng.

"Thiện chiến giả, kỳ thế hiểm, kỳ tiết đoản"

Người chỉ huy giỏi biết tạo nên cái thế hiểm, cái tiết chớp nhoáng.

Lý Tĩnh mau chóng quét sạch quân Thổ Dục Hồn

Năm Trinh Quan thứ 8 (năm 634), tộc trưởng Khả Hãn Phục Doãn của dân tộc Thổ Dục Hồn tuổi già nhưng lại ưa khuấy đảo, nhiều lần đem quân xâm nhập hành lang Hà Tây, cắt đứt con đường Tơ lụa từ Tràng An đi Tây Vực.

Phục Doãn còn cố ý gây sự, giam sứ thần của nhà Đường là Triệu Đức Côn. Đường Thái Tông Lý Thế Dân hàng chục lần phái người đến giao thiệp đều vô hiệu. Đường Thái Tông cử Tả Kiêu vệ đại tướng quân Đoàn Chí Huyền làm tổng chỉ huy đạo quân Tây Hải, đem binh mã chinh phạt Thổ Dục Hồn.

Đoàn Chí Huyền tuy giành được vài thắng lợi, nhưng không thể tiến sâu, Thổ Dục Hồn chưa bị tổn thất nhiều. Thổ Dục Hồn là dân tộc du mục, đại quân tiến đánh thì bỏ chạy, đại quân vừa rút đi lại kéo tới quấy phá.

Đường Thái Tông nghĩ ngay đến danh tướng Lý Tĩnh từng lập nhiều kỳ công, nhưng nay Lý Tĩnh đã ngoài 60 tuổi, đang dưỡng bệnh ở nhà. Lý Tĩnh biết được tâm ý của Đường Thái Tông, liền mặc giáp trụ vào triều xin ra trận. Đường Thái Tông liền cử ông làm Thống chế đạo quân Tây Hải, Thành vương Lý Đạo Tông, Binh bộ thượng thư Hầu Quân Tập làm phó, đem quân chinh phạt Thổ Dục Hồn.

Năm 635, tháng Tư nhuận, quân Đường tới Thiện Châu, Phục Doãn đem quân chạy về phía tây. Lý Đạo Tông được cử làm tiên phong đem quân truy kích, đến Khố Sơn thì Phục Doãn dựa vào địa thế hiểm yếu mà tử thủ.

Chiến thuật của Lý Tĩnh là “đánh liên tục, đánh nhanh thắng nhanh”. Khi đại quân tới Khố Sơn, từ sau lưng tập kích Phục Doãn. Phục Doãn bị đánh từ hai phía, thua to, chạy tiếp sang phía tây. Phục Doãn ra lệnh đốt cháy đồng cỏ, rồi chạy về sa mạc.

Quân Đường truy đuổi một chặng, không thấy địch đâu, chỉ thấy trước mắt là các bãi tro và sa mạc trải dài trăm dặm. Ngựa chiến của quân Đường không còn cỏ ăn, đói mệt. Nhiều tướng cho rằng không nên đuổi tiếp, tạm rút về Thiện Châu, đợi khi cỏ mọc hãy lại tiến công.

Hầu Quân Tập nói: “Không được. Trước đây quân Đoàn Chí Huyền vừa rút về Thiện Châu, quân địch đã bám theo sát gót. Nay quân Thổ Dục Hồn đã chạy loạn như chim vỡ tổ, như chuột rời hang, dễ dàng tiêu diệt. Nếu không truy kích sau này hối không kịp” .

Ý của Hầu Quân Tập rất hợp với tư tưởng “đánh liên tục, đánh nhanh thắng nhanh” của Lý Tịnh. Lý Tịnh chia quân làm hai đạo nam bắc thâm nhập vào địa phận quân địch thành thế gọng kìm mà đuổi theo địch. Lý Tịnh chỉ huy cánh quân bắc, thế như chẻ tre, sau khi đánh bại quân Thổ Dục Hồn ở Mản Đầu Sơn, lại đánh bại địch ở Ngưu Tâm Đồi và Xích Thủy Nguyên.

Hầu Quân Tập và Lý Đạo Tông chỉ huy cánh quân nam, vượt 2000 dặm sa mạc hoang vu, người phải ăn băng, ngựa phải ăn tuyết, cực khổ đói khát nhưng không ngừng truy đuổi kẻ địch. Tháng 5, họ đến Điều Hải mới thấy doanh trại của quân Thổ Dục Hồn, liền xông tới chém giết. Phục Doãn ôm đầu tháo chạy. Quân Đường bám riết, quân Thổ Dục Hồn phần lớn bị giết hoặc đầu hàng. Phục Doãn phải chạy sâu vào sa mạc, định trốn tới Điền.

Lý Tịnh được tin, quyết đuổi đến cùng. Đến Đột Luân, thì đuổi kịp Phục Doãn lúc đó định dựng lều nghỉ qua đêm. Tướng sĩ ập tới chém giết hơn 1000 quân địch, bắt hơn 20 vạn gia súc các loại. Con trai Phục Doãn đầu hàng. Phục Doãn đem mấy chục kỵ binh chạy sâu vào sa mạc. Hơn 10 ngày sau thì cả bọn tan rã, Phục Doãn tự sát.

Lý Tịnh chỉ mất 2 tháng, tiến sâu vào sa mạc hàng ngàn dặm, thắng lợi hoàn toàn, khai thông hành lang Hà Tây phục hồi con đường tơ lụa nổi tiếng.

“Loạn sinh ư trị, khiếp sinh ư dãng, nhược sinh ư cường”

Khiến địch hỗn loạn là do ta có tổ chức chặt chẽ, khiến địch suy yếu là do ta có binh lực lớn mạnh.

Mạo Đốn giả sớ, diệt Đông Hồ

Năm 209 trước Công Nguyên, chúa Hung Nô Đầu Mản Đơn Vu vì yêu con thứ muốn phế con trưởng là thái tử Mạo Đốn. Mạo Đốn biết vậy tạm chôn mối hận trong lòng. Nhân một buổi cùng cha đi săn thừa lúc cha không đề phòng, Mạo Đốn bắn 1 mũi hương tiễn (1 loại tên phát ra tiếng kêu). Thuộc hạ của Mạo Đốn vốn đã quen bắn theo mũi tên đó, nên Đầu Mản Đơn Vu bị loạn tên mà chết. Giết cha xong, Mạo Đốn nổi ngôi.

Nước láng giềng Đông Hồ hay tin Mạo Đốn giết cha cướp ngôi, khinh y trẻ tuổi, liền phái sứ giả đến khiêu khích, đòi lấy con thiên lý mã của Đầu Mản Đơn Vu. Con thiên lý mã của Đầu Mản Đơn Vu là 1 tuần mã, do vậy Mạo Đốn hỏi ý kiến quần thần. Quần thần đồng thanh phản đối: “Đó là ngựa quý của Hung Nô, không thể giao cho Đông Hồ”. Mạo Đốn cười: “Chúng ta với Đông Hồ là lân bang, há có thể vì 1 con ngựa mà mất tình hữu hảo!”. Rồi giao thiên lý mã cho sứ giả.

Vua Đông Hồ nghĩ rằng Mạo Đốn nhát gan, mấy hôm sau lại phái sứ giả sang Hung Nô đòi Mạo Đốn hiến ái phi của Mạo Đốn cho Đông Hồ.

Mạo Đốn lại hỏi quần thần. Quần thần nguyên rủa Đông Hồ khinh người quá đáng, đề nghị đem binh đi trừng phạt. Mạo Đốn vẫn lắc đầu: “Không nên vì một người đàn bà mình yêu thích mà làm tổn thương hoà khí 2 nước!” Đoạn lại giao ái phi cho Đông Hồ.

Giữa Hung Nô và Đông Hồ có một dải đất hơn một ngàn dặm vuông không ai cư trú. Đông Hồ thấy Mạo Đốn khiếp nhược, muốn chiếm dải đất đó. Liền phái sứ giả sang Hung Nô đòi. Mạo Đốn hỏi ý kiến quần thần. Có người nói: “Đây là vùng đất hoang vu cần cỗi, cho hay không cũng vậy”.

Lần này Mạo Đốn cả giận, lớn tiếng nói: “Đất đai là căn bản của quốc gia, sao có thể dâng cho người!”. Đoạn quát tả hữu chém đầu sứ giả và những kẻ nói là có thể đem cho dải đất kia. Mạo Đốn lệnh tiến đánh Đông Hồ, lên ngựa dẫn đầu, còn ra lệnh: “Trong nước có kẻ nào chậm tòng quân, lập tức chém đầu”. Đại quân tràn sang Đông Hồ, thế như dời non lấp biển.

Vua Đông Hồ được ngựa quý và mỹ nhân thì coi khinh Hung Nô, chẳng chút đề phòng nên khi quân Mạo Đốn ào ào tiến đến, vua Đông Hồ vội ứng

chiến, nhưng đại bại, phải tháo chạy. Mạo Đôn đuổi theo, giết chết vua Đông Hồ, bắt nhiều dân và gia súc của Đông Hồ, thắng lợi trở về.

Quần thần Hung Nô bấy giờ mới biết Mạo Đồn hiển ngửa quý, ái phi không phải vì sợ, mà cố ý giả bộ khiếm nhược để Đông Hồ mất cảnh giác, rồi đánh 1 trận tiêu diệt hoàn toàn. Từ đó thế lực Hung Nô trở nên hùng mạnh, Mạo Đồn chỉ huy tướng sĩ rong ruổi chinh chiến khắp nơi.

“Trị loạn, số đã”

Chặt chẽ hay rối loạn là do tổ chức biên chế hay dở quyết định.

Ngụy Thư thay đổi biên chế, thắng bộ lạc Tuất Địch

Cuối thời Xuân Thu, phía bắc nước Tấn giáp với bộ lạc Tuất Địch. Bộ lạc này tụ cư ở vùng núi, dũng mãnh hung hãn, không chịu trồng trọt làm ăn, hay kéo xuống cướp phá miền bắc nước Tấn.

Năm Tấn Bình công thứ 17 (năm 541 trước Công Nguyên), Tấn Hầu phái nguyên soái Tuần Ngô đem quân lên phía bắc chinh phạt bộ lạc Tuất Địch. Tuần Ngô dùng hơn 1000 chiến xa tấn công Thái Nguyên (gần Thảo Nguyên, tỉnh Sơn Tây) là vùng ngụ cư của bộ lạc Tuất Địch. Nhưng đại quân vừa tiến vào địa giới của bộ lạc Tuất Địch thì đường sá nhỏ hẹp, lạch suối ngang dọc, người và xe vất vả, sơ ý chút đã đổ xe chết người. Binh lính Tuất Địch đã lợi dụng địa hình hiểm trở, thấy lợi thì đánh, bất lợi thì lánh, nên quân Tấn hoàn toàn bị động, đội ngũ rối loạn, tướng sĩ lo sợ.

Nguyên soái Tuần Ngô đang bế tắc, thì đại tướng Ngụy Thư hiến kế: “Vùng này địa hình phức tạp, 40 người theo một chiến xa mà vẫn khó xoay sở. Chi bằng mỗi chiến xa chỉ chọn 10 binh sĩ tinh nhuệ phối hợp tác chiến thì hơn”. Tuần Ngô chấp thuận. Ngụy Thư liền chỉ huy chiến xa đã được biên chế lại mà tác chiến, quả nhiên thắng trận.

Bộ lạc Tuất Địch bại trận, rút vào rừng sâu. Chiến xa của quân Tấn không thể đuổi theo. Ngụy Thư lại đề nghị bỏ chiến xa, để xa binh phối hợp với bộ binh mà tác chiến. Tuần Ngô thấy có lý, cho phép Ngụy Thư trông coi thay đổi biên chế đội ngũ. Song xa binh của Tuần Ngô không chịu chấp hành việc rời xe đánh nhau như bộ binh. Ngụy Thư lệnh chém đầu mấy xa binh đầu tiên trái lệnh. Thế là toàn quân phải nghiêm chỉnh chấp hành. Quân Tấn bỏ chiến xa, biên chế thành 5 người một ngũ. Mỗi ngũ là đơn vị tác chiến nhỏ nhất.

Ngụy Thư lại huấn luyện trận pháp bộ binh, tổ chức các ngũ thành thế trận ứng viện lẫn nhau. Khi tác chiến, phía trước bố trí hai ngũ, phía sau năm ngũ, sườn trái ba ngũ, sườn phải một ngũ, thành trận thế hình vuông trước yếu, sau mạnh giữa trống. Tiếp đó lại tổ chức thành các thiên, mỗi thiên mười ngũ làm lực lượng đột kích. Cách bố trí đội hình như vậy vừa dễ vào rừng, vừa dễ chi viện lẫn nhau.

Biên chế xong, quân Tấn tiến vào rừng sâu. Quân Tuất Địch thấy đối phương không xe không ngựa, phân tán rải rác, thì cười ha hả, chẳng cần bày trận, xông ngay ra đánh. Quân Tấn đánh 1 lát, giả bộ rút lui. Quân Tuất Địch coi thường lập tức truy đuổi.

Lúc này quân Tân từ 3 phía đột nhiên ập lại chém giết chia cắt địch thành từng tốp mà vây đánh. Quân Tuất Địch không đề phòng, trở nên hỗn loạn. Loạn binh bỏ chạy nhưng binh sĩ Tấn ở phía trước đã bố trí chặn đường rút lui, chém giết vô số.

Đối phương vội chạy tản ra hai bên, lập tức bị các ngũ quân Tấn ở 2 phía tả hữu chặn đánh, hết đường thoái thân, đành bó tay chịu trôi.

Quân Tấn thắng trận này, lập tức áp dụng trận pháp tương tự để tiến đánh các trận khác đều thành công. Trong một thời gian dài từ đó trở đi, bộ lạc Tuất Địch không dám quấy nhiễu vùng phía bắc nước Tấn nữa. Trong lịch sử chiến tranh Trung Quốc, bắt đầu từ đó các nước Trung Nguyên chuyển từ xa chiến sang bộ chiến.

“Dũng khiếp, thế dã”

Dũng cảm hay khiếp sợ là do ưu thế tạo nên.

Hoàn Ôn hợp nhất lực lượng, chiếm Thành Đô

Thời Đông Tấn, năm Vĩnh Hoà thứ nhất (năm 345), Mục đế Tư Mã Đạm mới 2 tuổi, phải do Thái hậu ẵm ra lâm triều. Năm đó, đô đốc quân sự 7 châu là Chinh tây tướng quân Dữu Dực bị bệnh qua đời. Thái hậu phong Hoàn Ôn làm An Tây tướng quân, chỉ huy quân sự 6 châu Kinh, Tư, Ung, Ích, Lương, Ninh, kiêm thứ sử Kinh Châu, gần như thống chế quân đội cả nước.

Sau khi nhậm chức, Hoàn Ôn chiêu binh mãi mã, huấn luyện thủy quân và lục quân, có chí tây tiến sang Thục tiêu diệt Thành Hán.

Năm Vĩnh Hoà thứ hai, đầu mùa đông, Hoàn Ôn nhân khi Trường Giang nước cạn, điều động đại quân, cử Viên Kiêu làm tiên phong, thân chinh xuất binh men theo Trường Giang tiến sang phía tây. Chúa thành Hán là Lý Thế ý vào núi non hiểm trở, rất ít phòng bị; đại quân của Hoàn Ôn đến nơi mới biết, quân Hán kẻ đầu hàng, kẻ bỏ chạy trước thế thẳng như chẻ tre của đối phương.

Mùa xuân năm sau, quân của Hoàn Ôn đã đến Bành Mô, cách Thành Đô 200 dặm. Hoàn Ôn họp cùng các tướng. Mọi người đề nghị chia binh làm hai đạo cùng tiến, có thể phân tán binh lực của quân Hán. Duy tướng tiên phong Viên Kiêu trầm mặc không nói.

Hoàn Ôn hỏi ý kiến Viên Kiêu. Viên Kiêu nói: “Hiện tại quân ta đã thâm nhập vào đất địch hàng vạn dặm; thẳng thì lập đại công, thua thì khó sống trở về. Nếu chia ra hai đạo, lòng quân không đồng nhất, ắt đại sự hỏng cả. Vậy nên hợp nhất lực lượng làm một mà giành chiến thắng”. Hoàn Ôn tán thưởng ý kiến của Viên Kiêu, rồi tiếp: “Cổ nhân dạy binh vào chỗ chết mà vẫn sống. Chúng ta gắng lên chút nữa, nhất định hạ được Thành Đô”. Hoàn Ôn cho các binh sĩ ốm yếu ở lại Bành Mô trông coi quân nhu và những thứ nặng, còn toàn bộ quân tinh nhuệ mang theo 3 ngày lương khô, trang bị gọn nhẹ, tiến thẳng tới Thành Đô. Dọc đường tướng địch Lý Quyền ngăn chặn, bị đánh ba trận tả tơi phải chạy về Thành Đô.

Gần Thành Đô, Lý Thế còn nhiều quân. Y thân chinh ra tiền tuyến, bày trận ở dải Tạc Kiêu để chống quân Đông Tấn.

Quân của Hoàn Ôn trận đầu bị bất lợi, 1 tướng tử trận, quân Hán thừa thắng xông lên, vạn mũi tên cùng bắn ra, có mũi tên bay trước tới đầu ngựa của Hoàn Ôn, nhưng mặt ông không hề biến sắc.

Đội tiên phong bắt đầu rối loạn, có mấy người bắt đầu rút chạy, tả hữu khuyên Hoàn Ôn tạm thời lùi bước, nhưng Hoàn Ôn không nghe, lớn tiếng gọi: “Viên tướng quân đâu rồi?”, Viên Kiêu đáp lời phi ngựa tới. Hoàn Ôn trao kiếm cho Viên Kiêu nói lớn:

“Hợp nhất lực lượng làm một, thắng bại là ở trận này, quân ta từ xa tới, nếu rút lui tất bại. Tướng quân hãy thay ta đốc chiến, kẻ nào bỏ chạy, chém!”. Viên Kiêu vâng lệnh chém đầu một quan quân bỏ chạy rồi truyền đạt mệnh lệnh của Hoàn Ôn, thế trận lập tức ổn định, bắt đầu phản kích. Tiếng trống; trận tiếng hô chém giết vang động cả góc trời.

Lý Thế thấy tình thế bất lợi, liền rút vào trong thành. Hoàn Ôn chi huy công phá Thành Đô. Ông sai lính phóng hoả đốt cổng thành. Quân Hán nơm nớp lo sợ, mất tinh thần chiến đấu. Lý Thế thấy quân ta đã mất tinh thần chiến đấu, nửa đêm mở cửa đông thành chạy trốn. Quân Đông Tấn lập tức chiếm thành. Lý Thế chạy đến Hà Minh, chỉ còn vài người thân cận bên mình, hết cách cứu vãn, đành tự trói mình đi sau một cỗ quan tài đến đầu hàng Hoàn Ôn.

Hoàn Ôn diệt xong thành Hán, giải Lý Thế và hơn mười tôn thất trở về kinh đô Kiến Khang. Thái hậu hỏi ông làm cách nào chỉ trong vài tháng đã diệt xong nhà Hán, Hoàn Ôn đáp: “Đó là công của tướng tiên phong Viên Kiêu, hợp nhất lực lượng làm một mới thắng”.

“ Cường nhược, hình dã ”

Mạnh hay yếu là do thực lực đối sánh lộ ra.

Khang Hy lấy mạnh đánh yếu, chiếm lại Đài Loan

Đời nhà Thanh, năm Thuận Trị thứ 18 (năm 1661) tướng Trịnh Thành Công đem quân bao vây Đài Loan buộc Thống sứ Hà Lan đầu hàng. Đài Loan lại thuộc về Trung Quốc.

Sau khi thu phục Đài Loan, Trịnh Thành Công đề ra qui hoạch phát triển kinh tế Đài Loan, nhưng không may, vì nhiều năm chinh chiến gian khổ, ông lâm bệnh nặng mà mất. Vị anh hùng dân tộc ra đi ở tuổi 38.

Sau khi ông mất, nội bộ quân đội nảy ra mâu thuẫn. Những tướng ủng hộ Trịnh Thành Công lập em trai ông là Trịnh Thế Tập lên làm vua. Con trưởng ông là Trịnh Kinh đang trấn thủ Hạ Môn liền đem quân tới Đài Loan đánh bại những người ủng hộ Trịnh Thế Tập, lên làm vua. Trịnh Kinh tổ chức phát triển sản xuất, di dân lập ấp, sau 7,8 năm kinh tế Đài Loan đã phục hồi. Nhưng Trịnh Kinh từ bỏ ý chí thống nhất Tổ quốc của cha mình, muốn tự lập 1 nước riêng. Lúc này, triều Thanh, Khang Hy đế Huyền Diệp đang tại vị, Ngô Tam Quế, Cảnh Tinh Trung, Thượng Chi Tín... nổi loạn, Trịnh Kinh nhân đó, đánh chiếm Hạ Môn, Tuyên Châu, Chương Châu, Triều Châu v.v...

Năm Khang Hy thứ 16 (năm 1677), Huyền Diệp 2 lần phái sứ giả ra Đài Loan chiêu dụ, song Trịnh Kinh cho rằng quân Thanh không thể vượt biển tác chiến đã cự tuyệt. Năm Khang Hy thứ 17 (1678), nhà Thanh cơ bản khống chế chiến cuộc, liền tăng cường chuẩn bị: cử tướng Diêu Khải Thánh làm Tổng đốc Phúc Kiến, Vạn Chính Sắc làm Thủy sư đề đốc Phúc Kiến, đóng chiến hạm, luyện thủy quân, xây dựng các đồn trại ở nơi hiểm yếu và bố trí lính trấn thủ. Huyền Diệp còn thông qua Diêu Khải Thánh phái một số người chui vào nội bộ quân Trịnh Kinh mà hoạt động ly gián.

Từ tháng 6 - tháng 11 năm Khang Hy thứ 17 (năm 1678), có hơn 1200 quan lại và 11600 binh sĩ ra hàng. Tiếp đó, tướng Dương Nhất Báo đem 3 vạn 1 ngàn quân qui thuận triều đình.

Năm 1680, Thủy sư đề đốc Vạn Chính Sắc đem chủ lực tấn công chiếm Quyên Châu, Hạ Môn, Hải Trừng, đưa quan binh đầu hàng tới các đảo ven biển khai khẩn, chuẩn bị đánh Đài Loan.

Tháng Giêng năm 1861, Trịnh Kinh ốm chết, con trưởng Trịnh Khắc Tạng kế vị. Thị vệ Phùng Tích Phạm bàn mưu với vợ của Trịnh Thành Công, giết Trịnh Khắc Tạng, đưa con thứ là Khắc Sáng còn nhỏ tuổi lên ngôi.

Một tân khách của quân Trịnh là Tuy Truyền, làm thám báo cho quân Thanh, bí mật gửi thư về nói: “Chú cháu họ Trịnh đang giết lẫn nhau, bá quan văn võ không biết làm gì, mỗi người một ý vua còn nhỏ tuổi, đất nước trống rỗng, bên trong rối loạn bên ngoài bất an, khó bề đứng vững”.

Huyền Diệp thấy thời cơ đã đến, điều Vạn Chính Sắc làm Đề đốc lục quân, cử Thi Lang là người trí dũng song toàn có nhiều kinh nghiệm hải chiến làm Thủy sư đề đốc Phúc Kiến, đem chiến thuyền tấn công Bành Hồ, Đài Loan.

Người chấp chính ở Đài Loan vừa muốn duy trì ngôi vua và quyền lực, vừa muốn tranh thủ thời gian chuẩn bị chống quân Thanh, phái sứ giả đến triều đình xin xưng thần nộp cống, bãi binh hòa đàm, cho Đài Loan độc lập với Trung Hoa. Thực lực của Huyền Diệp lúc này đã mạnh hơn trước, ông quyết thống nhất, nên cự tuyệt sứ giả, lệnh Thi Lang tiến công.

Thi Lang nguyên là tùy tướng của Trịnh Thành Công, hiểu rất rõ quân Trịnh. Ông đem lực lượng đôi bên ra so sánh, thấy quân mình hơn hẳn đối phương cả về số lượng lẫn chất lượng. Ông cho rằng Đài Loan là hòn đảo trợ trợ ngoài biển, rất dễ bị bọn thực dân xâm lấn, cần phải được thống nhất với đất liền và tăng cường quản lý, phát triển mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế. Do đó, khi nhận được lệnh, ông lập tức khẩn vương huấn luyện thủy quân.

Thi Lang chọn tiết gió nồm, giữa tháng Sáu năm Khang Hy thứ 22 (năm 1683), bắt đầu tiến công. Vào thời gian này, gió nhẹ sóng yên, ban đêm yên tĩnh, có thể tập trung chiến thuyền trên biển, tìm chỗ yếu của kẻ địch mà bố trí tiến công.

Bành Hồ là 1 quần đảo gồm 36 đảo lớn nhỏ. Tướng Trịnh trấn thủ Bành Hồ là Lưu Quốc Hiên đã sớm dựng thành lũy thấp dài 20 dặm, bố trí hỏa pháo phòng thủ nghiêm mật. Nghe tin triều đình phái Thi Lang đem đại quân tiến công, Lưu chuẩn bị đối phó.

Hạm đội tiên phong của quân Thanh thuận gió xông vào giữa hạm đội địch, bị hạm đội địch vây chặt, Thi Lang dẫn hạm đội chủ lực tiếp cứu, trong đánh ra ngoài đánh vào, trận ác chiến kéo dài suốt mấy ngày vẫn bất phân thắng bại. Thi Lang bị thương vào mắt phải, suýt nữa gục ngã. Ông quyết định chia quân ra làm ba mũi tấn công: Tổng binh Ngụy Minh và Trần Mãng, mỗi người đem 50 chiến hạm đánh 2 đảo Ngư Tâm Loan và Kê Lung.

Lam Minh tiếp tục tiến công Bành Hồ. Thi Lang chỉ huy hạm đội chủ lực gồm 56 chiến hạm tiến vào trung lộ. Qua 1 ngày hải chiến ác liệt, quân Trịnh thua to. Quân Thanh chiếm toàn bộ quần đảo Bành Hồ.

Lưu Quốc Hiên chạy ra Đài Loan làm tập đoàn họ Trịnh hoảng loạn, người bảo đánh, kẻ bảo chạy, người lại bảo đầu hàng.

Sau khi chiếm Bành Hồ, Thi Lang áp dụng biện pháp chiêu hồi: đối xử tốt với các hàng binh, cấp phát tiền lương, chạy chữa cho người bị thương, cấp thuyền cho người muốn hồi hương về Đài Loan. Chính sách này có ảnh hưởng rất lớn, một số thành viên của tập đoàn họ Trịnh đã mất hết ý chí chiến đấu, chỉ mong quân triều đình sớm đến để đầu hàng.

Khang Hy đế Huyền Diệp nhân đó chiêu dụ họ Trịnh hãy ngừng chống cự, từ bỏ ý đồ phân liệt, sẽ được khoan hồng, hưởng quyền lợi vốn có. Nhà vua lại còn tuyên bố: “Chỉ dụ này có nhật nguyệt chứng giám, trẫm quyết không nuốt lời”.

Đồng thời, Thi Lang, Lam Lý thừa lúc nước triều dâng cao sương mù dày đặc buổi sớm trên biển, chỉ huy hạm đội bao vây Đài Loan. Người chấp chính của họ Trịnh thấy đảo bị bao vây, đại thế chẳng còn, cuối cùng chấp nhận qui thuận triều đình.

Trịnh Khắc Tạng đem ấn tín và bản đồ dâng nộp, Thi Lang tiếp nhận, phái tướng lĩnh đi úy lạo trăm họ và cử người đem tin chiến thắng về triều. Khang Hy đế Huyền Diệp phong Thi Lang làm Tịnh Hải hầu, lệnh đưa Trịnh Khắc Tạng về kinh phong tước Hải Trường công; ban thưởng cho những người có công. Từ đây, Đài Loan lại về thống nhất với Trung Hoa.

“Thiện động địch giả, hình chi, địch tất tòng chi; dữ chi, địch tất thủ chi. Dĩ thủ động chi, dĩ tốt đãi chi ”

Tướng giỏi biết điều động kẻ địch, nguy trang để dụ địch khiến kẻ địch di chuyển theo ý muốn của ta; dùng lợi nhỏ mà dẫn dụ kẻ địch, địch ắt đến để chiếm đoạt. Dùng cách đó mà điều động kẻ địch đến nộp mạng.

Tôn Tần dụ Bàng Quyên tới chỗ chết

Năm Chu Hiến vương thứ 27 (năm 342 trước Công Nguyên), Ngụy Huệ vương sai đại tướng Bàng Quyên đem binh đánh Hàn. 2 năm trước, Ngụy Huệ vương từng lấy tư cách bá chủ triệu tập chư hầu hội minh, triều kiến thiên tử, lúc ấy nước Hàn không đến. Lần này Ngụy cất binh lấy cớ là trừng phạt Hàn.

Vua Hàn nghĩ nước mình nhỏ yếu, khó bề chống đỡ, vội cử sứ giả sang Tề cầu viện. Tề Uy vương triệu tập quần thần thương nghị.

Tôn Tần nói: “Ta nên nhận lời cứu để Hàn ra sức chống Ngụy, nhưng ta không nên vội cất binh mà chờ khi lực lượng Ngụy bị tiêu hao nặng, ta hãy đem quân cứu Hàn; như vậy vừa tránh tổn thất cho ta, vừa làm cho nước Hàn tôn kính ta”. Vua Tề cho là phải, trả lời đồng ý cứu viện. Nước Hàn đã có Tề làm chỗ dựa, dốc toàn lực chống Ngụy, nhưng vì sức yếu, 5 trận thua cả 5. Cầm cự được ngót một năm, nước Hàn thấy khó giữ được, lại phái sứ giả sang Tề cứu viện ngay.

Tề Uy vương lệnh cử Điền Kỵ làm chủ tướng, Tôn Tần làm quân sư đem quân cứu Hàn, nhưng theo kế của Tôn Tần, không đem quân sang Hàn, mà tiến thẳng đến kinh đô Đại Lương của Ngụy.

Ngụy Huệ vương thấy đại quân đang ở bên nước Hàn, quân còn lại trong nước không địch nổi quân Tề, sai người hoả tốc sang Hàn gọi Bàng Quyên mang binh về cứu. Bàng Quyên đem binh trở về thì quân Tề cũng vừa vượt qua biên giới tiến vào đất Ngụy. Ngụy Huệ vương huy động 10 vạn binh mã toàn quốc, cử thái tử Thân làm thượng tướng. Bàng Quyên làm đại tướng, quyết chiến với quân Tề.

Điền Kỵ hỏi kế Tôn Tần. Tôn Tần nói: “Quân Ngụy hung hãn, coi thường quân ta, nếu quân ta giả thua rút chạy, quân Ngụy ắt sẽ liều lĩnh đuổi theo. Binh pháp từng dạy, chạy một trăm dặm để tranh lợi thì đại tướng cũng sẽ lâm ngay. Như vậy quân ta có thể dụ địch mà đánh”. Theo kế Tôn Tần, Điền Kỵ ra lệnh cho quân gặp giặc chỉ đánh sơ rồi chạy. Quân Ngụy đuổi theo.

Trên đường lui quân, ngày thứ nhất Điền Kỵ lệnh cho quân đắp bếp như cho 10 người ăn. Ngày thứ hai, số bếp giảm còn một nửa. Ngày thứ ba, số bếp giảm chỉ còn đủ cho 2 vạn người.

Bàng Quyên đem quân truy đuổi 3 ngày, thấy số bếp quân Tề ngày một giảm, kiêu ngạo nói: “Ta biết quân Tề khiếp nhược, không dám chiến đấu. Lần này chúng mới tiến vào nước ta được vài ngày mà số binh sĩ đào ngũ đã quá nửa”. Rồi Bàng Quyên lệnh bỏ bộ binh. Chỉ đem lính khinh kỵ đuổi gấp cho kịp.

Quân Tề rút lui về đến biên giới rồi, lại cố ý bỏ lại các xe nặng. Quân Ngụy tranh nhau cướp. Bàng Quyên càng cho rằng quân Tề đã rối loạn hoàn toàn, thúc quân tiến sâu vào đất Tề.

Quân Tề lùi đến Mã Lăng (đông nam huyện Đại Danh, tỉnh Hà Bắc), đường sá nhỏ hẹp, địa hình hiểm trở, dừng lại mai phục.

Tôn Tan tính lộ trình của quân Ngụy, đêm nay sẽ đến Mã Lăng, bèn sai bóc vỏ một cây lớn bên đường, rồi viết lên thân cây dòng chữ: “Bàng Quyên bỏ mạng dưới gốc cây này”. Tiếp đó Tôn Tần lại nói Điền Kỵ bố trí phục binh, phái cung thủ mai phục gần chỗ cây có hàng chữ nọ và dặn: “Trong đêm tối, khi thấy có lửa sáng thì lập tức bắn lên vào đó”.

Tối hôm đó, Bàng Quyên quả nhiên dẫn quân tới Mã Lăng, tiến vào ổ phục kích của quân Tề. Bàng Quyên đang đi, chợt thấy trên thân cây trắng trắng bên đường có viết tên mình liền sai người đốt đuốc lên đọc cho rõ.

Bàng Quyên chưa kịp đọc hết chữ, hàng vạn mũi tên đã bắn tới. Quân Ngụy không kịp đề phòng, nháo nhác hỗn loạn. Bàng Quyên tả xung hữu đột định mở đường máu, nhưng địa thế hiểm yếu, quân Tề lại vây chặt, nhốt quân Ngụy vào trong một cái túi, không sao thoát nổi. Bàng Quyên sức cùng lực kiệt, tự biết không phải đối thủ của Tôn Tần, cảm thấy hổ thẹn, liền tự sát.

Quân Tề thừa thắng phản công đánh tan quân Ngụy, bắt thái tử Thân, diệt 10 vạn quân Ngụy. Sau thảm bại đó, nước Ngụy không gượng dậy nổi.

“Thiện chiến giả, cầu chi ư thế, bất trách ư nhân, cố năng trạch nhân nhi nhiệm thế”

Người giỏi tác chiến biết tạo nên tình thế có lợi, chứ không trách cấp dưới, biết chọn và sử dụng nhân tài mà tạo lợi thế.

Tào Tháo chọn người tài giữ được Hợp Phì

Tháng Giêng năm Kiến An thứ 18 (năm 213) Tào Tháo đem 40 vạn quân đánh Đông Ngô. Tôn Quyền chỉ huy 7 vạn binh mã chống cự, đôi bên đánh nhau hơn một tháng. Tào Tháo thấy chiến thuyền của Tôn Quyền trước sau vẫn đội ngũ chỉnh tề, khen: “Ước gì ta có được một đứa con trai như Tôn Quyền!” rồi hạ lệnh rút quân.

Tào Tháo để các tướng Trương Liêu, Nhạc Tiến, Lý Điển ở lại giữ trọng trấn Hợp Phì, lại giao cho hộ quân Tiết Đễ 1 mật thư, dặn khi nào Tôn Quyền đem quân đến đánh mới được bóc ra.

Năm Kiến An thứ 20 (năm 215) tháng Ba, Tào Tháo đem quân đánh Trương Lỗ ở Hán Trung. Quả nhiên tháng 8 năm đó, Tôn Quyền đem 10 vạn quân đánh Hợp Phì. Quân giữ Hợp Phì chỉ có hơn 7000, tình thế thập phần nguy cấp.

Tiết Đễ và các tướng vội bóc mật thư của Tào Tháo, thấy trong viết: “Nếu quân Tôn Quyền tới, Trương Liêu, Lý Điển đem quân đánh, Nhạc Tiến giữ thành, khỏi cần tham chiến”.

Trương Liêu nguyên là tùy tướng của Lã Bố. Sau thất bại của Lã Bố (năm 198), Trương Liêu đầu hàng Tào Tháo, 15 năm qua lập nhiều chiến công, được Tào Tháo tin dùng, phong tước Đô đình hầu. Trương Liêu đã hiểu được ý đồ của Tào Tháo trong mật thư.

Mấy tướng kia nghĩ mãi không ra: “Quân ta chưa = 1/10 quân Tôn Quyền, giữ thành chưa xong, nói gì đến việc đem quân ra đánh?”.

Trương Liêu nói: “Tào Công viễn chinh, không thể đem quân cứu viện, nên dặn chúng ta phải chủ động đánh địch khi chúng chưa vây kín thành, để làm chúng mất nhuệ khí và để quân ta an tâm chống cự thì mới có thể giữ được Hợp Phì”.

Trương Liêu thấy các tướng còn do dự, liền nói: “Thắng bại là ở trận này, nếu các vị còn nghi ngại, Trương mỗ nguyện một mình xuất chiến!”. Lý Điển nói: “Tôi cùng đi với tướng quân”.

Thế là Trương Liêu chọn 800 quân tinh nhuệ, giết bò khao thưởng để đến sáng hôm sau, cùng Lý Điển dẫn quân ra tấn công. Trương Liêu phóng ngựa dẫn đầu, xưng to tên họ, xông vào trận địch, chém chết luôn hai viên đại tướng, tiến thẳng tới doanh trại của Tôn Quyền. Tôn Quyền bị tập kích bất ngờ, cả kinh. Các tướng lúng túng, rút lên chỗ cao, dùng trường thương tử thủ. Trương Liêu quát lớn, gọi Tôn Quyền ra quyết chiến. Tôn Quyền nhất thời chưa dám vọng động.

Sau thấy Trương Liêu chỉ có vài trăm người ngựa, Tôn Quyền bèn điều quân vây chặt. Trương Liêu tả xung hữu đột, ác chiến từ sáng đến trưa, làm nhụt hẳn nhuệ khí của quân Tôn Quyền.

Trương Liêu dẫn mấy chục kỵ binh phá vây thoát ra, nhưng thấy còn có quân mình chưa thoát ra được, ông lại xông vào cứu nốt. Quan quân của Tôn Quyền không ai cản nổi.

Trương Liêu trở về thành, tăng cường phòng thủ. Các tướng lĩnh vô cùng tán phục ông, sĩ khí dâng cao. Tôn Quyền vây đánh hơn 10 ngày không được, đành kéo quân ra về. Trương Liêu thừa thế truy kích, khi thấy đại bộ phận quân địch đã lùi về bờ nam sông Tiêu Dao (đông bắc Hợp Phì), mà Tôn Quyền còn ở bờ bắc, ông liền thúc ngựa xông tới.

Các tướng bảo vệ Tôn Quyền lui tới bờ sông, thấy cầu đã gãy, quân địch đuổi phía sau lưng, đành thúc ngựa lội qua sông mới thoát hiểm.

Tào Tháo được tin Trương Liêu làm đúng như mật thư của mình, mừng cảm xuất chiến, đánh lui Tôn Quyền, liền phong cho Trương Liêu làm Chinh đông tướng quân.

Năm sau, Tào Tháo xuống Hợp Phì, thăm lại sa trường nơi Trương Liêu huyết chiến, cảm thán hồi lâu, đoạn nói với các tướng: “Quân Tôn Quyền đông gấp bội, tướng mình tất thắng mà sanh kiêu ngạo Trương Liêu dũng cảm đánh địch mà giành chiến thắng. Nhờ đó mới giữ được thành vậy! ”.

THIÊN VI: HƯ THỰC

Phàm tiên xử chiến địa nhi đãi địch giả dật, hậu xử chiến địa nhi xu chiến giả lao. Cố thiện chiến giả, trí nhân nhi bất trí ư nhân.

Năng sử địch nhân tự chí giả, lợi chi dã; năng sử địch nhân bất đắc chí giả, hại chi dã. Cố địch dật năng lao chi, bão năng cơ chi, an năng động chi. Xuất kỳ sở tất xu, xu kỳ sở bất ý. Hành thiên lí nhi bất lao giả, hành ư vô nhân chi địa dã; công nhi tất thủ giả, công kỳ sở bất thủ dã; thủ nhi tất cố giả, thủ kỳ sở bất công dã.

Cố thiện công giả, địch bất tri kỳ sở thủ; thiện thủ giả, địch bất tri kỳ sở công. Vi hồ vi hồ, chí ư vô hình; thần hồ thần hồ, chí ư vô thanh, cố năng vi địch chi tư mệnh. Tiến nhi bất khả ngự giả, xung kỳ hư dã; thoái nhi bất khả truy giả, tốc nhi bất khả cập dã. Cố ngã dục chiến, địch tuy cao lũy thâm câu, bất đắc bất dữ ngã chiến giả, công kỳ sở tất cứu dã; ngã bất dục chiến, hoạch địa nhi thủ chi, địch bất đắc dữ ngã chiến giả, quai kỳ sở chi dã.

Cố hình nhân nhi ngã vô hình, tắc ngã chuyên nhi địch phân. Ngã chuyên vi nhất, địch phân vi thập, thị dĩ thập công kỳ nhất dã, tắc ngã chúng nhi địch quả, năng dĩ chúng kích quả giả, tắc ngô chi sở dữ chiến giả, ước hĩ. Ngô sở dữ chiến chi địa bất khả tri, bất khả tri tắc địch sở bị giả đa, địch sở bị giả đa, tắc ngô sở dữ chiến giả quả hĩ; cố bị tiền tắc hậu quả, bị hậu tắc tiền quả, bị tả tắc hữu quả, bị hữu tắc tả quả; vô sở bất bị, tắc vô sở bất quả. Quả giả, bị nhân giả dã; chúng giả, sử nhân bị kỷ giả dã.

Cố tri chiến chi địa, tri chiến chi nhật, tắc khả thiên lí nhi hội chiến. Bất tri chiến địa, bất tri chiến nhật, tắc tả bất năng cứu hữu, hữu bất năng cứu tả, tiền bất năng cứu hậu, hậu bất năng cứu tiền, nhi hướng viễn giả số thập lí, cận giả số lí hồ? Dĩ ngô độ chi, việt nhân chi binh tuy đa, diệc hề ích ư thắng tai? Cố viết: thắng khả vi dã. Địch tuy chúng, khả sử vô đầu.

Cố sách chi nhi tri đắc thất chi kế, tác chi nhi tri động tĩnh chi lý, hình chi nhi tri tử sinh chi địa, giác chi nhi tri hữu dư bất túc chi xứ. Cố hình binh chi cực, chí ư vô hình; vô hình, tắc thâm gián bất năng khuy, trí giả bất năng mưu. Nhân hình nhi thố thẳng ư chúng, chúng bất năng tri; nhân giai

tri ngã sở dĩ thắng chi hình, nhi mạc tri ngô sở dĩ chế thắng chi hình. Cổ kỳ chiến thắng bất phục; nhi ứng hình ư vô cùng.

Phù binh hình tương thủy, thủy chi hành, tị cao nhi xu hạ; binh chi hình, tị thực nhi kích hư. Thủy nhân địa nhi chế lưu, binh nhân địch nhi chế thắng. Cổ binh vô thường thế, thủy vô thường hình. Năng nhân địch biến hoá nhi thủ thắng giả, vị chi thần.

Cổ ngũ hành vô thường thắng, tứ thời vô thường vị, nhật hữu đoan trường, nguyệt hữu tử sinh.

Dịch nghĩa:

Phạm đến chiến địa trước mà đợi địch là chủ động an nhàn, đến chiến địa sau mà ứng chiến là bị động mỏi mệt. Cho nên, người chỉ huy tác chiến giỏi có thể điều động kẻ địch, chứ không theo sự điều động của địch.

Làm cho địch tự đến nơi ta định trước là kết quả của việc dùng lợi nhỏ mà dụ địch; làm cho địch không thể đến nơi nó muốn, là do ta cản nó. Do vậy, địch đang nghỉ ngơi, ta phải làm cho nó mỏi mệt, địch đầy đủ lương thực, ta phải làm chúng đói khát thiếu thốn, địch đóng trại yên ổn, ta phải làm cho chúng di động, đó là vì nơi ta tấn công, địch ắt phải đến ứng cứu. Ta đi ngàn dặm mà không mỏi mệt, là vì ta đến những nơi không có địch ngăn trở; ta đánh mà chắc thắng là vì ta tiến công vào nơi địch không thể phòng thủ; ta phòng thủ vững chắc, vì ta biết trước nơi đó sẽ bị địch tấn công.

Cho nên người giỏi tiến công thì địch không biết đâu mà phòng thủ; người giỏi phòng thủ thì địch không biết đâu mà tiến công. Vì diệu thay! vì diệu đến mức không trông thấy. Thần kỳ thay! Thần kỳ đến mức không nghe tiếng! Bởi vậy ta có thể nắm vận mạng địch trong tay vậy. Ta tiến công mà địch không ngăn nổi, vì ta như đánh vào chỗ không người; ta thoái lui mà địch không thể đuổi theo, vì ta hành động mau lẹ, địch chẳng đuổi kịp. Cho nên, ta muốn đánh, dù địch có lũy cao hào sâu cũng phải giao chiến với ta, bởi vì ta đánh vào nơi địch buộc phải ứng cứu; ta không muốn đánh, vạch đất mà phòng thủ, địch cũng không thể tiến đánh ta, vì ta làm cho chúng phải thay đổi hướng tiến công.

Ta làm cho địch bộc lộ lực lượng mà ta thì như vô hình, như vậy ta có thể tập trung binh lực, còn địch thì phân tán lực lượng. Ta tập trung binh lực

ở một nơi, địch phân tán lực lượng ở 10 nơi, tức là ta dùng 10 đánh 1, như thế ta đông, địch ít, có lợi hẳn cho ta. Dùng nhiều quân đánh ít quân, tương quan ta địch rõ ràng ta thắng. Nơi ta muốn tiến công, địch không thể biết, không thể biết ắt địch phải phòng bị nhiều nơi, đã phòng bị nhiều nơi, ắt ở nơi ta muốn đánh sẽ ít địch. Cho nên địch giữ được mặt trước thì mặt sau yếu mỏng, giữ được bên trái thì bên phải yếu mỏng, giữ được bên phải thì bên trái yếu mỏng, phòng bị ở khắp nơi thì nơi nào cũng yếu mỏng. Binh lực yếu mỏng là vì phải phòng bị khắp nơi, binh lực dồi dào là nhờ buộc địch phải phòng bị khắp chốn.

Cho nên, biết trước địa điểm và thời gian giao chiến thì dù xa ngàn dặm cũng có thể giao chiến với địch. Không biết sẽ đánh ở đâu, đánh lúc nào, thì cánh tả không thể cứu cánh hữu, cánh hữu không thể cứu cánh tả, mặt trước không thể cứu mặt sau, mặt sau không thể cứu mặt trước, huống hồ xa hàng ngàn dặm, gần trong vài dặm thì sao? Theo ý ta, vượt người về quân số đâu có ích gì cho ta trong việc thắng bại. Cho nên thắng lợi có thể do ta tạo thành, quân địch tuy đông, có thể làm cho chúng không thể đo sức với ta.

Cho nên phải lập mưu tính kế, phân tích kế hoạch tác chiến của địch; khiêu khích 1 chút để nắm được qui luật hoạt động của địch, trình sát tình huống để xem chỗ nào có lợi, chỗ nào bất lợi đánh thử một chút để xem binh lực của địch hư thực mạnh yếu. Cho nên ta nguy trang thật khéo khiến địch không nhận ra tung tích, không nhận ra tung tích, thì dù gián điệp có chui sâu cũng không biết kỹ được quân ta, kẻ địch khôn ngoan mấy cũng chẳng biết cách đối phó với quân ta. Căn cứ vào sự thay đổi tình hình bên địch mà vận dụng linh hoạt chiến thuật, dù có bày sẵn thắng lợi trước mắt mọi người mà người ta cũng không nhận biết sự ảo diệu của nó. Người ta chỉ biết ta dùng cách nào thắng địch, chứ không biết ta đã vận dụng phương pháp ấy như nào. Cho nên chiến thắng lần sau không lặp lại phương thức lần trước, mà là nhờ thích ứng với tình huống mới, biến hoá vô cùng.

Quy luật dùng binh giống như dòng chảy của nước. Nước chảy từ cao xuống thấp. Thắng lợi của chiến tranh là do tránh chỗ cứng, cho thực của địch mà đánh vào chỗ mềm chỗ hư của địch. Nước tùy địa hình cao thấp mà định hướng chảy, tác chiến thì căn cứ vào tình hình kẻ địch mà quyết định cách đánh khác nhau.

Cho nên, dùng binh tác chiến không có hình thể chiến trường cố định, không có phương thức tác chiến cố định. Dựa vào biến đổi của tình hình địch mà chiến thắng thì gọi là dụng binh như thần.

Ngũ hành tương sinh tương khắc, không có hành nào luôn thắng, 4 mùa nối tiếp thay nhau, không có mùa nào cố định mãi, bóng mặt trời có lúc ngắn lúc dài, vành trăng có khi tròn khi khuyết.

Tóm tắt nội dung:

Ở thiên này, Tôn tử phân tích mối quan hệ thống nhất đối lập giữa “hư” và “thực” trong hoạt động quân sự, luận giải toàn diện phương pháp trọng yếu và nguyên tắc cơ bản của việc giành quyền chủ động trong chỉ huy tác chiến. Tôn tử hết sức đề cao việc nhận thức toàn diện và nắm vững đầy đủ quan hệ biện chứng giữa “hư” và “thực”, việc tích cực giành lấy quyền chủ động tác chiến “điều động kẻ địch chứ không bị động theo sự sắp đặt của địch”.

Thực hiện nguyên tắc “tránh thực đánh hư” vào thực tế như thế nào? Tôn tử cho rằng trong hành động tác chiến, tất phải cụ thể hoá ở năm điểm sau đây:

- Buộc địch bộc lộ lực lượng, mê hoặc và đánh lừa kẻ địch, khiến chúng bộc lộ chỗ yếu rồi mới đánh vào đó.
- “Dùng 10 đánh 1”, tập trung ưu thế binh lực, quyết định địa điểm giao chiến với địch.
- Căn cứ vào sự biến đổi của địch mà thủ thắng. Trong quá trình tác chiến, tùy tình hình địch thay đổi mà điều chỉnh bố trí lực lượng và thay đổi phương thức tác chiến của ta, trước sau vẫn giữ được quyền chủ động.
- Biết trước địa điểm và thời gian giao chiến, trinh sát địa hình chiến trường, nắm được thời tiết ở chiến trường, toàn bộ tình hình địch.
- Đánh vào nơi địch phải ứng cứu, tức là chọn đúng hướng chủ công.

Tôn tử cho rằng chỉ cần xác định đúng tư tưởng chỉ đạo tác chiến và thực thi phương thức tác chiến thích hợp, thì thắng lợi chẳng những có thể thấy trước, mà còn có thể tạo nên (“thắng khả vi dã”)

“Phàm tiên xử chiến địa nhi đãi địch giả dật, hậu xử chiến địa nhi xu chiến giả lao ”,

Phàm đến chiến địa trước mà đợi địch là chủ động an nhàn, đến chiến địa sau mà ứng chiến là bị động mỏi mệt.

Lý Tự Thành chiếm trận địa trước, diệt quân Minh

Năm Minh Sùng Trinh thứ 15 (năm 1642), nghĩa quân Lý Tự Thành tại Nang Thành (Hà Nam), sau khi tiêu diệt tổng đốc Ônng Kiều Niên, liên hợp với nghĩa quân của La Nhữ Tài, Viên Thời Trung, chiếm 29 châu huyện quanh Khai Phong, quân số hơn trăm vạn, hoàn toàn nắm quyền chủ động chiến trường ở Hà Nam, cuối tháng Tư, lại vây đánh Khai Phong lần 3.

Khai Phong là thủ phủ tỉnh Hà Nam. Sùng Trinh hoàng đế Chu Do Kiếm mấy lần hạ lệnh điều động binh lực toàn quốc đến cứu viện cho Khai Phong.

Từ tháng 5, tháng 6, Đô đốc Đinh Khải Duệ, Tổng đốc Bảo Định Dương Văn Nhạc, Tổng binh Tả Lương Ngọc... là các tướng nhà Minh đem 40 vạn binh mã lần lượt tới Chu Tiên.

Trấn Chu Tiên là cửa ngõ trọng yếu của phủ Khai Phong, tiện đường thủy bộ. Trước thế công của quân triều đình, Lý Tự Thành chỉ để một bộ phận nhỏ binh mã khống chế quân địch trong phủ Khai Phong, còn tự mình dẫn chủ lực tới trấn Chu Tiên trước, chiếm đồi cao phía tây nam.

Lý Tự Thành sai quân lấp kín phía thượng lưu dòng Sa Hà để cắt đứt nguồn nước của quân Minh. Đường giao thông phía tây nam lại xẻ đường sâu, rộng hàng trượng và đào một cái hào dài hàng trăm dặm. Như vậy có thể cắt đường vận lương của địch, vừa ngăn cản đường rút chạy của quân địch về phía Nang Dương. Lý Tự Thành còn cho xây các ụ pháo như những pháo đài, xung quanh có chiến hào khá sâu, bên trong mai phục tinh binh.

Hạ tuần tháng 6, các đạo quân triều đình đã tập trung ở Thủy Ba tập, phía đông trấn Chu Tiên, doanh trại nối nhau dài hơn 20 dặm, đối diện với doanh trại của nghĩa quân ở phía tây nam. Hôm sau, Tổng đốc Bảo Định Dương Văn Nhạc cho đại bác nổ súng tấn công trước. Nghĩa quân trên đồi cao thì pháo kích xuống doanh trại của Tả Lương Ngọc mà quân họ Tả không thể bắn trả được.

Sau mấy ngày giao chiến, quân Minh kiệt nước uống, thiếu lương ăn, đạn pháo còn ít. Dương Văn Nhạc hy vọng quân trong phủ Khai Phong kéo ra nhưng cống thành vẫn đóng im ỉm.

Đình Khải Duệ thúc giục các tướng hiệp đồng xuất kích. Nhưng đây là binh mã tứ xứ dồn về, tướng nào cũng có tính toán riêng, chẳng ai chịu nghe ai.

Tả Lương Ngọc không hề thông báo gì cho Đình Khải Duệ, lặng lẽ hạ lệnh lui quân về phía nam. Bộ binh đi trước, kỵ binh đi sau, rút về Nang Dương. Đạo quân của họ Tả là cánh quân mạnh nhất, tới mười vạn binh mã. Thấy đạo quân này rút lui, các đạo khác cũng dao động lần lượt lui quân.

Lý Tự Thành thấy quân họ Tả di chuyển về phía nam, cho rằng đạo quân ấy sẽ liều mạng tử chiến, không nên ngăn chặn. Nhưng để bộ binh đi qua rồi hãy đánh đuổi phía sau thì nhất định thắng lợi. Nghĩa quân để bộ binh đi qua, còn với kỵ binh giao chiến nghĩa quân đã lui lại, giả bộ non yếu.

Tả Lương Ngọc tưởng nghĩa quân khiếp sợ, không dám truy đuổi, có thể an tâm đào thoát, bảo tồn lực lượng, thế là không ngần ngại rút về Nang Dương. Đi được 80 dặm thì đến nơi nghĩa quân đã đào hào dài từ trước. Lúc này, người ngựa đã mệt, lũ lượt dấp ngựa xuống hào để vượt qua.

Lý Tự Thành dẫn đại quân đột nhiên từ sau lưng tràn tới. Quân triều đình thấy họ thì hoảng hốt ào qua hào, hàng ngũ rối loạn, người ngựa ngã chổng chơ, lớp sau đè lớp trước, thân lấp đầy cả đường hào. Nghĩa quân do Lý Tự Thành phân công chặn phía trước cũng vừa tới, giết nốt những kẻ vượt được qua hào.

Tả Lương Ngọc nhìn bốn bề thấy toàn là nghĩa quân, đành vứt bỏ đội ngũ, đem mấy chục thân tín chạy về hướng Nang Dương. Nghĩa quân thừa thắng đuổi theo các đạo quân khác, tiêu diệt phần lớn quân triều đình. Đình Khải Duệ, Dương Văn Nhạc tháo chạy về phía Nhữ Ninh (Nhữ Nam, tỉnh Hà Nam), dọc đường vứt bỏ cả văn thư, ấn kiếm. Quân Minh ở trấn Chu Tiên thảm bại.

“Thiện chiến giả, chí nhân nhi bất chi ư nhân ”

Người chỉ huy tác chiến giỏi có thể điều động kẻ địch, chứ không bị động theo sự sắp đặt của địch.

Cảnh Yểm nhiều phen điều động quân địch, diệt Trương Bộ

Vương triều Đông Hán từ sau khi kiến lập (năm 25) trở đi, Quang Vũ đế Lưu Tú muốn thống nhất toàn quốc, liền bắt đầu chiến tranh tiêu diệt các thế lực địa chủ cát cứ ở các nơi.

Năm Kiến Vũ thứ năm (năm 29) thế lực cát cứ ở vùng Quang Đông chỉ còn có Trương Bộ. Tháng 10 năm đó, Lưu Tú lệnh cho đại tướng Cảnh Yểm đem quân đánh Trương Bộ.

Trương Bộ nghe tin Cảnh Yểm tiến công, vội bố trí binh lực: đại tướng Phí Ấp đóng quân ở Lịch Hạ, Chúc A, lại lập mấy chục doanh trại ven Chung Thành và Thái Sơn để phòng thủ.

Cảnh Yểm dẫn quân tới bờ tây Hoàng Hà, chỉ huy quân vượt Hoàng Hà và Tế Thủy, trước hết công phá Chúc A. Cảnh Yểm chừa một góc Chúc A để cho quân của Trương Bộ chạy về Chung Thành. Quân phòng thủ Chung Thành thấy quân từ Chúc A thua chạy về đó liền bỏ thành chạy luôn. Phòng tuyến của đại tướng Phí Ấp xây dựng tan vỡ.

Phí Ấp liền cử Phí Cản chỉ huy một bộ phận binh mã khống chế thành Cự Lý (đông bắc Lịch Thành, tỉnh Sơn Đông) ở phía đông Lịch Hạ, để chặn quân Hán tấn công.

Cảnh Yểm cố ý tuyên bố cho toàn quân nghỉ ngơi ba ngày chinh đồn hàng ngũ, rồi sẽ tập trung binh lực đánh Cự Lý, đoạn ngầm thả một số tù binh để họ mang tin đó về báo cho Phí Ấp. Phí Ấp được tin này quả nhiên 3 ngày sau đem quân đến cứu viện Cự Lý, Cảnh Yểm đã mai phục tinh binh ở gần Cự Lý, đợi Phí Ấp tới ào ra chém chết Phí Ấp, đánh tan đạo quân đó.

Phí Cản sợ không giữ nổi Cự Lý, đem quân chạy về huyện Kịch, quân Hán phá tan hơn 40 quân doanh, chiếm Tế Nam.

Huyện Kịch là thủ phủ của Trương Bộ, phía tây có Trương Lam, em của Trương Bộ chỉ huy hơn 2 vạn tinh binh đóng ở Tây An, lại có hơn 1 vạn quân phòng thủ Lâm Tri, khoảng cách giữa hai thành chưa đầy 40 dặm. Cảnh Yểm sau khi chiếm Tế Nam, đem quân đến Hoạch Trung nằm giữa Tây An và Lâm Tri rồi phân tích tình hình phòng ngự của đối phương, cho

rằng thành Tây An nhỏ nhưng kiên cố, lại có nhiều tinh binh phòng thủ; còn Lâm Tri tuy lớn nhưng phòng thủ sơ sài, dễ đánh, bèn tiến đánh Lâm Tri. Nhưng tùy tướng là Tuần Lương cho rằng nếu đánh Lâm Tri thì Tây An sẽ đến cứu; đánh Tây An thì Lâm Tri không dám cứu, do đó nên đánh Tây An. Cảnh Yểm liền nói: “Địch có dám cứu viện không, là do ta điều động được chúng hay không. Nếu quân ta làm cho địch ở Tây An tự lo cho mình chưa xong, tất sẽ không dám cứu Lâm Tri. Đợi quân ta hạ xong Lâm Tri, sẽ cắt đứt liên hệ giữa Tây An với huyện Kịch, làm cho Tây An bị cô lập. Tây An bị cô lập, tất địch sẽ bỏ thành mà chạy. Ngược lại, nếu quân ta đánh Tây An trước, tất địch sẽ cố thủ, ta bị thêm thương vong. Dù có đánh phá, sẽ bức Trương Lam rút về Lâm Tri, liên hợp với quân ở Lâm Tri mà đánh ta, sẽ kéo dài thời gian tác chiến. Quân ta ở lâu trên đất địch sẽ gặp nhiều bất lợi”.

Thế là các tướng thống nhất ý kiến với Cảnh Yểm, tung tin 5 ngày sau sẽ đánh Tây An. Trương Lam nghe tin, đêm ngày tăng cường phòng thủ.

Đến nửa đêm ngày thứ tư, Cảnh Yểm lệnh cho toàn quân ăn no, canh năm thì bất ngờ tiến đánh Lâm Tri, chỉ mất nửa ngày đã chiếm được thành. Trương Lam thấy Lâm Tri thất thủ, sợ bị cô lập, liền đem quân rút về huyện Kịch, Cảnh Yểm ung dung chiếm Tây An.

Bị mất Lâm Tri và Tây An, Trương Bộ cả kinh, đích thân cùng Trương Lam, Trương Hoảng đem 20 vạn quân tới phía đông Lâm Tri bày trận đánh quân Hán.

Để điều động quân địch rời khỏi trận địa mà tiêu diệt, Cảnh Yểm đã bố trí trước chủ lực tinh binh ở trong thành Lâm Tri và phân công hai tướng Lưu Hâm và Trần Mục đóng quân ở ngoài thành.

Cảnh Yểm lại đích thân dẫn 1 bộ phận binh mã chủ động kéo tới Tri Thủy bày trận. Đôi bên vừa giao chiến, Cảnh Yểm cố ý tỏ ra yếu thế, dẫn quân rút chạy. Trương Bộ liền thúc quân truy kích, đến chân thành Lâm Tri thì gặp Lưu Hâm và Trần Mục ra ứng chiến.

Cảnh Yểm lập tức chỉ huy tinh binh quân Hán đánh mạnh vào cạnh sườn quân Trương Bộ. Trương Bộ không kịp đề phòng, bị thiệt hại nặng. Cảnh Yểm đã tính trước việc Trương Bộ bị đánh như vậy, ắt phải rút, nên bố trí phục binh. Tối ngày thứ ba, quả nhiên quân Trương Bộ bắt đầu rút. Quân Hán mai phục ào ra đánh giết, truy đuổi đến tận sông Cự Vị. Quân Trương Bộ thảm hại, thương vong nặng nề, mất hơn hai ngàn xe quân nhu.

Quân Hán đuổi quân Trương Bộ đến huyện Kịch, Cảnh Yểm cho rằng thủ phủ của Trương Bộ không còn binh lực để giữ, không cần đánh, cũng khỏi cần vây, một lần nữa điều động kẻ địch theo mình muốn. Quả nhiên, tàn quân của Trương Bộ lữ lượt kéo nhau rút chạy ra khỏi cửa thành phía đông. Trương Bộ chỉ còn mấy chục tướng sĩ chạy đến Bình Thọ. Cảnh Yểm đuổi tới Bình Thọ, bức Trương Bộ đầu hàng.

Cảnh Yểm do hiểu rõ tình hình địch, tranh thủ chủ động, chỗ nào cũng điều động được quân địch theo ý mình, cuối cùng đã tiêu diệt hoàn toàn thế lực cát cứ ở vùng Quan Đông.

“Năng sử địch nhân chí giả, lợi chi dã ”,

Làm cho địch tự đến khu vực ta định trước là kết quả của việc dùng lợi nhỏ mà dụ địch.

Trương Hiến Trung dùng lợi nhỏ dụ địch, chiếm Nhạc Châu

Đời nhà Minh, năm Sùng Trinh thứ 16 (năm 1643), Trương Hiến Trung chỉ huy quân khởi nghĩa nông dân đánh chiếm Nhạc Châu, (thị trấn Nhạc Dương, Hồ Nam), cắt cử quan lại địa phương, sau đó lại đem quân xuống phía nam đánh Trường Sa.

Nghĩa quân đi không lâu, quan quân triều đình nhân cơ hội Nhạc Châu bỏ trống, liền chiếm lại. Nhạc Châu ở phía đông bắc Hồ Nam, gần hồ Động Đình, có vị trí địa lý quan trọng. Việc thất thủ Nhạc Châu rất bất lợi cho hoạt động của nghĩa quân tại Hồ Nam.

Tháng 11 năm đó, Trương Hiến Trung cử 4 đại tướng chiếm lại Nhạc Châu. Trước khi họ khởi hành, Trương Hiến Trung rỉ tai nói mật kế với họ; nghe xong, cả bốn viên đại tướng đều lộ vẻ vui mừng, tin tưởng xuất phát. Nghĩa quân lạng lẽ tiến gần về Nhạc Châu, cách thành không xa thì dừng lại. Các tướng bàn bạc rồi chia nhau hành động.

Hôm sau, chỉ thấy một chiếc thuyền cực lớn chở đầy lương thực lững lờ xuôi dòng. Đồng thời vô số thuyền nhỏ đã ẩn nấp ở các bãi lau sậy ven sông. Hai bên bờ lại có phục binh chờ sẵn.

Chiếc thuyền lớn xuôi dòng, tới gần thành Nhạc Châu thì bị quan quân phát hiện. Các phó tướng Vương Thế Thái và Dương Văn Phú vội đem ba ngàn binh sĩ lên hạm thuyền tiến ra. Chiếc thuyền lớn thấy vậy vội quay mũi chạy ngược lại. Quan quân thấy trên thuyền rất nhiều vật tư hàng hoá, há chịu buông tha, liền đua nhau đuổi theo.

Nghĩa quân chèo chống một đoạn, thấy quân địch đã lọt vào ổ phục kích, liền giả bộ đuổi sức chèo thuyền chạy trốn, nhảy cả xuống sông đào thoát. Vương Thế Thái và Dương Văn Phú lệnh cho binh sĩ mau chóng tiếp cận và leo lên thuyền lớn. Chúng thấy trên thuyền chất đầy hàng hoá thì cả mừng. Nhưng vì bánh lái của thuyền đã gãy, không điều khiển được nữa, Vương Thế Thái hạ lệnh chuyển các bao hàng xuống các hạm thuyền. Quan quân tham lam vô độ, thuyền nhỏ nhưng cố chất hàng cho nhiều, nên chiếc nào cũng mấp mé nước, chỉ chao động mạnh sẽ chìm.

Chính lúc quan quân chuẩn bị về thành, thì một tiếng pháo lệnh nổ vang, vô số thuyền nhỏ của nghĩa quân ẩn náu ở bờ sông lao ra, Quan quân luống cuống hết bề chống đỡ trước những lá thuyền nhỏ nhẹ, cực kỳ linh hoạt. Quan quân lớp bị giết, lớp bị chết đuối vô số.

Những tên lợi được lên bờ lại bị phục binh đón sẵn, tiêu diệt nốt. Trận này quân triều đình bị giết hơn 2000, mất 200 chiến thuyền, may mà hai tướng Vương, Dương chạy thoát. Do chủ lực bị diệt, quan quân trong thành sợ hãi bỏ thành chạy trốn. Thế là nghĩa quân chiếm lại được Nhạc Châu.

“Năng sử địch nhân bất đắc chí giả, hại chi dã”

Làm cho địch không thể đến nơi nó muốn, ấy là do ta ngăn cản nó.

Lý Tĩnh thả thuyền cản địch, chiếm Giang Lăng

Đường Cao Tổ, năm Võ Đức thứ ba (năm 620), trong lúc tranh giành Trung Nguyên, Lý Uyên đã cử 2 tướng Lý Hiếu Cung, Lý Tĩnh quản lý Ba Thục, huấn luyện thủy binh, chờ cơ hội tiến đánh thế lực cát cứ lớn nhất ở Giang Nam là tập đoàn Tiêu Tiển, lấy quốc hiệu “Lương”.

Năm Võ Đức thứ 4, sau khi Lý Thế Dân giành thắng lợi quyết định ở Trung Nguyên, liền chuẩn bị tiến xuống phía nam tiêu diệt Tiêu Tiển. Lý Tĩnh nhắm vào những chỗ yếu của tập đoàn Tiêu Tiển, như nội bộ hủ hoá, các tướng cậy công, lục đục bất hoà... mà định ra kế hoạch quân sự mườì điều, trình lên triều đình xin đánh.

Lý Uyên cả mừng, chuẩn y kế hoạch đó, cử Lý Hiếu Cung làm Tổng quản Qùy Châu, Lý Tĩnh làm Tổng quản hành quân kiêm Nhiếp hành quân trưởng sử, đóng thuyền, luyện tập thủy chiến, chuẩn bị xuất kích đánh Giang Lăng, đô thành nước Lương.

Lý Hiếu Cung tuy là tôn thất nhà Đường, nhưng ít cầm quân, nên để Lý Tĩnh toàn quyền chỉ huy ba quân. Lý Tĩnh thấy thời cơ chưa chín muồi, nên nhận lệnh từ tháng Hai đến tháng Bảy vẫn án binh bất động.

Phút chốc đã tới tháng 9, nước sông Trường Giang mùa này dâng cao, chảy cuồn cuộn, đi thuyền rất nguy hiểm. Tiêu Tiển cho rằng mùa này quân Đường quyết không thể xuất binh, thế là an tâm cho binh lính nghỉ ngơi, không hề phòng bị.

Lúc này Lý Tĩnh mới tập trung đại quân rời Qùy Châu tiến đánh Tiêu Tiển. Đại quân đến Tam Hiệp, thấy nước sông chảy cuồn cuộn, hung hiểm, đập vào vách đá bọt sóng tung toé, tiếng réo ầm ầm. Các tướng đều xin tạm dừng, chờ nước rút hãy tiến. Lý Tĩnh nói: “Binh quý ở thần tốc, thời cơ không được bỏ lỡ. Nay quân ta tập kết xuất binh rồi, Tiêu Tiển vẫn chưa hay biết. Ta nên thừa lúc nước dâng cao này xông thẳng đến dưới thành của chúng, như vậy gọi là sét đánh ngang tai, đánh lúc địch không ngờ, thì chắc chắn thắng lợi”.

Lý Hiếu Cung và các tướng cho là phải, thế là quân Đường vượt qua Tam Hiệp, tiến đến Di Lăng.

Tùy tướng của Tiêu Tiển là Văn Sĩ Hoảng, một viên dũng tướng, bày trận chống cự, nhưng do không chuẩn bị, ngay trận đầu đã bị tổn thất hơn 300 chiến thuyền.

Quân Đường tiến đến Bách Lý Châu, tiến đến gần Giang Lăng, Tiêu Tiển không kịp điều binh, đành dùng mấy ngàn lính túc vệ xông ra tiếp chiến. Lý Hiếu Cung nôn nóng muốn thắng nhanh, định xuất chiến. Lý Tịnh can: “Đây là bọ liễu chết, không nên đánh ngay. Hãy đợi 1,2 ngày, khi chúng giảm nhuệ khí, hãy đánh cũng chưa muộn”. Lý Hiếu Cung không nghe, 1 mình dẫn quân xuất kích. Quả nhiên Lý Hiếu Cung thua to. Quân Đường sợ hãi bỏ thuyền, quăng vũ khí, của cải chạy lên bờ nam.

Quân Tiêu Tiển tranh nhau thu nhặt chiến lợi phẩm. Tên nào cũng tay xách nách mang đủ thứ, đội ngũ chệch choạc, lộn xộn. Lý Tịnh nắm lấy thời cơ, hạ lệnh xuất kích. Bại binh của Lý Hiếu Cung thấy viện binh tới cũng quay trở lại hiệp đồng tác chiến. Lúc này quân Tiêu Tiển đã chẳng còn thiết đánh nhau, chỉ cốt chạy mau cho thoát. Quân Đường chuyển bại thành thắng, chém giết và làm chết đuối ngót 2000 quân địch, thu 400 chiến thuyền. Rồi thừa thắng chiếm ngoại thành Giang Lăng và vây chặt thành này.

Lý Tịnh sai binh sĩ thả trôi toàn bộ chiến thuyền thu được của địch. Các tướng không hiểu, nói: “Các thứ chiến lợi phẩm này rất tốt, tại sao không dùng, lại thả trôi như vậy?”, Lý Tịnh mỉm cười phân tích với các tướng: “Thuộc địa của Tiêu Tiển rộng lớn, phía nam quá Lĩnh Biểu, phía đông đến hồ Động Đình, Quân ta một mình tiến sâu vào đây, nếu hạ thành chưa xong mà viện quân của địch từ tứ phía kéo đến, thì quân ta sẽ tiến thoái lưỡng nan, lúc ấy giữ lấy thuyền phò có ích gì?”.

Lý Tịnh lại tiếp: “Nay chúng ta đem thả trôi số thuyền này, khi viện quân nhìn thấy, sẽ cho rằng Giang Lăng đã thất thủ, không dám tiến gấp, phải dò xét tình hình. Thế là chúng ta có ngót nửa tháng ung dung đánh thành Giang Lăng, vậy mới chắc thắng!”. Các tướng đều tán phục, thế là sau khi thả thuyền, ra sức đánh thành.

Các đạo quân tiếp cứu cho Giang Lăng đang tiến gấp ven sông, thấy thuyền chở của cải trôi đầy sông, cái nổi cái nửa chìm, quả nhiên tưởng rằng Giang Lăng thất thủ đều dừng lại, cho trinh sát đi thăm dò. Tiêu Tiển

mong ngóng viện binh chẳng thấy tới, bị quân Đường công phá mãnh liệt, đành phải người sang xin hàng quân Đường.

Lý Tĩnh kéo quân vào thành, hạ lệnh tuyệt đối không xâm phạm đến dân chúng, hậu đãi hàng binh. Kẻ nào vi phạm sẽ bị chém đầu.

Quân cứu viện tứ phương kéo đến, thấy Giang Lăng đã thất thủ, lại thấy quân Đường đối đãi nhân nghĩa, đều lần lượt xin hàng. Sau đó Lý Tĩnh kéo quân tới đâu, các nơi đều qui thuận, không chống cự. Toàn bộ địa khu Lĩnh Nam rộng lớn đều qui nhập Đường triều. Do có công lớn, Lý Tĩnh được phong làm Tổng quản toàn bộ địa khu Lĩnh Nam.

“Địch dật năng lao chi”

Địch đang nghỉ ngơi, ta phải làm cho chúng mệt mỏi.

Chu Đức Uy làm địch mặt mũi, đại thắng ở Bá Hương

Thời Ngũ đại Hậu Lương, Thái Tổ Chu Ôn muốn thôn tính nước Triệu, viện cớ giúp Triệu chống Yên, tháng Chạp năm Khai Bình thứ tư (năm 910), dẫn quân đến đóng ở 2 châu Thâm và Ký, rồi đóng cửa thành, giết hết quan lại, binh sĩ trong thành mà chiếm lấy cả hai châu đó.

Nước Triệu vốn vẹn có 4 châu Trấn, Triệu, Thâm, Ký, nay mất một nửa giang sơn. Vương Dung lo lắng vội cử sứ giả sang cầu viện nước Tấn. Vua Tấn là Lý Tồn Húc nghĩ nếu Lương diệt Triệu, thì phía đông nước Tấn sẽ phải đối đầu với Lương, nên đồng ý cứu viện, cử lão tướng Chu Đức Uy đem binh xuất phát từ Tĩnh Hình tiến sang châu Triệu.

Chu Ôn hay tin quân Tấn đến cứu nước Triệu, liền sai 2 tướng Vương Cảnh Nhân, Hàn Kính đem quân nghênh chiến. Quân Lương đóng đại doanh tại Bá Hương. Vua Triệu là Vương Dung thấy Chu Đức Uy ít quân, e chẳng địch nổi quân Lương, cầu cứu vua Tấn. Lý Tồn Húc thấy đây chính là cơ hội không chế Vương Dung, bèn thân chinh dẫn đại quân sang châu Triệu, hội hợp với Chu Đức Uy.

Sau đó Lý Tồn Húc đến hạ trại cách Bá Hương 30 dặm và sai Chu Đức Uy đem 3000 kỵ binh tới doanh trại quân Lương khiêu chiến. Quân Lương biết Chu Đức Uy là danh tướng lẫy lừng, nên bố phòng nghiêm mật, không ra giao chiến.

Lý Tồn Húc hay tin, hạ lệnh nhổ trại tiến gần thêm 25 dặm, chỉ còn cách quân Lương 5 dặm, mới hạ trại. Lý Tồn Húc lại sai Chu Đức Uy đến trước doanh trại quân Lương khiêu chiến. Kỵ binh của lão tướng cứ phóng ngựa quanh trại mà bắn tên vào, vừa không ngớt chửi rủa đối phương.

Thống soái quân Lương là Vương Cảnh Nhân thoạt đầu còn ngồi trong trường ung dung uống rượu, bất chấp, nhưng sau nghe Chu Đức Uy chửi bới mãi, sợ làm mất sĩ khí quân mình, liền cử đại tướng Hàn Kinh điếm 3 vạn bộ kỵ xông ra ứng chiến.

Chỉ thấy quân Lương chia làm ba đạo tả, trung, hữu quân, giáp trụ sáng loáng, hàng ngũ chỉnh tề, khí thế oai hùng, Chu Đức Uy nói với phó tướng đứng bên cạnh: “Xem chừng quân Lương chưa định đánh thực, chỉ muốn

diều võ giương oai mà thôi. Nếu ta không làm giảm nhuệ khí của chúng, e khó giữ vững tinh thần quân ta”.

Chu Đức Uy dẫn 1000 kỵ binh tinh nhuệ đánh vào 2 cánh tả, hữu của quân Lương, tả xung hữu đột, giết và bắt hơn 100 tên địch. Lý Tồn Húc đem quân tới tiếp ứng, quân Lương phải lui vào trong doanh trại.

Chu Đức Uy nói với Lý Tồn Húc: “Quân Lương đông đảo, có khí thế, ta không nên đem cứng chọi cứng. Xin đại vương án binh bất động, chờ nhuệ khí địch giảm sút, mệt mỏi hãy tác chiến. Quân ta dựa vào kỵ binh là chính, phải ở nơi rộng rãi mới tung hoành được. Nay áp sát trại địch, không thể phát huy ưu thế của kỵ binh. Đây là chưa nói địch đông, ta ít, nếu chúng biết rõ thực lực quân ta, e rằng tai họa khó tránh”.

Chu Đức Uy chỉ lo Lý Tồn Húc không nghe, vội đến gặp Giáp quân Trương Thừa Nghiệp, nói: “Đại vương mới thắng một trận nhỏ mà khinh địch, không tự lượng sức, cứ muốn đánh nhanh. Nay cự ly giữa ta và địch quá gần, nếu không chuẩn bị đầy đủ mà dốc toàn lực tấn công, quân ta sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn. Tôi thấy nên lui về Cao Ấp dụ địch ra khỏi doanh trại. Địch ra ta lui, địch rút vào ta lại đến quấy phá, làm cho chúng mệt mỏi. Ta phái kỵ binh nhẹ đi ngăn chặn đường vận chuyển lương thảo của địch, thì không quá 1 tháng có thể đánh bại chúng”.

Trương Thừa Nghiệp cho rằng ý kiến của Chu Đức Uy rất đúng, vội tới trình bày lại với Lý Tồn Húc và nói thêm: “Chu lão tướng tinh thông phép dùng binh, không thể xem nhẹ ý kiến của vị lão tướng”. Lý Tồn Húc nói: “Ô, trăm cũng đang nghĩ đây”. Vừa hay khi đó bắt được một thám báo của quân Lương. Hỏi cung thì biết quân Lương được lệnh dốc toàn lực chuẩn bị một phen quyết chiến. Lý Tồn Húc khen Chu Đức Uy có tài tiên liệu, lập tức hạ lệnh nhổ trại lui về Cao Ấp.

Vương Cảnh Nhân nghe báo tin, cười bảo các tướng: “Thấy chưa, ta sớm liệu rằng quân Tấn không dám đối địch. Chu Đức Uy vốn muốn đánh nhanh với ta, ta vừa thị uy 1 lần, chúng đã phải rút chạy. Đủ thấy Lý Tồn Húc muốn thắng, nhưng lính của hắn không dám đánh. Chờ ít ngày nữa chúng mất hết tinh thần, ta sẽ xuất kích!”.

Bá Hương xưa nay không có các bãi cỏ chăn nuôi, quân Lương phải sai lính ra xa doanh trại cắt cỏ cho ngựa. Đại doanh của quân Tấn tuy đã lui về

Cao Ấp, nhưng hàng ngày cứ phái từng tốp kỵ binh nhẹ liên tiếp đến tập kích các nhóm quân Lương đi cắt cỏ, đánh xong lại rút ngay.

Cứ thế, quân Lương không dám ra ngoài cắt cỏ. Chu Đức Uy lại đem kỵ binh đến doanh trại bắn tên và chửi bới, quân Lương sợ có phục binh, cũng chẳng dám xông ra.

Thấy quân mình bị quân Tân quấy phá, làm cho mệt mỏi, Vương Cảnh Nhân cả giận lệnh cho Hàn Kinh đem toàn bộ binh mã xuất trại tác chiến.

Kỵ binh quân Tấn vừa đánh vừa lùi, dụ quân Lương tới gần sông Dĩ ở phía nam Cao Ấp. Trên sông có mấy cây cầu nổi do tướng Lý Tồn Chương của quân Tấn bắc và canh giữ, Lý Tồn Chương để quân của Chu Đức Uy, Sử Kiện Đường, Lý Tư Nguyên rút qua sông rồi chặn đánh quân Lương đã đuổi tới.

Quân Lương tràn tới đông như kiến. Lý Tồn Chương chỉ huy quân sĩ cố thủ, nhưng trước thế công của địch quá mạnh, sắp bại đến nơi. Lý Tồn Húc ở trên gò cao quan sát, thấy vậy bảo tướng Lý Kiện Cập: “Nếu để địch qua cầu sẽ khó đánh lại chúng!”, Lý Kiện Cập liền chọn 200 lính tinh nhuệ, mỗi người cầm một cây trường thương, lao tới hỗ trợ cho Lý Tồn Chương.

Bên thủ bên công, đôi bên ác chiến đến giữa trưa, bất phân thắng bại. Lý Tồn Húc nói với Chu Đức Uy: “Quân sĩ đôi bên đã xáp chiến, thế không thể lùi. Sự tồn vong của quân ta là ở lúc này. Trẫm nguyện xông ra trận, mong lão tướng theo trẫm quyết chiến”.

Chu Đức Uy giữ cương ngựa vua lại, nói: “Quân Lương quá đông, không thể thắng chúng bằng sức. Tốt nhất là ta cứ theo kế làm cho chúng mỗi mệt hãy đánh. Bây giờ ta sẽ phái kỵ binh tấn công, chắc chắn đại thắng”.

Trời tối dần, quân Lương chưa kịp ăn vì đánh nhau suốt một ngày, lúc này đã mệt mỏi, bắt đầu rút lui. Chu Đức Uy chỉ huy quân lính dũng mãnh xông lên, đánh vào cánh phía đông của quân Lương. Lý Tư Nguyên dẫn thuộc hạ đánh vào cánh quân phía tây. Quân Lương tháo chạy tán loạn.

Lý Tồn Chương dẫn bộ binh bám theo sau, miệng quát: “Đầu hàng sẽ được sống!”. Thế là quân Lương lần lượt quăng vũ khí đầu hàng.

Binh sĩ của vua Triệu ở hai châu Thâm, Ký vốn căm hận quân Lương chiếm đóng và cướp phá, nên họ ra sức chém giết những tốp quân Lương bỏ

chạy. Tinh binh quân Lương bị tiêu diệt gần hết. Từ sông Hà đến Bá Hương ngọn ngang cây giặc. Quân Lương chỉ còn chủ tướng Vương Cảnh Nhân cùng Hàn Kinh dẫn vài chục kỵ binh chạy trốn.

Quân Tấn kéo đến Bá Hương thì doanh trại địch không còn một bóng người, lương thực, vũ khí, quân nhu quân dụng bỏ lại ngọn ngang. Lý Tồn Húc thu binh đóng tại châu Triệu, định nghỉ ngơi, sau đó tiến đánh 2 châu Thâm, Ký. Không ngờ quân Lương ở hai châu ấy chưa đánh đã chạy.

Trận Bá Hương, Tấn thắng Lương thua, chủ yếu nhờ tướng Chu Đức Uy biết đánh giá tình hình, mấy độ hiến kế hay làm địch mỏi mệt, lấy ít thắng nhiều.

“An năng động chi ”

Địch yên ổn, phải làm cho chúng xáo động.

Thái Bạt Đào dụ địch ra khỏi thành, chiếm Thống Vạn

Thời Nam Bắc triều, Thái Võ đế của Bắc Ngụy là Thái Bạt Đào là vua thứ ba của dân tộc Tiên Ti kiến lập chính quyền Bắc Ngụy. Thái Bạt Đào có tài thao lược, nuôi chí chấm dứt cục diện 16 nước nhỏ chia nhau cát cứ thời ấy để thống nhất phương bắc Trung Quốc.

Năm Thái Võ đế Thủy Quang thứ 4 (năm 427), Thái Bạt Đào lệnh cho Tư đồ Trường Tôn Hàn, Thường Sơn vương Thái Bạt Tố và Nam Dương vương Thái Bạt Phục đem 9 vạn 3 ngàn quân tiến công Thống Vạn đô là thành nước Hạ, Thái Bạt Đào thân chinh đi từ kinh đô của Bắc Ngụy là Bình Thành, dẫn binh vượt bến Quân Tử vượt qua Lâm Sơn (Mông cổ).

Dừng trại xong xuôi, Thái Bạt Đào tính để các xe lương ở lại, chỉ dẫn ba vạn kỵ binh nhẹ tiến gấp ngày đêm đến đánh thành nhưng quần thần can ngăn: “Thành Thống Vạn rất kiên cố, không thể hạ nhanh, chúa thượng không nên mạo hiểm”.

Thái Bạt Đào cười đáp: “Thuật dùng binh, đánh thành là hạ sách. Nếu ta đem bộ binh cùng đủ thứ linh kinh liến theo, địch ắt cố thủ trong thành, đợi ta đánh lâu không xong, lương thực cạn kiệt, tiến thoái vô lộ, chúng mới xông ra đánh thì ta chống lại sao nổi! Nay ta đem 3 vạn kỵ binh đi trước, không đánh thành, mà chỉ mai phục ở ngoài, chỉ cho một lực lượng nhỏ tới thành như địch ra, có phải là dễ tiêu diệt chúng không?”. Quần thần nghe nói đều tán phục.

Thái Bạt Đào dẫn kỵ binh mai phục ở hẻm núi, cho vài ngàn lính tới bên thành khiêu chiến.

Vua Hạ trong thành là Hách Liên Xương cho người đến Tràng An mời anh mình là Hách Liên Định đang đánh Tràng An của Ngụy đem binh về cứu viện. Hách Liên Định trả lời rằng Hách Liên Xương hãy cố thủ đừng ra, chờ y chiếm xong Tràng An sẽ đem quân về cứu viện. Vua Hạ theo vậy mà làm. Không dè tướng Địch Tử Ngọc của nhà Hạ chạy ra đầu hàng quân Ngụy, nói rõ tin đó.

Thái Bạt Đào biết vậy, liền hạ lệnh lập tức lui binh, nhằm dụ địch. Đã thế, đối với 1 số binh sĩ rút lui chậm trễ lại đánh đập chửi bới, cố ý để họ

chạy trốn về phía Thống Vạn.

Quả nhiên, mấy binh sĩ đó báo cho vua Hạ việc rút chạy của quân Ngụy, nói rằng quân Ngụy nay đã hết lương, phải ăn rau cỏ, vì xe lương và bộ binh ở mãi phía sau chưa đến kịp. Hách Liên Xương tưởng thật đem 3 vạn bộ binh và kỵ binh ra khỏi thành đuổi đánh quân Ngụy.

Thái Bạt Đào hạ lệnh vừa đánh vừa rút, dụ địch đuổi theo. Quả nhiên quân Hạ chia 2 cánh tức tốc đuổi theo. Được chừng năm, sáu dặm, đột nhiên mưa to gió lớn, cát bụi mù mịt, trời đất tối tăm.

Cận thần của vua Ngụy là Triệu Nghệ am hiểu pháp thuật, liền nói với nhà vua: “Trời đất này, địch được thuận gió, còn ta bị ngược, hẳn là trời bảo ta chạy cho nhanh”, không nên giao chiến mà bất lợi”.

Quan Thái thường Thôi Khiết lập tức quát: “Người nói năng lung tung gì vậy? Quân ta từ ngàn dặm tới đây là để quyết thắng. Nay địch đang đuổi theo, đã cách biệt hẳn với hậu quân của chúng, chính là lúc ta phản kích. Chuyện mưa gió thất thường đâu có thay đổi chủ ý của chúng ta!”. Thái Bạt Đào khen phải, lại dụ quân Hạ vào sâu hơn nữa trong hẻm núi, rồi mới cho nổi hiệu trống, quân mai phục nhất tề đổ ra, đôi bên cận chiến. Thái Bạt Đào thúc ngựa xông thẳng vào giữa đội hình địch.

Tướng Hạ là Học Lê Văn cầm giáo dài đâm tới, Thái Bạt Đào dùng kiếm gạt, không ngờ con ngựa bị vấp chân trước, khụy xuống, làm cho vua Ngụy ngã nhào. Học Lê Văn thúc ngựa tới đâm nhà vua, may có tướng Ngụy là Thái Bạt Tề chặn lại. Vua Ngụy thoát hiểm, nhân lúc Học Lê Văn chưa kịp quay ngựa, liền phi thân bật dậy chém chết Học Lê Văn, rồi thúc ngựa xông xáo, chém giết hơn một chục tên địch nữa. Thuộc hạ thấy chúa công bị trúng mấy mũi tên mà vẫn không ngừng chiến đấu thì càng hăng hái. Quân Hạ đại bại, em trai vua Hạ là Hách Liên Mẫn, cháu ruột là Hách Liên Mông lần lượt tử trận.

Hách Liên Xương định chạy về thành, nhưng Thái Bạt Đào tế ngựa chặn đầu, nên phải bỏ chạy về hướng Thượng Quê (Thiểm Tây). Quân Ngụy đánh vào thành không còn vua, bắt hết hoàng tộc, bá quan, phi tần đến hơn vạn người, thu vô số của cải trong kho. Từ đó nhà Hạ suy sụp, vài năm sau thì diệt vong.

“Hành thiên lý bất lao giả, hành ư vô nhân chi địa dã”

*Đi ngàn dặm mà không mệt mỏi, là vì ta đến những nơi không có địch
ngăn trở.*

Trương Hiến Trung thay đổi địa bàn tác chiến, chiếm Nang Dương

Đời Minh, năm Sùng Trinh thứ 12 (năm 1639), tháng 5, Trương Hiến Trung, La Nhữ Tài chỉ huy nghĩa quân, đánh bại quân triều đình do Tả Lương Ngọc kéo đến đàn áp tại La Ảnh Sơn.

Thời gian đó, Lý Tự Thành đi đâu không rõ, nghĩa quân do Trương Hiến Trung và La Nhữ Tài chỉ huy là lực lượng khởi nghĩa mạnh nhất. Hoàng đế Sùng Trinh liền sai Lễ bộ kiêm Binh bộ thượng thư Dương Tư Xương làm đốc sự, các đại tướng Tả Lương Ngọc, Hạ Nhân Long, Mãnh Như Hồ... đem quân chủ lực triều đình triển khai cuộc truy quét đại qui mô.

Mùa thu năm sau (1640), Trương Hiến Trung và La Nhữ Tài liền rời khỏi Hồ Bắc là nơi tập trung quân chủ lực của triều đình, tiến vào Tứ Xuyên. Dương Tư Xương lệnh cho quân Tứ Xuyên ngăn cản, còn mình chỉ huy đại quân đuổi theo.

Trương Hiến Trung dùng chiến thuật vận động vừa tránh vừa đánh địch, trong 4 tháng rong ruổi mấy ngàn dặm ở Tứ Xuyên. Mấy chục vạn quân của Dương Tư Xương cứ loanh quanh đuổi theo nghĩa quân, kết quả là quá mệt mỏi, hết cả nhuệ khí.

Tháng Giêng năm sau (năm 1641), nghĩa quân tiến đến thành Hoàng Lăng. Vùng này gò đồng nhấp nhô, địa hình hiểm yếu. Trương Hiến Trung bố trí mai phục chờ quân Minh đến.

Tổng binh Mãnh Như Hồ và mấy đạo quân khác kéo đến gần thành Hoàng Lăng thì người ngựa đã mệt, lại gặp ngay một trận mưa lớn, gió lạnh thấu xương. Mãnh Như Hồ bất chấp mệt địa hình hiểm trở, hạ lệnh tấn công toàn diện.

Đôi bên tiếp chiến, đánh nhau dữ dội, Trương Hiến Trung ở trên cao quan sát, thấy quân của Hạ Nhân Long không đánh mà lui dần, quân của Tả Lương Ngọc án binh bất động, lập tức chớp thời cơ, hạ lệnh cho kỵ binh tinh nhuệ xuất kích, một cách reo hò xông thẳng vào trận. Quân Minh núng thế, chống không nổi nhưng không có đường rút. Lưu Sĩ Kiệt, Mãnh Tiên Tiệp, Mãnh Trung Tiệp lần lượt bỏ mạng.

Mãnh Như Hồ tả xung hữu đột, bỗng chiến mã bị thương khiến chủ ngã xoài xuống đất. Nghĩa quân xúm lại bắt sống. May có tùy tướng xông tới cứu, đặt Mãnh Như Hồ vắt ngang lưng ngựa mà phá vây chạy thoát, nhưng cờ lệnh và ấn tín của Mãnh Như Hồ phải vứt bỏ hết.

Trương Hiến Trung thắng trận, diệt cánh quân của Mãnh Như Hồ, nhưng lại tránh quân của Dương Tư Xương mà rời Tứ Xuyên, chuyển sang Hồ Bắc.

Khi tiến tới huyện Đương Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trương Hiến Trung đích thân dẫn kỵ binh nhẹ ngày đêm vượt 300 dặm tới gần Nang Dương, là căn cứ địa của Dương Tư Xương. Trương Hiến Trung lệnh cho đại tướng Lý Định Quốc dẫn 28 kỵ binh giả làm quân Minh, nguy trang hộ tống ngân quỹ cho quân Minh tiến tới chân thành Nang Dương.

Lý Định Quốc đưa quân phù và văn thư bắt được của quân Minh, quan coi thành xem xong liền mở cổng thành cho vào. Trương Hiến Trung dẫn binh mã ào tới chiếm thành. Toàn bộ 5000 quân giữ thành đầu hàng mà nghĩa quân không tổn một mũi tên. Nang Dương là trọng địa phong vương của triều đình nhà Minh, Nang vương Chu Dực Minh không kịp bỏ trốn, bị nghĩa quân bắt sống.

Trương Hiến Trung ngồi trên đại sảnh của vương cung, đưa chén rượu cho Chu Dực Minh bị trói dưới thềm, nói: “Hôm nay ta mượn cái đầu của người, để Dương Tư Xương ở đất Thục xa xôi sẽ phải đền tội tiếp sau (Theo pháp luật của triều Minh, thống soái thủ thành bắt lực, để người được phong vương nơi đó bị giết, sẽ bị xử tử). Vậy người hãy cạn chén này”. Đoạn sai đem Chu Dực Minh, Quý Dương vương Chu Thường Pháp và một số quan chức cao cấp ra chém.

Trương Hiến Trung đem 15 vạn lượng vàng và lương thực ra phân phát cho dân nghèo trong thành, ai nấy hoan hỉ.

Dương Tư Xương khi biết nghĩa quân rời Tứ Xuyên, đem binh đuổi theo. Nhưng La Nhữ Tài dẫn nghĩa quân đi đoạn hậu đã phá cầu, xẻ đường, khiến quân triều đình vô cùng vất vả mà vẫn không đuổi kịp.

Khi Nang Dương thất thủ, Dương Tư Xương mới tới Di Lăng, mới biết tin Chu Dực Minh đã bị chém đầu. Dương Tư Xương cả sợ, dưng sợ chịu tội với triều đình.

Hôm sau, vừa tới thị trấn Sa Đầu ở Kinh Châu, Dương Tư Xương lại nghe tin nghĩa quân của Lý Tự Thành đã chiếm Lạc Dương, giết Phúc vương Chu Thường Tuân. Theo luật nhà Minh, Dương biết không khỏi tội chết, liền rút gươm tự sát. Từ đây, khởi nghĩa nông dân cuối triều Minh bước sang thời kỳ mới.

“Công nhi tất thủ giả, công kỳ sở bất thủ dã”

Ta đánh mà chắc thắng, là vì ta tiến công vào nơi kẻ địch không cách gì phòng thủ.

Lý Tự Thành chiếm thành Lạc Dương

Đời nhà Minh, năm Sùng Trinh thứ 13 (năm 1640) tháng 7, Trương Hiến Trung lãnh đạo nghĩa quân phá vỡ vòng vây của quan quân triều đình, lánh sang Tứ Xuyên. Thống soái quân Minh là Dương Tư Xương đem toàn bộ chủ lực truy kích.

Trong nửa năm, Trương Hiến Trung chuyển quân 5,6 ngàn dặm khắp Tứ Xuyên, Trường Khu, khiến quân Minh đuổi theo mỏi mệt.

Trong khi quân chủ lực của triều đình tập trung ở Tứ Xuyên để đàn áp nghĩa quân, nghĩa quân của Lý Tự Thành liên tiếp chiếm các huyện Nghi Dương, Yên Sư, Tân An, bổ sung quân lên mấy chục vạn người, quét sạch địch ở xung quanh thành Lạc Dương.

Cố đô Lạc Dương là đất triều Minh phong cho Phúc vương Chu Thường Tuần, do mẹ của Thường Tuần là ái phi của Minh Thần Tông Chu Duệ Quân. Chu Duệ Quân rất yêu quý Thường Tuần, tuy không thể lập Thường Tuần làm Thái tử, nhưng ban cho y nhiều của cải. Từ khi được phong đất Lạc Dương, Thường Tuần sống cực kỳ xa xỉ, trái ngược hẳn với cảnh lầm than của dân chúng Hà Nam.

Ngày 19/7/1641, Lý Tự Thành bắt đầu đánh phá cửa thành phía bắc. Quân giữ thành lâu nay bất mãn với Chu Thường Tuần, có người công khai nói lớn ngoài đường: “Vương phủ chất đầy vàng bạc, tha hồ ăn chơi phè phỡn, nay bắt chúng ta đói khát đi chết thay cho họ ư? Nghĩa quân đã tới chân thành mà binh sĩ trong thành nhiều người không muốn đánh, thậm chí có người còn hoan nghênh nghĩa quân.

Chu Thường Tuần đến lúc này vẫn chỉ quan tâm đến gia tài của mình, sai thân binh bảo vệ các kho của, chẳng hỏi gì đến tình hình phòng thủ cố đô. Các tướng đề nghị mấy lần, Chu Thường Tuần mới cho xuất kho 3000 lượng bạc để chi cho việc phòng thủ, nhưng số bạc đó bị Tổng binh Vương Thiệu Vũ bỏ vào túi riêng. Chu Thường Tuần bấm bụng xuất thêm 1000 lượng bạc nữa, lần này cũng chẳng đến tay quân sĩ. Họ nổi giận, hất trời Binh bị đạo vương Doãn Xương, định giết cho hả giận.

Do nghĩa quân khích lệ, quân sĩ liền giết tướng giữ thành, đốt lều thành, mở rộng cửa phía bắc cho nghĩa quân tràn vào. Tổng binh Vương Thiệu Vũ bỏ thành chạy trốn. Nghĩa quân tiến vào vương phủ mở kho lương phân phát cho dân nghèo.

Phúc vương Chu Thường Tuần to béo, nặng hơn 300 cân, cải trang trốn ra ngoài thành, nhưng thân thể phục phịch, không đi xa được, trốn vào chùa Nghê Ân, cuối cùng cũng bị nghĩa quân bắt lại.

Dân chúng nghe tin bắt được Chu Thường Tuần và La Duy Kỳ liền đề nghị xét xử công khai, công bố tội trạng. Lý Tự Thành đáp ứng, để quần chúng xử tội chém đầu 2 tên đó cho hả giận. Mọi người trong thành Lạc Dương vui mừng hoan hỉ.

“Thủ nhi tất cố giả, thủ kỳ sở tất công dã”

Ta phòng thủ vững chắc, vì biết trước nơi đó địch sẽ tiến công.

Thiết Huyền phòng thủ Tế Nam, chống Chu Đệ

Thời Minh, năm Kiến Văn thứ nhất (năm 1399), Hoàng thúc Yên vương Chu Đệ mượn danh nghĩa thanh lọc bọn phản tặc trong triều, cất quân ở Bắc Bình (Bắc Kinh) tiến xuống phía nam. Kiến Văn để đặc phái lão tướng Cảnh Bính Văn đem quân trừng phạt. Cảnh Bính Văn đem quân lên phía bắc, đến sông Hồ Đà giao chiến với quân Yên, bị thua.

Kiến Văn để nghe tin Cảnh Bính Văn thất trận, vô cùng lo lắng. Thái thường khanh Hoàng tử Trường tiến cử Lý Cảnh Long. Kiến Văn để phong Lý Cảnh Long làm đại tướng đem binh bắc phạt và thân chinh đưa tiền. Lý Cảnh Long đến Hà Gián, lại bị quân Yên đánh bại, chỉ còn ít tàn binh chạy về Đức Châu.

Chu Đệ thân chinh dẫn đại quân truy kích. Quân Yên chưa tới, Lý Cảnh Long đã chạy trước. Chu Đệ không tốn 1 mũi tên đã chiếm Đức Châu.

Lúc này, quan Tham chính Sơn Đông là Thiết Huyền đang chỉ huy vận lương đến Đức Châu, hay tin Lý Cảnh Long bại trận, bèn quyết định chuyển hướng trở về Tế Nam, bàn với Tham quân Cao Ngụy. 2 người cho rằng Yên vương đã lấy danh nghĩa thanh lọc triều đình thì mục tiêu sẽ là Kim Lăng (Nam Kinh). Tế Nam nhất định sẽ bị Yên vương tiến đánh, phải tử thủ.

Thiết Huyền và Cao Ngụy cùng với hai tướng giữ thành Tế Nam là Thịnh Dung và Tống Tham chỉnh đốn binh mã, đắp sửa thành lũy, chuẩn bị chu đáo việc phòng thủ.

Mấy ngày sau, quả nhiên quân Yên kéo đến Tế Nam vây thành, Thiết Huyền một mặt chỉ huy cố thủ, một mặt cấp báo về Kim Lăng. Kiến Văn để thấy Đức Châu thất thủ, Tế Nam bị vây, vô cùng lo lắng, vội hạ chiếu cho Tả đô đốc Thịnh Dung chủ trì quân vụ, thăng Thiết Huyền làm Bối chính tư sử Sơn Đông.

Quân Yên ra sức phá thành, còn bắn tên mang thư lên thành đòi quân trong thành đầu hàng, Thiết Huyền xem xong xé vụn, ném ra ngoài thành. Yên vương cả giận, hạ lệnh phá đập nước cho tràn vào thành. Dân trong thành kinh hoàng. Tương kế tựu kế, Thiết Huyền triệu tập mấy trăm phụ lão, cho tướng sĩ trà trộn vào ra khỏi thành xin hàng.

Yên vương đích thân ra xem xét. Các phụ lão phủ phục, vừa khóc vừa nói: “Đại vương cất binh là để diệt trừ gian thần, chinh đốn kỷ cương triều đình, tạo phúc cho dân. Đại vương vốn là hoàng thúc, còn thứ dân chúng tôi là dân của Cao tổ hoàng đế. Nếu đại vương thật lòng thương dân, thỉnh ngài cưỡi ngựa vào thành, chúng dân xin nghênh đón”. Yên vương thấy dân chúng ủng hộ mình như vậy, rất hài lòng, nói: “Ngày mai ta sẽ vào thành các người chuẩn bị đón tiếp cho tốt”. Thiết Huyền nghe báo lập tức sai mấy trăm tráng sĩ treo một tấm sắt nặng ngàn cân ở lối vào cổng thành và cho mấy trăm tráng sĩ mai phục bên trong chờ Yên vương tới.

Hôm sau, Yên vương chỉ đem theo vài kỵ binh thông thả cưỡi ngựa qua cầu treo. Thấy cổng thành mở rộng, bên trong có nhiều bô lão và sĩ tốt đứng chờ, hoan hô vạn tuế. Yên vương vừa giục ngựa tiến vào thì “sầm” 1 tiếng, tấm sắt ngàn cân từ trên cao lao thẳng xuống, giáng trúng đầu ngựa, Yên vương ngã nhào, may mà vệ sĩ vội đỡ dậy được, đưa trở ra thoát chết.

Yên vương giận lắm, thề phá được thành Tế Nam, lệnh cho toàn quân tận lực công phá. Thiết Huyền, Thịnh Dung, Cao Ngụy và Tống Tham chỉ huy phòng thủ nghiêm mật. Nhờ lương thực đầy đủ, trên dưới đồng lòng, suốt 3 tháng vẫn giữ vững thành. Trong lúc đó, Kiến Văn đế đã cử 20 vạn quân chiếm lại Đức Châu.

Yên vương thấy Đức Châu thất thủ, sợ đường tiếp lương bị cắt đứt, sau lưng có địch, vội lui quân.

Thành Tế Nam là nơi Yên vương phải lấy mới đến được Kim Lăng, song Thiết Huyền đã giữ được thành, buộc Yên vương phải rút quân về Bắc Bình. Kiến Văn đế liền phong cho Thịnh Dung làm Lịch Thanh hầu, thăng Thiết Huyền làm Binh Bộ thượng thư.

“Thiện công giả, địch bất tri kỳ sở thủ”

Người giỏi tiến công thì địch không biết đâu mà phòng thủ.

Mộ Dung Thùy chia quân nghi binh, đánh Tây Yên

Thời Đông Tấn, năm Lý Võ đế Thái nguyên thứ 19 (năm 394), tháng Hai, chúa Hậu Yên là Mộ Dung Thùy dẫn đại quân đánh chúa Tây Yên là Mộ Dung Vĩnh ở Tràng Tử.

Mộ Dung Thùy chia binh mã làm ba đạo, định rõ ngày xuất phát từ ba nơi Phủ Khẩu, Hồ Quan, Sa Đình. Chúa Tây Yên là Mộ Dung Vĩnh nghe tin, vội chia quân đi phòng thủ các nơi hiểm yếu, tập kết lương thảo tại Đài Bích, phái Chinh đông tướng quân Tiểu Dật Đậ Quy đem hơn 1 vạn quân bảo vệ kho lương.

Ba đạo quân của Mộ Dung Thùy đến vị trí qui định đều án binh bất động hơn một tháng.

Mộ Dung Vĩnh biết Mộ Dung Thùy giỏi dùng binh, nghi rằng Mộ Dung Thùy định dương đông kích tây, hẳn sẽ từ Chỉ Quan xâm nhập. Liên điều binh lực các nơi tập kết ở Chỉ Quan, chỉ để một bộ phận ở Đài Bích.

Mộ Dung Thùy thấy chúa Tây Yên đã trúng kế, liền huy động ba quân vượt qua Phủ Khẩu tiến gấp tới Đài Bích.

Tướng phòng thủ Đài Bích là Tiểu Dật Đậ Quy vội phi báo với Mộ Dung Vĩnh, Mộ Dung Vĩnh liền cử Đường huynh Đại Dật Đậ Quy đi cứu viện, bị bộ tướng của Mộ Dung Thùy là Bình Quy đánh bại, phải rút chạy.

Tiểu Dật Đậ Quy không được viện binh, đang cùng các tùy tướng Vương Thứ Đa và Lạc Mã Câu liều chết chống cự. Bình Quy tấn công dữ dội, nhưng đôi bên bất phân thắng bại.

Lúc này hai cánh quân của Hậu Yên lần lượt kéo đến, khí thế ngút trời. Tiểu Dật Đậ Quy biết không địch nổi, vội thu binh, nhưng đã bị vây chặt phải cố mở đường máu thoát ra. Hơn một vạn quân bị thương vong sáu, bảy phần. Vương Thứ Đa bị bắt, Lạc Mã Câu bị giết.

Quân Hậu Yên vây chặt kho lương Đài Bích. Tiểu Dật Đậ Quy tử thủ, chờ viện binh.

Thấy Đại Dật Đậ Quy thua chạy trở về, Mộ Dung Vĩnh vội điều quân khỏi Chỉ Quan và đích thân dẫn 5 vạn binh mã đi cứu Đài Bích. Mộ Dung

Thùy thấy Mộ Dung Vĩnh đem đại quân tới cứu viện, liền bày trận ở phía nam Đài Bích và cho một ngàn kỵ binh mai phục trong hẻm núi.

Hôm sau giao chiến, Mộ Dung Thùy thân chinh ra khiêu chiến. Đồi bên đánh nhau ác liệt. Được một hồi, Mộ Dung Thùy tể ngựa bỏ chạy, quân sĩ quăng giáo chạy theo. Mộ Dung Vĩnh múa đao xông lên truy đuổi về phía hẻm núi, khí thế như sấm nổ chững kẻ địch. Đuổi được một quãng, bỗng có 2 mãnh tướng Hậu Yên từ hai cánh ủa ra chém giết, Mộ Dung Thùy cũng quay ngược trở lại. Thế là Mộ Dung Vĩnh bị đánh từ ba phía, không địch nổi đành bỏ chạy. Bất ngờ lại có hơn ngàn kỵ binh từ hẻm núi ủa ra chặn đường. Thế là quân Tây Yên đại loạn, lớp bị giết, lớp bị bắt, Mộ Dung Vĩnh dẫn tàn quân chạy thoát về Tràng Tử.

Mộ Dung Thùy kéo quân đến vây Tràng Tử, bộ tướng của Đại Dật Đậu Quy mở cửa thành đầu hàng. Mộ Dung Vĩnh bị bắt. Thế là Tây Yên bị Hậu Yên tiêu diệt.

“Thiện thủ giả, địch bất tri kỳ sở công”

Người giỏi phòng thủ thì địch không biết đâu mà tiên công.

Đặng Ngải giỏi phòng thủ, thắng Khương Duy

Thời Tam Quốc, mùa thu năm Ngụy Gia Bình thứ nhất (năm 249) Vệ tướng quân Thục Hán là Khương Duy đem mấy vạn binh mã đánh Ngụy để hoàn thành di nguyện của Thừa tướng Gia Cát Lượng, đồng thời để liên kết với bộ lạc Khương mà tiến đánh Ung Châu.

Tại Cúc Sơn, Khương Duy bị các tướng Ngụy là Quách Hoài, Trần Thái và Đặng Ngải đánh bại, phải rút về phía nam. Quân Thục tổn thất vài ngàn người, hai tướng Câu An, Lý Hâm bị bức hàng.

Quách Hoài thấy Khương Duy rút lui, liền bàn với các tướng: “Bộ lạc Khương đã mấy lần giúp quân Thục xâm phạm nước ta, nay Quân Thục đã rút chạy, ta nên thừa thắng tiến sang phía Tây diệt Khương mà trừ hậu họa, ý các vị sao?”

Đặng Ngải trầm ngâm một hồi, rồi nói: “Lần này quân Thục tổn thất chưa nặng mà phải rút lui, hẳn Khương Duy chưa chịu thua. Hiện tại hẳn chưa đi xa. Nếu quân ta tây tiến, có thể Khương Duy sẽ kéo quân trở lại. Chúng ta nên để lại một cánh quân để phòng bất trắc”.

Quách Hoài thấy có lý, bèn cử Đặng Ngải cùng quân bản bộ ở lại còn mình thì đem quân chủ lực tiến sang phía tây.

Đặng Ngải đóng trại tại bờ bắc Bạch Thủy, hạ lệnh chuẩn bị thật nhiều cung tên, củng cố doanh trại, đề phòng quân Thục tập kích.

Khương Duy rút lui quá Bạch Thủy năm, sáu chục dặm, không thấy quân Ngụy đuổi theo, liền cho hạ trại nghỉ ngơi, rồi sai quân do thám động tĩnh của quân Ngụy.

Hôm sau, quân do thám về báo tin: “Chủ lực quân Ngụy đã kéo sang phía tây, Đặng Ngải ở lại hạ trại bên bờ bắc Bạch Thủy; thành Thao ở cách doanh trại Đặng Ngải 60 dặm về mạn bắc chỉ có ít quân phòng thủ”. Khương Duy cả mừng, lệnh cho tướng Liêu Hoá đem một cánh quân quay trở lại hạ trại bên bờ nam Bạch Thủy; các bộ phận còn lại chuẩn bị sẵn sàng.

Đặng Ngải hạ trại đã ba ngày, đang bàn bạc với các tùy tướng, chợt có người vào báo: “Phía bờ nam bụi bay mờ mịt, có lẽ quân Thục trở lại”. Đặng Ngải liền lệnh tướng sĩ chuẩn bị nghênh chiến.

Đặng Ngải lên chòi quan sát, nhìn sang bờ nam thấy cờ lớn của quân Thục treo cao, quân tiên phong đã tới bờ sông. Đặng Ngải hạ lệnh đánh trống, reo hò vang động để thị uy.

Quân Thục đến bờ sông chẳng thèm để ý đến quân Ngụy hò reo, cứ ung dung hạ trại, không có biểu hiện gì là sẽ vượt sông.

Đặng Ngải thấy vậy, truyền lệnh ngừng gióng trống reo hò, dặn tướng sĩ chăm chú theo dõi động tĩnh bên quân Thục rồi triệu tập các tướng, nói: “Quân Thục đột nhiên quay lại, biết quân ta ít mà chúng không vượt sông, chỉ đóng trại đối diện với ta. Xem ra Khương Duy có ý đồ khác”.

Đặng Ngải nghĩ rồi tiếp: “Khương Duy phái Liêu Hoá ở đây nhằm khống chế quân ta, hẳn biết binh lực của ta ở thành Thao ít, chắc sẽ tới đánh thành”. Các tướng cho là phải. Đặng Ngải liền bố trí các bộ phận đâu ra đấy, rồi ngay đêm ấy dẫn tinh binh rời đại doanh, lặng lẽ hành quân gấp năm sáu chục dặm, kín đáo vào thành Thao.

Sau khi vào thành, Đặng Ngải ra lệnh các tướng sĩ ăn nấp nghỉ ngơi tại chỗ, chỉ dùng lương khô, cấm nổi lửa nấu ăn.

Hôm sau, đúng như Đặng Ngải dự đoán, Khương Duy dẫn quân Thục tới bờ nam Thao Hà, thấy thành Thao bên bờ bắc chẳng có động tĩnh gì, tướng quân Ngụy không phòng ngự, liền truyền lệnh vượt sông.

Quân Thục sang đến giữa sông, Đặng Ngải nổi hiệu lệnh, quân Ngụy trong thành nhất tề bật dậy, bắn tên như mưa. Quân Thục nhiều người trúng tên rơi xuống sông, tổn thất nghiêm trọng.

Khương Duy thấy Đặng Ngải đã đến thành Thao trước mình, nếu đánh tiếp chỉ e thương vong càng lớn, đành thu binh. Thế là quân Thục bại liền 2 trận, khó còn binh lực và ý chí tiến công Trung Nguyên nữa. Đặng Ngải lập công, được Ngụy đế phong tước Quan Nội hầu.

“Tiến nhi bất khả ngự giả, xung kỳ hư dã”

Ta tiến công mà kẻ địch không ngăn nổi, vì ta như đánh vào chỗ không người.

Đặng Ngải đi đường tắt vào Tứ Xuyên, diệt Lưu Thiện

Năm Ngụy Cảnh Nguyên thứ nhất (năm 260), Ngụy đế Tào Mao bị hại, Tướng quốc Tư Mã Chiêu lập Tào Miễn mới 15 tuổi lên ngôi, còn mình nắm giữ toàn quyền. Chính trị nước Ngụy ổn định, kinh tế phát triển mạnh mẽ.

Thục Hán lúc này ngày một suy yếu do Hậu chủ Lưu Thiện bất tài, để cho hoạn quan Hoàng Hạo chuyên quyền loạn chính. Đại tướng Khương Duy xin vua giết Hoàng Hạo không được, lại bị cách chức, phải mượn cớ đóng đồn làm ruộng, rời kinh đô đến Đạp Trung (vùng tây bắc Chu Điền, phía nam huyện Mân, tỉnh Cam Túc) để tránh họa.

Năm 263, Tư Mã Chiêu quyết định nhân tình hình Thục Hán rối loạn, cất binh diệt Thục. Mùa thu năm đó, ba đạo quân Ngụy tiến đánh Thục, Chinh tây tướng quân Đặng Ngải dẫn ba vạn quân từ Địch Đạo tiến vào Đạp Trung để khống chế Khương Duy. Thứ sử Ung Châu Gia Cát Tự đem ba vạn quân tiến sang Kiêu Đầu để chặn đường lui của Khương Duy, Chung Hội dẫn chủ lực 12 vạn vượt Tà Cốc, Lạc Cốc, Tử Ngưu Cốc tiến thẳng đến Hán Trung, đột nhiên đánh Thục.

Khương Duy ở Đạp Trung thấy Đặng Ngải kéo quân tới, lại nghe tin Chung Hội đã tiến vào Hán Trung, sợ Dương An Quan bị mất, sẽ nguy đến Kiểm Các, nếu mất Kiểm Các, thì kinh đô khó bề chống nổi, liền quyết định né tránh Đặng Ngải, tiến sang Dương An Quan ở phía đông.

Đặng Ngải thấy Khương Duy lui sang phía đông, bèn đem quân truy đuổi. Quân Gia Cát Tự cũng vừa tới Âm Bình (tây huyện Văn, tỉnh Cam Túc), chặn đường lui của Khương Duy ở Kiêu Đầu.

Khương Duy liền đánh vào sau lưng Gia Cát Tự, Gia Cát Tự sợ bị chặn đường rút, liền lùi lại 30 dặm. Khương Duy nhân đó vượt qua Kiêu Đầu, hội hợp với Liêu Hoá và Trương Dực từ Thành Đô phía bắc kéo xuống chi viện.

Khương Duy định tới Dương An Quan nghênh chiến với Chung Hội, nay nghe tin Dương An Quan đã bị Chung Hội chiếm mất, liền đem quân trở lại Kiểm Các, dựa vào thế núi hiểm yếu mà cố thủ.

Kiểm Các còn có lên là Kiểm Môn Sơn (bắc Kiểm Các, tỉnh Tứ Xuyên), do 2 ngọn núi Đại Kiểm và Tiểu Kiểm hợp thành, đỉnh núi nhọn hoắt cao chọc trời, ở giữa chỉ có một đường độc đạo. Khi Chung Hội tiến đến, Khương Duy đã không chế hẻm núi, chặn đứng mười mấy vạn quân Ngụy.

Chung Hội mấy phen dồn sức tấn công đều vô hiệu. Đồi bên cầm cự cả tháng, quân Ngụy đã cạn lương, Chung Hội sợ bất trắc, chuẩn bị rút lui.

Đặng Ngải ở Âm Bình biết Chung Hội định lui binh, vội tâu với Tư Mã Chiêu: “Có thể bí mật phái 1 cánh quân tinh nhuệ theo đường mòn tiến đánh huyện Bồi (đông Miên Dương, tỉnh Tứ Xuyên), nơi đó chỉ cách Thành Đô 300 dặm. Khương Duy ở Kiểm Các ắt sẽ đem quân cứu huyện Bồi. Khi đó Chung Hội có thể sát cánh với đạo quân của Đặng Mỗ mà tiến công”. Tư Mã Chiêu tán thành. Thế là Đặng Ngải quyết định đem quân vượt đường mòn. Từ Âm Bình đi huyện Bồi chỉ có một lối mòn, hầu như không mấy ai vượt qua nổi.

Bây giờ tháng 10, con trai Đặng Ngải là Đặng Trung xin dẫn tinh binh đi tiên phong mở đường. Đặng Ngải dẫn binh mã theo sau, chỉ mang lương khô và dây thừng, tiến vô cùng gian nan nguy hiểm, mỗi ngày chỉ đi được hai, ba chục dặm. Cứ thế hơn 20 ngày, đi 700 dặm đường. Hôm ấy đến chân ngọn Ma Thiên Lãnh, đường quá hẹp, Đặng Ngải phải lệnh bỏ ngựa lại. Lên đến đỉnh núi, Đặng Ngải thấy con mình là Đặng Trung đang ngồi cùng khóc với đội tiên phong mở đường, hỏi vì lẽ gì, thì Đặng Trung thưa: “Bây giờ bốn bề là vách đá dựng đứng, hết chỗ mở đường, lương ăn lại cạn, thấy bao công lao bỏ ra cả tháng nay uổng phí, nên mọi người hết sức đau lòng”.

Đặng Ngải lấy chăn quấn quanh người mà lăn xuống chân núi. Một số khác thấy vậy cũng làm theo. Những người không có chăn thì bện các loại dây thừng, dây mây mà thông thả leo xuống.

Tướng giữ thành là Mã Mạc thấy quân Ngụy như từ trên trời kéo xuống, quá hoảng sợ, liền mở cửa thành đầu hàng. Từ Giang Du đến Thành Đô, chỉ còn 2 cửa ải là huyện Bồi và Miên Trúc.

Hậu chủ Lưu Thiện nhà Thục Hán nghe tin Đặng Ngải vượt núi chiến Giang Du thì kinh hãi, liền lệnh cho con trai của Thừa tướng Gia Cát Lượng là Gia Cát Thiêm đem quân từ Thành Đô đi ngăn cản quân Ngụy.

Sau khi quân Thục tới huyện Bồi, Gia Cát Thiêm hạ lệnh dừng lại, chuẩn bị cố thủ tại đây. Bộ tướng Hoàng Sùng mấy lần kiến nghị với Gia Cát Thiêm: “Quân ta nên tiến gấp, chiếm địa hình có lợi mà phòng thủ, nếu để quân Ngụy giành được vùng đất bằng phẳng, thì chúng ta khó bề chống đỡ”. Gia Cát Thiêm do dự, không nghe theo, lại chuẩn bị quyết chiến với Đặng Ngải ở vùng đất bằng,

Sau khi tập kết ở Giang Du, quân Ngụy tiến gấp về phía huyện Bồi, đánh bại cánh quân tiên phong của Thục Hán tại thành Bồi, chiếm huyện Bồi. Gia Cát Thiêm phải rút về Miên Trúc.

Đặng Ngải phái người mang thư sang khuyên Gia Cát Thiêm đầu hàng; Gia Cát Thiêm nổi giận chém người đưa thư, rồi bày trận ngoài thành Miên Trúc để quyết chiến với quân Ngụy.

Đặng Ngải lệnh cho con trai Đặng Trung từ cánh phải, bộ tướng Tư Mã Sư từ cánh trái đánh vào quân Thục.

Gia Cát Thiêm cùng con trai là Gia Cát Thượng nghênh chiến, đánh lui quân Ngụy. Đặng Trung, Tư Mã Sư bại trận trở về, nói với Đặng Ngải: “Không thể thắng được quân Thục!”, Đặng Ngải nổi giận, ngắt lời: “Sống chết mất còn là ở trận này, tại sao lại bảo không thể thắng!”, lệnh chém đầu hai người ấy; các tướng xúm lại xin, Đặng Ngải mới hạ lệnh cho họ phải tái chiến.

Hai người lại dẫn quân tiến công quân Thục, Đặng Ngải cũng đem binh tham chiến. Quân Thục không chống nổi đòn tiến công mạnh mẽ của quân Ngụy, thương vong vô số. Cha con Gia Cát Thiêm và Hoàng Sùng tử trận. Quân Thục bỏ thành mà chạy.

Tháng 11 năm Ngụy cảnh Nguyên thứ tư, Lừa Thiện dẫn thái tử và hơn 60 quần thần đến thành đô đầu hàng Đặng Ngải. Thế là sau 43 năm gây dựng, Thục Hán nay bị diệt vong.

“Ngã dực chiến, địch tuy cao lũy thâm châu, bất đắc bất dữ ngã chiến giả, công kỳ sở tất cứu dã”

Ta muốn đánh, dù địch có lũy cao hào sâu cũng phải giao chiến với ta, bởi vì ta đánh vào nơi địch buộc phải ứng cứu.

Mã Toại đánh vào nơi Điền Duyệt phải ứng cứu

Thời kỳ Đại Tông triều Đường, Tiết độ sứ các địa phương nắm đại quyền quân chính, không theo pháp lệnh của triều đình, chức tước truyền từ đời cha cho đời con. Các tiết độ sứ hoặc đánh nhau liên miên, hoặc liên kết với nhau chống lại triều đình, tạo nên tình trạng “cát cứ phiên trấn” vô cùng hỗn loạn. Vương triều Đường tồn tại chẳng qua chỉ trên danh nghĩa.

Năm Đại Lịch thứ 14 (năm 779), vua Đường là Đại Tông băng hà, Đường Đức Tông Lý Quát kế vị. Lý Quát muốn phục hưng triều Đường, chấm dứt tình trạng cát cứ phiên trấn.

Năm Kiến Trung thứ hai (năm 781), Tiết độ sứ Thành Đức là Lý Bảo Thần qua đời, con trai là Lý Duy Nhạc tâu biểu xin Lý Quát chuẩn y cho hẳn làm Tiết độ sứ kế tục tước vị của cha.

Lý Quát vốn muốn hủy bỏ lệ cũ, liền nói với quần thần: “Những tặc thần từng nhờ được trăm phong đất, rồi mượn danh nghĩa triều đình mà tụ tập thuộc hạ. Trước đây càng đáp ứng thỉnh cầu của chúng, chúng càng phản loạn. Nay tiếp tục phong tước sẽ không đủ để trừ loạn, trái lại còn làm loạn thêm”. Do đó, Lý Quát không chuẩn y phong tước cho Lý Duy Nhạc.

Tiết độ sứ Ngụy Bác (Hà Bắc) là Điền Duyệt và Tiết độ sứ Trí Thanh (Sơn Đông) là Lý Chính bèn phái người đến gặp Lý Duy Nhạc mật bàn chống triều đình. Chúng lại liên kết với Tiết độ sứ Sơn Nam (Hồ Bắc) là Lương Sùng Nghĩa cùng cất binh chống triều đình, hình thành cuộc “bạo loạn 4 trấn”. Năm 781, Điền Duyệt cử 8000 quân bao vây Hình Châu còn mình đích thân đem mấy vạn quân bao vây Lâm Minh.

Tháng 7, Lâm Minh cấp báo tin nguy, triều đình cử Tiết độ sứ Hà Đông là Mã Toại và Tiết độ sứ Chiêu Nghĩa là Lý Bảo Chân đem quân cứu viện. Quân triều đình lần lượt đánh bại Điền Duyệt tại Hình Châu và Lâm Minh, giết hơn một vạn binh mã, giải vây 2 nơi.

Tiết độ sứ của hai trấn Thành Đức và Trí Thanh thấy Điền Duyệt bại trận, liền cất quân cứu viện, hợp với Điền Duyệt thành đội quân liên hợp ba trấn, lui về hạ du Hoàn Thủy (sông An Dương, tỉnh Hà Nam) mà phòng thủ.

Tháng Chạp cùng năm, triều đình cử Mã Toại làm Triệu thảo sứ Ngụy Bác. Mùa xuân năm sau, Mã Toại và Lý Bảo Chân xuất quân tiến đến bến Chương Thủy.

Mã Toại tiến quân vào ba trấn phản loạn ở Hà Bắc, nhưng lương thảo chưa chuyển đến kịp, Mã Toại biết phải đánh nhanh thắng nhanh, nếu không sẽ rất nguy hiểm. Điền Duyệt cũng biết quân triều đình thiếu lương, nên lệnh cho binh lính cố thủ, không giao chiến.

Mã Toại lệnh mang theo 10 ngày lương tiến sâu vào vùng sau lưng địch là Thương Khẩu, đối diện với quân của Điền Duyệt ở bờ bên kia Hoàn Thủy. Tiết độ sứ Lý Bảo Chân hỏi Mã Toại: “Quân ta đã thiếu lương thảo, tại sao còn tiến sâu vào sau lưng địch?”, Mã Toại đáp: “Chính vì thiếu lương, mới phải đánh nhanh. Nay liên quân 3 trấn của địch cố thủ không giao chiến là cốt làm cho quân ta kiệt sức, không đánh phải thua”.

Quan quân bày trận bên hồ Hoàn Thủy. Mã Toại cho làm ba cây cầu nổi, ngày ngày sang sông khiêu chiến, nhưng Điền Duyệt vẫn cố thủ không đánh.

Mấy ngày trôi qua, lương thực của quan quân đã cạn. Một hôm nửa đêm, Mã Toại đột nhiên hạ lệnh ba quân dậy ăn, rồi lặng lẽ rời doanh trại, men theo triền sông tiến đánh sào huyệt của Điền Duyệt là Ngụy Châu (đông bắc Đại Danh, tỉnh Hà Bắc).

Mã Toại để vài trăm kỵ binh ở lại, liên tục đánh trống, rúc tù. Đợi khi toàn quân đã lên đường, số người ở lại mới ngừng đánh trống, mà nổi lửa đốt doanh trại.

Sáng hôm sau, quân do thám báo tin quan quân đã tiến gấp về hướng Ngụy Châu. Điền Duyệt hạ lệnh đuổi gấp để cứu Ngụy Châu. Tới một dòng sông, thấy quan quân đã đốt mất cầu nổi, Điền Duyệt phải cho bắc cầu lại mới đem được 4 vạn lính và kỵ binh qua sông. Đuổi hơn mười dặm, thấy quan quân còn cách không xa phía trước. Đồng cỏ mùa thu khô héo, lại gặp gió thuận, Điền Duyệt lập tức hạ lệnh phóng hoả và theo lửa mà tiến công.

Mã Toại thấy Điền Duyệt đã trúng kế, bèn hạ lệnh toàn quân dừng chân, bày thành thế trận, dọn sạch cỏ phía trước hơn trăm bước, lặng lẽ chờ địch tràn tới.

Quân Điền Duyệt kéo tới, thấy lửa lớn đã tắt, binh sĩ ai nấy mệt nhoài. Mã Toại không bỏ lỡ cơ hội, ra lệnh tiến công từ ba mặt. Vừa đánh được một lát, hai cánh quân hên sườn đã rút lui vì không địch nổi.

Mã Toại chỉ huy cánh giữa liều chết xông vào, không ai cản nổi. Quân hai cánh thấy vậy cũng quay lại đánh. Điền Duyệt không chống đỡ được, phải bỏ chạy.

Điền Duyệt dẫn bại quân chạy về bên sông Hằng Thủy, thì cầu bắc tạm đã bị kỵ binh của Mã Toại mai phục đốt cháy. Quân Điền Duyệt đành nhảy đại xuống sông, bị chết đuối nhiều vô kể. Những kẻ không chạy kịp hoặc bị giết hoặc bắt sống, tổng cộng hơn hai vạn ba ngàn người. Phiến quân tan nát. Điền Duyệt chỉ thu thập được hơn 1000 lính trốn về Ngụy Châu.

“Ngã bất dục chiến,hoạch địa nhi thủ chi, địch bất đắc dữ ngã chiến giả, quai kỳ sở chi dã”

Ta không muốn đánh, vạch đất mà phòng thủ, địch không thể đến đánh ta, vì ta làm cho chúng phải thay đổi hướng tiến công.

Lưu Bang buộc địch phải chuyển hướng, chiếm Thành Cao

Năm thứ hai Hán Cao Tổ (năm 205 trước Công Nguyên), trong trận đánh lớn giữa Hán và Sở tại Bành Thành vào tháng Tư, quân chủ lực của Lưu Bang bị tiêu diệt, vì các chư hầu từng hưởng ứng Lưu Bang thảo phạt Hạng Vũ lần lượt phản lại Hán mà hàng Sở. Lưu Bang thu thập tàn binh, nghe theo lời khuyên của Trương Lương, lui về Huỳnh Dương và Thành Cao (phía bắc Huỳnh Dương, tỉnh Hà Nam), vừa hiểm yếu lại nhiều lương thực.

Hạng Vũ lúc này đã biết Lưu Bang là đối thủ chủ yếu của mình, đem đại quân truy đuổi đến tận Huỳnh Dương, không cho Lưu Bang có thời gian lấy lại sức.

Hạng Vũ cắt đứt đường vận lương của quân Hán, vây đánh Huỳnh Dương. Tháng 5 năm sau, Huỳnh Dương nguy ngập. Đại tướng Kỳ Tín xin giả làm Lưu Bang ra đầu hàng để Lưu Bang thừa cơ đem vài chục kỵ binh mở cửa thành phía tây chạy về Thành Cao.

Khi Hạng Vũ phát giác mình bị lừa, liền đuổi theo đến Thành Cao, chém chết tướng giữ thành, chiếm Thành Cao. Về Quan Trung, Lưu Bang nhanh chóng tổ chức lại đội ngũ, chuẩn bị lấy lại Thành Cao.

Mưu sĩ Viên Sinh cho rằng đánh thẳng sang phía đông không phải là thượng sách, liền hiến kế với Lưu Bang: “Hán đã cầm cự với Sở ở Huỳnh Dương mấy năm trời, quân Hán thường bị nguy khốn. Lần này đại vương nên xuất quân từ Võ Quan ở phía nam, như vậy Hạng Vũ ắt sẽ dẫn quân xuống phía nam. Khi ta đến chiến địa, sẽ cố thủ không giao chiến, như vậy quân ta ở phía Huỳnh Dương, Thành Cao được nghỉ ngơi; mặt khác, ta phái Hàn Tín bình định nước Triệu, đất Yên, đất Tề, sau đó đại vương hãy đánh Huỳnh Dương, Thành Cao. Lúc đó, quân Sở đã bị phân tán, quân Hán đã được nghỉ ngơi nay đánh địch mệt mỏi, quyết chiến một trận sẽ đại thắng”.

Lưu Bang nghe có lý, liền cất binh xuống phía nam, từ Võ Quan tiến quân đến Uyển và Diệp. Hạng Vũ nóng lòng diệt Lưu Bang, nghe tin đó liền chỉ để một lực lượng nhỏ ở lại giữ Thành Cao, còn đích thân dẫn chủ lực đuổi theo. Quân Hán tại Thành Cao, Huỳnh Dương được nghỉ ngơi.

Lưu Bang thấy Hạng Vũ kéo quân tới thì lệnh cho tướng sĩ dựa vào lũy cao hào sâu mà cố thủ, bất kể quân Sở khiêu chiến cách nào cũng không ra giao chiến. Đồng thời sai kỵ mã tức tốc đến gặp Bành Việt ở hậu phương quân Sở, truyền lệnh tiến đánh kinh đô Sở là Bành Thành. Bành Việt được lệnh, lập tức tiến công Hạ Phi cắt đường vận lương của quân Sở, uy hiếp Bành Thành.

Hạng Vũ được tin cấp báo kinh thành nguy ngập, bất đắc dĩ hạ lệnh ngừng tiến công Lưu Bang, đem quân sang phía đông đánh Bành Việt.

Chủ lực quân Sở rút sang phía đông rồi, Lưu Bang thừa cơ hợp binh với Anh Bố tiến lên phía bắc đánh bại quân Sở, một trận lấy lại Thành Cao.

Tháng Sáu, Hạng Vũ đánh bại Bành Việt thì nghe tin Thành Cao thất thủ, lại đem quân ngược về phía tây, dốc toàn lực đánh phá Huỳnh Dương, rồi đến vây Thành Cao. Lưu Bang thấy quân Hán không thể cản nổi đòn tiến công mãnh liệt của tinh binh Hạng Vũ, liền rút khỏi Thành Cao. Hạng Vũ tuy chiếm Thành Cao, nhưng đại quân rong ruổi sang đông về tây, vô cùng mệt mỏi.

Lưu Bang sau lần thứ hai bị mất Thành Cao, vượt qua Hoàng Hà đến Tiểu Tu Võ, đại doanh của Hàn Tín. Đến Tiểu Tu Võ, Lưu Bang lấy quân của Hàn Tín, cộng với quân Hán ở huyện Cung để ngăn chặn Hạng Vũ tiến sang phía tây.

Lưu Bang ra lệnh Trương Nhĩ gấp trở lại trấn thủ kinh đô nước Triệu, Hàn Tín làm Tế tướng chiêu mộ binh lính nước Triệu, tổ chức lại quân đội đánh nước Tề để uy hiếp bên sườn, và sau lưng quân Sở. Còn Lưu Bang đích thân ở huyện Cung chỉ huy quân Hán đắp lũy cao, đào hào sâu, kiên trì cố thủ để tiêu hao quân Sở, đồng thời lại phái Lưu Giả, Lưu Hán đem 2 vạn bộ binh và mấy trăm kỵ binh lặng lẽ vượt Hoàng Hà, tiến sâu vào đất Sở đốt phá kho lương, phối hợp với Bành Việt tăng cường quấy nhiễu hậu phương quân Sở.

Sau khi được chi viện, Bành Việt vào tháng 8 tiến đánh Ngoại Hoàng..., tổng cộng 17 thành, cắt đứt quân Sở với hậu phương. Chỉ 1 tháng, hậu phương quân Sở rối loạn, liên tiếp báo tin nguy cấp. Hạng Vũ nổi giận, quyết tiến sang phía đông tiêu diệt Bành Việt, bèn để Đại tư mã Tào Cửu ở lại giữ Thành Cao, lệnh không được xuất chiến, chờ Hạng Vũ trở về, lại cử

đại tướng Chung Ly Muội phòng thủ Huỳnh Dương, còn mình thân chinh kéo đại quân sang phía đông.

Hạng Vũ đi rồi, Lưu Bang tức khắc vây đánh Thành Cao, dùng kế khiêu chiến Tào Cửu, dụ địch ra khỏi thành giao chiến, đánh cho quân Sở đại bại. Sau khi chiếm lại Thành Cao, Lưu Bang lệnh cho tướng sĩ đến vùng núi Quảng Võ dựa vào địa thế hiểm yếu mà nghỉ ngơi, chờ quân Hạng Vũ.

Hạng Vũ nghe tin mất Thành Cao, vội kéo quân trở lại. Quân Hán dựa vào địa hình hiểm trở, chỉ phòng thủ chứ không giao chiến. Quân Sở thì sau bao phen di chuyển nay đã mệt mỏi.

Lúc này Hàn Tín đã đem quân vào đất Tề, đánh một trận chiếm ngay kinh đô Lâm Tri (Sơn Đông), khiến Hạng Vũ buộc phải chia binh đi cứu Tề. Binh lực của Hạng Vũ ở chính diện do đó trở nên thiếu hụt, đành phải ngừng tiến công ở núi Quảng Võ mà hạ trại đối diện với quân Hán ở đó để cầm cự. Mấy tháng sau, lương thực quân Sở đã cạn. Nhiều kho lương của quân Sở ở phía nam đều bị quân Hán đánh phá, không thể bổ sung. Hạng Vũ đánh không được, rút không xong, đã mất hết ưu thế. Lúc đó Hàn Tín lại đánh thẳng liên quân Tề-Sở, tiến đến Thành Dương, sát sau lưng quân Sở, hoàn thành thế bao vây quân Sở. Hạng Vũ tự biết trí cùng, lực kiệt, đành cầu hoà, lui quân về phía đông.

Trong cuộc tranh đoạt Thành Cao, Lưu Bang mấy phen khống chế binh lực quân Sở, khiến quân Sở không thể tập trung lực lượng đánh ở chính diện, từ đó Lưu Bang chuyển từ yếu sang mạnh, giành được ý nghĩa trọng đại.

“Hình nhân nhi ngã vô hình, tắc ngã chuyên nhi địch phân; ngã chuyên vi nhất, địch phân vi thập, thị dĩ thập công kỳ nhất dã, tắc ngã chúng nhi địch quả, năng dĩ chúng kích quả giả, tắc ngô chi sở dĩ chiến giả, ước hĩ”.

Ta làm cho địch bộc lộ lực lượng mà ta thì như vô hình, như vậy ta có thể tập trung binh lực, còn địch thì phân tán lực lượng. Ta tập trung binh lực ở 1 nơi, địch phân tán lực lượng ở 10 nơi, tức là ta dùng 10 đánh 1, như thế ta đông, địch ít, thế có lợi hẳn cho ta. Dùng nhiều quân đánh ít quân, tương quan ta định rõ ràng ta thắng.

Nộ Nhĩ Cáp Xích tập trung binh lực, đánh Quân Minh

Cuối triều Minh, thủ lĩnh bộ lạc Nữ Chân ở Kiến Châu là Nộ Nhĩ Cáp Xích dần thống nhất bộ lạc, năm 1616 tuyên bố xưng Hãn (vua), dựng đô Hách Đồ A Lạp (thành Tây Lão, Liêu Ninh) lấy quốc hiệu Kim, lịch sử gọi là Hậu Kim.

Lúc này Nộ Nhĩ Cáp Xích đã có 8 kỳ (cánh quân) thiện chiến, quyết định thừa cơ triều Minh tranh giành ngôi vị, phòng thủ sơ sài, mà cất quân đánh chiếm.

Tháng 4/1618, Nộ Nhĩ Cáp Xích tuyên thệ rửa 7 mối hận là “hận triều Minh hãm hại tổ phụ, hận triều Minh giúp đỡ Diệp Hách, hận triều Minh bắt giữ sứ thần, vân vân” để khích lệ ý chí chiến đấu của người Nữ Chân.

Ngay đêm ấy, Nộ Nhĩ Cáp Xích dẫn 2 vạn quân đánh nhà Minh, ngày thứ 3 vây thành Phủ Thuận. Tướng giữ thành là Lý Vĩnh Phương thấy quân Kim hung hãn, lo sợ mở cửa thành đầu hàng.

Tổng binh Quảng Ninh là Trương Thừa Âm vội đem 1 vạn quân cứu viện. Đồi bên đang giao chiến kịch liệt, bỗng có gió đông thổi mạnh, quân Kim thuận gió xông thẳng vào giữa trận quân Minh. Quân Minh đánh không lại, Trương Thừa Âm tử trận, quân sĩ chết nhiều vô kể.

Nộ Nhĩ Cáp Xích liên tiếp giành thắng lợi, làm chấn động Bắc Kinh. Để ổn định biên cương, Minh Thần Tông Chu Dực Quân mời lão tướng Dương Cảo đã nghỉ hưu trở lại làm Kinh lược Liêu Đông, điều quân Trù Hưởng, sau hơn nửa năm chuẩn bị, tháng 2/1619, tập trung 8,8 vạn quân, cộng với quân Diệp Hách và 1 số quân Triều Tiên ở sông Áp Lục, tổng cộng 11 vạn.

Quân Minh lấy đô thành của Hậu Kim làm mục tiêu, do Tổng binh Mã Lâm làm chỉ huy Bắc lộ quân, Đổ Thông chỉ huy Tây lộ quân, Lý Như Bách chỉ huy nam lộ quân, Lưu Đĩnh chỉ huy Đông lộ quân, từ các nơi kéo đến hợp nhau mà đánh. Dương Cảo ở Thẩm Dương làm Tổng chỉ huy.

Ngày 21/2, các tướng cao cấp của quân Minh tuyên thệ tại Thẩm Dương, định ngày xuất quân và hẹn 15 ngày sau sẽ hội quân tại đường Đại Tuyết Phong để cùng tiến công. Nhưng quân Minh chưa đi thì quân Kim đã biết.

Cáp Xích nắm được cách bố trí tác chiến của quân Minh, cho rằng hai lộ Nam, Bắc vì hành quân đường núi hiểm trở, sẽ không đến sớm nơi hẹn, bèn quyết định sách lược “địch đến từ mấy lộ, ta chỉ đi 1 đường”. Cáp Xích chỉ phái 500 quân đi chặn Lưu Đĩnh (Đông lộ quân), còn mình dẫn 10 vạn binh mã tiến gấp đến đánh Tây lộ quân của Đỗ Thông.

Đỗ Thông hữu dũng vô mưu, kiêu ngạo khinh địch, vì muốn tranh công, nên mỗi ngày đốc quân đi hơn trăm dặm, khi vượt qua sông Hồn để tới Tát Nhĩ Hứa, không thèm hợp đồng tác chiến với 3 lộ quân khác, quân chưa tới chỗ hẹn, đã chia làm 2 đạo, 1 hạ trại ở dưới chân núi Tát Nhĩ Hứa, 1 do y đích thân chỉ huy tiến đánh đèo Cát Lâm, chiếm cao điểm này để khống chế chiến trường. Như vậy Đỗ Thông đã tự phân tán lực lượng và rơi vào thế bất lợi. Đèo Cát Lâm tuy chỉ có 1 ít quân Kim phòng thủ, nhưng đèo cao, dốc đứng, Đỗ Thông đánh mấy lần không được.

Tướng Kim là Đại Thiện đi tiên phong tới Tát Nhĩ Hứa, chuẩn bị chia quân làm 2 lộ, 1 chi viện cho đèo Cát Lâm, 1 tiến đánh quân Minh hạ trại ở dưới chân núi Tát Nhĩ Hứa.

Cáp Xích dẫn 8 kỳ chủ lực tới, hỏi: “Quân Minh đông, có thể phân tán tác chiến; quân ta ít hơn, không thể chia đôi lực lượng. Trước hết phải phá tan quân địch đóng trại dưới chân núi Tát Nhĩ Hứa, đạo quân này tan rã thì đạo Cát Lâm tất sẽ sợ mà tan”. Cáp Xích chỉ hai tướng Đại Thiện, Hoàng Thái dẫn 2 kỳ tiến tới Cát Lâm, còn mình chỉ huy 6 kỳ đánh quân Minh ở Tát Nhĩ Hứa.

Quân Minh ở Tát Nhĩ Hứa vừa hạ trại, bị tấn công bất ngờ, vội dùng một số chiến xa dàn trận, nhưng bị kỵ binh quân Kim xông xáo đánh dữ, trận thế mau chóng rối loạn, bị tiêu diệt hoàn toàn.

Quân Kim phòng thủ đèo Cát Lâm thấy viện binh đã tới, liền từ trên cao tràn xuống. Đỗ Thông trước sau bị đánh, khó bề chống đỡ. Giữa lúc ấy, Cáp Xích lại dẫn 6 kỳ binh mã tiến tới. Quân Kim đánh ác liệt, quân Minh bị tiêu diệt hoàn toàn, Đỗ Thông tử trận. Ngay đêm đó, Nộ Nhĩ Cáp Xích lại dẫn quân lên phía bắc đón đánh Bắc lộ quân do Mã Lâm chỉ huy.

Quân Mã Lâm đến đèo Thượng Gián, cách Tát Nhĩ Hứa hơn 30 dặm về phía tây bắc, biết Đỗ Thông bại trận, dừng lại đào hào ba tầng xung quanh trại, bố trí hoả pháo ở bên ngoài, tiếp đến kỵ binh, phòng vệ nghiêm mật. Lại lệnh cho hai bộ tướng Phiên Tông Nhan và Cung Niệm Toại mỗi người

đem hơn một vạn quân hạ trại liền mấy dặm ở bên ngoài để ngăn chặn kỵ binh đột nhập, hợp thành thế ỷ dốc với đại doanh.

Khi Nộ Nhĩ Cáp Xích tới Thượng Gián, quan sát thế trận quân Minh, trước hết cho kỵ binh đánh Cung Niệm Toại, nhanh chóng phá vỡ quân của Toại. Sau đó, đánh doanh trại của Mã Lâm ở Thượng Gián. Mã Lâm dựa vào núi bày trận, dẫn quân nghênh chiến. Nộ Nhĩ Cáp Xích phái 1 nhóm kỵ binh vòng ra phía sau rồi 2 phía giáp công, đánh cho Mã Lâm thua to, chiếm được đèo Thượng Gián. Mã Lâm 1 mình đột phá vòng vây, rời bỏ trận địa. Nộ Nhĩ Cáp Xích lập tức chuyển sang đánh Phiên Tông Nhan và nhanh chóng tiêu diệt cánh quân này.

Quân của Diệp Hách hẹn sẽ phối hợp với Bắc lộ quân, nay giữa đường nghe tin quân Minh đại bại, hoảng sợ quay lui.

Đông lộ quân dưới quyền chỉ huy của Tổng binh Lưu Đĩnh, 1 vị tướng dũng mãnh, chuyên sử dụng một cây đao lớn nặng hàng trăm cân, nên ông được gọi là “Lưu Đại Đao”, từng đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, lừng lẫy tiếng tăm.

Nộ Nhĩ Cáp Xích biết Lưu Đĩnh uy mãnh, quản lý quân sĩ nghiêm chỉnh, Đông lộ quân được trang bị đầy đủ, không thể coi thường, nên tập trung chủ lực tại dãy núi A Bố Đạt Lý mai phục ở đó.

Dùng kế phái người giả trang làm lính đưa thư của Đỗ Thông nói Đỗ Thông đã tới gần Hách Đồ A Lạp, mong Lưu Đĩnh tiến gấp. Lưu Đĩnh tưởng thật, lập tức hạ lệnh cho tướng sĩ trang bị gọn nhẹ, hành quân gấp rút.

Vì đường núi nhỏ hẹp, quân đội chỉ có thể tiến lần lượt từng tốp một. Lưu Đĩnh dẫn một bộ phận đi trước. Đến núi A Bố Đạt Lý thì quân Kim mai phục từ tứ phía bất ngờ xông ra chém giết.

Lưu Đĩnh đã sẵn sàng quyết chiến, nhưng khó chống đỡ vòng vây tầng lớp dày đặc đao kiếm của quân Kim, cuối cùng anh dũng tử trận. Nộ Nhĩ Cáp Xích thừa thế đánh lan lực lượng đi sau của Lưu Đĩnh và bức hàng lực lượng quân đội Triều Tiên tới trợ chiến với quân Minh.

Sau khi 4 lộ quân xuất phát, Kinh lược Liêu Đông là Dương Cảo ngồi ở Thẩm Dương nóng lòng chờ tin chiến thắng. Nào ngờ tin thất trận liên tiếp báo về, 3 lộ quân đã bị tiêu diệt.

Dương Cao vội hạ lệnh cho Nam Lộ quân của Lý Như Bá rút lui. Lính thám báo của quân Kim ở trên núi phát hiện, hò reo ầm ĩ. Lý Như Bá ngỡ là chủ lực quân Kim tới tấn công, hoảng hốt tháo chạy, tướng sĩ giẫm đạp lên nhau, thương vong hơn cả ngàn người.

Trận Tát Nhĩ Hứa vốn vẹn 5 ngày đã kết thúc. Trong 4 lộ đại quân Minh, chỉ có 1 lộ chạy sớm, di tản nhanh mới tránh được tai họa bị tiêu diệt hoàn toàn.

Nộ Nhĩ Cáp Xích biết tập trung binh lực vào 1 mũi, liên tiếp diệt 3 lộ quân Minh, giết 5 vạn người, thu vô số chiến mã, giáp trượng, hoả pháo, mà quân Kim chỉ tổn thất 2000 người. Sự chênh lệch về tổn thất ít có trong lịch sử chiến tranh. Từ đó trở đi, Hậu Kim nắm toàn quyền chủ động ở chiến trường Liêu Đông.

“Ngô sở dĩ chiến chi địa bất khả tri, bất khả tri, tắc địch sở bị giả đa, địch sở bị giả đa, tắc ngô sở dĩ chiến quá hĩ”

Nơi ta muốn tiến công, địch không thể biết, không thể biết, ắt địch phải phòng bị nhiều nơi; đã phòng bị nhiều nơi ắt ở nơi ta muốn đánh sẽ ít địch.

Nhà Kim không phòng thủ biên cương, bị đánh bại

Năm thứ nhất Nguyên Thái tổ (năm Kim Thái Hoà thứ sáu 1206), Thành Cát Tư Hãn được bộ lạc Mông Cổ cử làm thủ lĩnh. Bộ lạc này vốn là dân Kim, bị áp bức, khinh bỉ nên rất căm thù triều đình. Thành Cát Tư Hãn bàn với các đại thần cách đánh Kim, nhưng Kim là nước lớn ở Trung Nguyên, muốn vượt qua sa mạc mênh mông nam tiến để đánh, thì Mông cổ chưa đủ lực lượng, nên Thành Cát Tư Hãn bề ngoài thần phục, bề trong ngầm chuẩn bị đánh Kim.

Thành Cát Tư Hãn trải nhiều năm chinh chiến, thống nhất các bộ lạc Mông cổ, năm 1209 đem quân đánh Tây Hạ là thuộc quốc của triều Kim, bức Tây Hạ thần phục, để diệt trừ nỗi lo phía sau.

Triều Kim cũng tăng cường phòng thủ biên giới phía bắc, nhưng sự phòng thủ ấy chỉ có thể ngăn chặn sự xâm nhập của kỵ binh chứ không thể chặn đại quân Mông Cổ tiến công. Tướng Kim là Nạp Cáp Mãi Trú dò biết đại quân Mông cổ sắp đánh xuống phía nam, vội về triều tâu với hoàng đế nhà Kim là Hoàn Nhan Vĩnh Tế nhưng Hoàn Nhan Vĩnh Tế nói: “Bọn chúng sao dám gây hấn!”, lại cho rằng Nạp Cáp Mãi Trú không dựng sinh chuyện, đem nốt Nạp Cáp lại.

Đại tướng Đồ Khắc Thản Dật cho rằng lực lượng phòng thủ của quân Kim quá phân tán, không đủ ngăn chặn quân Mông cổ tiến xuống phía nam, nên tâu với Hoàn Nhan Vĩnh Tế: “Quân Mông Cổ tập trung binh lực đánh ta, quân ta phân tán phòng thủ, tất thảm bại. Chi bằng nên tập trung binh mã vào những nơi trọng yếu thì hơn”.

Nhưng Tham Chính Lương Tham nói: “Sao tự dừng thu hẹp lãnh thổ của mình như vậy?” Hoàn Nhan Vĩnh Tế không nghe theo. Tháng 2, Thành Cát Tư Hãn tuyên thệ đánh Kim, đem 10 vạn quân đánh xuống phía nam.

Tháng 3, quân Mông cổ đến Ưng Cổ Đô ở biên giới phía bắc triều Kim, thủ lĩnh Mông Cổ ở đây hợp với quân tiên phong vừa tới, dẫn đường nam tiến đánh Kim.

Tháng 4, đội tiên phong của Mông cổ đánh chiếm Đại Thủy Lạc và Phong Lợi. Thời tiết nóng bức, binh mã không quen nên quân Mông cổ rút

về Uông Cổ Đô, đợi đến mùa thu tái chiến.

Hoàng đế nhà Kim nghe tin đại quân Mông Cổ tiến đánh thì vô cùng sợ hãi, một mặt thả Nạp Cáp Mãi Trú, một mặt cử sứ giả sang Mông cổ xin hoà.

Thành Cát Tư Hãn không chấp nhận. Hoàng đế triệu gặp Thứ sử châu Bình Định là Triệu Bình Văn về bàn cách ứng phó. Triệu Bình Văn kiến nghị: “Nên phái một đạo quân tập kích sâu vào trong đất Mông cổ, nơi khôn có lực lượng địch. Như vậy có thể giải trừ sự uy hiếp. Binh pháp gọi đó là cách bất ngờ đánh vào nơi mà buộc kẻ địch phải ứng cứu”. Hoàng đế Kim sợ như vậy sẽ phân tán lực lượng, mất an toàn bên trong, nên không nghe theo.

Tháng 7, quân Mông cổ đã nghỉ ngơi, vỗ béo ngựa, lại xuất phát từ Uông Cổ Đô đánh xuống đông nam. Phòng tuyến trải ngang ngàn dặm của quân Kim làm sao ngăn nổi thiết kỵ của quân địch. Quân phân tán chống quân tập trung khác nào đem trứng chọi đá. Tướng Kim hoặc đầu hàng, hoặc bỏ chạy. Quân Mông Cổ thế như chẻ tre, ào ạt tiến đến Trung Đô (Bắc Kinh).

Trung Đô kiên cố, quân Kim ngoan cường chống cự, quân Mông Cổ thương vong rất nhiều. Thành Cát Tư Hãn nghe đồn quân Kim còn hơn 20 vạn, nên vội rút quân lui về phương Bắc.

“Tri chiến chi địa, tri chiến chi nhật, tắc khả thiên lí nhi chiến ”

Biết trước địa điểm và thời gian giao chiến, thì dù xa ngàn dặm cũng có thể đánh được.

Tất Tái Ngô bất ngờ chiếm Tứ Châu

Thời Nam Tống, năm Khai Hi thứ 2 (năm 1206), đại thần Hàn Thác Trụ dâng biểu lên hoàng đế Nam Tống nói Kim bên ngoài bị quân Mông cổ quấy phá (xem bài trước), bên trong liên tiếp mất mùa, lòng dân dao động, thòi cơ đánh lên phía bắc đã chín muồi. Tống Ninh Tông bèn hạ chiếu phong Điện soái Quách Nghệ làm Triệu phủ sứ Sơn Đông và Kinh Lạc, chuẩn bị Bắc phạt. Quách Nghệ quyết định trước đánh Tứ Châu (bắc Hu Di, Giang Tô) để thăm dò, sau đó mới dẫn chủ lực vượt sông Hoài Hà lên phía bắc. Thắng bại của trận đầu tiên này rất hệ trọng. Quách Nghệ cử Võ Nghị đại phu Tất Tái Ngô và Trấn Giang đô thống Trần Hiếu Khánh đem binh đánh Tứ Châu.

Tất Tái Ngô là con trai của tướng Tất Tiến, nguyên tùy tướng Nhạc Phi. Tất Tái Ngô võ nghệ hơn người, trí dũng song toàn, từng được Tống Lý Tông triệu kiến và ban thưởng.

Tứ Châu có 2 thành phía đông và tây, địa thế hiểm yếu, phòng thủ kiên cố. Quân Kim nghe tin Tất Tái Ngô sẽ đến đánh, liền đóng chặt cửa thành, canh giữ nghiêm ngặt.

Tất Tái Ngô được tin, nói với Trần Hiếu Khánh: “Địch đã biết trước ngày quân ta tới Tứ Châu. Việc binh phải bất ngờ mới thắng, vậy chúng ta nên đến sớm 1 ngày mới xong”. Trần Hiếu Khánh khen phải. Tất Tái Ngô liền triệu tập tướng sĩ, cho họ ăn no, hiệu triệu tinh thần chống Kim báo quốc, thu phục Trung Nguyên. Nhiệt huyết của quân Tống trào dâng, hồ hởi xuất phát, đi gấp ngày đêm tới gần Tứ Châu.

Tất Tái Ngô dặn Trần Hiếu Khánh dàn chiến thuyền dọc bờ sông và lập tức công phá thành phía tây. Chỉ huy quân Kim giữ thành không ngờ quân Tống đến sớm vậy, vội điều binh tập trung phòng thủ bên thành phía tây.

Tất Tái Ngô đích thân dẫn đội cảm tử quân và lính bản bộ lặng lẽ lên bờ, vượt qua Đồi Sơn, vòng lại thành phía đông. Đến góc nam thành phía đông, quân Tống đột ngột tiến công. Quân Kim bị đánh bất ngờ, hoảng hốt mở cổng thành chạy.

Hạ xong thành đông, Tất Tái Ngô lại kéo quân sang thành tây. Quân Kim cố thủ. Tất Tái Ngô đứng dưới chân thành, cầm lá cờ lớn nói to: “Tất tướng quân của đại Tống ở đây, bà con trăm họ Trung Nguyên sẽ không phải bán mình cho Kim nữa, các người hãy mau đầu hàng!”.

Quân thành tây thấy thành đông đã mất quá nhanh, lá cờ thêu chữ “Tất” đang bay phần phật thì chẳng còn bụng dạ nào chống cự, viên tri huyện mở cổng thành đầu hàng. Thế là cả 2 thành của Tứ Châu đều đã rơi vào tay quân Tống.

Điện soái Quách Nghê đến thăm tướng sĩ, đem thẻ bài thứ sử bằng ngọc quý tặng thưởng Tất Tái Ngô, nhưng ông khước từ, nói: “Còn những 81 châu, nay mới lấy được 1 châu đã ban chức thứ sử, sau chiếm được các châu khác thì biết phong thưởng thế nào?”. Sau đó quân Tống liên tiếp đánh chiếm các huyện Bao Tín, huyện Công... tin tức báo về kinh thành, sĩ khí hồ hởi, Hàn Thác Trụ liền đề nghị Tống Ninh Tông chính thức hạ chiếu Bắc phạt.

“Địch tuy chúng, khả sử vô đầu”

Quân địch tuy đông, có thể làm cho chúng không thể đọ sức với ta.

Chu Hoàn lấy ít đánh nhiều thắng Tào Nhân

Thời Tam Quốc, tháng 9/222, tướng Chu Hoàn, chỉ huy phòng thủ trận địa tiền tiêu của Đông Ngô là Nhu Tu. Đại Tư Mã Tào Nhân đem mấy vạn quân đánh Đông Ngô.

Chu Hoàn, tự Hưu Mục, là viên tướng thân tín của Tôn Quyền, nhiều mưu, thiện chiến, mấy lần lập chiến công, được phong tước Thành Đình hầu. Nhu Tu là đường quân Ngụy phải đi qua khi tiến xuống phía nam, nên Chu Hoàn tiến hành chuẩn bị tác chiến.

Tào Nhân biết Chu Hoàn mưu trí nên cố ý phao tin sẽ tiến đánh Tiễn Khê ở phía đông Nhu Tu để đánh lừa quân Ngô. Chu Hoàn nghe tin đó, bèn tách 1 lực lượng đi tăng viện cho Tiễn Khê.

Tào Nhân biết vậy cả mừng, lập tức hạ lệnh toàn quân tiến đánh Nhu Tu.

Lúc này, trong thành chỉ có 5000 quân, Chu Hoàn muốn điều quân đi Tiễn Khê quay về thì đã muộn, nên các tướng ai nấy thất sắc. Chỉ riêng Chu Hoàn nói với các tướng: “Xưa nay đôi bên giao chiến, thắng bại không phải ở chỗ quân nhiều hay ít, mà ở chỗ người chỉ huy giỏi hay kém. Tào Nhân là kẻ vốn không có tài thao lược, tướng sĩ dưới quyền lại sợ đánh trận, huông hồ từ ngàn dặm tới đây, người ngựa đều mỏi mệt. Quân ta cố thủ trong thành, lấy khoẻ đánh mệt, lấy chủ kiềm chế khách, đó là cái thế bách chiến bách thắng”. Sau đó, Chu Hoàn hạ lệnh cuốn cờ im trống, giả bộ yếu kém để lừa địch.

Lúc này Tào Nhân sai con là Tào Thái đem quân đánh thành Nhu Tu, lại sai 2 tướng Thường Diêu và Vương Song đem 1 cánh quân đi thuyền tới tập kích gia quyến của quân Ngô ở Trung Châu.

Tào Thái kéo quân đến phía ngoài thành Nhu Tu, chỉ thấy đầu thành vắng lặng như không có người, cho rằng quân Ngô không còn lực lượng phòng thủ, mất hết cảnh giác. Tào Thái vừa hạ lệnh tiến đến sát chân thành, đột nhiên trên đầu thành trống trận dồn dập, tiếng reo hò vang động 1 góc trời, các thứ cung tên, gỗ đá bắn xuống đầu quân Ngụy như mưa. Quân Ngụy hết hoảng chạy giạt ra thương vong vô số.

Cùng lúc ấy, Chu Hoàn dẫn một đội tinh binh từ trong thành xông ra chém giết. Quân Ngụy đại loạn, chết như rạ. Chu Hoàn đốt cháy doanh trại địch rồi thẳng lợi trở vào thành. Bộ tướng của Chu Hoàn cũng tiến công 2 tướng Thường Điêu và Vương Song, giết Thường Điêu, bắt sống Vương Song, diệt hơn 1000 quân Ngụy.

Tào Thái và Gia Cát Kiêu dẫn 2 tốp tàn binh chạy về đại bản doanh ở Cha Cao. Tào Nhân thấy quân mình thảm bại, đành rút quân về.

Tôn Quyền nghe tin cả mừng nói với tả hữu: “Chu Hoàn lâm nguy mà không run sợ, lấy ít thắng nhiều, đúng như Tôn tử nói: “Địch tuy đông, có thể làm cho chúng không đọ sức nổi với ta”. Đoạn thẳng tước cho Chu Hoàn.

“Hình binh chi cực. chí ư vô hình; vô hình, tắc thâm gián bất năng qui, trí giả bất năng mưu”

Ta nguy trang thật khéo khiến địch không nhận ra tung tích; không nhận ra tung tích, thì dù gián điệp có chui sâu cũng không biết kỹ được quân ta, kẻ địch khôn ngoan mấy cũng chẳng biết cách đối phó với quân ta.

Trương Tuần dùng mưu đánh quân phản loạn

Đường Huyền Tông, năm Thiên Bảo thứ 14 (năm 755), tháng 11, An Lộc Sơn ở Phạm Dương dấy binh chống triều đình; không lâu sau tiến đánh Lạc Dương, Đông Kinh.

Tháng Giêng năm sau, phản quân của Trương Thông Ngô đánh Tống Châu. Phản quân đi tới đâu đều gây tai họa cho dân chúng nơi đó. Giả Bôn ở Đơn Phụ dẫn binh đánh phản quân, giết Trương Thông Ngô, sau đó dẫn 2000 người tiến về phía Ung Khưu.

Lúc này, thái thú quận Đường Tiêu (huyện Bắc, An Huy) là Dương Vạn Thạch đầu hàng phản quân An Lộc Sơn và dụ dỗ huyện lệnh Thân Nguyên là Trương Tuần cùng đầu hàng để nghênh đón phản quân.

Trương Tuần cự tuyệt, dẫn quan lại đến cúng bái tông miếu của Huyền Nguyên Hoàng để ở huyện Châu Nguyên, rồi đem 1000 tinh binh tiến về phía Ung Khưu để hợp với quân Gia Bôn. Nguyên huyện lệnh Ung Khưu là Lệnh Hồ Hồ đã đầu hàng phản quân, phản quân sai hắn đem binh đánh lại quan quân triều đình.

Lệnh Hồ Hồ có lực lượng khá mạnh, đã bắt trói hơn 100 quan quân, giam họ ở Ung Khưu, sau đó rời huyện đi yết kiến cấp trên của phản quân, định trở về sẽ đem ra hành hình.

Giả Bôn nhân cơ hội đó tiến quân vào Ung Khưu. Quan quân bị giam giữ tự cởi trói cho nhau, giết bọn cai ngục rồi ra nghênh đón Giả Bôn,

Vài hôm sau, binh mã của Trương Tuần cũng kéo tới Ung Khưu. Lệnh Hồ Hồ nghe tin địa bàn của mình đã bị đánh chiếm, bèn dẫn tinh binh trở về đánh chiếm lại. Giả Bôn dẫn quân ra giao chiến, bị Lệnh Hồ Hồ giết chết. Trương Tuần đem 1000 tinh binh hợp lực với binh mã của Giả Bôn, đánh với Lệnh Hồ Hồ phải lui lại một chút, rồi thu quân vào thành cố thủ.

Mấy ngày sau, Lệnh Hồ Hồ điều 4 vạn binh mã bao vây Ung Khưu.

Trương Tuần triệu tập binh sĩ, nói với họ: “Phản quân hung hãn, khinh thường lực lượng nhỏ yếu của ta. Chúng ta phải bất ngờ đánh cho chúng một phen kinh hoàng, thì sau đó mới giữ thành”. Trương Tuần để 1000 ở lại

giữ thành, đích thân dẫn 1000 tinh binh mở cổng thành xông ra, tả xung hữu đột chém giết, quân địch không chuẩn bị nên hốt hoảng thối lui.

Hôm sau, phản quân áp sát chân thành. Lệnh Hồ Hồ chỉ huy lính dùng thang leo lên. Trương Tuần đã chuẩn bị trước, cho lính ném các bó cỏ tẩm dầu rồi đốt xuống dưới, khiến phản quân bị chết cháy nhiều vô kể.

Ở trong thành có sáu quan viên vốn ăn không ngồi rồi, tham sống sợ chết, nói với người này người nọ: “Quân địch 4 vạn, ta có 2000, nay hoàng thượng sống chết ra sao chả rõ, chi bằng đầu hàng thì hơn”. Trương Tuần nghe thấy, nhưng vẫn lặng thinh.

Sáng hôm sau, Trương Tuần đem treo bức tranh lớn vẽ Đường Huyền Tông ở đại sảnh, cùng quan lại vào vái, rồi nghiêm giọng khiển trách 6 quan viên kia về tội loan tin đầu hàng, đem chúng ra chém đầu. Mọi người thề quyết tử giữ thành.

Sau đó, cứ vài ngày, mỗi khi thấy địch sơ hở, Trương Tuần lại đột ngột dẫn quân xông ra chém giết. Hoặc đêm khuya cử dũng sĩ thả dây tuột xuống, lên tới đánh doanh trại địch bất ngờ, khiến quân địch lúc nào cũng nơm nớp lo sợ. Tình trạng như vậy kéo dài hơn 60 ngày.

Một hôm, Trương Tuần được tin Lệnh Hồ Hồ tập trung mấy trăm chiến thuyền chở gạo và muối cho quân lính đã tới gần Ung Khưu. Đêm đó, Trương Tuần cho bố trí ở phía nam thành dụ địch tới đánh. Lệnh Hồ Hồ quả nhiên tưởng Trương Tuần muốn phá vây, bèn tập trung binh mã tới đó. Nhưng đều bị từng trận mưa tên ào ào bắn tới, khó bề tới gần.

Cùng lúc ấy, Trương Tuần cử các dũng sĩ tới bờ sông, lặn bơi ra cướp và đốt sạch thuyền lương của địch, sau đó thẳng lợi trở về thành. Trận này lấy được hơn ngàn thạch gạo và muối, đủ dùng cho việc giữ thành, nhưng tên nỏ đã cạn. Trương Tuần bàn bạc với tướng sĩ rồi nói: “Hãy làm 1 số hình nhân bằng rơm, mặc áo đen bên ngoài, chờ đêm tối thả xuống chân thành, để quân địch bắn tên vào đó...”

Sau mấy lần như vậy, quân địch thấy kẻ trúng tên chẳng kêu thét gì, mới biết là bị lừa, thì quân trên thành đã kéo người rơm lên, rút ra được ngót 1 vạn mũi tên.

Đêm hôm sau, Trương Tuần hạ lệnh tướng sĩ mặc giáp trụ rồi dẫn họ cùng xuống dưới chân thành. Quân địch lại ngỡ họ chỉ là người rơm như

đêm trước, nên không bắn. Vài đêm liền cứ như vậy.

Cuối cùng Trương Tuần phái 500 dũng sĩ, thả họ xuống chân thành. Lần này họ nhanh chóng xông tới chém giết quân của Lệnh Hồ Hồ. Phản quân bị bất ngờ, nhốn nháo hỗn loạn. Lát sau, lửa nổi lên tứ phía, địch không biết có bao nhiêu quan quân tấn công, vội kéo nhau tháo chạy. Trương Tuần lúc ấy mới mở cửa thành dẫn quân đuổi theo hơn mười dặm, giết rất nhiều địch. Uy danh đội quân giữ thành Ung Khưu lừng lẫy khắp nơi.

“Nhân hình nhi thố thắng ư chúng, chúng bất năng tri, nhân giai chi ngã sở thắng chi hình, nhi mạc tri ngô sở dĩ chế thắng chi hình. Cổ kỳ chiến thắng bất phục, nhi ứng hình ư vô cùng”.

Căn cứ vào sự thay đổi tình hình bên địch mà vận dụng linh hoạt chiến thuật, dù có bày sẵn thắng lợi trước mắt mà người ta vẫn không nhận biết sự ảo diệu của nó. Người ta chỉ biết là dùng cách nào thắng địch, chứ không biết ta đã vận dụng cách đó ra sao. Cho nên chiến thắng lần sau không lặp lại phương thức lần trước, mà là nhờ thích ứng với tình huống mới, biến hoá vô cùng.

Tất Tái Ngô thích ứng với tình hình, yểm hộ toàn quân

Thời Nam Tống, năm Khai Hi thứ 2 (năm 1206), tháng 4, Tất Tái Ngô, Trần Hiếu Khánh đánh chiếm Từ Châu, các cánh quân khác cũng thắng lợi, quyền thần Hàn Thác Trụ cả mừng, xin Hoàng đế hạ chiếu cử binh đánh Kim.

Nhưng mấy trận đầu đều bất lợi. Mã quân ty Thống chế Điền Tuấn Mại, Trì Châu Phó đô thống Quách Trác vây đánh thành Túc Châu trước sau đều không thành, phải rút lui. Quách Trác phải lên trời Điền Tuấn Mại nộp cho quân Kim mới khỏi bị quân Kim đuổi đánh đến cùng.

Điện soái Quách Nghệ lệnh cho Tất Tái Ngô đánh Từ Châu. Tất Tái Ngô dẫn 487 kỵ binh làm đội tiên phong đến Từ Châu, tới huyện Công thì gặp tàn quân của Quách Trác từ Túc Châu chạy về. Quách Trác bảo Tất Tái Ngô: “Quân ta thất trận, thống chế Điền Tuấn Mại đã bị địch bắt sống”.

Tất Tái Ngô không vì vậy mà dừng chân, ngược lại, còn giục binh sĩ tiến gấp lên phía trước, đến sát Linh Bích (Linh Bích, tỉnh An Huy). Đến Linh Bích, tại núi Phượng Hoàng, Tất Tái Ngô gặp cánh quân của Trần Hiếu Khánh. Trần Hiếu Khánh thấy ở Túc Châu bị thua trận, 1 mình lẻ loi, chuẩn bị rút về phía nam.

Tất Tái Ngô thản nhiên nói với Trần Hiếu Khánh: “Quân ta tuy thua ở Túc Châu, nhưng thắng bại là chuyện thường tình của người dùng binh, sao lại tự làm mất nhục khí? Tôi phụng mệnh tiến công Từ Châu, dù chết cũng sẽ chết ở cửa thành phía bắc, chứ không ở cửa thành phía nam!”.

2 người đang nói chuyện thì Trần Hiếu Khánh được lệnh của Quách Nghệ phải rút quân về. Tất Tái Ngô nói: “Quân Quách Trác rút chạy rồi, quân Kim tất sẽ đuổi theo. Tôi nguyện đem kỵ binh của mình cố thủ ở thành này”.

Đúng như dự đoán, quân của Tất Tái Ngô vừa chuẩn bị hạ trại, hơn 5000 kỵ binh quân Kim chia làm 2 cánh hung hăng tràn tới.

Tất Tái Ngô để 20 quân cảm tử giữ cửa thành phía bắc, còn mình dẫn số binh còn lại vốn vẹn 467 người xông thẳng vào giữa quân địch mà chém

giết.

Quân Kim thấy lá cờ lớn thêu chữ “Tất” lại thấy quân của ông dừng mãnh vô song thì kêu to: “Tất tướng quân đến đó, chạy mau!”, thế là chúng lũ lượt tháo chạy.

Quân Tống thừa thắng truy kích. Tất Tái Ngô múa 2 cây đao, đuổi địch hơn 30 dặm, giết vô số địch, máu loang đỏ cả chiến bào. 1 tướng Kim sử dụng vũ khí là đôi song giản lao tới chỗ Tất Tái Ngô, Tất Tái Ngô thúc ngựa nghênh chiến, quát lớn một tiếng, tay trái dùng đao gạt song giản của hắn, tay phải vung đao chém hắn ngã ngựa.

Tất Tái Ngô đại thắng trở về thành. Các cánh quân Tống khác đều lần lượt qua Linh Bích rút lui về phía nam, chỉ riêng kỵ binh của Tất Tái Ngô là vẫn ung dung ở lại thành này.

Chờ khi tất cả quân Tống đã rút xa về phía nam, cách Linh Bích trên 30 dặm, Tất Tái Ngô mới hạ lệnh đốt thành. Lửa khói ngút trời Linh Bích.

Tướng sĩ không hiểu tại sao, hỏi ông: “Tại sao tướng quân không đốt thành vào ban đêm, mà lại nổi lửa giữa ban ngày?”, Tất Tái Ngô đáp: “Quân tiến lên thì dễ mà rút đi thì khó. Đây chính là mẹo lui quân của ta. Nếu đốt thành vào ban đêm, kẻ địch dễ phát hiện ta rút chạy. Còn ta đốt vào ban ngày, lửa khói mù mịt sẽ yểm hộ cho quân ta rút lui an toàn”. Mọi người nghe vậy gật đầu tán phục. Quân Kim thấy khói lửa che mờ cả thành Linh Bích, quả nhiên không dám tiến quân. Đợi khi khói tan, xông vào thành, thì trước mắt chỉ là cảnh tan hoang, không 1 bóng người.

Trọng chiến dịch này, tất cả các cánh quân đều thua, duy chỉ Tất Tái Ngô vừa thắng địch, vừa rút lui an toàn. Ông được thăng lên chức Tả Kiêu vệ tướng quân.

“Binh chi thắng, tị thực nhi kích hư”

Thắng lợi của chiến tranh là do tránh chỗ cứng, chỗ thực của địch, mà đánh vào chỗ mềm, chỗ hư của địch.

Từ Đạt tránh thực đánh hư, chiếm Thái Nguyên

Năm Minh Hồng Vũ thứ nhất (năm 1368), đại tướng Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân nhận lệnh kéo quân lên phía bắc đánh quân Nguyên. Minh Thái Tổ muốn 2 tướng tiến thẳng đến kinh đô nhà Nguyên. Hai tướng bàn tính rồi chỉ huy quân sĩ tiến như vũ bão. Tháng 7 nhuận đã chiếm Thông Châu, tiến gần đến Đại Đô nhà Nguyên (Bắc Kinh).

Nguyên Thuận đế thấy thế lớn chẳng còn, hết bề chống đỡ vội đem hậu phi, thái tử và 1 đội binh mã bỏ kinh thành chạy về Khai Bình (tây bắc Đa Luân, Nội Mông). Từ Đạt dễ dàng chiếm kinh đô nhà Nguyên.

Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương nghe tin chiến thắng, hạ chiếu đổi tên Đại Đô thành phủ Bắc Bình, chỉ cử đô đốc Tôn Hưng Tổ đóng quân tại Bắc Bình, còn Từ Đạt và Thường Ngộ Xuân dẫn chủ lực tiếp tục tiến đánh Sơn Tây.

Quân Minh tiến quân thẳng lợi, thế như chẻ tre, tướng Nguyên thủ thành Thái Nguyên là Khoách Thiếp Mộc Kỳ (còn gọi là Vương Bảo Bảo) bất ngờ xuất quân đánh cho cánh quân của tướng nhà Minh Thang Hóa đại bại. Khoách Thiếp Mộc Kỳ thừa thắng đánh Nhạn Môn Quan, định chiếm Bồ Quan làm bàn đạp để tiến đánh Bắc Bình.

Từ Đạt nghe tin Khoách Thiếp Mộc Kỳ đang ở tình thế bất lợi mà đánh bại được Thang Hóa, tiến quân xuống Bắc Bình vô cùng ngạo nghễ, thì bản khoản không biết nên tiếp tục tiến về Sơn Tây hay trở lại cứu Bắc Bình. Ông nhớ cổ nhân đã từng “vây Ngụy cứu Triệu”, dùng tiến công để chống tiến công, tránh thực đánh hư; bèn triệu các tướng lại phân tích: “Khoách Thiếp Mộc Kỳ đem quân đi xa, Thái Nguyên tất nhiên không có lực lượng. Bắc Bình đã có đô đốc Tôn Hưng Tổ phòng thủ chắc vẫn an toàn. Nay ta nhân địch không đề phòng, đánh Thái Nguyên, phá sào huyệt của chúng, khiến địch đánh Bắc Bình không thẳng, hết chỗ lùi về phòng thủ, đó là cách tránh thực đánh hư. Nếu Khoách Thiếp Mộc Kỳ có đem quân về cứu Thái Nguyên, thì vì đường sá quá xa xôi, quân ta đã nghỉ ngơi đánh quân mệt mỏi, chiếm được địa hình có lợi, ắt một trận sẽ toàn thắng”.

Các tướng gật gù khen hay. Thế là Từ Đạt chỉ huy kỵ binh tiến gấp đến Thái Nguyên.

Khoách Thiếp Mộc Kỳ kéo binh đến Bảo An thì được tin quân Minh đang tiến thẳng đến Thái Nguyên, vội đem quân trở về. Quân Nguyên về đến gần Thái Nguyên thì gặp quân Minh.

Lúc này trong trại quân Minh, Thường Ngô Xuân bàn với Từ Đạt: “Quân ta mới có kỵ binh đến đây, bộ binh còn rút lại phía sau. Nếu trực diện giao chiến, địch đông ta ít, ắt sẽ thương vong lớn. Vậy đêm nay ta bất ngờ đánh vào doanh trại địch khiến chúng trở tay không kịp”. Từ Đạt tán thành.

Đang lúc đó, bộ hạ vào báo: “Bộ tướng của quân địch là Khoát Tị Mã phái người đến xin làm nội ứng”. Từ Đạt cùng Thường Ngô Xuân phân tích tình hình cho rằng việc Khoát Tị Mã xin hàng là thật, cử người liên hệ với Khoát Tị Mã.

Đêm ấy, trời đầy mây u ám, Từ Đạt sai 1 tốp khinh kỵ lặng lẽ tiến gần đến doanh trại địch. Chỉ thấy bên trong có một tốp kỵ binh lặng lẽ tiến ra, nhận đúng ám hiệu, liền dẫn quân Minh xông về phía trướng của chủ tướng.

Lúc đó là canh 2, Khoách Thiếp Mộc Kỳ đang ngồi trong trướng nghĩ cách đánh quân Minh để tiến vào Thái Nguyên, chợt nghe có tiếng chân ngựa và tiếng hò reo vang động. Khoách Thiếp Mộc Kỳ bước ra xem có chuyện gì, chỉ thấy doanh trại khói lửa ngút trời, quân Minh như từ trên trời ập xuống đang chém giết trong doanh trại.

Khoách Thiếp Mộc Kỳ vội nhảy lên một con ngựa gầy cùng 18 thủ hạ thân tín liều chết mở đường máu chạy về phía bắc. Khoát Tị Mã dẫn quân Minh chạy đến doanh trướng của Khoách Thiếp Mộc Kỳ thì đã chẳng thấy ai, chỉ hận là đã đến chậm một bước, liền đem 4 vạn binh mã đầu hàng quân Minh. Từ Đạt hạ lệnh thừa thắng truy kích đến chân thành Thái Nguyên. Quân Nguyên sợ hãi bỏ thành mà chạy. Từ Đạt dễ dàng chiếm Thái Nguyên, thừa thắng đánh các châu huyện, bình định toàn bộ Sơn Tây.

“Năng nhân địch biến hoá như thủ thắng giả, vị chi thần”

Dựa vào biến đổi của tình hình quân địch mà chiến thắng thì gọi là dùng binh như thần.

Chu Đệ căn cứ tình hình địch đánh tan quân Thát Đát

Sau khi vương triều nhà Nguyên diệt vong, giai cấp quý tộc Mông Cổ chạy lên phía bắc, phân liệt làm 2 bộ lạc là Thát Đát và Ngôã Thích. Thát Đát là đối thủ chính ở biên giới phía bắc của triều Minh mới ra đời. Sau khi Yên vương Chu Đệ giành quyền thống trị triều Minh, liền giao hảo với Thát Đát để được yên biên giới.

Tháng 7/1409 (năm Vĩnh Lạc), Chu Đệ phái đặc sứ Quách Ký mang nhiều lễ vật đến Thát Đát cầu hoà hiếu. Thát Đát Khả Hãn là Bốn Nhã Thất Lý có ý đồ khôi phục sự thống trị của triều Nguyên, sai chém đầu Quách Ký, đưa quân xuống phía nam quấy nhiễu.

Chu Đệ quyết định cho quân trừng phạt Thát Đát, cử kỳ quốc công Khưu Phúc làm Chinh Lỗ tướng quân, đem mười vạn binh mã bắc tiến, nhưng Khưu Phúc khinh địch, mạo hiểm để quân tiên phong bị quân Nguyên tiêu diệt, hậu quân phải rút về.

Sau gần nửa năm chuẩn bị, tháng 2 năm sau, Chu Đệ thống lĩnh 50 vạn quân bắc tiến chinh phạt Thát Đát. Đại quân tiến một mạch nửa tháng, đến Hưng Hòa thì dừng lại nghỉ ngơi 10 ngày, rồi tiếp tục hành quân. Đầu tháng 5, quân Minh tới bờ nam, thuộc trung du, sông Lư Cù. Chu Đệ biết nội bộ Thát Đát phân liệt, Bốn Nhã Thất Lý thì chạy về phía tây, A Lỗ Đài thì chạy sang phía đông để tránh quân Minh.

Đây là nơi năm trước Khưu Phúc vì mạo hiểm mà phải bỏ mạng. Chu Đệ phân tích tình hình, quyết định tập trung lực lượng tiêu diệt từng đối phương một, trước hết là đuổi theo Bốn Nhã Thất Lý.

Kỵ binh thám báo trở về tâu rằng Bốn Nhã Thất Lý đã chạy tới sông Ngột Cổ Nhi Trát. Chu Đệ lo rằng nếu đem đại quân theo, hành quân chậm chạp, địch sẽ chạy thoát lên phía bắc, bèn để lại những thứ công kèn, chỉ đem 2 vạn kỵ binh nhẹ và 20 ngày lương khô đuổi gấp.

10 ngày sau đuổi tới sông Ngột Cổ Nhi Trát, song Bốn Nhã Thất Lý đã chạy lên phía bắc. Chu Đệ quyết không nghỉ, mà tức tốc đuổi tiếp. Cuối cùng, đến bờ nam sông Ngạc Nộn ngày nay thì đuổi kịp. Bốn Nhã Thất Lý không thể né tránh, đành ứng chiến. Quân Thát Đát chưa bày trận xong,

quân Minh đã tràn tới. Quân Minh dũng mãnh, quân Thát Đát địch không nổi, Bốn Nhã Thất Lý kinh sợ bỏ chạy, cùng 7 thuộc hạ lội qua sông đào thoát.

Chu Đệ hạ lệnh phóng thích toàn bộ tù binh, những kẻ đầu hàng còn được cấp lương thực và gia súc. Đoạn kéo quân trở về doanh trại bên sông Lư Cù nghỉ ngơi chỉnh đốn vài ngày.

Đầu tháng 6, quân Minh đến khe Phi Vân, đông bắc sông Ngạc Nộn. Chu Đệ chỉ huy quân vượt núi. Đại quân kết thành trại mà đi, 2 cánh tả hữu cách nhau hàng chục dặm, bao vây quân của A Lỗ Đài. A Lỗ Đài thấy quân của Bốn Nhã Thất Lý đã bị diệt, quân mình lại bị vây, hết đường chạy thoát vô cùng lo sợ, liền phái người sang gặp Chu Đệ xin hàng.

Chu Đệ sợ địch gian trá, lệnh cho chư tướng canh phòng cẩn mật, phái trinh sát đi dò xem hư thực. Không lâu trinh sát về báo tướng sĩ bên quân địch không có ý kiến thống nhất về chủ trương đầu hàng, kẻ quyết chiến, do đó A Lỗ Đài do dự. Chu Đệ cho đây là thời cơ quyết đánh giành thắng lợi, bèn sai mấy trăm kỵ binh tiến lên phía trước khiêu chiến.

Khi A Lỗ Đài tiến ra nghênh chiến, Chu Đệ đích thân dẫn hơn 1000 kỵ binh tinh nhuệ xông thẳng vào trại địch. Quân Thát Đát đại bại, thương vong vô số. A Lỗ Đài đem gia quyến và toàn bộ gia tộc chạy lên phía bắc. Quân Minh thừa thắng truy kích hơn 100 dặm, giết thêm mấy trăm tướng sĩ Thát Đát nữa.

Bây giờ đang giữa mùa hè, quân Minh thiếu lương ăn và nước uống, Chu Đệ hạ lệnh ngừng truy kích, đem quân khải hoàn về kinh.

THIÊN VII: QUÂN TRANH

Phàm dụng binh chi pháp, tướng thụ mệnh ư quân, hợp quân tụ chúng, giao hoà nhi xá, mạc nan ư quân tranh. Quân tranh chi nan giả, dĩ vu vi trực, dĩ hoạn vi lợi. Cố vu kỳ đồ nhi dụ chi dĩ lợi, hậu nhân phát, tiên nhân chí, thử tri vu trực chi kế giả dã.

Cố quân tranh vi lợi, quân tranh vi nguy. Cử quân nhi tranh lợi, tắc bất cập, ủy quân nhi tranh lợi tắc truy trọng tổn. Thị cố quyền giáp nhi xu, nhật dạ bất xử, bội đạo kiêm hành, bách lí nhi tranh lợi, tắc cầm tam tướng quân, kính giả tiên, bãi giả hậu, kỳ pháp thập nhất nhi chí. Ngũ thập lí nhi tranh lợi, tắc quệ thượng tướng quân, kỳ pháp bán chí. Tam thập lí nhi tranh lợi, tắc tam phân chi nhị chí. Thị cố quân vô truy trọng tắc vong, vô lương thực tắc vong, vô ủy tích tắc vong.

Cố bất tri chư hầu chi mưu giả, bất năng dự giao; bất trí sơn lâm, hiểm trở, thư trạch chi hình giả, bất năng hành quân; bất dụng hương đạo giả, bất năng đắc địa lợi. Cố binh dĩ trá lập, dĩ lợi động, dĩ phân hợp vi biến giả dã. Cố kỳ tậ như phong, kỳ từ như lâm, xâm lược như hoả, bất động như sơn, nan tri như âm, động như lôi chấn. Lược hương phân chúng, quách địa phân lợi, huyền quyền nhi động. Tiên tri vu trực chi kế giả thẳng, thử quân tranh chi pháp dã.

“Quân Chính” viết: “Ngôn bất tương văn, cố vi kim cổ; thị bất tương kiến, cố vi tinh kỳ. Phù kim cổ tinh kỳ giả, sở dĩ nhất nhân chi nhĩ mục dã; nhân ký chuyên nhất, tắc dũng giả bất đắc độc tiến, khiếp giả bất đắc độc thoái, thử dụng chúng chi pháp dã. Cố dạ chiến đa hỏa cổ, trú chiến đa tinh kỳ, sở dĩ biến nhân chi nhĩ mục dã.

Cố tam quân khả đoạt khí, tướng quân khả đoạt tâm. Thị cố triệu khí nhuệ, trú khí nọa, mộ khí qui. Cố thiện dụng binh giả, tị kỳ nhuệ khí, kích kỳ nọa qui, thử trị khí giả dã. Dĩ trị đãi loạn, dĩ tĩnh đãi hoa, thử trị tâm giả dã. Dĩ cận đãi viễn, dĩ dật đãi lao, dĩ bão đãi cơ, thử trị lực giả dã. Vô yêu chính chính chi kỳ, vật kích đường đường chi trận, thử trị biến giả dã.

Cổ dụng binh chi pháp, cao lãng vật hướng, bồi khừ vật nghinh, dương bắc vật tông, nhuệ tốt vật công, nhị binh vật thực, qui sư vật át, vi sư tất khuyết, cùng khẩu vật bách, thử dụng binh chi pháp dã.

Dịch nghĩa:

Phàm phép dùng binh, tướng soái nhận lệnh vua mà trưng tập dân chúng, tổ chức quân đội, sau mới bày trận đối địch. Trong quá trình đó, khó nhất là **quân tranh, nghĩa là giành lấy lợi thế**. Cái khó nhất của việc giành lợi thế là phải biến đường vòng thành đường thẳng, biến bất lợi thành có lợi. Cho nên, tuy đi đường vòng, song lấy lợi nhỏ mà dụ địch, mới có thể xuất phát sau kẻ địch mà lại tới trước yếu địa cần chiếm, như thế là hiểu được phương pháp biến cong thành thẳng.

Cho nên quân tranh vừa có cái lợi, vừa có cái nguy hiểm. Nếu đem toàn quân có trang bị nặng đi tranh lợi, thì không thể đến nơi dự định đúng thời gian; nếu bỏ lại trang bị nặng đi tranh lợi, thì trang bị nặng sẽ bị tổn thất. Do vậy, cuốn giáp tiến gấp, ngày đêm không nghỉ, đi trăm dặm mà tranh lợi, thì tướng lĩnh ba quân có thể bị bắt, lính khoẻ tới trước, lính yếu tới sau, cuối cùng chỉ có 1/10 binh lực đến trước. Đi 50 dặm tranh lợi, tướng lĩnh tiền quân sẽ bị ngăn chặn, chỉ có một nửa binh lực tới trước. Đi 30 dặm tranh lợi, chỉ có 2/3 binh lực tới trước. Do vậy, quân đội không có trang bị nặng ắt thua, không có lương thực ắt chết, không có vật tư ắt khó sống.

Chưa hiểu ý đồ chiến lược của các nước chư hầu, không thể tính việc kết giao; chưa thông thạo địa hình sông núi, đầm hồ, không thể hành quân; không dùng người dẫn đường không thể chiếm được địa lợi. Cho nên dùng binh đánh trận phải dựa vào biến hoá giả trá mới mong thành công, phải căn cứ vào chỗ có lợi hay không mà hành động, tùy sự phân tán hay tập trung binh lực mà thay đổi chiến thuật. Cho nên, quân đội hành động thần tốc thì nhanh như lốc cuốn, hành động chậm rãi thì lừng lững như rừng rậm, khi tấn công thì như lửa cháy, khi phòng thủ thì như núi đá, khi ẩn nấp thì như bóng tối, khi xung phong thì như sấm sét. Chiếm được làng xã, phải phân binh đoạt lấy; mở rộng lãnh thổ, phải phân binh trấn giữ; cân nhắc lợi hại, được mất rồi mới tùy cơ hành động. Trước hết phải hiểu rõ phương pháp biến cong thành thẳng để giành thắng lợi, ấy là nguyên tắc quân tranh.

“Quân Chính” nói: “Khi tác chiến mà dùng lời nói chỉ huy e nghe không được, nên cần đến chiêng trống; dùng động tác e nhìn không thấy, nên cần

đến cờ xí. Cho nên đánh trận ban đêm phần nhiều dùng chiêng trống, đánh ban ngày dùng cờ xí. Chiêng trống, cờ xí dùng để thống nhất hành động của toàn quân. Toàn quân đã hành động nhất trí, thì người lính dũng cảm không thể tiến 1 mình, người lính nhút nhát cũng không thể lùi 1 mình, đó là phương pháp chỉ huy toàn thể bộ đội tác chiến.

Đối với quân địch, có thể làm tiêu tan nhuệ khí của chúng; đối với tướng địch, có thể làm dao động quyết tâm của họ. Sĩ khí của quân đội lúc mới giao chiến thì hăng hái, sau 1 thời gian dần suy giảm, cuối cùng tiêu tan. Cho nên người giỏi dùng binh phải tránh nhuệ khí của địch khi chúng mới tới, chờ khi nhuệ khí đó tiêu tan mà đánh, đó là cách nắm chắc sĩ khí quân đội. Lấy sự nghiêm chỉnh của quân ta đối phó với sự hỗn loạn của địch, lấy sự bình tĩnh của quân ta đối phó với sự hoang mang của địch, đó là cách nắm vững tâm lý quân đội. Lấy gần chờ xa, lấy nhàn chờ mệt, lấy no chờ đói, đó là cách nắm chắc sức chiến đấu của quân đội. Không đi chặn đánh kẻ địch đang có hàng ngũ chỉnh tề, chặt chẽ; không đánh địch có thể trận và lực lượng hùng mạnh, đó là cách nắm vững biến hoá cơ động.

Cho nên, nguyên tắc dùng binh là: địch chiếm núi cao thì không đánh lên; địch dựa vào gò đồng thì không nên đánh chính diện; địch giả vờ thua chạy thì không nên đuổi theo; địch tinh nhuệ thì chưa nên tiến đánh; địch cho quân ra nhử mồi thì hãy mặc thây chúng; địch rút về nước thì không nên chặn đường, bao vây địch nên chừa 1 lối thoát; địch đã cùng khốn, không nên quá bức bách chúng. Đó là phép dùng binh.

Tóm tắt nội dung:

Thiên “Quân tranh” chủ yếu nói về qui luật cơ bản để giành điều kiện có lợi trong tình huống thông thường. Tư tưởng trung tâm là làm cách nào để có lợi, tránh hại, bảo đảm trong quá trình triển khai và tiếp cận địch, quân đội của mình chiếm được lợi thế trước.

Tôn tử đề cao việc giành lấy địa vị tác chiến có lợi, lập luận một cách biện chứng về cái lợi và cái hại của “quân tranh”. Ông chủ trương trong khi triển khai quân, phải biết “biến cong thành thẳng, biến hại thành lợi”. Để bảo đảm thắng lợi của “quân tranh”, Tôn tử đề cao việc chuẩn bị đầy đủ các phương diện và điều kiện, như phải hiểu ý đồ chiến lược của các nước, phải thông thuộc địa hình, phải dùng người dẫn đường.

Tôn tử yêu cầu người chỉ huy tác chiến, trong quá trình vận động tiếp cận địch, từ đầu tới cuối phải kiên trì và quán triệt nguyên tắc chỉ đạo “dùng binh đánh trận phải dựa vào biến hoá giả trá, phải xem xét lợi hại, tùy sự phân tán hay tập trung binh lực mà thay đổi chiến thuật”, phải nắm vững sĩ khí, tâm lý, sức chiến đấu của quân đội, phải cố vũ tinh thần, thống nhất hiệu lệnh, linh hoạt ứng biến, nắm chắc thời cơ để giành thắng lợi.

Cuối cùng, ở cuối thiên, Tôn tử còn tổng kết tám phép dùng binh, trong đó không tránh khỏi hạn chế nhất định về lịch sử, nhưng vào thời Tôn tử đang sống, đó là những chân lý tối cao.

“Quân tranh chỉ nan giả, dĩ vu vi trực, dĩ hoạn vi lợi ”

Cái khó nhất của việc giành lợi thế là phải biến đường vòng thành đường thẳng, biến bất lợi thành có lợi.

Tôn Sách biến công thành thắng, đánh Vương Lăng

Tôn Sách, tự Bá Phù, là anh của chúa nước Ngô - Tôn Quyền - thời Tam Quốc. Tôn Sách có tài dùng binh sắc sảo, mạnh mẽ, thần tốc, đánh đâu thắng đó, kế tục sự nghiệp của cha là Tôn Kiên, chiếm cứ Giang Đông. Tuy Tôn Sách chết khi mới 26 tuổi, nhưng đã đặt cơ sở đầy đủ để sau đó Tôn Quyền sáng lập nước Ngô.

Năm 196, Tôn Sách cất quân từ Tiền Đường (gần Hàng Châu, Chiết Giang), xuôi sông Tiền Đường xuống phía nam tới đánh thành Cỗ Lăng do Thái thú Hội Kê là Vương Lăng trấn giữ (Cỗ Lăng trấn Tây Hưng, huyện Tiêu Sơn, tỉnh Chiết Giang). Vương Lăng dựa vào công sự kiên cố để phòng thủ. Tôn Sách mấy lần từ dưới sông đánh lên thành đều không có kết quả.

Chú ruột của Tôn Sách là Tôn Nghi đề nghị đi vòng ra phía sau lưng, phía nam cỗ Lăng, là Tra Độc (đông nam Tiêu Sơn, Chiết Giang) mà đánh Vương Lăng. Tôn Sách cho rằng đó chính là phép “biến công thành thắng, biến hại thành lợi”, liền nghe theo.

Thực hiện cách đánh đó, Tôn Sách ra lệnh: “Mấy ngày vừa qua mưa liên tục, nước sông đục ngầu, binh sĩ uống vào đều bị đau bụng, hãy lập tức chuẩn bị mấy trăm chum nước trong”.

Đến đêm, trước khi kéo quân đi. Tôn Sách đổ dầu vào các chum nước, rồi đốt cháy, giả như quân chủ lực vẫn ở phía chính diện thành Cỗ Lăng để đánh lừa Vương Lăng rồi ngầm chia binh theo đường vòng đến Tra Độc rồi từ phía sau lưng tập kích đồn Cao Thiên.

Wương Lăng nghe tin cả kinh, phái Thái thú Đan Dương là Chu Hân đem quân đi cứu. Tôn Sách sớm đã chăng lưới chờ sẵn. Quân Chu Hân tiến tới trận địa bày sẵn bị đánh tơi bời, Chu Hân bị giết, tàn quân bỏ chạy tán loạn.

Wương Lăng tự biết không địch nổi Tôn Sách, nên theo đường sông rút lui về Đông Dã (Phúc Châu). Tôn Sách thúc quân truy kích, chiếm Đông Dã, Vương Lăng phải đầu hàng. Vùng Hội Kê vậy là đã được bình định.

“Vu kỳ đồ nhi dụ chi dĩ lợi, hậu nhân phát, tiên nhân chí”

Tuy đi đường vòng, nhưng lấy lợi nhỏ mà dụ địch, mới có thể xuất phát sau kẻ địch mà lại lới trước yếu địa cần chiếm.

Triệu Xa dụ địch đến Yên Dục tiêu diệt

Thời Chiến Quốc, năm Triệu Huệ Văn vương thứ 29 (năm 270 trước Công Nguyên), nước Tần phái Trung Canh (tước vị thứ 13 của Tần) là Hồ Dương đi đánh Triệu, vượt qua địa khu Thượng Đảng của nước Hàn, bao vây thành Yên Dục, 1 vị trí hiểm yếu của nước Triệu.

Vua Triệu vời đại tướng Liêm Pha vào hỏi: “Có thể đi cứu được không?” Liêm Pha đáp: “Đường vừa xa vừa nhỏ hẹp, khó cứu”. Vua Triệu lại vời đại tướng Nhạc Thừa, Nhạc Thừa cũng trả lời như Liêm Pha,

Vua hỏi thêm Triệu Xa, ông đáp: “Đánh nhau ở nơi đường xa và nhỏ hẹp giống như hai con chuột cắn nhau trong hang, con nào dũng cảm hơn sẽ thắng”. Thế là vua Triệu cử Triệu Xa làm tướng, cất quân đi cứu thành Yên Dục.

Triệu Xa vốn chỉ là một viên quan thu thuế, nhưng rất nghiêm minh, đã giết 9 gia thần của Bình Nguyên quân Triệu Thắng về tội chống thuế. Bình Nguyên quân căm giận, định giết Triệu Xa, nhưng thấy ông là một nhân tài, tiến cử với vua Triệu. Vua Triệu giao cho Triệu Xa quản lý việc thuế khóa cả nước, quả nhiên kho lẫm lúc nào cũng đầy, đâu ra đấy, vua rất quý mến.

Quân đội rời kinh đô Hàm Đan, tiến về phía tây 30 dặm thì dừng. Triệu Xa muốn lừa quân Tần, truyền lệnh: “Người nào tới bàn việc quân, hối thúc tiến quân cứu viện, sẽ bị chém đầu ngay!”.

Quân Tần tiến đến Võ An (tỉnh Hà Bắc) hạ trại, uy thế ghê gớm, ngày đêm diễn tập, thao luyện, chiêng trống hò hét vang động 1 góc trời. Trong khi đó, trong quân Triệu có 1 tướng không nhịn được, đề nghị Triệu Xa gấp đi cứu Võ An, Triệu Xa lệnh chém đầu, kiên quyết án binh bất động, chỉ tăng cường công sự phòng ngự suốt 28 ngày. Quân Tần phái người sang bên quân Triệu để dò xét tình hình. Triệu Xa biết vậy, tiếp đãi tử tế xong mới tiễn ra về.

Người nọ trở về nói lại tình hình, tướng Tần nghe vậy cả mừng, nói: “Triệu Xa mới rời kinh đô ba chục dặm đã dừng lại phòng thủ, xem chừng chỉ vài ngày nữa quân ta sẽ chiếm được Yên Dục”.

Khi gián điệp Tần về rồi, Triệu Xa lập tức hạ lệnh nhổ trại. Quân Triệu hành quân như lốc cuốn, sau 1 ngày đêm đã tới Yên Dự. Quân Tần nghe tin, biết là bị lừa, vội kéo toàn bộ binh mã tới sau.

Tình thế căng thẳng, sắp xảy ra quyết chiến. Trong quân Triệu bỗng có một người lính tên là Hứa Lịch liều chết xin vào gặp Triệu Xa để bàn về tác chiến. Triệu Xa cho phép vào.

Hứa Lịch nói: “Quân Tần tuy không ngờ chúng ta lại tới đây nhanh vậy nhưng khí thế của chúng rất mạnh, xin tướng quân tập trung binh lực, chuẩn bị tác chiến. Nếu không chắc chắn sẽ thất bại”.

Triệu Xa nói: “Theo quân lệnh đã ban, người hãy chuẩn bị chịu chém!”. Hứa Lịch không chút run sợ: “Vậy tướng quân hãy chém tôi luôn đi!”. Không ngờ Triệu Xa lại nói: “Đó chỉ là lệnh khi mới rời Hàm Đan, hiện không thích hợp nữa. Vậy người nói xem nên đánh cách nào?”

Hứa Lịch nói: “Quân ta phải nhanh chóng chiếm dãy núi phía bắc Yên Dự. Ai chiếm được nơi ấy trước, người ấy sẽ thắng”. Triệu Xa nghe theo, điều một vạn quân đi chiếm dãy núi ấy.

Quân Tần đến chậm một bước, bị quân Triệu chặn đánh quyết liệt, tên bắn xuống như mưa, không sao lên được. Triệu Xa thấy thời cơ đã chín muồi, liền hạ lệnh tổng công kích từ bốn phương tám hướng. Quân Tần thảm bại. Hồ Dương thấy quân mình quăng cả áo giáp và vũ khí mà chạy, ra lệnh thu quân. Yên Dự được giải vây.

Triệu Xa kéo quân về Hàm Đan. Vua Triệu phong ông tước Mã Phục quân, địa vị ngang với Liêm Pha. Hứa Lịch vì có công hiển kế, cũng được thăng hàm Quốc úy.

“Quyển giáp nhi xu, nhật dạ bất xử, bội đạ kiên hành, bách lý nhi tranh lợi, tắc cầm tam quân tướng ”

Cuốn giáp tiến gấp, ngày đêm không nghỉ, đi trăm dặm mà tranh lợi, thì tướng lĩnh ba quân có thể bị bắt.

Lý Quảng Lợi đem quân mệt mỏi đánh giặc

Hán Võ đế, năm Chinh Hòa thứ ba (năm 90 trước Công Nguyên), tháng Giêng, Hung Nô đem binh đánh phá Ngũ Nguyên (tây bắc thị trấn Câu Đầu, Mông cổ) và Tửu Tuyên, giết 2 đô úy giữ thành. Hán Võ đế cử Nhị sử tướng quân Lý Quảng Lợi đem 7 vạn quân tới Ngũ Nguyên đánh lại Hung Nô.

Sau khi Lý Quảng Lợi xuất quân đến biên giới, Hung Nô phái Hữu đại đô đốc Hòa Vệ Luật (vốn là tướng Hán sang hàng Hung Nô, được Hung Nô phong tước Đinh Linh vương) dẫn 5000 kỵ binh đến cửa ải Phù Dương Câu, chặn quân Hán.

Quân Hán vào trận, nhuệ khí đang hăng, lại chiếm ưu thế tuyệt đối về số lượng, quân Hung Nô đại bại, phải rút chạy. Quân Hán thừa thắng truy kích lên phía bắc đến tận thành Phạm Phù Nhân. Thấy quân Hán thế mạnh, Hung Nô bỏ thành mà chạy.

Em gái của Lý Quảng Lợi được Hán Võ đế sủng ái, sinh được 1 con trai, được phong tước Ai vương, Lý Quảng Lợi trước khi xuất chinh từng bàn mưu với thừa tướng Lưu Khuất Mao, để nhà vua lập Ai vương làm thái tử.

Lý Quảng Lợi đang tiến quân, thì mưu kế kia bị bại lộ, Thừa tướng Lưu Khuất Mao bị chém đầu; gia quyến vợ con Lý Quảng Lợi bị bắt giam. Lý Quảng Lợi ở xa nghe tin vừa buồn vừa lo sợ. Thuộc hạ của ông là Hồ Á Phu nói với ông: “Gia đình tướng quân đều bị giam cầm, nếu tướng quân trở về thì chỉ có thể cùng gặp họ trong nhà lao mà thôi”.

Lý Quảng Lợi do dự, thầm biết không có đường về, chỉ còn cách lập công chuộc tội, tiếp tục giục quân tiến lên phía bắc, đến tận sông Chất Cư.

Lúc này, quân Hung Nô đã rút xa hơn nữa. Lý Quảng Lợi đem hai vạn binh mã vượt sông tãi đối diện với hai vạn quân của Tả hiền vương Hung Nô. Đồi bên đánh nhau một trận kịch liệt suốt ngày. Tả đại tướng của Hung Nô tử trận, quân sĩ thương vong nặng nề. Quân Hán cũng tổn thất nặng. Lý Quảng Lợi dẫn quân đến núi Yên Nhiên.

Quân Hán trải qua đường dài vạn dặm, người ngựa đã mệt, nhuệ khí bản đầu đã hết. Hung Nô Đơn Vu biết vậy, đích thân dẫn 5 vạn kỵ binh chặn đánh. Trải qua một trận kịch chiến, đôi bên đều tổn thất. Quân Hán càng mỏi mệt. Đêm ấy, Hung Nô cho đào một dải hào sâu mấy thước ở phía trước doanh trại quân Hán. Sau đó quân Hung Nô vòng ra sau lưng quân Hán mà tấn công. Quân Hán muốn tiến không được, lui không xong, tức thời rối loạn.

Lý Quảng Lợi thấy quân sĩ không còn ý chí chiến đấu đành đầu hàng. Hung Nô Đơn Vu đem con gái của mình gả cho Lý Quảng Lợi và quý mến hơn cả Vệ Luật.

Vệ Luật rất ghen ghét với Lý Quảng Lợi. 1 lần, nhân mẹ của Đơn Vu bị bệnh, Vệ Luật xúi thầy phù thủy nói là phải giết Lý Quảng Lợi để tế các binh sĩ Hung Nô bị chết thì mới khỏi. Thế là Lý Quảng Lợi bị giết.

“Bất tri chư hầu chi mưu giả, bất năng dự giao”

Không hiểu ý đồ chiến lược của các nước chư hầu, không thể tính việc kết giao.

Sở Hoài Vương ngoại giao sai lầm, thất bại nhục nhã

Năm Chu Noãn vương thứ 2 (năm 313 trước Công Nguyên), sau khi uy phục Hàn, Ngụy, nước Tần mưu đồ đánh Tề. Vì Tề liên minh với cường quốc phía nam của Tần là Sở, đôi bên liên hệ rất mật thiết, Tần sợ đánh Tề sẽ bị Sở đánh sau lưng mình, Tần Huệ vương phái Trương Nghi sang Sở nhằm phá vỡ liên minh Tề Sở, sau đó sẽ đánh bại từng nước.

Trương Nghi sang Sở, chưa vội vào yết kiến vua Sở, mà dùng rất nhiều tiền của châu báu đến bái yết sủng thần của vua Sở là Cận Thượng và hoàng hậu Trịnh Tự sau đó mới nhờ Cận Thượng dẫn vào gặp vua Sở.

Trương Nghi nói với Sở Hoài vương: “Tần vương kính trọng đại vương hơn ai hết, ước vọng cao nhất của Trương Nghi này cũng là muốn được giúp đại vương; người mà Tần vương với Trương Nghi này căm hận nhất là vua Tề. Nay đại vương lại kết giao với vua Tề, khiến cho vua tôi Trương Nghi này vô cùng khó xử. Nếu đại vương tin Trương Nghi này, mà tuyệt giao với Tề, thì Tần sẽ đem 600 dặm đất Thương Ô và mỹ nữ nước Tần hiến cho đại vương. Như vậy, đối với Sở mà nói, vừa làm yếu Tề, vừa kết thân với Tần, lại còn được đất Thương Ô, không phải là được 1 lần cả 3 việc tốt đó sao?”

Sở Hoài vương cả mừng, lập tức đồng ý với kiến nghị của Trương Nghi. Quần thần đều chúc mừng Sở Hoài vương không tốn 1 người lính đã có 600 trăm dặm đất.

Duy chi có Khách khanh Trần Chấn tỏ vẻ không vui. Sở Hoài vương cả giận, hỏi duyên cớ. Trần Chấn thẳng thắn đáp: “Thần cho rằng đất Thương Ô còn chưa được, thì Tề đã liên minh với Tần, lúc bấy giờ sẽ là đại họa cho nước Sở chúng ta!”

Sở Hoài vương chưa hiểu. Trần Chấn lại tiếp: “Nay Tần sở dĩ đề cao nước Sở là vì Sở với Tề liên minh. Nếu ta tuyệt giao với Tề, Sở sẽ bị cô lập. Trương Nghi về đến Tần nhất định sẽ nuốt lời hứa, như vậy đất ta không được, lại tuyệt giao với Tề, liên quân Tề Tần mà kéo đến... . Sở Hoài vương bảo Trần Chấn im và nói: “Người xem thường trầm quá!”

Sở Hoài vương trao tướng ân và tặng nhiều vàng bạc cho Trương Nghi, nhờ Trương Nghi về thuyết phục Tần vương chuyển giao 600 dặm đất Thương Ô cho Sở, và lệnh tuyệt giao với Tề.

Khi Trương Nghi trở về, Sở Hoài vương phái một tướng đi theo để nhận đất. Ai ngờ khi xe đến nước Tần, Trương Nghi giả bộ té xe què chân, 3 tháng không vào triều. Việc nhận đất Thương Ô không hề được nhắc tới.

Sở Hoài vương cho rằng Trương Nghi cố ý kéo dài là do nghi ngờ Sở chưa hoàn toàn tuyệt giao với Tề, nên sai một số quân lính đến biên giới nhục mạ vua Tề.

Vua Tề cả giận, cử sứ thân sang bàn việc liên minh với nước Tần. Bấy giờ Trương Nghi mới lại vào triều, giả bộ kinh ngạc nói với viên tướng sứ giả nước Sở: “Sao tướng quân chưa đi nhận đất? Thôi để Trương Nghi này đem tặng sáu dặm đất của ta cho Sở vương vậy”. Viên tướng ngạc nhiên: “Sở vương bảo tôi đi nhận 600 dặm đất Thương Ô, sao lại chỉ có 6 dặm?”, Trương Nghi đáp: “Tướng quân nghe nhầm đấy!”.

Sứ giả trở về tâu với Sở vương, Sở vương cả giận, chuẩn bị cất quân đánh Tần.

Lúc này Trần Chấn bước ra nói: “Bấy giờ đánh Tần không bằng cắt đất cho Tần để cùng Tần hợp binh đánh Tề. Ta tuy mất đất cho Tần, nhưng còn lấy lại nước Tề, giữ được an toàn cho đất nước”.

Sở vương không nghe, cử tướng Khuất Cái đem 10 vạn quân đánh Tần. Tần sớm đã đề phòng, phái Ngụy Chương đem binh chống cự. Đội bên đánh nhau to ở Đơn Dương. Giữa lúc ấy, Tề cử đại tướng Khương Chương đem 5 vạn quân giúp Tần đánh Sở.

Khuất Cái không địch nổi liên quân Tần-Tề, thua to. Quân Tần giết 8 vạn, bắt sống Khuất Cái và thuộc hạ tổng cộng hơn 70 người, chiếm hơn 600 dặm đất Hán Trung của Sở.

Sở vương không cam thất bại, dốc toàn bộ lực lượng đánh Tần lần nữa. Trận đánh lớn ở Lam Điền, quân Sở đại bại. 2 nước Hàn, Ngụy thấy Sở bại trận, thừa cơ liên hợp đánh Thập Hà của Sở. Sở phải rút quân về, cắt hai thành cho Tần để giảng hòa.

Sở Hoài vương ngoại giao sai lầm không những chủ lực bị tiêu diệt, mà còn mất vùng đất Hán Trung trọng yếu, để Sính Đô cũng bị Tần uy hiếp.

*“Bất tri sơn lâm, hiểm trở, thủ trạch chi hình giả, bất năng hành quân ”
Chưa nắm được địa hình sông núi,đầm hồ, không thể hành quân.*

Lý Tư Nguyên nắm địa hình, cứu U Châu

Thời Hậu Lương, tháng 3 năm Trinh Minh thứ ba (năm 917), thủ lĩnh Khiết Đan là A Cảo Cơ thân chinh dẫn đại quân nam tiến, đánh bại quân Tấn ở Tân Châu (huyện Nhai Lộc tỉnh Hà Bắc), thừa thắng bao vây U Châu (phía tây nam thành Bắc Kinh). 30 vạn đại binh Khiết Đan vây chặt U Châu, doanh trại san sát khắp núi đồi và đồng bằng.

Trấn thủ U Châu là Lư Long Tiết độ sứ Chu Đức Uy một mặt chỉ huy quân chống cự, một mặt cử người về cấp báo với vua Tấn.

U Châu là trọng điểm quân sự phía bắc, Chu Đức Uy lại là Thượng tướng của Tấn, lỡ có bề gì hậu quả khó lường, vua Tấn là Lý Tồn Húc lập tức triệu quần thần thương nghị.

Thời ấy Tấn và Hậu Lương đang đánh nhau to ở Hà Bắc, đa số tướng lĩnh cho rằng U Châu có thành trì kiên cố, Chu Đức Uy mưu trí, dũng cảm, tạm thời chưa cần chia binh đi cứu viện. Duy có vài ba người, như Lý Tư Nguyên, dứt khoát chủ trương đem binh đi cứu cấp, Lý Tư Nguyên tự xin làm tiên phong.

Lý Tồn Húc nghe chư tướng bàn bạc, sớm đã hạ quyết tâm cứu viện U Châu. Ý kiến của Lý Tư Nguyên củng cố thêm quyết tâm của nhà vua, nên lập tức cử Lý Tư Nguyên chuẩn bị xuất binh.

Tháng 4, Lý Tồn Húc lệnh Lý Tư Nguyên đi tiên phong, Yên Bảo chỉ huy hậu quân, sau đó nhà vua sợ chưa đủ lại phái Lý Tồn Thẩm đi tăng viện.

Tháng 7, ba đạo quân hội hợp tại Dịch Châu (huyện Dịch, tỉnh Hà Bắc). Tổng cộng bộ binh và kỵ binh là 7 vạn người. Các tướng bàn nhau cách tiến quân như nào.

Lý Tồn Thẩm nói; “Dịch đông ta ít, dịch nhiều kỵ binh ta nhiều bộ binh. Nếu đôi bên giao chiến ở đồng bằng, dịch dùng ưu thế tuyệt đối về kỵ binh thì quân ta sẽ bị tiêu diệt!”

Lý Tư Nguyên tiếp lời: “Tôi nghĩ không chỉ vậy. Vì dịch đã chiếm trận địa trước nên kỵ binh dịch tha hồ cơ động ở vòng ngoài; còn quân ta phải

đem lương thực theo cùng, nếu gặp địch ở đồng bằng, kỵ binh địch sẽ dễ dàng cướp lương thực ta thì quân ta không đánh đã phải lui”.

Thế là Lý Tư Nguyên quyết định tiến quân theo đường núi. Dù có gặp địch, cũng có thể dựa vào địa hình hiểm trở mà phòng thủ, khiến kỵ binh địch không phát huy được sở trường. Vì vậy, sau khi xuất phát từ Dịch Châu, quân Tấn không tiến thẳng tới U Châu ở đông bắc, mà lên phía chính bắc.

7 vạn quân Tấn vượt qua Đại Phòng Lĩnh (tây bắc huyện Phòng Sơn, tỉnh Hà Bắc), theo khe núi vòng sang phía đông. Lý Tư Nguyên cùng con trai Lý Tông Kha dẫn 3000 kỵ binh đi ở hàng đầu. Quân tiến đến cách U Châu 60 dặm, bất ngờ gặp kỵ binh Khiết Đan. Quân Khiết Đan kinh hoàng, quay ngựa chạy. Quân Tấn tức thời chia làm hai cánh bám theo. Quân Khiết Đan chạy trên núi, quân Tấn đuổi theo hẻm núi. Mỗi khi tới cửa rừng, kỵ binh Khiết Đan lại thừa cơ chặn đánh, cha con Lý Tư Nguyên phải tử chiến mới dẫn quân tiếp tục tiến qua được. Trải qua mấy phen như vậy, quân Tân mới ra tới cửa rừng cuối cùng. Nào ngờ họ chưa kịp thở phào nhẹ nhõm, thì đã lạnh người vì đã thấy hơn một vạn kỵ binh Khiết Đan ở trước mặt !

Thắng bại chính ở lúc này đây. Lý Tư Nguyên thâm hạ quyết tâm, rồi dẫn hơn 100 kỵ binh tiến trước. Ông quăng mũ, chỉ thẳng roi ngựa về phía trước và dùng tiếng Khiết Đan quát lớn: “Các người vô cớ xâm phạm biên cương nước ta, Tấn vương cử ta đem trăm vạn hùng binh đến thẳng Tây Lô (kinh đô của Khiết Đan nay ở trên đất Mông cổ) để tiêu diệt bọn bay ! Nói đoạn, Lý Tư Nguyên thúc ngựa xông thẳng vào đội hình quân Khiết Đan, giết ngay 1 tướng địch. Tướng sĩ quân Tấn thấy chủ soái thần dũng, hăng hái xông lên giết địch.

Kỵ binh Khiết Đan từ từ rút dần về phía sau, quân Tấn bám theo, toàn bộ ra khỏi cửa rừng, phía trước đã là đồng bằng trống trải.

Đây đã không còn rừng núi che chở, rất dễ bị kỵ binh địch tiến đánh, nên Lý Tồn Thẩm sai bộ binh chặt cây làm các chạc ba mỗi người mang theo một cái. Mỗi khi dừng chân, họ dùng chạc cây dựng thành bờ rào trại. Kỵ binh Khiết Đan chạy vòng bên ngoài thì từ bên trong hàng vạn mũi tên bắn ra như mưa, quân địch trúng tên, xác chết ngổn ngang.

Quân Tân tới gần U Châu, quân Khiết Đan dàn trận chờ sẵn. Lý Tồn Thẩm hạ lệnh bộ binh chờ ở phía sau, để những người ốm yếu ôm cỏ cây lên

phía trước, dồn đông mà đốt. Khói bay mù mịt quân Khiết Đan không hiểu lực lượng đối phương nhiều hay ít.

Thấy giờ quyết chiến đã tới, Lý Tư Nguyên phát lệnh, kỵ binh tiến trước, bộ binh bám theo xông vào trận địch. Quân Khiết Đan thua to, vứt bỏ xa trường, cừ ngựa mà chạy.

Lý Tư Nguyên dẫn quân vào thành U Châu. Chu Đức Uy ra đón, cảm động nước mắt lưng tròng, U Châu bị vây khốn đã ngót 200 ngày, lương thảo sắp cạn, nếu Lý Tư Nguyên không đến cứu viện kịp thời, chắc khó giữ được trọng điểm quân sự này!

“Bất dụng hướng đạo giả, bất năng đắc địa lợi”

Không dùng người dẫn đường, không thể chiếm được địa lợi.

Thành Cát Tư Hãn theo đường mòn đánh chiếm Cư Dung

Nguyên Thái tổ Thành Cát Tư Hãn lần đầu tiên công Trung Đô (tây nam thành Bắc Kinh) của triều Kim, do không đủ quân, phải rút về, đầu năm sau (1212) lại quyết định đánh Trung Đô lần nữa.

Tháng 7 năm sau, Thành Cát Tư Hãn lại dẫn chủ lực đánh Trung Đô của triều Kim. Quân Nguyên lần lượt chiếm Đức Hưng, Hoài Lai, Tấn Sơn (Diên Khánh, Bắc Kinh), tiến đến ải Cư Dung.

Ái Cư Dung có hai cửa cách nhau 40 dặm, ở giữa là hiệp cốc (hẻm núi), hai bên hiệp cốc vách đá dựng đứng, cao ngất, cực kỳ hiểm trở. Quân Kim dựa vào địa thế hiểm trở, đóng chặt cổng cửa ải bằng sắt, sai tinh binh trấn giữ.

Quân tiên phong của Thành Cát Tư Hãn tới cửa ải lập tức tiến công, nhưng bị quân Kim dùng gỗ, đá lăn xuống thương vong nặng nề, đành phải lui. Quân Kim liền mở cửa ải xông ra đuổi theo chém giết mấy dặm vẫn chưa thấy hậu quân của địch kéo tới. Quân Kim định đuổi tiếp, bỗng nghe pháo lệnh nổ vang, quân Nguyên mai phục ủa ra vây chặt và diệt sạch.

Thành Cát Tư Hãn kéo quân đến công phá ải Cư Dung, nhưng cửa ải đã đóng chặt, không tiến lên nổi. Thành Cát Tư Hãn bèn triệu Tát Ba Lặc đến hỏi: “Làm thế nào công phá ải Cư Dung?”

Tát Ba Lặc đã nhiều phen đi sứ sang triều Kim nên thông thuộc địa hình, đáp: “Trong rừng sau có con đường mòn dẫn tới cửa ải phía nam. Thần từng đi theo con đường ấy”.

Thành Cát Tư Hãn suy xét, quyết định để một bộ phận binh lực ở lại tiếp tục đối mặt với quân Kim, còn mình thân chinh dẫn đại quân đi đường vòng sang phía tây để tới ải Tử Kinh (ải Tử Kinh, huyện Dịch, tỉnh Hà Bắc). Lại sai tướng Chiết Bá đem kỵ binh nhẹ do Tát Ba Lặc dẫn đường đi đánh cửa ải phía nam. Quân Nguyên đến cửa nam, quân Kim đi phát hiện, thì đã muộn. Cửa nam bị chiếm, cửa bắc sau đó cũng không chống nổi. Thành Cát Tư Hãn phái 5000 kỵ binh chặn đường tiếp cứu Trung Đô và kéo đại quân tới bao vây Trung Đô.

“Binh dĩ trá lập, dĩ lợi động, dĩ phân hợp vi biến giả dã ”

Dùng binh đánh trận phải dựa vào biến hoá giả trá mới mong thành công, phải căn cứ vào chỗ có lợi hay không mà hành động, tùy sự phân tán hay tập trung binh lực mà thay đổi chiến thuật.

Chu Nguyên Chương dụ Trần Hữu Lượng

Năm Nguyên Thuận đế Chí Chính thứ 19 (năm 1359) Chu Nguyên Chương lấy Ứng Thiên (Nam Kinh, Giang Tô) làm trung tâm. Lập xong căn cứ địa Giang Nam, Chu Nguyên Chương quyết định trước hãy dẹp yên 2 tập đoàn lớn là Trần Hữu Lượng ở phía tây và Trương Sĩ Thành ở phía đông, sau đó sẽ tiến lên phía bắc diệt Nguyên, thống nhất cả nước.

Chu Nguyên Chương hỏi mưu sĩ Lưu Cơ (Lưu Bá Ôn) xem nên đánh tập đoàn nào trước. Lưu Cơ nói: “Trần Hữu Lượng chiếm Giang Châu luôn nhòm ngó ta, nên dốc toàn lực diệt họ Trần trước. Diệt xong, họ Trương còn một mình, dễ dàng bị dẹp”.

Chu Nguyên Chương nghe theo, tích cực chuẩn bị chiến thuyền để đánh Trần Hữu Lượng phía tây. Trần Hữu Lượng vốn coi Chu Nguyên Chương là đối thủ chính, không đợi họ Chu tấn công, đã đem hết binh lực xuôi dòng tiến đánh. Năm 1360, tháng Năm nhuận, Trần Hữu Lượng đánh chiếm Thái Bình, Thái Thạch.

Sau khi chiếm Thái Bình, Trần Hữu Lượng giết lãnh tụ nghĩa quân nông dân Từ Thọ Huy; lấy miếu Ngũ Thông ở Thái Thạch làm cung điện, tự xưng đế, quốc hiệu Hạng, rồi phái sứ sang hẹn với Trương Sĩ Thành cùng đánh Chu Nguyên Chương.

Bây giờ thủy quân của Trần Hữu Lượng gấp 10 lần thủy quân của Chu Nguyên Chương, không đợi Trương Sĩ Thành trả lời, Trần Hữu Lượng đã chỉ huy thủy quân tiến đến Ứng Châu.

Chu Nguyên Chương nghe báo, vội triệu các tướng lĩnh bàn cách chống đỡ. Có người đề nghị lập tức đem quân nghênh chiến, có người chủ trương bỏ thành lui về cố thủ Trung Sơn (Tử Kim Sơn, Đông Giao, Nam Kinh). Có mưu sĩ cho rằng nên đầu hàng. Cuộc tranh luận kéo dài chưa ngã ngũ.

Chu Nguyên Chương chăm chú lắng nghe, thấy Lưu Cơ lặng thinh, biết mưu sĩ này có chủ ý, tạm ngừng bàn luận, mời Lưu Cơ vào phòng bàn riêng, Chu hỏi: “Địch đã tới gần, tiên sinh có cao kiến gì chăng?”, Lưu Cơ đáp: “Những kẻ chủ trương đầu hàng hoặc rút chạy, có thể đem chém đầu

làm hiệu lệnh. Để an định lòng quân, có thể mở kho phân phát. Kẻ địch kiêu ngạo, thì nên dụ địch vào sâu rồi dùng phục binh tiêu diệt”.

Chu Nguyên Chương nghĩ “Làm sao để dụ Trần Hữu Lượng đây?”. Sau một hồi suy tính, liền sai người triệu Khang Mậu Tài vốn là tướng Nguyên sang hàng và là bạn cũ của Trần Hữu Lượng.

Khang Mậu Tài tới. Chu Nguyên Chương nói: “Người vốn là bạn cũ của Trần Hữu Lượng, nay ta muốn người viết thư trá hàng cho hãn, hẹn hãn chia quân tiến đánh Ứng Thiên, người sẽ làm nội ứng, liệu có được hay chăng?”

Khang Mậu Tài đáp: “Trần Hữu Lượng là kẻ không có tín nghĩa, đã giết người bạn đồng hương thân thiết của tại hạ là Từ Thọ Huy, tại hạ đang muốn báo thù. Mậu Tài này nguyện tuân lệnh tướng quân, dù chết cũng chẳng từ nan. Tại hạ có một lão bộc biết rõ Trần Hữu Lượng, để người đó mang thư đi, chắc Trần Hữu Lượng sẽ không nghi ngờ”.

Khang Mậu Tài về phủ, viết thư trá hàng, giao cho lão bộc dặn đi dặn lại phải hết sức bình tĩnh, không được để lộ bất cứ sơ hở nào.

Trần Hữu Lượng nhận thư của Khang Mậu Tài. Thư viết: “Xin hãy chia quân làm ba đường đánh phá Ứng Thiên, Mậu Tài sẽ đem binh ở cầu Giang Đông ngoài thành Ứng Thiên làm nội ứng, mở rộng cửa thành, tiến thẳng vào soái phủ, có thể bắt sống Chu Nguyên Chương...”

Trần Hữu Lượng tuy trong bụng rất mừng, nhưng còn nghi ngờ, cật vấn người lão bộc đủ điều. Người lão bộc đã được dặn dò ứng đáp trôi chảy. Trần Hữu Lượng nói: “Người hãy gấp trở về bảo Mậu Tài rằng ta lập tức chia quân làm ba đường đánh Ứng Thiên. Nhờ Mậu Tài làm ám hiệu đúng lúc”. Lão bộc đã đi, Trần Hữu Lượng còn hỏi thêm: “Cầu Giang Đông mà Mậu Tài canh giữ là cầu gỗ hay cầu đá?” Lão bộc đáp: “Là cầu gỗ”.

Người lão bộc đi rồi, thái úy (do Trần Hữu Lượng phong chức) Trương Định Biên nói với Trần Hữu Lượng: “Chúa công liệu có phải Khang Mậu Tài trá hàng hay không?”, Trần Hữu Lượng đáp: “Thế quân ta trúc chẻ ngói tan, có thách hãn cũng không dám!”.

Người lão bộc trở về Ứng Thiên, Khang Mậu Tài lập tức báo tin tỉ mỉ với Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương cười nói: “Trần Hữu Lượng chui vào tròng của ta rồi”. Đề phòng Khang Mậu Tài giả hàng làm thật, Chu

Nguyễn Chương lệnh cho tướng Lý Thiện Trường ngay đêm đó thay cầu Giang Đông thành cầu đá.

Hôm sau, Trần Hữu Lượng điều động hai đạo quân thủy bộ, đem mấy trăm chiến thuyền xuôi dòng. Tiền quân đến cảng Đại Thăng, gặp bộ tướng của Chu Nguyên Chương là Dương Cảnh ngăn chặn, không thể đổ bộ lên bờ được.

Trần Hữu Lượng thấy đi đường thủy theo Tân Hà thì chật hẹp, khó linh hoạt tiến thoái, hạ lệnh theo sông cái tiến thẳng đến cầu Giang Đông, để tiện kết hợp với Khang Mậu Tài đang chờ làm nội ứng.

Thuyền tới cầu Giang Đông, thấy cầu bằng đá, Trần Hữu Lượng bất giác hoài nghi, vội lệnh cho thuộc hạ gọi to họ Khang, nhưng gọi mấy lần không ai đáp. Trần Hữu Lượng biết là trúng kế, vội hạ lệnh cho em trai là Trần Hữu Nhân dẫn thủy quân tiến về hướng Long Loan.

Mấy trăm chiến thuyền lớn tập trung trên khúc sông Long Loan. Trần Hữu Lượng phái 1 vạn tinh binh rời thuyền lên bờ xây công sự, định dùng lực quân và thủy quân cùng đánh Ứng Thiên.

Chu Nguyên Chương cùng chư tướng đứng trên đỉnh núi Lư Long chỉ huy tác chiến. Lúc này, trời nắng gắt, Chu thấy tướng sĩ ai nấy mồ hôi ròng ròng, liền sai lính bỏ lọng đang che nắng cho mình, cùng chịu nắng với tướng sĩ làm ai nấy đều cảm động.

Đột nhiên, Chu ra lệnh cho phất lá cờ vàng. Đại tướng Thường Ngô Xuân từ phía tả, đại tướng Từ Đạt từ phía hữu dẫn binh xông tới chém giết đám quân địch đang làm công sự trên bờ. Quân địch bị tấn công bất ngờ, tức thì rối loạn.

Trần Hữu Lượng thấy nguy cấp, vội hét lớn: “Ba quân chớ hốt hoảng, kẻ nào bỏ chạy sẽ bị chém đầu!” nhưng một vạn tinh binh đã thương vong quá nhiều, lại không có chỉ huy, cứ thế cầm đầu chạy ra bờ sông để tranh nhau xuống thuyền.

Trần Hữu Lượng hoảng hồn hạ lệnh nhổ neo, nào ngờ lúc này nước triều đã rút, hơn một trăm chiến hạm lớn đều bị mắc cạn. Quân của Thường Ngô Xuân và Từ Đạt thừa thắng tràn xuống các chiến hạm mà chém giết. Quân của Trần Hữu Lượng lớp đầu hàng lớp bỏ chạy, lớp bị giết, lớp chết đuối, tan nát tơi bời.

Trần Hữu Lượng và Trương Định Biên thấy thất bại khó bề cứu vãn, vội rời chiến hạm, xuống một chiến thuyền nhỏ mà chạy trốn. Chỉ trận này, Chu Nguyên Chương đã diệt hơn 5 vạn, bắt sống hơn hai vạn người và thu hơn trăm chiến hạm cùng vài trăm thuyền nhỏ.

Chu Nguyên Chương bước lên chiến hạm chỉ huy của địch, thấy trong số giấy tờ Trần Hữu Lượng bỏ lại, có thư trá hàng của Khang Mậu Tài, thì mỉm cười, nói: “Trần Hữu Lượng người quả là ngu ngốc!”. Trong thời gian đó, Trương Sĩ Thành chỉ lo phòng giữ địa bàn của mình, không dám xuất binh. Chu Nguyên Chương nhân đó đem quân truy kích Trần Hữu Lượng, chiếm lại An Khánh, Thái Bình, sau đó lại tiến chiếm Tín Châu (Thượng Nhiêu, Giang Tây) sau đó tiêu diệt hoàn toàn cơ sở phục hồi của Trần Hữu Lượng.

“Đạ chiến đa kim cổ, trú chiến đa tinh kỳ ”

Đánh trận ban đêm phần nhiều dùng chiêng trống, đánh ban ngày dùng cờ xí.

Lý Thế Dân dùng nghi binh, đánh lui Đột Quyết

Tùy Dạng đế Dương Quảng nghe kiến nghị của đại thần Bùi Cự; dụ giết được một thủ lĩnh rất có mưu lược của bộ lạc Đột Quyết là Sử Thục Hồ Tất. Thế là thủ lĩnh Thủy Tất Kha Hãn của Đột Quyết cắt đứt quan hệ với triều Tùy.

Năm Tùy Dạng đế Dương Quảng thứ 11 (năm 615), mùa thu, Dương Quảng dẫn quân thân đi tuần du biên thùy phía bắc, trên đường gặp nhiều ngày mưa liên miên, đường sá lầy lội khó đi lại không đủ trưởng màn nên phần lớn tùy tùng phải gội mưa ngồi chờ trời tạnh.

Thủy Tất Kha Hãn nghe tin Dương Quảng đi tuần du bị lâm vào tình cảnh khổ sở, lập tức đem 10 vạn kỵ binh đến tấn công.

Dương Quảng biết tin đại quân Đột Quyết sắp tới đánh, vội hạ lệnh chuyển gấp vào thành Nhạn Môn (phía tây huyện Đại, tỉnh Sơn Tây).

Kỵ binh Đột Quyết tới vây kín Nhạn Môn. Thủy Tất Kha Hãn ra lệnh công phá thành dữ dội, tên có khi rơi tới cả chỗ ở của Dương Quảng.

Trong thành có cả thảy 15 vạn quân dân, lương thực chỉ đủ ăn trong 20 ngày, tình thế nguy ngập. Dương Quảng theo kiến nghị của Dân bộ thượng thư Phan Tử Cái viết thư hiệu triệu viện binh bỏ vào các ống trúc, thả xuôi dòng nước.

Tướng Vân Định Hưng bắt được thư hiệu triệu của Dương Quảng, đem quân đi gấp ngày đêm tới Nhạn Môn. Thấy kỵ binh Đột Quyết dày đặc xung quanh thành, Vân Định Hưng biết lực lượng quá chênh lệch, khó đẩy lui chúng, hỏi kế Lý Thế Dân lúc đó mới 17 tuổi. Lý Thế Dân đáp: “Sở dĩ địch đem binh đến đây vây thiên tử vì nghĩ rằng triều đình không thể đem binh cứu viện kịp. Chúng ta có thể căn cứ vào đó mà định kế”.

Vân Định Hưng gật đầu: “Đúng, người nói tiếp đi!”, Lý Thế Dân nói: “Ban ngày ta nên dùng thật nhiều tinh kỳ cắm liền vài chục dặm, ban đêm thì nổi chiêng trống khắp nơi. Địch tưởng rằng đại quân ta tới cứu viện, ắt sẽ bỏ chạy. Còn nếu ta trực tiếp giao chiến với chúng, ta yếu địch mạnh, thì ta khó chống cự nổi”.

Vân Định Hưng tán thưởng kế nghi binh đó, lập tức bố trí ban ngày cầm cờ bao quanh sơn cốc, liền hàng chục dặm ban đêm nổi trống, tù và khắp nơi, như thiên binh vạn mã đang truyền hiệu lệnh cho nhau. Thủy Tất Kha Hãn tướng đại quân triều đình tới tiếp viện, không dám đánh thành nữa, phải chuyển sang phòng ngự, sợ bị đánh từ hai phía. Mấy ngày sau, quân Đột Quyết thiếu lương, đành phải rút quân về phía bắc. Vân Định Hưng truy kích, bắt sống hơn 2000 kỵ binh. Nhạn Môn thoát khỏi nguy hiểm.

“Tam quân khả đoạt khí”

Đối với quân địch, có thể làm tiêu tan nhuệ khí của chúng.

Lưu Bang làm tan rã ý chí quân địch ở Cai Hạ

Tháng 8, năm Hán Cao Tổ thứ tư (năm 203 trước Công Nguyên) Hán Sở nghị hoà, vạch Hồng Câu làm địa giới phân chia thiên hạ. Tháng 9, Hạng Vũ trả cha và vợ con của Lưu Bang bị bắt trong trận Bành Thành rồi kéo quân về phía đông.

Lưu Bang cũng định rút quân về phía tây, nhưng 2 mưu sĩ Trương Lương, Trần Bình nói: “Hiện quân Sở đã quá mệt, lương thảo không đủ, mà chúng ta thì đã chiếm được 2/3 thiên hạ, chính là thời cơ diệt Sở. Nếu bỏ lỡ thời cơ này, có khác gì nuôi hổ để họa về sau”.

Lưu Bang hiểu ra, lợi dụng việc Hạng Vũ theo đúng thỏa thuận dẫn quân về phía đông, đem quân truy kích Hạng Vũ, và cử người báo cho Hàn Tín, Bành Việt xuất binh hợp lực diệt quân Sở.

Mùa đông năm sau, Lưu Bang đuổi theo Hạng Vũ đến Cố Lăng (nam Thái Khang, Hà Nam). Đồi bên giao chiến. Nhưng do Hàn Tín, Bành Việt không đến theo ước hẹn, quân Hán bị đại bại.

Lưu Bang hao binh tổn tướng, bị buộc phải giữ thế thủ. Thiếu hai cánh quân Hàn Tín, Bành Việt, quân Hán khó mong chiến thắng. Lưu Bang nghe theo kế của Trương Lương, cắt đất từ phía đông Hoài Dương Hà Nam đến biển Đông cho Tề vương Hàn Tín, phong Bành Việt làm Lương vương và chia đất kèm theo. Thế là Hàn Tín, Bành Việt quả nhiên lập tức cất binh đến hợp lực.

Tháng 11, Lưu Bang lệnh cho đại tướng Lưu Giả tiến xuống phía nam, vượt Hoài Hà tiến vào nước Sở, bao vây Thọ Xuân (huyện Thọ, An Huy), đồng thời phái người đi dụ hàng Chu Đọan là tướng Sở, đang trấn giữ Cửu Giang.

Chu Đọan sai Anh Bố đem binh Cửu Giang liên hợp với Lưu Giả tiến lên phía bắc. Bành Việt dẫn quân từ đất Lương tiến xuống phía nam. Hàn Tín đem quân tiến sang phía tây, chiếm Bành Thành (Tứ Châu, Giang Tô). Cuộc quyết chiến cuối cùng Hán Sở tranh hùng bắt đầu.

Hạng Vũ bị tấn công từ 4 phía, muốn lùi về Bành Thành, nhưng đã muộn, đành chuyển hướng về phía nam, rút đến Cai Hạ (phía nam Linh Bích, An Huy). Quân Hán từ 4 phía đuổi sát theo sau.

Sau khi hội quân, quân Hán cộng cả thảy 30 vạn, Lưu Bang trao toàn quyền chỉ huy cho Hàn Tín. Hàn Tín chia toàn quân thành 10 đội, bày trận nhiều lớp liên hoàn tiếp ứng, chỉnh tề chặt chẽ, khí thế ngút trời.

Hạng Vũ tuy kém thế, nhưng binh mã còn 10 vạn, trong đó 8000 quân cảm tử do đích thân Hạng Vũ chỉ huy thuộc loại bất khả chiến bại. Hạng Vũ cố thủ trong doanh trại, không ra giao chiến, khiến Hàn Tín nhất thời chưa biết làm cách gì để đánh bại.

Bây giờ là cuối đông, gió bắc lạnh buốt, ban đêm càng băng giá. Tướng sĩ quân Sở đói rét, nhiều người oán thán. Bỗng từ phía doanh trại quân Hán vang vọng vọng ra tiếng hát náo nức. Đó là bài dân ca Sở, thuộc vùng Cửu Giang. “Đêm đông tháng giá, sương lạnh tứ bề. Trời cao nước biếc, con nọan lạc bầy. Mẹ già con dại, vợ trẻ chờ mong, Thấy người êm ấm, lòng ta bồn chồn...”

Hạng Vũ nghe bài dân ca Sở thì cả kinh, hỏi nàng ái phi Ngu Cơ ở bên mình: “Không lẽ quân Hán đã chiếm hết đất Sở hay sao, mà 4 doanh trại quân Hán lắm người Sở như vậy?”

Thì ra Trương Lương bày kế làm tiêu tan ý chí quân Sở bằng cách phân công binh lính Cửu Giang đi khắp trại dạy cho quân Hán hát bài dân ca trên. Tiếng hát bi thương làm cho quân Sở ai nấy nhớ gia đình, quê nhà, mà rơi lệ.

Hầu hết quân Sở không muốn bỏ xác ở nơi đây, lúc đầu còn lẻ tẻ, sau đó từng cánh quân rủ nhau bỏ trốn. Tướng Lý Bố, Chung Ly Muội từng theo Hạng Vũ bao năm, nay thấy kết cục thảm bại của quân Sở đã rõ, liền bỏ đi. Thậm chí chú ruột của Hạng Vũ là Hạng Bá cũng sang hàng Trương Lương. Đại tướng đã bỏ đi, quân sĩ không còn lòng dạ nào. Đơn vị hàng vạn quân, nay chỉ còn lại hơn ngàn người. Quân Sở không đánh tự tan.

Hạng Vũ quá buồn rầu chỉ uống rượu giải sầu, ngâm mấy câu thơ cảm khái:

Tấm thân lập biển vá trời

Thanh gươm yên ngựa một đời dọc ngang

Giờ đây mưa gió phủ phàng

Anh hùng mặt lộ, giang sơn tiêu điều.

Ngu Cơ đau đớn muôn phần, nói với Hạng Vũ: “Quân Hán đã vây kín tứ bề. Đại vương đã không còn ý chí, tiện thiếp còn sống làm gì nữa”. Đoạn dùng gươm đâm cổ tự vẫn.

Hạng Vũ nén đau thương, đem 800 kỵ binh lợi dụng đêm tối phá vây chạy về phía nam, cuối cùng bị quân Hán đuổi kịp bên bờ sông Ô Giang (đông bắc huyện Hoà, tỉnh An Huy). Hạng Vũ tự sát. Cuộc tranh hùng Hán Sở đến đây chấm dứt.

“Tướng quân khả đoạt tâm ”

Có thể làm dao động quyết tâm của tướng lĩnh địch.

Thái Bạt Khuê đánh đòn tâm lý, thắng quân Yên

Cuối thời Đông Tấn, họ Mộ Dung thuộc tộc Tiên Ti ở phương bắc sau khi lập chính quyền, thường gây chiến với chính quyền Bắc Ngụy do họ Thái Bạt, cũng thuộc tộc Tiên Ti kiến lập.

Năm Thái Nguyên thứ 20 (năm 395), tháng 5, chúa Yên là Mộ Dung Thùy cử Thái tử Mộ Dung Bảo, Triệu vương Mộ Dung Lân đem 8 vạn quân đánh Bắc Ngụy.

Mưu sĩ Trương Cỗ của Bắc Ngụy kiến nghị với chúa Ngụy là Thái Bạt Khuê rằng: “Yên dốc quân đánh ta, có ý khinh ta vậy ta nên cố ý giả yếu tránh xa để đối phương thêm kiêu ngạo, chờ chúng mệt sẽ đánh thì chắc thắng”.

Thái Bạt Khuê nghe, dẫn bộ lạc vượt Hoàng Hà sang phía tây hơn ngàn dặm để tránh quân Yên.

Quân Yên tiến đến Ngũ Nguyên, bắt hơn ba vạn hộ dân Ngụy hàng phục, thu hơn trăm vạn斛 lương, đem chứa cả ở Hắc Thành (trên đất Mông cổ), tiếp tục tiến Hoàng Hà, đóng thuyền chuẩn bị vượt sông.

Giữa tháng 8, chúa Ngụy Thái Bạt Khuê tập kết binh lực, tháng 9 tiến quân sang bờ bên kia Hoàng Hà, nghênh chiến quân Yên.

Thái tử Mộ Dung Bảo bày trận bên bờ bắc, chuẩn bị vượt sông. Bất ngờ trời mưa lớn, gió đánh giạt mấy chục chiến thuyền của quân Yên sang bờ nam. Quân Ngụy thừa cơ bắt các thuyền đó với hơn 300 quân Yên, song lập tức thả cho về bờ bên kia, làm bộ yếu đuối sợ sệt.

Lúc này chúa Yên là Mộ Dung Thùy lâm trọng bệnh. Thái tử Mộ Dung Bảo dẫn quân ở xa, trong lòng luôn lo lắng nghĩ tới bệnh tình của cha, liền phái sứ giả về kinh đô là Trung Sơn (Định Châu tỉnh Hà Bắc) thăm hỏi. Nhưng sứ giả trên đường về kinh, bị phục binh Yên bắt giam giữ trong doanh trại Ngụy.

Mấy tháng liền không được tin cha, Mộ Dung Bảo càng sốt ruột. Thái Bạt Khuê bèn sai sứ giả bị bắt sống từ bên này sông gọi to sang nói: “Cha của người đã chết, sao người không trở về!”

Mộ Dung Bảo càng thêm lo ngại bồn chồn. Tướng sĩ cũng dao động, nhụt cả nhuệ khí.

Hơn 10 ngày sau, bộ tướng của Mộ Dung Lâm là Mộ Dư Tung cho rằng chúa Mộ Dung Thùy đã chết thực, âm mưu làm loạn để lập Mộ Dung Lâm lên ngôi. Âm mưu bại lộ, Mộ Dư Tung và phe cánh bị Thái tử Mộ Dung Bảo giết chết. Từ đó Mộ Dung Bảo sinh ra nghi Mộ Dung Lâm, nội bộ bất hòa.

Tới tháng 10, Mộ Dung Bảo thấy rằng lần nữa chỉ thêm rắc rối, ra lệnh đốt thuyền trại, rút quân. Mộ Dung Bảo cho rằng mặt sông chưa đóng băng, quân Ngụy chẳng có cách gì bay qua sông truy kích được, nên không hề đề phòng phía sau.

Nào ngờ trời đột ngột chuyển lạnh, mặt sông đóng băng. Thái Bạt Khuê dẫn hơn 2 vạn kỵ binh nhẹ vượt mặt sông phẳng như gương đuổi gập quân Yên.

Quân Yên đến Tham Hợp (huyện Phong Trấn, Nội Mông) bỗng có gió lớn thổi mạnh, trời đất âm u, mây đen bao trùm doanh trại. Trong quân có 1 người từng là đạo sĩ, tên Chi Huyền Mãnh, cho rằng đây là điềm gở, đề nghị Mộ Dung Bảo hãy chú ý đề phòng. Mộ Dung Bảo cả giận quát: “Quân địch thấy uy danh của ta và sự dũng mãnh của quân Yên há dám đuổi theo. Gã đạo sĩ nói năng nhảm nhí, tội đáng chém đầu!”. Tuy không tin điềm gở, Mộ Dung Bảo vẫn phái mấy kỵ binh quay trở lại trinh sát.

Trinh sát đi được mười dặm, khí hậu bất thường, xuống ngựa ngồi nghỉ. Lúc này quân Ngụy đã lặng lẽ tiến đến phía tây Tham Hợp mà quân Yên không hề hay biết.

Mộ Dung Bảo đã định khi trời sáng trở lại sẽ nhổ trại, nhưng vì gió tây bắc quá mạnh, đành hạ lệnh cho quân sĩ tiếp tục nghỉ ngơi.

Hôm sau, quân Yên vừa lên đường, nghe trên núi chiêng trống vang trời, tướng sĩ ngẩng lên thì thấy quân Ngụy từ trên ào ào tràn xuống như nước vỡ bờ. Quân Yên bủn rủn chân tay, mạnh ai nấy chạy, tất cả chạy ra mặt sông phía đông. Mặt sông tuy đóng băng, nhưng cả 1 lượng người ngựa đông như thế tràn xuống, tức thời băng vỡ hết chỗ này chỗ kia. Quân Yên chạy đàng trước lần lượt chìm ngấm xuống sông, những kẻ chạy sau dồn đống

lại. Quân Ngụy xông vào chém giết, bắt sống. Thái tử Mộ Dung Bảo một mình phóng ngựa chạy thoát.

Thái Bạt Khuê đã dùng sách lược giả yếu, để tránh nhuệ khí ban đầu của địch, sau đó làm rối loạn lòng quân đối phương, rồi mới tiến công tiêu diệt, giành thắng lợi hoàn toàn.

“Thiên dụng binh giả, tị kỳ nhuệ khí, kích kỳ đoạ qui, thử trị khí giả dã ”

Người giỏi dùng binh phải tránh nhuệ khí của quân địch mới tới, đợi khi nhuệ khí đó tiêu tan mới đánh, đó là cách nắm chắc sĩ khí quân đội.

Tào Quệ tránh nhuệ khí, thắng trận Trường Thước

Mùa xuân năm Tề Hoàn công thứ hai (năm 684 trước Công Nguyên), Tề Hoàn Công nghe tin nước Lỗ đang chinh đốn quân đội chuẩn bị đánh Tề, liền quyết định chủ động đánh trước. Tướng quốc Quản Trọng can: “Trước mắt sức ta chưa đủ mạnh, đối nội cần phải đổi chính trị, chinh đốn quân sự, đối ngoại cần phải liên minh với các chư hầu. Chờ khi mạnh lên thì đánh mới có lợi”.

Tề Hoàn công nôn nóng muốn đánh ngay nên không nghe Quản Trọng, cử Bào Thúc Nha làm đại tướng đem đại quân tiến thẳng đến Trường Thước (đông bắc Lai Vu, Sơn Đông) đánh Lỗ.

Lỗ Trang công còn nhớ bài học năm trước bị đánh bại trên đất Tề nên ra sức luyện binh, chế tạo binh khí, tích trữ lương thảo. Nay thấy quân Tề tiến đánh, tự cảm thấy binh lực của mình còn chưa đủ, liền quyết định dốc toàn bộ lực lượng quyết chiến một phen.

Nước Lỗ có một thường dân tên là Tào Quệ, nghe tin quân Tề đánh nước mình, tự thấy mình có trách nhiệm, quyết tâm đến gặp Lỗ Trang công để trình bày cách nghĩ của mình.

Bà con trong làng can ông: “Đây là chuyện đại sự của quốc gia, hãy để các vị đại quan cơm no áo ấm mưu hoạch, ông hà tất phải mua dây buộc mình?”. Tào Quệ nói: “Mấy vị ấy thường chỉ nghĩ đến lợi của riêng họ, không biết lo tính sâu xa đâu”.

Lỗ Trang công đang cần người giúp mình ra quyết định, lập tức cho mời Tào Quệ.

Tào Quệ thấy Lỗ Trang công, liền hỏi: “Nghe nói đại vương đã có quyết sách tác chiến, thảo dân chưa rõ đại vương dựa vào đâu để giành thắng lợi?”. Lỗ Trang công nói: “Lương thực, quần áo trăm không hưởng một mình mà có chia cho thần dân. Nay quốc gia gặp nạn, thần dân sẽ đồng lòng giúp trăm”.

Tào Quệ lắc đầu: “Những thứ đại vương ban phát chỉ là chút ân huệ nhỏ. Huống hồ những ân huệ ấy cũng chỉ dành cho một số ít người. Đã chắc gì

trăm họ chịu quyết chiến với quân Tề?!”

Lỗ Trang công lại nói: “Trăm tế lễ thần minh thiên địa hết sức thành tâm, nhất định sẽ được trời đất phù hộ”. Tào Quệ lại lắc đầu lia lịa.

Lỗ Trang công trầm ngâm một lát, lại nói: “Mỗi năm ở nước ta có trăm ngàn vụ kiện tụng, trăm đều thận trọng xem xét để phán quyết cho công bằng. Trăm họ sẽ tin cậy và ủng hộ trăm”. Đến đây Tào Quệ mới gật đầu: “Đúng vậy! Đại vương đã tận tâm vì dân, sẽ dùng được lòng dân, vậy có thể quyết chiến được rồi!”

Lỗ Trang công hỏi: “Người có cách gì đánh thắng quân Tề chẳng?”, Tào Quệ đáp: “Đánh trận phải tùy cơ ứng biến, không có cách định sẵn. Xin đại vương cho thảo dân theo đại vương ra chiến trường”.

Thế là Lỗ Trang công cho Tào Quệ ngồi cùng xe với mình ra tiền tuyến Trường Thục.

Tào Quệ thấy quân Lỗ chiếm cứ trận địa ở nơi vừa có thể phòng thủ, vừa có thể tiến công, cách bố trí thích hợp, trong lòng rất vui.

Tào Quệ đang quan sát trận địa cùng với Lỗ Trang công thì quân Tề nổi trống thúc quân tiến công dồn dập. Lỗ Trang công sợ trận địa quân Lỗ bị đánh phá, định hạ lệnh phản kích. Tào Quệ vội can: “Kẻ địch năm ngoái đã thắng lớn một trận, nay sĩ khí đang hăng. Nếu quân ta ngênh chiến, chính là đúng ý đồ của chúng. Vậy ta hãy cố thủ, không hò hét, không xông ra, nhưng quyết không để cho chúng tiến lên một bước. Kẻ nào trái lệnh, xin hãy chém đầu!”

Quân Tề hò hét, chiêng trống vang trời, xông tới nhưng không gặp đối thủ, phía trận địa quân Lỗ ổn định chắc chắn, không chút sơ hở, đành thu quân về.

Vài giờ sau, quân Tề lại hò hét, nổi trống tiến quân. Bão Thúc Nha giục quân xung phong, nhưng quân Lỗ không ai ngênh chiến. Một lần nữa, quân Tề lại phải lui về.

Bão Thúc Nha động viên quân sĩ: “Quân Lỗ không dám ngênh chiến là vì run sợ, hoặc đang chờ viện binh. Quân ta phải xung phong lần nữa, buộc chúng xuất chiến, mới tiêu diệt được chúng”. Tướng sĩ quân Tề tuy không tin lắm, nhưng đành miễn cưỡng nổi trống tiến về phía trận địa quân Lỗ.

Rõ ràng lần thứ ba này tiếng trống, tiếng hò reo quân Tề có khí vô lực, đội ngũ xông tới đã chệch choạc lấy lệ. Tào Quệ nói với Lỗ Trang công: “Bây giờ là lúc có thể phản kích!” Lệnh phản công truyền ra, quân Lỗ đánh rất hăng, quân Tề thua to. Lỗ Trang công định hạ lệnh truy kích. Tào Quệ nói: “Hãy khoan, để thảo dân xuống xe xem đã!”.

Tào Quệ xem xét vết xe của địch, rồi lại xem xét tinh kỳ của chúng, rồi nói: “Bây giờ có thể truy kích!”. Lỗ Trang công nghe lời, hạ lệnh truy kích hơn 30 dặm, đánh quân Tề tới bờ, thu rất nhiều binh khí và xe ngựa.

Thắng lợi trở về, Lỗ Trang công hỏi Tào Quệ về nguyên nhân thắng lợi, Tào Quệ đáp: “Đánh trận dựa vào nhuệ khí. Khi quân địch xung phong đến lần thứ ba, nhuệ khí của chúng đã hết. Lúc ấy quân ta mới xông tới đánh bại được chúng. Khi đuổi địch phải đề phòng phục binh. Khi thảo dân thấy tinh kỳ của chúng ngổn ngang, vết bánh xe hỗn loạn thì biết là chúng thua thật phải bỏ chạy, không có phục binh, nên mới có thể truy kích đến cùng!”.

“Dĩ trị đãi loạn, dĩ tịnh đãi hoa, thử trị tâm giả dã”

Lấy sự nghiêm chỉnh của quân mình đối phó với sự hỗn loạn của quân địch, lấy sự bình tĩnh đối phó với sự hoang mang, đó là cách nắm vững tâm lý quân đội.

Tạ Ngải lâm nguy không loạn, thắng Ma Thu

Năm Đông Tấn Vĩnh Hoà thứ ba (năm 374), vua Triệu ở phương bắc là Thạch Hổ sai Thứ sử Lương Châu là Ma Thu đem 8 vạn quân sang đánh nước Lương ở phía tây.

Tin truyền đến Cô Tạng, kinh đô nước Lương (thành Võ Uy, Cam Túc). Nước Lương nhỏ bé, lực lượng kém xa Triệu. Vua Lương là Trương Trọng Hoa vội họp quần thần bàn kế đối phó.

Phúc Lộc bá Tạ Ngải nói: “Thần xin được đem quân chống địch!”. Trương Trọng Hoa cả mừng, vì biết Tạ Ngải tuy ít tuổi, nhưng mưu trí, cử Tạ Ngải làm đại tướng đem binh xuất chiến.

Trương Trọng Hoa hỏi Tạ Ngải cần bao nhiêu binh mã, Tạ Ngải chỉ xin 3 vạn quân bộ kỵ nghênh chiến. Tạ Ngải cử phó tướng Trương Xương đem quân vòng ra sau lưng địch, tự mình thì ngồi trên một cỗ chiến xa rất nhẹ, tiện di chuyển, trên đặt trống trận, người thì mặc bộ áo quan văn rộng thùng thình, dẫn quân thông thả tiến về doanh trại quân Triệu.

Ma Thu thấy Tạ Ngải ra đánh trận như vậy, cả giận nói: “1 gã thư sinh lại dám khinh ta vậy sao! Để làm mất nhục khí của Tạ Ngải, Ma Thu phái đội kỵ binh “Long Tượng” thiện chiến xông thẳng về phía quân của Tạ Ngải.

“Long Tượng” chém giết hung hãn một trận, làm cho tiền quân của Tạ Ngải phải tản ra, kỵ binh địch xông tới trung quân.

Ma Thu rất đắc ý, lệnh cho “Long Tượng” chiếm lấy cỗ chiến xa của Tạ Ngải còn mình đứng trên gò cao, cho nổi trống trợ chiến. Đội kỵ binh “Long Tượng” dũng mãnh, tràn đầy khí thế, hò reo xông tới phía Tạ Ngải. Tuy tưng của Tạ Ngải rất lo, đề nghị chủ tướng xuống xe, đổi ngựa. Tạ Ngải mỉm cười, xuống xe, nhưng không đổi ngựa, bảo tùy tùng lấy một ghế tựa, đặt dưới gốc cây lớn trên triền đồi, đoạn ung dung ngồi xuống, lệnh không được đánh trống phát cờ gì cả, cứ chờ lệnh chàng mà hành động.

Đội “Long Tượng” xông tới cách Tạ Ngải ngoài tầm tên bắn, thấy Tạ Ngải ung dung bình thản như vậy, cho rằng có phục binh, không dám tiến

tiếp. Ma Thu cũng lấy làm kỳ, nhưng chưa nắm được ý đồ của Tạ Ngải, cũng không dám quyết định.

Tạ Ngải thấy quân địch án binh bất động, liền bảo tùy tùng lấy rượu thịt ra trước mặt ăn uống cười nói vui vẻ, càng khiến Ma Thu khó hiểu.

Lúc này phó tướng Trương Xương đã tới phía sau lưng quân Triệu, liền phát động công kích, cố ý hò reo, chiêng trống thật náo động. Ma Thu đang hoang mang, giờ đây lại càng cả kinh, vội hạ lệnh lui quân. Mấy vạn binh mã nghe lệnh ấy, không hiểu lý do, lập tức rối loạn, Tạ Ngải thừa cơ nổi trống tiến công, thế như bạt núi lấp biển.

Ma Thu muốn không chế cục diện, nhưng đã muộn. Binh bại như núi lở, 8 vạn quân mấy chốc đã bị đánh tan tác, Ma Thu 1 mình phóng ngựa chạy trốn.

“Dĩ cận đãi viễn, dĩ dật đãi lao, dĩ bão đãi cơ, thử trị lực giả dã”

Lấy gần chờ xa, lấy nhàn chờ mệt, lấy no chờ đói, đó chính là cách nắm chắc sức chiến đấu của quân đội.

Lý Thế Dân dưỡng nhuệ khí, tăng quân lực đánh quân Tiết

Cuối thời nhà Tùy, quần hùng nổi lên xưng vương chiếm đất. Hiệu úy Kim Thành (Lan Chân, Cam Túc) nhà Đường là Tiết Cử thừa cơ khởi binh năm 617, chiếm cứ địa khu rộng lớn từ Thiên Thủy đến Lan Châu, tự xưng là Tần đế.

Năm sau (năm 618), tháng Năm, Lý Uyên xưng đế tại Tràng An, kiến lập triều Đường, đổi tên là Võ Đức. Tiết Cử đem 30 vạn quân mưu chiếm Tràng An, tháng 6 tiến công Kinh Châu, tháng 7 tiến gần Cao Giá.

Còn cách Tràng An một trăm dặm, kinh thành đã chấn động. Lý Uyên cử Tần vương Lý Thế Dân làm chủ soái đem quân nghênh chiến. Lý Thế Dân dẫn quân sang phía tây, đến gần thành Cao Giá hạ trại. Họ Lý cho rằng Tiết Cử đem quân từ xa đến lương không đủ, muốn đánh nhanh, chờ khi quân địch hết lương, mỏi mệt, mới phản kích.

Quân Tiết Cử nhiều phen khiêu chiến, cho quân sĩ đến trước trại quân Đường chửi bới. Tướng sĩ quân Đường nhiều người chịu không nổi, xin ra đánh, đều bị Lý Thế Dân kiên quyết nghiêm cấm.

Đến tháng 7, trời nóng bức, trong trại có bệnh dịch sốt. Chính Lý Thế Dân cũng bị lây, người khi nóng khi lạnh, phải ủy thác công việc lại cho 2 tướng Lưu Văn Tịnh và Đoạn Khai Sơn.

Lý Thế Dân dặn: “Quân địch vào sâu đất ta, lương ít quân mệt, chúng có khiêu chiến, ta cứ cố thủ, đừng xuất trận”. Hai tướng vâng dạ lui ra.

Về đến trường của mình, Đoạn Khai Sơn nói với Lưu Văn Tịnh: “Chủ soái không muốn hai ta xuất chiến vì sợ ta không làm nổi đại sự đó thôi”. Lưu Văn Tịnh im lặng không nói. Đoạn Khai Sơn thấy Lưu đã dao động, nói tiếp: “Tiết Cử nghe tin chủ soái ta bị bệnh, tất sẽ khinh địch. Nếu ta nhân đó xuất chiến, ắt sẽ thắng lợi”.

Lưu Văn Tịnh vốn được Lý Thế Dân trọng dụng, nhưng chưa từng lập công lớn, quả thực muốn nhân lúc chủ soái bị bệnh, mà chỉ huy đánh một trận lớn để lập công đền đáp. Thế là ông cãi lệnh cho quân đội bày trận ở phía tây nam thành Cao Giá.

Tiết Cử thấy quân Đường bày trận xuất chiến, mà việc cảnh giới không nghiêm, cho rằng thời cơ tới, liền phao tin quân mình thiếu lương, tướng sĩ mắc bệnh, phải lập tức rút quân. Buổi chiều quả nhiên cho nhổ trại, nhưng ngầm chọn tinh binh quay trở lại vòng ra phía sau quân Đường.

Quân hai bên giao chiến tại Thiểm Thủy (Trường Võ, tỉnh Thiểm Tây). Lưu Văn Tịnh, Đoạn Khai Sơn cố lập công, dốc toàn lực ra đánh. Tiết Cử thúc quân nghênh chiến, tiếng hò hét chém giết vang trời. Trời tối sẫm thì phục binh của Tiết Cử bất ngờ từ phía sau xông tới, quân Đường rối loạn, chết mấy viên tướng, binh sĩ bị chết, bị bắt quá nửa. Lưu Văn Tịnh, Đoạn Khai Sơn đành bỏ chạy. Tiết Cử truy kích, thừa thắng chiếm luôn thành Cao Giá.

Lý Thế Dân gắng gượng thu thập tàn binh, lui về Tràng An. Lưu Văn Tịnh, Đoạn Khai Sơn đều bị giáng chức. Lý Thế Dân nói với họ: “Lấy gần chờ xa, lấy nhàn chờ mệt, lấy no chờ đói, ấy là cách chủ yếu để nắm chắc sức chiến đấu của quân đội, mong hai vị nhớ kỹ bài học này”.

Trong lúc đó, mưu sĩ Hách Ái của Tiết Cử lại hiến kế “Nay quân Đường vừa đại bại, tướng sĩ bị giết, bị bắt, kinh đô đảo động ta nên thừa thắng tiến thẳng đến Tràng An”. Tiết Cử liền tập trung binh lực chuẩn bị tiến đánh Tràng An, Nhưng ngay trước hôm xuất phát, Tiết Cử lăn ra ốm chết, kế hoạch tiến công Tràng An phải hủy bỏ.

Con trai Tiết Cử là Tiết Nhân Quả lên thay, để 1 phần lực lượng lại giữ Cao Giá, còn mình về đóng quân tại thành Triết Giá. Quân Tiết thường xuyên quấy đảo, thành Tràng An mấy bận kinh động.

Tháng 9 năm đó, Tiết Nhân Quả đem quân bao vây Kinh Châu. Ít hôm sau, lương thực trong thành cạn kiệt, Phiêu kỵ tướng quân giữ thành là Lưu Cảm phải giết con tuấn mã của mình lấy thịt chia cho binh sĩ ăn, còn mình chỉ hầm xương mút tủy cho đỡ đói.

Trường Bình vương Lý Thúc Lương của nhà Đường đem quân tới cứu Kinh Châu. Tránh bị đánh từ hai phía, Tiết Nhân Quả phao tin hết lương phải rút lui, lệnh cho quân giữ thành Cao Giá phải giả bộ đầu hàng. Lý Thúc Lương không biết đó là ngụy kế, liền sai Lưu Cảm đi nhận thành.

Lưu Cảm dẫn quân đến, thấy cổng thành đóng chặt, không có biểu hiện đầu hàng, lại nghe trên thành có người nói vọng xuống: “Quân Tiết đã bỏ

chạy từ sớm, các vị có thể leo lên thành mà vào”.

Lưu Cảm cả giận, sai quân đốt cổng. Trên thành liền dội nước xuống liền. Lưu Cảm biết Lý Thúc Lương mắc phải gian kế của địch, vội ra lệnh cho bộ binh rút trước, còn mình dẫn tinh binh hộ vệ phía sau. Lập tức trên thành nổi lên ba đồng lửa. Tiết Nhân Quả thấy tín hiệu, liền kéo quân tới đánh nhau dữ dội với quân Đường tại Tế Xuyên.

Quân Đường yếu hơn hẳn, thua to, Lưu cảm bị bắt sống. Tiết Nhân Quả lại tiến đánh Kinh Châu, dẫn Lưu Cảm đến dưới thành, bắt ông phải nói “Viện binh đã bị đánh tan, chi bằng nên sớm ra hàng”. Nhưng Lưu Cảm hét lớn: “Quân giặc đã cạn lương, sắp thua đến nơi. Tần vương đã cử mấy chục vạn đại quân gấp tới cứu viện. Trong thành đừng lo...”.

Lưu Cảm chưa nói hết lời đã bị Tiết Nhân Quả sai cắt lưỡi và trói vào chiếc gò bên thành, cho kỵ binh phi ngựa dùng ông làm đích mà bắn tên. Lưu Cảm hi sinh anh dũng.

Lý Thúc Lương và tướng sĩ trên thành chứng kiến cảnh đó đều thán phục Lưu Cảm, căm hận quân địch, hết lòng giữ thành, Tiết Nhân Quả đánh nhiều ngày không hạ được thành.

Không lâu, Lý Thế Dân đem quân đến cứu viện. Tiết Nhân Quả phái Tông La Hầu dẫn đội tiên phong ngăn chặn. Tông La Hầu mấy lần khiêu chiến, Lý Thế Dân vẫn không xuất chiến.

Chư tướng không hiểu, hỏi: “Lần trước Tiết Cử đánh Cao Giá, vì hãn từ xa đến, không đủ lương thực, muốn đánh nhanh. Nay quân địch đã chiếm Cao Giá, vì sao quân ta không đánh nhanh?”

Lý Thế Dân giải thích: “Quân ta mới thua trận, sĩ khí sa sút. Quân giặc đắc thắng, sinh kiêu ngạo. Ta cố thủ, chờ quân địch từ kiêu ngạo sinh chủ quan, chán nản, không đề phòng, còn quân ta thì nuôi dưỡng nhuệ khí, khí đó đánh một trận là toàn thắng. Chư tướng gật đầu khen phải. Lý Thế Dân hạ lệnh: “Trong quân ai dám giặc đánh, sẽ bị chém đầu!”. Thế là quân Đường quyết tâm phòng thủ, bất chấp kẻ địch khiêu chiến.

Hơn 60 ngày trôi qua, quân địch cạn lương, sĩ khí sa sút. Thấy quân lính trẻ nãi, tướng địch ra tay đánh đập họ, khiến lòng quân càng dao động, chán chường. Thế là ngày ngày đều có quân sĩ sang hàng quân Đường để được sống, thậm chí có khi cả 1 đơn vị ra hàng. Lý Thế Dân đối đãi với họ tử tế,

cho ăn uống đầy đủ, do đó mà ông nắm rõ tình hình địch, ông cho rằng thời cơ đã tới, hạ lệnh quyết chiến.

Lý Thế Dân cử Tổng quản hành quân Lương Thực dẫn 5000 binh mã đến Thiểm Thủy hạ trại đợi lệnh. Tông La Hầu thấy binh mã Lương Thực liền dốc toàn lực tiến công. Lương Thực theo đúng lệnh Lý Thế Dân, kiên trì phòng thủ, mấy lần đánh lui đội liên phong quân Tiết, song không chủ động xuất kích.

Tông La Hầu cho lính chặn đứng nguồn nước. Trại quân của Lương Thực bị thiếu nước cho người và ngựa, song vẫn kiên trì chịu đựng. Lúc đó, Lý Thế Dân cho rằng quân địch đã hoàn toàn mệt mỏi, nói với chư tướng: “Có thể xuất chiến rồi!”. Quân Đường sau hơn hai tháng nghỉ ngơi, tinh thần và sức lực đều dồi dào, hồ hởi xuất kích.

Hôm sau, Lý Thế Dân phái đại tướng Bàn Ngọc bày trận ở phía nam Thiểm Thủy. Nơi này không có địa hình hiểm yếu để phòng thủ. Tông La Hầu liền bỏ quân Lương Thực, chuyển hướng tấn công quân Bàn Ngọc. Bàn Ngọc cố chống đỡ, nhưng vì lực lượng chênh lệch, phải rút dần. Tông La Hầu đuổi theo ráo riết.

Đúng lúc ấy, Lý Thế Dân dẫn quân chủ lực đã vòng ra phía bắc Thiểm Thủy, bất ngờ đánh vào sau lưng quân Tiết. Tông La Hầu cả kinh, vội kéo quân trở lại liều chết chống cự. Lý Thế Dân đích thân dẫn mấy chục kỵ binh xông trước vào trận địch chém giết mãnh liệt, uy thế khó địch. Quân Đường tràn tới, tiếng hò reo vang động 1 góc trời.

Bàn Ngọc cũng từ phía nam phản công. Quân Tiết bị đánh từ hai phía, thua to, thương vong mấy ngàn binh mã. Tông La Hầu dẫn tàn binh bỏ chạy, Lý Thế Dân chỉ đem hai ngàn kỵ binh chuẩn bị truy kích. Tổng quản Tần Châu là Đấu Quỹ giữ cương ngựa lại can: "Tiết Nhân Quả còn chiếm giữ thành trì kiên cố, Tông La Hầu vừa thua chạy, nhưng ta chưa thể khinh địch. Xin hãy tạm dừng, chờ rõ tình hình hãy đánh tiếp, đề phòng bất trắc”.

Lý Thế Dân nói: “Ta đã sớm nghĩ tới điều đó, nay nên thừa thắng đuổi theo, không thể để lỡ thời cơ”. Đấu Quỹ vẫn chưa buông cương ngựa, nói tiếp: “Muốn đuổi theo, xin cử một đại tướng cũng được, đại vương mình ngọc ngàn vàng, xin hãy bảo trọng!”. Lý Thế Dân đáp: “Nếu không nguy hiểm, ta có thể dừng; nếu nguy hiểm, cử người khác đi, ta không nỡ!”. Đoạn ra roi quất ngựa phóng đi.

Tiết Nhân Quả thấy Tông La Hầu bại trận, Lý Thế Dân truy đuổi, liền bày trận ở ngoài thành Chiết Giá chờ đợi. Lý Thế Dân cho quân chiếm Kinh Thủy để cắt đứt đường tiếp tế lương thực và đường rút của địch quân. Quân Tiết hoảng sợ, tướng Hồn Cán đem quân ra hàng. Tiết Nhân Quả cả kinh, bỏ trận vào thành cố thủ.

Lý Thế Dân kéo quân đến chân thành, hậu quân cũng lần lượt kéo tới, vây chặt thành Chiết Giá. Quân Tiết trong thành vừa lo sợ, vừa oán trách chủ tướng, mất hết tinh thần. Nửa đêm, tướng sĩ mở cửa thành ra hàng quân Đường.

Tiết Nhân Quả tuyệt vọng, bị buộc phải đầu hàng, quân Đường tiếp nhận hơn một vạn hàng binh. Từ đó địa khu Lũng Hữu rộng lớn trở thành đất của triều Đường.

Tại lễ mừng công, chư tướng chúc mừng Lý Thế Dân, hỏi: “Sau khi thắng trận đầu, đại vương không đem theo bộ binh, chỉ dẫn hai ngàn khinh kỵ đuổi địch đến tận Chiết Giá. Khi đó chúng thần đều cho rằng không thể hạ được thành. Nhưng cuối cùng đại vương lại nhanh chóng phá tan quân địch, không rõ là nhờ diệu kế gì?”.

Lý Thế Dân đáp: “Tướng sĩ của Tông La Hầu đều là người Lũng Ngoại, kiêu dũng hung hãn. Ta nuôi dưỡng nhuệ khí, chờ địch mệt mỏi mới đánh bại hãn, nhưng thắng lợi chưa lớn. Nếu để hãn vào thành Chiết Giá, hợp quân với Tiết Nhân Quả thì ta khó chiếm được thành. Ta phải đuổi gấp buộc hãn chạy về Lũng Ngoại. Khi đó Tiết Nhân Quả còn lại một mình, lòng quân dao động, chán chường. Ta mới có thể buộc chúng đầu hàng”.

“Cao lăng hốt hướng, bối khứu hốt nghịch”

Địch chiếm núi cao thì ta không đánh lên, địch dựa vào gò đồng thì ta không nên đánh chính diện.

Đoàn Thiệu đánh từ trên núi xuống, phá quân Chu

Thời kỳ Nam Bắc Triều, năm Đông Ngụy Võ Định thứ 8 (năm 550), Cao Dương lật đổ Đông Ngụy, xưng đế, quốc hiệu Tề, sử gọi là Bắc Tề. Năm 557, Vũ Văn Giác lật đổ Tây Ngụy, xưng đế, quốc hiệu Chu, sử gọi là Bắc Chu. Bắc Chu và Bắc Tề năm nào cũng đánh nhau.

Bắc Chu truyền đến đời Vũ Văn Ung, nhiều phen liên hợp với Đột Quyết đánh Tề. Năm Bắc Chu Bảo Định thứ 3 (Năm 563), Vũ Văn Ung lại triệu quần thần thương nghị, quần thần đề nghị phái mười vạn hùng binh lần nữa đánh Tề. Trụ quốc là Dương Trung nói binh không cần nhiều, chỉ cần 5 vạn kỵ binh tinh nhuệ là đủ.

Wũ Văn Ung liền cử Dương Trung làm soái, lĩnh một vạn bộ kỵ xuất phát từ phía bắc; đại tướng Đạt Hề Vũ dẫn 3 vạn quân từ phía nam, hẹn sẽ hợp quân tại Tấn Dương (tây nam Thái Nguyên. Sơn Tây) trên đất Tề.

Dương Trung liền tiếp hạ hơn 20 thành của Bắc Tề, công phá ải Kinh Lĩnh (tây bắc huyện Đại, Sơn Tây), uy thế lừng lẫy. Ba Kha Hãn (thủ lĩnh) của Đột Quyết là Mộc Can, Địa Đầu, Bộ Ly cũng đem mười vạn kỵ binh đến hội quân cùng tiến.

Chúa Bắc Tề là Cao Trạm tuy ham mê tửu sắc, nhưng biên giới bị xâm phạm, cũng không ngồi yên, liền cất quân từ kinh đô Nghiệp Thành (tây nam Lâm Chương, tỉnh Hà Bắc) tiến về Tấn Dương.

Bây giờ đang giữa tháng Chạp, tuyết phủ trắng mặt đất. Quân Tề gọi tuyết gấp đến Tấn Dương, lệnh cho Tư không Học Luật Quang cùng ba vạn bộ kỵ binh đóng trại tại Bình Dương (tây nam Lam Phần, Sơn Tây), trấn thủ phía nam, để chống quân Chu của Đạt Hề Vũ.

Dương Trung cùng ba thủ lĩnh Đột Quyết kéo quân tới dưới thành Tấn Dương. Chúa Tề Cao Trạm lên thành quan sát, thấy quân địch đông như kiến, thế như nước lũ, bất giác tái mặt nói: “Địch mạnh nhường kia, làm sao chống đỡ đây?!”. Đoạn vội trở vào trường, đem mấy người thân tín bỏ trốn. Triệu Quận vương Cao Duệ và Hà Gián vương Lý Uyển can ngăn mới ở lại.

Lý Uyên đề nghị cử Cao Duệ chỉ huy phòng thủ, ắt hiệu lệnh sẽ nghiêm minh. Chúa Tề liền cử Cao Duệ làm Tiết chế, Thứ sử Tịnh châu Đoàn Thiệu phụ trách quân vụ. Đoàn Thiệu là hoàng thân Bắc Tề, rất có tài cầm quân.

Đôi bên cầm cự hơn 10 ngày. Đầu tháng Giêng năm sau, chúa Tề lên thành lầu, thấy quân dung vô cùng tề chỉnh. Thủ lĩnh Đột Quyết là Mộc Can thấy vậy, có vẻ lo sợ, trách người nhà Chu: “Các vị bảo quân Tề rối ren, suy yếu, dễ diệt, nên ta mới tới đây. Nay ra xem hoàn toàn không phải như vậy. Đủ thấy các vị nói ngoa!”.

Quân Chu chưa chịu, đem bộ binh tới cửa thành phía tây khiêu chiến. Tướng Tề có người muốn ra đánh, Đoàn Thiệu không chấp nhận nói: “Chúng ta phải cố thủ lấy nhàn chờ mệt, đợi thời cơ mới hành động”, rồi truyền lệnh: “Khi nào ta cho phất cờ giống trống mới được xuất kích! Kẻ nào trái lệnh sẽ bị chém đầu!”

Quân Chu khiêu chiến mãi, quân Tề không chịu ra, khí thế dần giảm sút. Đúng lúc đó, quân Tề nổi trống dồn dập, mãnh liệt xông ra, quân Chu bị bất ngờ, hoang mang rối loạn. Dương Trung không cự nổi, chỉ mong quân Đột Quyết đến trợ chiến. Song Mộc Can lại dẫn quân lên dãy núi phía tây lo giữ mình, bỏ mặc quân Chu. Quân Chu tan tác chạy về Quan Trung. Ba thủ lĩnh Đột Quyết cũng rút về phía biên giới.

Đoàn Thiệu trước sau vẫn không truy kích. Quân Đột Quyết rút qua Kinh Lĩnh, hẻm núi giá rét thấu xương, ngựa bị rụng lông, người thì mỏi mệt. Về đến Vạn Lý trường thành thì ngựa chết hết người phải chống gậy lê bước.

Tướng Chu là Đạt Hề Vũ ở Bình Dương vẫn chưa hay tin Dương Trung bại trận. Tướng Tề là Học Luật Quang cố ý viết thư giễu cợt, đại ý: “Hồng hạc đã cao chạy xa bay, kẻ chằng lưới còn chờ dưới bãi lau làm gì vô ích!”. Đạt Hề Vũ đọc thư, đoán Dương Trung đã thua, ngay hôm đó rút quân lui về. Giữa đường bị quân Tề đuổi kịp, phải vừa đánh vừa lùi mới thoát thân, mất hơn hai ngàn quân.

Học Luật Quang trở lại Tấn Dương, chúa Tề Cao Trạm vui quá ôm lấy Học Luật Quang mà khóc. Ngày luận công, Cao Duệ được thăng là Lục Thượng Thư Sứ (tương đương tể tướng), Học Luật Quang làm Tư Đồ, Đoàn Thiệu làm Thái Sứ.

Bắc Chu đánh Tấn Dương chưa xong, tháng 6 năm sau lại hẹn với Đột Quyết tiếp tục tiến công Bắc Tề. Chúa Tề Cao Trạch muốn tạm ngưng chiến tranh, liền đem Hoàng cô và mẫu thân của Tấn công Vũ Văn Hộ nhà Chu từng lưu lạc 30 năm ở đất Tề trả về cho chúa nhà Chu để cầu hoà hiếu. Vũ Văn Hộ được mẹ, muốn kết giao với Tề, nhưng thủ lĩnh Đột Quyết là Mộc Can đã tập hợp binh mã, cứ phái sứ giả tới giục cất binh như ước hẹn. Chúa nhà Chu sợ bội ước sẽ bị Đột Quyết trở mặt, đành lệnh xuất chinh.

Đầu tháng 10 năm Bắc Chu Bảo Định thứ tư (564), chúa nhà Chu là Vũ Văn Ung lệnh Vũ Văn Hộ điều 20 vạn binh mã của sáu Trụ quốc và 12 đại tướng đi đánh Tề. Vũ Văn Ung trao thưởng phượng bảo kiếm cho Vũ Văn Hộ và đến tận Sa Uyển động viên tướng sĩ.

Wũ Văn Hộ đến Chương Quan, phái Trụ quốc Úy Trì Quýnh dẫn 10 vạn tinh binh đánh Lạc Dương. Vũ Văn Hiến, Đạt Hề Vũ, Vương Hùng... hạ trại tại Mang Sơn (phía tây tỉnh Hà Nam) thành thế bao vây.

Quân Chu đắp gò, đào địa đạo, tìm đủ cách mà suốt 30 ngày không phá được thành Lạc Dương. Vũ Văn Hộ hạ lệnh cắt đứt đường Hà Dương (tây nam huyện Mạnh, Hà Nam) để ngăn chặn viện binh của Bắc Tề.

Chúa Tề Cao Trạch điều Lan Lăng vương Cao Trường Cung và tướng Hộc Luật Quang đi cứu Lạc Dương. Hai cánh quân này tới gần Lạc Dương, thấy thế mạnh của quân Chu không dám tiến nữa. Cao Trạch cho triệu Đoàn Thiệu hỏi: “Lạc Dương nguy cấp, trẫm muốn cất binh cứu viện; nhưng Đột Quyết xâm phạm phía bắc cũng phải cứu, ý khanh thế nào?”

Đoàn Thiệu thưa: “Đột Quyết xâm phạm là chuyện nhỏ, quân Chu đánh Lạc Dương mới là chuyện lớn. Thần nguyện cất binh 1 phen đánh bại quân Chu”. Cao Trạch mừng rỡ, cử Đoàn Thiệu đem 1000 binh kỵ đi tiên phong, còn mình dẫn đại quân đi tiếp ứng.

Đoàn Thiệu hành quân cấp tốc, vượt Hoàng Hà xuống phía nam. Vì đạo này trời âm u, quân Chu không hề phát hiện, hơn một ngàn kỵ binh của Đoàn Thiệu lại cố giữ kín hành tung, đến ngoại thành Lạc Dương, Đoàn Thiệu hạ trại và dẫn chư tướng lên một gò cao ở Mang Sơn quan sát thế trận quân Chu.

3 cánh quân Chu của Vũ Văn Hiến, Đạt Hề Vũ, Vương Hùng đều áp lưng vào các gò đồng phía dưới Mang Sơn. Đoàn Thiệu nhớ kỹ điều ấy, khi

tiến đến hẻm núi Thái Hòa hợp quân với Cao Trường Cung và Học Luật Quang, ông mới bố trí chống địch.

Đoàn Thiệu chỉ huy quân từ trên núi đánh xuống, nhưng thực ra chỉ hư trương thanh thế.

Quân Chu chủ yếu là bộ binh, ý đông, tràn tới đánh. Được một lúc, Đoàn Thiệu quay đầu ngựa chạy, quân Chu bám riết đằng sau. Đoàn Thiệu dụ chúng vào sâu trong hẻm núi, mới hạ lệnh xuống ngựa, quay lại đánh. Quân Chu đã phạm vào điều tối kỵ trong binh pháp là “không tấn công lên núi cao”, rơi vào thế bất lợi. Còn Đoàn Thiệu thì theo đúng binh pháp dụ địch ra khỏi gò đồng, nơi chúng dựa lưng, đến chỗ khác mà đánh. Quân Tề từ trên cao đánh xuống, thế như thác đổ. Quân Chu lớp lớp rút xuống vực, lớp ngã xuống khe, tử thương vô số.

Cánh quân của Úy Trì Quýnh thấy tiền quân thua to, liền bỏ vây Lạc Dương mà chạy, vứt bỏ giáp trụ, dụng cụ; suốt 30 dặm từ Mang Sơn đến Cốc Thủy gối ngang đờ vật.

Chỉ có Vũ Văn Hiến, Đạt Hề Vũ, Vương Hùng còn ở lại đánh nhau. Vương Hùng bị Học Luật Quang dùng tên bắn chết. Vũ Văn Hiến đang đôn đốc binh lính, định ngày mai đánh tiếp thì Đạt Hề Vũ nói nhỏ: “Quân vây Lạc Dương đã rút, lòng quân dao động, nếu ta không nhân trời tối rút ngay đêm nay e ngày mai không còn đường về”. Vũ Văn Hiến ra lệnh cho quân lặng lẽ nhổ trại, rút chạy về phía tây.

Cao Trạch đã kéo quân trở lại Lạc Dương, lại được tin quân Đột Quyết đã rút, vô cùng mừng rỡ, thăng Đoàn Thiệu làm Thái Tế, Học Luật Quang làm Thái úy, Cao Trường Cung làm Thượng Thư lệnh, thưởng công cho nhiều tướng sĩ.

“Dương bắc vật tòng ”

Địch giả vờ thua chạy thì chó đuổi theo.

Quách Tử Nghi giả thua đánh tan phản quân

Đường Túc Tông, năm 757, vua Đường là Lý Hưởng cử con trưởng là Quách Bình vương Lý Thích làm nguyên soái, Quách Tử Nghi làm phó soái, đem 15 vạn quân đánh bại hai đạo phản quân của An Lộc Sơn và Sử Tử Minh, chiếm lại hai kinh Tràng An và Lạc Dương.

Loạn quân bỏ chạy về phía bắc, nhóm đầu tiên về tới Phạm Dương (vùng phụ cận Bắc Kinh) được Sử Tử Minh thu thập. An Khánh Tự giết cha là An Lộc Sơn, lên ngôi, sợ Sử Tử Minh làm phản về với triều Đường, sai hai tướng tâm phúc là A Sử Na Thừa khanh và An Thủ Trung dẫn quân đến nhập với Sử Tử Minh, dặn khi có cơ hội thì trừ khử Sử Tử Minh, Sử Tử Minh nghe lời khuyên của tùy tướng, bắt giữ hai tướng do An Khánh Tự phái tới, rồi đem tám vạn binh mã, 13 quận về hàng triều đình. Đường Túc Tông cả mừng, phong Sử Tử Minh làm Quy Nghĩa vương kiêm Tiết độ sứ Phạm Dương và phái họ Sử đem quân đi trừng phạt An Khánh Tự.

Năm Càn Nguyên thứ nhất (năm 758), tháng 6, đại tướng Lý Quang Bật cho rằng Sử Tử Minh là kẻ xảo quyệt, trước sau cũng sẽ lại làm phản, tâu với Đường Túc Tông chia quân của họ Sử ra. Túc Tông liền phong Ô Thừa Ân, một người thân tín của Sử Tử Minh làm Tiết độ phó sứ Phạm Dương, để Ô Thừa Ân chờ cơ trừ khử Sử Tử Minh. Kế hoạch bại lộ, Sử Tử Minh giết Ô Thừa Ân và lại chống triều đình.

Lúc này Túc Tông đang dốc toàn lực bình định An Khánh Tự phải tạm thời hoà hoãn với Sử Tử Minh. Tháng 9, Lý Hưởng mới sai Quách Tử Nghi cùng 7 tiết độ sứ trừng phạt An Khánh Tự, lại phái hai tiết độ sứ, trong đó có Lý Quang Bật hiệp trợ dẹp phản loạn.

Quách Tử Nghi đem quân bản bộ đi trước, từ Hạnh Viên (đông nam huyện Cáp, Hà Nam), vượt Hoàng Hà, đánh Hoạch Giá (Hoạch Giá, Hà Nam), đánh bại cánh quân của An Thái Thanh.

An Thái Thanh chạy về Vệ Châu (huyện Cáp, Hà Nam). Quách Tử Nghi tiến đánh Vệ Châu. Lúc này các tiết độ sứ khác cũng lần lượt kéo đến hợp vây Vệ Châu. An Khánh Tự nhận được cấp báo cầu viện. An Thái Thanh cậy mình có 7 quận, 60 thành làm căn cứ, quân tinh nhuệ lương thảo dồi

dào, liền đem 7 vạn tinh binh chia làm ba đạo cứu Vệ Châu. Thượng quân do Thôi Càn chỉ huy, hạ quân do Điền Thừa Tư chỉ huy, trung quân do đích thân An Khánh Tự thống lĩnh.

Quách Tử Nghi nghe tin quân An Khánh Tự kéo đến, phái 3000 cung thủ mai phục bên trong lũy đất, còn tự mình dẫn quân ra đánh.

Đôi bên giao chiến không lâu, Quách Tử Nghi giả thua chạy. An Khánh Tự muốn báo thù hai trận thua trước, thúc quân đuổi theo. Quách Tử Nghi dụ quân An Khánh Tự tới dưới chân lũy đất, đột nhiên phục binh vụt dậy, tên hắt như mưa. Quân An đại bại. Quách Tử Nghi thừa thắng truy kích, giết vô số quân An. Em ruột của An Khánh Tự là An Khánh Hòa trúng tên ngã ngựa, bị giết chết. Quân trong thành Vệ Châu thấy viện binh bị đánh tan tác thì kinh hoàng bỏ chạy. Quân Đường chiếm được thành. Quách Tử Nghi đem quân truy kích đến tận gò Sầu Tư phía tây Nghiệp Thành. Trong chiến dịch này, quân Đường diệt cả thủy hơn 3 vạn quân địch, bắt sống 1000 tên.

“Nhuệ tốt vật công ”

Quân địch tinh nhuệ thì chưa nên tiến đánh.

Bào Phòng đánh địch tinh nhuệ, bị thảm bại

Bào Phòng là người Châu Nang (Nang Phán, Hồ Bắc), mồ côi cha từ sớm, nhà nghèo, nhưng hiếu học, chịu khó, cuối năm Đường Thiên Bảo thi đỗ tiến sĩ, ra làm quan ở Chiết Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, có công, được thăng đến chức Công bộ thượng thư, nhưng không có sở trường cầm quân đánh trận.

Năm 778, tháng Giêng, tộc Hồi Hột đem quân xâm phạm biên giới phía bắc, lúc ấy Bào Phòng đang phụ trách phòng thủ dải đất Thái Nguyên.

Khi quân Hồi Hột tiến đến gần Thái Nguyên, Tiết độ sứ Hà Đông là Lý Tư Lương nói với Bào Phòng: “Tinh binh Hồi Hột từ xa đến, chỉ muốn đánh nhanh. Quân ta khó chống đỡ. Chi bằng nên lập hai phòng tuyến, kiên quyết cố thủ”. Thấy Bào Phòng im lặng, Lý Tư Lương nói tiếp: “Quân Hồi Hột đang đầy nhuệ khí, quân ta hãy cố thủ chưa giao chiến, chờ địch sa sút, hết nhuệ khí mà đánh. Lúc ấy hai phòng tuyến ưỡn sau giáp công thì sẽ toàn thắng”.

Bào Phòng lắc đầu: “Quân giặc đi tới đâu là chém giết cướp bóc tới đó. Ta là tướng của Đại Đường lo phòng thủ, nếu để địch tiến sâu vào thì có tội lớn với trăm họ”. Đoạn hạ lệnh cho đại tướng Tiêu Bá Du đem quân rời thành đi gấp chặn địch.

Tiêu Bá Du dẫn quân đi liền 50 dặm, tới thành Dương Khúc (trấn Dương Khúc, bắc Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây), gặp quân Hồi Hột xâm nhập. Đồi bên đánh nhau to, quân Hồi Hột đang đầy nhuệ khí, còn quân Đường vốn ít được huấn luyện, vừa mới tập trung đã hành quân gấp rút, mới đánh đã thua. Tướng Tiêu Bá Du và hộ tướng liều chết chống cự, nhưng cuối cùng bị thua to, chết hơn một vạn người.

“Nhị binh vật thực”

Địch đem mồi ra nhử thì chớ nuốt.

Dương Hành Mật thả môi dụ địch, thắng trận Quảng Lăng

Thời Đường Hi Tông, niên hiệu Quang Khải, Tiết độ sứ Hoài Nam là Cao Biền trọng dụng những quan lại tàn ác như Lã Dụng Chi khiến người oán hận. Năm Quang Khải thứ ba (năm 887), tháng 4, mượn danh nghĩa trừng phạt Lã Dụng Chi, Tả sương đô tri binh mã sứ của Hoài Nam là Tất Sư Đạc và Quân sứ của Hoài Ninh là Trịnh Hán Chương đem quân đánh trị sở của Hoài Nam là thành Quảng Lăng (Dương Châu).

Tất Sư Đạc còn phái bộ tướng của mình là Tôn Ước đem thư đến Quan sát sứ Tuyên Châu là Tần Ngạn đề nghị cùng cất binh, hứa nếu hạ được Quảng Lăng, sẽ để Tần Ngạn làm thống soái. Tần Ngạn xem xong thư, cao hứng sai Trần Tru đem 3000 quân đến Dương Tử hỗ trợ Tất Sư Đạc.

Tất Sư Đạc dẫn quân đến dưới thành Quảng Lăng. Cao Biền hoảng sợ, cử Hứa Kham đem thư và rượu thịt đến gọi là để úy lạo Tất Sư Đạc, nhưng Hứa Kham chưa kịp nói đã bị Tất Sư Đạc ra lệnh chém đầu.

Lã Dụng Chi là kẻ xảo trá, gian ác, nắm thực quyền ở dinh Tiết độ sứ. Hãn mượn danh nghĩa Cao Biền, cử Thứ sử Hộ Châu là Dương Hành Mật làm Hành quân tư mã đem quân đi cứu Quảng Lăng. Mưu sĩ Viên Tập của Dương Hành Mật phân tích tình hình, nói: “Cao Biền mê muội, Lã Dụng Chi gian tà, Tất Sư Đạc ngỗ ngược, ba hạng người ấy tụ hợp một chỗ, tiện cho ta dùng binh. Đây là ý trời muốn để Hoài Nam có minh công đây. Xin ngài cất quân đi ngay”.

Dương Hành Mật đem toàn bộ binh mã Hộ Châu và mượn thêm lực lượng của Thứ sử Hoà Châu là Tôn Đoan, cộng lại được mấy ngàn, tiến gấp đến Quảng Lăng. Tháng 5 thì tới Thiên Trường.

Tất Sư Đạc lúc này đã vào được trong thành, bức Cao Biền phải cử hãn làm Tiết độ phó sứ, Hành quân tư mã. Quan sát sứ Tuyên Châu là Tần Ngạn cũng đích thân dẫn hơn một vạn quân thừa thế tiến đến Quảng Lăng không tốn một mũi tên. Tần Ngạn tự xưng là Tiết độ sứ Hoài Nam cử Tất Sư Đạc làm Tư mã hành quân, cử Thứ sử Tri Châu là Triệu Hoang làm Quan sát sứ Tuyên Hấp.

Khi Dương Hành Mật tới Quảng Lăng, Tần Ngạn không biết thực lực của ông thế nào, liền ra lệnh đóng chặt cửa thành phòng thủ. Dương Hành Mật cho xây dựng 8 doanh trại vây quanh thành, bịt hết các lối ra, chuẩn bị chiến đấu.

Trong thành tự nhiên tụ tập hàng vạn binh mã, lương thảo trở nên khan hiếm. Dân chúng phải đem vàng bạc châu báu ra đổi lấy lương thực của quân đội, 1 viên ngọc chỉ đổi được 5 thăng gạo.

Để ổn định lòng quân, Tần Ngạn phái Tất Sư Đạc đem 8000 quân ra thành đánh phá, nhưng các yếu đạo đã bị lấp, liều chết đánh cũng không phá nổi, lại tử thương nhiều, đành phải rút vào thành.

Tháng 8, quân và dân trong thành đều nơm nớp bất an, thấy khó bề cố thủ thêm. Tần Ngạn sai Tất Sư Đạc và Trịnh Hán Chương dẫn một vạn hai ngàn binh ra bày trận ở ngoài thành phía tây, trải dài mấy dặm, khí thế khá mạnh.

Dương Hành Mật hạ lệnh không đánh, ngồi nguyên trong trường nói với các tùy tướng: “Cứ theo kế hoạch đã định, khi nào địch tiến đến gần hãy báo cho ta biết”. Tướng Lý Tông Lễ nói: “Địch đông ta ít, ta nên rút thì hơn” bị tướng Lý Thọ lớn tiếng phản đối: “Ta lấy thuận phạt nghịch, nay thắng lợi gần kề, há lại lui binh? Tôi nguyện làm tiên phong đánh địch”. Dương Hành Mật chấp nhận, nói: “Được Lý tướng quân đi trước dụ địch, ta sẽ đem tinh binh tiếp ứng. Làm sao dụ được quân chủ lực của địch tới khu vực để kho lương của chúng ta”.

Lý Thọ dẫn quân đi, Dương Hành Mật đem hơn 1000 quân mã đi theo, mới được nửa đường, thấy quân Lý Thọ thua chạy về, đằng sau là quân địch đuổi theo. Dương Hành Mật để cho quân của Lý Thọ qua hết, mới chỉ huy binh mã chặn địch. Đánh được một lúc, cũng cho quân rút dần, tới gần kho lương thì chạy vào một con đường nhỏ hẹp. Lính coi kho toàn là loại già yếu, không chống đỡ nổi. Quân địch tràn tới, thấy lương thực và của cải như núi thì tranh nhau cướp đoạt, chất lên lưng ngựa hoặc đeo khoác đầy mình, cảnh tượng nhốn nháo, hỗn loạn không ra thể thống gì. Đúng lúc ấy, Dương Hành Mật và Lý Thọ chỉ huy phục binh ập tới tấn công. Hơn một vạn quân địch giày xéo lên nhau mà chạy, bị giết, bị bắt sống toàn bộ, tử thi ngổn ngang trong vòng mười dặm. Tất Sư Đạc và Trịnh Hán Chương tể ngựa chạy trốn mới thoát chết.

“Qui sư vật át”

Địch rút về nước chúng thì không nên chặn đường.

Tào Tháo rút quân, đánh địch đuổi theo

Thời Đông Hán, tháng Ba năm Kiến An thứ ba (năm 198 sau CN), Tào Tháo dẫn đại quân bao vây Trương Tú ở Thành Nhượng (huyện Đặng, Hà Nam).

Trương Tú là cháu Trương Tế, một tùy tướng của Đông Trác, từng theo chú đánh nam dẹp bắc, dũng cảm thiện chiến, được phong Kiến Trung tướng quân, Tuyên Uy hầu. Quân Tào đến thành Nhượng, Trương Tú xuất thành nghênh chiến, chửi Tào Tháo là kẻ vô liêm sỉ. .

Tào Tháo cả giận, sai dũng tướng Hứa Chử xuất trận. Phía Trương Tú có 1 tướng thúc ngựa xông ra là Trương Tiên. Trương Tiên không địch nổi, được mười hiệp thì bị Hứa Chử đâm ngã ngựa. Quân Trương Tú thua to, phải rút vào thành cố thủ. Tào Tháo lệnh vây thành. Nhưng thành kiên cố, Trương Tú phòng thủ nghiêm mật, quân Tào không phá được.

Tào Tháo lại dùng lối giương đông kích tây, giả dạng đánh phá tây bắc, song đột nhiên công kích phía đông nam, nhưng đều bị mưu sĩ của Trương Tú là Giả Hủ phá được. Tào Tháo hao binh tổn tướng, hết sức buồn rầu.

Trương Tú thấy quân Tào vây mãi không rút, trong thành lương thực có hạn, khó chống cự lâu, bèn chọn người đột phá vòng vây mang thư đến Kinh Châu gặp Lưu Biểu xin cứu viện. Trương Tú và Lưu Biểu từng liên minh để dựa vào nhau. Nhận được thư, Lưu Biểu liền phái binh đi tiếp viện, chuẩn bị chặn đường rút của quân Tào, để cùng Trương Tú đánh quân Tào từ hai phía.

Tào Tháo nghe tin, suy xét tình thế, quyết định tạm thời rút quân. Trương Tú thấy quân Tào nhõ trại, cho rằng thời cơ đã tới, hạ lệnh truy kích.

Mưu sĩ Giả Hủ can: “Tào Tháo giỏi dùng binh, rút quân như vậy hẳn có mưu kế, ta không nên đuổi theo”. Trương Tú không nghe, cứ dẫn binh truy kích.

Quân Tào rút lui rất chậm, mỗi ngày chỉ đi vài dặm. Tả hữu không hiểu, hỏi Tào Tháo: “Phía trước có quân Lưu Biểu ngăn chặn, phía sau có Trương

Tú đuổi theo, nếu hành quân chậm chạp như vậy, không nguy hiểm lắm sao?”. Tào Tháo đã có chủ ý, chỉ mỉm cười. Tối hôm ấy, Tào Tháo gửi thư về Hứa Đô cho Tuân Du, trong thư viết: “Quân giặc đang đuổi theo, quân ta tuy ngày rút vài dặm, nhưng đã có kế hay, khi đến An Chúng (đông nam huyện Trấn Bình, Hà Nam), sẽ có thể đánh bại Trương Tú”.

Khi quân Tào đến An Chúng, quân của Lưu Biểu và Trương Tú đã hội hợp với nhau, chiếm cứ địa hình hiểm yếu, chuẩn bị cùng tấn công, tình thế quân Tào vô cùng nguy ngập. Chư tướng lo lắng hỏi, Tào Tháo bình thản xem bản đồ, nói: “Chờ đến tối sẽ rõ”.

Đêm ấy Tào Tháo lệnh cho quân lính nhân đêm tối mở đường xuyên rừng mà đi, khi các xe quân nhu qua hết thì bố trí phục binh 2 bên đường.

Sáng hôm sau, Trương Tú, Lưu Biểu thấy doanh trại quân Tào trống không, liền đốc toàn lực đuổi theo. Quân của họ đuổi sâu vào rừng, thấy hai bên là núi cao, cây cối rậm rạp, biết là bị lừa, vội vàng tháo lui, thì đã muộn. Một tiếng pháo lệnh nổ vang, phục binh quân Tào đổ ra hò hét chém giết vang lừng. Quân Lưu, Trương đại loạn, thương vong vô số.

Tháng 7, Tào Tháo về đến Hứa Đô. Tuân Du đến gặp Tào Tháo, nói: “Trong thư thừa tướng viết trước rằng đến An Chúng có thể đánh bại quân giặc, là vì sao?”, Tào Tháo cười đáp: “Lưu Biểu, Trương Tú đuổi theo quân ta, bức quân ta một mất một còn. Binh pháp nói rằng binh lâm tử địa tất phải liều chết để đánh mà sống. An Chúng có núi rừng hiểm trở, nên ta biết trước chỉ một trận tại đó đủ thắng!”

“Vi sư tất khuyết ”

Bao vây quân địch nên chừa một lối thoát.

Lưu Giang vây hải tặc, chừa một lối thoát để tiêu diệt chúng

Năm Vĩnh Lạc thứ 9 (năm 1411), đô đốc Lưu Giang phụ trách phòng thủ bờ biển Liêu Đông vì sơ suất, để bọn hải tặc thâm nhập. Minh Thái tổ Chu Đệ cả giận, định chém đầu Lưu Giang, nhưng xét thấy Lưu Giang thiện chiến, lại vì sơ suất, nên cho Lưu Giang được lập công chuộc tội, rồi sẽ xét xử sau.

Năm 1419, Lưu Giang làm đô đốc, tổng binh Liêu Đông. Mấy năm qua, ông chịu khó tuần tra các nơi. Hôm ấy, ông tới đồn Vọng Hải (đông bắc huyện Kim, tỉnh Liêu Ninh) để thị sát.

Đồn Vọng Hải là điểm cao ở bán đảo Liêu Đông, nơi này có thể chứa hàng ngàn quân, bọn hải tặc muốn thâm nhập đều phải đi qua đây. Đời Minh Thái tổ Hồng Vũ đã đắp lũy đá thành đài quan sát ngoài biển. Khi Lưu Giang tới, trình sát báo cáo đã phát hiện có ánh đèn ngoài biển, phía đông nam. Lưu Giang đoán rằng bọn hải tặc kéo tới, liền cho tăng cường binh mã phòng thủ.

Hôm sau, quả nhiên có hơn 2000 hải tặc dong thuyền tới Vọng Hải, đổ bộ lên bờ.

Lưu Giang đã bố trí một đội quân mai phục dưới chân núi, và cho tinh binh chặn đường rút của bọn hải tặc. Khi chúng lọt vào mai phục, ông nổi hiệu lệnh cùng tấn công, chặn đầu khóa đuôi bọn hải tặc. Chúng không ngờ, lập tức rối loạn, thương vong nặng nề.

Tàn binh chạy tới Anh Đào viên là một cái lô cốt bỏ không. Quân Minh bao vây chặt. Các tướng sĩ muốn xông vào chém giết, nhưng Lưu Giang ngăn lại. Ông giải thích: “Nếu ta tiến vào, bọn hải tặc cùng đường sẽ liều chết chống cự, quân ta sẽ thương vong nặng nề”. Ông hạ lệnh chừa cho chúng một lối thoát. Quả nhiên, bọn hải tặc thấy có lối thoát bèn tranh nhau chạy ra. Quân Minh phục ở hai bên sườn núi ập xuống, đánh bọn hải tặc đại bại, bắt sống mấy trăm tên. Tổng cộng giết và bắt sống hơn ngàn tên, tức là toàn bộ bọn hải tặc đổ bộ lên bờ.

Trận Vọng Hải là thắng lợi lớn nhất về chống hải tặc đầu nhà Minh.

“Cùng khổ vật bách”

Địch cùng khổ, không nên quá bức bách.

Mộ Dung Khác không bức bách địch, chiếm được thành

Thời Đông Tấn, Trấn Bắc tướng quân Đoạn Khám đóng binh ở Quảng Cố (tây bắc Ích Đô, Sơn Đông), tự xưng Tề vương. Năm 355, Đoạn Khám xâm phạm biên giới nước Yên, viết thư chỉ trích chúa nước Yên là Mộ Dung Tuấn xưng đế, khiến Mộ Dung Tuấn cả giận.

Tháng 11 năm đó, Mộ Dung Tuấn sai em là Mộ Dung Khác làm đại đô đốc, thượng thư lệnh Dương Vụ làm phó đô đốc, đem quân đi trừng phạt Đoạn Khám.

Mộ Dung Khác phái một cánh quân đến bờ Hoàng Hà trước để chuẩn bị thuyền vượt sông và dò xét động tĩnh của Đoạn Khám.

Em trai Đoạn Khám là Đoạn Bì, dũng cảm, mưu trí, đề nghị với anh mình: “Mộ Dung Khác giỏi dùng binh, quân đông thế mạnh, nếu để hãn vượt sông đến đây, muốn xin hàng cũng không được”. Đoạn Bì đề nghị Đoạn Khám cứ cố thủ Quảng Cố, để mình dẫn tinh binh đến bờ Hoàng Hà đánh quân Yên, nếu thắng thì Đoạn Khám đem binh rời thành cùng đuổi địch, nếu thua thì xin hàng cũng chưa muộn. Đoạn Khám không nghe.

Đại quân Yên đã tới Hoàng Hà. Đoạn Bì lại đề nghị với anh lần nữa. Đoạn Khám vẫn gạt đi. Tình hình quá gấp. Đoạn Bì khẩn khoản xin lần 3. Đoạn Khám cả giận, rút kiếm chém chết em.

Mộ Dung Khác đóng quân bên bờ Hoàng Hà mấy ngày chờ động tĩnh. Nay nghe tin Đoạn Khám giết em, biết hãn mê muội, bất tài, liền hạ lệnh vượt sông, tiến đến bờ nam sông Tri (Tri Hà, Sơn Đông), cách Quảng Cố hơn một trăm dặm mới thấy Đoạn Khám dẫn 3 vạn quân tới nghênh chiến. Mộ Dung Khác và Dương Vụ chia làm hai cánh vây chặt quân của Đoạn Khám. Đoạn Khám không địch nổi, rút lui dần. Em trai khác của Đoạn Khám là Đoạn Khâm bị bắt, tướng chỉ huy quân là Viên Phạm tử trận.

Mộ Dung Khác truy kích Đoạn Khâm cố thủ trong thành. Mộ Dung Khác không vội đánh phá, chỉ hạ trại bao vây. Đồng thời đưa binh đi đánh các quận huyện xung quanh. Quan quân các vùng đó lần lượt đầu hàng. Mộ Dung Khác cho họ giữ nguyên chức cũ để giữ yên lòng người.

Mộ Dung Khác sắp đặt mọi việc tiến thoái đều ra đó, chỉ riêng việc vây thành là không xúc tiến. Các tướng không hiểu, đều cùng đề nghị đánh phá cho nhanh. Mộ Dung Khác giảng giải: “Đạo dùng binh có khi phải gấp rút, có khi phải thông thả. Khi tương quan lực lượng giữa ta và địch cân bằng, địch lại có ngoại viện mạnh, thì phải đánh gấp để tránh bị địch đánh từ phía sau. Nếu ta mạnh địch yếu, địch không có ngoại viện, thì ta cứ thông thả bao vây chờ địch kiệt sức. Binh pháp gọi là “mười vây năm đánh” là ngụ ý như vậy”.

Mộ Dung Khác phân tích thêm: “Đoạn Khám còn có lực lượng tương đương, đang cố thủ trong thành, nếu ta tấn công mạnh tất sẽ thương vong lớn. Quốc gia liên tiếp dùng binh, sĩ tốt cực khổ rồi, nữ nào đẩy họ vào chỗ chết? Chi bằng đợi địch kiệt quệ hơn là tham thắng lợi vội vàng”. Các tướng nghe dẫn giải ai nấy đều tán phục, yên tâm củng cố vòng vây, một mặt làm ruộng tính kê lâu dài.

Nửa năm trôi qua, đến năm 356, lương trong thành đã cạn, Đoạn Khám đốc toàn bộ binh lực, mở cửa thành xông ra quyết chiến. Nhưng Mộ Dung Khác đã sớm đề phòng, có lũy cao hào sâu tiếp chiến, lại phái kỵ binh chặn hậu phía sau để Đoạn Khám không còn đường rút vào thành.

Binh sĩ của Đoạn Khám đối khác, chỉ sau một hồi giao chiến đã thua to. Đoạn Khám tả xung hữu đột, có cánh cũng không phá nổi vòng vây, đành kéo quân rút vào thành. Không ngờ bị kỵ binh quân Yên tràn ra chặn đường, tiến thoái đều hết lối, Đoạn Khám phải liều chết mở đường máu mới vào được trong thành. Quân Yên không đuổi theo hănh, chỉ tiêu diệt bộ phận còn ở ngoài thành.

Đoạn Khám thấy tinh thần quân sĩ hoàn toàn sa sút, phái tùy tướng Đoạn Ôn lên rời thành sang Đông Tấn cầu cứu. Triều đình Đông Tấn vốn được Đoạn Khám xưng thần triều cống, không tiện từ chối, liền phái tướng Tuân Tiễn đem binh đi cứu. Tuân Tiễn đến Lương Tà thấy quân Yên quá mạnh, không dám tiến nữa.

Đoạn Khám chờ viện binh mãi không thấy, hết đường chịu đựng, lại nghe Mộ Dung Khác hứa tha chết, nên tự trói mình ra hàng.

THIÊN VIII: CỬU BIẾN

Phàm dụng binh chi pháp, tướng thụ mệnh ư quân, hợp quân tụ chúng, bĩ địa vô xá, cù địa giao hợp, tuyệt địa vô lưu, vi địa tắc mưu, tử địa tắc chiến. Đồ hữu sở bất do, quân hữu sở bất kích, thành hữu sở bất công, địa hữu sở bất tranh, quân mệnh hữu sở bất thụ. Cỗ tướng thông ư cửu biến chi lợi giả, tri dụng binh hĩ. Tướng bất thông ư cửu biến chi lợi giả, tuy tri địa hình, bất năng đắc địa chi lợi hĩ. Trị binh bất tri cửu biến chi thuật, tuy tri ngũ lợi, bất năng đắc nhân chi dụng hĩ.

Thị cố trí giả chi lự, tất tạp ư lợi hại. Tạp ư lợi, nhi vụ khả tín dã; tạp ư hại, nhi hoạn khả giải dã.

Thị cố khuất chư hầu giả dĩ hại, dịch chư hầu giả dĩ nghiệp, xu chư hầu giả dĩ lợi.

Cỗ dụng binh chi pháp, vô thị kỳ bất lai, thị ngô hữu dĩ đãi dã; vô thị kỳ bất công, thị ngô hữu sở bất khả công dã.

Cỗ tướng hữu ngũ nguy: tất tử, khả sát dã; tất sinh, khả lỗ dã; phản tốc, khả vũ dã; liêm khiết, khả nhục dã; ái dân, khả phiền dã. Phàm thủ ngũ giả, tướng chi quá dã, dụng binh chi tai dã. Phúc quân sát tướng, tất dĩ ngô nguy, bất khả bất sát dã.

Dịch nghĩa:

Phàm phép dùng binh, chủ tướng nhận lệnh của vua tập hợp quân đội, quân nhu, khi xuất chinh thì ở “phỉ địa” (đất xấu, không dựng trại), ở “cù địa” (đất có đường lớn thông suốt) phải kết giao với nước láng giềng, ở “tuyệt địa” không nấn ná, ở “vi địa” (đất bị bao vây) phải tính toán mưu kế, ở “tử địa” phải quyết chiến. Có những đường không nên đi, có những địch không nên đánh, có những thành không nên tấn công, có những vùng không nên giành, có những lệnh vua không nên nghe. Vì thế, tướng lĩnh nào tinh thông những ứng biến kể trên mới là người biết cách dùng binh. Không tinh thông những ứng biến ấy, dù có nắm được địa hình, cũng không thể giành được địa lợi. Chỉ huy quân đội mà không biết vận dụng các ứng biến ấy, thì dù biết “5 điều lợi”, cũng không thể phát huy đầy đủ tác dụng của quân đội.

Tướng lĩnh thông minh suy tính, tất phải cân nhắc hai phương diện lợi hại. Khi tình huống bất lợi, phải phát hiện điều kiện có lợi, mới đưa đại sự tới thành công; gặp tình huống thuận lợi, phải thấy rõ những yếu tố bất lợi, mới giải trừ được tai họa.

Muốn khuất phục các nước chư hầu, phải đánh vào chỗ nguy hại của họ; muốn sai khiến các nước chư hầu, phải buộc họ làm những việc họ không thể không làm; muốn làm cho các nước chư hầu bị động chạy vạy, phải dùng lợi nhỏ dẫn dụ họ.

Cho nên nguyên tắc dùng binh là: đừng trông đợi địch không đến đánh ta, mà trông đợi vào việc ta đã sẵn kế sách đối phó; đừng trông đợi họ không tấn công ta, mà trông đợi vào việc thành lũy của ta vững chắc, địch không thể hạ nổi.

Vì thế, làm tướng có 5 nhược điểm nguy hiểm: 1 là liều chết có thể bị giết; 2 là tham sống sợ chết có thể bị bắt; 3 là nóng giận có thể mắc mưu địch; 4 là liêm khiết tự trọng có thể không chịu được nhục; 5 là thương dân có thể bị lo buồn bất an. Phạm 5 sai lầm trên thì là tai họa cho việc dùng binh. Quân bị diệt, tướng bỏ mạng đều do 5 mối nguy ấy mà ra, phải xét kỹ.

Tóm tắt nội dung:

Trong thiên “Cửu biến”, Tôn tử chủ yếu nói rằng trong quá trình tác chiến, phải căn cứ vào đặc điểm thay đổi tình huống, linh hoạt về chiến thuật ra sao mới giành được chiến thắng. Thiên này thể hiện đặc trưng cơ bản của tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Tôn tử.

Tôn tử xác định rõ chủ trương tướng lĩnh phải căn cứ 5 điều kiện địa lý mà chỉ huy cho linh hoạt, với 5 cái “không”. Tôn tử yêu cầu tướng lĩnh phải xem xét vấn đề toàn diện, biện chứng, nhận rõ lợi hại, thấy lợi nghĩ đến hại, thấy hại nghĩ đến lợi để vận dụng cái lợi, giải trừ họa hại.

Trong thiên này, Tôn tử còn trình bày rõ tư tưởng chuẩn bị tác chiến để tránh hậu quả xấu: không được trông đợi rằng địch “không tới”, “không đánh”, mà phải tự lo chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng, phải xây dựng lực lượng hùng mạnh để trấn áp địch. Để quán triệt thật sự nguyên tắc chỉ đạo tác chiến linh hoạt, Tôn tử đặc biệt coi trọng việc xây dựng đội ngũ, từ đó nhấn mạnh yêu cầu đối với tướng lĩnh là phải khắc phục 5 nhược điểm, để phạm

sai lầm của người làm tướng (Liều chết; Tham sống; Nóng giận; Liêm khiết; Thương dân), để tránh hậu quả “quân bị diệt, tướng bị giết”.

"Đồ hữu sở bất do"

Có những con đường không nên đi.

Mã Viện hành quân sai đường, thân bại danh liệt

Thời Đông Hán, năm Kiến Võ thứ 23 (năm 47), dân tộc thiểu số ở Võ Lăng (tỉnh Hồ Nam) dấy binh chống nhà Hán. Vùng Võ Lăng có 5 dòng suối, nên dân tộc thiểu số kia bị gọi khinh miệt là “rợ Ngũ Khê” (năm suối).

Quang Võ để Lưu Tú lệnh cho Võ Uy tướng quân Lưu Thượng đem 1 vạn quân đàn áp. Lưu Thượng khinh địch mạo hiểm, bị quân Ngũ Khê dựa vào địa thế hiểm yếu tiêu diệt toàn bộ.

Tháng 7 năm sau, quân Ngũ Khê xâm phạm Lâm Nguyên, Phục Ba tướng quân Mã Viện, người từng có nhiều chiến công, xin Lưu Tú được xuất chinh. Mã Viện từng nói với mọi người: “Trang nam nhi phải chết nơi sa trường, da ngựa bọc thây!”

Lưu Tú thấy Mã Viện tuổi đã cao, nhẹ nhàng can ngăn, Mã Viện nói: “Thần còn mặc áo giáp, cưỡi ngựa được!”, Lưu Tú để Mã Viện làm thủ. Mã Viện nhảy ngay lên yên ngựa phóng đi, xem chừng không kém thời trai trẻ. Lưu Tú khen: “Lão tướng quân quả nhiên vũ dũng”. Liên cử Mã Viện cùng Cảnh Thư đem 4 vạn binh mã viễn chinh Võ Lăng.

Tháng 3 năm 49, quân Mã Viện đến Lâm Hương, Võ Lăng, đúng lúc quân Ngũ Khê tiến đánh huyện lỵ. Mã Viện nghênh chiến, giết hơn 2000 người, quân địch còn lại bỏ chạy vào rừng sâu. Mã Viện tiếp tục tiến quân, đến Hạ Tuyền, phía trước có 2 ngã đường dẫn đến vùng Ngũ Khê.

Một ngã chạy qua huyện Sung, tương đối bằng phẳng, nhưng phải đi vòng xa. Ngã thứ hai ngược dòng sông Nguyên, qua núi Hồ Đầu, đi thẳng vào vùng Ngũ Khê, nhưng núi cao, nước xiết.

Mã Viện bàn với các tướng, Cảnh Thư kiên quyết đòi đi đường vòng qua huyện Sung, có người chủ trương đi đường sông thẳng đến núi Hồ Đầu.

Mã Viện cho rằng đi vòng tốn công vận lương; chi bằng đi thẳng, chọc thẳng vào yết hầu quân địch. Đề nghị ấy gửi về triều được Quang Võ để chuẩn y. Mã Viện liền lệnh cho quân sĩ ngược dòng sông Nguyên. Càng ngược lên, nước càng chảy xiết, quân sĩ thoát đầu dùng sào đẩy, sau phải kéo thuyền, hành quân cực kỳ vất vả.

Đến núi Hồ Đầu, quân Ngũ Khê chặn mất đường thủy, cố thủ trên cao, hiểm yếu. Đại quân của Mã Viện tiến thoái lưỡng nan luẩn quẩn trong rừng. Thời tiết nóng nực, rất nhiều binh sĩ cảm nắng mà chết. Mã Viện cũng lâm bệnh nặng. Để tránh cảm nắng Mã Viện lệnh cho khoét đá hai bên vách núi mà ẩn vào đó.

Quân Ngũ Khê ở trên núi luôn hò hét tấn công, mỗi lần như vậy, Mã Viện lại lết ra quan sát. Tướng sĩ thấy thế đều cảm động.

Cảnh Thư cho mình đúng lý, gửi thư về triều cho anh mình là Cảnh Yểm báo tình hình nguy hiểm và đổ lỗi hoàn toàn cho Mã Viện.

Cảnh Yểm tâu với Lưu Tú, Lưu Tú phái Trung Lang tướng quân Lương Tùng đến Hồ Đầu chất vấn Mã Viện. Mã Viện vừa lo vừa ức khiến bệnh tình càng nặng lên mà chết. Lương Tùng vốn không ưa Mã Viện, trở về tâu với Lưu Tú về thất sách của Mã Viện. Lưu Tú tin lời Lương Tùng, thu hồi ấn tín và tước hầu của Mã Viện. Một danh tướng lầy lùng như Mã Viện chỉ vì chọn sai đường hành quân mà dẫn đến hậu quả thảm bại như vậy.

“Quân hữu sở bất kích ”

Có những kẻ địch không nên đánh.

Sầm Bành tiến thẳng vào đất Thục, đánh Công Tôn Thuật

Thời Đông Hán, mùa xuân năm Kiến Võ thứ 11 (năm 35) Quang Vũ đế Lưu Tú lệnh cho Đại tư mã Ngô Hán, Chu Lỗ tướng quân Lưu Long, Phụ Uy tướng quân Lưu Khâm, cùng với Chinh Nam đại tướng quân Sầm Bành hội quân ở Kinh Môn (nằm giữa hai núi Kinh Môn và Hồ Nha, tỉnh Hồ Bắc), tập trung 6 vạn thủy binh, 5000 kỵ binh, Sầm Bành phái tướng Lỗ Kỳ đưa chiến thuyền ngược dòng Trường Giang, mở đường thủy cho quân chủ lực tiến đánh nước Thục.

Chúa Thục là Công Tôn Thuật từng phái các tướng Điền Tuất, Nhiệm Mãn, Trình Tấn với mấy vạn quân chiếm cứ hai núi Kinh Môn, Hồ Nha, dựng cầu nổi và vọng lâu trên sông Trường Giang, ngăn chặn quân Hán tây tiến.

Quân Hán của Lỗ Kỳ bây giờ lợi dụng gió đông thổi mạnh, dùng chiến thuyền xông thẳng vào phía cầu nổi, phóng hoả đốt cháy cả cầu lẫn vọng lâu.

Sầm Bành tức thời dẫn chủ lực thuận gió mà tiến. Quân Thục rối loạn, bị chết đuối mấy ngàn người. Tướng Nhiệm Mãn tử trận, Trình Tấn bị bắt sống, Điền Tuất phải rời bỏ Tam Hiệp, rút lui về Giang Châu.

Sầm Bành lệnh cho thủy và lục quân cùng tiến. Ông cùng Tạng Cung, Lưu Khâm chỉ huy chủ lực thủy quân, ngược dòng Trường Giang, qua Tam Hiệp, tiến thẳng vào Giang Quan. Kỷ luật nghiêm minh, đến đâu cũng được dân chúng ủng hộ. Không lâu, thủy quân đến Giang Châu. Thành Giang Châu kiên cố, lương thực đầy đủ, khó hạ ngay, Sầm Bành cùng các tướng quyết định không đánh Giang Châu, chỉ cử tướng Phùng Tuấn ở lại kiềm chế Điền Tuất, còn đại quân thì tiến theo đường vòng, về phía Điểm Giang, đánh Bình Khúc, thu được mấy chục vạn thạch lương.

Công Tôn Thuật rất lo lắng, vội cử các đại tướng Lã Vĩ, Công Tôn Khôi, Diên Sầm đem quân đến tập kết ở Quảng Hán và Tư Trung, chuẩn bị đánh quân Hán; phái tướng Hầu Đan đem hai vạn quân phòng thủ Hoàng Thạch, hợp với Điền Tuất ở Giang Châu thành thế ỷ dốc, phòng quân Hán men theo sông thâm nhập Thành Đô.

Sầm Bành nắm được tình hình đó, họp các tướng, nói rằng: “Có những kẻ địch không nên đánh”, chỉ để Tang Cung ở lại khống chế chủ lực của Diên Sầm tại Quảng Hán, còn đại quân thì vòng trở lại Giang Châu rồi ngược dòng lên phía tây tập kích Hoàng Thạch, đánh bại quân của Hầu Đan. Tiếp đó, Sầm Bành hành quân cấp tốc hơn 2000 dặm, thâm nhập trung du sông Mân, chiếm Võ Dương, cho lính khinh kỵ tiến đánh Quảng Đô, chỉ cách Thành Đô vỏn vẹn vài chục dặm, rồi bất ngờ dẫn đại quân vòng ra sau lưng chủ lực đối phương.

Công Tôn Thuật cứ cho rằng quân Hán ở Bình Khúc nên tập trung binh lực ở Quảng Hán, Tư Trung, thấy Sầm Bành lại hành quân bất ngờ như vậy, cực kỳ bối rối: “Hắn là thần thánh hay sao?”

Quân của Diên Sầm đóng tại Quảng Hán đột nhiên phát hiện quân Hán tập kích sau lưng, vô cùng hoảng sợ. Quân của Tang Cung phía trước cũng thừa cơ, dùng bộ kỵ men hai bờ sông Bồi tiến gấp đánh quân Thục, tiêu diệt hơn một vạn. Diên Sầm bỏ chạy về Thành Đô, tướng sĩ lần lượt đầu hàng. Tang Cung thừa thắng tiến đánh Bồi Thành, Miên Trúc, giết tướng Thục là Công Tôn Khôi, tiến thẳng tới Thành Đô.

“Thành hữu sở bất công ”

Có những thành không nên đánh.

Lý Uyên không đánh Hà Đông, mà vào Quan Trung

Thời Tùy, tháng 5 năm Đại Nghiệp thứ 13 (năm 617), đại quý tộc Lương Tây là Đường Quốc công Lý Uyên khởi binh tại Thái Nguyên. Lý Uyên dùng sách lược “nhân Quan Trung bỏ trống, đến đó ra lệnh cho thiên hạ”, đem 3 vạn quân đánh xuống phía nam.

Tháng 8, quân Lý Uyên đánh tan quân Tùy chặn đường giết tướng Tống Lão Sinh, chiếm Hoắc Ấp, thừa thắng chiếm luôn mấy quận, chuẩn bị tiếp tục tiến xuống phía nam, tiến công Hà Đông là mảnh đất chiến lược. Lý Uyên phái quân chặn đường rút của quân giữ thành, rồi chỉ huy chủ lực đánh thành. Thành Hà Đông kiên cố, do danh tướng Khuất Đột Thông chỉ huy mấy vạn tinh binh trấn giữ. Quân Đường đánh mấy phen dữ dội, bị thương vong nặng nề, vẫn chưa hạ được.

Đợt này gặp trời mưa liên miên, quân Đường càng gian nan. Tiến sang phía tây không được, đánh thành lâu ngày không xong, lương thảo thiếu thốn, Lý Uyên sốt ruột triệu tập chư tướng bàn bạc.

Mưu sĩ Bùi Tịch nói: “Khuất Đột Thông dựa vào không ít binh lực, lại ở trong thành kiên cố, nếu ta bỏ đây đánh Tràng An mà không hạ được, thì sợ bị địch đánh sau lưng, như vậy khá nguy hiểm. Chi bằng trước hết hãy đánh thành Hà Đông. Khuất Đột Thông bại thì Tràng An hạ không khó”.

Con trai thứ của Lý Uyên là Lý Thế Dân, làm hữu quân đô đốc, nói: “Bùi công nhầm rồi, binh quý ở chỗ thần tốc, phải nhanh chóng chiếm Tràng An, làm địch trở tay không kịp. Ta cứ ở mãi đây, Tràng An có đủ thời gian chuẩn bị, e đại sự khó thành! Huống hồ hào kiệt ở Quan Trung đều đã dậy binh chống Tùy, ta nên sớm đến đó tập hợp họ. Khuất Đột Thông chẳng qua là con hổ đã bị nhốt ở đây, không đáng lo ngại.

Lý Uyên suy nghĩ một lát, rồi quyết: “Cả hai người đều có chỗ đúng. Vậy ta để một bộ phận ở lại tiếp tục vây thành, còn chủ lực đi đánh Tràng An”.

Ngày 12/9, Lý Uyên dẫn chủ lực từ Long Môn vượt Hoàng Hà, tiến vào Quan Trung. Quan quân nhà Tùy ở Quan Trung lần lượt ra hàng.

Ngày 18, Lý Uyên lệnh cho con trưởng là Tả quân đô đốc Lý Kiến Thành đem mấy vạn quân đến đóng ở kho Vĩnh Phong mở kho lương phát cho nghĩa quân và dân nghèo quanh vùng đó. Lý Uyên lại lệnh cho quân của Lý Thế Dân men bờ bắc sông Vị Hà tiến sang phía tây, đánh vu hồi Tràng An. Còn mình thì đóng quân ở Triều Ấp.

Khuất Đột Thông thấy quân của Lý Uyên vòng sang phía tây, để tùy tướng ở lại giữ Hà Đông, còn mình kéo quân về cứu Tràng An. Nhưng vừa vượt qua Hoàng Hà, thì gặp quân của Lý Uyên do tướng Lưu Văn Tịnh ngăn chặn.

Khuất Đột Thông kéo quân đến hợp binh với quân phòng thủ Chương Quan, nào ngờ nam Chương Quan đã bị tướng của Lý Uyên là Vương Trường Hải tập kích, không thể vượt qua. Quân của Khuất Đột Thông lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan.

Lý Thế Dân thu thập quân Tùy đã đầu hàng và nghĩa quân nông dân lập thành một lực lượng mấy chục vạn người, tràn đến A Thành.

Lý Uyên thấy cánh quân của Khuất Đột Thông đã bị chặn, không thể cứu viện cho phía tây, cho rằng đã đến lúc lấy Tràng An, bèn lệnh cho Lý Kiến Thành tiến quân đến Bá Thượng, Lý Thế Dân tiến đến thành cũ của Tràng An để hợp vây. Lúc này tổng cộng quân của Lý Uyên tới 30 vạn.

Ngày 27/10, Lý Uyên tổng công kích Tràng An. Lực lượng đôi bên quá chênh lệch, nên Lý Uyên nhanh chóng chiếm được thành. Khuất Đột Thông thấy Tràng An thất thủ, buộc phải đầu hàng.

“Địa hữu sở bất công ”

Có những vùng đất không nên giành.

Phù Sai cố giành Trung nguyên, thất bại ê chề

Sau khi chinh phục nước Việt, Ngô vương Phù Sai nhanh chóng mở rộng lãnh thổ, thế lực ngày càng mạnh. Phù Sai sinh ra kiêu ngạo, nuôi mộng làm bá chủ Trung Nguyên.

Năm Chu Kính vương thứ 31 (năm 489 trước Công Nguyên), Phù Sai tấn công nước Trần, đánh nước Lỗ lần 2, chiếm các tiểu quốc phụ cận để dọn đường tiến vào Trung Nguyên. Đồng thời, trưng dụng hàng vạn dân công xây dựng Hàn Thành, đào kênh Hàn thông với Giang Hoài để tiện chuyển quân.

Năm 484 trước Công Nguyên, Phù Sai nghe tin Tề Cảnh công chết, quyết định đem quân lên phía bắc, đánh Tề.

Đại phu Ngũ Tử Tư can: “Không nên. Việt vương Câu Tiễn chưa hoàn toàn hàng phục, người này chưa chết thì còn là mối đe dọa với Ngô. Nếu dùng thuật ngữ bệnh tật để nói thì với nước Ngô ta, nước Việt là căn bệnh trong lục phủ ngũ tạng còn nước Tề chỉ là vết ghẻ ngoài da mà thôi. Xin đại vương hãy đánh nước Việt trước”.

Phù Sai không nghe, chọn ngày lành cất quân bắc tiến, hợp với quân Lỗ, đánh bại quân Tề ở Ngải Lăng. Thắng trận trở về Phù Sai càng kiêu ngạo, cho rằng chỉ cần trấn áp nước Tấn nữa là mình sẽ làm bá chủ Trung Nguyên.

Ngũ Tử Tư lại can: “Đánh bại Tề chỉ là một thắng lợi nhỏ, thần cho rằng sắp có họa lớn đây”. Phù Sai đang cao hứng, nghe Ngũ Tử Tư nói, nổi giận, lệnh cho Ngũ Tử Tư phải tự sát.

Ngũ Tử Tư rút kiếm khỏi bao, ngẩng mặt lên trời nói: “Xin hãy khoét 2 mắt của tôi ném ra cửa đông, để tôi có thể nhìn thấy quân Việt đến tiêu diệt nước Ngô”, đoạn tự đâm bụng mà chết.

Sau đó Phù Sai lại trưng dụng mấy chục vạn dân công tiếp tục đào kênh Hàn để tiếp tục vận chuyển cho quân đội từ Trường Giang thông với Hoàng Hà.

Năm 482 trước Công Nguyên, tháng 7, Phù Sai hẹn hội minh với Tấn và các nước chư hầu ở Hoàng Trì để tranh ngôi minh chủ với Tấn. Thái tử Hữu can: “Tướng sĩ đều xa rời đất nước cả, đi xa ngoài ngàn dặm như vậy tốn phí rất lớn. Nếu quân Việt tới đánh nước ta thì vô cùng nguy hiểm”. Nhưng Phù Sai vẫn coi thường nước Việt không nghe lời can ngăn đó.

Phù Sai lệnh cho Thái tử Hữu, Vương tử Địa, Vương tôn Di, Thọ Từ Diêu với hơn một vạn quân lính già yếu ở lại giữ thành Cô Tô, còn mình thì đem 3 vạn tinh binh đi Hoàng Trì phó hội.

Việt vương Câu Tiễn bề ngoài ra vẻ cung kính triều cống vua Ngô, nhưng lâu nay vẫn ngấm ngấm chuẩn bị lực lượng phục thù. Nghe tin Phù Sai đi Hoàng Trì, lập tức bàn với đại phu Phạm Lãi chiến lược đánh Ngô.

Ngày 12/6, biết Phù Sai đã tới gần Hoàng Trì, Câu Tiễn điều bốn vạn chín ngàn quân Việt, chia làm hai đạo, tấn công Ngô. Phạm Lãi, Hậu Dung chỉ huy một đạo theo đường thủy tiến vào Hoài Hà, chặn đường từ Hoàng Trì về của quân Ngô. Đạo quân thứ hai do đại phu Trù Vô Dư, Âu Dương làm tiên phong, Câu Tiễn dẫn chủ lực, theo đường bộ tiến thẳng đốn Cô Tô.

Thái tử Hữu đem đám quân già yếu đến Hoảng Thượng ngăn chặn, bị quân Việt đánh bại. Thái tử Hữu bị bắt. Hôm sau quân Việt thừa thắng đánh Cô Tô, kinh đô nước Ngô (Tô Châu), thu được rất nhiều chiến lợi phẩm.

Phù Sai đang ở Hoàng Trì tranh ngôi bá chủ với vua Tấn, nghe tin quân Việt bắt Thái tử Hữu, đốt cháy đài Cô Tô... thì cả kinh thất sắc, dùng vũ lực uy hiếp vua Tấn phải nhường Ngô làm minh chủ chư hầu, rồi tức tốc kéo binh về Cô Tô. Về gần tới Cô Tô, vừa giao chiến với quân Việt của Phạm Lãi thì quân Ngô đã đại bại. Phù Sai đành phái Bá Bì sang phía quân Việt cầu hoà. Câu Tiễn bàn với Phạm Lãi, thấy hiện chưa đủ sức diệt Ngô, chấp nhận giảng hoà, rút quân về nước.

“Quân mệnh hữu sở bất thụ ”

Có những lệnh của vua không nên nghe theo.

Nhạc Phi không nghe lệnh vua, tiến vào Trung nguyên

Đầu thế kỷ 12, dân tộc Nữ Chân ở miền đông bắc Trung Quốc nổi lên thiết lập chính quyền Kim. Trước sau triều Kim đã diệt triều Liêu và Bắc Tống, sau đó liên tiếp xuống quấy nhiễu phía nam, gây chiến lâu dài với Nam Tống. Quân Kim tàn bạo, khiến dân chúng bờ nam Hoàng Hà, địa khu Giang Hoài và nam Trường Giang phải tự lập nghĩa quân để chống cự, lớn tới vài chục vạn, nhỏ cũng tới vài vạn người, tạo nên cao trào kháng chiến chống quân Kim.

Nhưng vương triều Nam Tống lại theo chính sách thỏa hiệp với quân Kim, nên ra sức trấn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân vùng Giang Nam.

Năm Thiệu Hưng thứ ba (năm 1133), Tống Cao Tông Triệu Cấu lệnh cho Duyên giang thích trì sử Giang Tây là Nhạc Phi phụ trách phòng thủ từ Giang Lăng (Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc) đến Giang Châu. Nhạc Phi có hai vạn quân, kỷ luật nghiêm minh, huấn luyện tốt, trong 2 tháng mùa hạ năm sau đã giành lại 6 quận có ý nghĩa quân sự quan trọng.

Nhạc Phi dâng sớ lên Tống Cao Tông, chủ trương lấy Nang Dương làm căn cứ địa, liên kết với nghĩa quân nông dân mà giành lại các vùng đất cũ ở Trung Nguyên. Nhưng Tống Cao Tông chỉ muốn giữ yên Giang Nam, nên chỉ cho phép Nhạc Phi đóng quân ở Ngạc Châu, Kinh Châu và Nang Dương để làm bình phong che chở Giang Tây và Chiết Giang mà thôi.

Tháng 5/1140, vua Kim cử Ngột Thuật (Tông Bột) làm nguyên soái, chia quân làm 4 đạo đánh Nam Tống: Nhiếp Nhi Bội đánh Sơn Đông, Hữu phó nguyên soái Hoàn Nhan Cảo đánh Thiểm Tây, Phiêu kỵ đại tướng quân Lý Thành đánh Lạc Dương, Ngột Thuật dẫn quân chủ lực hơn mười vạn người đánh Khai Phong. Tướng nhà Tống trấn thủ là Mạnh Dữu đầu hàng, Khai Phong rơi vào tay quân Kim.

Khi mới tiến đánh, khí thế quân Kim rất mạnh mẽ, nhưng ít lâu sau vấp phải sự chống cự anh dũng của quân dân Nam Tống, đặc biệt là của Lưu Kỳ ở thành Thuận Xương. Lưu Kỳ chỉ có chưa đầy 2 vạn quân mà chống chọi với hơn mười vạn quân Kim buộc Ngột Thuật rút khỏi Thuận Xương, lui về phòng thủ Khai Phong.

Trước tình hình các cánh quân Tống liên tiếp chiến thắng, Nhạc Phi quyết định liên hợp với nghĩa quân nông dân, lấy Nang Dương làm căn cứ, thừa thắng chiếm lại Trung Nguyên.

Tống Cao Tông Triệu cấu sớ chiến tranh, trong lúc quân Tống liên tiếp thắng lợi, lại quyết định “việc quân không thể khinh động, nên rút về là hơn”, phái Tư Nông thiếu khanh Lý Nhược Hư gấp đến phủ Đức An để ngăn Nhạc Phi dừng lại.

Lý Nhược Hư truyền đạt mệnh lệnh của Tống Cao Tông nhưng Nhạc Phi cho rằng chỉ ngày một ngày hai sẽ thu phục Trung Nguyên, không nên lui quân. Sau khi quan sát tình hình tiền tuyến, Lý Nhược Hư nói với Nhạc Phi: “Tình thế này quả thật ta không nên rút quân. Tội trái lệnh vua, bốn quan xin gánh chịu”. Thế là Nhạc Phi bất chấp lệnh vua, tiến quân vào Trung Nguyên.

Ngày 12/6 nhuận, quân của Nhạc Phi do Trương Hiếu chỉ huy chiếm lại Vĩnh Xương, ngày 24, chiếm lại Trần Châu. Ngày 25, tướng Dương Thành chiếm lại Trịnh Châu. Ngày 2/7, các tướng Trương Ứng, Lý Thanh thu phục Lạc Dương, Tây Ninh.

Các cánh quân của Nhạc Phi liên tiếp báo tin thắng trận, thành thế đông tây cùng tiến, thế gọng kìm đối với chủ lực quân Kim ở Khai Phong. Không lâu sau đó, Nhạc Phi tập trung chủ lực ở Dĩnh Xương, dẫn quân khinh kỵ chiếm Yến Thành, thanh thế hùng mạnh.

Nhạc Phi tiến quân mạnh mẽ khiến Ngột Thuật ở Khai Phong rất lo sợ, vội triệu tập chư tướng thương nghị. Ngột Thuật cho rằng, trong các cánh quân Nam Tống chỉ có đạo quân của Nhạc Phi là tinh nhuệ hơn cả, khó chống đỡ, nay phải dụ riêng đạo quân ấy cô lập một nơi rồi tập trung chủ lực mà quyết chiến. Mồng 8/7, Ngột Thuật sai Long Hồ đại vương Đột Hợp Tốc, Cái Thiên đại vương Hoàn Nhan Tông, Chiêu Võ đại tướng quân Hàn Thường... đcm quân đến sát Yến Thành, chia một vạn rưỡi kỵ binh “quải tử mã” làm hai cánh, bày trận nghênh chiến.

Nhạc Phi dùng bộ binh chống với tinh kỵ của quân Kim, lệnh cho binh sĩ lấy búa rìu xông vào trận địch chặt chém chân ngựa. “Quải tử mã” gồm 3 con ngựa giăng chặt với nhau, 1 con ngã thì 2 con kia hết bề vận động.

2 tướng Nhạc Vân (con Nhạc Phi) và Dương Tái Hưng dẫn kỵ binh xông tới giết mấy trăm quân Kim. Nhạc Phi thì chỉ huy chủ lực anh dũng chiến đấu. Đôi bên đánh nhau từ trưa đến tối, cuối cùng quân Nhạc Phi đánh bại quân Kim. Ngột Thuột thấy quân tinh nhuệ của mình bị tiêu diệt, đau đớn khóc rống lên: “Từ ngày dấy binh, ta chỉ chiến thắng, nay thì hết rồi!”. Đoạn lệnh tăng viện binh đến phía bắc Yên Thành 5 dặm, chuẩn bị tái chiến.

Chiến trường Yên Thành bụi cuốn mù mịt mấy ngày. Nhạc Phi thân chinh xuất chiến, dũng mãnh xông trận. Tướng sĩ thấy chú soái không quản hiểm nguy xông lên trước, thì ai nấy theo gương quả cảm chiến đấu, cuối cùng đánh quân Kim đại bại.

Ngột Thuột há chịu thua. Hãn lại tập trung 20 vạn quân ở Lâm Dĩnh. Ngày 13/7, Dương Tái Hưng dẫn mấy trăm kỵ binh gặp quân Kim ở bên cầu Tiểu Thương. Dương Tái Hưng chỉ huy binh sĩ dũng cảm chiến đấu, giết hơn 2000 quân Kim và anh dũng hi sinh. Tướng Trương Hiếu của Nam Tống đem quân tới cứu, đánh bại 8000 quân Kim.

Nhạc Phi đoán rằng Ngột Thuột tuy thất lợi, ắt sẽ đem quân đánh Dĩnh Xương, bèn cử Nhạc Vân gấp đem kỵ binh tăng viện cho Vương Quý ở Dĩnh Xương. Ngày 24/7, Ngột Thuột quả nhiên dẫn hơn mười vạn kỵ binh tấn công Dĩnh Xương. Quân Kim trải dài hàng chục dặm, khí thế ghê gớm. Đôi bên triển khai ác chiến từ sáng sớm đến giữa trưa ở phía tây thành. Vương Quý và Nhạc Vân chỉ huy quân sĩ cảm tử đánh địch. .

Nhạc Vân sử dụng đôi chùy sắt, dẫn 800 kỵ binh xông lên trước, bộ binh hai cánh tiến theo sau, đôi bên ác chiến, Nhạc Vân đánh chết thượng tướng Hạ Kim Ngô (con rể của Ngột Thuột), bắt sống hơn 2000 người và thu 3000 chiến mã. Ngột Thuột thua chạy về Khai Phong. Nhạc Phi thừa thắng đuổi theo đến tận trấn Chu Tiên (tây nam Khai Phong, Hà Nam).

Ngột Thuột tập trung mười vạn binh mã, dựng lũy đối diện với quân Nam Tống. Nhạc Phi sử dụng chủ lực đánh quân Kim phía chính diện, đồng thời phái binh vượt Hoàng Hà đánh vào bên sườn quân Kim. Ngột Thuột không địch nổi đòn giáp công, dẫn tàn quân lui về Khai Phong.

Quân Kim mất hết tinh thần, luôn miệng than: “Bạt núi lấp sông thì dễ, đánh quân Nhạc Phi quá khó”. Ngột Thuột quyết định vứt bỏ mọi trang bị nặng, vượt Hoàng Hà rút về phía bắc. Nhạc Phi tiếp tục truy kích, khi đến

tận phủ Hoàng Long, thì được lệnh triều Nam Tống lệnh Nhạc Phi nhất thiết phải rút quân về.

“Trị binh bất tri cứu biến chi thuật, tuy trí ngu lợi, bất năng đắc nhân chi dụng hĩ”

Chỉ huy quân đội mà không biết vận dụng “chín điều ứng biến”, thì dù biết “năm điều lợi”, cũng không thể phát huy đầy đủ tác dụng của quân đội.

Đánh trận không ìhề theo sơ đồ định sẵn

Thời kỳ đầu triều Bắc Tống, hoàng đế đề phòng các tướng dùng binh tùy tiện nên mỗi khi cần phải dùng binh mới chỉ định các chức quan cầm quân xuất chiến. Vị tướng nào trước lúc lên đường cũng đều được hoàng đế đích thân trao cho một sơ đồ bày trận, khi tác chiến thì tướng sĩ phải theo đúng sơ đồ đó mà hành động. Nếu làm đúng, mà có thua trận, cũng chỉ chịu trách nhiệm nhỏ. Nếu làm trái, sẽ bị xử tội nặng.

Theo qui chế ấy, quân Tống tuy đông, vũ khí trang bị đầy đủ, nhưng đánh với quân Liêu luôn bại trận, bởi mỗi lần xuất chiến, binh sĩ đều lo sợ, phải theo đúng cách bày trận cứng nhắc, máy móc, không còn ý chí chiến đấu nữa.

Năm Tông Thái bình hưng quốc thứ tư (năm 979), tháng 9, Hàn Khuông Tư với Gia Luật Sa và Gia Luật Hưu của nước Liêu đem quân xâm phạm, hoàng đế Bắc Tống là Triệu Quang Nghĩa lệnh cho các tướng dẫn quân đánh giặc.

Trước khi các tướng lên đường, Triệu Quang Nghĩa theo lệ trao sơ đồ để họ theo đó bày trận tác chiến và chúc họ thắng lợi. Các tướng nhận thánh dụ, cất quân ra đi. Khi đến Mãn Thành, thì gặp quân Liêu. Hữu Long võ tướng quân Triệu Diên Tiến lên gò cao quan sát tình hình địch, chỉ thấy quân Liêu từ 2 phía đông tây lao tới, bụi tung mù mịt, không thấy đường chân trời đâu cả.

Thôi Hàn cùng chư tướng vội giở sơ đồ, đem đại quân chia thành 8 trận, mỗi trận cách nhau một bước. Tướng sĩ vừa hoài nghi vừa lo: binh lực phân tán như vậy thì làm sao chống nổi kỵ binh quân Liêu tràn tới?

Triệu Diên Tiến quyết tâm bày trận theo tình hình thực tế, bèn nói với Thôi Hàn: “Thánh thượng lệnh cho chúng ta dẫn quân đánh địch là cốt chiến thắng quân địch. Nay kỵ binh địch đông đảo thế kia, mà theo trận đồ lại bố trí lực lượng quân ta phân tán thế này, nếu địch xông vào các chỗ trống, quân ta sao địch nổi? Hiện tại tình thế khẩn cấp, chỉ có hợp binh nghênh chiến mới giành thắng lợi. Tuy làm vậy là đắc tội, song phải làm

vậy mới khỏi mất quân, nhục quốc”. Các tướng do dự: “Lỡ không thắng thì sao?”

Lúc này quân Liêu đã tới gần, không thể chậm trễ, Triệu Diên Tiến cả quyết: “Nếu thất bại, tôi xin một mình chịu tội”. Thôi Hàn vẫn sợ tội vi phạm thánh chỉ, còn lưỡng lự. Giám quân Lý Tục Long bèn nói: “Dùng binh phải biến hoá, sao lại nhất nhất theo sơ đồ định trước! Tội vi phạm thánh chỉ, để Tục Long này gánh một mình cho!”. Thôi Hàn bây giờ mới quyết, chuyển tám trận thành hai trận, tiền hô hậu ứng, nghênh chiến với quân Liêu.

Đồng thời cử một người sang giả hàng. Hàn Khuông Tư tin là thật. Gia Luật Hưu nói: “Quân Tống chinh tề thế kia, chắc kẻ này trá hàng để lừa quân ta, phải đề phòng cẩn thận”. Hàn Khuông Tư khinh thường quân Tống, cười khẩy không nghe.

Lát sau, bỗng trống trận nổi vang, quân Tống đội nhiên reo hò xông tới chém giết, bụi cuốn mù trời. Quân Liêu không kịp đề phòng, nhanh chóng đại bại.

Quân Liêu chạy tản về dãy núi đằng tây. Quân Tống thừa thắng truy kích. Rất nhiều quân Liêu bị giết. Trận này quân Tống diệt hơn 1 vạn người, thu hơn ngàn chiến mã, bắt sống 3 tướng giặc.

Tin chiến thắng báo về kinh đô, Triệu Quang Nghĩa không truy cứu tội trái thánh chỉ của Triệu Diên Tiến, mà còn thưởng, thăng chức cho Triệu Diên Tiến làm Hữu giám môn vệ đại tướng quân.

Nhưng sau đó, trong chiến tranh với Liêu, Triệu Quang Nghĩa lại trao sơ đồ như cũ. Thành thử quân Bắc Tống thắng ít thua nhiều, tình hình biên giới vô cùng nghiêm trọng. Tháng Giêng năm 989, Triệu Quang Nghĩa triệu các đại thần văn võ tới điều trần về sách lược bảo vệ biên giới. Tri sử Cáo Điền Tích nói thẳng: “Trước khi ra trận không nên trao sơ đồ định sẵn, hãy để các tướng tùy cơ ứng biến, căn cứ tình hình thực tế mà bày trận mới mong thắng lợi”. Triệu Quang Nghĩa chỉ còn biết im lặng.

“Trí giả chi lực, tất tận ư lợi hại. Tận ư lợi, nhi vụ khả tín dã; tận ư hại, nhi hoạn khả giải dã”

Tướng thông minh suy tính, phải cân nhắc cả 2 mặt lợi và hại. Khi tình huống bất lợi, phải phát hiện điều kiện có lợi mới đưa đại sự đến thành

công. Khi tình huống thuận lợi phải thấy rõ những yếu tố bất lợi, mới giải trừ được họa hại.

Lý Hoài Quang thấy lợi quên hại, bại trận ở Ngụy Châu

Năm Đường Kiến Trung thứ 2 (năm 781), Tiết độ sứ 4 trấn là Lý Duy Nhạc ở Thành Đức, Lý Chính Kỳ ở Tri Thanh, Điền Duyệt ở Ngụy Bác và Lương Sùng Nghĩa ở Sơn Nam cùng hợp quân phản Đường, Đường Đức Tông Lý Thích lệnh điều binh mã dẹp “loạn bốn trấn”.

Tiết độ sứ Hà Đông (vùng Vĩnh Tế, Bồ Châu, tỉnh Sơn Tây) là Mã Toại, Tiết độ sứ Chiêu Nghĩa (vùng Trường Tri, tỉnh Sơn Tây) là Lý Bảo Châu và Thần sách tiên phong Lý Thành hai lần đại phá quân của Điền Duyệt. Điền Duyệt thu nhặt tàn quân lui về cố thủ ở Ngụy Châu (Ngụy Bác). Mã Toại vây Ngụy Châu, đánh lâu vẫn không hạ được thành.

Khi triều đình phái Mã Toại đánh quân Điền Duyệt, thì cũng phái Chu Thao là Tiết độ sứ U Châu đánh Lý Duy Nhạc. Lý Duy Nhạc thua to, chạy về Hằng Châu (Chính Định, tỉnh Hà Bắc). Tùy tướng Vương Võ Tuấn giết Lý Duy Nhạc, đầu hàng triều đình.

Quân của Lương Sùng Nghĩa và Lý Nạp (Lý Chính Kỳ lúc này đã chết, con là Lý Nạp thay cha cầm quân) cũng bị quân triều đình đánh bại. Lương Sùng Nghĩa nhảy xuống sông tự vẫn, Lý Nạp dâng sớ lên triều đình xin được tha thứ. Cục diện dẹp “loạn 4 trấn” diễn biến có lợi cho triều đình.

Quân triều đình nhất thời thắng thế, các Tiết độ sứ có công đều được phong đất. Nhưng có hai tướng là Vương Võ Tuấn và Chu Thao cho rằng triều đình phong đất không công bằng, sinh bất mãn. Điền Duyệt đang bị vây ở Ngụy Châu biết được điều đó, liền tìm cách ly gián. Vương Võ Tuấn và Chu Thao sẵn lòng bất mãn, thế là ba phía cùng liên hợp phản Đường. Mùa hè năm 782, Chu Thao, Vương Võ Tuấn dẫn quân đến cứu viện Điền Duyệt ở Ngụy Châu.

Triều đình phái Tiết độ sứ Sóc Phương là Lý Hoài Quang đem một vạn năm ngàn quân tới U Châu tăng viện cho Mã Toại.

Chu Thao thấy quân Lý Hoài Quang đến, lập tức xuất trận. Lý Hoài Quang hữu dũng vô mưu, muốn nhân lúc Chu Thao, Vương Võ Tuấn, chưa kịp dựng trại mà đánh ngay. Mã Toại nói: “Trước hết nên để tướng sĩ nghỉ ngơi một vài ngày, đợi quan sát tình hình thật rõ hãy đánh”. Lý Hoài Quang

vẫn giữ ý kiến của mình, nói: “Đội đối phương dựng xong doanh trại thì rất nguy hiểm. Không thể bỏ qua cơ hội tốt này.” Thế là đem quân xuất chiến.

Đôi bên tiếp chiến, quân Lý Hoài Quang dũng mãnh xông xáo, giết hơn 1000 phản quân. Chu Thao dẫn binh thua chạy. Đúng lúc ấy Vương Võ Tuấn dẫn 2000 kỵ binh xông tới cắt đôi đội quân Lý Hoài Quang, Chu Thao cũng dẫn binh đánh ngược trở lại. Lý Hoài Quang thua to, bị dồn vào kênh Vĩnh Tế (sông Vệ Hà), quân sĩ giày xéo lên nhau, chết đuối vô kể.

Mã Toại muốn xuất binh ra cứu đã không kịp, vội lệnh cho phòng thủ doanh trại thật nghiêm mật, để tránh số phận như quân Lý Hoài Quang.

Tối hôm đó, phản quân lại tháo nước để chặn đường vận lương và đường rút của quân triều đình. Ngày hôm sau, đường ngập sâu ba thước, quan quân bị vây khốn, Mã Toại cả kinh, cử người sang gặp Chu Thao nói khéo để cầu hoà, bảo đảm sẽ rút quân và tâu với triều đình để Chu Thao làm chủ cả vùng Hà Bắc.

Sau khi quan quân rút lui, tháng 11, Chu Thao, Vương Võ Tuấn và Điền Duyệt tuyên thệ liên minh, cử Chu Thao làm minh chủ. Cuộc binh định lần này của triều Đường thất bại.

“Tất tử, khả sát dã”

Liều chết, có thể bị giết.

Lý Tục Tân đơn độc thọc sâu, bị tiêu diệt

Tháng 9 năm Hàm Phong thứ sáu, triều Thanh (năm 1856), Đông vương Dương Tú Thanh và Bắc vương Phong Xương Huy của Thái Bình Thiên Quốc lần lượt bị giết; tháng 5/1857, Dực vương Thạch Đạt Khai bỏ đi; tình hình chính trị, quân sự của Thái Bình Thiên Quốc lâm nguy.

Sau khi chiếm Thái Hồ (huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy), quân Thanh chia làm hai đạo: Đô Hưng A tiến tới An Khánh, Lý Tục Tân thì đánh Tiềm Sơn, Đồng Thành, Thư Thành, rồi tiến về trấn Tam Hà, cách Thư Thành 50 dặm phía đông, chuẩn bị đánh Lương Châu.

Lý Tục Tân thúc quân tiến gấp tới Tam Hà. Có tướng can: “Nay chưa chiếm được An Khánh, có thể chặn mất đường về. Chi bằng hãy nghỉ ngơi chỉnh đốn đội ngũ chờ ít ngày rồi hãy tiến quân”.

Lý Tục Tân nói: “Quân địch ở An Khánh còn lo chống đỡ với Đô Hưng A chưa xong, lấy đâu ra lực lượng chặn quân ta? Quân ta đánh Lư Châu lúc này là đúng, khỏi cần tính”. Thế là lệnh tiến gấp đến Tam Hà.

Trấn Tam Hà ở bờ tây Sào Hồ, cách phủ Lư Châu 90 dặm về phía nam. Muốn đánh Lư Châu, ắt phải qua đây. Quân Thái Bình cất giữ lương thảo, vũ khí tại đây để cung cấp cho Lư Châu và Thiên Kinh. Quân Thanh muốn chiếm vị trí quan trọng này.

Nguyên trấn Tam Hà không có thành trì. Quân Thái Bình sau khi chiếm được, mới xây 1 toà thành cao lớn, ngoài thành có 9 lũy gạch kiên cố, phòng thủ chặt chẽ. Năm 1856, thành này bị quân Thanh đánh chiếm, sau quân Thái Bình giành lại được và cử Ngô Định Quy trấn thủ.

Đầu tháng 11, quân Lý Tục Tân đến gần Tam Hà, bộ tướng thấy quân Thái Bình dàn trận chờ sẵn, liền can: “Quân ta chỉ có vài ngàn, trước không ai dẫn lối, sau không có viện binh, đơn độc thọc sâu, rất nguy hiểm”.

Lý Tục Tân nói: “Ta từ khi cầm quân đến nay, chỉ biết tiến, không biết lùi, dù chết trong tay địch cũng là bổn phận của ta. Ngày mai nhất định phải phá thành lũy của địch, có chết mới dừng!”. Các tướng không dám nói thêm.

Sớm ngày 7/11, Lý Tục Tân lệnh cho quân chia 3 cánh tấn công 9 lũy. Quân Thái Bình dựa vào các lũy gạch, kiên cường phòng thủ, nhưng địch tiến công quá mạnh suốt ngày, nên đến tối họ phải rút vào trong thành cố thủ.

Lúc này Trần Ngọc Thành của Thái Bình Thiên Quốc đã chiếm được Lục Hợp, hay tin quân Thanh cất binh đánh sang phía đông, liền dẫn quân đi cứu viện. Trên đường, Trần Ngọc Thành nhận được thư của Ngô Định Quy ở Tam Hà báo tin “Thư Thành đã thất thủ, Tam Hà nguy cấp”, liền phái người đem phương án tác chiến “chặn viện binh địch, vây diệt quân Thanh ở Tam Hà” về trình cho Minh Thiên vương, đề nghị điều Lý Tú Thành tới Tam Hà phối hợp đánh địch. Đúng ngày quân Thanh tấn công chín lũy, Trần Ngọc Thành đã tới trấn Kim Ngưu ở phía nam Tam Hà, tổ chức bao vây, chặn đường rút lui của Lý Tục Tân.

Trần Ngọc Thành lệnh cho tướng trấn thủ Lư Châu là Ngô Như Lý đem quân đến Kim Ngưu ngăn chặn quân địch từ Thư Thành tới tiếp viện.

Lý Tú Thành y hẹn đem quân tới vùng núi Bạch Thạch làm hậu thuẫn. Lúc này, tổng số quân Thái Bình ở gần Tam Hà đã tới 10 vạn, khí thế ngút trời. Lý Tục Tân sa vào thế bị bao vây tứ phía. Các tùy tướng lại khuyên Lý Tục Tân: “Địch chiếm ưu thế binh lực hơn hẳn ta. Duy có cách lui về Đồng Thành cố thủ là thượng sách”. Lý Tục Tân chí đòi thắng, không nghe, quyết định hôm sau sẽ đem quân tập kích quân Trần Ngọc Thành ở trấn Kim Ngưu.

Quân của Lý Tục Tân tiến đến gần Kim Ngưu thì gặp quân Trần Ngọc Thành. Trần Ngọc Thành vừa đánh vừa lui, dụ quân địch vào khu mai phục. Đến đó, lợi dụng địa hình và trời mù sương, quân của Trần Ngọc Thành từ 4 phía ập tới chém giết. Quân Lý Tục Tân rối loạn, bị giết hơn một ngàn người. Lý Tục Tân đích thân đi cứu viện, tổ chức 10 đợt xung phong đều bị đánh bật lại.

Quân của Lý Tú Thành đóng ở núi Bạch Thạch, nghe tiếng pháo nổ liên tục ở Kim Ngưu, biết đã khai chiến, liền dẫn quân tiến tới Tam Hà phối hợp đánh địch. Tướng Ngô Định Quy cũng từ trong thành đánh thốc ra. Quân của Lý Tục Tân bị đánh từ 2 phía, thua to, phải bỏ chạy về đại doanh, cố thủ chờ viện binh. Mấy cánh quân Thái Bình hợp lại, vây chặt quân địch.

Lý Tục Tân mấy phen tổ chức phá vây đều vô hiệu, biết rằng đã hết đường rút, cũng chẳng có ngoại viện, đành tự sát. Hơn 5000 người ngựa bị tiêu diệt. Thăng trận Tam Hà, Thiên Kinh chuyển nguy thành an. Uy thế quân Thái Bình Thiên Quốc được phục hồi.

“Tất sinh, khả lỗ dã”

Tham sống sợ chết sẽ bị bắt.

Lã Bố tham sông sợ đánh, bị giết chết

Cuối thời Đông Hán, sau khi khởi nghĩa Hoàng Cân (Khăn vàng) bị đàn áp, các thế lực phong kiến cát cứ tranh quyền đoạt lợi, thôn tính lẫn nhau. Kiêu tướng Lã Bố nguyên là thuộc hạ của Thứ sử Tịnh Châu Đinh Nguyên, đã giết Đinh Nguyên, đi theo Đông Trác; sau giết Đông Trác mà theo Viên Thuật, Viên Thiệu. Lã Bố trở mặt thất thường, chỉ tham lợi trước mắt, không có chí lâu dài.

Năm Hưng Bình thứ hai (năm 95), Lã Bố tranh đoạt Diễn Châu, bị thất bại, chạy đến Hạ Bì dựa vào Lưu Bị, được Lưu Bị đối xử tử tế, còn giao cho đóng binh tại thành Bái.

Không ngờ khi Lưu Bị không chống đỡ nổi cuộc tấn công của Viên Thuật, Lã Bố lại nghe lời Viên Thuật mà chiếm luôn Hạ Bì của Lưu Bị, đẩy Lưu Bị chạy về thành Bái.

Lã Bố và Viên Thuật mỗi người chỉ theo đuổi lợi ích riêng của mình mấy lần liên kết với nhau rồi lại đánh nhau. Năm Kiến An thứ 3 (năm 198), Lã Bố lại liên kết với Viên Thuật, đánh Lưu Bị ở thành Bái. Lưu Bị biết không chống nổi 2 đạo quân ấy, vội phái người đi cầu cứu Tào Tháo.

Tào Tháo vốn định đánh bại Lã Bố để trừ hậu hoạn, dễ bề quyết chiến với đối thủ mạnh nhất ở phương bắc là Viên Thiệu. Bởi vậy Tào Tháo cử đại tướng Hạ Hầu Đôn đem quân đi cứu viện. Quân Tào đến thành Bái, chưa dựng xong doanh trại, bị tùy tướng của Lã Bố là Cao Thuận đánh bại. Hạ Hầu Đôn bị trúng tên vào mắt trái. Lã Bố thừa thắng công phá thành Bái. Lưu Bị một mình bỏ chạy đến với Tào Tháo. Tào Tháo lập tức xuất quân đi trừng phạt Lã Bố.

Lã Bố hay tin vô cùng lo lắng. Mưu sĩ Trần Cung nói: “Ta nên xuất binh nghênh chiến, lấy nhàn đánh mệt, nhất định chiến thắng”. Lã Bố thấy thanh thế quân Tào quá mạnh, không dám nghênh chiến, nhưng lại nói cứng: “Cứ để chúng tới đây, ta sẽ chìm chết chúng dưới sông Tứ cho coi”.

Quân Tào tiến quân thuận lợi, chiếm Bành Thành, đến Hạ Bì. Lã Bố đánh liền mấy trận không thắng, đành rút vào thành cố thủ. Thấy trận doanh bên quân Tào nghiêm chỉnh, giáp trụ lóng lánh, Lã Bố bất giác khiếp sợ.

Lúc này, Tào Tháo gửi cho Lã Bố một bức thư nói rõ lợi hại, khuyên Lã Bố sớm đầu hàng.

Lã Bố càng sợ, định đầu hàng. Trần Cung khuyên: “Tào Tháo đem quân từ xa đến, khó đánh lâu được. Nếu tướng quân dẫn binh ra ngoài thành dựng trại, tôi cố thủ ở trong thành, trong ngoài phối hợp với nhau thì không quá 10 ngày quân Tào hết lương. Lúc ấy chúng ta đánh giáp công, chắc phá tan quân Tào”.

Lã Bố cũng cho rằng kế đó tốt, quyết định để Trần Cung và Cao Thuần ở trong thành, còn mình đem quân ra ngoài chặn đường tiếp lương của quân Tào.

Buổi tối, Lã Bố từ biệt vợ con. Người vợ nói: “Trần Cung và Cao Thuần vốn bất hoà với nhau, nhất định không thể đồng tâm giữ thành. Huống hồ ngày trước Tào Tháo đối đãi với Trần Cung như ruột thịt, mà Trần Cung còn bỏ Tào Tháo theo ta, nay chàng ra đi lại giao toàn bộ thành trì và vợ con cho ông ta, lẽ có chuyện gì, thiếp làm sao còn là vợ chàng được nữa”.

Lã Bố nghe vậy liền thay đổi chủ ý, ở lại thành. Chỉ phái sứ giả nhân đêm tối vượt qua vòng vây sang cầu viện Viên Thuật. Lã Bố từng hứa gả con gái cho con trai Viên Thuật, sau lại nuốt lời. Viên Thuật còn giận mãi việc đó. Vì thế, nay không chịu cho quân cứu viện.

Lã Bố cũng tính Viên Thuật vì chuyện cũ sẽ chưa chịu cho viện binh, liền buộc con gái vào người rồi nhảy lên ngựa, định nhân lúc đêm tối vượt ra khỏi vòng vây đưa con gái đến chỗ Viên Thuật. Nhưng bị quân Tào phát hiện, Lã Bố không tài nào ra khỏi vòng vây bên ngoài, đành trở vào thành.

Tào Tháo đề phòng Lã Bố vượt vòng vây, bèn lệnh cho binh sĩ đào hào quanh thành và canh phòng nghiêm mật. Nhưng hai bên cầm cự lâu ngày, quân Tào cũng mệt mỏi. Tào Tháo đã định rút quân. Mưu sĩ Tuân Du, Quách Gia can: “Lã Bố hữu dũng vô mưu, thất bại dễ nản. Ba quân trông chờ ở chủ tướng, mà chủ tướng không có ý chí chiến đấu, thì toàn quân sẽ ngã lòng. Trần Cung tuy lắm mưu, nhưng chậm chạp. Hiện tại ta nên nhân lúc Lã Bố chưa lấy lại nhuệ khí, Trần Cung chưa nghĩ ra kế gì, hãy tăng cường công phá, chắc sẽ hạ được thành”. Tào Tháo nghe theo, cho tháo nước sông Tứ vào thành Hạ Phi. Sau hơn một tháng, Lã Bố không còn ý chí chiến đấu nữa. Một hôm lên trên lầu thành hướng về phía quân Tào, nói

lớn: “Các người khỏi cần bao vây ta nữa. Hãy cho ta nói chuyện với Minh công”.

Trần Cung đứng cạnh liền kéo Lã Bố lại nói: “Tên nghịch tặc Tào Tháo, sao lại gọi là Minh công? Tướng quân đầu hàng hẳn, có khác gì đcm dê dâng miệng hổ, há có thể toàn mạng?”

Thế là Lã Bố ngày ngày uống rượu giải sầu và luôn miệng chửi bới, động chút đánh đập quân sĩ.

Sự tàn bạo của Lã Bố cuối cùng dẫn tới binh biến. Bộ tướng hậu Thành bắt Trần Cung, Cao Thuận và đem gia quyến mở cửa thành ra hàng Tào.

Lã Bố được tin vội bước lên lầu Hạ Môn, chỉ thấy quân Tào đã tràn vào khắp thành. Lã Bố quá sợ, bảo tả hữu: “Các người hãy giết ta đi ! . Tả hữu không nỡ hạ thủ, khuyên Lã Bố đầu hàng. Lã Bố đành xuống lầu xin hàng. Quân Tào liền trói lại, giải đến gặp Tào Tháo.

Lã Bố lớn tiếng nói với Tào Tháo: “Từ nay trở đi, thiện hạ đã định”. Tào Tháo hỏi: “Vì sao?”, Lã Bố đáp: “Người Minh công e ngại nhất là Lã mỗ. Nay Lã mỗ đã hàng phục, nếu để Lã Bố chỉ huy kỵ binh, Minh công chỉ huy bộ binh, thì làm gì không bình định nổi thiên hạ?”.

Lã Bố lại quay sang thỉnh cầu Lưu Bị, ngồi bên TàoTháo: Nay ông la thượng khách, Lã mỗ là tù binh đầu hàng, bị trói chặt thế này mà ông không nói giùm một lời sao?” Tào Tháo cười: “Trói hổ cũng chẳng nên quá chặt”. Đoạn bảo mở dây trói cho Lã Bố. Lưu Bị nói: “Chớ làm vậy! Minh công không nhớ y đã đối xử thế nào với Đinh Nguyên và Đổng Trác hay sao?”

Tào Tháo gật đầu, lập tức đem Lã Bố đi chém.

Lã Bố sợ chết, cuối cùng vẫn không tránh khỏi bị giết. Như vậy, Tào Tháo đã diệt trừ được mối nguy hiểm đe dọa mình từ phía đông.

Phần tặc, khả vũ dã”

Nóng giận, có thể mắc mưu của địch.

Đặng Khương áp sát chiến lũy, khích Diêu Nang

Thời Đông Tấn, năm Vĩnh Hòa thứ 8 (năm 352) thủ lĩnh dân tộc Khương là Diêu Dặc Trọng chết bệnh, con trai là Diêu Nang qui thuận triều Đông Tấn ở phía nam. Năm sau lại phản Tấn, đóng quân ở Hu Di, chiêu mộ dân lưu vong, khích lệ sản xuất nông nghiệp, quân số đến 7 vạn người.

Triều đình Đông Tấn nghe tin, tháng 5/354 phái quân đến phòng thủ dọc Trường Giang. Lính của Diêu Nang đa số là người phương Bắc, ai nấy khuyên Diêu Nang trở về phương bắc. Thế là tháng 5/355, Diêu Nang rời Trung Nguyên, chiếm cứ Hứa Xương, tự xưng đại tướng quân, Đại Đôn Vu, năm 356 dấy binh đánh Lạc Dương, muốn khống chế Trung Nguyên.

Diêu Nang đánh Lạc Dương lâu ngày vẫn chưa chiếm được. Lúc này đại đô đốc Đông Tấn là Hoàn Ôn đem quân chinh phạt Diêu Nang, đã tới Y Thủy. Diêu Nang bỏ vây Lạc Dương, dẫn quân giao chiến với Hoàn Ôn, bị thua to, chết mấy ngàn người, phải rút chạy về Bình Dương.

Hoàn Ôn đuổi theo Diêu Nang không kịp. Nguyên Dương Lượng vốn là khách của Diêu Nang chạy sang hàng Hoàn Ôn. Hoàn Ôn mới hỏi ông ta Diêu Nang là người thế nào? Dương Lượng nói rằng Diêu Nang còn anh hùng hơn cả Tôn Sách là người đã sáng lập Đông Ngô. Hoàn Ôn nghe vậy thì thở dài, rút quân về.

Lực lượng của Diêu Nang mạnh dần. Tiền Tấn vương Phù Sinh rất lo âu. Tháng 4, năm Đông Tấn Thảng Bình thứ nhất, Phù Sinh cử Quảng Bình vương Hoàng Mi, Đông Hải vương Phù Kiên, cùng Kiến tiết tướng quân Đặng Khương đem quân đánh Diêu Nang.

Quân Tiền Tấn dũng mãnh thiện chiến. Anh trai của Diêu Nang bị bắt làm tù binh. Quân Diêu phải rút về phía tây. Dân chúng đi theo rất đông.

Quân Tiền Tấn thừa thắng đuổi theo. Diêu Nang nghe theo kế của Trí Thông, cố thủ trong doanh lũy, không ra giao chiến. Đối phương không có cách gì để thắng. Kiến tiết tướng quân Đặng Khương hiến kế với Hoàng Mi: “Diêu Nang rất quý dân chúng, ta nên bắt dân, làm cho y rối trí, rồi đến khiêu chiến, khiến y tức giận mà xông ra đánh, thì có thể bắt được y”.

Quân Tiền Tấn liền lừa bắt những người dân đi tản cư theo Diêu Nang ở quanh vùng, lừa hết dê cừu của họ; tiếng kêu khóc dậy đất.

Diêu Nang nghe tin đập bàn đứng dậy, muốn tử chiến với quân địch. Trí Thông can: “Đây là kế của địch, chớ ra đánh”. Diêu Nang nói: “Ta không thể nhìn trăm họ bị nạn mà không cứu”.

Tháng 5, Đặng Khương dẫn 3000 kỵ binh tới sát doanh lũy của Diêu Nang hò hét, chửi bới, nhục mạ Diêu Nang. Diêu Nang không nén nổi giận, bất chấp lời can ngăn của Trí Thông, dẫn quân xông ra. Đặng Khương biết Diêu Nang đã trúng kế, giao chiến 1 lát đã bỏ chạy.

Diêu Nang tức thời đuổi theo, trong cơn thịnh nộ chẳng tính gì hậu quả, cứ thế đuổi xa. Bây giờ Đặng Khương mới quay đầu ngựa, cười nói: “Diêu Nang, người mắc mưu của ta rồi! ”

Diêu Nang chẳng nói chẳng rằng, lao tới chém giết như đi vào chỗ không người. Đặng Khương cũng là một tay dũng tướng, đã nắm chắc phần thắng, nên ung dung ứng chiến.

Đột nhiên, đại quân của Hoàng Mi ập tới cắt đứt đường rút của Diêu Nang. Quân Tiền Tấn từ hai phía đánh giáp công, quân Diêu Nang rối loạn, thua to. Một mũi tên phóng tới trúng ngay chiến mã của Diêu Nang. Thế là Diêu Nang bị bắt sống. Một vị anh hào chỉ vì không biết nén giận, nên đã bị bắt và bị giết chết lúc mới 27 tuổi.

Dân chúng nghe tin đó, ai nấy đều ngoảnh về phía bắc mà than khóc. Tiền Tấn vương nghĩ Diêu Nang là một dũng tướng anh hùng, đã làm lễ mai táng trọng thể cho chàng.

THIÊN IX: HÀNH QUÂN

Phàm xử quân, tương địch, tuyệt sơn y cốc, thị sinh xử cao, chiến long vô đãng, thử xử sơn chi quân dã. Tuyệt thủy tất viễn thủy; khách tuyệt thủy nhi lai, vật nghênh chi ư thủy nội, lệnh bán tế nhi kích chi, lợi; dục chiến giả, vô phụ ư thủy nhi nghênh khách, thị sinh xử cao, vô nghênh thủy lưu, thử xử thủy thượng chi quân dã. Tuyệt xích trạch, duy cức khứ vô lưu. Nhược giao quân ư xích trạch chi trung, tất y thủy thảo, nhi bôi chúng thụ, thử xử xích trạch chi quân dã. Bình lục xử dị, nhi hữu bối cao, tiền tử hậu sinh, thử xử bình lục chi quân dã. Phàm thử tứ quân chi lợi, hoàng đế chi sở dĩ thắng tứ đế dã.

Phàm quân hiếu cao nhi ố hạ, quý dương nhi tiện âm; dưỡng sinh nhi xử thực, quân vô bách tật, thị vị tất thắng. Khuru lãng đê phòng, tất xử kỳ dương nhi hữu bối chi. Thử binh chi lợi, địa chi trợ dã.

Thượng vũ, thủy mật chí, dục thiệp giả, đãi kỳ định dã. Phàm địa hữu tuyệt giản, thiên tỉnh, thiên lao, thiên la, thiên hãm, thiên khích, tất cức khứ khi, vật cận dã. Ngô viễn chi, địch cận chi; ngô nghênh chi, địch bối chi. Quân bàng hữu hiểm trở, hoàng tỉnh, kiêm vi, lâm mộc, ế oái giả, tất cần phúc sách chi, thử phục gian chi sở xử dã. Địch cận nhi tỉnh giả, thị kỳ hiểm dã; viễn nhi khiêu chiến giả, dục nhân chi tiến dã. Kỳ sở cư dị giả, lợi dã. Chúng thụ động giả, lai dã; chúng thảo đa chương giả, nghi dã. Điều khởi giả, phục dã; thú hãi giả, phúc giả. Trần cao nhi nhuệ giả, quân lai dã; ti nhi quảng giả, đồ lai dã; tán nhi điều đạt giả, tiền thái dã; thiếu nhi vãng lai giả, doanh quân dã. Từ ti nhi ích bị giả, tiến dã; từ cường nhi tiến khu giả, thoái dã. Khinh xa tiên xuất cư kỳ trắc giả, trần dã; vô ước nhi thỉnh hoà giả, mưu dã; bôn tẩu nhi trần binh giả, kỳ dã; bán tiến bán thoái giả, dụ dã. Trượng nhi lập giả, cơ dã; cấp nhi tiên âm giả, khát dã; kiến lợi nhi bất tiến giả, lao dã. Điều tập giả, hư dã; dạ hô giả, khủng dã; quân nhiều giả, tướng bất trọng dã; tinh kỳ động giả, loạn dã; lại nộ giả, quyện dã; túc mã nhục thực, quân vô huyền phẩu, bất phản kỳ xá giả, cùng khấu dã; truân truân hấp hấp từ ngôn nhập nhập giả, thất chúng dã; sắc thương giả, quần dã; sắc phạt giả, khốn dã; tiên bạo nhi hậu úy kỳ chúng giả, bất tinh chi chí dã. Lai ủy tạ giả,

dục hựu tức dã. Binh nô nhi tương nghênh, cửu nhi bất hợp, hựu bất tương khứ, tất cần sát chi.

Binh phi ích đa dã, duy vô võ tiến, túc dĩ tịnh lực, liệu địch, thủ nhân nhi dĩ. Phù duy vô lự nhi dị địch giả, tất cần ư nhân.

Tốt vị thân phụ nhi phạt chi, tắc bất phục, bất phục tắc nan dụng dã; tốt dĩ thân phụ nhi phạt bất hành, tắc bất khả dụng dã. cố lệnh chi dĩ văn, tề chi dĩ võ, thị vị tất thủ. Lệnh tổ hành dĩ giáo kỳ dân, tắc dân phục; lệnh tổ bất hành dĩ giáo kỳ dân, tắc dân bất phục; lệnh tổ hành giả, dữ chúng tương đắc dã.

Dịch nghĩa:

Khi hành quân và hạ trại ở những dạng địa hình khác nhau và khi phán đoán tình hình quân địch, phải chú ý: ở vùng núi, phải dựa vào sơn cốc có nước và cỏ, hạ trại ở chỗ cao, hướng về ánh sáng. Nếu địch đã chiếm chỗ cao thì không đánh ngược lên. Đó là cách không xử lý ở vùng núi. Khi vượt sông, nên hạ trại xa bờ. Nếu địch vượt sông đánh ta, ta không nên đánh ở dưới sông, chờ địch sang được một nửa hãy đánh thì được lợi. Nếu muốn quyết chiến với địch, bày trận sát bờ sông. Nếu hạ trại ở bên bờ sông, cũng phải chiếm chỗ cao, đón ánh sáng, không nên ngược dòng đánh địch. Đó là cách xử lý ở vùng sông nước. Nếu gặp địch ở vùng đầm lầy nước mặn, ở đồng bằng, phải chiếm lĩnh nơi rộng rãi, bên tay hữu có gò cao, phía trước thấp, phía sau cao. Đó là cách xử lý ở vùng đồng bằng. Nhờ cái lợi của 4 cách xử lý nói trên mà hoàng đế đã chiến thắng 4 ông vua khác.

Phàm hạ trại nên ở nơi cao ráo, tránh vùng ẩm thấp; ở nơi sáng sủa, tránh chỗ tối tăm, ở nơi gần nước và cỏ, đường vận chuyển quân nhu tiện lợi, tướng sĩ không bị nhiễm bệnh, đó là bảo đảm chiến thắng. Hành quân ở vùng nhiều gò đồng, đề điều, tất phải chiếm lĩnh phía cao ráo sáng sủa, chủ yếu dựa vào phía bên hữu. Cái lợi của cách dùng binh này là có địa hình hỗ trợ.

Phía thượng du mưa lớn, nước sông đột nhiên dâng cao, nhất thiết không được vượt sông, phải chờ nước rút. Hành quân qua những vùng “thiên gián” (khe suối hiểm trở), “thiên tỉnh” (tứ phía vách cao vây bọc), “thiên lao” (ba mặt bị vây bọc, dễ vào khó ra), “thiên hãm” (đất thấp lầy, khó vận động), “thiên khích” (hẻm núi, khe hở), tất phải gấp rút rời xa, không nên đến gần.

Ta nên lánh xa 5 loại địa hình ấy, để cho địch ở gần đó; ta nên hướng mặt về phía địa hình ấy, để địch quay lưng vào đó.

Hành quân qua những nơi 2 bên sườn có nhiều chỗ hiểm trở, ao hồ, lau lách um tùm, cây cối rậm rạp, tất phải thận trọng dò xét, vì đây là những nơi địch có thể mai phục.

Địch đã đến gần mà vẫn yên tĩnh là chúng đã chiếm được địa hình hiểm yếu. Địch ở xa mà đến khiêu chiến là chúng muốn dụ ta tiến lên. Địch đóng quân ở nơi bằng phẳng là đã chiếm được địa thế thuận lợi. Cây cối xao động là địch đang lặng lẽ tiến đến. Trong cỏ có nhiều chướng ngại vật là địch cố ý bày nghi trận. Chim xôn xác bay lên, là bên dưới có phục binh. Thú kinh hãi bỏ chạy là địch kéo quân đến đánh úp. Bụi bốc cao mà nhọn, là chiến xa địch tới, bụi bay thấp mà tản rộng, là bộ binh địch tràn tới. Bụi bay tản mát là địch chia quân đi kiểm củi. Bụi bay ít mà lúc có lúc không là địch đang dựng trại. Sứ giả của địch nói năng khiêm nhường mà địch lại tăng cường chuẩn bị, tức là địch sắp tiến công. Sứ giả địch nói cứng, lại làm bộ tiến lên, tức là địch đang chuẩn bị rút lui. Chiến xa hạng nhẹ chạy ra hai bên sườn là địch đang bày thế trận. Địch chưa thua mà tới cầu hoà, tức là có mưu gì đó. Địch gấp rút bày binh bố trận là đã định kỳ hạn tấn công. Nửa tiến nửa lùi là địch muốn dụ quân ta. Quân lính chống binh khí mà đứng dựa là đang đói. Lính địch đi lấy nước mà uông trước là địch đang khát. Địch thấy lợi mà không tiến lên tranh đoạt là đang mệt mỏi. Chim chóc đậu trên doanh trại địch là doanh trại bỏ trống. Đang đêm địch hốt hoảng gọi nhau là biểu hiện hoảng sợ. Quân lính trong doanh trại nhiều loạn là tướng địch không uy nghiêm. Cờ xí ngã nghiêng lộn xộn là đội ngũ quân địch đã rối loạn. Quan quân dễ nổi giận là toàn quân đã mệt mỏi. Dùng lương thực cho ngựa ăn, giết ngựa ăn thịt, thu dọn dụng cụ nấu ăn, lính không trở về trại, là địch đã khốn cùng, địch liều chết phá vây. Quân lính xì xào bàn tán là tướng địch không được lòng quân. Liên tiếp khao thưởng quân sĩ là địch không có biện pháp; liên tiếp trừng phạt cấp dưới là quân địch đang quẫn bách. Mới đầu hung dữ, sau lại sợ sệt cấp dưới, là tướng địch quá dốt nát. Phái sứ giả đến tặng quà và nói năng mềm mỏng là địch muốn ngưng chiến. Giận dữ kéo quân đến bày trận đối diện với ta mà rất lâu vẫn không tiến không lùi, thì ta phải thận trọng xét kỹ e địch có mưu kế.

Đánh trận không cốt ở quân đông, không nên khinh địch tiến liều, mà cần tập trung lực lượng, phán đoán tình hình, tranh thủ sự tín nhiệm và ủng

hộ của cấp dưới là đủ. Kẻ đã không nhìn xa trông rộng, lại còn khinh địch, thì ắt sẽ bị địch bắt làm tù binh.

Chưa có ân đức làm chỗ dựa cho quân sĩ mà đã vội ra uy trừng phạt thì quân sĩ không phục. Quân sĩ đã không phục thì khó bề sai khiến họ. Đã có ân đức để quân sĩ làm chỗ dựa mà không áp dụng quân kỷ quân pháp thì cũng không thể sai khiến họ. Cho nên phải mềm mỏng, độ lượng để làm cho quân sĩ động lòng; dùng quân pháp nghiêm minh để làm cho quân sĩ chỉnh tề nhất trí, thì mới có thể khiến họ kính sợ và phục tùng. Thời bình mà mệnh lệnh được chấp hành nghiêm chỉnh thì chứng tỏ tướng đã thu phục lòng quân, trên dưới hoà hợp!

Tóm tắt nội dung:

Thiên “Hành quân” chủ yếu bàn đến hai phương diện: một là “xử quân” tức là căn cứ vào điều kiện địa hình khác nhau mà hành quân tác chiến và hạ trại; hai là “tương địch”, nghĩa là phải quan sát và phán đoán tình hình địch như thế nào.

Tôn tử chỉ rõ, phạm hành quân tác chiến, việc “xử quân” liên quan tới đại cục thắng bại, tất phải biết xử lý cho đúng, với nguyên tắc chung là biết lợi dụng địa hình có lợi, né tránh địa hình bất lợi. Tôn tử nêu rõ 4 cách “xử quân” khác nhau khi gặp 4 loại địa hình: núi non, sông nước, đầm lầy, đồng bằng; với yêu cầu cơ bản về lợi dụng địa hình là “phạm hạ trại nên ở nơi cao ráo, tránh vùng âm thấp, nên ở nơi sáng sủa, tránh chỗ tối tăm, ở nơi có nước, cỏ và lương thực”. Đó là 1 tổng kết mang tính khoa học của Tôn tử về lợi dụng địa hình trong chiến tranh từ xưa đến thời Tôn tử.

Sau khi “xử quân” thì điều trọng yếu là “gặp địch”. Tôn tử chủ trương phải quan sát kỹ tình hình địch, trên cơ sở phán đoán, phân tích mà có cách đánh địch thích hợp. Ông khái quát kinh nghiệm chiến đấu thành hơn 30 cách phán đoán tình hình địch, trong đó điệu mẫu chốt là qua hiện tượng nhận ra bản chất.

Điều này thể hiện quan điểm biện chứng của binh pháp Tôn tử.

Trong thiên này Tôn tử còn đề ra một tư tưởng chỉ đạo tác chiến rất quan trọng. Ông chủ trương “tĩnh lược” (tập trung binh lực), “liệu địch” (phán đoán chính xác tình hình địch), “thủ nhân” (tranh thủ lòng người), phản đối cung cách khinh địch tiến liều, vô mưu, không tính toán, về mặt quản lý

quân đội, Tôn tử chủ trương ‘hợp chi dĩ văn, kè chi dĩ võ’, thường phạt phân minh, vừa khoan dung độ lượng vừa nghiêm nghị, để đạt được mục đích trên dưới đồng lòng.

“Tuyệt thủy tất viễn thủy; khách tuyệt thủy nhi lai, vật nghênh chi ư thủy nội, lệnh bán tế nhi kích chi, lợi”

Khi vượt sông, nên hạ trại xa bờ. Nếu địch vượt sông đánh ta, ta không nên đánh ở dưới sông, chờ địch sang được một nửa hãy đánh thì được lợi.

Cầu Phủ phá đập đìm chết quân Đường

Giữa đời Đường Huyền Tông, vùng Chiết Đông có cuộc khởi nghĩa nông dân do Cầu Phủ làm thủ lĩnh. Thoạt đầu nghĩa quân chỉ có mấy trăm người, ra sức tích trữ lương thực, chế tạo binh khí xây dựng lực lượng.

Đến đời Đường Y Tông, tháng Giêng năm Hàm Thông thứ nhất (năm 860), Quan sát sứ Chiết Đông là Trịnh Kỳ Đức phái phó sứ Lưu Hình, phó tướng Phạm Cư Thực đem 300 quân phối hợp với quan quân Đài Châu đi tiêu diệt nghĩa quân. Quan quân đánh nhau với nghĩa quân ở huyện Thiên Đài, bị thua to, tướng Phạm Cư Thực tử trận, Lưu Hình một mình tể ngựa chạy thoát.

Cầu Phủ thừa thắng đánh chiếm huyện Diệm, mở kho lẫm chiêu mộ tráng sĩ, quân đội phát triển lên thành mấy ngàn người thanh thế lớn mạnh.

Bây giờ quân nhà Đường ở Chiết Đông, chưa đến 300 người, lâu ngày không luyện tập, vũ khí hư cũ. Trịnh Kỳ Đức vội chiêu binh, nhưng quan mộ binh lại ăn hối lộ, nên binh lính toàn là những người già yếu đói nghèo.

Tháng 2 năm ấy, Trịnh Kỳ Đức phái tiểu tướng Thẩm Quân Túng, phó tướng Trương Công Thự. Vọng hải trấn tướng Lý Khuê dẫn hơn 100 tân binh tiến đánh nghĩa quân ở huyện Diệm.

Cầu Phủ nghe tin quan quân kéo đến, bèn lệnh cho một cánh nghĩa quân mai phục ở bờ nam con sông nhỏ Tam Khê, còn phần lớn binh mã thì bày trận ở phía bắc Tam Khê.

Lại lệnh cho 1 đơn vị nghĩa quân ở phía bắc (thượng lưu) đắp đập ngăn dòng, để phía hạ lưu nước nông, có thể lội qua được.

Quan quân vừa tiến đến, nghĩa quân mới giao chiến đã vội thua chạy, đù địch đuổi theo. Quan quân trúng kế, lội qua sông truy kích. Đúng lúc quan quân đã qua sông quá nửa, nghĩa quân phía trên bất ngờ phá đập cho nước tràn xuống như thác, nhấn chìm quá nửa quân địch.

Nghĩa quân mai phục phía bờ nam thừa thế xông ra tiêu diệt toàn bộ quân địch. 3 tướng Thẩm, Trương, Lý đều bỏ mạng. Nghĩa quân không tở

hào cái kim sợi chỉ của dân. Dân chúng đem heo cừ đến ủng hộ, nghĩa quân chia chiến lợi phẩm với dân chúng.

Không lâu sau nghĩa quân phát triển tới ba vạn người, Cầu Phủ tự xưng là Thiên hạ đô tri binh mã sử, Kiến nguyên la bình, lừng lẫy Trung Nguyên.

“Thị sinh xử cao, vô nghênh thủy lưu, thử xử thủy thượng chi quân dã” .

Nếu hạ trại ở bên bờ sông, cũng phải chiếm chỗ cao, không nên ngược dòng đánh địch. Đó là cách xử lý ở vùng sông nước.

Tiền Truyền Quán chiếm thượng lưu, giành toàn thắng

Thời Ngũ đại Hậu Lương, tháng Tư năm Trinh Minh thứ 5 (năm 919) hoàng đế Hậu Lương là Chu Thiển (nguyên tên là Chu Hữu Trinh) cử Ngô Việt vương Tiền Lưu phát binh trừng phạt nước Ngô ở Hoài Nam.

Tiền Lưu lệnh cho con mình là Tiền Truyền Quán làm Chư quân đô chỉ huy sứ, đem 500 chiến thuyền từ Đông Châu tiến ra phía biển rồi ngược dòng Trường Giang đi đánh Ngô.

Nước Ngô nghe tin liền phái Thứ sử Thư Châu là Bành Ngạn Chương và phó tướng Trần Phần đem thủy quân xuôi dòng sang phía đông chống cự.

Chiến thuyền của Tiền Truyền Quán sau khi vào Trường Giang thì do ngược dòng, lại gặp gió tây thổi mạnh, nên di chuyển khó khăn. Tiền Truyền Quán nghe tin thủy quân nước Ngô đang xuôi dòng tràn tới, liền hạ lệnh chuẩn bị sẵn vôi bột, cát sỏi, ngô đậu.

Thủy quân đôi bên gặp nhau ở phía nam Lang Sơn, lập tức triển khai chiến đấu. Chiến thuyền vừa giao chiến, Tiền Truyền Quán hạ lệnh cho tốp đầu tránh sang hai bên bờ, nhường khoảng giữa dòng cho quân địch.

Thuyền Ngô gặp trở ngại, cứ thế xuôi dòng, chẳng mấy chốc đã tới đoàn thuyền sau của Ngô Việt. Tướng Ngô là Bành Ngạn Chương đứng trên đài chỉ huy của thuyền chính cả cười nhìn thủy quân đối phương khiếp sợ, chưa đánh đã chạy giạt. Nào ngờ tiếng cười chưa dứt, chiến thuyền của Ngô Việt đã lại tập trung ở giữa dòng dàn trận đuổi theo phía sau.

Bành Ngạn Chương thấy vậy liền hạ lệnh quay thuyền lại giao chiến. Lúc này, thủy quân Ngô chiếm phía thượng lưu, thuận gió, hoàn toàn có lợi. Tiền Truyền Quán phất cờ, thủy quân Ngô Việt tức thời thuận gió tung vôi bột về phía thuyền địch. Vôi rơi xuống sông, bốc khói mịt mù. Tướng sĩ quân Ngô có mắt khó mở, có miệng khó há, bụi vôi xộc vào mắt, vào mũi, khiến họ chảy nước mắt nước mũi, ho sù sụ, trên thuyền rối loạn.

Đến khi gió thổi bạt khói và vôi bột, Tiền Truyền Quán hạ lệnh tung cát sỏi, đậu ngô sang thuyền địch, khiến quân Ngô trên thuyền đi đứng loạng choạng, đưa thì ngã xuống sông, đưa nào còn đứng được thì trúng tên, hầu

như tê liệt khả năng chiến đấu; trong khi quân Ngô Việt hành động mau lẹ dễ dàng.

Bành Ngạn Chương bất chấp hiểm nguy, xông xáo chỉ huy, nhưng quân sĩ thương vong quá nặng, đành hạ lệnh cho các chiến thuyền giạt vào bờ.

Tiền Truyền Quán không bỏ lỡ thời cơ diệt địch, liền hạ lệnh lựa gió phóng hoả đốt thuyền địch. Quân Ngô rối loạn. Bành Ngạn Chương một mặt sai lính cứu hỏa, một mặt tiếp tục chiến đấu. Bành Ngạn Chương không có vũ khí, phải nhặt một cây gậy để gạt tên bắn tới, người bị thương hàng chục chỗ vẫn cố nhịn đau để chỉ huy. Lửa gặp gió lan mỗi lúc một mạnh. Mấy trăm chiến thuyền quân Ngô nằm trong biển lửa, quân sĩ nhảy xuống sông mong thoát chết.

Phó tướng quân Ngô là Trần Phần thấy Bành Ngạn Chương thua to lại không cứu viện, tự rút quân về. Bành Ngạn Chương tuyệt vọng tự sát. Trần Phần về đến nước nhà thì bị xử tử.

Trận này Tiền Truyền Quán chỉ huy thủy quân Ngô Việt đại thắng tiêu diệt 400 chiến thuyền giặc, bắt sống 70 tì tướng, giết hơn 1000 tên địch, chủ yếu là nhờ khôn khéo chiếm được thượng lưu trong thủy chiến,

“Phàm quân hiếu cao nhi ố hạ”

Phàm hạ trại nên ở nơi cao ráo, tránh vùng ẩm thấp.

Bàng Sư Cỗ hạ trại ở vùng đất thấp trũng, bị nhấm chìm

Cuối đời Đường, quyền lực triều đình chỉ còn trên danh nghĩa các phiên trấn đều tự đem binh thôn tính lẫn nhau, chiến sự liên miên, loạn lạc không dứt. Đời Đường Chiêu Tông, tháng 9 năm Càn Định thứ tư (năm 897), Thứ sử Từ Châu, Tuyên Vũ Tiết độ sứ Chu Toàn Trung đem đại quân đi đánh Dương Hành Mật đang chiếm cứ Hoài Nam.

Chu Toàn Trung lệnh Bàng Sư Cỗ đem 7 vạn quân đánh Thanh Khẩu, Dương Châu; Cát Tông Chu đóng quân ở An Phong, tiến đánh Thọ Châu, còn Chu Toàn Trung thì đóng quân ở Túc Châu.

3 đạo quân Biện Châu của Chu Toàn Trung tiến xuống phía nam, thanh thế cực lớn. Tiết độ sứ Hoài Nam là Dương Hành Mật nghe tin cả sợ.

Dương Hành Mật cùng Chu Cẩn dẫn 3 vạn quân đến Sở Châu, hợp với Trương Huấn kéo quân từ Liên Thủy tới để cùng chống cự quân Biện Châu.

Bàng Sư Cỗ đóng doanh trại ở Thanh Khẩu, địa thế thấp trũng, bộ hạ đề nghị chuyển đến chỗ khác, song Bàng Sư Cỗ không nghe. Bàng Sư Cỗ ý mình quân đông thế mạnh, có ý khinh địch thường gọi tùy tướng tới chơi cờ tiêu khiển.

Tướng Chu Cẩn cho đắp đập chặn phía thượng lưu Hoài Hà chuẩn bị nhận chìm quân địch ở Thanh Khẩu. Trinh sát của Bàng Sư Cỗ biết được điều đó, báo cáo với chủ tướng. Bàng Sư Cỗ lại cho rằng đó là lời đồn nhảm làm dao động lòng quân; lệnh chém đầu người đưa tin.

Quân của Chu Cẩn đã chuẩn bị xong. 1 ngày tháng 11, Chu Cẩn dẫn 5000 kỵ binh lặng lẽ vượt Hoài Hà, giả làm quân Biện Châu, mang cờ lệnh tiến đến doanh trại của Bàng Sư Cỗ. Khi đến trước trung quân, quân của Chu Cẩn bất ngờ xông vào chém giết.

Quân Biện Châu không đề phòng, bị thương vong rất nặng. Giao chiến không lâu thì quân Hoài Nam phá đập phía thượng lưu cho nước tràn vào doanh trại quân Biện Châu. Kỵ binh của Chu Cẩn mau chóng rời khỏi chiến trường. Quân Biện Châu chạy không kịp, chết đuối quá nửa, doanh trại bị nước tràn phá tan hoang.

Nước lũ tràn qua rồi, những binh sĩ Biện Châu sống sót lồm bồm lội bùn mà chạy thì bị đại quân của Dương Hành Mật vượt Hoài Hà tiêu diệt nốt. Bàng Sư cố tuy có thân binh hộ vệ, cũng không thoát chết. Cát Tòng Chu nghe tin Bàng Sư Cố chết, vội dẫn quân rút lui. Dương Hành Mật và Chu Cẩn thừa thắng truy kích, đến sông Tí Hà lại đánh tan quân địch, may mà Cát Tòng Chu thoát chết. Chu Toàn Trung nghe tin 2 đạo quân đã bại trận, đành dẫn quân tháo chạy.

“Tuyệt thiên giản, thiên tình, thiên lao, thiên la, thiên hãm, thiên khích, tất cực khứ chi, vật cận dã”

Hành quân qua những vùng “thiên giản” (khe suối hiểm trở), “thiên tình” (tứ phía vách cao vây bọc), “thiên lao” (ba mặt bị vây bọc), “thiên hãm” (đất thấp lầy, khó vận động), “thiên khích” (hẻm núi, khe hở), tất phải gấp rút rời xa, không nên đến gần.

Chu Á Phù đi vòng, tránh nguy hiểm

Thời Tây Hán, sau khi Cảnh đế lên ngôi cử Triều Thác làm Ngự sử đại phu. Triều Thác chủ trương từng bước làm suy yếu lực lượng chư hầu để củng cố quyền lực trung ương. 7 nước chư hầu, trong đó có Ngô, Sở, phát động bạo loạn võ trang với danh nghĩa “Trừ Triều Thác, thanh lọc triều đình”.

Đầu năm Hán Cảnh đế thứ 3 (năm 154 trước Công Nguyên), Cảnh đế cử Chu Á Phù làm Thái úy thống lĩnh 36 tướng đem quân đánh Ngô, Sở.

Chu Á Phù xuất phát từ Tràng An, chuẩn bị tới Huỳnh Dương (đông bắc huyện Huỳnh Dương, tỉnh Hà Nam) để tập trung đại quân. Khi đến Bá Thương, thuộc hạ là Triệu Thiệp ngăn xe của Chu Á Phù lại nói: “Nước Ngô giàu có, lâu nay chiêu mộ được nhiều tráng sĩ cảm tử. Lần này họ biết tướng quân đông chinh, ắt sẽ bố trí phục binh ở yếu đạo nằm giữa Hào Sơn và Mãnh Trì. Hành quân phải coi bí mật làm thượng sách. Tướng quân nên đi vòng đến Lam Điền, Võ Quan, tới Lạc Dương, thì quân chư hầu sẽ trở tay không kịp”.

Chu Á Phù thấy Triệu Thiệp nói rất đúng, liền nghe theo, cho quân đi vòng tránh đường Hào- Mãnh nguy hiểm. Tuy tốn thêm hai ngày, nhưng dọc đường bình an, tới sát Lạc Dương, phá vỡ kế hoạch hội quân tại Lạc Dương của 7 nước chư hầu.

Đại quân tới Lạc Dương, Chu Á Phù đã hoàn toàn khống chế địa khu từ Lạc Dương sang phía đông, ông cho hạ trại và cử binh đi dò xét yếu đạo Hào- Mãnh. Quả nhiên, bắt về được một số quân Ngô mai phục ở đó. Chu Á Phù thăng Triệu Thiệp lên chức Hộ quân.

Tiếp đó, Chu Á Phù tiến quân sang hướng đông bắc, tới Xương Ấp. Hạ Ấp (phía đông Đãng Sơn, tỉnh An Huy), lập dinh lũy; cử Cung Cao Hầu dẫn kỵ binh đến Hoài Tứ cắt đường vận lương của liên quân Ngô-Sở.

Quân Ngô-Sở đánh thành Tuy Dương đã lâu không hạ được, lại chuyển sang đánh Hạ Ấp, định quyết chiến với chủ lực quân Hán. Nhưng Chu Á Phù ra lệnh “cố thủ, không giao chiến”.

Mấy ngày sau, quân Ngô-Sở không được tiếp tế lương thực, nhiều lần khiêu chiến, Chu Á Phù đều không lý đến. Ông giải thích với các tướng: “Nay yếu đạo hội quân của các chư hầu đều bị ta ngăn chặn, quân Ngô-Sở tiến thoái lưỡng nan, đợi chúng khốn quẫn, ta ắt đánh tan”. Lại tiếp tục cầm cự mấy ngày nữa, quân Ngô-Sở hết lương, đói khát, thế là đành rút lui.

Chu Á Phù lập tức phái binh mã tinh nhuệ truy kích đánh liên quân Ngô-Sở thua to. Ngô vương Lưu Tị lợi dụng đêm tối bỏ chạy. Sở vương Lưu Mậu bị buộc phải tự sát. Trận này có tác dụng

quyết định trong việc dẹp yên sự phản loạn của 7 nước chư hầu.

“Quân bàng hữu hiểm trở, hoàng tình, kiêu vi, sơn lâm, ế oái giả, tất cần phúc sách chi, thử phục gian chi sở xử dã”

Hành quân qua những nơi hai bên sườn có nhiều chỗ hiểm trở, ao hồ, lau lách um tùm, cây cối rậm rạp, tất phải thận trọng dò xét, vì đây là những nơi địch có thể mai phục.

Hạ Hầu Đôn khinh địch, rơi vào ổ phục kích

Thời Hán Hiến đế, mùa thu năm Kiến An thứ 6 (năm 201), Tào Tháo đánh bại Lưu Bị tại Nhữ Nam. Quân của Lưu Bị khó bề khôi phục. Lưu Bị dẫn tàn quân chạy về Kinh Châu nương nhờ Lưu Biểu.

Lưu Biểu đích thân ra ngoài thành đón tiếp, đãi Lưu Bị như thượng khách, còn nhường cho Lưu Bị đóng quân ở huyện Tân Dã, thường lui tới trò chuyện với Lưu Bị.

Lưu Bị chiêu hiền đãi sĩ. Sau khi đến Kinh Châu không lâu mà hào kiệt lũ lượt tới theo, binh lực mạnh dần. Lưu Biểu thấy vậy rất lo, đề nghị Lưu Bị đi đánh Tào Tháo. Lưu Bị vốn nhờ vả người, bất đắc dĩ phải nghe theo.

Tào Tháo nghe tin Lưu Bị tiến công, liền phái các tướng Hạ Hầu Đôn, Vu Cấm dẫn quân xuống phía nam, đến Diệp Dương, thì gặp quân Lưu Bị. Đôi bên chưa giao chiến, Lưu Bị đã rút chạy. Hạ Hầu Đôn đuổi theo đến tận Bắc Vọng, Lưu Bị mới dừng lại, cho một đơn vị nhỏ giao chiến với Hạ Hầu Đôn.

Hạ Hầu Đôn thấy Lưu Bị chỉ có một nhóm binh mã cũng đòi ngăn trở đại quân mấy vạn của mình thì thập phần khinh thường, thúc quân đánh. Quân Lưu Bị vừa đánh đã rút chạy vào sâu vùng gò đồi Bắc Vọng. Hạ Hầu Đôn hạ lệnh đuổi theo. Phó tướng Lý Điển can: “Lưu Bị chưa đánh đã chạy, e có phục binh. Đường phía trước nhỏ hẹp, cây cối um tùm, ta không nên đuổi theo nữa”.

Hạ Hầu Đôn kiêu ngạo đáp: “Lưu Bị dựa dẫm người khác, lực lượng non yếu. Với quân số của hãn dù hãn có mai phục 10 phía ta cũng không sợ!”. Nói đoạn, xông lên dẫn đầu quân truy kích.

Quân Hạ Hầu Đôn tiến vào đường hẹp, tốc độ chậm chạp. Hạ Hầu Đôn sợ bỏ phí thời gian thì địch chạy thoát, liền hạ lệnh chặt cây phạt bụi mà tiến cho nhanh. Đúng lúc ấy, pháo lệnh nổ vang, một đám phục binh của Lưu Bị từ trong rừng ập ra. Hạ Hầu Đôn mới nghe tiếng pháo lệnh thì giật mình, nhưng thấy phục binh ít về số lượng, lại toàn những kẻ già yếu, thì lập tức chỉ huy tinh binh nghênh chiến, chẳng mấy chốc đã đánh cho phục binh chạy tán loạn.

Hạ Hầu Đôn cười ha hả, bảo các tướng bên cạnh: “Phục binh của địch chỉ là mấy con muỗi! Chúng ta chẳng cần e ngại. Hôm nay nếu không đuổi đến Tân Dã, ta quyết không thu quân !”

Trời tối dần, gió ngày càng thổi mạnh. Tướng Lý Điển, Vu Sâm đang đi bỗng phát hiện 2 bên đường toàn là bãi lau thì giật mình kinh sợ, vội chạy tới nói với Hạ Hầu Đôn: “Quân ta ở trong con đường nhỏ hẹp thế này, hai bên toàn là lau sậy, nếu địch phóng hoả, gặp gió lớn thì làm sao thoát hiểm đây?”

Lúc này Hạ Hầu Đôn mới tỉnh ngộ, vội hạ lệnh gấp rút lui, nhưng đã muộn. Chỉ nghe sau lưng một tiếng thét lớn, lửa đã bùng lên thành khối lớn trong bãi lau. Quân Tào người ngựa hỗn loạn, nháo nhào bỏ chạy tản ra các phía, lớp bị phục binh quân Lưu Bị giết chết, lớp giẫm đạp giày xéo lên nhau mà chết rất nhiều.

Hạ Hầu Đôn vất vả lắm mới vượt được vòng vây, điếm lại binh mã, thấy tổn thất quá nặng, đành rút về Hứa Xương.

“Địch cận nhi tinh giả, thị kỳ hiểm địa; viễn nhi khiêu chiến giả, dục nhân chi tiến dã; kỳ sở cư dị giả, lợi dã”

Địch đến gần mà yên tĩnh là chúng đã chiếm được địa hình hiểm yếu. Địch ở xa mà đến khiêu chiến là muốn dụ ta tiến lên. Địch đóng quân ở nơi bằng phẳng là đã chiếm được địa thế thuận lợi.

Trịnh Trang Công dụ Bắc Nhung rời hiểm địa để tiêu diệt

Thời Xuân Thu, dân tộc thiểu số Bắc Nhung (hiện cư trú ở Sơn Tây) kiêu dũng thiện chiến, hay đi cướp bóc, các nơi nơi nào chúng đến dân chúng đều bị tàn hại nặng nề.

Mùa đông năm Lỗ Ôn công thứ chín (năm 714 trước Công Nguyên), đại quân Bắc Nhung xâm phạm nước Trịnh, mau chóng vượt Hoàng Hà, tiến xuống phía tây Quán Thành, cách đô thành Tân Trịnh của Trịnh chỉ còn trăm dặm.

Từ vua quan đến thứ dân nước Trịnh đều chân động. Trịnh Trang công quyết định đích thân đem quân đi đánh giặc. Vua hỏi quần thần văn võ: “Quân Bắc Nhung giỏi về đánh bộ, quân ta giỏi về xa chiến, nay địch đã chiếm địa hình có lợi, chiến xa của quân ta không có đất dụng võ, quả nhân lại lo địch đánh lên vào chiến xa của quân ta, các khanh có kế gì chăng?”

Các tướng không ai nghĩ được cách gì. Con trai thứ của Trang công là công tử Đột hiểu khá rõ về đặc điểm của quân Bắc Nhung liền nói: “Con có cách làm cho địch phải lui quân”.

Trang công nghe công tử Đột phân tích và nêu kế sách thì tán thưởng và cho làm theo. Quân Trịnh phái 1 đội cảm tử quân đi tiên phong, không dùng xe, tới khiêu chiến. Quân Bắc Nhung hạ trại dựa vào thế núi, không ra đánh. Quân Trịnh cứ thế chửi bới thậm tệ. Địch chịu không nổi, cuối cùng đem quân ra đánh nhưng quân Trịnh vừa đánh vừa rút, cố ý vứt bỏ nhiều của cải. Quân Bắc Nhung vốn lỗ mãng, tham lam, ít mưu lược, thấy thắng thì vừa đuổi theo vừa tranh nhau cướp của.

Quân Trịnh đã bố trí phục binh ở 3 nơi, chờ địch sa lưới. Quân Bắc Nhung đã sa vào trận địa phục binh thứ 1, bị lử thương vô số. Chủ lực đành tiếp tục xông tới, lại sa vào trận địa phục binh thứ hai, cuộc chiến diễn ra ác liệt. Cánh quân vượt lên trước lại sa vào trận địa phục kích thứ 3 của quân Trịnh. Nơi đây địa thế bằng phẳng, chiến xa của quân Trịnh phát huy hết tác dụng, bao vây chặt quân địch. Quân Bắc Nhung phải liều chết phá vây không nổi, cuối cùng toàn bộ tiền quân bị tiêu diệt. Hậu quân Bắc Nhung

thấy tiền quân đã bị tiêu diệt, vội vã tháo lui. Quân Trịnh không đuổi theo nữa, kéo quân khải hoàn.

Trận này dựa theo mưu kế của công tử Đột, dụ địch rời khỏi địa hình hiểm yếu mà giành toàn thắng. Trịnh Trang công mở tiệc ăn mừng, trọng thưởng công tử Đột và các tướng có công. Công tử Đột sau đó được kế vị, trở thành Trịnh Lịch công.

“Từ ti nhi ích bị giả, tiến dã”

Sứ giả của địch nói năng khiêm nhường, địch lại tăng cường chuẩn bị, tức là địch sắp tấn công.

Triệu Nguyên Ngô viết thư khiêm nhường, dụ địch mà tiêu diệt

Thời Bắc Tống, năm Tống Nhân Tông Bảo Nguyên thứ 1 (năm 1038), tháng 10, Triệu Nguyên Ngô (còn có tên là Lý Nguyên Ngô) tự xưng là chúa nước Đại Hạ (sử gọi là Tây Hạ), không ngừng chiêu nạp nhân tài, thôn tính các bộ lạc lân cận, ra sức mở rộng lãnh địa.

Năm 1044, Liêu (nguyên là Khiết Đan, từ năm 947 đổi thành Liêu) có một bộ lạc gồm 800 hộ phản Liêu đi theo Tây Hạ. Chúa Liêu là Gia Luật Tông Chân phái sứ giả sang Tây Hạ đòi Triệu Nguyên Ngô trả lại. Triệu Nguyên Ngô cự tuyệt.

Chúa Liêu cả giận, lệnh cho Thiên tế vương Gia Luật Trọng Nguyên đem 7000 kỵ binh, Hàn quốc vương Tiêu Huệ đem 6 vạn quân từ hai phía nam bắc đánh Tây Hạ. Chúa Liêu thân chinh dẫn 10 vạn quân rời thành Kim Túc (trên đất Mông Cổ), 3 đạo quân chia nhau vượt Hoàng Hà tiến vào đất Hạ.

Triệu Nguyên Ngô thấy quân Liêu hung mãnh, đầu tiên dẫn quân đánh đạo quân phía bắc của Tiêu Huệ. Đồi bên đánh nhau to tại Lan Sơn. Quân Hạ thua, phải rút chạy, quân Liêu đuổi theo đến hơn 400 dặm. Triệu Nguyên Ngô thấy khó thắng địch, bèn phái sứ giả đem thư cầu hoà sang đại doanh của Tiêu Huệ. Đồng thời hạ lệnh chuyển gấp lương thực đi xa, đốt cháy các đồng cỏ xung quanh, tiếp tục rút thêm hơn mười dặm.

Tiêu Huệ nhận thư, thấy lời lẽ Triệu Nguyên Ngô khiêm nhường: “Quân Hạ đánh liền mấy trận đều thua, không còn khả năng tái chiến, những mong Hàn quốc vương chấp nhận bãi chiến nghị hoà”. Tiêu Huệ đọc xong thì ngửa mặt cười, rồi sầm mặt nói với sứ giả: “Hôm nay mới đến cầu hoà thì đã quá muộn”.

Tiêu Huệ lập tức hạ lệnh tiến thẳng đến đại doanh quân Hạ, chỉ thấy doanh trại trống không, xung quanh mù mịt khói, liền thúc quân đuổi tiếp.

Triệu Nguyên Ngô thấy quân Liêu đuổi tới, lại lùi thêm mười dặm và cũng như lần trước, không để lại một đấu lương, một ngọn cỏ. Cứ thế kéo dài hàng trăm dặm, quân Liêu cứ đuổi, người không có lương ăn, ngựa không còn cỏ gặm, mệt vô cùng. Tiêu Huệ đang định lui về, thì quân Tây

Hạ đột nhiên tràn tới như triều dâng. Quân Liêu hết sức chiến đấu, bị thua to. Quân Tây Hạ thừa thắng tập kích và đánh thẳng cả hai đạo quân Liêu khác. Chúa Liêu chỉ còn vài kỵ binh hộ vệ chạy trốn.

“Từ cương nhi tiến khu giả, thoái dã”

Sứ giả địch nói cứng, lại làm bộ tiến lên, tức là địch chuẩn bị rút lui.

Lục Tồn rút quân, không mất 1 người lính

Đầu năm Đông Ngô- Gia Hoà thứ ba (năm 234), Gia Cát Lượng của Tây Thục trước khi tiến quân ra Kỳ Sơn lần thứ năm, đã cử người sang Đông Ngô liên hợp với Tôn Quyền cùng đánh Ngụy. Tháng 5, Tôn Quyền phái Lục Tồn và đại tướng Gia Cát Cẩn đem hơn một vạn thủy binh tiến công Nang Dương. Tôn Quyền đích thân chỉ huy 10 vạn đại quân tiến đánh Tân Thành, Hợp Phì, đóng trại thủy quân ở cửa Sào Hồ, phía nam Hợp Phì.

Ngụy Minh đế Tào Duệ, đối phó với liên quân Ngô- Thục, áp dụng phương châm đánh phía đông, thủ phía tây, thân chinh dẫn đại quân tới Hợp Phì đánh nhau với chủ lực quân Ngô.

Tháng 7, quân Ngụy đột ngột kéo tới cửa Sào Hồ ở phía nam Hợp Phì. Tôn Quyền không ngờ chủ lực quân Tào lại vây đánh Hợp Phì, bèn nghênh chiến. Tướng Ngụy Mãn Sùng đốt cháy chiến thuyền và công cụ quân Ngô, giết chết đại tướng Ngô là Tôn Thái. Quân Ngô thua to.

Lục Tồn nghe tin thua trận Hợp Phì, liền phái Hàn Biễn đem thư xin Tôn Quyền chi thị. Hàn Biễn bị quân Ngụy bắt được giữa đường. Gia Cát Cẩn đang trên đường tới Nang Dương hội quân với Lục Tồn thì được tin đạo quân của Tôn Quyền bại trận, người đưa thư Lục Tồn bị quân Ngụy bắt giữ, vô cùng kinh hãi, liền cử người mang thư tới Lục Tồn đề nghị rút quân.

Lục Tồn xem xong thư của Gia Cát Cẩn thì không trả lời, lại sai quân sĩ lên bờ trồng rau, trồng đậu và gọi tùy tướng vào chơi cờ với mình, thái độ ung dung như không.

Người đưa thư trở về nói lại với Gia Cát Cẩn. Gia Cát Cẩn tuy biết Lục Tồn đa mưu túc trí, nhất định đã có chủ ý riêng, song vì tình hình khẩn trương nên không yên tâm, bèn đích thân tới gặp Lục Tồn. Cẩn hỏi: “Nay chúa công đã lui quân, quân địch lại bắt giữ Hàn Biễn, ắt sẽ dốc toàn lực đối phó với chúng ta. Vậy tướng quân có diệu kế gì chăng?”

Lục Tồn đáp: “Thư ta viết đã bị quân Ngụy bắt được, kế hoạch của quân ta đã bị lộ. Địch tất nhiên đã chuẩn bị đối phó, nếu ta xuất chiến, khó thắng. Ông đề nghị rút quân là đúng”.

Cần hỏi: “Vậy sao tướng quân không mau đi chuyển, lại án binh bất động?”. Lục Tốn cười đáp: “Hiện địch mạnh ta yếu, không nên nói rút là rút luôn, như thế địch sẽ cho rằng ta sợ, thừa cơ đuổi theo chém giết, quân ta ắt thảm bại. Ông có thể bí mật tổ chức rút quân, còn ta...” đoạn ghé tai Cần thấp giọng một hồi.

Gia Cát Cần cáo từ rồi, Lục Tốn lại ung dung cho quân sĩ rời thuyền lên bờ, tiến về phía Nang Dương và tung tin sẽ đánh Nang Thành.

Quân Ngụy vốn biết Lục Tốn túc trí đa mưu, anh dũng thiện chiến, nay nghe nói Lục Tốn đã điều quân đánh Nang Dương, liền tập trung binh lực, chuẩn bị nghênh chiến với quân Ngô ở bên ngoài thành Nang Dương.

Trong quân Ngụy có một vài tướng nghi ngờ Lục Tốn không thật sự đánh Nang Dương. Nhưng họ nghe thám mã báo cáo rằng Lục Tốn cho quân trồng rau, đậu bên bờ sông, chứ không có ý rút quân, nên cũng tin Lục Tốn quả thật sẽ đánh Nang Dương.

Khi quân Ngụy đã tập trung cả ở Nang Dương chuẩn bị nghênh chiến, thì quân Ngô tiến đến nửa đường đột nhiên được lệnh quay ngược lại, tiền quân trở thành hậu quân, lạng lẽ rút về phía thủy trại của Gia Cát Cần. Lục Tốn về đến thủy trại Gia Cát Cần thì ở đây đã chuẩn bị sẵn thuyền bè. Quân lập tức lên thuyền an toàn rút hết về Giang Đông.

Quân Ngụy khi biết bị lừa, phái quân đuổi theo, thì quân Ngô của Lục Tốn đã đi xa, không mất 1 người lính. Quân Ngụy thán phục diệu kế của đối phương.

“Vô ước nhi thành hoà giả, mưu dã”

Địch chưa thua mà tới cầu hoà, tức là có âm mưu.

Lý Cử trá hàng, đánh bại Lưu Sướng

Năm Đông Tấn Nguyên đế Kiến Võ thứ 1 (năm 317), Lưu Thông lệnh cho em là Lưu Sướng đem 3 vạn quân đánh Huỳnh Dương là đất của Tấn (huyện Huỳnh Dương, tỉnh Hà Nam).

Thái thú Huỳnh Dương là Lý Cử dũng cảm, mưu lược, thường lấy ít thắng nhiều, được Tấn Nguyên đế phong làm Quán quân tướng quân. Lúc này Lý Cử đóng quân ở Tân Trịnh Hà Nam, được lệnh chống lại quân Lưu Sướng.

Quân Lưu Sướng tiến đến thành cũ của Hàn vương thì hạ trại, cách đại doanh của Lý Cử 7 dặm, rồi phái sứ giả sang chiêu hàng Lý Cử.

Đại quân Lưu Sướng kéo đến bất ngờ, Lý Cử chưa kịp chuẩn bị, nay quân Tiền Triệu chiêu hàng, Lý Cử liền tương kế tựu kế, phái sứ giả sang tỏ ý đầu hàng, đồng thời hạ lệnh tập trung quân tinh nhuệ đợi lệnh, chỉ để những binh sĩ già yếu ở lại giữ doanh trại. Ngoài ra còn chọn rượu ngon, bò dê béo sang tặng Lưu Sướng.

Lưu Sướng nhận lễ vật, tin Lý cử không có khả năng chống đỡ, nên không phòng bị gì. Tối hôm ấy, trong trại giết dê bò đãi tiệc toàn quân. Tướng sĩ thấy không đánh mà thắng đều hoan hỉ múa hát và uống rượu thoải thích.

Lý Cử thấy địch trúng kế, liền triệu tập tinh binh và động viên họ tiến đánh đêm nay. Tướng sĩ thấy quân mình ít ỏi so với địch, đều lộ vẻ lo sợ. Lý Cử liền dẫn các tướng sĩ đến trước ngôi miếu thờ Tử Sản, một chính khách lừng danh thời Xuân Thu, mà nghe đồn là vô cùng linh thiêng. Lý Cử đã bí mật dặn dò tùy tướng Quách Tụng và thầy đồng cốt từ trước. Quách Tụng liền khẩn: “Ngài từng phò tá nước Trịnh, khiến các loài ác quỷ không dám kêu loạn, kẻ địch bạo tàn không thể xâm phạm biên cương nước Trịnh một bước. Kính xin Ngài chỉ bảo cho chúng con biết làm thế nào thắng địch trận này!”. Thầy đồng cốt liền phán: “Thần linh bảo rằng Ngài sẽ lập tức cho thần binh đi giúp cùng”.

Tướng sĩ nghe đồng cốt nói được thần binh cùng giúp thì hăng hái hẳn lên. Lý Cử chọn 1000 dũng sĩ do Quách Tụng chỉ huy nhân đêm tối bí mật

tới đại doanh Lưu Sướng. Khi họ xông vào trại giặc chém giết, tướng sĩ của Lưu Sướng vẫn chưa tỉnh rượu. Quân Tấn như đi vào chỗ không người, tiêu diệt mấy ngàn tên địch. Lưu Sướng chạy thoát ra ngoài hạ lệnh cho bọn còn lại rút lui.

Lúc này viện binh Đông Tấn do Thái thú Hà Nội là Quách Hiến chỉ huy cũng vừa kéo đến. Lý Cữ chia binh 3 đạo đuổi địch, đại thắng trở về.

“Bán tiến bán thoái giả, dụ dã”

Nửa tiến nửa lui là địch muốn dụ quân ta.

Triệu Phạm, Triệu Quỳnh dụ Lý Toàn tiến ra mà tiêu diệt

Thời Nam Tống, năm Bảo Khánh thứ 3 (năm 1227), thủ lĩnh nghĩa quân Lý Toàn đầu hàng quân Mông cổ. Đại tướng Mông Cổ phái Lý Toàn xuống phía nam đánh Tống. Lý Toàn dùng binh phục Mông cổ, dẫn quân tới Sở Châu. Tháng 1/1230 (năm Thiệu Định thứ 3), Lý Toàn bất ngờ đem quân từ Sở Châu tiến đánh Dương Châu.

Tướng nhà Tống là Triệu Phạm hẹn với em là Triệu Quỳnh điều một vạn bốn ngàn quân tới Dương Châu cùng chống Lý Toàn. Lý Toàn không hạ được thành, tùy tướng Tôn Hùng đề nghị: “Trong thành rất ít lương thực, nếu ta dựng lũy đất bao vây, thì sau một thời gian trong thành sẽ chết đói”.

Lý Toàn nghe theo, liền bắt mấy chục vạn nông dân quanh vùng cùng với quân lính đắp lũy, đào hào quanh thành, để cắt đứt mọi tiếp tế của quân Tống trong thành.

Triệu Phạm và Triệu Quỳnh nhận ra ý đồ của địch, liền quyết định dẫn quân ra đánh ban đêm. Lý Toàn không kịp đề phòng, bị thương vong rất nặng, bèn dồn quân đóng ở sau dải lũy đất phía tây bắc thành Dương Châu, chỉ để vây chứ không đánh vào thành.

Hai anh em họ Triệu bàn nhau: “Lý Toàn cố thủ chứ không đánh là định để quân ta chết đói. Nếu ta đem quân ra đánh rồi giả thua, hẳn nhất định sẽ đuổi theo...”

Thế là Triệu Phạm phái tùy tướng Lý Hồ dẫn kỵ binh mai phục ở bên thành, tự mình đem bộ binh tới dụ địch. Lý Toàn quả nhiên đem mấy ngàn bộ binh xuất chiến. Triệu Phạm vờ thua, rút chạy. Lý Toàn đuổi đến bên thành, thì đột nhiên kỵ binh phục sẵn đổ ra, tên bắn như mưa, quân Lý Toàn bị thương vong nặng. Quân của Lý Toàn từ phía tây bắc vội đến chi viện, bị hai anh em họ Triệu từ trong thành xông ra đánh quyết liệt, Triệu Phạm lại phái Lý Hồ dẫn năm trăm kỵ binh đánh vào phía sau quân Lý Toàn. Trận đánh diễn ra từ sáng đến chiều thì quân Lý Toàn đại bại.

Tối hôm ấy, trinh sát của Triệu Phạm thấy Lý Toàn mở tiệc ăn uống ở phía tây bắc thành. Anh em họ Triệu bàn nhau, lợi dụng sự khinh địch của đối phương, lại đem quân tiểu đánh. Sáng hôm sau, Triệu Phạm và Triệu

Quy dẫn mấy ngàn quân tinh nhuệ giương cờ tiến về phía tây, cốt cho Lý Toàn nhìn thấy, Lý Toàn liền nói với thuộc hạ bằng giọng tự tin: “Hãy xem ta tiêu diệt sạch quân Tống cho coi!”. Đoàn dẫn quân xông tới. Đồi bên đánh nhau kịch liệt. Nhưng quân Tống dũng mãnh hơn hẳn trước. Lý Toàn không địch nổi, định trở lại lũy đất, thì lúc này Lý Hồ đã chặn mất đường về. Lý Toàn đành đem vài chục kỵ binh chạy về phía bắc.

Triệu Quỳnh dẫn kỵ binh đuổi gấp đến khu vực ao hồ mà Lý Toàn đào ngày trước. Say nhiều ngày nắng, nước cạn hết, trên mặt ao hồ là bùn khô, nhưng bên dưới là bùn nhão. Mấy chục kỵ binh Lý Toàn sa xuống đó, lội bì bõm trong bùn. Quân Triệu Quỳnh đuổi tới nơi giết và bắt sống toàn bộ.

“Điều tập giả, hư dã; dạ huyên giả, khủng dã; quân nhiều giả, tướng bất trọng dã; tinh kỳ động giả, loạn dã; lại nộ giả, quyện dã; túc ma nhục thực, quân vô huyền phẫu; bất phản kỳ xá giả, cùng khẩu dã ”.

Chim chóc đậu trên doanh trại địch là doanh trại bỏ trống. Đang đêm địch hốt hoảng gọi nhau là hiểu hiện hoảng sợ. Quân lính trong doanh trại nhiều loạn là tướng địch không uy nghiêm. Cờ xí ngã nghiêng lộn xộn là đội ngũ quân địch đã rối loạn. Quan quân dễ nổi giận là toàn quân đã mệt mỏi. Dùng lương thực cho ngựa ăn, giết ngựa ăn thịt, thu dọn dụng cụ nấu ăn, lính không trở về trại, là địch đã khốn cùng, định liều chết phá vây.

Khích Chí giỏi quan sát, thấy được thời cơ tiến công

Tháng 4 năm Chu Doãn vương thứ 11 (năm 575 trước Công Nguyên), Tấn Lịch công muốn tranh bá chủ Trung Nguyên với Sở, bèn đem 500 chiến xa, 5 vạn quân vượt Hoàng Hà tiến xuống phía nam, về phía Yên Lăng (tây bắc Yên Lăng, tỉnh Hà Nam), lấy danh nghĩa diệt Trịnh, mục đích là đánh Sở.

Trước khi xuất phát, Tấn Lịch công liên hợp với 4 nước Tề, Lỗ, Vệ, Tống cùng kéo quân đến Yên Lăng hiệp trợ với Tấn, nhưng quân 4 nước kia đều chậm, nên quân Tấn hạ trại ở Yên Lăng để chờ.

Sở Cộng vương nghe tin Tấn xuất binh, vội cất binh tiến lên phía bắc cứu Trịnh. Liên quân Sở —Trịnh cộng lại có 530 chiếc xe và 9 vạn 3 ngàn tướng sĩ. Sở Cộng vương muốn nhân lúc quân bốn nước kia chưa tới, đánh bại quân Tấn trước, bèn hạ lệnh bày trận sát với doanh trại quân Tấn.

Tấn Lịch công cùng các tướng lên đài quan sát quân Sở bày trận. Có tướng chủ trương: hiện tại địch đông ta ít, hãy cố thủ chưa giao chiến, chờ quân 4 nước kia tới hãy cùng đánh. Tướng chỉ huy trung quân là Loan Thư cho rằng sĩ khí quân Sở -Trịnh đang hăng, 3 ngày sau ắt giảm sút, đợi quân 4 nước kia tới mà đánh thì chắc thắng.

Phó tướng Khích Chí sau khi quan sát kỹ thế trận của địch, nói: “Theo thần nghĩ, quân địch có sáu điểm yếu khó khắc phục. Do đó thần cho rằng nên lập tức tiến công đánh bại đối phương”.

Tấn Lịch công và các tướng đều nghe. Khích Chí nói: “Xin hãy nhìn! Thứ nhất, quân Sở có nhiều lính già, lính già thì không thiện chiến. Thứ hai, quân Trịnh bày trận rối loạn, chứng tỏ chưa được luyện tập, thiếu kỷ luật. Thứ ba, quân sĩ đôi phương lớn tiếng cãi cọ nhau, không có thể thống...”. Tấn Lịch công cảm thấy Khích Chí có lý, Khích Chí nói tiếp: “Quân hai nước cứ ngó lẩn nhau, không có dũng khí lâm trận. Chẳng những quân 2 nước ấy sẽ không phối hợp với nhau, mà ngay trong nội bộ quân Sở, 2 tướng chỉ huy trung quân và tả quân cũng hiềm khích nhau...”

Tấn Lịch công và các tướng tán đồng cách phân tích của Khích Chí và quyết định lập tức tấn công. Lúc này, 1 tướng Sở sang hàng Tấn đang đứng

phía sau Tấn Lịch công, vốn nắm vững tình hình quân Sở, liền nói thêm: “Bộ phận tinh nhuệ của quân Sở là ở trung quân. Nếu ta đánh tả quân và hữu quân trước, rồi hãy đánh trung quân, thì chắc thắng”. Tấn Lịch công nghe theo. Loan Thư hạ lệnh tập trung lực lượng tinh nhuệ đánh hữu quân Sở cùng quân Trịnh. Đang lúc tiến công, chiến xa của Tấn Lịch công bỗng bị sa xuống bùn lầy. Loan Thư thấy vậy vội tiến lại để mời nhà vua chuyển sang chiến xa của mình. Con trai của Loan Thư là Loan Châm lớn tiếng trách cha: “Trọng

trách của cha là chỉ huy toàn quân, há có thể xao lãng!”. Loan Thư tỉnh ngộ, liền tiếp tục lo chỉ huy đại quân tiến công.

Sở Cộng vương thấy Tấn Lịch công bị sa lầy trong bùn, liền dẫn quân xông tới định bắt sống, Tướng Ngụy Kỳ của Tấn vội giương cung bắn Sở Cộng vương, Sở Cộng vương bị trúng tên vào mắt trái, nén đau nhổ mũi tên, bật luôn cả con mắt ra. Lúc này chiến xa của Tấn Lịch công cũng đã thoát khỏi sa lầy, nhà vua hạ lệnh đuổi theo Sở Cộng vương. Quân Sở hay tin vua Sở bị thương thì lo sợ, lại thấy quân Tấn tràn đến như sóng biển thì tưởng rằng quân của các nước khác đã tới, nên lập tức rối loạn, thua chạy về bờ nam sông Dĩnh.

Nguyên soái trung quân của Sở là Tử Phán chinh đốn xong đội ngũ, chuẩn bị để sớm mai tái chiến, liền uống rượu một mình để giải sầu. Ban đêm, Sở Cộng vương triệu tập các tướng lại bàn chiến sự, Tử Phán say rượu chưa tỉnh nên không đến được. Sở Cộng vương thấy nguyên soái còn như vậy, liền quyết định lui quân ngay trong đêm.

Hôm sau, quân Tấn tiến đến thì thấy trong doanh trại quân Sở còn bỏ lại rất nhiều lương thực, của cải không mang đi kịp. Tấn Lịch công liền hạ lệnh mở tiệc cùng mừng công ngay trong doanh trại quân Sở.

Quân Tấn nghỉ ngơi 3 ngày rồi kéo quân về nước. Trong chiến dịch này tướng Khích Chí có tài quan sát; Tấn Lịch công biết chớp thời cơ xuất kích, mặc dù liên quân bốn nước kia chưa tới cuối cùng vẫn lấy ít thắng nhiều, đánh bại Sở hùng mạnh, khiến chư hầu bá phục, củng cố địa vị bá chủ của Tấn ở Trung Nguyên.

“Lai ủy tạ giả, dục hưu tức dã”

Phái sứ giả đến tặng quà và nói năng mềm mỏng, là địch muốn ngưng chiến.

Thượng Tỳ Tỳ trước theo sau chống, thẳng địch

Thời Đường Võ Tông, năm Hội Xương thứ hai (năm 842), chúa Thổ Phiên là Đạt Ma chết. Đạt Ma không có con trai. Ái phi của Đạt Ma họ Lâm lập đứa cháu 3 tuổi của mình là Khất Ly Hồ lên ngôi, toàn hộ quyền bính đều do Lâm thị nắm giữ.

Thừa tướng Kết Đô vào gặp Khất Ly Hồ không chịu hành lễ, nói: “Hoàng tôn còn nhiều người, nay lập người khác họ lên ngôi thì ai chịu tuân lệnh đây?” Nói đoạn khóc ầm lên và bỏ ra. Lâm thị đưa mắt cho tả hữu, chúng liền đuổi theo bắt Kết Đô lại, đem chém đầu.

Luận Khủng Nhiệt là Thảo lục sứ ở Lạc Môn Xuyên nghe tin ấy liền xưng làm tướng quốc, liên minh với Tiết độ sứ Thanh Hải, cất quân chống Lâm thị, gọi quân mình là nghĩa binh, thực tế muốn cướp ngôi.

Tướng quốc Thổ Phiên là Thượng Tư La đem quân đánh với Luận Khủng Nhiệt ở Vị Châu, bị thua. Luận Khủng Nhiệt chiếm Vị Châu.

Tiết độ sứ Thiện Châu của Thổ Phiên là Thượng Tỳ Tỳ hay chữ, giỏi mưu lược, trí dũng, biết cách cầm quân. Luận Khủng Nhiệt sợ Thượng Tỳ Tỳ đánh vào hậu phương của y, liền quyết định trước hết hãy tiêu diệt Thượng Tỳ Tỳ.

Tháng 6 năm Đường Hội Xương thứ ba, Luận Khủng Nhiệt dẫn quân đánh Thiện Châu. Khi quân đến Trấn Tây, đột nhiên cuồng phong nổi lên, sấm chớp ghê gớm, binh sĩ khó bề hành tiến. Đột nhiên một lần chớp loé, đồng cỏ bốc cháy, mấy chục người và mấy trăm ngựa, cừu bị sét đánh hoặc bị chết cháy. Luận Khủng Nhiệt sợ hãi, không dám tiếp tục tiến quân.

Thượng Tỳ Tỳ nghe tin đó, nói với thuộc hạ: “Luận Khủng Nhiệt kéo quân tới đánh, hẳn coi chúng ta như cỏ rác, không chịu nổi một đòn của chúng. Nay gặp thiên tai không dám tiến nữa. Chúng ta nên giả hộ hàng phục cho chúng kêu ngạo mà không đề phòng, chúng ta có thời gian xây dựng lực lượng, chờ thời cơ hành động”. Thuộc hạ nghe vậy đều tán đồng.

Thế là Thượng Tỳ Tỳ phái người mang nhiều lễ vật, dê cừu đến tặng cho địch. Thượng Tỳ Tỳ còn viết thư gửi Luận Khủng Nhiệt: “Tướng quốc đem

quân tiêu trừ quốc nạn, chỉ cần cử một người đem thư đi là đủ để ai cũng phải tuân theo, hà tất tướng quốc phải thân chinh vất vả, kẻ hèn này chỉ biết dăm ba chữ, những mong được sống yên lành nơi thôn dã”.

Luận Khủng Nhiệt thấy tặng phẩm và đọc lời lẽ trong thư thì hoan hỉ, đưa thư cho thuộc hạ xem và nói: “Thượng Tỳ Tỳ chỉ là gã thư sinh đâu biết cầm quân đánh trận. Đợi ta làm vua, ta sẽ cho hẳn 1 chức quan là yên”. Đoạn viết thư trả lời khen ngợi Thượng Tỳ Tỳ, rồi yên tâm rút quân.

Thượng Tỳ Tỳ biết Luận Khủng Nhiệt trúng kế, vỗ đùi cười: “Thổ Phiên chúng ta nếu không có chúa, thì qui thuận nhà Đường, chứ khi nào lại thần phục hạng dê chó như hẳn!”.

Thượng Tỳ Tỳ dùng thời gian ba tháng để chiêu mộ binh mã và chuẩn bị mọi mặt. Đến tháng 9, cử 2 tướng Bàn Kết Tâm và Mãnh La Tiết đem 5 vạn tinh binh bất ngờ tấn công Đại Hạ Xuyên, là đại doanh của Luận Khủng Nhiệt.

Đại quân đến phía nam Đạt Hà Châu, thì Mãnh La Tiết dẫn bốn vạn quân mai phục trong hẻm núi, Bàn Kết Tâm dẫn 1 vạn quân mai phục trong rừng liễu, phái 1000 kỵ binh lên núi phóng tên vào trong thành. Các mũi tên có gài thư lẳng mạ Luận Khủng Nhiệt.

Luận Khủng Nhiệt cả giận, lập tức chỉ huy mấy vạn binh mã xông ra đuổi đánh, đến sát rừng liễu thì bị quân Bàn Kết Tâm ngăn chặn, thương vong không ít. Sau một hồi giao chiến, Bàn Kết Tâm giả bộ chống không nổi, liền chạy. Luận Khủng Nhiệt đuổi ngót chục dặm vào hẻm núi. Đột nhiên phục binh tứ phía tràn ra, tiếng hò hét chém giết vang động một góc trời. Quân Luận Khủng Nhiệt bị chia cắt thành nhiều đoạn, hỗn loạn.

Đúng lúc ấy trong hẻm núi bỗng nổi gió lớn, đá lở rào rào, nước khe tràn ra lênh láng, quân Luận Khủng Nhiệt đứ đờ bị giết, đứ đờ chết đuối, thân phơi ngổn ngang. Chỉ còn mười mấy tướng sĩ hộ vệ Luận Khủng Nhiệt chạy khỏi hẻm núi, lại bị phục binh phục kích, cuối cùng, chỉ còn một mình Luận Khủng Nhiệt phóng ngựa chạy thoát.

“Bình phi đa ích, duy vô võ tiến, túc dĩ tịnh lực, liệu địch, thủ nhân nhi dĩ. Phù duy vô lực nhi dị địch giả, tất cầm ư nhân ”

Đánh trận không cốt ở quân đông, không nên khinh địch tiến liều, mà cần tập trung lực lượng, phán đoán tình hình, tranh thủ sự tín nhiệm và ủng

hộ của cấp dưới là đủ. Kẻ đã không nhìn xa trông rộng, lại khinh địch, thì ắt sẽ bị bắt làm tù binh.

Tiêu Huệ khinh địch, mất hết quân

Tháng Giêng năm Liêu Trọng Hi thứ 17 (năm 1048), Tây Hạ vương Triệu Nguyên Ngô qua đời, Liêu chúa phái sứ giả sang phân ưu. Sứ giả trở về báo lại rằng sau khi Nguyên Ngô chết, con là Lượng Tộ mới lên hai, toàn bộ quyền hành nằm trong tay Thái hậu và thân tộc, các tướng bất hoà.

Liêu chúa Gia Luật Tông Chân nghe vậy, cho rằng đây là thời cơ tiến công Tây Hạ, cấp tốc điều động binh mã chuẩn bị.

Tháng 6,7 năm sau, quân Liêu chia làm ba đạo: Hàn quốc vương Tiêu Huệ chỉ huy Nam lộ quân, Đô thống Gia Luật Đạt Hoà Khắc chỉ huy Bắc lộ quân, Liêu chúa thân chinh dẫn Trung lộ quân, sai Bắc viện đại vương Gia Luật Nhân Tiên làm tiên phong, lần lượt tiến sang Tây Hạ.

Nam lộ quân của Tiêu Huệ có nhiều chiến hạm và thuyền lương kéo dài hàng trăm dặm, khí thế ghê gớm.

Tiêu Huệ là lão tướng của Liêu, từng trải trăm trận, lập nhiều chiến công. 5 năm trước, vì khinh địch tiến quá sâu vào Tây Hạ. Tiêu Huệ đã bị thất bại. Lần này Tiêu Huệ phân tích tình hình, cho rằng vua Tây Hạ mới 2 tuổi, quyền bính ở cả trong tay một người đàn bà, đại quân Liêu chỉ cần qua biên giới là Tây Hạ sẽ phải đầu hàng.

Quân Liêu tiến vào đất Tây Hạ mấy chục dặm, vẫn không thấy bóng dáng đối phương đâu. Tiêu Huệ sinh nghi, phái một tiểu đội đi trước trinh sát. Trinh sát lâu không về. Tiêu Huệ nóng ruột, hạ lệnh cho quân đội cứ tiến. Lúc này chiến mã phải dùng để kéo xe lương, kỵ binh phải đi bộ, hoàn toàn không chuẩn bị để tác chiến. Thuộc hạ thấy tình hình đó liền nói với Tiêu Huệ: “Quân ta từ xa kéo đến, chưa biết bố phòng của địch ra sao, thì không nên tiến sâu, mà nên hạ trại, đề phòng bất trắc”.

Tiêu Huệ cười: “Các người nghĩ quá kỹ! Đại quân ta tiến đến, Lượng Tộ ắt sẽ thân chinh ra tiếp rước xa giá của Liêu chúa vào thành, há còn thời gian đón ta! Tự dừng hạ trại đề phòng làm gì cho tốn công vô ích!”, đoạn lệnh tiếp tục tiến quân.

Nào ngờ Tây Hạ nghe tin quân Liêu xâm nhập, đã đem quân bố trí ở những nơi hiểm yếu chờ đợi quân địch, sẵn sàng đón đánh.

Trung lộ quân của Liêu chúa Gia Luật Tông Chân sau khi vượt sông, không gặp địch thủ, đã rút quân về. Tiêu Huệ không biết, cứ thế thúc quân tiến tới.

Hôm đó quân Tiêu Huệ vừa hạ trại, chưa kịp bố phòng, đã được trinh sát phi báo: “Phía trước có đại quân địch ...” Tiêu Huệ không tin, cho rằng tên lính kia nói bậy làm rối lòng quân, định quát đem chém, thì lúc ấy tiếng trống trận và hò reo của quân Tây Hạ đã vọng tới. Trong phút chốc, kỵ binh Tây Hạ như mãnh hổ xông vào đàn dê, quân Liêu hết hoảng ứng chiến, không kịp mặc áo giáp. Nhiều tướng sĩ chỉ kịp lên ngựa bỏ chạy. Quân Tây Hạ bắn tên theo như mưa. Được mấy chục dũng sĩ hộ vệ, Tiêu Huệ mới chạy thoát. Tiêu Huệ thu thập tàn quân, thấy chỉ còn non nửa, con trai của Tiêu Huệ tử trận. Tiêu Huệ ý thế quân đông, không đoán đúng tình hình, lặp lại sai lầm chủ quan khinh địch 5 năm trước.

“Lệnh chi dĩ văn, tề chi dĩ võ, thị vị tất thủ ”

Phải mềm mỏng, độ lượng để làm cho quân sĩ đồng lòng; dùng quân pháp nghiêm minh để làm cho quân sĩ chỉnh tề nhất trí, thì mới có thể khiến họ kính sợ và phục tùng.

Thích Tục Quang chọn kỹ, luyện nghiêm, quân đội tinh nhuệ

Cuối thời kỳ Minh Gia Tĩnh, miền duyên hải đông nam phòng vệ lỏng lẻo, binh lính thiếu hụt, giặc Oa (hải tặc Nhật) thừa cơ xâm nhập. Vùng duyên hải Giang Chiết giàu có luôn bị giặc Oa cướp bóc, hàng chục vạn dân bị thiệt hại, nơm nớp lo sợ.

Triều Minh từng phái quân đánh vào sào huyệt giặc Oa, cũng có trận thắng, nhưng vì Minh Thế Tông Chu Hậu Thông u mê, lẫn lộn phải trái, giết oan người có công chống giặc Oa, nên bọn hào lý địa phương câu kết với giặc Oa làm hại dân chúng, tai họa càng trầm trọng.

Năm Gia Tĩnh thứ 34 (năm 1555), triều đình cử Thích Tục Quang làm Tham tướng, chỉ huy quân vụ ba phủ Ninh Ba, Thiệu Hưng và Đài Châu (nay là Lâm Hải).

Quân do Thích Tục Quang chỉ huy được điều từ Sơn Đông, Hà Bắc, Quảng Tây tới, kỷ luật lỏng lẻo, kém năng lực tác chiến, nghe giặc đến đã khiếp sợ, nhưng với dân thì lại ác như lang sói.

Thích Tục Quang đau xót trước sự hủ bại của quan quân, xin thượng cấp cho chọn 3000 tráng sĩ để luyện binh. Năm lần bảy lượt đề xuất mới được Tổng đốc Hồ Tôn Hiến chấp thuận vào năm 1559.

Tháng 9 năm đó, Thích Tục Quang đến vùng Nghĩa Ô, Vĩnh Khang chiêu mộ tân binh. Do uy tín của Thích Tục Quang, số người đến dự tuyển mộ rất đông. Thích Tục Quang chọn quân rất kỹ. Những quân nhân từng bại trận, những ai làm tạp dịch cho quan phủ mà nhiễm thói xâu quan cách... đều bị loại. Phần lớn tuyển người là nông dân khoẻ mạnh, dũng cảm hoặc là thợ mỏ.

Thích Tục Quang tuyển hơn 4000 tráng sĩ, liền tiến hành giáo dục và huấn luyện. Ông yêu cầu binh sĩ phải bảo vệ dân, phải nghiêm chỉnh thực hiện nhiệm vụ, “giữ đúng quân pháp, anh đừng giết giặc, không quấy nhiễu trăm họ, thì nhất định dân sẽ ủng hộ quân đội”. Việc huấn luyện sát với thực tế chiến đấu, lập công báo quốc mới được coi là võ nghệ chân chính, khi huấn luyện thì căn cứ vào độ tuổi, sức vóc, thể chất mà giao cho sử dụng những binh khí thích hợp. Trong khi luyện tập ông bắt binh sĩ phải mang áo

giáp, đeo thêm vật nặng tăng dần để rèn thể lực, luyện chân tay. Ông dạy họ lập các thế trận và cách biến hoá như Uyên Trương trận, Lương Nghi trận, Tam Tài trận v.v... cùng các phương pháp bảo vệ mình, tiêu diệt giặc. Hiệu lệnh, chiêng trống, cờ xí đâu ra đó, in thành sách phát cho binh sĩ học thuộc lòng, ai quên bị phạt. Ông rèn luyện cho họ quen chịu đựng đói rét, nghiêm cấm hành động phá hoại cây cối, hoa màu, gian dân, giết hại tù binh v.v... Thích Tục Quang luôn tự mình làm gương, cùng binh sĩ đồng cam cộng khổ, yêu cầu “quan thì phải gương mẫu, quan quân đồng lòng vạn người như một”.

Trong tác chiến, ông thường phạt rất nghiêm minh, đáng được thưởng thì dù ghét mấy cũng phải thưởng, đáng bị phạt thì thân mấy cũng phải phạt. Có một người thân tín đã theo Thích Tục Quang nhiều năm, nhưng trái lệnh cũng vẫn bị chém đầu.

Nhờ cách quản lý, huấn luyện ấy mà sau thời gian ngắn, Thích Tục Quang đã có 1 đội quân tinh nhuệ, thiện chiến, dũng cảm, có kỷ luật và tổ chức chặt chẽ, đánh đâu thắng đó, khiến giặc Oa tan tác, chạy dạt ra các hoang đảo, nhân dân yêu mến gọi đội quân ấy là “Thích gia quân”.

“Lệnh sách hành giả, dữ chúng tương đắc dã”

Thời binh mà mệnh lệnh được chấp hành nghiêm chỉnh thì chứng tỏ tướng lĩnh đã thu phục lòng quân, trên dưới hoà hợp.

Gia Cát Lượng trong lúc khó khăn, giữ đúng chữ tín

Thời Tam Quốc, năm Kiến Hưng thứ 9 (năm 231), Gia Cát Lượng nhà Thục Hán chế tạo trâu gỗ chở lương, lần 4 cất quân ra Kỳ Sơn đánh Ngụy.

Ngụy Minh đế Tào Duệ thân chinh đến Trảng An chỉ huy chiến đấu, lệnh Tư Mã Ý cùng các tướng Trương Cáp, Phí Vi, Tần Lãng, Quách Hoài đem hơn 30 vạn quân nghênh chiến quân Thục.

Tư Mã Ý điều động binh mã, để Phí Vi, Tần Lãng đóng trại ở Thượng Quê, còn mình dẫn đại quân đến thẳng Kỳ Sơn.

Gia Cát Lượng thấy quân Ngụy đông đảo, uy thế hùng mạnh thì không dám khinh địch, lệnh bộ đội chiếm lĩnh thế núi hiểm yếu mà chờ địch. Quân 2 bên dàn trận đối diện nhau, bên này có thể nghe tiếng trống, nhìn thấy cờ xí bên kia, tùy tình hình đối phó.

Đúng vào thời kỳ căng thẳng đó, thì bên quân Thục có 8 vạn lính đã mãn hạn quân dịch, đang chờ tân binh đến thay thế để được về quê. Phía quân Ngụy binh lực đông hơn 30 vạn, doanh trại san sát hàng mấy dặm. 8 vạn quân Thục mãn hạn nếu rút về, lực lượng quân Thục sẽ mỏng đi trông thấy, các tướng đều lo.

8 vạn binh sĩ cũng lo lắng, chỉ sợ tình hình chiến sự thế này nguyện vọng hồi hương bao lâu nay của họ khó được thực hiện. Các tướng liên tiếp lên gặp Gia Cát Lượng đề nghị kéo dài thời gian tại ngũ của 8 vạn binh sĩ kia, chờ đánh xong chiến dịch hãy cho về.

Gia Cát Lượng kiên quyết cự tuyệt: “Người chỉ huy ba quân phải lấy việc tuyệt đối thủ tín làm căn bản, ta há có thể vì nhu cầu nhất thời mà thất tín với quân dân!”

Ngừng một chút, Gia Cát Lượng nói tiếp: “Huống hồ anh em binh sĩ mãn hạn không còn bụng dạ nào ở đây, cha mẹ vợ con ở quê nhà tựa cửa mong họ sớm về đoàn tụ”. Đoạn hạ lệnh cho các đơn vị thúc giục số binh sĩ mãn hạn mau chóng lên đường hồi hương.

Lệnh vừa ban ra, số binh sĩ kia không ngờ sự việc biến chuyển như vậy, ai nấy cảm động chảy nước mắt. Song họ không chịu về, nói: “Thừa tướng

đổi đãi với chúng tôi ơn nặng như núi, chúng tôi nguyện ở lại liều chết giết địch báo ơn”. Rồi họ tự nguyện ghi tên vào danh sách xin ở lại chiến đấu. Các binh sĩ khác được cổ vũ mạnh mẽ bởi hành động đó, ai nấy sẵn sàng quyết chiến với quân Ngụy.

Trong giờ phút hệ trọng, Gia Cát Lượng nhờ biết giữ chữ tín mà lệnh hồi hương kia đã trở thành lệnh động viên chiến đấu. Ông liền nghĩ kế bố trí phục binh tại Mộc Môn. Tướng tiên phong quân Ngụy là Trương Cáp, một dũng tướng, bị dụ vào trận địa mai phục và trúng tên mà chết. Quân Thục dũng mãnh tấn công, quân Ngụy thua to, Tư Mã Ý phải dẫn quân rút chạy.

THIÊN X: ĐỊA HÌNH

Địa hình hữu thông giả, hữu quái giả, hữu chi giả, hữu ải giả, hữu hiểm giả, hữu viễn giả. Ngã khả dĩ vãng, bĩ khả dĩ lai, viết thông. Thông hình giả, tiên cư cao dương, lợi lương đạo, dĩ chiến tắc lợi. Khả dĩ vãng, nan dĩ phản, viết quái. Quái hình giả, địch vô bì, xuất nhi thắng chi; địch nhược hữu bì, xuất nhi bất thắng, nan dĩ phản, bất lợi. Ngã xuất nhi bất lợi, bĩ xuất nhi bất lợi, viết chi. Chi hình giả, địch tuy lợi ngã, ngã vô xuất dã, dẫn nhi khứ chi, lệnh địch bán xuất nhi kích chi, lợi. ải hình giả, ngã tiên cư chi, tất doanh chi dĩ đãi địch; nhược địch tiên cư chi, doanh nhi vật tòng, bất doanh nhi tòng chi. Hiểm hình giả, ngã tiên cư chi, tất cư cao dương dĩ đãi địch; nhược địch tiên cư chi, dẫn nhi khứ chi, vật tòng dã. Viễn hình giả, thế quân, nan dĩ khiêu chiến, chiến nhi bất lợi. Phàm thử lục giả, địa chi đạo dã, tướng chi chí nhiệm, bất khả bất sát dã.

Cố binh hữu tấu giả, hữu thi giả, hữu hãm giả, hữu băng giả, hữu loạn giả, hữu bắc giả. Phàm thử lục giả, phi thiên chi tai, tướng chi quá dã. Phù thế quân, dĩ nhất kích thập, viết tấu. Tốt cường lại nhược, viết trì. Lại cường tốt nhược, viết hãm. Đại lại nộ nhi bất phục, ngộ địch đối nhi tự chiến, tướng bất tri kỳ năng, viết băng. Tướng nhược bất nghiêm, giáo đạo bất minh, lại tốt vô thường, trần binh tung hoành, viết loạn. Tướng bất năng liệu địch, dĩ thiếu hợp chúng, dĩ nhược kích cường, binh vô tuyển phong, viết bắc. Phàm thử lục giả, bại chi đạo dã, tướng chi chí nhiệm, bất khả bất sát dã.

Phù địa hình giả, binh chi trợ dã. Liệu địch chế thắng, kế hiểm ách viễn cận, thượng tướng chi đạo dã. Tri thử nhi dụng chiến giả tất thắng, bất tri thử nhi dụng chiến giả tất bại. Cố chiến đạo tất thắng, chúa viết vô chiến, tất chiến khả dã; chiến đạo bất thắng, chúa viết tất chiến, vô chiến khả dã. Cố tiến bất cầu danh, thoái bất tị tội, duy dân thị bảo, nhi lợi hợp ư chúa, quốc chi bảo dã.

Thị tốt như anh nhi, cố khả dữ chi phó thâm khê; thị tốt như ái tử, cố khả dữ chi câu tử. Hậu nhi bất năng sử, ái nhi bất năng lệnh, loạn nhi bất năng trị, thí nhược kiêu tử, bất khả dụng dã.

Tri ngô tốt chi khả dĩ kích, nhi bất tri địch chi bất khả kích, thắng chi bán dã; tri địch chi khả kích, nhi bất tri ngô tốt chi bất khả dĩ kích, thắng chi bán dã; tri địch chi khả kích, tri ngô tốt chi khả dĩ kích, nhi bất tri địa hình chi bất khả dĩ chiến, thắng chi bán dã. Cổ tri binh giả, động nhi bất mê, cử nhi bất cùng. Cổ viết: tri bỉ tri kỷ, thắng nãi bất đãi; tri thiên tri địa, thắng nãi khả toàn.

Dịch nghĩa:

Địa hình có 6 loại: thông, quải, chi, ải, hiểm, viễn.

- Thông là ta có thể đi, địch có thể đến. Ở địa hình này, ai chiếm trước chỗ cao, bảo đảm đường vận chuyển lương thực thông suốt mà tác chiến thì có lợi.

- Quải là nơi tiến đến thì dễ và trở lui thì khó. Ở địa hình này, nếu địch không phòng bị, ta có thể bất ngờ đánh thì thắng; nếu địch có phòng bị, ta đem quân đánh mà không thắng, thì khó rút về, thật là bất lợi.

- Chi là nơi ta tiến đến bất lợi, địch tiến đến cũng bất lợi. Ở địa hình này, địch dù đem lợi nhử ta, ta cũng chớ xuất kích, mà nên giả thua, rút đi, nhử địch tiến ra nửa chừng hãy đem quân trở lại công kích, thì ta được lợi.

- ải là nơi đất hẹp, ở địa hình này ta nên chiếm lĩnh trước kẻ địch mà chờ chúng đến. Nếu địch chiếm trước ta mà dùng nhiều quân giữ cửa ải, thì ta không nên đánh, còn nếu địch không nhiều binh phong tỏa các cửa ải thì ta có thể tiến đánh.

- Hiểm là nơi hiểm trở. Ở địa hình này nếu ta chiếm lĩnh trước kẻ địch, thì nên đóng ở chỗ cao, dễ quan sát, chờ địch tới; nếu địch đã chiếm trước thì ta nên lui quân, chớ đánh.

- Viễn là nơi xa rộng. Ở địa hình này thế lực đôi bên ngang nhau thì không tiện khiêu chiến, nếu miễn cưỡng đánh thì bất lợi.

6 điều trên là nguyên tắc lợi dụng địa hình, tướng lĩnh trọng trách không thể không xét cho kỹ.

Việc binh có 6 tình huống tất bại là tẩu, trì, hãm, băng, loạn, bắc; không phải do tai họa trời đất, mà do sai lầm của tướng lĩnh gây nên.

- Tẩu là địa thế như nhau mà lấy 1 chọi 10, ắt phải thua chạy.

- Trì là binh sĩ hăng hái mà chỉ huy nhu nhược.
- Hãm là chỉ huy hăng hái mà binh sĩ nhu nhược, tất nhiên kém sức chiến đấu.
- Bãng là chỉ huy nổi giận mà binh sĩ không phục, gặp địch cứ tự ý xuất chiến, chủ tướng lại không hiểu năng lực của binh sĩ ắt sẽ bại như núi lở.
- Loạn là tướng lĩnh nhu nhược, không uy nghiêm, huấn luyện không bài bản, quan hệ trên dưới không có thể thống, bày trận lộn xộn, tự mình làm rối mình.
- Bặc là tướng lĩnh không biết phán đoán chính xác tình hình địch, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, tác chiến lại không có lực lượng mũi nhọn, ắt bại.

6 tình huống ấy là nguyên nhân dẫn đến thất bại, tướng lĩnh nhận trọng trách phải xét cho kỹ.

Địa hình là điều kiện hỗ trợ cho việc dùng binh. Phán đoán tình hình, giành lấy thắng lợi, khảo sát địa hình lợi hại, tính toán xa gần, đó là cách mà 1 tướng giỏi phải nắm vững. Nắm vững phương pháp rồi mới chỉ huy tác chiến thì chắc thắng; không nắm vững phương pháp đã chỉ huy tác chiến thì ắt thua.

Cho nên, sau khi phân tích qui luật chiến tranh, thấy đánh chắc thắng, dù vua bảo không đánh, vẫn kiên trì đánh; thấy đánh ắt thua, dù vua bảo nhất định phải đánh, cũng có thể không đánh. Tiến không cầu danh vọng chiến thắng, lui không sợ tội phạm lệnh, chỉ cốt bảo vệ lợi ích của dân chúng và quốc gia, tướng lĩnh như vậy mới thực sự là người quý báu của đất nước.

Đối xử với sĩ tốt như với con em, họ sẽ cùng mình xông pha vào nơi hung hiểm; coi sĩ tốt như con yêu, họ sẽ cùng sống chết với mình.

Hậu đãi quân sĩ mà không sử dụng, nuông chiều quân sĩ mà không giáo dục, phạm pháp mà không trừng phạt, thì họ khác nào những đứa con hư hỏng, chẳng thể dẫn đi chiến đấu.

Chỉ biết quân mình có thể đánh, mà không hiểu có thể đánh địch được hay không, thì mới có nửa phần thắng. Biết địch có thể đánh được chúng, mà không hiểu quân mình có đánh nổi không, cũng mới có nửa phần thắng. Biết kẻ địch có thể đánh bại được, biết quân mình cũng có thể đánh nổi, mà

không hiểu địa hình bất lợi cho việc tác chiến, thì thắng lợi cũng chỉ mới nắm chắc phân nửa.

Cho nên, người biết dùng binh thì hành động quyết không mê muội, sử dụng chiến thuật biến hoá khôn cùng. Vì vậy mới nói: biết địch biết ta, thắng mà không nguy; nắm vững thiên thời, địa lợi sẽ giành thắng lợi hoàn toàn.

Tóm tắt nội dung:

Thiên này là lý luận sớm nhất của Trung Quốc về địa hình học liên quan đến quân sự. Tôn tử tập trung luận giải về tầm quan trọng của việc lợi dụng địa hình, đề xuất những nguyên tắc cơ bản về tác chiến trong địa hình khác nhau, phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tình hình địch với địa lý quân sự.

Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của thực tế chiến đấu và cách bày trận cụ thể trong tác chiến đương thời, Tôn tử trình bày tường tận phương pháp dùng binh thích hợp với 6 loại địa hình. Coi địa hình là điều kiện hỗ trợ cho việc dùng binh, Tôn tử chủ trương tướng lĩnh phải chú trọng quan sát và lợi dụng địa hình, gắn liền việc phán đoán tình hình địch với việc lợi dụng địa hình “liệu địch chế thắng, kế hiểm dị viễn cận, thượng tướng chi đạo dã”.

Tôn tử tiếp đó luận về những nguyên nhân khiến cho tướng lĩnh sai lầm dẫn tới thất trận. Tôn tử phân tích lục bại, trong đó cái chính là do người, chứ không phải do ý trời, “phi thiên chi tai, tướng chi quá dã”. Ông nêu ra yêu cầu nghiêm khắc về đạo đức của tướng lĩnh “tiến bất cầu danh, thoái bất tị tội, duy dân thị bảo”. Trong thiên này, Tôn tử còn nói rõ nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa người chỉ huy với binh sĩ, chủ trương tướng lĩnh phải yêu mến, quan tâm đến binh sĩ, đồng thời phải nghiêm trị bằng kỷ luật, kết hợp “yêu” với “ng nghiêm”, thưởng với phạt. Lý luận trị quân như thế là một tiến bộ so với đương thời.

“Ái hình giả, ngã tiên cư chi, tất doanh chi dĩ dĩ dĩ địch; nhược địch tiên cư chi, doanh nhi vật tòng, bất doanh nhi tòng chi”

Ở địa hình đất hẹp, ta nên chiếm lĩnh trước kẻ địch mà chờ chúng đến. Nếu địch chiếm trước ta mà dùng nhiều quân giữ cửa ải, thì ta không nên đánh, còn nếu địch không dùng nhiều binh phong tỏa cửa ải thì ta có thể tiến đánh.

Lý Tiết chiếm đường hẹp, mai phục đánh quân phiến loạn

Sau loạn A Sử, triều Đường suy yếu thêm, các phiên trấn nổi lên cát cứ từng phương. Thế lực cát cứ Hoài Tây của Lý Hi Liệt trong quá trình đánh dẹp, mở rộng dần lãnh thổ, nuôi dã tâm chống triều đình. Năm 782, Lý Hi Liệt lại cấu kết với quân phản loạn, tự xưng Thiên hạ đô nguyên soái. Năm 784 còn tự xưng hoàng đế nước Sở, lấy niên hiệu Võ Thành.

Đường Đức Tông Lý Tạo liền cử danh tướng mang đại quân đánh dẹp, đôi bên đều tổn thất nặng. Lý Hi Liệt ngã bệnh.

Tháng 4/786, đại tướng ở Hoài Tây là Trần Tiên Cơ mua chuộc thầy thuốc chữa bệnh, đầu độc Lý Hi Liệt chết, rồi đem quân đầu hàng, được triều đình phong làm Tiết độ sứ Hoài Tây.

Tháng 7, Hoài Tây binh mã sứ Ngô Thiếu Thành từng được Lý Hi Liệt trọng dụng lại giết Trần Tiên Cơ, tự xưng Tiết độ lưu, rồi mật phái người chiêu hồi Ngô Pháp Siêu là kẻ được Trần Tiên Cơ cho nắm giữ binh mã Hoài Tây. Ngô Pháp Siêu nhận được mật thư liền cất quân về theo. Triều đình cho quân truy đuổi, bị Ngô Pháp Siêu đánh bại.

Triều đình lệnh cho Quan sát sứ Lý Tiết đem quân ngăn chặn, không để quân Hoài Tây vượt Hoàng Hà. Lý Tiết được lệnh, lập tức phái Đường Anh Ngạn dẫn binh đến Linh Bảo chặn đánh.

Lúc này quân Hoài Tây đã dàn trận ở bờ nam Hoàng Hà, gần Linh Bảo. Để địch không cướp bóc dân chúng, Lý Tiết sai quan lại địa phương mang lương thực đến cho chúng. Hôm sau, quân Hoài Tây đến cách Thiểm Châu 7 dặm, hạ trại, rồi phái binh đánh Thiểm Châu để cướp lương thực.

Lý Tiết nghe tin, liền sai 400 dũng sĩ chia 2 cánh, mai phục ở 2 phía đông tây con đường hẹp Thái Nguyên là nơi quân Hoài Tây sẽ phải đi qua. Lý Tiết dặn họ: “Khi quân Hoài Tây đi qua được mười tốp rồi, thì cánh mai phục phía đông hô giết”, cánh phía tây hưởng ứng hô “giết”, nhưng không ngăn cản mà cứ để chúng rút chạy”.

Lý Tiết lại tập trung thiếu niên các thôn xóm gần đó mang cung tên, dao mác, gạch đá bí mật theo sau quân địch, khi nghe tiếng hét chém giết của

phục binh thì cũng hô “giết” ầm lên. Lại cử Đường Anh Ngạn dẫn 1.500 quân dàn trận ở khe núi phía bắc.

Canh tư hôm sau, quân Hoài Tây đi qua đường hẹp Thái Nguyên, bỗng nghe phục binh hai bên hô giết, liền bỏ chạy tán loạn về khe núi phía bắc, bị quân Đường Anh Ngạn đánh cho tan tác, tướng Trương Sùng Hiến bị quân Đường bắt sống.

Lý Tiết đoán địch sẽ theo đường núi chạy về phía nam, liền phái tướng Yên Tử Sở dẫn 400 quân đến Trường Thủy chờ sẵn.

Quân Hoài Tây đã 2 ngày không được ăn, lại bị Đường Anh Ngạn đuổi gấp phía sau, Ngô Pháp Siêu quả nhiên dẫn tàn binh chạy về phía Trường Thủy.

Yên Tử Sở đã ung dung chờ sẵn ở đó, xông ra chém giết gần hết, kể cả chủ tướng Ngô Pháp Siêu. Triều đình lo Lý Tiết thiếu quân, phái 5000 lính bộ binh và kỵ binh tới tăng viện nhưng khi viện binh tới, thì Lý Tiết đã diệt xong quân phiến loạn.

“Hiểm hình giả, ngã tiên cư chi, tất cư cao dương dĩ đãi địch, nhược địch tiên cư chi, dân nhi khứ chi, vật tòng dã”

Ở địa hình hiểm trở, nếu ta chiếm lĩnh trước địch thì nên đóng ở chỗ cao, dễ quan sát, chờ địch tới. Nếu địch đã chiếm lĩnh trước, thì ta nên lui quân, chờ đánh.

Quách Tiến chiếm nơi hiểm trở chặn quân Liêu

Thời Bắc Tống, tháng Giêng năm Thái Bình hưng quốc thứ tư (năm 979), sau khi bình định phương nam, Tống Thái Tông Triệu Quang Nghĩa triệu tập quần thần hàn kế hoạch tiến đánh Bắc Hán.

Chúa Bắc Hán là Lưu Tục Nguyên xưng đế ở Thái Nguyên rồi hàng phục nước Liêu. Thời Tống Thái Tổ, quân Tống mấy phen tiến đánh Bắc Hán đều bị quân Liêu đến cứu Hán, đánh chẳng nổi phải rút về. Vì vậy quần thần đều phản đối xuất binh, chỉ riêng Khu mật sứ Tào Bân, sau khi phân tích kỹ tình thế, chủ trương bắc phạt.

Tống Thái Tông nghe Tào Bân phân tích có lý, liền quyết định thân chinh xuất quân đánh Bắc Hán, cử Phàn Khương tiến đánh Thái Nguyên, Quách Tiến chặn quân Liêu tiếp viện.

Liêu Cảnh Tông Gia Luật Hiên nghe tin quân Tống đánh Thái Nguyên, liền phái sứ giả đến hỏi lý do tại sao quân Tống đánh Bắc Hán. Tống Thái Tông đáp: “Bắc Hán không chịu nghe lệnh ta, ta phải đến hỏi tội. Nếu Liêu không giúp Hán thì hòa ước Tống -Liêu còn hiệu lực. Bằng không, nước Tống ta không sợ chiến tranh”. Sứ giả Liêu thấy Tống Thái Tông nói cứng, đành hậm hực ra về.

Chúa Bắc Hán Lý Tục Nguyên thấy quân Tống kéo đến đánh lại do Tống Thái Tông thân chinh đốc chiến, thì hoảng sợ cho người sang cầu cứu Liêu. Liêu Cảnh Tông lập tức phái Tể tướng Gia Luật Sa làm đô thống cùng Dực vương Đáp Nhĩ đem quân gấp đi cứu Hán. Gia Luật Sa đi rồi, Liêu cảnh Tông chưa an tâm lại lệnh cho Nam Viện đại vương Gia Luật Tà đem quân hiệp trợ.

Gia Luật Sa tiến quân đến dãy núi Bạch Mã, thấy quân Tống đã chiếm lĩnh cao điểm hiểm yếu, mà giữa hẻm núi lại có một dòng suối rộng, nước chảy xiết, rất khó vượt qua.

Gia Luật Sa định hạ trại, đợi quân phía sau đến cùng. Đáp Nhĩ ý mình dũng mãnh nói: “Tướng quân sao lại sợ hãi đến thế! Chúng ta được lệnh đi đánh địch, gặp địch thì phải đánh chứ, kéo bị người đời chê cười cho đó! ”

Gia Luật Sa nói: “Phải thận trọng. Ông nhìn lên núi xem, tinh kỳ quân Tôn Sĩ dày đặc thế kia, chưa biết địch mai phục bao nhiêu binh mã. Ta phải dò xét thực hư rồi mới đánh, kéo sa vào kế phục binh của chúng! Đáp Nhĩ không nghe, cứ dẫn đội tiên phong tiến vào hẻm núi.

Lúc này trên đỉnh Bạch Mã, quân Tống do Quách Tiến chỉ huy bố trí kỳ binh và cung nỏ, thấy quân Liêu vượt khe suối, liền phát cờ, giống trống và la hét ầm ầm, nhưng không tràn xuống đánh. Đáp Nhĩ thấy thế, cho rằng quân Tống chỉ hư trương thanh thế, nên hạ lệnh gấp rút vượt khe, Nhưng mấy ngày trước mưa lớn, khe suối nước chảy xiết, vì thế quân Liêu vượt khe vô cùng vất vả và chậm chạp.

Quách Tiến thấy đội ngũ địch rối loạn, liền phát cờ. Một trận mưa tên trút xuống, quân Liêu tử thương vô số. Tiếp đó kỳ binh tràn xuống, những tên địch lóp ngóp bò lên bờ lại bị hất xuống khe suối cho cuốn băng đi. Đáp Nhĩ cùng con trai và 500 tướng sĩ của y đều bỏ mạng ở trận này.

Quách Tiến thắng trận, viết thư báo tin chiến thắng. Lúc này Tống Thái Tông mới đến Trấn Châu. Nhân được thư, Tống Thái Tông mừng nói: “Lưu Tục Nguyên đã không còn viện binh, hãy mau đánh Thái Nguyên!”

Đầu tháng 5, quân Tống vây đánh Thái Nguyên, cho tháo nước sông tràn vào thành. Lưu Tục Nguyên chờ mãi viện binh không tới, lại phái sứ giả sang cầu cứu Liêu. Quách Tiến chiếm ải Thạch Lĩnh. Quân Liêu lần nào tiến công cũng bị đánh lui, không cách gì vượt qua.

Lưu Tục Nguyên thấy viện binh không đến, đành đầu hàng. Khi Nam Viện đại vương của quân Liêu là Gia Luật Tà kéo quân đến gần Thái Nguyên, nghe tin Bắc Hán đã đầu hàng, đành rút quân về.

"Viễn hình giả, thế quân, nan dĩ khiêu chiến, chiến nhi bất lợi "

Ở địa hình xa rộng, thế lực đôi bên ngang nhau thì không tiện khiêu chiến, nếu miễn cưỡng đánh thì bất lợi.

Mông Ca viễn chinh mất mạng, quân mệt phải rút về

Thời Nam Tống, năm Thuần Hựu thứ 11 (năm 1251), Mông Ca kế tục ngôi vị Khả Hãn Mông cổ. Mông Ca chinh đốn nội bộ, ổn định quyền lực, chuẩn bị đánh Nam Tống. Mông Ca tiếp nhận lời dận dò của tiền nhân tiến công Giang Nam, quyết định dùng chiến lược vòng xuống phía Tây Nam rồi đánh vu hồi vào sườn sau của Nam Tống.

Tháng 6/1252, Mông Ca lệnh cho em trai là Hốt Tất Liệt tiến xuống Vân Nam đánh nước Đại Lý.

Khi quân Mông cổ đã chiếm Vân Nam và Tứ Xuyên, Mông Ca cho rằng thời cơ đem đại quân đánh Nam Tống đã chín muồi, thế là năm 1257 liền triệu quần thần bàn kế sách diệt Tống.

Hốt Tất Liệt vừa từ Vân Nam về, nói Nam Tống chưa đến lúc diệt vong, nền kinh tế Mông cổ chưa đủ mạnh, điều kiện diệt Nam Tống chưa đủ, nên chủ trương chưa nên xuất binh. Mông Ca không nghe.

Tháng 2/1258, Mông cổ chia làm ba đạo quân, dốc toàn bộ lực lượng nam tiến. Mông Ca thân chinh dẫn trung quân, chủ lực, chuẩn bị trước đánh Tứ Xuyên, sau đó từ Quý Môn men sông mà tiến sang phía đông.

Hốt Tất Liệt cùng mưu sĩ và tùy tướng của mình cho rằng cách tiến quân như vậy không tốt: chủ lực tiến vào Tứ Xuyên, sẽ bị núi cao, khe sâu hạn chế, đường sá hiểm trở rất khó vận động, địch có thể dựa vào địa thế hiểm trở mà cố thủ; hơn nữa suốt dọc đường dân cư rất thưa thớt, không có lương thực bổ sung, có đạt được mục đích thì quân đội cũng đã kiệt sức.

Mông Ca vẫn ngoan cố giữ nguyên kế hoạch hành quân của mình. Tháng 4, Mông Ca dẫn 4 vạn quân tiến vào Tứ Xuyên. Khi qua Thiểm Tây, có Lưu Mẫn là lão thần đang nghỉ chữa bệnh tại gia đến xin yết kiến Mông Ca và nói: “Trung Nguyên đất rộng dân nghèo, đại vương viễn chinh chỉ e bất lợi. Xin đại vương lui binh về thì hơn”. Mông Ca không nghe.

Sau khi vào Tứ Xuyên, quân Mông cổ liên tục tiến công chiếm cứ các nơi mất quá nửa năm, vô cùng mệt mỏi. Tháng 2/1259 mới tiến đến thành Diệu Ngự.

Mông Ca muốn qua Quỳnh Môn ở phía đông để hội với đạo quân phía nam diệt Tống, tất phải chiếm được Trùng Khánh nhưng hiện tại đang bị thành Điều Ngự ngăn trở. Thành này có địa thế hiểm yếu, ở nơi ba dòng sông Giá Lãng, sông Bồi và sông Cừ hợp lưu, khống chế phía thượng du, che đỡ cho Trùng Khánh. Thành ở trên núi cao, bốn bề vách núi cheo leo, dễ thủ khó công.

Tri châu Vương Kiên giữ thành quyết tâm chống địch. Trong thành có 1 vạn quân và 9 vạn dân. Vương Kiên động viên quân dân tu sửa thành quách, tích trữ lương thực, đào giếng trữ nước, chuẩn bị chu đáo mọi mặt.

Mông Ca thấy thành Điều Ngự khó hạ, liền sai Tấn Quốc Bảo là viên quan Nam Tống đầu hàng vào thành dụ địch. Tấn Quốc Bảo vào làm thuyết khách cho quân Mông cổ, Vương Kiên liền sai trói hãm lại. Đoạn tập hợp tướng sĩ lời Tấn Quốc Bảo ra chém đầu, rồi tuyên thệ: “Từ nay, nếu có kẻ nào dám mở miệng nói hàng, thì sẽ chịu chung số phận nhục nhã như họ Tấn kia. Nếu bản quan có hành vi phản bội, xin các vị cứ việc chém đầu bản quan”. Tướng sĩ ai nấy hô to: “Nguyện cùng tướng quân báo đáp triều đình!”

Mông Ca thấy dụ hàng không xong, liền sai tùy tướng Uông Đức Thần vây đánh thành Điều Ngự, bắt hơn 8 vạn dân chúng quanh vùng. Lệnh cho Nữ Vũ đem quân tới Lâm Thị làm cầu nổi để ngăn chặn quân Tống ở hạ du Trường Giang lên tiếp viện; lại thân chinh dẫn quân vượt sông Cừ đến sát thành Điều Ngự. Vương Kiên ra sức cố giữ thành.

Đến cuối tháng 3, quân Mông cổ đã sử dụng đủ mọi thứ khí tài đánh thành, song không hạ nổi. Tháng 4, có lần quân Mông cổ sắp phá được một quãng thành để vào, nhưng Vương Kiên lợi dụng đêm tối lại đánh lui quân địch.

Sau đó, liên tục 20 ngày trời mưa lớn, quân Mông cổ khó lòng tiến đánh, thêm vào đó quân Mông cổ không hợp thủy thổ, bị bệnh dịch, sức chiến đấu giảm hẳn.

Mông Ca triệu tập các tướng bàn cách. Túc vệ Lai A Bát Xích cho rằng đánh thành bất lợi, chi bằng để lại một lực lượng nhỏ giám sát Trùng Khánh, Điều Ngự, còn chủ lực thì đến Quỳnh Châu hội quân với Hốt Tất Liệt mà đánh Lâm An. Có tướng cho rằng nên tiếp tục vây đánh Điều Ngự, có

tướng chủ trương nên rút quân về nước. Mông Ca nhất thời khó bề quyết định.

Việc thành Điều Ngư được giữ vững mấy tháng đã cổ vũ mạnh tinh thần quân Nam Tống. Hoàng đế Tống Lý Tông cử Lã Văn Đức làm thứ sử Tứ Xuyên, đem quân ngược dòng Trường Giang từ Nhạ Xuyên lên tăng viện cho Tứ Xuyên. Lã Văn Đức tiến đến Bồi Châu, phá vỡ vòng vây phong tỏa và cầu nối của quân Mông Cổ, đầu tháng 6 tiến đến Trùng Khánh. Sau đó Lã Văn Đức chỉ huy hơn 1000 chiến thuyền vượt sông Giá Lăng tăng viện cho thành Điều Ngư, nhưng tới gần Hiệp Xuyên thì bị quân Mông Cổ chặn đánh, phải lui về Trùng Khánh.

Sau khi đánh bại viện binh của Nam Tống, Mông Ca lại đốc thúc đại tướng Ôn Đức Thần chọn tinh binh ban đêm dùng thang tấn công thành Điều Ngư. Đồi bên thương vong nặng nề. Sáng hôm sau, Ôn Đức Thần đích thân cưỡi ngựa đến dưới thành khuyến hàng. Y đang nói thì trên thành có 1 hòn đá lớn ném xuống trúng vào tay phải y. Tay trái y cầm cờ cũng buông thông xuống.

Tướng lĩnh chủ yếu của quân Mông cổ bị trọng thương, trời lại mưa như trút, dùng thang đánh thành không xong, quân Mông Cổ đành lui. Chiều tối hôm ấy, Ôn Đức Thần chết trong trại. Đánh mãi không hạ được, Mông Ca lo lắng, sai dựng mọi đài cao để quan sát cách bố phòng trong thành.

Vương Kiên nghe báo, lên đầu thành quan sát, thấy Mông Ca đang đôn đốc dựng đài, liền hạ lệnh chuẩn bị pháo kích đài quan sát của địch.

Mông Ca cùng tùy tướng vừa bước lên đài cao mới dựng xong, thì đột nhiên bị máy bắn đá từ trong thành nã ra tới tấp. Quân Mông Ca ở dưới chân đài thương vong nặng, chính Mông Ca cũng bị thương nặng, mấy hôm sau thì chết.

Quân Mông cổ đành rút về nước. Mông Ca mù quáng đem quân viễn chinh trong khi không có gì chắc chắn, hậu quả chính mình bỏ mạng, quân đội thảm bại. Nhờ đó, vương triều Nam Tống còn tồn tại thêm 20 năm nữa.

Thế quân, dĩ nhất kích thập, viết tẩu ”

Tẩu là địa thế như nhau mà lấy một chọi mười, ắt phải thua chạy.

Ngô Hán đánh Thục, trước thua sau thắng

Thời Đông Hán, tháng 10 năm Kiến Võ thứ 11 (năm 35 sau CN), quân Hán đánh Thục liên tiếp thắng lợi, khi vào thời điểm quan trọng tới gần Thành Đô, thì chủ tướng Sầm Bành bị chúa Thục là Công Tôn Thuật cử người đến giết chết.

Vị tướng quan trọng thứ hai của quân Hán là Ngô Hán đóng quân ở Quảng Đô. Mùa thu năm sau (năm 36), Quang Võ đế Lưu Tú hạ chiếu nhắc nhở Ngô Hán: “Thành đô có hơn 10 vạn binh mã, không thể coi thường. Khanh nên cố thủ ở Quảng Đô, chớ chủ động xuất kích, chờ quân Thục tiến đánh, khi mệt mỏi rồi hãy xuất kích thì mới thắng được”.

Nhưng Ngô Hán muốn thắng sớm, không nghe theo lời nhắc của Lưu Tú, dẫn hơn hai vạn quân đến dựng trại ở bờ bắc sông Cấm, cách Thành Đô 10 dặm, chuẩn bị đánh Thành Đô.

Ngô Hán lại phái phó tướng Lưu Thượng đem hơn một vạn quân hạ trại ở bờ nam sông Cấm, cách doanh trại của Ngô Hán bên bờ bắc hai chục dặm, thành thế phân ly.

Lưu Tú nghe tin đó, lập tức phái người mang chiếu chỉ tới Ngô Hán. Lưu Tú cho rằng hai phái Hán -Thục có điều kiện địa lý như nhau, mà quân số Thục đông hơn hẳn, nếu khinh địch tiến sâu như vậy, lại tách biệt với cánh quân của Lưu Thượng, lỡ quân Thục đem đại quân vây đánh Ngô Hán, đồng thời đánh Lưu Thượng, thì quân Hán bại chắc.

Nhưng chiếu chỉ chưa tới, thì Công Tôn Thuật đã cử hai tướng Tạ Phong, Viên Cát đem 10 vạn quân tiến công Ngô Hán. Công Tôn Thuật lại phái một tướng khác dẫn hơn vạn quân khống chế Lưu Thượng, để ngăn cách Lưu Thượng với Ngô Hán.

Ngô Hán chỉ huy binh mã đánh nhau dữ dội suốt một ngày với quân Thục, cuối cùng vì lực lượng chênh lệch nên thua to, phải rút vào doanh trại. Tướng Thục Tạ Phong cho quân bao vây doanh trại quân Hán.

Ngô Hán thua trận, vội triệu tập chư tướng lại để nói rõ tình hình: “Quân ta tiến quân ngàn dặm, trận nào cũng thắng, nay vừa tiến sâu vào vùng địch

thì lại bị bại, bị bao vây tách rời với cánh quân của Lưu Thượng. Trước mắt chỉ có cách bí mật rút sang bờ nam, hội quân với Lưu Thượng để chống địch, mới có hi vọng thắng. Đây là giờ phút quyết định thành bại”.

Các tướng tán thành chủ trương của Ngô Hán. Thế là đóng cửa doanh trại liền ba ngày nghỉ ngơi, không xuất chiến. Đêm ngày thứ ba, Ngô Hán hạ lệnh người ngậm tăm, ngựa buộc miệng, lặng lẽ gấp rút vượt sông, hành quân gấp 20 dặm hội quân với Lưu Thượng.

Các tướng Thục không quan sát được hành động của quân Hán. Sáng hôm sau, thấy quân Hán bên bờ bắc đã rút hết sang bờ nam, mới đem chủ lực đuổi theo. Quân Hán tập trung binh lực liều chết kháng cự. Quân Thục không biết chủ lực của Ngô Hán đã hợp với Lưu Thượng, lại chia quân thành 2 cánh ở 2 bên bờ sông Cấm, nên bị thua to, cả 2 tướng Tạ Phong, Viên Cát đều tử trận.

Thế là Ngô Hán dẫn đại quân lui về Quảng Đô, để Lưu Thượng ở lại đối phó với quân Thục. Đồng thời Ngô Hán gửi sứ về triều cho Lưu Tú nhận lỗi.

Lưu Tú trả lời Ngô Hán và dặn trong chiếu chỉ: “Khanh trở về Quảng Đô là đúng. Công Tôn Thuật chưa dám tấn công Lưu Thượng. Nếu Công Tôn Thuật cứ đánh Lưu Thượng, thì khanh hãy đem quân tới cứu, chờ cho kẻ địch mệt mỏi hãy đánh, nhất định sẽ thắng”.

Sau đó Ngô Hán làm theo đúng chiếu chỉ của Lưu Tú, đóng quân ở Quảng Đô chờ cơ hội hành động. Cuối cùng, 8 lần giao chiến với quân Thục đều có ưu thế về binh lực, trong điều kiện địa thế ngang nhau, đều chiến thắng, chiếm được các vùng phụ cận Thành Đô.

“Tốt cường, lại nhược, viết trì”

Binh sĩ hăng hái mà chỉ huy nhu nhược, thì gọi là “trì” (lời lỏng).

Điền Bố không điều động được quân, phải tự sát

Tiết độ sứ Ngụy Bác là Điền Lý An là một thế lực cát cứ hùng mạnh, bất chấp cả triều đình nhà Đường. Năm Đường Hiến Tông Nguyên Hoà thứ bảy (năm 812), tháng 8, Điền Lý An chết bệnh, con trai còn nhỏ. Bộ Xạ đô tri binh mã Điền Hưng thừa cơ làm binh biến, qui thuận triều đình; Đường Hiến Tông phong cho Điền Hưng làm Tiết độ sứ địa khu Ngụy Bác.

Năm sau, Đường Hiến Tông ban cho Điền Hưng danh Huyện Chinh. Huyện Chinh phế bỏ một số chế độ qui định hà khắc, được tướng sĩ Ngụy Bác ủng hộ. Huyện Chinh lại lập công trong việc dẹp yên bọn phản loạn, nên triều đình phong thêm tước Kiểm hiệu tư đồ, đồng bình chương sự.

Tháng 10/820, Tiết độ sứ Thành Đức là Vương Thừa Tông chết bệnh, em trai là Vương Thừa Nguyên quyết định qui thuận triều đình, chờ chỉ dụ của nhà vua. Đường Mục Tông liền giao cho Điền Huyện Chinh đến Thành Đức làm Tiết độ sứ. Chức Tiết độ sứ Ngụy Bác do Lý Tố tiếp nhận.

Điền Huyện Chinh sau khi đến Thành Đức, thì con cháu ý thế của ông mà ăn chơi cực kỳ xa xỉ, khiến tướng sĩ rất phẫn nộ.

Năm sau, thuộc hạ của Điền Huyện Chinh là Vương Đình Tấu làm binh biến, giết Điền Huyện Chinh cùng thuộc hạ và gia quyến hơn 300 người, rồi tự xưng làm tiết độ sứ, buộc giám quân Tống Duy Đăng dâng sớ đề nghị triều đình chuẩn y.

Tiết độ sứ Ngụy Bác là Lý Tố nghe tin đó liền mặc đồ tang, nói với tướng sĩ: “Sở dĩ Ngụy Bác được an ninh, giàu có như hôm nay hoàn toàn là nhờ công lao của Điền Huyện Chinh. Nay Điền Công bị giết hại, chúng ta nên báo đáp thế nào đây?”

Tướng sĩ đau đớn khóc lóc. Lý Tố liền lấy bảo kiếm tặng cho Thứ sử Thâm Châu (huyện Thâm, tỉnh Hà Bắc) là Ngưu Nguyên Dực và nói: “Điền Công từng dùng thanh kiếm này lập công lớn, ta cũng đã dùng nó dẹp yên loạn quân, nay ta tặng kiếm này cho tướng quân, hi vọng tướng quân dùng nó diệt trừ Vương Đình Tấu”.

Ngưu Nguyên Dực nhận kiếm, đáp: “Tôi nguyện hết lòng báo đáp”.

Khi Lý Tố chuẩn bị cất quân, thì đột ngột phát bệnh, không thể xuất chinh. Các đại thần triều đình cho rằng chỉ có quân Ngụy Bác dũng mãnh mới dẹp nổi Vương Đình Tấu. Mà quân Ngụy Bác chỉ kính phục Điền Huyền Chinh, Điền Bồ là con trai của Điền Huyền Chinh có tài, vậy để Huyền Bồ đem quân xuất chinh mới mong thắng lợi. Đường Mục Tông hạ chiếu phong Điền Bồ làm tiết độ sứ Ngụy Bác và lệnh cho chàng lập tức đi Ngụy Bác nhậm chức.

Điền Bồ sinh trưởng ở Ngụy Bác, biết tướng sĩ nơi đó dũng mãnh nhưng khó sai khiến; chàng khóc mà chối từ. Nhưng Đường Mục Tông và quần thần kiên quyết đòi chàng phải đi. Bất đắc dĩ, Điền Bồ đành từ biệt vợ con lên đường.

Điền Bồ tới Ngụy Bác, Lý Tố đang còn ốm đau, bàn giao công việc cho Điền Bồ và dặn: “Quân Ngụy Bác từ sau khi qui thuận triều đình, quen được triều đình ban thưởng hậu, sinh ra binh kiêu tướng phú, rất khó điều động”.

Vương Đình Tấu ở Thành Đức nghe tin Điền Bồ đến thay Lý Tố, vội điều binh đến vây đánh Thâm Châu. Thứ sử Thâm Châu là Ngô Nguyên Dực binh lực yếu, vội cho người đến Ngụy Bác cầu cứu.

Điền Bồ chuẩn bị đem binh đi cứu, nhưng tiền lương cho tướng sĩ triều đình lại chưa chuyển đến kịp. Thứ sử Thành là tướng tiên phong lại xúi giục quân sĩ đòi phải lĩnh lương mới chịu đi. Thế là việc binh bị trì hoãn mấy tháng, Điền Bồ đem hết tiền bạc trong kho ra cấp cho tướng sĩ cũng không đủ.

Mùa xuân năm 822, Điền Bồ mới có thể cất quân đánh Vương Đình Tấu. Lúc này thời tiết vô cùng lạnh giá, quân sĩ không chịu nổi đói rét, tiến binh rất chậm. Điền Bồ hạ lệnh thu tô thuế dọc đường để bổ sung cho quân đội. Thứ sử Thành thừa cơ hỏi vặn: “Chi tiêu của quân đội phải do triều đình chu cấp, nay Điền thượng thư lại vơ vét của dân để vỗ béo triều đình là có làm sao? Dân chúng ở đây có tội tình gì?”. Điền Bồ không biết nói sao.

Đúng lúc ấy triều đình lại hạ chiếu yêu cầu Điền Bồ tách một phần binh mã cho Tiết độ sứ Thâm Châu Lý Quang Nhan để cứu nguy Thâm Châu. Thế là binh lực của Điền Bồ càng yếu thêm cho nên vừa giao chiến với quân của Vương Đình Tấu đã bị đánh bại. Tướng sĩ ngã theo Thứ sử Thành mà không theo lệnh của Điền Bồ.

Sau khi trở về Ngụy Bác. Điền Bõ triệu tập chư tướng bàn cách xuất quân lần nữa, các tướng nói: “Nếu thượng thư thoát ly triều đình, thì chúng tôi nguyện theo cùng, ngược lại, chúng tôi sẽ không đi đánh nhau nữa”. Điền Bõ định nói thêm thì họ đã bỏ cả ra ngoài.

Điền Bõ thở dài: “Chẳng nên công cán gì!”. Đoạn viết biểu gửi triều đình: “Thần thấy tướng sĩ cuối cùng đều quên ơn nước. Thần bất tài không làm gì được, nguyện lấy cái chết báo đền...”. Đoạn giao tờ biểu cho Lý Thạch rồi bước vào nội thất.

Điền Bõ tới trước bài vị Điền Huyền Chinh khóc lạy: “Con chỉ có thể dùng cách này để tạ tội với cha”. Rồi rút gươm đâm vào ngực tự sát. Lúc ấy chàng mới 38 tuổi.

Sử Hiến Thành thấy Điền Bõ đã chết, liền tự xưng Tiết độ sứ báo về triều đình. Vua tôi trong triều mê muội, không truy xét sự tình, đồng ý để Sử Hiến Thành làm tiết độ sứ. Sử Hiến Thành bề ngoài quy thuận triều đình, thực ra ngầm ngầm liên kết với quân phiến loạn, cát cứ một phương.

“Lại cường tốt nhược, viết hãm ”

Chỉ huy hăng hái mà binh sĩ nhu nhược, tất nhiên kém sức chiến đấu, gọi là “hãm”

Phù Dung đơn độc bị tử trận ở Phì Thủy

Phù Dung là em út của Tiên Tần chúa Phù Kiên, người dân tộc Đê, từ nhỏ đã thông minh hơn người, lớn lên có thân hình cao lớn sức vóc đặc biệt, tinh thông binh pháp, trăm người khó địch nổi. Phù Dung học giỏi, nói năng hùng hồn, hạ bút thành thơ, quần thần đều kính phục tài văn chương của chàng.

Phù Kiên vô cùng yêu quý Phù Dung, cho là chàng có thể làm tể tướng trong triều, đại tướng ba quân, liền phong cho Phù Dung làm Thị trung, trung thư giám, đô đốc trung ngoại chư quân đại tướng quân, mọi việc trong triều đều bàn tính với chàng. Năm thứ nhất Đông Tấn Lý Võ đế thái nguyên (năm 376), sau khi diệt Tiên Yên năm 370, diệt Tiên Lương, Tiên Tần lại cử binh đánh Tấn, chiếm Nang Dương, thống nhất phần lớn phương Bắc, đương đầu với Đông Tấn ở phương nam, thế lực mạnh yếu đã rõ, nhưng muốn diệt Đông Tấn không dễ.

Tháng 10/382, năm Thái nguyên thứ bảy, Phù Kiên triệu văn võ bá quan vào điện Thái Cực bàn kế sách đánh Đông Tấn để thống nhất thiên hạ, nhưng ý kiến quần thần mỗi người một khác. Phù Kiên thất vọng, cho quần thần lui ra, chỉ lưu lại một mình Phù Dung. Phù Kiên nói: “Phàm đại sự quốc gia đều do 1,2 người quyết định. Việc này phải do 2 anh em ta quyết định thôi”.

Phù Dung chủ trương chưa đánh Đông Tấn, chàng nói: “Hiện tại đánh Tấn có 3 cái khó. 1 là năm nay U Châu bị hạn hán cả ngàn dặm, thiên thời bất lợi cho ta. 2 là nước Tấn ổn định, nội bộ đoàn kết, không có kẽ hở để lợi dụng. 3 là quân ta chinh chiến liên miên, binh sĩ mỗi mệt, trăm họ đều ngại chiến tranh. Do đó, những vị nói là không nên đánh Tấn đều là trung thần, mong bệ hạ suy xét”.

Phù Kiên sầm mặt, nói: “Ta có quân trăm vạn, binh khí chất cao như núi, lại từng bao phen thắng trận, nay đi đánh 1 nước đang ở bên bờ diệt vong thì có gì phải sợ?”.

Phù Dung ứa nước mắt, nói: “Kinh đô hiện có vô số dân Tiên Ti, Khương, Kiệt, là những người có mối thâm thù diệt quốc với ta, nếu bệ hạ

nam chinh, kinh đô chỉ lưu thái tử với vạn quân già yếu, lỡ xảy ra bất trắc thì có hối đã muộn. Kiến giải của hạ thần dù kém cỏi, song di ngôn của Vương thừa tướng chắc bệ hạ chưa quên?” Nghe nhắc đến Vương thừa tướng, Phù Kiên giật mình. Tiền Tần có được ngày hôm nay, chủ yếu nhờ công của Vương Mãnh. Phút lâm chung, Vương Mãnh có dặn Phù Kiên: “Triều Tấn tuy chỉ đóng ở Giang Nam, nhưng Tất Cảnh là người kế thừa chính thống Trung Hoa, hơn nữa nội bộ chặt chẽ, sau khi tôi chết, chớ đánh Tấn vội”.

Phù Kiên vốn coi Vương Mãnh như Gia Cát Lượng, mọi kế sách đều nghe theo, nay Tất Cảnh đã chết, Phù Kiên vốn luôn nghĩ cách đánh Tấn, cho nên bèn phẩy tay cho Phù Dung lui ra.

Phù Kiên nuôi chí “thống nhất 4 biển” từ lâu, không dễ gì bỏ kế hoạch đánh Tấn, bèn triệu Mộ Dung Thùy là người dân tộc Tiên Ti, tỳ tướng nước Yên sang hàng, vào cung thương nghị.

Mộ Dung Thùy vẫn nuôi chí khôi phục nước Yên, đang chờ cơ hội nay đúng là cầu được ước thấy, bèn nói: “Xưa nay cá lớn nuốt cá bé là thông lệ, bệ hạ có tướng giỏi binh mạnh, mặc sức vẫy vùng, hà tất phải để cái xứ Giang Nam cỏn con kia cho đời sau chinh phục”.

Mộ Dung Thùy thấy Phù Kiên lộ vẻ vui sướng, liền khích thêm: “Nếu việc gì cũng phải nghe ý kiến mọi người thì sao thống nhất nổi Trung Nguyên?” Phù Kiên cả mừng nói: “Chỉ riêng khanh có thể cùng ta bình định thiên hạ mà thôi!”

Tháng 7/383 (năm Tấn Thái Nguyên thứ 8), Phù Kiên lệnh động viên tiến công Đông Tấn. Quan lại địa phương ra sức bắt tráng đinh, trưng thu ngựa và lương thực, trăm họ oán thán vô cùng.

Tháng 8, Phù Kiên cử Phù Dung làm chinh nam tướng quân dẫn 25 vạn quân có tướng Trương Hào, Mộ Dung Thùy làm tiên phong Trung lộ quân đi trước thẳng đến Thọ Dương. Sai thủ lĩnh dân tộc Khương là Diêu Trường làm Long Tướng tướng quân, dẫn Tây lộ quân men Trường Giang tiến sang phía đông. Đông lộ quân thì từ châu U, châu Ký qua Bành Thành tiến xuống phía nam.

Phù Kiên thân chinh dẫn chủ lực trung quân xuất phát từ Tràn An. Các đạo quân tổng cộng 90 vạn, gấp rút tấn công, tinh kỳ rợp trời, thủy lục cùng

tiến, khí thế oai hùng.

Tin Phù Kiên cất đại quân nam hạ truyền đến Kiến Khang, làm triều đình Đông Tấn cả sợ. Hiếu Võ đế Tư Mã Diêu vội cử Thừa tướng Tạ An làm đại đô đốc toàn quyền phụ trách quân đội.

Tạ An đảm lược hơn người, đã chuẩn bị đối phó với cuộc chiến của Tiền Tấn nên rất bình tĩnh. Ban ngày cười ngửa dạo chơi, buổi tối đánh cờ tới khuya. Tướng sĩ thấy thừa tướng ung dung như vậy, hẳn đã có mưu kế, nên dần họ cũng yên tâm.

Thực ra Tạ An luôn theo dõi hướng hành động của đại quân Phù Kiên. Khi Tạ An đã xác định rõ hướng chủ công của Phù Kiên là Hoài Hà, còn các hướng khác chỉ mang tính phối hợp. Ông lệnh cho Hồ Bân đem 5000 thủy quân tăng viện chiến lược cho yếu địa Thọ Dương. Lại lệnh cho Tạ Huyền làm tiên phong đô đốc chỉ huy 8 vạn “Bắc phủ binh” do Tạ Huyền chiêu mộ và huấn luyện, rất thiện chiến, đi đón đánh Phù Kiên đồng thời cử em trai mình là Tạ Thạch thay mặt mình chỉ huy toàn quân.

Tháng 10, Phù Dung dẫn quân tiên phong đánh chiếm Thọ Dương, bắt sống tướng Tấn Từ Nguyên Hi. Hồ Bân hay tin đó liền đưa thủy quân lui về thủ ở Hiệp Thạch.

Phù Dung vây đánh Hiệp Thạch. Hồ Bân thiếu lương thực khó giữ. Phù Dung viết thư báo tin với Phù Kiên và nói thêm: “Binh lực quân địch rất ít cần gấp rút tấn công, nếu không kẻ địch có thể chạy thoát”.

Phù Kiên được thư, bị tình huống cục bộ này lôi cuốn để lực lượng chinh ở lại Hạng Thành, đích thân dẫn 8000 khinh kỵ gấp đến Thọ Dương trực tiếp chỉ huy, định tiêu diệt chủ lực quân Tấn ở dải Thọ Dương rồi mới tiến đánh Kiến Khang.

Phù Kiên vừa bố trí tiến công vừa phái Chu Tự đến doanh trại quân Tấn dụ hàng. Chu Tự vốn là tướng Đông Tấn, 4 năm trước do thua trận mà sang hàng Phù Kiên, lúc này muốn lập công chuộc tội. Khi sang doanh trại Tấn, Chu Tự chẳng những không dụ hàng, mà còn đem toàn bộ tình hình quân Tấn kể cho Tạ Thạch biết.

Tạ Thạch bàn với chư tướng, quyết định nhân lúc 2 cánh quân Tấn bên sườn chưa đến, chủ lực tiến sâu bị tách rời, mà chuyển từ thủ sang công.

Ông phái mãnh tướng Lưu Lao đem 5000 ngàn tinh binh đến Lạc Gian (còn có tên Lạc Thủy nằm giữa Hoài Nam và Định Viễn, tỉnh An Huy).

Lưu Lao lặng lẽ dẫn quân tới Lạc Gian, ngay đêm ấy đột nhiên vượt sông Lạc Thủy bất ngờ tấn công doanh trại quân Tần. Tướng Lương Thành đang ngủ say, giật mình tỉnh dậy ứng chiến, bị “Bắc phủ binh” chém chết. Quân Tần mất chủ tướng tiên phong trở nên rối loạn, nhảy bừa xuống sông mong thoát chết, thành thử bị chết đuối vô số. Chỉ 1 trận này, quân Tần mất hơn một vạn rưỡi người; sĩ khí quân Tần lên cao.

Lưu Lao toàn thắng, lại dẫn “Bắc phủ binh” tấn công Hiệp Thạch. Hồ Bân trong đánh ra, Lưu Lao ngoài đánh vào, quân Tần thua to. Hiệp Thạch được giải vây.

Tạ Thạch, Tạ Huyền lập tức chỉ huy toàn quân thừa thắng tiến mạnh đến bờ đông sông Phì Thủy, đối diện với quân Tần ở bờ Tây.

Trong thành Thọ Dương, Phù Kiên và Phù Dung cùng lên lầu quan sát, thấy tình kỳ quân Tần như rừng, thế trận nghiêm chỉnh. Nhìn về dãy núi Bát Công ở mạn Bắc, rừng cây âm u, không biết có bao nhiêu phục binh tại đó. Phù Kiên bất giác rung mình, nói với Phù Dung: “Rõ ràng địch rất mạnh, sao lại bảo là chúng yếu?”

Quân Tần ở phía bờ đông Phì Thủy có vẻ không vội vượt sông mà chờ hậu quân đến cùng. Thắng bại xem chừng khó đoán. Tạ Huyền lợi dụng tâm lý nóng lòng muốn thắng của Phù Kiên, liền sai sứ giả sang khiêu khích, nêu điều kiện quân Tần phải lui về phía sau một quãng để quân Tần qua sông quyết chiến.

Các tướng bên quân Tần đều phản đối, nhưng Phù Kiên cho rằng nên tương kế tựu kế, chờ khi quân Tần sang sông rồi, sẽ dùng kỵ binh tấn công. Phù Dung cũng tán thành kế đó.

Đến ngày quyết chiến, Phù Kiên nhìn sang phía bờ sông đối diện một hồi, rồi giơ tay ra hiệu cho Phù Dung. Phù Dung hạ lệnh cho quân Tần ở bờ sông lùi lại cho đối phương vượt sông.

Quân Tần phần đông là người các dân tộc bị bắt vào lính, họ không muốn chết thay cho kẻ thống trị là dân tộc Đê. Vừa nghe lệnh thoái lui, họ liền cầm đầu mà chạy, thế trận lập tức rối loạn. Chu Tự ở phía sau thừa cơ

hét to: “Quân Tần thua rồi, quân Tần thua rồi!”. Quân lính phía sau nghe vậy cũng tranh nhau bỏ chạy.

Tạ Huyền chỉ huy 8000 kỵ binh gấp rút vượt sông, tràn lên chém giết. Phía sau quân Tần hàng ngũ tan như núi lở. Phù Dung vội thúc ngựa về phía sau để ngăn chặn. Nhưng binh sĩ lúc này không chịu nghe lệnh, chỉ lo chạy sao cho thoát. Phù Dung cả giận, chém chết mấy người lính và quát: “Kẻ nào trái lệnh phải chết!”. Song quân sĩ tan vỡ tràn tới như nước lũ, Phù Dung bị xô đẩy ngã xuống đất, quân sĩ giày xéo lên thân chàng mà chạy.

“Bắc phủ binh” xông tới, chém chết Phù Dung. Phù Kiên đành bỏ quân mà chạy, lại bị trúng một mũi tên, máu chảy ướt đẫm, song vẫn gục đầu xuống bờm ngựa mà chạy, về đến Hoài Bắc, điểm lại tàn quân, đã mất bảy, tám phần.

Đại quân trăm vạn của Tiền Tần đi đánh Đông Tấn lần này thất bại thảm hại. Phù Kiên đau đớn mất em trai, vô cùng hối hận đã không nghe lời can ngăn năm trước.

“Đại lại nộ nhi bất phục, ngộ địch tử nhi tự chiến, tướng bất tri kỳ năng, viết băng”

Chỉ huy nổi giận mà binh sĩ không phục, gặp địch cứ tự ý xuất chiến, chủ tướng lại không hiểu năng lực của binh sĩ, gọi là “băng”.

Cấp dưới bất trị, quân Tấn thảm bại ở đất Tấn

Giữa thời Xuân Thu, nước Sở dưới sự cai trị của Sở Trang vương ngày càng hùng mạnh. Năm Chu Định vương thứ nhất (năm 606 trước Công Nguyên), Sở Trang vương đem quân vào Trung Nguyên đánh bại dân tộc Nhung ở Lục Hồn.

Trên đường trở về qua Lục (Lạc Thủy), thuộc địa phận của Chu vương, Sở Trang vương dàn quân để thị uy. Chu Định vương vội phái đại thần Vương Tôn Mẫn đến úy lạo. Sở Trang vương hỏi thăm về trọng lượng của bộ cửu đỉnh (chín cái vạc) tượng trưng cho quyền thế của vua Chu, có ý muốn lấy.

Sau khi được xem bộ Cửu đỉnh, Sở Trang vương nghĩ rằng muốn đoạt thiên hạ, ắt phải trước hết tranh giành ngôi bá chủ Trung Nguyên với nước Tấn. Thế là mùa xuân năm Chu Định vương thứ 10 (năm 597 trước Công Nguyên), Sở Trang vương lấy cớ Trịnh theo Tấn chống Sở mà đem quân đánh Trịnh.

Nước Trịnh là cửa ngõ để Tấn tiến vào Trung Nguyên, lại được Tấn bảo hộ. Tấn cảnh công không thể khoan tay nhìn Sở khống chế Trịnh, liền cử Tuần Lâm Phụ làm Trung quân nguyên soái, Tiên Hộc làm phó; Sĩ Hội làm Thượng quân nguyên soái, Khích Khắc làm phó; Triệu Sóc làm Hạ quân nguyên soái, Loan Thư làm phó. 3 quân hùng dũng tiến đi cứu Trịnh.

Khi quân Tấn đến bờ bắc Hoàng Hà, thì hay tin Trịnh đã hàng Sở. Tuần Lâm Phụ bèn triệu tập chư tướng thương nghị. Tuần nói: “Nước Trịnh đã hàng Sở, cứu cũng vô ích; chi bằng ta lui về, chờ khi quân Sở rút đi, hãy tiến đánh Trịnh”.

Các tướng tán thành, riêng trung quân phó soái Tiên Hộc nói: “Nước Tấn ta sở dĩ xưng bá Trung Nguyên là nhờ dựa vào quân đội võ dũng, quần thần tận lực. Nay đã mất nước Trịnh, thấy kẻ địch mạnh lại không dám đánh, thử hỏi có còn xứng với bốn chữ võ dũng, tận lực nữa không?” Đoạn đứng dậy, bỏ ra ngoài, lệnh cho quân sĩ thuộc hạ vượt Hoàng Hà đánh quân Sở.

Tư mã Hàn Quyết nói với Tuần Lâm Phụ: “Tiên Hộc đơn độc tự ý dẫn quân đi, ắt gặp nguy hiểm, cấp dưới không nghe lệnh là lỗi của nguyên soái,

chi bằng hãy cho toàn quân tiến lên, dù đánh không thắng, thì tội ấy mọi người cùng gánh chịu”.

Tuần Lâm Phụ nghĩ nếu cho toàn quân xuất kích, rất có thể chiến thắng, bèn hạ lệnh toàn quân tập trung vượt sông tại huyện Nguyên Dương, Hà Nam, tiến đến đất Tất bày trận.

Nước Trịnh đã hàng phục, Sở Trang vương định đem quân về nước, thấy quân Tấn vượt Hoàng Hà kéo đến mà hiệu lệnh ba quân không nhất trí, bèn đóng quân ở đất Quán, tìm sơ hở của đối phương mà hành động.

Lúc này Trịnh Nang công phái sứ giả đến doanh trại Tấn nói: “Nước Trịnh phải theo Sở là vì thế cô sức yếu không chống nổi, chứ không phải là ăn ở hai lòng. Nay quân Sở mới chiến thắng đang hết sức kiêu ngạo, binh sĩ đã mệt mỏi vì ở ngoài lâu ngày phòng bị sơ hở; nếu quân Tấn tiến công, quân Trịnh hưởng ứng ắt đánh bại quân Sở”.

Sứ giả Trịnh vừa về, Tiên Hộc nói với Tuần Lâm Phụ: “Đánh bại Sở, Trịnh chính là lúc này, ta nên đánh ngay”. Phó soái hạ quân Loan Thư nói: “Người Trịnh lật lọng khó tin, họ sẽ ngồi xem hai bên đánh nhau. Ta thắng họ ngã theo ta, ta thua họ sẽ theo Sở”. Các tướng chia làm hai phe tranh cãi dằng dai.

Tuần Lâm Phụ đang do dự thì có sứ giả nước Sở tới, danh nghĩa là cầu hoà, thực chất thăm dò hư thực. Tuần Lâm Phụ cử Thượng quân nguyên soái Sĩ Hội tiếp sứ. Sứ giả của Sở nói: “Quân Sở tiến đến đây là chiếu theo thông lệ của tiên vương, chỉ bình định Trịnh, chứ không hề đả tặc với Tấn, xin quân đội quý quốc khỏi cần ở lại đất này”.

Sĩ Hội đáp: “Ngày trước Chu Bình vương lệnh cho Tấn và Trịnh phò tá nhà Chu, nay Trịnh ăn ở hai lòng, nên chúng tôi tới hỏi tội, việc này không liên quan đến Sở”. Ý nói Sở nên lui binh.

Tiên Hộc cho rằng trả lời như vậy quá nhu nhược, cau mày khó chịu. Trong thư phúc đáp, Tiên Hộc thay bằng câu: “Đại vương chúng tôi phái chúng tôi tới đây là đuổi các vị ra khỏi nước Trịnh”.

Sở Trang vương thấy nội bộ quân Tấn ý kiến bất đồng rõ ràng, chủ soái không đủ năng lực điều khiển tướng sĩ, thì 1 mặt lại phái sứ giả sang cầu hoà, 1 mặt cho 1 cánh quân đánh thăm dò.

Tuần Lâm Phụ vốn bị buộc phải vượt sông tới đây, thấy quân Sở tới cầu hoà liền đồng ý ngay. Đồi bên vừa ước hẹn gặp nhau ký hoà ước, thì quân Sở khiêu chiến, Tuần Lâm Phụ sai quân ra đuổi đi chứ không chém giết.

2 tướng của Tấn là Ngụy Kỳ, Triệu Chiên muốn nhân cơ hội lập công, bèn giả bộ sang giảng hoà với quân Sở, được Tuần Lâm Phụ chấp nhận, liền kéo quân tấn công. Tuần Lâm Phụ lúc biết thì đã muộn, vội phái chiến xa đi tiếp ứng.

Quân Sở thấy 2 tướng Tấn đơn độc tiến đánh, bèn nhử vào sâu rồi phản kích. Ngụy Kỳ phải tể ngựa chạy trốn, Triệu Chiên bị đuổi gấp, quăng giáp mà chạy vào rừng mới thoát chết. Khi chiến xa của quân Tấn kéo đến, thì quân Sở đã tiêu diệt toàn bộ quân của Ngụy Kỳ, Triệu Chiên và dàn trận chờ đợi. Lệnh doãn của Sở là Tôn Thích Ngao nói: “Ta nên chủ động xuất kích thì hơn là chờ địch tới gần”. Sở Trang vương liền hạ lệnh tấn công, đích thân gióng trống, toàn quân xung sát, nhanh chóng phá tan các chiến xa của quân Tấn, rồi thừa thắng tràn tới doanh trại đối phương.

Tuần Lâm Phụ đang chờ sứ giả Sở đến ký hoà ước, bỗng nghe tiếng trống trận, tiếng chém giết vang động góc trời, vội bước ra khỏi trường thì thấy quân Sở dày đặc tràn đến như nước lũ. Quân Tấn bị địch đánh tới trước mặt, sau lưng là sông Hoàng Hà. Tuần Lâm Phụ liền hét lớn: “Ai rút qua Hoàng Hà trước sẽ được thưởng”.

Quân Tấn tranh nhau lên thuyền để qua sông. Nhiều thuyền không có người biết lái, ra đến giữa dòng thì bị bắt, hoặc nghiêng hẳn đi. Quân lính rơi xuống sông vội bám lấy mạn thuyền để leo lên. Tướng sĩ trên thuyền chẳng tay chém chết những người ấy. Quân Sở thấy cảnh đó cũng chẳng truy đuổi nữa, mà để cho tàn quân Tấn rút sang bên kia sông.

Trận chiến giữa Sở và Tấn ở đất Tất kết thúc. Phía quân Tấn, tướng lĩnh không nghe lệnh chỉ huy cấp trên, chủ soái lại không có khả năng điều khiển, dẫn đến thảm bại. Từ đó, nước Tấn chẳng còn uy tín gì với các chư hầu ở Trung Nguyên, còn Sở Trang vương thì bắt đầu xác lập bá quyền của mình.

“Tướng nhược bất nghiêm, giáo đạo bất minh, lại tốt vô thường, trần binh tung hoành, viết loạn”

Tướng lĩnh nhu nhược, không uy nghiêm, huấn luyện không có bài bản, quan hệ trên dưới không có thể thống, bày trận lộn xộn, tự mình làm rối mình, gọi là “loạn”

Lý Tông Kha không trị nổi kiêu binh, để mất thiên hạ

Thời Ngũ đại Hậu Đường, năm Trường Hưng thứ 4 (năm 933), Đường Minh Tông là Lý Tư Nguyên chết bệnh, con là Lý Tông Hậu kế vị, sử gọi là Mẫn đế. Mẫn đế còn nhỏ tuổi, triều chính đều do 2 quyền thần là Chu Hoảng Chiêu và Phùng Vân nắm giữ. Chu, Phùng chuyên quyền, dùng thủ đoạn loại trừ những người không ăn cánh, cách chức một số trọng thần, điều một số Tiết độ sứ đến biên ải, đưa người thân tín vào giữ những chức vụ trọng yếu trong triều.

Tiết độ sứ kiêm Thị trung Phụng Tường là Lộ vương Lý Tông Kha vốn từ nhỏ theo Đường Minh Tông chinh chiến bốn phương có địa vị và uy vọng hơn hẳn Chu, Phùng, tháng 2/934 bị điều đi làm Tiết độ sứ Hà Đông.

Lý Tông Kha đã sớm bất mãn với sự chuyên quyền của Chu, Phùng, bèn dấy binh chống lại và gửi hịch đi các nơi chuẩn bị “về triều dẹp loạn thần”. Triều đình liền cử Vương Tư Đồng làm nguyên soái đem binh mã đến Phụng Tường đàn áp.

Khi các đạo binh mã đã tề tựu, Vương Tư Đồng hạ lệnh đánh thành Phụng Tường. Sau một ngày kịch chiến, hai cửa thành phía đông và tây đều bị phá, quân giữ thành thương vong nặng nề. Hôm sau, Vương Tư Đồng hạ lệnh tăng cường đánh phá. Do tường thành thấp, hào lũy không sâu, lại chưa được phòng bị đầy đủ, nên tình thế vô cùng nguy ngập.

Lý Tông Kha thấy thành sắp bị hạ, bèn leo lên mặt thành nói to xuống phía dưới chân thành: “Ta theo tiên đế từ nhỏ, từng qua trăm trận, vào sinh ra tử, thương tích đầy mình, mới sáng lập nên xã tắc như hôm nay. Các người từng theo ta nhiều năm, chắc hẳn đều chứng kiến việc đó! Nói đến đây, Lý Tông Kha ghen ngào: “Nay triều đình tin dùng bọn gian thần, sát hại người trung chính, ta có lỗi gì mà các người phải giết ta?”. Nói đoạn Lý Tông Kha khóc rống lên, ai nghe cũng động lòng.

Tướng Trương Kiên Cường chỉ huy đánh cửa thành phía tây và nam, liền rút bảo kiếm thúc sĩ tốt xông lên. Sĩ tốt nổi giận xúm nhau đánh lại khiến y phải tể ngựa bỏ chạy.

Vũ Lâm chỉ huy sứ Dương Tử Quyền nguyên là quyền thần có lỗi với triều đình, nhân lúc này liền thét to: “Đại tướng công (ngụ ý Lý Tòng Kha) mới là chủ nhân thực sự của chúng ta”. Đoạn lập tức sai quân sĩ dưới quyền xuống ngựa, cởi bỏ áo giáp, quăng vũ khí đầu hàng Lý Tòng Kha. Dương Tử Quyền dẫn quân vào cửa tây, dâng Lý Tòng Kha một tờ giấy trắng, xin rằng sau khi Lộ vương chiếm được kinh đô, lên làm vua sẽ phong cho ông ta chức Tiết độ sứ. Lý Tòng Kha chấp nhận, viết vào đó hàng chữ “ Tử Quyền có thể nhậm chức Tiết độ sứ Phần Ninh”.

Nguyên soái Vương Tư Đồng chưa biết tin này, nên hạ lệnh tăng cường đánh thành. Nghiêm vệ bộ quân tả sương Chỉ huy sứ Doãn Huy lớn tiếng nói: “Cánh quân phía tây đã vào thành nhận thưởng. Chúng ta còn liều mạng làm gì nữa?!”

Binh sĩ đánh thành nghe vậy liền quăng giáp, vứt khí giới đầu hàng. Vương Tư Đồng cùng 6 tiết độ sứ khác thấy tình huống đó đành bỏ chạy.

Hàng binh lũ lượt vào trong thành để lĩnh thưởng. Lý Tòng Kha đang nguy thành thảng, cả mừng dốc hết của cải trong kho thưởng cho tướng sĩ. Không khí trong thành huyên náo, vui vẻ dị thường.

Lý Tòng Kha hạ lệnh tiến quân về phía đông và công bố tất cả những người vào được kinh đô Lạc Dương sẽ được thưởng 100 xâu tiền (mỗi xâu tiền gồm 1000 xu). Quân sĩ vô cùng náo nức.

Vương Tư Đồng bại trận, khiến Đường Mẫn đế luống cuống. Tiết độ sứ Hà Dương kiêm thị vệ thân quân Đô chỉ huy sứ là Khang Nghĩa Thành giả bộ xin đem quân thị vệ đi đánh Lý Tòng Kha, thực chất là để đầu hàng lĩnh thưởng.

Đường Mẫn đế không rõ nội tình, vội chấp thuận, lại còn đem của cải trong kho ra thưởng cho quân sĩ trước khi xuất phát và hứa nếu dẹp được loạn Phụng Tường, mỗi người sẽ được thưởng thêm 200 xâu tiền.

Quân thị vệ của Khang Nghĩa Thành thuộc hạng kiêu binh, đã lưng túi tiền thưởng, trên đường hành quân còn công khai bảo nhau: “Đến Phụng Tường mà ra hàng Lộ vương, còn được thưởng nhiều hơn”. Quân Khang Nghĩa Thành tới Tân An quả nhiên lần lượt xin hàng, lúc Khang Nghĩa Thành xin hàng thì chỉ còn có hơn 10 kỵ binh đi cùng.

Lý Tông Kha thẳng đường tiến vào kinh đô Lạc Dương. Tể tướng Phùng Đạo dẫn bá quan ra nghênh đón. Thái hậu hạ lệnh phế Mẫn đế xuống làm Ngạc vương, đưa Lộ vương Lý Tông Kha lên ngôi hoàng đế.

Lý Tông Kha lập tức lệnh mở kho phát thưởng cho quân sĩ, không ngờ rằng kho lẫm chẳng còn bao, mà số tiền thưởng phải cần tới 50 vạn xâu tiền. Lý Tông Kha lệnh cho quan viên vơ vét của dân. Tiếng kêu khóc của dân vang động kinh đô. Nhiều người không có tiền bị bức quá phải tự vẫn hoặc bị bắt giam vào ngục. Quan viên vơ vét tất cả những gì có thể vơ vét, kể cả đồ trang sức của thái hậu, vương phi, cũng chỉ được tổng cộng 20 vạn xâu tiền, nghĩa là mới được non nửa số tiền cần có. Lý Tông Kha sợ không đủ tiền thưởng thì quân sĩ làm loạn, nên vô cùng lo lắng.

Đoan minh điện học sĩ Lý Chuyên nói thẳng: “Sự tồn vong của quốc gia chủ yếu nhờ vào việc sửa sang pháp độ, tạo lập kỷ cương, chứ không phải chỉ trông vào hậu thưởng. Chi hậu thưởng thì dù có tiền bạc như rừng như bể cũng không thoả mãn được lòng tham của kiêu binh”. Lý Chuyên còn nói là nếu tiếp tục vơ vét của dân thì sẽ nguy đến xã tắc. Nay có bao nhiêu thì chia đều bấy nhiêu, hà tất phải giữ đúng lời hứa ngày trước.

Lý Tông Kha nghe có lý, theo vậy mà làm. Quả nhiên binh sĩ tuy đều được thưởng, nhưng ai cũng tham lam, cho như thế không đủ, họ oán hận ra mặt, thậm chí công khai bảo nhau: “Mẫn đế tuy nhu nhược, nhưng còn khá hơn Lộ vương”.

Lý Tông Kha sợ có loạn, không dám thiết lập kỷ cương, tu sửa pháp độ, không dám mạnh tay với sai trái của tướng sĩ, thế là họ luôn có hành động vi phạm.

Năm 936, sau khi Lý Tông Kha lên ngôi được hơn 2 năm, Tiết độ sứ Hà Đông là Thạch Mẫn Đường cầu kết với chúa Khiết Đan hợp quân đánh Đường. Tri phủ Thái Nguyên là Trương Mẫn Đạt dẫn binh nghênh chiến, bị vây ở Tấn An (phía nam Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây).

Tiết độ sứ Lư Long là Triệu Đức Diệu được lệnh đem quân đến tiền tuyến thì lại án binh bất động, bỏ mặc Trương Mẫn Đạt đang bị vây hãm, đã thế Triệu còn phái sứ giả bí mật sang gặp Khiết Đan, đề nghị Khiết Đan cùng với Triệu chiếm đoạt thiên hạ, nhưng bị Khiết Đan từ chối.

Trương Mẫn Đạt bị vây đã mấy tháng, phó tướng là Dương Quang Viễn sinh lòng phản trắc, khuyên Trương Mẫn Đạt đầu hàng Khiết Đan, Trương không nghe, Dương liền giết luôn Trương, cắt lấy thủ cấp mang sang doanh trại Khiết Đan xin hàng.

Do Lý Tông Kha trị quân không nghiêm, kỷ cương không rõ, nên khi nguy cấp, phần lớn tướng sĩ đều ngả nghiêng dao động, kẻ thì tư thông với địch, kẻ thì cởi giáp đầu hàng, kẻ thì bỏ trốn. Lý Tông Kha có được thiên hạ bằng cách nào thì cuối cùng bị mất thiên hạ bằng cách đúng như vậy.

Tháng 11/936, chúa Khiết Đan cùng Thạch Mẫn Đường kéo quân xuống phía nam, dọc đường quân sĩ Hậu Đường đều đầu hàng. Thạch Mẫn Đạt dẫn quân tiến thẳng vào kinh đô Lạc Dương, Lý Tông Kha cùng đường mặt lộ, đành lên lầu tự thiêu. Nhà Hậu Đường đến đây diệt vong.

“Tướng bất năng liệu địch, dĩ thiếu hợp chúng, dĩ nhược kích cường, binh vô tuyến phong, viết bắc”

Tướng lĩnh không biết phán đoán chính xác tình hình địch, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, tác chiến lại không có lực lượng mũi nhọn, gọi là “bắc”.

Khừu Phúc chủ quan khinh địch, bị vây khốn

Thời nhà Minh, tháng 6/1409 (năm Vĩnh Lạc thứ 7), vua Thát Đát giết sứ giả nhà Minh cử sang hoà hiếu. Minh Thành Tổ Chu Đệ nghe tin cả giận.

Chu Đệ đã muốn sớm tiêu diệt tàn dư quân Nguyên để trừ hậu họa ở biên giới phía bắc, bèn 1 mặt truyền lệnh tăng cường phòng thủ biên giới, 1 mặt điều binh mã Sơn Tây, Sơn Đông, Liêu Đông tới Hưng Hoà (Trương Bắc, tỉnh Hà Bắc), Bắc Kinh chờ lệnh.

Ngày 3/7, Chu Đệ hạ chiếu cử Kỳ Quốc công Khừu Phúc làm Chinh Lỗ đại tướng quân, Võ Thành hầu Vương Thông làm tả phó tướng quân, Đồng Ân hầu Hoả Chân làm Hữu phó tướng quân, Tịnh An hầu Vương Trung làm Tả tham tướng, An Bình hầu Lý Viễn làm Hữu tham tướng, đem 10 vạn quân bắc phạt. Khừu Phúc cho rằng 10 vạn kỵ binh tinh nhuệ hoàn toàn có thể tiêu diệt quân Thát Đát, lập nên công trạng.

Trước khi lên đường, Chu Đệ thấy Khừu Phúc có ý khinh địch, liền nhắc nhở: “Dùng binh phải thận trọng. Từ Khai Bình trở lên phía bắc dù không thấy địch, vẫn phải luôn luôn coi như có địch trước mặt mà phòng bị ngày đêm cho cẩn thận. Địch tới thì cho kỵ binh xuất kích”.

Vẫn chưa yên tâm, Chu Đệ còn dặn thêm: “Khanh đem quân đi lần này, chớ bỏ lỡ thời cơ, không được khinh địch mà tiến liều dễ bị mắc mưu của chúng. Đánh chưa thắng, thì chờ cơ hội đánh tiếp, nhất thiết phải cẩn thận”. Khừu Phúc vâng dạ lên đường.

Dọc đường tiến quân, Khừu Phúc lại liên tiếp nhận được chỉ dụ của triều đình: “Trong quân có người cho rằng dễ dàng thắng địch, khanh nhất thiết phải uốn nắn”. Khừu Phúc cho rằng nhà vua quá cẩn thận.

Tháng 8, Khừu Phúc đã tới vùng biên Khai Bình, liền đích thân dẫn hơn ngàn kỵ binh đi trước. Đang tiến đến sông Lư Cù thì gặp một tốp kỵ binh Khiết Đan.

Khừu Phúc tiến công, quân Thát Đát bỏ chạy. Khừu Phúc vượt sông truy kích, bắt được một viên thượng thư Thát Đát. Khừu Phúc hạ lệnh cởi trói cho viên thượng thư, mời uống rượu và hỏi tình hình xem chúa Thát Đát

đang ở đâu. Viên thượng thư vốn được chúa Thát Đát phái đi trinh sát, liền nói dối: “Chúa tôi nghe đại quân của ngài kéo đến đã sợ hãi chạy lên phía bắc, cách đây chỉ chừng 30 dặm”.

Khưu Phúc tin là thật, liền nói: “Bắt giặc trước hết phải tóm cổ tên cầm đầu mới được”. Chư tướng khuyên Khưu Phúc không nên mạo hiểm tiến liều, đợi hậu quân cùng tới, nắm chắc tình hình địch hãy đuổi theo thì hơn. Khưu Phúc không nghe, bảo viên thượng thư kia dẫn đường, thúc lính truy kích. Đuổi đánh liên hai ngày, quân Thát Đát lần nào cũng thua, chạy lên phía bắc. Khưu Phúc cho rằng địch yếu kém, chắc sẽ bắt sống được chúa Thát Đát, thế là ra sức đuổi theo. Hữu Tham tướng Lý Viễn phải nhắc nhở: “Tướng quân cả tin vào lời khai của tù binh, đơn độc tới đây, phải đề phòng kẻ địch dụ ta vào sâu, e rất nguy hiểm”.

Lý Viễn lại tiếp: “Nay ta rút ắt địch thừa cơ truy kích, chi bằng hạ trại tự thủ. Ban ngày gióng trống phất cờ đem kỵ binh khiêu chiến, ban đêm thì đốt lửa bắn pháo, khiến địch không biết đâu mà lường. Đợi vài ngày, đại quân ta đến đây, dốc toàn lực mà đánh tất thắng, nhược bằng không thắng, thì cũng có thể rút quân an toàn!”.

Khưu Phúc ngoảnh mặt làm ngơ. Lý Viễn ghen ngào nói: “Khi tướng quân lên đường, hoàng thượng đã dặn đi dặn lại phải hết sức thận trọng, kẻo mắc mưu địch. Lẽ nào tướng quân quên rồi sao?”. Khưu Phúc vẫn làm ngơ. Tả phó tướng Vương Thông cũng nói: “Lý tướng quân nói đúng. Đại tướng quân không nên khinh địch tiến liều mà mắc mưu giặc”.

Khưu Phúc cả giận quát lớn: “Tướng dẫn quân đi xa, lệnh vua có khi không theo. Quân lệnh như sơn, kẻ nào trái lệnh sẽ chém đầu!”. Thế là các tướng đành phải theo Khưu Phúc tiếp tục dẫn thân tiến lên, mặc dù biết rằng lành ít dữ nhiều.

Chẳng mấy chốc đột nhiên đại quân Thát Đát kéo tới vây chặt quân Khưu Phúc lại. Vương Thông chỉ hay 500 kỵ binh cảm tử phá vây, cuối cùng kiệt sức tử trận.

Khưu Phúc, Hoả Chân, Vương Trung, Lý Viễn liều chết tả xung hữu đột, nhưng lực lượng quá chênh lệch, cuối cùng người bị bắt, kẻ bị giết. Toàn bộ đội tiên phong của Khưu Phúc bị tiêu diệt. Hậu quân nghe tin đó, hoảng hốt quay đầu tháo chạy.

Chu Đệ hay tin cả giận về tội trạng của Khưu Phúc khiến mười vạn tinh binh thảm hại, liền truất bỏ mọi tước hiệu của Khưu Phúc và đày gia quyến của ông tới biên ải xa xôi phía nam.

“Phù binh hình giả, binh chi trợ dã. Liệu địch chế thắng, kế hiểm dị, viễn cận, thượng tướng chi đạo dã. Tri thử nhi dụng chiến giả tất thắng, bất tri thử nhi dụng chiến giả tất bại”.

Địa hình là điều kiện hỗ trợ cho việc dùng binh. Phán đoán tình hình, giành lấy thắng lợi, khảo sát địa hình lợi hại tính toán xa gần, đó là phương pháp mà một tướng giỏi phải nắm vững. Nắm vững phương pháp rồi mới chỉ huy tác chiến thì chắc thắng. Không nắm vững phương pháp đã chỉ huy tác chiến thì ắt thua.

Nhạc Phi lợi dụng địa hình, thắng Lý Thành

Thời Nam Tống, mùa xuân năm Thiệu Hưng thứ 4 (năm 1134), người Kim sau khi thiết lập chính quyền bù nhìn theo lệnh mình, liền đưa tướng Lý Thành theo quân Kim về chiếm 6 quận là: Đặng Châu, Đường Châu, Nang Dương, Sính Châu, Tuy Châu, Tín Dương, trở thành mối uy hiếp to lớn đối với triều Nam Tống.

Lúc này Tây lộ chế trí sử Giang Nam là Nhạc Phi đóng quân ở Giang Châu, liền tiếp viết sớ về triều, đề nghị phản công, thu hồi 6 quận đã mất, vì “đó là những vùng hiểm yếu, là cơ sở để thu phục Trung Nguyên”.

Tống Cao Tông nhận được sớ, hỏi quần thần: “Việc này giao cho Nhạc Phi được chăng?”. Tham tri chính sự Triệu Đỉnh đáp: “Nhạc Phi thông thuộc tình hình 6 quận, có thể giao được”. Tống Cao Tông đành sai Nhạc Phi cất quân đi, nhưng lại qui định sau khi lấy lại 6 quận thì không được tiến binh thêm.

Tháng 5, Nhạc Phi chỉ huy đại quân hùng dũng tiến ra tiền tuyến. Quân đội của Nhạc Phi có kỷ luật nghiêm minh, dọc đường hành quân không làm hại dân chúng, phá hoại hoa màu. Khi vượt sông, Nhạc Phi đứng trên chiến thuyền nói với thuộc hạ: “Nếu không thắng giặc, ta sẽ không trở lại dòng sông này”.

Đại quân tiến đến dưới chân thành Sính Châu, tướng giữ thành là Kinh Siêu cố sức kháng cự, nhưng tướng sĩ của Nhạc Phi tấn công dũng mãnh, nhanh chóng leo lên mặt thành. Kinh Siêu phải đâm đầu xuống chân thành tự sát.

Chiếm xong Sính Châu, Nhạc Phi, chia quân làm hai đạo, 1 đạo do Trương Hiến và Từ Khánh chỉ huy, tiến đánh Tuy Châu. Nhạc Phi chỉ huy đạo thứ 2 tấn công thành Nang Dương. Tướng giữ thành là Lý Thành nghe uy danh của Nhạc Phi từ lâu, vội xuất binh nghênh chiến.

Phía bên trái thành Nang Dương là sông Nang, có thể dùng bộ binh cố thủ, phía bên phải là đồng bằng, có thể dùng kỵ binh tung hoành. Lý Thành không am hiểu địa thế, lại để kỵ binh giữ phía trái, bên bờ sông còn bộ binh thì lại dàn trận ở phía đồng bằng bên phải.

Nhạc Phi cùng chư tướng lên gò cao quan sát thế trận của địch. Ông nói luôn: “Bộ binh nên thủ chỗ hiểm, kỵ binh xông xáo chỗ rộng. Đàng này tướng giặc làm ngược lại, thì dù chúng có 10 vạn quân cũng chẳng làm nổi chuyện gì”. Đoạn Nhạc Phi hạ lệnh cho tướng Vương Quý: “Dẫn bộ binh, dùng trường thương tấn công kỵ binh địch, cứ nhè chỗ hiểm của ngựa mà đâm”. Lại lệnh cho tướng Ngưu Cao “dẫn kỵ binh tấn công bộ binh địch thật mãnh liệt”. Hai tướng nhận lệnh ngay.

Vương Quý dẫn bộ binh đột nhập trận địa bên bờ sông của kỵ binh địch, dùng trường thương đâm vào bụng ngựa, số chiến mã ở phía trước ngã, số chiến mã phía sau hoảng sợ bỏ chạy. Bờ sông lổn nhổn đá cục, địa thế nhỏ hẹp, người ngựa chen lấn xô đẩy nhau mà ngã xuống sông chết vô số.

Ngưu Cao dẫn kỵ binh thần tốc xông vào trận địa bộ binh địch mà chém giết, bộ binh địch hầu như trở tay không kịp, hoàn toàn tan rã. Lý Thành thấy vậy liền thu thập tàn quân nhân đêm tối bỏ chạy, Nhạc Phi chiếm luôn Nang Dương, rồi thừa thắng tiến quân, thu hồi các quận còn lại, đóng trại ở Ngạc Châu. Tống Cao Tông thăng chức cho Nhạc Phi làm Thanh viễn quân tiết độ sứ.

“Thị tốt như anh nhi, cố khả dữ chi phó thâm khê; thị tốt như ái tử, cố khả dữ chi câu tử”

Đối xử với sĩ tốt như với con em, họ sẽ cùng mình xông pha vào nơi nguy hiểm, coi sĩ tốt như con yêu, họ sẽ cùng sống chết với mình.

Ngô Khởi yêu lính như con, đánh đâu thắng đó

Thời Chiến Quốc, năm Chu Uy Liệt vương thứ 23 (năm 403 trước Công Nguyên) ba nước Triệu, Ngụy, Hàn tách riêng ra thành từng nước độc lập.

Ngụy Văn Hầu dùng Lý Khôi làm tể tướng, chủ trương thay đổi pháp luật, bỏ chế độ thế khanh thế lộc, cất nhắc người tài, khuyến khích canh nông, do đó đầu thời kỳ Chiến Quốc, nước Ngụy hùng mạnh sớm hơn cả.

Ngô Khởi là người nước Vệ, từng là học trò của nhà nho nổi tiếng Tăng Sâm, sau đó bỏ văn học võ, nghiên cứu binh pháp ở nước Lỗ, trở thành đại tướng của nước Lỗ. Ngô Khởi từng vì nhà vua mà đánh thắng mấy trận lớn, song lại khiến nhà vua nghi kỵ. Thế là Ngô Khởi bèn bỏ nước Lỗ, sang xin theo Ngụy Văn hầu.

Trong triều đình Ngụy, có người bảo Ngô Khởi là kẻ tàn nhẫn, thời trẻ từng giết hơn 30 mạng người, có người bảo Ngô Khởi là kẻ bạc tình, mẹ chết cũng không về chịu tang; lại có người bảo Ngô Khởi tham lam vô độ. Ngụy Văn hầu chưa biết nghe ai, liền vời đại thần Lý Khắc vào hỏi, Lý Khắc tâu: “Ngô Khởi là người ham công danh, lại rất hiếu sắc. Nhưng rất có tài cầm quân đánh trận, thần trộm nghĩ Tư mã Nhương Thư của nước Tề cũng không giỏi hơn”.

Tư mã Nhương Thư từng là tướng nước Tề đã chiến thắng nước Yên và nước Tấn, danh tiếng lẫy lừng đối với các chư hầu. Ngụy Văn hầu nghe vậy liền dùng Ngô Khởi làm đại tướng đem quân đi đánh Tần ở phía tây.

Ngô Khởi đem quân tây tiến, đường đường là đại tướng, song không cưỡi ngựa mà cùng đi bộ với lính, vai vác lương thực, khiến quân sĩ vô cùng cảm động. Đến bữa ăn, Ngô Khởi cùng ăn chung một nồi với binh sĩ, cười đùa vui vẻ như trong một gia đình. Ban đêm thì cùng màn trời chiếu đất, không quan cách chút nào.

Thuộc hạ khuyến Ngô Khởi cưỡi ngựa cho đỡ mệt, Ngô Khởi thấy trong quân có binh sĩ ốm yếu, liền đưa ngựa cho người ấy cưỡi. Có một binh sĩ bị một nhọt độc sau lưng, không tìm ra thuốc chữa, Ngô Khởi không ngần ngại ghé miệng hút mủ, cứu sống người đó.

Chuyện đến tai bà mẹ của người lính kia, bà mẹ khóc rống lên thảm thiết. Xóm giềng ngạc nhiên hỏi bà: “Tướng quân Ngô Khởi đã cứu sống con bà, tại sao bà lại khóc lóc đau đớn như vậy?”. Bà mẹ đáp: “Chồng tôi từng là lính của Ngô tướng quân, từng bị nhốt độc và cũng được Ngô tướng quân cứu sống hết như thế. Chồng tôi cảm cái ơn đó đã dũng cảm chiến đấu mà chết. Xem chừng con tôi cũng khó toàn mạng”.

Ngô Khởi yêu lính như con, cùng họ đồng cam cộng khổ được quân sĩ yêu quý, nên ông bảo họ làm gì họ cũng không nề hà nguy hiểm. Quân của ông đánh trận nào thắng trận ấy, quân Tần liên tiếp thất bại. Ngô Khởi hạ liền 5 thành.

Ngụy Văn hầu nghe tin cả mừng. Ngô Khởi không chỉ giỏi dùng binh, lại còn liêm khiết, được tướng sĩ ủng hộ. Ngụy Văn hầu liền giao cho ông trấn giữ quận Tây Hà (Thiểm Tây). Tại đây, Ngô Khởi tu sửa thành lũy, luyện tập binh mã, chống nước Tần hùng mạnh ở phía tây, khiến nước Tần không dám xâm phạm bờ cõi nước Ngụy.

“Tri bỉ, tri kỷ, thắng mãi bất đãi, tri thiên tri địa, thắng mãi khả toàn ”

Biết địch biết ta, thắng mà không nguy; nắm vững thiên thời địa lợi sẽ giành thắng lợi hoàn toàn.

Hàn Tín dàn trận quay lưng về mé sông

Năm thứ hai Hán Cao Tổ (năm 205 trước Công Nguyên) đại tướng Hàn Tín dùng bè kết bằng chum gỗ vượt sông đánh chiếm đất Ngụy sau đó hội quân với Trương Nhĩ tiến sang phía đông đánh bại quân Đại, bắt tể tướng Hạ Duyệt.

Hàn Tín định thừa thắng đánh Triệu, thì đột nhiên được lệnh vua Hán Lưu Bang đòi Hàn Tín điều quân đến Huỳnh Dương hỗ trợ với quân Hán ở Huỳnh Dương đánh nhau với Hạng Vũ.

Hàn Tín đành trước hết chiêu mộ binh sĩ để bổ sung chỗ thiếu hụt, rồi mới cùng Trương Nhĩ đem mấy vạn quân đánh Triệu.

Vua Triệu đang bàn kế trị quốc với Trần Dư, nghe tin báo liền tập trung quân đội, đồn rằng đông tới hơn 20 vạn, đóng đại bản doanh ở cửa Tỉnh Kinh. Tỉnh Kinh nằm ở phía đông dãy Thái Hành Sơn, hình thế hiểm yếu, là đất xưa nay những người cầm quân tranh giành, là nơi quân Hán muốn đánh Triệu tất phải đi qua.

Mưu sĩ Lý Tả Xa hiến kế với Trần Dư, khuyên Trần Dư dựa vào địa thế mà cố thủ, đừng giao chiến, còn Lý Tả Xa xin đem 3 vạn quân mã theo đường mòn chận đánh sau lưng quân Hán, cắt đứt đường lui và tải lương, như vậy thì trong 10 ngày quân Hán ắt phải lui.

Trần Dư là nho sinh, cho rằng đội quân chính nghĩa không nên dùng mưu kế gian trá, huống hồ lần này Hàn Tín từ ngàn dặm xa đến đây đã mệt mỏi, lực lượng đã yếu, quân ta không có gì phải lo, nên không nghe theo kế Lý Tả Xa.

Quân thám thính về báo với Hàn Tín tin ấy, Hàn Tín cả mừng, liền dẫn quân tiến vào đường hẹp Tỉnh Kinh, dựng trại cách cửa Tỉnh Kinh 30 dặm.

Nửa đêm, Hàn Tín bỗng nhiên truyền lệnh chuẩn bị tiến quân. Trước khi xuất phát, chọn ra 2000 kỵ binh trang bị gọn nhẹ, mỗi người mang theo một lá cờ màu đỏ, lệnh cho họ vòng ra phía sau doanh trại quân Triệu ẩn núp, chờ khi hai bên giao chiến hãy y kế hành động.

2000 kỵ binh đi rồi, Hàn Tín sai phó tướng truyền cho 3 quân ăn tạm lương khô và dặn thêm: “Chờ phá xong quân Triệu hãy dùng bữa chính cũng không muộn”. Chư tướng đều ngỡ ngác.

Hàn Tín nói với tùy tướng: “Quân Triệu đã chiếm yếu địa, lập hào lũy, chúng chưa thấy cờ hiệu của tướng lĩnh bên ta, tất sẽ chưa tiến công, chúng sợ chủ lực của ta sẽ tản ra phòng thủ ở nơi hiểm yếu, chúng sẽ không đạt được mục đích tiêu diệt”.

Do vậy, Hàn Tín sai 1 vạn quân rời đường Tỉnh Kinh ra bày trận quay lưng về mé sông Cấm Mạn, đối diện với quân Triệu. Quân Triệu thấy vậy thì cả cười, cho rằng quân Hàn Tín không hiểu binh pháp, đại đột đẩy một vạn quân vào tử địa, tiến không được, lùi chẳng xong.

Trời sáng, Hàn Tín lệnh cho thuộc hạ giương cờ đại tướng quân Hán, rồi dẫn chủ lực gióng trống tiến lên. Quân Triệu chờ đã lâu, thấy vậy lập tức xông tới nghênh chiến. Đôi bên đâm chém dữ dội rất lâu.

Thấy đã tới lúc, Hàn Tín bảo thuộc hạ quăng cờ, giả bộ thua trận, chạy về phía trận địa bày sẵn ở mé sông.

Quân Triệu cho rằng thời cơ tiêu diệt đối phương, bắt sống Hàn Tín đã điểm, liền xuất toàn bộ quân sĩ trong trại ra tấn công, truy kích. Quân Hán hết đường rút, đành liều chết chống cự. Lúc này 2000 quân Hán mai phục phía sau doanh trại quân Triệu liền xông vào, thay hết cờ quân Triệu bằng cờ đỏ của quân Hán.

Quân Triệu đánh không nổi đối phương liều chết, đang định lui quân về trại, bỗng phát hiện chiến lũy cắm đầy cờ quân Hán, thì cả kinh thất sắc. Thế là đội ngũ rối loạn, quân sĩ tranh nhau mà chạy, tướng lĩnh hạ lệnh dừng lại, chém chết mấy người trái lệnh, cũng không cản nổi.

Quân Hán thừa cơ giáp công từ hai phía, chém chết Trần Dư, bắt sống vua Triệu và Lý Tử Xa.

Các tướng hỏi vì sao Hàn Tín lại cho bày trận quay lưng về mé sông, trái với binh pháp. Hàn Tín nói: “Các người chỉ biết câu “dựa lưng vào núi, quay mặt ra sông” mà chưa hiểu câu “bị hãm vào tử địa sẽ liều chết để sống”. Ta dùng binh luôn biến hoá, người ngoài khó đoán. Duy có điều chắc chắn là lính bị lâm vào tử địa ắt ráng sức mà đánh để sống, như thế ắt có thể thắng địch”. Các tướng nghe vậy đều thán phục.

THIÊN XI: CỨU ĐỊA

Dụng binh chi pháp, hữu Tán địa, hữu Khinh địa, hữu Tranh địa, hữu Giao Địa, hữu Cù địa, hữu Trọng địa, hữu Bĩ địa, hữu Vi địa, hữu Tử địa.

Chư hầu tự chiến kỳ địa giả, vi Tán địa.

Nhập nhân chi địa nhi bất thâm giả, vi Khinh địa.

Ngã tắc đắc lợi, bì đắc diệc lợi giả, vi Tranh địa.

Ngã khả dĩ vãng, bì khả dĩ lai giả, vi Giao địa.

Chư hầu chi địa tam thuộc, tiên chí nhi đắc thiên hạ chi chúng giả, vi Cù địa.

Nhập nhân chi địa thâm, bồi thành ấp đa giả, vi Trọng địa.

Sơn lâm, hiểm trở, thư trạch, phàm nan hành chi đạo giả, vi Bĩ địa.

Sở do nhập giả ái, sở tòng qui giả vu, bì quả khả dĩ kích ngô chi chúng giả, vi Vi địa.

Tật chiến tắc tồn, bất tật chiến tắc vong giả, vi Tử địa.

Thị cố Tán địa tắc vô chiến, Khinh địa tắc vô chí, Tranh địa tắc vô công, Giao địa tắc vô tuyệt, Cù địa tắc hợp giao, Trọng địa tắc lược, Bĩ địa tắc hành, Vi địa tắc mưu, Tử địa tắc chiến.

Sở vị cố chi thiện dụng binh giả, năng sử địch nhân tiền hậu bất tương cập, chúng quả bất tương thị, quý tiện bất tương cứu, thượng hạ bất tương thu, tốt ly nhi bất tập, binh hợp nhi bất tề. Hợp ư lợi nhi động, bất hợp ư lợi nhi chi. Cảm vấn: “Địch chúng chinh nhi tương lai, đãi chi nhược hà?”. Viết: “Tiên đoạt kỳ sở ái, tắc thính hĩ”. Binh chi tình chủ tốc, thừa nhân chi bất cập, do bất ngu chi đạo, công kỳ sở bất giới dã.

Phàm vi khách chi đạo, thâm nhập tắc chuyên, chủ nhân bất khắc. Lược ư nhiều dã, tam quân túc thực, cần dưỡng nhi vật lao, tinh khí tích lược, vận binh kế mưu, vi bất khả trắc. Đầu chi vô sở vãng, tử thả bất bắc. Tử yên bất đắc, sĩ nhân tận lực. Binh sĩ thậm hãm tắc bất cụ, vô sở vãng tắc cố, thâm nhập tắc câu, bất đắc dĩ tắc đầu. Thị cố kỳ binh bất tu nhi giới, bất cầu nhi

đắc, bất ước nhi thân, bất lĩnh như tín; cấm tường khứ nghi, chí tử vô sở chi. Ngô sĩ vô dư tài, phi ố hoá dã; vô dư mệnh, phi ố thọ dã. Lệnh phát chi nhật, sĩ tốt tọa giả thể triêm khâm, yển ngọa giả thể giao di, đầu chi vô sở vãng giả, Chư Quệ chi dũng dã.

Cố thiện dụng binh giả, thí như suất nhiên; suất nhiên giả, thường sơn chi xà dã. Kích kỳ thủ tắc vĩ chí, kích kỳ vĩ tắc thủ chí, kích kỳ trung tắc thủ vĩ câu chí. Cảm vấn: “Binh khả sử như suất nhiên hồ?” Viết: “Khả”. Phù Ngô nhân dữ Việt nhân tương ố dã, đương kỳ đồng chu nhi tế, ngô phong, kỳ tương cứu dã, như tả hữu thủ. Thị cố phương mã mai luân, vị tức thị dã. Tề dũng nhược nhất, chính chi đạo dã; cương nhu giai đắc, địa chi lý dã. Cố thiện dụng binh giả, huề thủ nhược sử nhất nhân, bất đắc dĩ dã.

Tướng quân chi sự, tinh dũ, chính dĩ trị. Năng ngu sĩ tốt chi nhĩ mục, sử chi vô tri; dịch kỳ sự, cách kỳ mưu, sử nhân vô thức; dịch kỳ cư, vu kỳ đồ, sử nhân bất đắc lự. Soái dữ chi kỳ, như đăng cao nhi khứ kỳ thê; soái dữ chi thâm nhập chư hầu chi địa, nhi phát kỳ cơ; phần châu phá phủ, nhược khu quần dương; khu nhi vãng, khu nhi lai, mạc tri sở chi. Tụ tam quân chi chúng, đầu chi ư hiểm, thử vị tướng quân chi sự dã. Cừu địa chi biến, khuất thân chi lợi, nhân tình chi lý, bất khả bất sát dã.

Phàm vi khách chi đạo, thâm tắc chuyên, thiên tắc tán. Khứ quốc việt cảnh nhi sư giả, tuyệt địa dã; tứ đạt giả, cù địa dã; nhập thâm giả, trọng địa dã; nhập thiên giả, khinh địa dã; bối cố tiền ải giả, vi địa dã; vô sơ vãng giả, tử địa dã. Thị cố tán địa, ngô tương nhất kỳ chí; khinh địa, ngô tương sử chi thuộc; tranh địa, ngô tương xu kỳ hậu; giao địa, ngô tương cần kỳ thủ; cù địa, ngô tương cố kỳ kết; trọng địa, ngô tương kế kỳ thực; bỉ địa, ngô tương tiến kỳ đồ; vi địa, ngô tương tắc kỳ khuyết; tử địa, ngô tương thị chi dĩ bất hoạt, cố binh chi tình: vi tắc ngự, bất đắc dĩ tắc đấu, quá tắc tòng.

Thị cố bất tri chư hầu chi mưu giả, bất năng dự giao; bất tri sơn lâm, hiểm trở, thư trạch chi hình giả, bất năng hành quân; bất dụng hương đạo giả, bất năng đắc địa lợi. Tứ ngũ giả, bất tri nhất, phi bá vương chi binh dã. Phù bá vương chi binh, phạt đại quốc, tắc kỳ chúng bất đắc tụ; uy gia ư địch, tắc kỳ giao bất đắc hợp. Thị cố bất tranh thiên hạ chi giao, bất đường thiên hạ chi quyền, tín kỷ chi tư, uy gia ư địch, cố kỳ thành khả bại, kỳ quốc khả huy. Thi vô pháp chi thưởng, huyền vô chính chi lệnh, phạm tam quân chi chúng, nhược sử nhất nhân. Phạm chi dĩ sự, vật cáo dĩ ngôn, phạm chi

dĩ lợi, vật cáo dĩ hại. Đầu chi vong địa nhiên hậu tồn; hãm chi tử địa nhiên hậu sinh. Phù chúng hãm ư hại, nhiên hậu năng vi thắng bại.

Cố vi binh chi sự, tại ư thuận tường địch chi ý, tính địch nhất hưởng, thiên lý sát tướng, thị vị xảo năng thành sự giả dã.

Thị cố, chính cử chi nhật, di quan chiết phù, vô thông kỳ sứ, lệ ư lang miếu chi thượng, dĩ tru kỳ sự. Địch nhân khai hạp, tất cức nhập chi. Tiên kỳ sơ ái, vĩ dữ chi kỳ. Tiến mặc tùy địch, dĩ quyết chiến sự. Thị cố, thủy như xử nữ, địch nhân khai hộ; hậu như thoát thổ, địch bất cập cự.

Địch nghĩa:

Theo phép dùng binh, về mặt địa lý có thể chia thành Tán địa, Khinh địa, Tranh địa, Giao địa, Cù địa, Trọng địa, Bĩ địa, Vi địa, Tử địa.

- Đánh với địch ở đất nước mình gọi là Tán địa.
- Vào đất địch chưa sâu mà tác chiến, gọi là Khinh địa.
- Quân ta chiếm được sẽ có lợi, quân địch chiếm được cũng có lợi, gọi là Tranh địa.
- Quân ta có thể qua, quân địch có thể tới, gọi là Giao địa.
- Vùng đất giáp với nhiều nước, ai đến trước có thể được các nước viện trợ, gọi là Cù địa.
- Thâm nhập sâu vào đất địch, sau lưng địch có nhiều thành làm chỗ dựa, gọi là Trọng địa.
- Núi cao, rừng rậm, đầm lầy, qua lại khó khăn gọi là Bĩ địa.
- Đường tiến quân thì nhỏ hẹp, đường lui quân xa vời, quân địch có thể dùng lực lượng nhỏ đánh lực lượng lớn của ta, gọi là Vi địa.
- Đánh mạnh đánh gấp thì sống, ngược lại sẽ bị tiêu diệt, gọi là Tử địa.

Vì lẽ đó, ở Tán địa, không nên giao chiến; ở Khinh địa, không nên nấn ná; ở Tranh địa không nên tùy tiện tiến công; ở Giao địa phải bố trí quân giữ mỗi liên lạc mật thiết với nhau; tại Cù địa phải kết giao với các nước chư hầu; tại Trọng địa phải chiếm được lương thảo; tại Bĩ địa phải nhanh chóng vượt qua; tại Vi địa phải dùng mưu kế; tại Tử địa phải quyết chiến để sống còn.

Ngày xưa, người giỏi chỉ huy tác chiến có thể làm cho quân địch ở trước và sau không chiếu cố được cho nhau, đội quân nhỏ và đoàn quân lớn không dựa được vào nhau, cấp trên cấp dưới không cứu viện được nhau, trên dưới mất liên lạc, binh sĩ tản mác khó tập trung, bày trận giao chiến cũng không chỉnh tề. Trong tình hình đó có lợi cho ta thì đánh, không có lợi cho ta thì thôi. Dám hỏi: “Nếu địch đông đảo, thế trận nghiêm chỉnh, mà tấn công ta, thì ta phải làm sao?”, Đáp: Ta hãy chiếm trước điều kiện có lợi nhất của địch, thì buộc chúng phải theo sự bố trí của ta”. Tình thế, lý lẽ dùng binh quý ở chỗ thần tốc, nhân khi địch trở tay không kịp, tiến quân đến những chỗ địch không ngờ, đánh địch ở những nơi chúng không đề phòng.

Đem quân đi đánh nước người, thì càng tiến sâu vào đất địch, sĩ khí của quân ta càng phải hăng hái, địch mới không thể đánh bại ta. Phải cướp đoạt lương thảo nơi đồng bằng phì nhiêu, thì toàn quân mới đủ lương ăn. Phải chú ý bồi dưỡng lực lượng, không bắt sĩ tốt khó nhọc vô ích. Khí lực đã đầy đủ, ta lại dùng mưu kế khôn khéo, khiến địch không thể phán đoán ý đồ của quân ta. Bố trí bộ đội ở tuyệt địa, không còn đường nào khác, thì dù chết binh sĩ cũng không lùi. Sĩ tốt đã thà chết không lùi, thì lo gì họ không tận lực chiến đấu? Quân sĩ lâm vào hiểm nạn thì không sợ chết, không còn đường nào khác, thì lòng quân sẽ cô kết, vào sâu trong đất địch, tinh thần quân đội sẽ không rã rời. Lâm vào tình thế bất đắc dĩ, họ sẽ hăng hái chiến đấu. Cho nên, không cần tu chỉnh đội ngũ mà họ vẫn chú ý đề phòng, không đòi hỏi mà quân sĩ vẫn gắng sức làm tròn bổn phận, không ước thúc mà họ vẫn gần gũi giúp đỡ nhau, không ra lệnh mà họ vẫn tuân theo kỷ luật. Cấm mê tin dị đoan, chấm dứt thái độ nghi ngờ của cấp dưới, thì dù chết họ cũng không thoái thác. Tiền tài của quân sĩ ta không dư dả, hoàn toàn không phải là họ khinh ghét của cải, không tham sống sợ chết, cũng không phải vì họ chẳng thiết sống lâu. Khi mệnh lệnh tác chiến ban ra, sĩ tốt kẻ ngồi nước mắt thấm áo, kẻ nắm nước mắt ướt má, biết đã tới đường cùng, ắt sẽ dũng cảm như Chuyên Chư, Tào Quệ vậy.

Người giỏi chỉ huy binh sĩ giống như điều khiển loài rắn Suất Nhiên. Suất Nhiên là loài rắn ở vùng núi Hăng Sơn, đánh vào đầu nó thì đuôi quật lên cứu đầu, đánh vào đuôi nó thì đầu quật xuống cứu đuôi, đánh vào khúc giữa thì đầu và đuôi cùng cuốn về cứu khúc giữa. Dám hỏi: Có thể khiến cho 3 quân giống như con rắn Suất Nhiên được chăng? Đáp “Được”. Hãy xem người nước Ngô và người nước Việt tuy thù hận nhau, nhưng khi cùng

ngồi thuyền vượt sông, họ còn cứu giúp nhau như tay trái, tay mặt. Cho nên định buộc ngựa, chôn bánh xe biểu thị quyết tâm tử chiến để ổn định quân sĩ cũng chưa đủ tin cậy. Phải giáo dục làm cho sĩ tốt dù trên dưới, đều dũng cảm như một, dù mạnh yếu, đều có thể phát huy tác dụng, đều thích nghi với việc lợi dụng địa hình. Cho nên người giỏi dùng binh dẫn dắt ba quân mà như dẫn dắt một người đó là tình thế khách quan buộc phải sử dụng quân sĩ như vậy

Việc chủ trì quân sự phải lạnh lùng suy xét mưu lược mà kín đáo, quản lý bộ đội nghiêm chỉnh mà có điều lý, phải làm cho sĩ tốt vâng lệnh như điếc như đui, không biết chút gì về hành động quân sự. Thay đổi cách bố trí tác chiến, cải biến kế hoạch định trước khiến người ta không thể đoán biết nguyên do. Thường xuyên thay đổi chỗ ở, đường đi, cố ý vu hồi hành tiến khiến người ta không thể đoán biết ý đồ.

Chủ tướng trao nhiệm vụ cho cấp dưới, chặn đường về, giống như đưa người trèo lên cao rồi rút thang đi; tướng lĩnh hạ lệnh cho quân sĩ tiến sâu vào đất địch, giống như bật cung nỏ cho mũi tên phóng tới; điều quân chạy tới chạy lui như lừa đàn dê, họ không hề biết cần phải đến đâu. Tập trung ba quân ném vào chỗ nguy hiểm để họ tử chiến, ấy là phận sự quan trọng của tướng soái. Xử trí khác nhau đối với 9 loại địa hình, biết sự lợi hại, được mất của tiến lui công thủ, trạng thái tâm lý khác nhau của tướng sĩ, đó là những việc tướng soái không thể không xem xét cẩn thận.

Qui luật tác chiến tiến công: là càng vào sâu đất địch, thì lòng quân càng ổn định vững chắc, càng vào không sâu thì lòng quân càng dễ ly tán. Dùng binh vượt biên giới tiến vào đất địch là đi vào Tuyệt địa, có đường thông tứ phía là Cù địa; vào sâu là Trọng địa, vào không sâu là Khinh địa; phía sau khó khăn, phía trước chật hẹp là Vi địa; không có lối qua là Tử địa. Vì thế, ở Tán địa, ta làm cho quân sĩ đồng lòng nhất trí; ở Khinh địa, ta làm cho toàn quân liên lạc mật thiết với nhau; tại Tranh địa, ta luôn bám sát địch; tại Giao địa, ta cẩn thận phòng thủ; tại Cù địa, ta cố giao hiếu với các nước lân cận; tại Trọng địa, ta giữ cho việc tiếp lương không bị gián đoạn; tại Vi địa, ta bịt kín những sơ hở; tại Tử địa, ta phải coi như sẽ phải chết mà quyết tâm tử chiến; tại Bì địa, phải mau chóng vượt qua. Cho nên tâm trạng của quân sĩ là: bị bao vây sẽ ra sức chống cự, tình thế quá nguy hiểm, bị bức bách thì sẽ liều chết mà đánh; gặp nguy nan thì sẽ theo lệnh chỉ huy.

Chưa biết cơ mưu chiến lược của các nước chư hầu, không thể dự tính kết giao; không thông thạo địa hình núi rừng, hiểm trở, đầm hồ không thể hành quân; không sử dụng hướng đạo, không thể giành được địa lợi... Trong 3 điều trên có một điều không hiểu biết, thì không thể trở thành quân ãi của bậc vương bá. Phàm là quân đội của bậc vương bá khi đánh nước lớn thì khiến cho quân dân của nước đối phương không kịp huy động, tập trung; uy thế lấn át đối phương khiến các nước đồng minh đối phương không thể phối hợp ứng cứu. Do đó, khỏi cần tranh mỗi bang giao với chư hầu, cũng khỏi cần gia tăng thế lực của mình ở các nước chư hầu, mà chỉ cần triển khai chiến lược của mình, lấy uy áp chế địch, thì có thể san phẳng thành ấp, hủy diệt kinh đô của địch. Thi hành ban thưởng khác hẳn thông lệ, ban bố hiệu lệnh không theo khuôn phép, chỉ huy toàn quân như sai khiến một người.

Giao nhiệm vụ tác chiến, nhưng không nói rõ cơ mưu chiến lược; giao nhiệm vụ nguy hiểm, nhưng không chỉ rõ cái lợi của nó.

Tung sĩ tốt vào chỗ nguy, mới có thể chuyển nguy thành yên, hãm sĩ tốt vào tử địa, mới có thể chuyển chết thành sống. Quân đội lâm vào tình thế nguy hại, sau đó mới có thể giành lấy thắng lợi. Cho nên việc chỉ đạo chiến tranh phải cẩn thận xem xét ý để chiến lược của địch, tập trung binh lực vào hướng chủ công, tiến xa ngàn dặm mà chém tướng địch, như thế gọi là khôn khéo dùng binh để thắng.

Do vậy, vào thời điểm quyết định hành động chiến tranh phải phong toả cửa khẩu, thay đổi phù hiệu quân đội, không cho sứ giả nước địch qua lại, bí mật bàn tính kế hoạch ở triều đình để định kế sách chiến lược. Chờ khi địch có sơ hở, lập tức thừa cơ xâm nhập. Trước hết đánh chiếm các địa điểm chiến lược của địch, nhưng chưa vội định thời hạn quyết chiến. Tùy sự ứng phó của địch mà linh hoạt quyết định hành động tác chiến của ta. Cho nên, trước khi nổ ra chiến tranh thì e lệ, kín đáo, trầm tĩnh như gái trinh, khiến kẻ địch lơ đãng, không phòng bị, để lộ chỗ yếu. Khi chiến tranh bùng nổ thì hành động mau lẹ như thỏ sống chuồng, khiến địch không kịp trở tay chống cự.

Tóm tắt nội dung:

Thiên này từ góc độ địa lý học chiến lược mà xem xét toàn diện các nguyên tắc chỉ đạo tác chiến, tiến công trong 9 loại địa hình chiến lược khác

nhau. Đặc biệt chú trọng việc phải căn cứ vào trạng thái tâm lý của tướng sĩ ở các khu vực tác chiến khác nhau để định ra chiến lược chiến thuật phù hợp với thực tế, nhằm giành lấy thắng lợi.

Trước hết, Tôn tử khái quát đặc điểm cơ bản của 9 loại địa khu tác chiến khác nhau trên góc độ hình thái chiến lược, luận chứng ảnh hưởng của 9 loại đó tới trạng thái tâm lý của tướng sĩ để ra yêu cầu ứng biến linh hoạt cụ thể mà phát huy sức chiến đấu của quân đội.

Thứ 2, Tôn tử đề cao việc tập kích chiến lược, đột nhập vào nước địch mà tiến hành tác chiến, cho rằng như thế có thể tận dụng nhiều ưu điểm như binh sĩ tuân lệnh chỉ huy, ra sức chiến đấu.

Thứ 3, Tôn tử đem nguyên tắc chỉ đạo tác chiến cơ bản quán triệt vào lý luận tập kích bất ngờ, cho rằng phải biết lợi dụng nhược điểm của địch, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, hành động mau lẹ, tập trung lực lượng, tranh thủ giành chủ động.

Thứ 4, Tôn tử kết hợp các đặc điểm của hành động tập kích chiến lược, đề ra một số chủ trương trị quân có ý nghĩa tiến bộ nhất định, như chính lệnh nghiêm minh, cấm mê tín dị đoan, tin lời đồn nhảm, coi trọng việc đoàn kết nhất trí trong quân đội.

Đương nhiên, Tôn tử là nhà quân sự, thuộc giai cấp địa chủ phong kiến từ hơn 2000 năm trước, nên 1 số chủ trương của ông còn có tính hạn chế về lịch sử; chẳng hạn quan điểm “Ngu binh” trong thiên này. Ngày nay ta nên chú ý giám biệt.

“Tán địa tắc vô chiến”

Ở tán địa, không nên giao chiến.

Phương Lạp bỏ nơi hiểm yếu nên thất bại

Thời Bắc Tống, những năm Tuyên Hòa, Huy Tông hoàng đế hôn mê, quyền bính nằm trong tay 6 gian thần là Thái Kinh, Chu Diên, Vương Bồi, Lý Nghiên, Đồng Quán, Lương Sư. Chính trị hủ bại, chiến sự liên miên, tai họa dồn dập, dân tình khổ cực.

Bọn gian thần xu nịnh hoàng đế, bắt dân chúng vùng Giang Chiết tìm đủ thứ của ngon vật lạ đem về triều, trăm họ kiệt quệ điêu linh.

Năm Tuyên Hòa thứ 2 (năm 1120) tháng 10, tại đông Bang Nguyên, huyện Thanh Khê (huyện Thuận An, tỉnh Chiết Giang) có một điền chủ lớn là Phương Lạp lợi dụng tổ chức tôn giáo bí mật ở địa phương là Minh Giáo, liên kết họ hàng dấy binh khởi nghĩa.

Cờ khởi nghĩa vừa giương lên, dân chúng đã nô nức hưởng ứng; chỉ trong mười mấy ngày; nghĩa quân đã lên tới mấy vạn. Phương Lạp xưng là Thánh Công, đặt niên hiệu Vĩnh Lạc, cắt cử quan lại, tướng sĩ, chia quân làm sáu đạo, thanh thế rất mạnh.

Đô giám Lương Triết là Thái Tôn, Nghiên Viên cho rằng nghĩa quân sẽ không chịu nổi 1 trận đánh, đem 5000 quân binh tới đàn áp. Phương Lạp khôn khéo cho quân mai phục, diệt toàn bộ quan binh. Hôm sau thừa thắng, chiếm huyện thành Thanh Khê.

Đầu tháng Chạp, nghĩa quân chiếm thành Mục Châu (huyện Kiến Đức, tỉnh Chiết Giang), sau đó đánh chiếm các huyện xung quanh như Thọ Xương, Phân Tủy, Đồng Lư, Toại An v.v.

Tiếp đó, nghĩa quân chia làm 2 đạo. Một đạo do Phương Bách Hoa là em gái Phương Lạp chỉ huy, tiến đánh Hàng Châu; đạo thứ 2 do đích thân Phương Lạp chỉ huy tiến sang phía tây đánh Hấp Châu (huyện Hấp, tỉnh An Huy).

Hấp Châu là trọng điểm quân sự phía đông nam của triều Tống. Phương Lạp huyết chiến với tướng của triều đình là Quách Sư Trung. Ngày 20 tháng Chạp, Quách Sư Trung tử trận.

Nghĩa quân đại thắng, tin tức lan truyền, quan quân các thành như Vụ Nguyên, Tích Khê, Kỳ Môn... nghe tiếng nghĩa quân đã kinh hoàng bỏ chạy.

Phương Lạp dẫn chủ lực quay lại phía đông, đánh Phú Dương, Tân Thành. Ngày 29 tháng Chạp thì đại quân tới hợp với đội tiên phong của Phương Bách Hoa cùng công phá thành Hàng Châu.

Phương Lạp cho nghi binh xuôi dòng Tiền Đường, dụ quan quân ra bờ sông mà đánh, còn chủ lực thì theo đường núi đánh thẳng vào cửa Sung Kiên.

2 tướng triều đình là Trần Kiến và Triệu Ước cố thủ trong thành. Phương Bách Hoa trong lúc leo thang đánh thành, không may trúng tên tử trận. Phương Lạp cả giận, đốc quân công phá mãnh liệt, 2 tướng Trần Kiến và Triệu Ước tự trói xin hàng, bị nghĩa quân chém chết.

Phương Lạp chiếm được Hàng Châu, uy danh lừng lẫy. Nông dân các nơi lũ lượt giương cờ của Phương Lạp nổi lên. Thái học sinh Lã Tương tham gia nghĩa quân hiến kế với Phương Lạp hãy nhân lúc Kim Lăng ít lực lượng phòng bị mà chiếm Kim Lăng, rồi trấn giữ Trường Giang mà xây dựng căn cứ địa ở vùng đông nam.

Mưu sĩ Trần Cô Dững cũng đề xuất trước hết nên chiếm Kim Lăng, sau đó vượt Trường Giang lật đổ triều Tống. Nhưng Phương Lạp lại tiến chiếm Giang Nam. Do đó, chỉ phái đại tướng Phương Thất Phật đem 1 cánh quân tiến lên phía bắc vây đánh Tú Châu, còn mình dẫn quân xuống phía nam đánh Vụ Châu.

Lúc này triều Tống quả thực lo sợ Phương Lạp chiếm Kim Lăng, dựa vào địa thế hiểm trở của Trường Giang mà chống triều đình, vội cử Đàm Trắc và Đồng Quán đem 15 vạn quân xuống phía nam vây đánh Phương Lạp.

Quân Tống vượt Trường Giang, chia binh giữ Kim Lăng, Trấn Giang, rồi phân 2 đạo, 1 sang phía đông tăng viện cho Tú Châu, 1 sang phía tây tới Hấp Châu, chuẩn bị cùng đánh nghĩa quân.

Phương Thất Phật đánh Tú Châu lâu ngày chưa hạ được, thấy viện binh quân Tống tới. Nghĩa quân bị đánh từ 2 phía, phải tử chiến phá vây, vừa đánh vừa rút, hơn 6 vạn quân chỉ còn lại trên 2 vạn.

Tháng Giêng năm 1121, đại quân của Phương Lạp đã chiếm Vụ Châu, Cù Châu, Xử Châu nhưng tướng Tống là Vương Bẩm lại thừa cơ tái chiếm Hàng Châu.

Đầu tháng 3, Phương Lạp tái công phá Hàng Châu, đánh nhau dữ dội với quân Vương Bẩm, cuối cùng bị thua, phải rút về phía nam.

Ít lâu sau, Mục Châu bị vây, Đàm Trắc và Đồng Quán dùng thủy quân và lục quân cùng đánh. Quân Phương Lạp bị địch lừa, đốt mất doanh trại, kho bãi, phải lui về Thanh Khê.

Quân Tống lung bắt gia quyến của các thủ lĩnh nghĩa quân để uy hiếp buộc họ đầu hàng. Những tướng sĩ nghĩa quân vì thương gia đình đành lần lượt ra hàng, như Mậu Nhị đại vương và Hồng Tài, 1 dũng tướng đặc lực của Phương Lạp. Toàn bộ mấy chục vạn quân dưới quyền chỉ huy của Hồng Tài bị di tản, khiến nghĩa quân đang đánh Tín Châu (thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây) ở phía nam bị thất lợi. Quân Tống đang vây đánh Phương Lạp tại vùng quê Thanh Khê cũng khỏi phải lo gì hậu phương.

Hơn 20 vạn nghĩa quân ở Thanh Khê đánh nhau dữ dội với quan quân, 7 vạn người hi sinh anh dũng, số còn lại tan tác. Phương Lạp cùng ít quân rút vào hang động bí mật. Quan quân dùng người địa phương thông thạo địa hình dẫn đường vây bắt, cuối cùng Phương Lạp cùng 52 người bị bắt.

Ngày 24/8, Phương Lạp bị hành hình. Từ lúc khởi binh, Phương Lạp đã chiếm được 6 châu, 52 huyện, nghĩa quân đông tới trăm vạn. Cuối cùng thất bại, do nhiều lí do, trong đó lí do chính là vào thời điểm quyết định đã không điều khiển được toàn cục, lại lui về cố thủ ở Tán địa (đất của mình).

“Kinh địa tắc vô chí”

Tại kinh địa, không nên nấn ná.

Tôn Quyền không nấn ná ở kinh địa, phá Hoán Thành

Thời Đông Hán, mùa đông năm Kiến An thứ 14 (năm 209), quân Tào Tháo ở Giang Lăng đánh mấy trận đều thua, tổn thất nặng, buộc phải rút về phía bắc. Tôn Quyền khống chế vùng trung và hạ lưu Trường Giang. Lưu Bị thừa cơ chiếm 4 quận Giang Nam thuộc Kinh Châu, bắt đầu có chỗ đứng. Thế là hình thành cục diện chân vạc Ngụy- Thục- Ngô (Tam Quốc).

Sau đó 3 thế lực Tào-Tôn-Lưu tạm ngưng chiến, ra sức phát triển thực lực, mở rộng địa bàn, để cuối cùng thôn tính nhau. Lưu Bị muốn chiếm Ích Châu, chỉ chờ cơ hội là ra tay.

Tào Tháo thấy nhất thời chưa thể tiêu diệt Tôn Quyền và Lưu Bị, hậu phương của mình do chiến tranh liên miên lại bị kiệt quệ, dồn sức khôi phục sản xuất, gia tăng quốc lực, đồng thời chuyển hướng sang phía Hán Trung, Ba Thục để khuếch trương thế lực. Đối với Tôn Quyền, Lưu Bị thì chủ yếu áp dụng sách lược phòng ngự. Tại Giang Hoài, Tào Tháo cho quân làm ruộng, nghỉ ngơi.

Tôn Quyền thấy tạm thời giải trừ được mối đe dọa từ phương bắc, thì tích cực khuếch trương về phía nam. Năm Kiến An thứ 15 (năm 210) chiếm toàn bộ Giao Châu. Đồng thời ở mạn tây bắc, Tôn Quyền chờ sơ hở của đối phương sẽ xuất binh chiếm đất Nang, Phàn và Ba Thục.

Tháng 5/214 (năm Kiến An thứ 19), suốt dải Trường Giang mưa lớn nhiều ngày, nước các sông dâng cao, rất có lợi cho chiến thuyền của quân Ngô xuất kích. Tướng Lã Mông kiến nghị với Tôn Quyền: “Gần đây Tào Tháo sai thái thú Lư Giang là Chu Quang đến Hoán Thành làm ruộng, trồng rất nhiều lúa nước. Đất Hoán phì nhiêu, đến kỳ thu hoạch, quân Ngụy sẽ dồn nhiều tới đó. Cứ vậy vài năm sau sẽ là mối đe dọa đối với quân ta, ta nên sớm diệt trừ”.

Thế là tháng 5 nhuận, Tôn Quyền nhân lúc nước sông dâng cao, đem quân theo Trường Giang, tiến sâu vào Hoán để đánh Hoán Thành. Nghĩ đây là thành nhỏ của Ngụy ở gần nước Ngô, về phương diện quân sự thuộc loại Kinh địa, không nên nấn ná ở lâu, nên vừa tới gần, Tôn Quyền đã triệu các tướng lại bàn cách đánh.

Các tướng mỗi người một ý, đa số khuyên Tôn Quyền nên đắp lũy cao ở phía, ngoài thành, chế tạo công cụ, chuẩn bị đủ rồi hãy đánh thành. Lã Mông nói: “Nếu đắp lũy cao, chế tạo công cụ cho đủ, thì tốn nhiều ngày. Trong thời gian đó, địch sẽ củng cố phòng bị, cử viện binh tới thì ta khó thắng. Huống hồ quân ta nhân mùa mưa mà kéo quân đến đây, nếu chờ lâu, nước rút, e thủy quân khó có đường về, tướng sĩ sẽ mất tinh thần. Vì vậy thần cho rằng đó là điều đáng lo. Ngoài ra Hoán Thành hiện phòng bị chưa kiên cố, quân ta đang hăng hái, chỉ cần dốc sức công phá từ bốn phía thì có thể đánh một trận là xong. Đánh xong ta rút luôn, thật tiện cho thủy quân. Đó mới là kế sách vẹn toàn”.

Tôn Quyền gật đầu khen phải. Lã Mông đề cử thái thú Tây Lăng là Cam Ninh làm Thăng Thành đốc đánh thẳng chính diện, Lã Mông dẫn binh tinh nhuệ áp sát phía sau.

Cam Ninh hăng hái dẫn đầu quân sĩ dùng thang xông lên thành. Lã Mông gióng trống đốc chiến. Quân sĩ hăng hái xung trận chém giết quân địch trên đầu thành.

Tào Tháo được tin quân Ngô tiến công Hoán Thành, liền sai tướng Trương Liêu đem quân cứu viện. Quân Ngô đánh từ sáng đến trưa đã chiếm được thành, bắt sống Chu Quang và mấy vạn dân trong thành. Trương Liêu dẫn quân đi gấp đến Giáp Thạch thì nghe tin Hoán Thành đã thất thủ, bèn kéo quân về. Tôn Quyền liền phong Lã Mông làm Thái thú Lư Giang.

“Tranh địa tắc vô công”

Tại tranh địa, không nên tùy tiện tiến công.

Trường Tôn Trĩ không đánh tranh địa mà chiếm được Quan Trung

Thời Nam Bắc triều, mùa đông năm Lương Vũ đế Đại Thống thứ nhất (năm 527), Tây thảo đại đô đốc kiêm Ung Châu thứ sử Tiêu Bảo Dần dẫn binh phản Bắc Ngụy, chiếm Quan Trung, tự xưng Tề đế, cải niên hiệu Nguyên Long Tự, sắp đặt bá quan ở Tràng An, tuyên bố đại xá.

Tiếp sau Tiêu Bảo Dần, Tiết Tu Nghĩa và Tiết Phụng Hiền ở Hà Đông cũng dẫn binh phản Ngụy, chiếm Diêm Trì, vây Bồ Bản, để hưởng ứng với Tiêu Bảo Dần.

Bồ Bản ở gần khúc quanh của sông Hoàng Hà, có Phong Lăng (nay là bến Phong Lăng) đối diện với Đồng Quan bên kia sông, là địa điểm xung yếu nối Hà Đông với Quan Trung. Tiêu Bảo Dần được Tiết Tu Nghĩa và Tiết Phụng Hiền hưởng ứng, liền chiếm Đồng Quan, tạo thành mối uy hiếp nghiêm trọng đối với triều Bắc Ngụy.

Triều đình lệnh thượng thư Trường Tôn Trĩ làm Hành đài thống soái, đem quân đi đánh Tiêu Bảo Dần, đô đốc Tông Chính Trân đi trừng phạt anh em họ Tiết.

Trường Tôn Trĩ đem quân tới Hằng Nông dò biết Tiêu Bảo Dần đem binh vây đánh Phùng Dực vẫn chưa hạ được, liền triệu các tướng lại thương nghị. Tướng Dương Khả hiển kế: Ngày xưa Ngụy Võ đế Tào Tháo đánh Hàn Toại, Mã Siêu tại Đồng Quan, nghe nói Hàn Toại, Mã Siêu tài năng thua xa Tào Tháo, vậy mà đôi bên đánh rất lâu vẫn không thắng bại, là do Hàn Toại, Mã Siêu dựa vào hình thế hiểm yếu của Đồng Quan, là nơi Tranh địa mà xưa nay ai cầm quân cũng muốn chiếm giữ. Nay quân của Tiêu Bảo Dần đã chiếm Đồng Quan, phòng ngự kiên cố, dù Ngụy Võ đế có sống lại cũng chưa chắc thắng nổi. Theo ý tôi, ta hãy cứu Bồ Bản trước, rồi vượt Hoàng Hà sang phía tây, đánh vào giữa hậu phương quân Tiêu Bảo Dần. Như vậy có thể giải vây cho Phùng Dực, quân giặc ở Đồng Quan lo giữ hậu phương sẽ tự di tản. Đã giải quyết được tiểu tiết, thì Tràng An có thể dễ dàng lấy lại. Nếu thống soái thấy ngu kế của tôi dùng được, tôi xin đi tiên phong".

Trường Tôn Trĩ đăm chiêu nói: “Kế ấy hay, nhưng ta nghe Tông Chính Trân đi đánh anh em họ Tiết đã phải dừng lại ở Ngu Bản. Quân ta làm sao tiến được?”

Dương Khả mỉm cười đáp: “Tông Chính Trân vốn là hạng tép riu, ngẫu nhiên được cử làm tướng, làm sao biết cách hành quân? Anh em họ Tiết chỉ là thứ ô hợp, chỉ cầm chần nôi Tông Chính Trân mà thôi”.

Trường Tôn Trĩ y theo kế của Dương Khả, phái con cả là Trường Tôn Tử Nghiên cùng Dương Khả tiến quân. 2 người dẫn kỵ binh từ Hạng Nông vượt Hoàng Hà, tiến đến Thạch Chùy Bích phái người đi các nơi tuyên cáo: “Đại quân sắp kéo đến, trăm họ phải lập lúc trở về thôn xóm, đợi khi quan quân đốt lửa thì tất cả thôn xóm phải đốt lửa hưởng ứng. Ai không làm theo bị coi là theo bọn phiến loạn, sẽ bị chém đầu”.

Dân chúng xa gần nghe tin đó lập tức truyền cho nhau. Nửa đêm, khi quan quân đốt lửa, ngay cả những người chống triều đình cũng phải giả bộ đốt lửa hưởng ứng. Ánh lửa sáng rực cả trăm dặm.

Quân của anh em họ Tiết đang vây Bồ Bản thấy lửa sáng rực 1 góc trời, cho rằng xóm làng đã bị quan quân chiếm lĩnh, liền cả kinh bỏ chạy. Anh em họ Tiết cố ngăn lại nhưng không nổi, phút chốc doanh trại trống không, đành phải dậm hàng.

Dương Khả và Trường Tôn Tử Nghiên thừa thắng, vượt Hoàng Hà tiến về Phùng Dực. Quân của Tiêu Bảo Dần đang vây Phùng Dực không đánh tự rút. Đạo quân đang chiếm Đồng Quan cũng hoảng hốt tháo lui. Dương Khả cho người phi báo với Trường Tôn Trĩ đem quân truy kích.

Trường Tôn Trĩ tức thời cất binh dễ dàng chiếm lấy Đồng Quan và hội quân với Dương Khả. Dương Khả tiếp tục tiến sang phía tây, đến gần Tràng An. Bộ tướng của Tiêu Bảo Dần là Quách Tử Khôi chặn không nổi, vừa đánh vừa rút.

Bộ tướng khác của Tiêu Bảo Dần là Hầu Chung Đức thấy Quách Tử Khôi thua chạy, tự ý kéo quân về Tràng An làm phản.

Tiêu Bảo Dần hạ lệnh nghênh chiến, nhưng quân sĩ đã mất hết tinh thần chiến đấu. Tiêu Bảo Dần vội tể ngựa chạy vào trong thành Tràng An, đem vợ con bỏ thành chạy trốn. Trường Tôn Trĩ đã không đánh tranh địa Quan

Trung mà cuối cùng chiếm được Quan Trung. Thành công này về sau được coi là ví dụ kinh điển trong tác chiến giành đất.

“Giao địa tắc vô tuyệt ”

Tại giao địa, phải bố trí quân có mối liên hệ mật thiết với nhau.

Lý Định Quốc quyết chiếm giao địa, đánh Quế Lâm

Cuối triều Minh, sau khi thủ lĩnh của nghĩa quân nông dân là Trương Hiến Trung chết, lực lượng còn lại dưới sự chỉ huy của đại tướng Lý Định Quốc di chuyển từ Tứ Xuyên xuống phía nam, đánh chiếm Quý Dương, Côn Minh... dần hình thành căn cứ địa chống nhà Thanh, lấy Vân Nam, Quý Châu làm trung tâm.

Đời Thanh, mùa xuân năm Thuận Trị thứ chín (năm 1625), quân Đại Tây (nghĩa quân) xuất binh đại phản công quân Thanh. Lý Định Quốc và Phùng Song Lễ dẫn 8 vạn quân tiến sang Hồ Quảng, ở phía đông lần lượt chiếm Nguyên Châu, Tịnh Châu, giết Tổng binh quân Thanh là Dương Quốc Huân. Chủ tướng quân Thanh là Châm Vĩnh Trung lui về cố thủ Tương Đàm.

Lý Định Quốc đóng quân ở Vũ Cương, phía đông Tịnh Châu, nghe tin lực lượng địch ở Quế Lâm ít ỏi, quyết định tiến xuống phía nam, trước hết là nhằm tiêu diệt đại tướng Định Nam vương Khổng Hữu Đức của quân Thanh. Lúc này Khổng Hữu Đức đang ở đông bắc Quế Lâm, dựa vào lực lượng quân phòng thủ đông đảo của Toàn Châu ở Hồ Nam. Giữa Toàn Châu và Quế Lâm có “giao địa” là Nghiêm Quan không có quân triều đình. Lý Định Quốc liền phái Trương Thăng, đem quân đến chiếm, đề phòng quân Thanh ứng cứu lẫn nhau.

Trương Thăng đi rồi, Lý Định Quốc cho Phùng Song Lễ làm tiên phong, tự đem đại quân đi sau.

Phùng Song Lễ tiến quân đến Dịch Hồ gặp hơn 1 vạn quân Thanh. Nghĩa quân chém chết tướng Thanh là Lý Hồi, thừa thắng tiến công Toàn Châu.

Lý Định Quốc nghe tin, lệnh cho Phùng Song Lễ tạm thời chỉ bao vây, chưa nên tiến đánh, nhưng lệnh chưa đến, Phùng Song Lễ đã chiếm được Toàn Châu. Lý Định Quốc đến hội quân với Phùng Song Lễ rồi tiến đánh Quế Lâm.

Khổng Hữu Đức nghe tin, đưa quân đi đánh, không ngờ quân Thanh đến Nghiêm Quan lại đầu hàng Trương Thăng. Khổng Hữu Đức phái cánh quân khác đi cũng lại đầu hàng nốt. Cuối cùng không còn tướng nào để phái đi

nữa, phải thân chinh cất quân đi đánh Nghiêm Quan. Trương Thăng đem quân đi mười dặm đánh lớn với quân Thanh, sau gần một ngày, Khổng Hữu Đức mới chịu lui binh.

Hôm sau, Khổng Hữu Đức lại kéo quân đến khiêu chiến. Lúc này Lý Định Quốc và Phùng Song Lễ đã tiến tới Nghiêm Quan, thế là 3 đạo nghĩa quân hợp lại, đánh một trận lớn với Khổng Hữu Đức. Lý Định Quốc từng mua rất nhiều voi từ Miến Điện, huấn luyện một binh đội đặc biệt gọi là đội “Đại Tượng”. Giữa lúc đôi bên kịch chiến, khó phân thắng bại, Lý Định Quốc cho đội Đại Tượng tham chiến.

Đúng lúc ấy trời lại nổi cơn mưa lớn, sấm sét vang trời, quân địch đại loạn, Lý Định Quốc chỉ huy quân sĩ tràn tới đâm chém. Xác quân Thanh ngổn ngang chiến trường. Khổng Hữu Đức rút về Quế Lâm cố thủ.

Lý Định Quốc bao vây, đốc quân ngày đêm đánh phá Quế Lâm. Quân địch trong thành nao núng. Bộ tướng của Khổng Hữu Đức bí mật đầu hàng, bản tên có mang thư ra ngoài thành chỉ chỗ vượt tường thành mà vào. Lý Định Quốc cho người bắc thang theo lối đó tiến vào thành mà tấn công. Quân Thanh tan rã. Khổng Hữu Đức hết đường, phải châm lửa đốt mình tự vẫn.

“ Trọng địa tắc lược ”

Tại trọng địa phải chiếm được lương thảo.

Gia Cát Lượng ở trọng địa gặt lúa mạch, đánh Tư Mã

Tháng 2 năm Thục Kiến Hưng thứ 9 (năm 231), Gia Cát Lượng lần 4 kéo quân ra Kỳ Sơn. Lúc này Ngụy Đại tư mã Tào Chân có bệnh. Minh đế Tào Tuấn lệnh cho Tư Mã Ý cùng các tướng Trương Cáp, Phí Diệu đem binh tây tiến kháng cự quân Thục.

Tư Mã Ý sai Phí Diệu và Đới Lăng để 4000 quân ở lại giữ Thượng Nhai. Còn mình dẫn đại quân đến cứu Kỳ Sơn, cử Trương Cáp làm tiên phong.

Khi Tư Mã Ý đến Kỳ Sơn, thấy Gia Cát Lượng để một lực lượng nhỏ ở đó, bản thân Gia Cát Lượng đã dẫn quân chủ lực đến gần Thượng Nhai. Phí Diệu và Đới Lăng nghe tin Gia Cát Lượng tới, đem quân nghênh chiến, bị quân Thục đánh thua to.

Gia Cát Lượng đã tiến sâu vào đất địch, cách đất Thục quá xa, đường sá bất tiện, tuy đã dùng trâu gỗ vận lương, nhưng tướng Lý Nghiêm phụ trách vận lương hoàn toàn bất tin, cho nên tướng thực của quân Thục cạn dần.

Thượng Nhai nằm ở lưu vực sông Vị, tục gọi Lũng Thượng, bốn phía ruộng đồng phì nhiêu. Lúc này đang mùa lúa chín vàng rục cánh đồng. Gia Cát Lượng luôn giữ nghiêm kỷ luật quân đội, không cho phép tư hào của dân. Thuộc hạ phải hỏi thừa tướng xem có thể gặt lúa ngoài đồng để lấy lương ăn cho bộ đội hay chăng. Gia Cát Lượng đáp: “Tôn tử nói “Trọng địa tắc lược”, nghĩa là khi tiến sâu vào đất địch, lương thảo chưa tới, có thể thu hoạch lương thảo ở địa phương để chu cấp”.

Quân Thục tranh nhau ra đồng gặt lúa, quân Ngụy mới thua trận, không dám đánh, đành ở trong thành nhìn quân Thục ở bên ngoài gặt hết lúa chờ đi.

Tư Mã Ý không gặp chủ lực quân Thục ở Kỳ Sơn, liền bỏ mặc Kỳ Sơn đang bị vây mà kéo quân cứu Thượng Nhai, gặp chủ lực quân Thục ở phía đông Thượng Nhai.

Tư Mã Ý thấy toàn bộ lúa mạch ở Lũng Thượng đã bị quân Thục thu hoạch hết, đau khổ, nhưng biết việc vận lương của đối phương rất khó khăn.

Số lúa thu được kia chỉ cầm cự được ít ngày, chẳng thể lâu dài. Nên Tư Mã Ý cố thủ, không giao chiến với quân Thục.

Gia Cát Lượng khiêu chiến chẳng được, thấy lương thực sắp cạn, bắt đặc dĩ lui quân về Kỳ Sơn cốt điều động quân Ngụy để chờ cơ hội mà đánh.

Tư Mã Ý đem quân bám theo tới Xi Thành (tây Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc), tướng tiên phong Trương Cáp xin đánh, Tư Mã Ý không cho. Các tướng Ngụy bất mãn, nói xấu sau lưng “sợ quân Thục như sợ cọp”. Đầu tháng 5, Tư Mã Ý cho giao chiến với quân Thục, bị đại bại, thương vong 3000, mất nhiều xe ngựa. Tư Mã Ý lại cố thủ không đánh. Gia Cát Lượng không thể chờ thêm, đành rút quân về nước.

Đại tướng Trương Cáp dẫn quân đuổi theo, đến Mộc Môn thì gặp phục binh quân Thục, bị trúng tên mà chết. Gia Cát Lượng xuất quân, lần này tuy không đạt mục đích đề ra, nhưng biết vận dụng sách lược “Trọng địa tắc lược” mà được lương ăn và thu được phần nào thắng lợi.

“Vi địa tắc mưu”

Tại vi địa phải dùng mưu kế.

Lý Tự Thành dùng kế, ra khỏi “vi địa” Xa Tương

Mùa đông năm Minh Sùng Trinh thứ sáu (năm 1633) các thủ lĩnh nghĩa quân như Cao Nghinh Tường, Lý Tự Thành, Trương Hiến Trung, nhân sông Hoàng Hà đóng băng, chỉ huy nghĩa quân phá vỡ vòng vây của quân Minh ở phía bờ Hoàng Hà và tràn xuống vùng Trung Nguyên rộng lớn.

Lực lượng phòng bị của quan binh ở Hà Nam tương đối mỏng, nên chỉ 1 tháng, nghĩa quân đã vượt hàng ngàn dặm, tràn ngập các huyện phía tây, tỉnh Hà Nam. Nghĩa quân hành động mau lẹ, xuất quỷ nhập thần, phá thành cướp huyện, khiến quân nhà Minh khó bề đối phó.

Mùa xuân năm Sùng Trinh thứ 7, Minh Tư Tông Chu Do Kiểm phong Trần Kỳ Du làm tổng đốc 5 tỉnh Thiểm, Tấn, Dự, Sở, Xuyên, tiến hành cuộc vây diệt đại qui mô với nghĩa quân.

Trần Kỳ Du tập trung mười mấy vạn quân ở Hà Nam, Hồ Quảng. Nghĩa quân sau mấy trận giao chiến sơ sơ với quan binh bị thất lợi, liền tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, trở về căn cứ cũ của mình ở Thiểm Tây.

Trần Kỳ Du thắng mấy trận, tự đắc cho là nghĩa quân thua chạy, bèn đuổi theo. Lý Tự Thành thấy quân triều đình tràn vào Thiểm Tây, sợ nguy hiểm cho lực lượng chủ lực, liền phái 1 cánh quân tiến đánh Tứ Xuyên. Quan binh ở Tứ Xuyên tới tấp báo nguy. Trần Kỳ Du cả sợ, lại điều quân ngày đêm kéo sang Tứ Xuyên.

Sau khi điều được chủ lực quan binh sang Tứ Xuyên, Lý Tự Thành lập tức chia quân 3 đạo tiến đánh Hồ Quảng là nơi lực lượng triều đình mỏng.

Nghĩa quân tiến đến phủ Hưng An, thì gặp quan quân của Trần Kỳ Du từ Tứ Xuyên kéo lại. Lực lượng chênh lệch, nghĩa quân anh dũng chiến đấu, song bị địch bao vây tứ phía, buộc phải rút vào hẻm núi Xa Tương. Đây là 1 hiệp cốc dài 40 dặm, 4 bề núi cao, vách đá dựng đứng, hầu như không có cây nào mọc được.

Trần Kỳ Du thấy nghĩa quân đã bị dồn vào đó, liền sai binh mã chặn các cửa ra ở 4 phía. Nghĩa quân như bị nhốt trong lồng sắt lớn. Không may trời mưa lớn, nghĩa quân đành căng lều bạt trú, chờ tạnh mưa sẽ tính. Nào ngờ

trời mưa liên tục hơn 70 ngày, ai nấy ướt như chuột, binh sĩ lăn ra ốm gần hết, lại thiếu lương thực, thuốc men, mấy vạn nghĩa quân lâm vào tình thế tuyệt vọng.

Quan binh từ trên đỉnh núi thường phóng tên gấn thư xuống khuyên hàng. Lý Tự Thành lo lòng quân sinh biến, đứng ngồi chẳng yên. Lúc này mưu sĩ Cố Quân Ân hiến kế: “Quan quân tham lợi, muốn hưởng công, lại sợ ta liều chết nên chưa vội đánh. Chúng ta có thể hiến châu báu trá hàng...”

Lý Tự Thành lắc đầu: “Kế này đã dùng khi chúng ta vượt qua Hoàng Hà, địch đâu chịu tin lần nữa?”. Cố Quân Ân nói: “Vụ đó, viên quan đương sự sợ tội không dám tâu về triều, nên triều đình chưa biết. Còn giám quân lần này là thái giám Dương Ứng Triều, một kẻ tham lam vô độ. Nếu mua chuộc được y, việc lớn ắt thành”.

Cao Nghinh Tường, Trương Hiến Trung cho rằng có lý, cứ thử một chuyến, nếu không, chờ địch tiến công thì đằng nào cũng sẽ bị địch tiêu diệt. Lý Tự Thành nghĩ 1 lát, nói: “Vây phiến tiên sinh vất vả một phen”.

Cố Quân Ân ra cửa lớn tiếng đòi gặp Dương giám quân. Lính giữ ải không dám chậm trễ, đưa vào gặp. Cố Quân Ân liền dâng báu vật nói: “Sự biến lần trước không phải là chủ ý của 2 thủ lĩnh Cao, Lý. Nay các thủ lĩnh đều tình nguyện được chiêu an”. Đoạn cung kính khéo nói một hồi.

Dương Ứng Triều thấy vàng bạc châu báu thì sáng mắt ra, cười đáp: “Chỉ cần các vị thành tâm, ta sẽ cố thuyết phục Trần tướng quân”.

Cố Quân Ân lại rút lót cho viên quan kề cận bên Trần Kỳ Du. Quan quân vốn tham sống sợ chết, không dám liều mình đánh nhau với nghĩa quân, nay được hối lộ, nên đều nói thêm cho nghĩa quân để Trần Kỳ Du thuận cho nghĩa quân nhận “chiêu an”. Trần Kỳ Du nghĩ nghĩa quân đã cùng đường, nên tin việc xin hàng là thật, bèn gửi sớ về triều. Tháng 6 năm đó, Chu Do Kiềm phê chuẩn, đồng ý chiêu an.

Trần Kỳ Du liền cho kiểm điểm quân số nghĩa quân trong hiệp cốc, cả thảy 3 vạn 6 ngàn người. Cứ một tốp trăm người lại phái một quan quân giám thị đưa họ về quê.

Thế là nghĩa quân được ăn no và ra khỏi hiệp cốc, Tháng 8 nhuận, khi đã ra hết khỏi hẻm núi, trong 1 ngày đêm, nghĩa quân bắt ngờ giết sạch quan

quân giám thị, tiến về Thiểm Tây. Bấy giờ Trần Kỳ Du sức tình, điều quân gấp vây diệt nghĩa quân, và bắt mấy thuộc hạ chịu tội thay.

Nghĩa quân như mãnh hổ về rừng, liên tiếp đánh chiếm Bảo Khê, Lâm Du, đội ngũ phát triển lên tới hơn 20 vạn người. Nhiều quan quân tới tấp gửi sớ về triều buộc tội, Trần Kỳ Du bị cách chức và hạ ngục.

“Tử địa tắc chiến”

Tại tử địa phải quyết chiến để sống còn.

Trịnh Thành Công ở tử địa quyết chiến, thắng quân Thanh

Thanh Thuận Trị năm thứ ba (năm 1646), người nắm thực quyền quân chính của triều Nam Minh là Trịnh Chi Long đầu hàng nhà Thanh. Nam Minh diệt vong. Quân Thanh cho rằng miền duyên hải đông nam đã được bình định, liền chuyển mục tiêu sang phía tây nam và trung nam.

Con trai Trịnh Chi Long là Trịnh Thành Công chạy về Nam Áo lợi dụng sự phòng bị của quân Thanh ở vùng duyên hải yếu mỏng, lấy Hạ Môn làm căn cứ địa mà chống Thanh.

Năm 1652, tại Giang Đông Kiều, Trịnh Thành Công mai phục tiêu diệt chủ lực quân Thanh tại Phúc Kiến, rồi vây đánh Chương Châu.

Qua trận Giang Đông Kiều, triều Thanh không dám coi thường Trịnh Thành Công, liền phái hơn một vạn quân tinh nhuệ, gọi là quân “Bát Kỳ” tiến vào Phúc Kiến để tăng viện cho Chương Châu. Quân Thanh rút kinh nghiệm thất bại lần trước, thay đổi sách lược. Chủ lực theo đường lớn tiến công, cho 1 cánh quân theo đường nhỏ bên phải đến Trường Thái đánh vào sau quân Trịnh Thành Công.

Trịnh Thành Công biết tin đó, lập tức hạ lệnh rời khỏi Chương Châu. Đầu tháng 10, quân Thanh tiến đánh nghĩa quân đang đóng ở đông nam Chương Châu. Lần này Trịnh Thành Công không địch nổi sức tấn công mạnh mẽ và ưu thế kỹ binh của quân Thanh, buộc phải lui về cố thủ ở Hải Đăng.

Hải Đăng là cửa ngõ của Hạ Môn. Chiếm được nơi này có thể phản công cứ điểm Than Đầu ở đại lục, mất nơi này sẽ làm cho Hạ Môn bị quân Thanh uy hiếp, hậu quả khó lường. Trước mặt Trịnh Thành Công là cường địch, sau lưng là biển lớn, nơi này giới quân sự gọi là "tử địa". Vì thế, Trịnh Thành Công quyết tâm tử chiến với quân Thanh.

Nghĩa quân từ trước đến giờ quen đánh dã chiến, lấy công làm thủ. Nhưng lần này Trịnh Thành Công đánh với quân “Bát Kỳ” theo cách đó sẽ không lợi, nên đổi cách đánh, lấy phòng ngự làm chính, chờ cơ hội diệt địch”.

Thang 5/1653, sau khi nghỉ ngơi và chuẩn bị quân Thanh bắt đầu tấn công Hải Đăng. Trịnh Thành Công tay giơ chiếc ấn lớn do Nam Minh Long đế ban tặng có khắc hàng chữ “Chiêu thảo đại tướng quân ấn” trước mặt tướng sĩ mà tuyên thệ “Thà là ngọc nát, hơn làm ngói lành” động viên mọi người anh dũng chiến đấu, khôi phục giang sơn nhà Minh. Rồi tuyên bố: “Người nào cảm tử lập công, sẽ được chuyển tặng chiếc ấn này?”

Quân Thanh hay tin nghĩa quân thay đổi cách đánh chủ trương cố thủ, cũng tạm thời án binh bất động, định dùng ưu thế hoả công ngày ngày bắn phá Hải Đăng.

Nhiều ngày thành Hải Đăng khói lửa cuồn cuộn, các hàng rào gỗ và doanh lũy bị bắn phá đổ nát, binh sĩ thương vong rất nặng. Trong tình hình nguy cấp, Trịnh Thành Công đích thân đến từng nơi xem xét, thăm hỏi chiến sĩ, ra lệnh làm hầm hố chống pháo kích để bớt thương vong.

Chợt có tin thám báo đạn pháo của quân Thanh sắp hết chưa thể bổ sung. Trịnh Thành Công đoán địch sắp tìm cách quyết chiến. Ông lệnh: “Nửa đêm hãy bí mật đem hết hoả dược (thuốc súng) trong kho ra chôn ở chiến hào bên ngoài thành, nối dây giạt ngầm dưới đất dẫn vào trong thành”. Đồng thời triệu tập các tướng phổ biến cách đánh: trước hết dụ địch tiến vào chiến hào ngoài thành, sau đó cho nổ bộc phá, rồi xông ra diệt địch.

Đúng như Trịnh Thành Công phán đoán, sớm hôm sau quân địch pháo kích dữ dội vào thành, rồi xua quân xáp tới dày đặc.

Quân tiền duyên của Trịnh Thành Công nghênh chiến đánh xáp lá cà ác liệt với địch, lúc trời sáng rõ thì họ giả thua, dụ quân địch vào chiến hào. Địch không chút phòng bị, lập tức đuổi theo. Trịnh Thành Công thấy phần lớn quân chủ lực của địch đã lọt vào chiến hào và quân mình đã rút hết vào trong thành, liền hạ lệnh cho nổ bộc phá. Phút chốc những tiếng nổ rung chuyển trời đất. Xác quân địch bắn tung toé. Bộc phá vừa nổ xong, nghĩa quân liền xông ra tiêu diệt toàn bộ những tên địch sống sót. Nghĩa quân thừa thắng truy kích, quân Thanh chỉ còn một ít tàn binh chạy thoát.

Trong chiến dịch Hải Đăng, Trịnh Thành Công đã xem xét kỹ tình hình, dũng cảm chiến đấu, cuối cùng giành toàn thắng tại Tử địa, sau đó, thừa thế tiến binh, khống chế hàng ngàn dặm duyên hải, quân số lên tới 20 vạn, trở thành lực lượng chủ yếu chống Thanh thời bấy giờ.

“Cổ chi thiện dụng binh giả, năng sử địch nhân tiền hậu bất tương cập, chúng quả bất tương ý, quý tiện bất tương cứu, thượng hạ bất tương thu, tốt ly nhi bất tập, binh hợp nhi bất tề”.

Ngày xưa người giỏi chỉ huy tác chiến có thể làm cho địch ở trước và ở sau không chiếu cố được cho nhau, đội quân nhỏ và đoàn quân lớn không dựa vào nhau, cấp trên cấp dưới không cứu viện nối nhau, trên dưới mất liên lạc, binh sĩ tản mác khó tập trung, bày trận giao chiến cũng không chỉnh tề.

Lưu Tú bất ngờ đánh vào chỗ yếu, thắng trận Côn Dương

Những năm Vương Mãng mới cầm quyền, sưu thuế lao dịch quá nhiều, lút lội hạn hán liên tiếp, dân chúng cực khổ. Nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổi lên, đặc biệt là nghĩa quân Xích Mi ở Sơn Đông và Lục Lâm ở Trung Nguyên.

Các tôn thất nhà Tây Hán như Lưu Huyền, Lừa Diễn, Lưu Trọng, Lưu Tú, ... đều gia nhập Lục Lâm quân của Vương Khuông, Vương Phụng.

Tháng Giêng năm Vương Mãng Địa hoàng thứ tư (năm 23), Lục Lâm quân tiến sang phía Tây, đến Uyển Thành, 1 vị trí quân sự trọng yếu của Vương Mãng.

Tháng 2, nghĩa quân tôn Lưu Huyền lên làm Hoàng đế, lập chính quyền nhà Hán, đổi niên hiệu là Canh Thủy, phong Lưu Diễn làm Đại tư đồ, Lưu Tú làm Thái thường phiên tướng quân, các đạo nghĩa quân thống nhất gọi chung là quân Hán.

Quân Hán chia làm 2 đạo, 1 đạo chủ lực vây đánh Uyển Thành, đạo kia do Lưu Tú chỉ huy tiến về phía nam Dĩnh Thủy, tháng 3 chiếm Côn Dương, Đĩnh Lăng và Yến Thành.

Tin quân Hán liên tiếp thắng trận truyền về Tràng An, Vương Mãng lo lắng, lệnh Đại tư không Vương Ấp, Đại tư đồ Vương Tầm điều binh các châu quận để tiêu diệt quân Hán, đồng thời chiêu mộ những người giỏi binh pháp trong thiên hạ làm tham mưu, chọn một viên tướng có thân mình cao hơn trượng và dùng cả đàn voi, hổ, báo, lê giác- để trợ uy cho quân mình. Nhờ thế, Vương Mãng huy động được 30 vạn quân, nói thêm lên là được 100 vạn quân, khi hành quân thì tinh kì rợp trời, xe ngựa chập chịt, kéo dài hàng trăm dặm.

Quân Hán thấy thanh thế quân địch quá hùng hậu, có 1 tướng khổng lồ dẫn bày dã thú hùng hổ tiến đến thì kinh hoàng chạy về thành Côn Dương.

Các tướng lo sợ cho tính mạng mình và gia quyến, đều muốn rời bỏ Côn Dương, tản về các địa phương của mình. Duy có Thái Thường phiên tướng quân Lưu Tú vẫn bình tĩnh như không.

Ông nói: “ Nay Côn Dương binh lực, lương thực ít ỏi, quân địch hùng mạnh, phải trông cậy vào ý chí quyết chiến của tất cả mọi người mới mong thắng. Nếu lại tản đi, thì chẳng có ai có thể toàn mạng”. Lưu Tú nhìn các tướng 1 lượt rồi phân tích: “Quân ta chưa chiếm được Uyển Thành, nếu thành Côn Dương này bị quân Vương Mãng đánh tan, thì chủ lực quân ta đang vây đánh Uyển Thành sẽ vô cùng nguy hiểm. Các ông không lo đồng tâm hiệp lực cố thủ thành này, mà chỉ lo cho vợ con, của cải của mình, không sợ thiên hạ chê cười sao?”.

Thành quốc thượng công Vương Phụng giận dữ ngắt lời Lưu Tú: “Lưu tướng quân có đảm lược gì mà dám nói năng như vậy?”. Lưu Tú mỉm cười không đáp. Vừa hay có thám mã vào phi báo: “Quân Vương Mãng đã tới phía bắc thành, đội ngũ dài trăm dặm, không biết phía đuôi dài đến đâu nữa”.

Các tướng nghe xong đều tái mặt. Địch đã tới dưới thành, có chạy cũng đã muộn. Vương Phụng này giờ coi thường Lưu Tú, nhưng lúc nguy ngập, thấy Lưu Tú bình tĩnh, đành đề nghị Lưu Tú bày kế. Lưu Tú liền phân tích tình hình và vạch kế hoạch hành động: Lúc này quân sĩ trong thành chỉ sót 1 vạn, không nên xuất chiến. May thành lũy kiên cố, có thể cố thủ. Vậy hãy để Vương Phụng và Đình úy đại tướng quân Vương Thường ở trong thành cố thủ. Lưu Tú và tướng Lý Dật dẫn ba chục kỵ binh mau chóng ra cửa nam, luồn rừng tới Định Lăng và Yến Thành trưng tập viện binh. Các tướng chưa nghĩ ra kế gì khác, đều tán thành ý kiến Lưu Tú. Đêm ấy Lưu Tú, Lý Dật lập tức lên đường.

Vương Ấp và Vương Tâm dẫn 10 vạn quân bao vây Côn Dương. Tướng Nghiêm Vũ kiến nghị với Vương Ấp: “Côn Dương nhỏ, nhưng thành cao hào sâu, khó hạ được ngay. Mà Lưu Huyền xưng đế thì hiện đang vây đánh Uyển Thành. Nếu đại quân ta tới Uyển Thành, Lưu Huyền ắt bỏ chạy. Bây giờ Côn Dương tự khắc sẽ đầu hàng”.

Vương Ấp không thèm nghe ý Nghiêm Vũ, cho rằng mình chỉ huy hàng chục vạn quân, gặp thành không hạ được thì còn gì là uy danh? Cho nên trước tiên phải chiếm Côn Dương sau đó thừa thắng tiến quân thì mới “oanh liệt”.

Vương Ấp chỉ huy đại quân bao vây Côn Dương thành nhiều lớp, dựng hơn một trăm doanh trướng, trống trận gióng nghe vang xa mấy chục dặm,

thật là vòng vây chặt đến mức con kiến khó lọt qua.

Lưu Tú đến Yên Thành, Định Lăng, muốn trưng tập các đơn vị nghĩa quân nơi đó đi cứu viện Côn Dương. Các tướng ở đây lại sợ mất của, chỉ định ở lại cố thủ riêng rẽ. Lưu Tú nói: “Nếu phá được quân địch, thì số chiến lợi phẩm thu về sẽ gấp hàng trăm số của cải hiện có, lại lập công lớn. Còn nếu để địch đánh bại, thì ngay cả tính mạng của chúng ta cũng khó toàn, nói gì đến của cải. Còn người thì còn tất cả”. Chư tướng nghe có lý, mới chịu dốc toàn bộ lực lượng đi cứu viện.

Tháng 6, viện binh tới gần Côn Dương. Lưu Tú thân chinh dẫn hơn 1000 bộ, kỵ tinh nhuệ đi tiên phong, đến bày thế trận chỉ cách đại quân Vương Mãng 4,5 dặm. Vương Ấp thấy viện binh quân Hán chỉ hơn ngàn người, chắc không chịu nổi một đòn, bèn sai mấy ngàn quân ra nghênh chiến. Lưu Tú tế ngựa xông thẳng tới chém liền mấy chục tên địch. Quân sĩ thấy chủ tướng dũng mãnh liền cảm thấy dũng khí trào dâng, cũng dũng mãnh xông lên đánh cho địch thua to.

Trận đầu thắng lợi, tướng sĩ Hán hăng hái hẳn lên, sẵn sàng lấy 1 chọi 10. Lưu Tú lại bày kế cho người mang thư vào thành cho Vương Phụng mật báo rằng “Lưu Huyền đã hạ được Uyển Thành”, song lại cố tình đánh rơi mật thư để cho quân địch nhặt lấy. Tin quân Hán đã chiếm Uyển Thành khiến tinh thần quân địch dao động, sa sút hẳn.

Lưu Tú thấy thời cơ phản công đã tới, bèn chọn 3000 dũng sĩ tế chức thành đội cảm tử, vòng ra phía tây thành Côn Dương, bất ngờ vượt sông Côn xộc thẳng vào đại bản doanh chỉ huy của địch.

Trời vừa sáng thì đội cảm tử của Lưu Tú đột ngột xuất hiện ở gần đại bản doanh quan quân, khiến thế trận quan quân rối loạn. Vương Tâm, Vương Ấp trở tay không kịp, vội lệnh các đơn vị cứ ở nguyên vị trí, chưa có lệnh không được tự tiện hành động, để tránh thế trận khỏi bị hỗn loạn hoàn toàn.

Cuộc kịch chiến bắt đầu, quân Hán hăng say, dũng mãnh, cảm tử, quân địch không chống nổi, mau chóng rối loạn đội hình, Vương Tâm bị chém chết, Vương Ấp thấy nguy, bỏ cả quân sĩ mà chạy trốn. Quân sĩ mất chủ tướng, khác gì rắn không đầu, bị đánh tan nát. Các đơn vị khác vì chưa có lệnh nên không dám rời bỏ vị trí. Thấy đồng đội ở phía trước rút chạy lại không dám cứu viện. Chờ đến khi tan tác, thì có cứu cũng đã muộn.

Quân Hán trong thành thừa thế mở cửa thành xông ra, phối hợp với viện binh từ bên ngoài đánh vào. 10 vạn quân Vương Mãng tan tác như ong vỡ tổ. Chúng giày xéo lên nhau mà chạy, đúng hôm ấy trời sấm chớp ùng ùng, mưa trút xuống như thác, nước sông Trĩ dâng cao, quân Vương Mãng càng kinh hoảng. Đội dã thú voi, hổ báo... không thể phát huy thần uy, con nào con ấy bỏ chạy về rừng. Viên tướng khổng lồ thì chết đuối dưới sông Trĩ. Dòng sông Trĩ nhấn chìm hơn một vạn tên địch tháo chạy, có đoạn xác chết làm nghẽn cả dòng chảy, Vương Ấp, Nghiêm Vũ đạp lên xác người ngựa mà vọt qua sông mới thoát chết.

Quân Hán thu không biết bao nhiêu là chiến lợi phẩm, chở hơn 1 tháng vẫn chưa hết. Số còn lại phải đem thiêu hủy.

Lúc này Uyển Thành cũng bị quân Hán chiếm xong. Đại tư mã Vương Ấp chỉ còn mấy ngàn vệ sĩ chạy về được Lạc Dương. Tin bại trận truyền về Tràn An, triều đình Vương Mãng cực kỳ lo sợ. Cường hào các nơi thừa cơ dấy binh, giết quan lại ở địa phương, may cờ quân Hán để chờ đón quân của Lưu Huyền tới.

Tháng 9 năm Địa Hoàng thứ 4 (năm 23), quân Hán đánh Lạc Dương. Tháng 10 đại quân tiến đến Tràn An. 3 tháng sau trận đánh lớn ở Côn Dương thì triều đình Vương Mãng sụp đổ hoàn toàn.

“Cảm vấn: “Địch chúng dĩ chinh, tương lai, đãi chi nhược loà?” Viết: “Tiên đoạn kỳ sở ái, tắc thính hĩ”.

Hỏi: “Nếu quân địch đông đảo, thế trận lại nghiêm chỉnh mà tấn công ta, thì ta phải làm sao?” Đáp: “Ta hãy chiếm trước điều kiện có lợi nhất của địch, thì sẽ buộc chúng phải theo sự bố trí của ta”.

Lưu Miện tấn công vào chỗ dựa chính của địch, cứu Công Chúa

Đường Văn Tông, năm Khai Thành thứ 5 (năm 840), tộc Hồi Hột phương Bắc bị tộc Hiệp Giáp Ti ở phía tây đánh bại, phải chạy tản đi nơi khác.

Một bộ phận tộc Hồi Hột chạy đến vùng biên giới Thiên Đức Quân (vùng Ô Lạp Đặc trên đất Mông cổ) của nhà Đường, tháng 2/341, năm Đường Võ Tông Hội xương thứ nhất, lập Ô Hi Đặc Lạc lên làm Khả Hãn Ô Giới.

Nguyên khi Hồi Hột bị tộc Hiệp Giáp Ty đánh bại, thì công chúa Thái Hoà (tức trưởng nữ của Đường Hiến Tông, cô ruột của Đường Võ Tông) cũng bị Hiệp Giáp Ti bắt đi.

Người Hiệp Giáp Ty tự xưng là hậu duệ của Lý Lăng (từng là kỵ đô úy thôi Hán Võ đế, từng đem quân đánh Hung Nô bị thua, đầu hàng Hung Nô rồi chết bệnh ở đó), cùng 1 họ với hoàng đế nhà Đường, muốn giao hảo với nhà Đường, nên tháng 11 năm đó (năm 841), cho sứ giả đưa công chúa Thái Hoà về Đường.

Khả Hãn Ô Giới hay tin, lập tức cho quân đi giết sứ giả hộ tống, đoạt lại công chúa Thái Hoà, đề nghị mượn thành Chấn Võ của nhà Đường ở biên giới (đất Mông cổ) làm chỗ ở cho công chúa và Khả Hãn Ô Giới.

Đường Võ Tông viện cớ chưa hề có thông lệ mượn thành như vậy để từ chối đề nghị của tộc Hồi Hột, nhưng vì công chúa Thái Hoà đang bị họ khống chế, đành phái sứ giả đến thăm hỏi và tặng Hồi Hột 2 vạn học lương.

Khả Hãn Ô Giới chưa chịu, thế là tháng 5 năm sau, lại đề xuất mượn thành Thiên Đức của nhà Đường, cũng bị Đường Võ Tông cự tuyệt.

Khả Hãn Ô Giới dựa vào việc nành đang khống chế công chúa Thái Hoà, cho quân thường xuyên cướp bóc vùng đất nằm giữa Thiên Đức và Chấn Võ, tháng 8/842 lại cho quân đột nhập Đại Đồng Xuyên, Hà Đông, mà cướp phá.

Đường Võ Tông bèn cử tiết độ sứ Hà Đông và Lưu Miện kiêm nhiệm Chiêu phủ Hồi Hột sứ và định rõ: nếu cần sử dụng binh lực, thì binh mã các

đạo hành doanh sẽ đều do Lưu Miện chỉ huy.

Binh mã Hồi Hột bị Hiệp Giáp Ti đánh bại, tuy có suy giảm, nhưng vẫn tự khoe đông tới 10 vạn. Mùa xuân năm 843, Khả Hãn Ô Giới đem quân xâm nhập Chấn Võ, khí thế hung hăng.

Lưu Miện cho mời Thứ sử Lâm Châu là Thạch Hùng và Đô Tri binh mã Vương Phùng tới, nói: “Khả Hãn Ô Giới hoành hành như thế là do hãn đang nắm công chúa Thái Hoà. Nay phiên hai ông đem quân đến Chấn Võ bất ngờ đánh vào doanh trưởng của Ô Giới đưa được công chúa về đây, thì quân Hồi Hột khắc bại”.

Thạch Hùng và Vương Phùng vâng lệnh đem 3000 kỵ binh đi trước, Lưu Miện dẫn đại quân tiến sau. Đến Chấn Võ, Thạch Hùng cùng chư tướng lập tức lên lầu thành quan sát tình hình, thấy bên cạnh doanh trưởng của chủ soái có mấy chục cỗ xe phủ vải nỉ, người ra vào xe đều mặc áo xanh áo hồng, có vẻ là người Hán. Thạch Hùng liền phái một người đi trinh sát xem công chúa Thái Hoà ở trong chiếc xe nào mà dặn dò: “Khi quân ta tiến công, xin công chúa và những người hầu cận ở nguyên trong xe giữ thân, đừng di động”.

Tối đó, Thạch Hùng lệnh bí mật khoét 10 lỗ hổng lớn trên tường thành, đồng thời kỵ binh chuẩn bị sẵn sàng xuất kích. Nửa đêm, Thạch Hùng hạ lệnh, toàn thể kỵ binh thần tốc vọt qua các lỗ hổng, tiến vào doanh trại địch. Theo đúng kế hoạch, Thạch Hùng dẫn quân đánh vào doanh trưởng của Khả Hãn và bảo vệ chặt chẽ xung quanh xe của công chúa Thái Hoà. Đến lúc này quân Hồi Hột mới phát hiện địch, Khả Hãn Ô Giới muốn mang công chúa Thái Hoà đi theo đã muợn, đành vứt bỏ hết mà chạy.

Thạch Hùng truy kích, đến Hồ Sơn thì đuổi kịp, đôi bên triển khai ác chiến. Cuối cùng quân Hồi Hột thảm bại. Khả Hãn Ô Giới bị trọng thương, may nhờ vài trăm tinh binh hộ vệ trốn thoát. Trận này quân Đường diệt hơn 1 vạn, bức hàng 2 vạn người Hồi Hột. Thạch Hùng đưa công chúa Thái Hoà về triều.

Lưu Miện phái người về báo tin Thạch Hùng đánh bại quân Hồi Hột. Thạch Hùng được phong làm Đô phòng thứ sử Phong Châu. Quân Hồi Hột từ đó không dám quấy nhiễu nữa.

“Binh chi tình chủ tốc, thừa nhân chi bất cập, do bất ngu chi đạo, công kỳ sở bất giới dã”

Tình thế, lý lẽ dùng binh quý ở chỗ thần tốc, nhân khi địch trở tay không kịp, tiến quân đến những chỗ địch không ngờ tới, đánh địch ở những nơi chúng không đề phòng.

Tư Mã Ý nhanh tay bắt Mạnh Đạt

Thời Tam Quốc, tháng 3 năm Ngụy Minh đế Thái Hòa thứ nhất (năm 227), Thừa tướng nước Thục Gia Cát Lượng dâng biểu, đem quân đến Hán Trung chuẩn bị đánh Ngụy.

Ngụy Minh đế Tào Duệ (Tào Tuần) nghe báo, tháng 6 liền cử Phiêu Kỵ đại tướng quân Tư Mã Ý đóng quân ở huyện Uyển đồng thời chỉ huy quân mã Kinh Châu, Dự Châu để phòng quân Thục tiến công.

Sau khi đến huyện Uyển, Tư Mã Ý một mặt theo dõi chặt chẽ động tĩnh của Gia Cát Lượng, một mặt rất cảnh giác đối với thái thú Tân Thành là Mạnh Đạt. Mạnh Đạt vốn là tùy tướng của Lưu Bị, sau sang hàng quân Ngụy, được Ngụy Văn đế Tào Phi tin dùng. Tư Mã Ý từng nói với Tào Phi rằng Mạnh Đạt không có tín nghĩa, không nên dùng, song Tào Phi không nghe.

Tân Thành là vùng biên phòng trọng yếu, phía tây nam giáp Thục, phía đông nam giáp Ngô. Mạnh Đạt sau khi nhận chức thái thú Tân Thành, quả như Tư Mã Ý dự liệu, đã ngầm liên kết với Thục, Ngô để thực hiện ý đồ của mình.

Gia Cát Lượng hận việc Mạnh Đạt phản Thục, sợ y làm hại nước Thục. Nghe tin Mạnh Đạt có hiềm khích với Thái thú Ngụy Hưng của Ngụy là Thân Nghi, bèn cử Quách Mô giả hàng Thân Nghi để nói với Thân Nghi là Mạnh Đạt ngầm câu kết với Thục. Thân Nghi được tin này cả mừng, liền phái người đến Uyển Thành báo với Tư Mã Ý. Tư Mã Ý vốn nghi Mạnh Đạt từ lâu, nay nghe tin của Thân Nghi, quyết định phải diệt Mạnh Đạt để trừ hậu họa.

Mạnh Đạt nghe nói Thân Nghi đã tố cáo với Tư Mã Ý việc mình câu kết với Thục, biết tình thế nguy cấp, bèn ra tay trước, giương cờ chống Ngụy.

Bỗng lúc này, Mạnh Đạt nhận được thư của Tư Mã Ý. Trong thư nói rằng Ngụy đế đã tín nhiệm giao trọng trách cho Mạnh Đạt phòng vệ vùng tây nam, lời của Quách Mô là không thể tin. Mạnh Đạt xem xong thì cả mừng, đâm ra do dự, không biết có nên phản Ngụy hay không.

Kỳ thực bức thư kia của Tư Mã Ý chỉ là kế hoãn binh. Sau khi gửi thư, Tư Mã Ý lập tức dẫn binh mã đi đánh Tân Thành. Thuộc hạ có người nói với Tư Mã Ý: “Đây là việc hệ trọng, e phải xin phép Ngụy đế mới được hành sự”. Tư Mã Ý đáp: "Từ đây đi Lạc Dương 800 dặm, đi Tân Thành 1200 dặm, nếu tâu với Ngụy đế rồi mới cất binh, thì phải mất 1 tháng. Việc binh quý ở thần tốc, nếu chậm sẽ hỏng việc”.

Mạnh Đạt định phản Ngụy; Ngô, Thục đều cho binh mã tiếp ứng. Tư Mã Ý phái quân chặn quân Ngô, Thục, còn mình đích thân dẫn quân tiến gấp ngày đêm về Tân Thành. 8 ngày sau đã tới gần Tân Thành.

Mạnh Đạt nghe tin quân Tư Mã Ý tới thì cả kinh thất sắc, thốt lên: “Sao nhanh thế?”, đoạn hạ lệnh cấm chông, làm hàng rào gỗ ở thành Thượng Dung để ngăn chặn, 3 mặt đều có nước bao bọc. Tư Mã Ý cho quân phá chướng ngại vật. Tháng Giêng năm 228, Tư Mã Ý tấn công mãnh liệt Tân Thành, binh vây nửa tháng thì Đặng Hiến (cháu của Mạnh Đạt) và đô tướng Lý Phụ mở cửa thành đầu hàng. Mạnh Đạt bị giết.

Trận này, Tư Mã Ý dùng binh thần tốc, bất ngờ đánh tan quân Mạnh Đạt phản loạn, củng cố cục diện biên cương tây nam nước Ngụy.

“Phàm vi khách chi đạo, thâm nhập tắc chuyên, chủ nhân bất khắc; lược ư nhiều dã, tam quân túc thực ”

Đem quân đi đánh nước người, càng tiến sâu vào đất địch, sĩ khí của quân ta càng phải hăng hái, địch mới không thể đánh bại. Phải cướp lương thảo ở đồng bằng phì nhiêu, thì toàn quân ta mới đủ lương ăn.

Lưu Dụ tiến sâu cướp lương, diệt Nam Yên

Thời Đông Tấn, tháng 3 năm Nghĩa Hy thứ 5 (năm 409) người nắm quân quyền của Đông Tấn là Lưu Dụ có chủ trương chiến lược là sẽ lần lượt đánh bại 2 địch thủ chính là Yên và Tần, khôi phục sự thống trị của Đông Tấn ở lưu vực Hoàng Hà, tiến tới xây dựng quyền lực của mình.

Tháng 4, Lưu Dụ dẫn 10 vạn quân, từ đô thành Kiến Khang, theo đường thủy qua Trường Giang, Hoài Thủy, Tứ Thủy, tiến lên phía bắc. Tháng 5 đến Hạ Phi để lại chiến hạm, tiến sâu vào đất Nam Yên, tới Lương Nha. Dọc đường xây dựng đồn lũy, để binh chốt giữ, đề phòng kỵ binh Nam Yên tập kích hoặc cắt đứt đường về.

Từ Lương Nha đến đô thành Nam Yên là Quảng Cố dọc Nghi Thủy có một con đường nhỏ dẫn lên phía bắc, nhưng giữa đường có núi Đại Hiện Sơn hiểm trở. Lưu Dụ dẫn quân tiến thẳng về hướng Đại Hiện Sơn.

Trước tình hình quân Đông Tấn tiến đánh, nội bộ Nam Yên không nhất trí về cách đối phó. Chinh Lỗ tướng quân Công Tôn Ngũ Lâu chủ trương cố thủ Đại Hiện Sơn, thực hiện vườn không nhà trống, không cho địch tiến sâu, chờ khi địch không còn nhuệ khí mới cho quân chặn lương. Thượng thư lệnh Mộ Dung Trấn ủng hộ ý kiến đó.

Vua Nam Yên là Mộ Dung Siêu khinh thường, cho rằng địch từ xa tới, thế chẳng nên đợi chờ, mà nước mình giàu có, kỵ binh lại tinh nhuệ, hãy cứ để địch tiến sâu vào sẽ dùng kỵ binh tập kích.

Mộ Dung Trấn thấy chủ trương đúng đắn bị cự tuyệt, chán nản nói: “Ai đời để cho địch thâm nhập, ngồi chờ chúng vây đánh, ắt mất nước bỏ mạng”, Mộ Dung Siêu cả giận, sai giam Mộ Dung Trấn vào ngục.

Việc Nam Yên để cho Lưu Dụ tiến sâu là tạo điều kiện thuận lợi cho Lưu Dụ. Tháng 6, quân Đông Tấn đã tới Đông Hoàn, nhanh chóng vượt qua Đại Hiện Sơn. Lưu Dụ ngoảnh lại nhìn đèo núi cao lưng chừng trời, phấn khởi nói với thuộc hạ: “Quân ta đã vượt qua cổng trời, có tiến không lùi, tướng sĩ sẽ liều chết tiến lên”.

Qua đèo núi đã tới vùng đồng bằng lúa chín rộ. Lưu Dụ cười: “Ruộng lúa bạt ngàn, quân ta chẳng lo đói nữa. Quân địch đã bị ta nắm trong tay rồi”. Tướng sĩ ai nấy được cổ vũ, hăng hái tiến quân. Đại quân nhanh chóng tới gần Lâm Cù. Lâm Cù là bình phong phía nam của Quảng cố. Mộ Dung Siêu đã phái tướng Công Tôn Ngũ Lâu đem 5 vạn quân bộ kỵ trấn giữ, thấy quân Đông Tấn kéo tới, lại thân chinh dẫn 4 vạn quân tăng viện, đôi bên bày trận quyết chiến.

Sông Cự Miệt phía nam Lâm Cù là nguồn nước quan trọng mà đôi bên ắt phải tranh giành. Công Tôn Ngũ Lâu đã chiếm trước, song tướng tiên phong của Đông Tấn là Mạnh Long Phù đem quân giành lại, đôi bên ác chiến, cuối cùng quân Nam Yên bị đánh bại, mất nguồn nước. Song Mạnh Long Phù bị chết trong trận này.

Chiếm được nguồn nước, chủ lực Đông Tấn cho bộ binh đi giữa, xa binh ở hai bên sườn, kỵ binh ở phía sau, ba quân theo trận thế phối hợp chặt chẽ với nhau mà tiến mạnh.

Quân Nam Yên lập tức cho kỵ binh đánh giáp công từ hai phía trước sau. Nhưng các chiến xa của Đông Tấn đều phủ bạt ngăn chặn được tên bắn, mà vẫn bắn trả được địch. Lính trên xe dùng trường thương có thể chống đỡ được kỵ binh. Thành thử kỵ binh Nam Yên không phát huy được tác dụng.

Đôi bên đánh nhau nửa ngày chưa phân thắng bại. Lưu Dụ theo kế của Hồ Phiên, cho 1 cánh quân lạng lẽ vòng ra sau quân Nam Yên tập kích Lâm Cù. Vì tinh binh đều xuất trận cả, thành Lâm Cù chỉ còn 1 ít quân yếu giữ, nên quân Đông Tấn dễ dàng vây hãm.

Mộ Dung Siêu thấy Lâm Cù bị công phá, một mình cưỡi ngựa ra khỏi thành chạy về phía quân doanh của tướng Đoạn Huy. Lưu Dụ thừa thắng tấn công mãnh liệt, đại phá quân Yên, chém chết hơn 10 tướng, trong có Đoạn Huy.

Mộ Dung Siêu dẫn tàn quân chạy về Quảng Cố. Lưu Dụ lập tức truy kích, đến sát chân thành, không để địch kịp chỉnh đốn, lại tấn công ngay. Mộ Dung Siêu phải chạy vào cố thủ trong thành. Lưu Dụ liền cho dựng tường bao cao 3 trượng, lại đào 3 dòng mương sâu để tính bao vây lâu dài.

Quân Đông Tấn thu hoạch mùa màng của đất Yên giàu có, lòng quân ngày càng tin tưởng, sĩ khí ngày càng cao. Cuộc vây hãm kéo dài 8 tháng,

cuối cùng quân Đông Tấn hạ được thành. Mộ Dung Siêu vì khinh địch, không nghe lời khuyên đúng, kết quả bị bắt, đem về Kiến Khang bị xử trảm. Nước Nam Yên diệt vong.

“ Binh sĩ thậm hãm tắc bất cụ, vô sở vãng tắc cố, nhập thâm tắc câu, bất đắc dĩ tắc đầu. Thị cố, bất tu nhi giới, bất cầu nhi đắc, bất ước nhi thân, bất lệnh nhi tín ”.

Binh sĩ lâm vào hiểm nạn thì không sợ chết, không còn đường nào khác, thì lòng quân sẽ cố kết, vào sâu trong đất địch, tinh thần quân đội sẽ không rã rời. Lâm vào tình thế bất đắc dĩ, họ sẽ hăng hái chiến đấu. Cho nên không cần tu chỉnh đội ngũ mà họ vẫn chú ý đề phòng, không đòi hỏi mà quân sĩ vẫn cố làm tròn bổn phận, không cần ước thúc mà họ vẫn tuân theo kỷ luật.

Vương Trấn Ỗ tung quân xông tới diệt Hậu Tần

Tháng 8/416 (năm Đông Tấn Nghĩa Hy thứ 12), thống soái Đông Tấn là Lưu Dụ thừa cơ Hậu Tần có thù trong giặc ngoài, liền quyết định tiến đánh. Lưu Dụ phái tướng Vương Trấn Ỗ và Đàn Đạo Tề làm tiên phong. Hai tướng xuất phát từ Thọ Dương vượt qua sông Hoài, sông Phì, tiến về phía Hứa Xương và Lạc Dương.

Lúc này Hậu Tần đang phải đối phó với quân Đại Hạ xâm chiếm phía bắc, nên binh lực các châu Quan Đông yếu mỏng. Vì thế quân tiên phong của Vương Trấn Ỗ tiến binh dễ dàng, nhanh chóng chiếm lĩnh Đường Thành, Huỳnh Dương, uy hiếp Lạc Dương.

Tướng Hậu Tần trấn thủ Lạc Dương là Diêu Quang vội cấp báo về Tráng An. Vua Hậu Tần là Diêu Hoảng phái hai tướng Diêm Sinh, Diêu Ích đem một vạn ba ngàn quân đi cứu viện, nhưng viện binh mới đi nửa đường thì Diêu Quang đã mở cửa thành đầu hàng.

Lạc Dương thất thủ, nội bộ Hậu Tần càng rối loạn. Vương Trấn Ỗ thấy Chương Quan sơ hở, liền không đợi hậu quân Lưu Dụ tới, mà chớp thời cơ hành động, tháng 2/417, từ Lạc Dương tiến sang phía tây. Nguyên đại quân của Lưu Dụ còn phải đánh nhau với viện quân Bắc Ngụy tại Bành Thành nên đến muộn. Khi Vương Trấn Ỗ đến Vương Quan thì bị năm vạn quân Hậu Tần do tướng Diêu Thiệu chỉ huy ngăn chặn.

Diêu Thiệu thấy quân Đông Tấn ít hơn quân mình, cho rằng có thể nhanh chóng đánh bại đối phương. Nào ngờ quân Đông Tấn vô cùng hăng hái, dũng mãnh, tướng sĩ quả cảm xông xáo. Cho nên tuy chiếm ưu thế hơn hẳn về số lượng, quân Hậu Tần vẫn , đánh mất Chương Quan, lui về Định Thành cách Chương Quan 30 dặm về phía tây. Diêu Thiệu sau thất bại rồi, không dám xuất chiến, mà dựa vào địa hình hiểm trở để cố thủ. Đôi bên ở tình trạng cầm cự với nhau.

Việc cung cấp lương thực của quân Đông Tấn gặp khó khăn lớn, quân sĩ bắt đầu dao động. Có tướng đề nghị lui quân về phía đông. Vương Trấn Ỗ cự tuyệt, một mặt phái người gấp cầu cứu Lưu Dụ, một mặt đích thân đến

Hoảng Nông lo lương thực khiến quân Đông Tấn tạm giải quyết được khó khăn, lòng quân được ổn định.

Đại quân Lưu Dụ liên tiếp bị quân Bắc Ngụy vốn giao hảo mật thiết với Hậu Tần, ngăn chặn. Phải qua mấy trận ác chiến đại quân mới đánh bại quân Bắc Ngụy và kéo tới Lạc Dương. Song quân Bắc Ngụy lại phái tướng Trường Tôn Cao đem tinh binh đến đây tập kích. Lưu Dụ phải lưu lại Lạc Dương hơn hai tháng để củng cố hậu phương phía đông Lạc Dương.

Đến khi chủ lực của Lưu Dụ tiến tới Chương Quan, thế cầm cự giữa đôi bên Tần – Tấn mới bắt đầu thay đổi. Vương Trấn Ổ thấy đại quân chưa thể đập tan sự ngăn chặn của quân Tần, liền đề nghị nhân khi địch không phòng bị, xin dẫn thủy quân tiến vòng đến Tràn An. Lưu Dụ đồng ý. Vương Trấn Ổ đem quân lên thuyền, theo Hoàng Hà tiến vào sông Vị, ngược dòng đến Tràn An.

Hậu Tần vương Diêu Hoảng hoảng sợ, phái 2 tướng Diêu Cường và Diêu Nan trấn thủ Kinh Thượng để ngăn chặn quân Tấn. Tùy tướng của Vương Trấn Ổ là Mao Đức Tổ tấn công mạnh mẽ. Diêu Cường tử trận, Diêu Nan chạy về Tràn An.

Lúc này quân Tần ở vùng phụ cận Tràn An còn được mấy vạn người. Diêu Hoảng thấy Diêu Nan bại trận chạy về liền tổ chức lại việc phòng thủ và đích thân chỉ huy trấn giữ phía tây Tràn An.

Nhân thắng lợi của Mao Đức Tổ, Vương Trấn Ổ lập tức dẫn thủy quân tiến như vũ bão theo sông Vị. Ông dùng toàn chiến hạm cỡ nhỏ, quân sĩ núp ở trong, nhìn từ bên ngoài không thấy bóng một người. Dân chúng địa phương chưa từng thấy loại chiến thuyền này, nay thấy hàng đoàn thuyền không người tiến nhanh trên sông, ai nấy kinh ngạc cho là thiên thần giá lâm.

Vương Trấn Ổ đến Vị Kiều, ra lệnh cho binh sĩ ăn no rồi đổ lên bờ, chỉ mang theo trang bị nhẹ cần thiết nhất, ngoài ra bỏ hết lại trên thuyền.

Sông Vị nước chảy xiết, các chiến thuyền không còn người điều khiển tức thời bị cuốn trôi băng băng. Vương Trấn Ổ khích lệ mọi người: “Đây là cửa phía bắc của Tràn An, cách quê nhà vạn dặm. Nay chiến thuyền trôi đi, quần áo, lương thực đều trôi theo dòng nước. Chúng ta chỉ có cách quả cảm xông tới giành thắng lợi mới khỏi bỏ mạng, mới lập công hiển hách,

ngược lại thì sẽ phải chôn năm xương tàn ở chốn này”. Đoạn ông xông lên trước làm gương. Quân sĩ thấy chủ tướng không quản hiểm nguy, biết chẳng còn đường lui, liền hô vang xông tới. Tướng giữ cửa bắc Tràng An là Diêu Phi vừa mới giao chiến đã không chống cự nổi trước đòn tiến công mãnh liệt của đối phương.

Diêu Hoảng thấy cửa bắc nguy cấp, vội dẫn quân đến cứu. Nhưng viện binh bị quân sĩ bại trận của Diêu Phi làm rối loạn, cũng lập tức tháo chạy. Trong cảnh hỗn loạn, quân Tần người bị giết kẻ bị đồng đội giày xéo lên mà thương vong rất nhiều. Quân của Vương Trấn Ố từ cửa bắc đột nhập thuận lợi vào Tràng An. Diêu Hoảng đưa vợ con ra đầu hàng.

Vương Trấn Ố vào thành, giữ nghiêm kỷ luật trong quân đội nên trăm họ an tâm. Sau đó đi đón Lưu Dự vào Tràng An. Lưu Dự thưởng rất hậu cho Vương Trấn Ố về công lao và khen ngợi tinh thần quả cảm chiến đấu. Vương Trấn Ố khiêm nhường đáp: “Đó là nhờ uy đức của minh công và công lao của tướng sĩ. Tôi chẳng qua chỉ cố làm tròn bổn phận mà thôi”. Lưu Dự phong cho Vương Trấn Ố làm Chinh Lỗ tướng quân trấn thủ Tràng An.

“Thiện dụng binh giả, thí như suất nhiên; suất nhiên giả, Hăng Sơn chi xà dã. Kích kỳ thủ tắc vĩ chí, kích kỳ vĩ tắc thủ chí, kích kỳ trung tắc thủ vĩ câu chí. Cảm vấn: “Binh giả sử như suất nhiên hồ?”. Viết: “Khả”.

Người giỏi cầm quân, giống như điều khiển loài rắn Suất Nhiên. Suất Nhiên là loài rắn ở vùng núi Hăng Sơn, đánh vào đầu nó thì đuôi quật lên cứu đầu, đánh vào đuôi nó thì đầu quật xuống cứu đuôi, đánh vào khúc giữa thì đầu và đuôi cùng cuốn về cứu khúc giữa. Dám hỏi: “Có thể khiến cho ba quân giống như con rắn Suất Nhiên được chăng?”. Đáp: “Được”.

Bố Tát Trung Nghĩa khéo bày trận hình trăng lưỡi liềm

Thời Nam Tống, tháng Chạp năm Thiệu Hưng thứ 31 (năm 1161), Cảnh Luật Oát Hãn, người Khiết Đan, xưng đế, thường xuống phía nam xâm phạm lãnh thổ nước Kim.

Năm 1162, Kim Thế Tông Nhan Ung cử thượng thư hữu thừa Bố Tát Trung Nghĩa làm Bình Chương chính sự kiêm hữu phó nguyên soái, tặng cung tên và ngựa quý, ra lệnh đem quân trừ họa ở biên cương.

Tháng 6, Cảnh Luật Oát Hãn đem 4 vạn binh tiến vào biên Hoa Đạo bày trận đối diện với quân Kim ở bên kia sông. Bố Tát Trung Nghĩa nói với thuộc hạ: “Nghe đồn lũ giặc này vô cùng hung hãn và thiện chiến, nhất thiết không được coi thường chúng”, đoạn chia quân làm hai cánh, Tông Hưởng chỉ huy cánh tả, Tông Tự chỉ huy cánh hữu.

4 vạn quân Khiết Đan bắt đầu vượt sông, chuẩn bị tiến công cánh tả. Tông Hưởng lệnh cho Vạn Hộ Trát Lạp dẫn 600 kỵ binh xông tới đánh lui quân Khiết Đan đổ bộ.

Tông Hưởng thở phào nhẹ nhõm, cho rằng quân địch sẽ không dám tiến công cánh tả, nào ngờ 4 vạn quân địch lại lao sang. Cánh tả trở tay không kịp, thế trận rối loạn, thương vong nặng nề.

Tông Tự đem quân cánh hữu gấp tới cứu viện, Cảnh Luật Oát Hãn mới chịu rời chiến trường, dùng tinh binh yểm hộ mẹ, vợ và bản thân y lui quân về phía tây.

Bố Tát Trung Nghĩa truy kích đến tận Hãm Tuyên, Niều Linh mới đuổi kịp quân Khiết Đan.

Lúc này hơn 3 vạn kỵ binh Khiết Đan đang vượt sông. Bố Tát Trung Nghĩa hạ lệnh cho quân mình sang chiếm trước bờ nam, khôn khéo bày trận hình trăng lưỡi liềm. Lúc này sương giăng mù mịt quân Kim bày trận xong đâu đấy thì trời mới quang đãng. Nhìn thế trận như một con trăng khổng lồ, khúc giữa là bộ binh, đầu và đuôi là kỵ binh.

Quân Khiết Đan vượt sông, thấy cánh tả quân Kim có chỗ dựa vững chắc ở bờ phía nam, không dám tiến công, chuyển sang đánh cánh hữu. Vạn Hộ

Trát Lạp ở cánh này có thể trận trắng lưới liềm hậu thuẫn, quân sĩ hăng hái chiến đấu, khiến quân Khiết Đan núng thế dần, phải rút lui.

Bố Tát Trung Nghĩa lập tức hạ lệnh cho trận thế chuyển dịch như rắn uốn khúc mà tấn công. Quân Khiết Đan thua to, sa vào bãi bùn ven sông, khó bề thoát chết. Nhiều tốp bỏ chạy vào rừng cũng bị bắt sống. Cảnh Luật Oát Hãn thấy tình thế hết bề cứu vãn, đành dẫn một tốp kỵ binh phá vây chạy trốn. Bố Tát Trung Nghĩa truy kích, cuối cùng bắt được Cảnh Luật Oát Hãn. Tộc Khiết Đan đầu hàng.

Bố Tát Trung Nghĩa đã vận dụng hình trắng lưới liềm, khiến quân địch khó bề xác định nên đánh vào chỗ nào; thế trận ấy có thể phối hợp toàn quân một cách khéo léo, chặt chẽ, chứng tỏ uy lực ghê gớm, nhờ đó mà giành thắng lợi hoàn toàn.

Thiện dụng binh giả, huề thủ nhược sử nhất nhân, bất đắc dĩ dã”

Người giỏi dùng binh dẫn dắt ba quân mà như dẫn dắt một người, đó là do tình thế khách quan buộc phải sử dụng quân sĩ như vậy.

Chu Nguyên Chương chặt dây buộc thuyền, ngăn ý muốn trở về của binh sĩ

Cuối triều Nguyên, năm 1352, Chu Nguyên Chương, người An Huy, gia nhập nghĩa quân nông dân gọi là quân Hồng Cân. Sau khi nắm 1 phần binh quyền, Chu cùng thuộc hạ đưa ra khẩu hiệu “Lấy Kim Lăng làm cơ sở, triển khai chinh chiến, xướng nhân nghĩa, thu nhân tâm, định thiên hạ”.

Tháng 6 năm Nguyên Thuận đế chí chính thứ 15 (năm 1355), để chiếm Kim Lăng, Chương cùng Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân đem 3 vạn quân Hồng Cân từ Hoà Châu dùng hơn ngàn chiến thuyền vượt Trường Giang, qua Ngưu Chử Cơ để tiến đánh Thái Thạch Cơ ở phía bắc Mã Yên Sơn, là yếu địa của Tân Giang.

Chu Nguyên Chương nói với tướng tiên phong Liêu Vĩnh An: “Thái Thạch Cơ là trấn lớn, phòng thủ tất nhiên kiên cố. Phía Ngưu Chử Cơ hướng ra dòng sông lớn, quân Nguyên khó phòng bị, nếu ta đánh phía Ngưu Chử Cơ thì chắc thắng”. Liêu Vĩnh An y lời, gióng buồm tiến thẳng đến Ngưu Chử Cơ.

Hôm ấy trời âm u, gió to sóng cả. Đội tiên phong Hồng Cân vừa tiến gần đến Ngưu Chử Cơ thì quân Nguyên nấp ở trên bờ bắn tên xối xả, nhiều nghĩa quân bị thương vong. Liêu Vĩnh An mấy phen dẫn quân xông tới đều bị chặn đánh, không thể đổ bộ. Vừa lúc ấy có một chiến thuyền từ phía sau lao tới, đứng đằng mũi là đại tướng Thường Ngộ Xuân tay trái cầm mộc, tay phải thủ đao. Thường Ngộ Xuân hét lớn một tiếng rồi phi thân bay thẳng lên bờ lấy mộc che tên, vung đao chém giết; quân Nguyên địch không nổi, bắt đầu lui dần.

Chu Nguyên Chương phát cờ hiệu, tiếng tù và và trống trận nổi lên vang trời, nghĩa quân ào lên bờ chiếm Thái Thạch Cơ. Quân Nguyên phải rút chạy. Nghĩa quân lấy nhiều lương thực ở Thái Thạch Cơ. Nguyên trong số nghĩa quân có nhiều người quê ở Hoà Châu, mà Hoà Châu đang thiếu ăn trầm trọng, nên tướng sĩ muốn chở lương thực về Hoà Châu chứ không muốn tiếp tục tiến quân.

Chu Nguyên Chương nói với Từ Đạt: “Nếu trở về Hòa Châu, việc tái chiếm Giang Đông sẽ rất khó khăn. Mà không chiếm được Giang Đông thì đại sự khó thành”. Từ Đạt gật đầu khen phải.

Để ngăn chặn ý muốn trở về của binh sĩ, Chu Nguyên Chương hạ lệnh chặt đứt dây buộc thuyền. Thế là trong chốc lát, cả ngàn chiến thuyền trôi xuôi dòng nước không còn lại một chiếc. Quân sĩ trở mắt ngơ ngác nhìn theo đoàn nhao nhao hỏi duyên cớ.

Chu Nguyên Chương tập trung tướng sĩ nói: “Chúng ta muốn dựng nghiệp lớn, không thể an hưởng nhất thời. Thái Bình đã ở trước mắt, chúng ta phải chiếm Thái Bình làm chỗ đứng chân, sau đó tiến đánh Kim Lăng”.

Quân sĩ thấy không còn đường lùi, thì đồng lòng nhất trí theo Chu Nguyên Chương tiến công Thái Bình. Đại quân đến chân thành lập tức đánh luôn. Tướng Nguyên giữ thành thấy đối phương dũng mãnh dị thường, hoảng sợ bỏ thành chạy. Nghĩa quân chiếm Thái Bình dễ dàng. Trọng điểm phía nam của triều Nguyên là Kim Lăng đã lâm vào tình thế nguy ngập.

“Tướng quân chi sự, tĩnh dĩ u, chính dĩ trị”

Việc chủ trì quân sự phải lạnh lùng suy xét mưu lược mà kín đáo, quản lý bộ đội nghiêm chính mà có điều lý.

Tôn Trạch dùng nhàn hạ làm yên lòng người, đánh quân Kim

Thời Bắc Tống, năm Tuyên Hòa thứ hai (năm 1120), Tống Huy Tông thấy nước Kim mới quật khởi đã mấy lần đánh bại quân Liêu, định mượn lực lượng quân Kim lấy lại các châu Yên Vân nên ước định với Kim đánh Liêu. Trong quá trình diệt Liêu, Kim thấy sự thống trị của triều Tống hủ bại, phòng bị sơ hở, nên khi diệt Liêu xong liền cất quân đánh Tống (mùa đông năm 1125).

Triều Bắc Tống hủ bại, không thể chống đỡ, chỉ muốn cầu hòa. Mùa đông năm 1126, quân Kim đánh kinh đô Tống là Biện Châu bắt sống 2 hoàng đế Huy, Khâm, tháng 4/1127 thì giải 2 hoàng đế cùng hết thảy tôn thất, quan viên lên phương bắc.

Tháng 5/1127 (năm Kiến Viêm thứ nhất của Nam Tống), Cao Tông Triệu Cấu lên ngôi, muốn cầu hòa với Kim, bị triều thần phản đối, mới lấy lại Biện Kinh, cử thủ lĩnh phái chủ chiến là Lý Cương làm Tế tướng, đồng thời nghe theo chủ trương cải cách quân chính của Lý Cương, trước lo phòng ngự, đợi cơ hội đánh Kim.

Tế tướng Lý Cương tiến cử Tôn Trạch làm Lưu thủ Biện Kinh. Lúc này thành Biện Kinh bị tàn phá, đổ nát, dân với lính ở lẫn lộn, trộm cướp như rươi, dân tình thấp thỏm bất an. Tôn Trạch lập tức bắt tay chỉnh đốn. Trước hết nghiêm trị bọn trộm cướp, hạ lệnh “trộm cướp, bất kể nặng nhẹ, đều bị xử theo quân pháp”. Không lâu tệ nạn ấy được dẹp yên, dân chúng dần an tâm, ổn định.

Tiếp đó Tôn Trạch chiêu mộ nghĩa sĩ, chỉnh đốn quân đội, chế tạo 1200 cỗ “chiến xa quyết thắng”, xây dựng bên ngoài thành Biện Kinh 24 chiến lũy kiên cố, ven sông có lũy cao. Tôn Trạch lại phái người liên kết các dân binh chống Kim ở Hà Đông và Hà Bắc, trong một thời gian ngắn đã tập hợp được hơn 100 vạn người có vũ trang chống Kim.

Đến đây, lực lượng chống Kim ở các địa phương và các tướng lĩnh chủ chiến càng tích cực thêm, công cuộc phòng vệ chống Kim ngày một vững chắc.

Tiếc rằng trong tình thế kháng Kim hữu hiệu như vậy, tháng 10/1127, Tống Cao Tông Triệu Cấu nghe tin quân Kim tiến xuống phía nam, lại di chuyển triều đình về Dương Châu. Quân Kim thấy vua Nam Tống bỏ chạy, bèn chia quân làm 3 đạo tiến gấp, trong 3 tháng đã chiếm nhiều vùng quan trọng, phía tây đến Tần Châu, phía đông đến Thanh Châu, áp sát Biện Kinh.

Sau khi Tống Cao Tông chạy xuống phía nam, Tôn Trạch vẫn kiên quyết giữ Biện Kinh. Năm 1128, quân Kim tiến gần đến Biện Kinh, từ xa xa vẳng lại tiếng trống của quân địch, khiến mọi người đêm ngày thấp thỏm. Một số thuộc hạ của Tôn Trạch lo lắng kéo vào dinh Tôn Trạch. Thấy trong dinh không khí yên tĩnh, Tôn Trạch vẫn ung dung ngồi chơi cờ vây với một vị khách, tựa hồ không biết quân địch tới ngoài thành.

Tôn Trạch ngẩng đầu, thấy thuộc hạ nghi hoặc, lo lắng, thì cười hỏi: “Vì sao phải hoảng loạn như vậy? Chẳng lẽ các vị đã quên mọi nỗ lực của chúng ta trong hơn nửa năm vừa rồi hay sao? Phải có lòng tự tin mới được!”. Đoạn ông nói tiếp: “Hiện quân Kim đông hơn hẳn ta về số lượng, lại đang hăng hái, chúng ta không thể chống chọi, mà nên dùng kế mê hoặc chúng, chờ thời cơ phản kích. Các vị hoảng loạn như vậy thì làm sao quân sĩ và trăm họ có thể yên tâm?”

Theo sự sắp đặt của Tôn Trạch, mọi người trong thành Biện Kinh tiếp tục làm ăn buôn bán, cưới hỏi, diễn kịch như thường, cảnh tượng đường phố hết sức tấp nập.

Quân Kim đến dưới thành, chỉ chờ hiệu lệnh là tấn công, nhưng thấy cảnh tượng an cư lạc nghiệp trong thành thì do dự, không dám tùy tiện hành động. Quân Kim từng bị bài học về chiến thuật thần kỳ của Tôn Trạch. Chúng bàn với nhau, cho rằng trong thành ắt có mưu kế gì đây, không dám tùy tiện hành động. Trong lúc ấy, Tôn Trạch đã chọn mấy ngàn tướng sĩ tinh nhuệ bí mật vòng ra mai phục phía sau quân Kim.

3 ngày sau, tướng Lưu Diễm chỉ huy tinh binh bất ngờ xông ra triển khai ác chiến với quân Kim. Giữa lúc đôi bên bất phân thắng bại, thì Tôn Trạch đứng trên đầu thành phát tín hiệu, mấy ngàn quân mai phục phía sau quân Kim tràn ra phối hợp tác chiến với Lưu Diễm. Quân Kim hoàn toàn bị bất ngờ trước đòn tiến công này, trở tay không kịp, nhuệ khí tiêu tan. Quân Tống càng đánh càng hăng. Quân Kim đại bại, tranh nhau tháo lui.

Từ đó, quân Kim không dám xâm phạm Biện Kinh nữa, vô cùng kính sợ uy danh của Tôn Trạch.

“Tụ tam quân chi chúng, đầu chi vi hiểm, thử vị tướng quân chi sự dã”

Tập trung 3 quân ném vào chỗ nguy hiểm, để họ tử chiến, ấy là phận sự quan trọng của tướng soái.

Hạng Vũ đập nồi đục thuyền đánh Cự Lộc

Tháng 7 năm Tần Nhị Thế thứ nhất (năm 209 trước Công Nguyên), Trần Thắng, Ngô Quảng khởi binh ở Đại Trạch, dựng nên chính quyền nông dân “Trương Sở”. Những nước từng bị Tần tiêu diệt cũng lũ lượt hưởng ứng, khởi binh cát cứ. Tháng 9, bộ tướng của Ngô Quảng là Chu Vân kéo quân đến gần Hàm Dương uy hiếp trung tâm thống trị của Tần.

Tần Nhị Thế cả sợ, hạ lệnh thả các tù nhân, phát vũ khí cho họ, cử đại tướng Chương Hàm đi đàn áp nghĩa quân và các chư hầu làm phản.

Chương Hàm dũng mãnh, giỏi dùng binh, đánh đâu thắng đó. Tháng 9 nhuận năm Tần Nhị Thế thứ 2 (năm 208 trước Công Nguyên) phá Hàm Đan, vây vua Triệu ở Cự Lộc. Vua Triệu phái người sang Sở cầu cứu. Lúc này Trần Thắng đã chết. Hậu duệ của tướng sở Hạng Yên là Hạng Lương cũng tử trận. Sở Hoài vương dời đô đến Bành Thành thực lực rất hùng hậu.

Sở Hoài vương phái Tống Nghĩa làm thượng tướng quân, cháu của Hạng Lương là Hạng Vũ làm thứ tướng, Phạm Tăng làm mạc tướng, đem quân đi cứu Triệu chống Tần.

Mùa đông năm 207 trước Công Nguyên, quân của Tống Nghĩa đến An Dương án binh bất động 46 ngày. Sách lược của Tống Nghĩa là để Triệu Tần đánh nhau, đợi quân Tần yếu đi mới tới đánh, theo kiểu ngư ông đắc lợi. Cứu binh như cứu hỏa, thứ tướng Hạng Vũ chủ trương tức thời vượt sông Chương tiến lên phía bắc đánh Tần: “Sở từ ngoài đánh vào, Triệu từ trong đánh ra, chỉ 1 trận là chiến thắng quân Tần”.

Tống Nghĩa không chấp nhận, còn chỉ trích Hạng Vũ: “Xung phong hãm trận, tôi không bằng ông, nhưng tính toán khôn ngoan thì ông không bằng tôi”. Hạng Vũ định nói thêm, Tống Nghĩa bèn hạ lệnh: “Nếu kẻ nào tùy tiện hành động, dám làm trái lệnh lập tức chém đầu!”. Tống Nghĩa chẳng những không xuất binh, mà còn đến thành Vô Diêm mở tiệc linh đình, tiễn con trai sang làm Tế tướng nước Tề, để khuếch trương thế lực.

Bây giờ đang là giữa mùa đông, mưa rét dầm dề, quân sĩ hạ trại ngoài đồng, vừa đói vừa rét, sinh hoạt kham khổ, ai nấy không ngớt lời oán hận. Hạng Vũ thấy vậy, bàn với các tướng thân tín rằng: “Tần đánh Triệu, Tần

mạnh Triệu yếu, nếu Tần thắng Triệu sẽ càng mạnh hơn, bất lợi cho Sở. Vì thế ta không thể chờ nữa, phải quyết tâm hành động”.

Sớm hôm sau, Hạng Vũ tới gặp Tống Nghĩa đề xuất ý kiến của mình. Tống Nghĩa không thèm nghe. Hạng Vũ được các tướng hỗ trợ, giết luôn Tống Nghĩa rồi tuyên cáo với quân sĩ: “Tống Nghĩa cầu kết với nước Tề phản sở. Vua Sở ra lệnh giết”. Sau đó Sở Hoài vương phong Hạng Vũ làm thượng tướng quân, chỉ huy toàn quân.

Hạng Vũ tức thời phái dũng tướng Anh Bố Hòa Bồ dẫn 2 vạn quân đi tiên phong vượt sông, cắt đường vận lương của quân Tần. Anh Bố Hòa Bồ anh dũng chiến đấu, cắt được đường vận lương của quân Tần, nhưng vẫn chưa giải vây được cho Cự Lộc. Triệu lại cho người đến cầu cứu.

Hạng Vũ thân chinh dẫn toàn quân vượt sông Chương, sang đến bờ bắc, ra lệnh đục thủng hết thuyền. Các tướng ngạc nhiên định hỏi, nhưng thấy sắc mặt nghiêm lạnh của chủ tướng, thì không dám nhiều lời.

Hạng Vũ lại hạ lệnh chuẩn bị ba ngày lương khô, rồi cho phá hủy hết mọi nồi chảo; các tướng cuối cùng đã hiểu chủ trương quyết tâm hoặc chiến thắng, hoặc hi sinh, ai nấy hăng hái chờ lệnh.

Trước khi quân Sở tới, quân đội mấy nước chư hầu đã tới gần Cự Lộc, nhưng sợ quân Tần dũng mãnh, chưa dám tiến quân. Nay thấy quân Sở tới, họ tức thời tham chiến, tiếng hò reo dậy đất, hăng hái giết quân Tần, đánh đâu thắng đó. Hạng Vũ thừa thắng tiến quân. Chương Hàm đại bại. Trận này làm tiếng tăm quân Sở lừng lẫy. Hạng Vũ triệu kiến các tướng lĩnh chư hầu, không ai dám vắng mặt. Từ đó Hạng Vũ đảm nhiệm thượng tướng quân của liên quân các nước, tiến thẳng đến kinh đô Hàm Dương của Tần.

“Tín kỳ chi tư, uy gia ư địch, cô kỳ thành khả bại, kỳ quốc khả hủy”

Chỉ cần triển khai ý đồ chiến lược của mình, lấy uy áp chế địch, thì có thể san phẳng thành ấp, hủy diệt kinh đô của địch.

Nước Tần dùng uy áp chế, diệt nước Tề

Năm Chu Noãn vương thứ 31 (năm 284 trước Công Nguyên), Tần liên hợp với 5 nước Yên, Ngụy, Triệu, Hàn, Sở đánh bại nước Tề hùng mạnh ở Trung Nguyên. Nước Tề sau đó phục hồi, Tề Nan vương lên ngôi, nhưng thế lực ngày một suy yếu.

Nước Tần không ngừng bành trướng, năm 279 trước Công Nguyên, đem đại quân đánh Sở, năm sau chiếm kinh đô nước Sở và nhiều đất đai, trở thành nước mạnh nhất thời Chiến Quốc.

Năm 265 trước Công Nguyên, Tề vương Điền Kiến nối ngôi, còn nhỏ tuổi mọi việc trong triều đều do Tề Thái hậu quyết định. Tề Thái hậu cầu an, cho rằng chỉ cần thần phục Tần thì sẽ yên bờ cõi, hoàn toàn tuân theo Tần.

Năm 260 trước Công Nguyên, Tần muốn đánh Triệu, đem quân đánh Trường Bình. Tề với Triệu vốn ước định hợp sức chống Tần, nhưng Tề không dám cất binh cứu Triệu.

Triệu thiếu lương thực, phái sứ giả sang Tề cầu viện. Tề vương Điền Luật sợ đắc tội với Tần, liền cự tuyệt. Mưa sĩ Chu Tử vội can: “Triệu là lá chắn của Tề, Sở. Nay Triệu mất thì họa sẽ ập đến Tề, Sở”. Điền Luật cũng không nghe.

Trận Trường Bình, Triệu mất 40 vạn quân. Nước duy nhất có khả năng chống Tần từ đó không ngóc lên được nữa.

Sau khi Tề Thái hậu chết, Hậu Thắng làm tướng quốc, ham lợi nhỏ, không lo đại cục, ngầm ăn hối lộ của Tần, khuyên vua Tề rút khỏi liên minh, không giúp 5 nước đánh Tần. Điền Luật vốn sợ Tần, làm theo kiến nghị của Hậu Thắng. Thế là lực lượng các nước ngày một suy yếu. Nước Tần thấy liên minh kia tan vỡ, liền tiến thêm một bước, đánh Yên, chiếm Hàn, diệt Ngụy.

Các nước láng giềng liên tiếp bị diệt, vua Tề vẫn chưa lấy đó làm gương, không chịu tăng cường quân bị, ngược lại, mỗi khi Tần diệt xong một nước lại cử sứ giả sang chúc mừng.

Mỗi lần sứ giả Tề đến, vua Tần niềm nở tiếp đãi, đem vàng bạc ra ban tặng. Sứ giả về nước cứ luôn miệng ca tụng vua Tần. Điền Luật cho rằng như vậy là kế sách của mình hay, tha hồ hưởng lạc, không cho chuẩn bị đối phó.

Năm Tần vương Chính thứ 25 (năm 222 trước Công Nguyên), Tần phái tướng Vương Bôn đem quân chiếm nốt phần còn lại của Yên. Quân Yên bại trận, vua Yên bị bắt.

Vương Bôn kéo quân về, tiện đường diệt luôn nước Đại. Thế là 5 nước hoàn toàn diệt vong. Sự diệt vong của nước Tề đã thành tất yếu trong ngày một ngày hai.

Năm Tần vương Chính thứ 26 (năm 221 trước Công Nguyên) quân Tần tránh thực đánh hư, từ phía bắc nước Tề tiến thẳng tới kinh đô Lâm Tri của Tề. Mấy chục vạn quân Tần như đi vào chỗ không người.

Vua Tề Điền Luật bó tay hết cách, nghe lời Hậu Thặng, đầu hàng Tần. Tần không tốn một người lính mà diệt nước Tề. Chiếm hết hơn 70 thành.

Vua Tần hạ lệnh: “Vì Điền Luật luôn qui phục, nay tha tội chết, cho đến cư trú ở Cộng Thành”. Vương Bôn lập tức cho giải Điền Luật cùng hoàng tộc đi Cộng Thành.

Hậu Thặng tự cho mình có công, chờ được phong tặng. Nào ngờ Vương Bôn lớn tiếng nói: “Đại vương có lệnh, Hậu Thặng là hạng gian thần đê hèn, phải chém đầu làm gương cho đời sau”. Binh sĩ liền đem y ra xử trảm.

Vua Tề Điền Luật tới sống ở vùng phụ cận Cộng Thành, trong mấy gian nhà tranh ẩm thấp, tối tăm, ăn không đủ no, mặc chẳng đủ ấm. Không lâu sau thì chết cùng ngày với hoàng hậu. Những kẻ đi theo tứ tán. Nước Tề sợ hãi, nịnh bợ kẻ địch, bị diệt vong hoàn toàn từ đó.

“Đầu chi vong địa nhiên hậu tồn, hãm chi tử địa nhiên hậu sinh. Phù chúng hãm ư hại, nhiên hậu năng vi thắng bại”

Tung sĩ tốt vào chỗ nguy, mới có thể chuyển nguy thành an, hãm sĩ tốt vào tử địa, mới có thể chuyển chết thành sống. Quân đội lâm vào tình thế nguy hại, sau đó mới có thể giành thắng lợi.

Hách Liên Bột Bột phá băng chôn xe, chống truy kích

Thủ lĩnh Hung Nô Hách Liên Bột Bột nguyên là thuộc hạ của vua Tần Diêu Hưng thời kỳ mười sáu nước, năm 407 khởi binh tự lập xưng là Đại hạ Thiên vương Đại Đơn Vu, quốc hiệu “Hạ”.

Hách Liên Bột Bột thân hình cao lớn, mặt mày tuấn tú, tính tình hung bạo, trị quân rất nghiêm, khôn ngoan mưu lược, đánh trận nào thắng trận nấy.

Tháng 10/407, Hạ vương Hách Liên Bột Bột phái sứ giả đến cầu hôn với vua nước Nam Lương là Đồi Phát Nộc Thiện (tộc Tiên Ti), bị Nộc Thiện cự tuyệt. Hách Liên Bột Bột cả giận, tháng 11 liền đem 2 vạn tinh kỵ tấn công Nam Lương.

Quân Hạ tiến vào đất Nam Lương, từ Dương Phi đến Chi Vương dài hơn 300 dặm, thả sức cướp bóc, giết hàng vạn người, bắt 2 vạn 7 ngàn nhân khẩu và 10 vạn bò ngựa rồi rút quân về.

Đồi Phát Nộc Thiện đem binh đuổi theo, tướng Tiêu Lăng tâu: ‘Hách Liên Bột Bột khôn ngoan, trị quân nghiêm minh, không thể xem thường. Ta nên tránh mũi nhọn của địch, hãy từ Ôn Vi vượt sông tiến lên phía bắc, chiếm Vạn Hộ, hạ trại chặn đường huyết mạch thì mới mong chiến thắng’.

Đại tướng Gia Liên phản đối: “ Binh mã của Bột Bột là hạng quân ô hợp, bại tướng tàn binh, hà tất phải né tránh? Quân ta đầy nhuệ khí, cần đuổi đánh gấp! ”.

Hai người tranh cãi nhau, Đồi Phát Nộc Thiện nói: “Kế đuổi địch ta đã quyết, kẻ trái lệnh sẽ bị chém đầu!”. Đoan hạ lệnh cho quân tiến nhanh.

Hách Liên Bột Bột chọn hẻm núi Dương Võ làm nơi quyết chiến với quân Nam Lương. Ông thấy quân Hạ mang theo vô số của cải, dê cừ, khó bề chống địch truy kích. Chỉ còn có cách đẩy họ vào tử địa để tìm đường, họ mới liều chết đánh địch mà thôi. Thế là Bột Bột hạ lệnh phá băng trong hẻm núi để quân không thể vượt qua, đồng thời chất các xe công kênh chặn hết thông đạo để quân không có lối rút về, chỉ còn cách liều chết chống địch truy kích mới có đường sống.

Quả nhiên Nộc Thiện dẫn quân đuổi tới. Quân Hạ quay lại chống trả kịch liệt. Bọt Bọt tể ngựa xông lên, bị cung nỏ của quân Hạ bắn như mưa, trúng vào vai trái, nhưng Bọt Bọt bất chấp, cứ xung phong hãm trận. Quân sĩ hăng hái chiến đấu. Quân Nam Lương thua to, phải chạy dài hơn 80 dặm, thương vong nặng nề, mất 20 dũng tướng. Nộc Thiện được mấy kỵ sĩ hộ vệ mới chạy thoát về Nam Sơn.

Bọt Bọt thu dọn chiến trường, sai chất cây địch thành một đống cao như núi gọi là “Độc Lâu Đài” (Tháp đầu lâu) để ghi nhớ chiến công của mình. Rồi trở lại đường cũ, lúc đó những chỗ băng bị phá thủng đã lại đầy kín, thông đạo được dọn dẹp, binh mã thẳng trận, chở chiến lợi phẩm trở về phương bắc.

“Vi binh chi sự, tại ư thuận tường địch chi ý, tinh địch nhất hướng, thiên lý sát tướng, thị vị xảo năng thành sự giả dã”

Chỉ đạo chiến tranh phải xem xét cẩn thận ý đồ chiến lược của địch, tập trung binh lực vào hướng chủ công, tiến xa ngàn dặm mà chém tướng địch, như thế gọi là khôn khéo dùng binh để giành chiến thắng.

Trong đêm bão tuyết, Lý Tố đánh chiếm Thái Châu

Mùa đông năm Nguyên Hoà Đường Hiến Tông thứ 11, thái tử chiêm sự Lý Tố nhận lệnh làm Tiết độ sứ Tuy, Trịnh, Đường, đến Hoài Tây chỉ huy bình định quan quân phản loạn do Ngô Nguyên Tế cầm đầu. Trước đó, Ngô Nguyên Tế chiếm Thái Châu, đã đánh bại hai tướng tiền nhiệm của triều đình.

Mùa xuân năm sau, khi Lý Tố tới đương nhiên đã tranh thủ bồi dưỡng sĩ tốt, tiêu diệt một số cứ điểm ngoại vi của địch, đối đãi tử tế với tướng địch đầu hàng, khiến sĩ khí của quan quân lên cao, lòng quân ổn định, làm yếu lực lượng địch, tăng cường sức mạnh quân mình.

Tháng 3, quan quân của Lý Quang Nhan ở tuyến phía bắc tiến công quân phản loạn, đánh thắng mấy trận, Ngô Nguyên Tế phải dồn lực lượng tới đó đối phó.

Lý Tố được tin ấy, cho rằng phải tận dụng thời cơ, triệu Lý Hựu và các tướng tới bàn cách đánh. Lý Hựu nguyên là dũng tướng của Ngô Nguyên Tế, đã qui hàng Lý Tố, được hậu đãi, muốn lập công báo đáp. Lý Hựu đề nghị: “Tinh binh Thái Châu hiện tập trung ở Hồi Khúc và biên cảnh phía tây, trấn giữ Thái Châu chỉ toàn là tàn binh già yếu; ta nên đánh ngay Thái Châu thì có thể bắt được Ngô Nguyên Tế”. Ý kiến của Lý Hựu vừa phân tích tình hình địch, vừa đưa ra cách hành động, Lý Tố thấy có lý, liền quyết định kế hoạch tập kích Thái Châu, nhưng để giữ bí mật, ông không nói nửa lời cho tướng sĩ hay biết.

Ngày 15/10 năm Nguyên Hoà thứ 12 (năm 817) gió tuyết mạnh, Lý Tố đột nhiên tập hợp toàn bộ tướng sĩ, phát lệnh tiến quân: Lý Hựu, Lý Trung Nghĩa dẫn 3000 quân đi tiên phong, Lý Tố đích thân dẫn 3000 lính làm trung quân, Lý Tiến Thành dẫn 3000 người làm hậu quân. Toàn quân từ Văn Thành bí mật xuất phát. Các tướng hỏi Lý Tố tiến quân đi đâu, Lý Tố đáp: “Các vị không cần hỏi nhiều, cứ tiến sang phía đông là được!”.

Quân tiến gấp, đêm ấy tới thôn Trường Sài, bất ngờ tiến đánh và tiêu diệt bọn lính đóng ở đó làm nhiệm vụ đốt lửa báo hiệu tình hình nguy cấp. Lý Tố cho tướng sĩ nghỉ ngơi ăn uống, sau đó để lại 500 người giữ Trường Sài

để chặn viện binh địch từ hướng Lăng Sơn và từ hướng Hồi Khúc có thể đến cứu Thái Châu. Rồi đốc quân tiến gấp ngay trong đêm về phía đông. Các tướng lại hỏi bây giờ đi đâu, Lý Tố mới tuyên bố: “Đến Thái Châu bắt Ngô Nguyên Tế!”

Ai nấy vừa nghe đều kinh ngạc biến sắc. Giám quân của triều đình cho rằng như thế là đâm đầu vào chỗ chết, bèn khóc lớn: “Vậ là trúng gian kế của Lý Hựu rồi!”.

Lý Tố chẳng buồn để ý tới điều đó, hạ lệnh “Tiến gấp!”. Lúc này đã quá nửa đêm, gió mạnh, tuyết bay đầy trời, nhiều cây cờ bị gãy cả cán vì gió mạnh, dọc đường có người, ngựa ngã gục. Quan quân lại chưa biết đường từ thôn Trường Sài đến Thái Châu nên hành quân rất vất vả. Rất nhiều người cho rằng trận này cầm chắc cái chết, nhưng vì mệnh lệnh của Lý Tố rất nghiêm, không ai dám vi phạm. Tuyết càng lúc càng rơi dữ dội.

Khi thấy lờ mờ thành Thái Châu thì vào khoảng canh tư. Bên đường có một cái hồ có rất nhiều vịt. Lý Tố sai lính đuổi vịt cho chúng kêu ầm ĩ để át tiếng vó ngựa hành quân. Đến chân thành thì nghe tiếng trống điểm canh, lính canh vẫn không biết gì. Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa leo lên tường thành, đội cảm tử bám theo. Trước hết, họ giết sạch những tên lính canh gác cổng, chỉ lưu lại mấy tên đánh trống canh, lệnh cho chúng cứ đánh trống điểm canh như không có chuyện gì xảy ra. Đoạn họ mở toang cổng thành cho đại quân tiến vào. Trong thành vẫn không ai hay biết gì.

Gà gáy sáng thì tuyết ngừng rơi. Lý Tố dẫn quân đến dinh của Ngô Nguyên Tế. Bây giờ mới có người phát hiện quan quân tập kích, vội cấp báo với Ngô Nguyên Tế. Ngô Nguyên Tế đang ngủ ngon trong chăn ấm, nghe báo thì cười nói: “Đây là mấy tên lính triều đình bị bắt làm tù binh định giở trò nhiễu loạn, để sáng mai ta sẽ ra lệnh chém chết chúng!”

Nào ngờ lời vừa dứt, lại có người chạy vào cấp báo, Ngô Nguyên Tế vẫn chưa tin: “Chắc là binh sĩ từ Hồi Khúc về nhận quần áo rét thôi”. Đoạn trở dậy mặc quần áo, bước ra. Chợt nghe thấy hiệu lệnh lạ của tướng sĩ quan quân triều đình, mới tin là thực, vội thét lính kháng cự,

Quân Lý Tố đã bao vây chặt. Ngô Nguyên Tế hết đường cứu vãn, đành xin đầu hàng. Hôm sau, y bị giải về kinh đô để trị tội.

Lý Tố nói: “Ngô Nguyên Tế ở đây chỉ mong tướng Đồng Trọng Chất trấn giữ Hồi Khúc đem quân về cứu. Liền sai người tìm gia quyến của Đồng Trọng Chất ở trong thành Thái Châu mà vỗ về an ủi, rồi cho con trai của Đồng Trọng Chất mang thư tay Lý Tố viết đến Hồi Khúc.

Đồng Trọng Chất nhận được thư chiêu hàng của Lý Tố, một mình cưỡi ngựa về hàng. Sau đó, hơn hai vạn quân phiến loạn ở Thân Châu, Quang Châu và các nơi khác lần lượt đầu hàng.

Lý Tố dễ dàng kết thúc cuộc chiến bình định Thái Châu đã kéo dài 4 năm. Do tài chỉ huy quân sự của ông, Lý Tố được Đường Hiến Tông phong làm Tiết độ sứ Sơn Nam và tước Lương Quốc công.

“Thủy như xử nữ, địch nhân khai hộ; hậu như thoát thổ, địch bất cập cự”

Trước khi nổ ra chiến tranh thì e lệ, kín đáo, trầm tĩnh như gái trinh, khiến kẻ địch lơ đãng không phòng bị, bộc lộ chỗ yếu. Khi chiến tranh bùng nổ thì hành động mau lẹ như thả sống chuồng, khiến địch không kịp trở tay chống cự.

Điền Đơn đánh lừa địch giành đại thắng

Thời Chiến Quốc, năm Chu Noãn vương thứ 31 (năm 284 trước Công Nguyên), Chiêu vương nước Yên liên minh với năm nước Triệu, Sở, Tần, Hàn, Ngụy, cử đại tướng Nhạc Nghị thống soái liên quân 6 nước tiến đánh nước Tề, lần lượt chiếm được hơn 70 thành nước Tề. Kinh đô Lâm Tri của Tề cùng bị vây hãm.

Nước Tề chỉ còn lại đất Cử (huyện Cử, tỉnh Sơn Đông) và Tức Mặc (đông nam Bình Độ, Sơn Đông) là chưa bị công phá. Tề Dãn vương bị buộc phải chạy về đất Cử.

Lúc này, quân đội năm nước Triệu, sở, Tần, Hàn, Ngụy đã lần lượt về nước, chỉ còn Nhạc Nghị ở lại chỉ huy quân Yên đánh Tức Mặc.

Quan đại phu trấn thủ Tức Mặc đem quân nghênh chiến bị quân Yên đánh tan và giết chết. Thành Tức Mặc nguy ngập, mọi người cử Điền Đơn làm đại tướng. Điền Đơn là tôn thất nước Tề, từng làm quan ở Lâm Tri, có kinh nghiệm tác chiến. Điền Đơn nhận trọng trách giữ thành. Ông cùng quân sĩ đồng cam cộng khổ, còn bắt gia quyến của chính mình tham gia quân đội và luyện tập như tất cả mọi người. Trong thành ai cũng kính phục Điền Đơn, sĩ khí ngày một lên cao.

Nhạc Nghị đem quân vây thành Tức Mặc, dùng nhiều biện pháp đánh thành, vẫn không hạ được. Nhạc Nghị bèn dùng chiến thuật đánh vào lòng người: hạ lệnh lui binh mười dặm, cho phép dân trong thành ra ngoài kiếm củi, hậu đãi tù binh... để Tức Mặc phải đầu hàng. Cuộc bao vây kéo dài 3 năm mà quân Yên vẫn không hạ được thành. Đã thế, Điền Đơn còn chỉ huy quân sĩ chuẩn bị mọi mặt để phản công.

Năm 279 trước Công Nguyên, Yên Chiêu vương qua đời, Huệ vương nối ngôi. Hồi làm thái tử, Huệ vương vốn không ưa Nhạc Nghị, thấy Nhạc Nghị đánh có một cái thành nhỏ 3 năm không xong, đã có ý hoài nghi. Điền Đơn liền phái người sang nước Yên tung tin ly gián “Nhạc Nghị có lòng oán hận Huệ vương, nên không dám về nước, định đóng quân ở nước Tề để làm vua...”

Huệ vương mắc kế ly gián của Điền Đơn, định phái Kỵ Kiếp sang thay Nhạc Nghị. Điền Đơn lại gắp sai người sang Yên tung tin “Nhạc Nghị đã lui quân mười dặm cho người Túc Mặc tự do ra vào thành. Nếu nước Yên cử chủ tướng khác, thì chỉ ít lâu sẽ hạ được thành Túc Mặc”... ..

Huệ vương nghe đồn, hỏi những tướng sĩ trở về, họ đều nói là có việc đó, nên tin là thực, lập tức phái Kỵ Kiếp đi thay Nhạc Nghị. Nhạc Nghị biết mình không còn được tin dùng liền bỏ sang Triệu.

Kỵ Kiếp thay đổi hẳn cách cầm quân. Trước hết, hạ lệnh tiến binh mười dặm, bao vây thành Túc Mặc, không cho dân trong thành ra ngoài kiếm củi, đồng thời lập tức công phá. Điền Đơn chỉ huy quân sĩ phòng thủ kiên cường.

Để khích lệ sĩ khí quân mình, Điền Đơn dụ cho quân Yên gây ra những hành động bạo ngược. Ông sai người tung tin: “Nếu quân Yên cắt mũi tù binh, rồi đẩy họ lên phía trước đội ngũ tiến công, thì chắc chắn sẽ hạ được thành Túc Mặc”. Kỵ Kiếp quả nhiên trúng kế, hạ lệnh làm đúng như vậy.

Gián điệp của Điền Đơn lại tung tin: “Quân Tề sợ nhất bị quân Yên đào mồ mả ở ngoài thành làm nhục tổ tiên của họ”. Lần này Kỵ Kiếp lại bị lừa, sai quân đào mồ mả, đốt hài cốt. Tướng sĩ quân Yên tuy chấp hành mệnh lệnh, nhưng trong lòng bất mãn. Còn tướng sĩ trên thành Túc Mặc tận mắt chứng kiến những hành động bạo ngược của địch thì người người đều căm giận, chỉ mong sớm được xuất chiến trả thù. Điền Đơn bình tĩnh quan sát mấy ngày, thấy điều kiện phản công đã chín muồi, liền cho một số người giả làm phú ông ra ngoài thành đầu hàng.

Kỵ Kiếp tiếp họ, hỏi han. Các “phú ông” nói: “Lương thực trong thành đã cạn. Điền Đơn chỉ còn mỗi con đường đầu hàng. Những mong tướng quân sau khi vào thành tha mạng cho gia quyến thảo dân và đừng tước đoạt tài sản của thảo dân”.

Các “phú ông” thấy vẻ mặt Kỵ Kiếp hớn hở, liền cho người dâng lên y rất nhiều vàng bạc châu báu, Kỵ Kiếp quả nhiên chấp nhận đề nghị của họ.

Kỵ Kiếp và một vài tướng lĩnh quân Yên thấy quân giữ thành toàn loại già yếu, trong quân có cả phụ nữ, nay lại có thêm các “phú ông” ra hàng, thì cho rằng hạ được Túc Mặc, hân hoan ăn mừng, chờ Điền Đơn đầu hàng.

Đêm hôm ấy, Điền Đơn sai lấy hơn 1000 trâu bò, bọc vải ngũ sắc vào thân, buộc dao nhọn vào sừng, buộc cỏ tằm dầu vào đuôi. Lại lệnh cho dân mang các thứ thanh la, nôi thau bằng đồng lên đầu thành đội lệnh. Lại chọn 5000 tinh binh vào “đội cảm tử”, bôi màu lòe loẹt lên mặt, tập hợp phía sau đàn trâu bò.

Nửa đêm, thành Tức Mặc vẫn yên lặng như tờ. Mười lỗ hồng lớn ở tường thành được khoét sẵn, được đập thủng, trâu bò và năm ngàn tinh binh tiến ra, lao thẳng về phía doanh trại quân Yên.

Bỗng pháo hiệu nổ, dân chúng tức thời gõ thanh la, chậu thau vang động một góc trời. Đàn trâu bò bị châm hỏa cháy đuôi cứ thế lao vào trại địch. Quân Yên không chết thì cũng bị thương. Năm ngàn tinh binh tràn theo sau trâu bò, mặc sức chém giết. Quân Yên chẳng còn biết là người hay quỷ thần, hoảng loạn tháo chạy.

Kỵ Kiếp và nhiều tướng đang ngủ say, giật mình tỉnh giấc, còn ngỡ ngác thì đã bị quân Tề chém giết. Sáng ra, Điền Đơn chỉnh đốn binh mã, truy kích tiêu diệt. Chẳng bao lâu sau, hơn 70 thành của nước Tề bị quân Yên chiếm đóng đã được giải phóng.

THIÊN XII: HỎA CÔNG

Phàm hỏa công hữu ngũ, nhất viết hỏa nhân, nhị viết hỏa tích, tam viết hỏa truy, tứ viết hỏa khô, ngũ viết hỏa đội. Hành hỏa tất hữu nhân, yên hỏa tất tố cụ. Phát hỏa hữu thời, khởi hỏa hữu nhật. Thời giả, thiên chi tảo dã; nhật giả, nguyệt tại Cơ, Bích, Dực, Chấn dã. Phàm thử tứ tú giả, phong khởi chi nhật dã.

Phàm hỏa công, tất nhân ngũ hỏa chi biến nhi ứng chi. Hỏa phát ư nội, tắc tảo ứng chi ư ngoại. Hỏa phát nhi kỳ binh tĩnh giả, đãi nhi vật công. Cực kỳ hoả lực, khả tòng nhi tòng chi, bất khả tòng nhi chỉ. Hỏa khả phát ư ngoại, vô đãi ư nội, dĩ thời phát chi. Hỏa phát thượng phong, vô công hạ phong. Trú phong cửu, dạ phong chỉ. Phàm quân tất tri hữu ngũ hỏa chi biến, dĩ số thủ chi.

Cổ dĩ hỏa tá công giả minh, dĩ thủy tá công giả cường. Thủy khả dĩ tuyệt, bất khả dĩ đoạt.

Phù chiến thắng công thủ, nhi bất tu kỳ công giả hung, mệnh viết phí lưu. Cổ viết: minh chúa lự chi, lương tướng tu chi. Phi lợi bất động, phi đắc bất dụng, phi nguy bất chiến. Chúa bất khả dĩ nộ nhi hưng sự, tướng bất khả dĩ uấn nhi trí chiến. Hợp ư lợi nhi động, bất hợp ư lợi nhi chỉ. Nộ khả dĩ phục hỉ, uấn khả dĩ phục duyệt, vong quốc bất khả dĩ phục tồn, tử giả bất khả dĩ phục sinh. Cổ minh quân thận chi, lương tướng cảnh chi, thử an quốc toàn quân chi đạo dã.

Dịch nghĩa:

Hỏa công có năm loại: một là đốt người, ngựa của địch; hai là đốt quân nhu của địch; ba là đốt xe cộ của địch; bốn là đốt kho của địch; năm là đốt lương của địch. Muốn đốt phải có điều kiện nhất định, phải chuẩn bị từ trước. Phóng hỏa phải xem thiên thời, phải chọn đúng ngày. Thiên thời nghĩa là chọn lúc khô hanh, chọn ngày nhằm khi mặt trăng đi vào phạm vi bốn sao Cơ, Bích, Dực, Chấn. Phàm vào bốn đêm ấy đều có gió thổi.

Dùng hỏa công, phải căn cứ sự biến hóa khác nhau của từng loại hỏa công mà linh hoạt dùng cho thích hợp. Lửa cháy trong doanh trại địch, thì

phải kịp thời cho quân tiếp ứng ở bên ngoài. Lửa đã cháy mà trại địch vẫn không rối loạn, thì phải chờ đợi, đừng vội tấn công ngay. Đợi khi lửa bốc mạnh, sẽ tùy tình hình mà quyết định, tiến được hãy tiến, không tiến được thì dừng. Phóng hỏa từ bên ngoài vào thì không cần chờ nội ứng, có thể nương theo đầu gió mà đánh, chớ đánh ở phía cuối gió. Ban ngày gió thổi mãi thì ban đêm gió dễ ngừng. Quân đội phải hiểu cách vận dụng linh hoạt 5 loại hỏa công, chọn thiên thời và ngày giờ mà chuẩn bị phóng hỏa.

Dùng lửa hỗ trợ quân đội tiến công thì hiệu quả rõ ràng. Dùng nước hỗ trợ quân đội tiến công, thì sẽ làm cho thế công thêm mạnh. Nước có thể chia cắt địch, nhưng không thể làm cho địch bị mất quân nhu, vật tư.

Phàm đã thắng trận, chiếm được thành ấp, mà không củng cố chiến quả, thì rất nguy hiểm, gọi là dùng dăng hao phí. Cho nên minh quân, lương tướng đều phải suy tính, xử lý vấn đề này. Bất lợi thì không hành động, khó thắng thì không động binh, không nguy thì không khai chiến. Vua không thể vì giận mà phát động chiến tranh, tướng không thể vì uất hận nhất thời mà xuất quân tác chiến. Phù hợp với lợi ích của quốc gia mới dùng binh, không phù hợp thì phải dừng. Hết giận dữ có thể trở lại vui mừng, hết uất hận có thể trở lại cao hứng. Còn như nước đã mất thì chẳng thể phục hưng, người đã chết chẳng thể sống lại. Cho nên đối với chiến tranh, minh quân phải thận trọng, lương tướng phải cảnh giác, đó là nguyên tắc trọng yếu bảo vệ đất nước và quân đội.

Tóm tắt nội dung:

Hoả công có thể địch là dùng lửa đánh địch, nhưng vào thời đại Tôn tử thì nó hàm nghĩa dụng lửa hỗ trợ cho việc tiến công. Trong thiên này Tôn tử chủ yếu luận về chủng loại, điều kiện và phương pháp tiến hành hoả công cùng sự ứng biến sau khi phóng hỏa.

Tôn tử cho rằng dùng lửa hỗ trợ tiến công là tăng cường lực lượng tiến công, là thủ đoạn trọng yếu để giành chiến thắng. Ông chia ra 5 loại hoả công là “hỏa nhân”, “hoả tích”, “hỏa tri”, “hỏa khố”, “hỏa đội”, muốn hoả công, phải chuẩn bị trước “phát hỏa hữu thời, khởi hỏa hữu nhật” (tức là phải có điều kiện khí tượng) và “hành hoả tất hữu nhân, nhân tất tố cữu” (nghĩa là phải có điều kiện vật chất). Tôn tử chủ trương kết hợp hoả công với binh công, xác định rõ “tất nhân ngũ hỏa chi biến nhi ứng chi”, tức là

lợi dụng kết quả do hỏa công gây ra với địch mà chỉ huy quân đội chớp thời cơ tiến công, giành thắng lợi.

Thiên này còn có một nội dung quan trọng là tư tưởng thận trọng với chiến tranh, nhắc nhở vua chúa và tướng lĩnh không thể dựa trên cảm xúc nhất thời của cá nhân mình trong việc xử lý chiến tranh. Dù chiến hay hoà đều phải căn cứ vào lợi ích đất nước “hợp ư lợi nhi động, bất hợp ư lợi nhi chỉ”. Quan niệm thận trọng xử lý chiến tranh để bảo vệ an ninh cho đất nước và quân đội đến nay vẫn giữ nguyên ý nghĩa to lớn của nó.

Chu Du mượn gió phóng hỏa trận Xích Bích

Cuối thời Đông Hán, Tào Tháo dẹp yên quần hùng phương bắc, bình định Ô Hoàn, thống nhất Trung Nguyên, tháng 7 năm Kiến An thứ 13 (năm 208) dẫn 20 vạn quân, xướng lên thành 80 vạn, tiến xuống phía nam, định chiếm Kinh Châu và toàn bộ địa khu Giang Nam, thống nhất toàn quốc.

Ở phương nam, Tôn Quyền nối nghiệp cha anh, chiếm 6 quận Giang Nam, thực lực quân sự tuy không bằng Tào Tháo, nhưng biết chiên hiền đãi sĩ, phát triển sản xuất, nên thế lực ngày một mạnh. Tôn Quyền quyết giữ Giang Nam, chờ cơ hội chiếm Kinh Châu, mưu đồ bá chủ.

Lưu Bị có ý đồ chính trị, nhưng chưa có địa bàn cố định. Trận Quan Độ bị thua, Lưu Bị phải chạy tới Kinh Châu nương nhờ Lưu Biểu, được Lưu Biểu cho đóng quân ở Tân Dã, sau lại chuyển đến Phàn Thành. Lưu Bị chiêu mộ nhân tài, chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ.

Nhà chính trị và quân sự kiệt xuất thời Tam Quốc là Gia Cát Lượng được Lưu Bị “ba lần đến lều cỏ” mời về làm quân sư. Gia Cát Lượng giúp Lưu Bị định chiến lược, trước hết chiếm hai châu Kinh - Ích làm căn cứ địa, đồng thời liên minh với Tôn Quyền chống Tào Tháo, chờ cơ hội xuất binh Trung Nguyên.

Thành Kinh Châu là nơi cả 3 thế lực đều muốn chiếm. Đại quân Tào Tháo tiến thẳng xuống Kinh Châu. Lúc này chủ nhân của Kinh Châu là Lưu Biểu bị bệnh chết, con thứ là Lưu Tôn lên thay, sợ uy Tào Tháo, vội vã đầu hàng.

Lưu Bị nghe tin đó cả sợ, tự liệu thế đơn lực mỏng, không đủ sức chống quân Tào, dẫn trăm họ chạy đến Giang Lăng. Giang Lăng là căn cứ quan trọng ở thượng du Trường Giang, Tào Tháo sợ Lưu Bị chiếm, thân chinh đem 5000 quân khinh kỵ đi suốt ngày đêm, vượt 300 dặm, đuổi theo Lưu Bị, đến Tràn Bản, Đương Dương thì đuổi kịp.

Tin Lưu Biểu chết báo sang Đông Ngô, Tôn Quyền phái Lỗ Túc gấp tới Kinh Châu, danh nghĩa là đi viếng, thực chất dò xét tình hình, chuẩn bị chiếm Kinh Châu. Nhưng Lỗ Túc chưa đến nơi, thì Lưu Tôn đã hàng Tào. Lỗ Túc đành đi gặp Lưu Bị bàn mưu chống Tào.

Lưu Bị tiếp nhận đề nghị của Lỗ Túc, cử Gia Cát Lượng sang Sài Tang gặp Tôn Quyền để cùng bàn kế lớn chống Tào, còn mình thì hội hợp với thủy quân của Quan Vũ và hơn 2 vạn quân của Lưu Kỳ lui về thủ ở Phàn Khẩu, bờ nam Trường Giang.

Tào Tháo sau khi chiếm Giang Lăng, cho đại quân thủy lục theo Trường Giang tiến sang phía đông. Tào Tháo kiêu ngạo khinh địch cho rằng đại quân đánh đâu thắng đó, bèn viết thư đe dọa để

Tôn Quyền phải đầu hàng.

Nội bộ Đông Ngô chia làm hai phái, chủ chiến và chủ hàng. Chu Du và Gia Cát Lượng phân tích rõ tình hình, cuối cùng Tôn Quyền quyết định hợp binh với Lưu Bị chống Tào. Tôn Quyền rút kiếm chém đứt một góc bàn và nói: “Còn ai dám khuyên hàng kẻ đó sẽ như chiếc bàn này!”.

Tôn Quyền cử Chu Du, Trình Tấn làm Tả, Hữu đô đốc, Lỗ Túc làm Tán quân hiệu úy, chọn ba vạn binh, ngược dòng sông tiến sang phía tây đến Phàn Khẩu, liên hợp với quân của Lưu Bị chống Tào Tháo. Tôn -Lưu hội quân, tiến sang phía tây, đến Xích Bích thì gặp quân Tào.

Lúc này quân Tào không hợp thủy thổ, nhiều người sinh bệnh. Liên quân Tôn-Lưu tiến đánh, trận đầu thắng lợi. Quân Tào buộc phải rút sang bờ bắc Trường Giang, đối diện với quân Tôn- Lưu ở bờ nam.

Quân Tào phần đông là người phương bắc, không quen sông nước, trên thuyền bị say sóng, nên Tào Tháo ra lệnh ghép nối đầu đuôi các chiến thuyền lại với nhau thành một khối, bày trận ở bên bờ bắc dày đặc như rừng, thanh thế hùng mạnh. Bộ tướng của Chu Du là Hoàng Cái thấy vậy đề nghị: “Nay địch đông ta ít ta khó cầm cự lâu dài với chúng. Nhưng giặc lại đem ghép thuyền vào với nhau thành một khối như thế kia, thì ta có thể dùng hỏa công diệt chúng”.

Kế này tuy hay, nhưng không dễ thực hiện. Lúc này là đầu mùa đông, trên mặt sông thường chỉ có gió tây bắc, nếu dùng hỏa công thì sẽ thiêu hủy chiến thuyền của quân mình bên bờ nam.

Chu Du dò hỏi nhân dân địa phương, được biết hàng năm trước và sau tiết Đông chí có thể xuất hiện gió đông nam thì cả mừng, lệnh cho bộ đội tích cực và bí mật chuẩn bị hỏa công.

Họ chất đầy cỏ khô, rơm rạ lên 10 thuyền lớn. Sau đó dùng vải phủ bên trên và cắm cờ để nguy trang. Lại chuẩn bị những chiếc thuyền nhỏ di động lẹ làng bám sau thuyền lớn để sau khi phóng hỏa, binh sĩ trên thuyền lớn rút xuống thuyền nhỏ.

Để kế hoạch hỏa công được toàn vẹn, Hoàng Cái viết thư xin hàng cho người mang sang trình Tào Tháo. Tào Tháo xem kỹ, nghi có sự trá hàng. Người đưa thư hết lời bày tỏ thành ý của Hoàng Cái. Tào Tháo nói: “Nếu Hoàng Cái hàng thật, ta sẽ phong cho tước phẩm cao sang”. Người đưa thư về báo lại, Hoàng Cái cả mừng báo tin cho Chu Du, Chu Du truyền lệnh chuẩn bị xuất kích.

Mọi việc chuẩn bị đâu vào đó, chỉ thiếu gió đông. Trên mặt sông gió tây bắc vẫn vi vu như cũ. Liên quân Tôn-Lưu nóng lòng sốt ruột đợi chờ.

Một ngày tháng 11, cờ xí trong doanh trại liên quân bên bờ nam đột nhiên bay ngược lại. Chu Du nói lớn: “Trời giúp ta đây!”. Hoàng Cái vội mật báo cho Tào Tháo đợi đêm nay sẽ đem thuyền sang hàng. Tối hôm đó, 10 thuyền chất cỏ kia tiến sang doanh trại thủy quân Tào. Gió đông nam thổi mạnh, thuyền lướt rất nhanh.

Quân Tào thấy Hoàng Cái sang hàng thì đứng xem với thái độ vui mừng, chẳng chút đề phòng. Gần tới thủy trại quân Tào, Hoàng Cái hạ lệnh: “Phóng Hoả!”. 10 thuyền chở cỏ hoá thành 10 khối lửa. Gió đông nam lúc này thổi cực mạnh, mười chiếc thuyền kia như đàn rồng lửa lao nhanh vào thủy trại quân Tào. Lập tức thủy trại chìm trong biển lửa.

Thuyền của quân Tào đã bị ghép liền thành khối, tách ra không được, lửa lan nhanh chóng, quân Tào tranh nhau chạy. Lửa lan cả lên doanh trại trên bờ, khói ngút trời. Chủ lực liên quân Tôn-Lưu ở bờ nam thấy Hoàng Cái phóng hỏa thành công, lập tức gióng buồm tiến sang diệt địch. Tào Tháo may nhờ tướng lĩnh hộ vệ theo đường mòn Hoa Dung mà chạy mới thoát chết.

Chu Du và Lưu Bị thủy lục cùng tiến, đuổi quân Tào Tháo đến tận Nam Quận. Quân Tào đại bại, lại thêm đói khát chết quá nửa. Tào Tháo để Tào Nhân, Từ Hoảng ở lại giữ Giang Lăng, Nang Dương, còn mình dẫn tàn quân rút về phương bắc.

Đầu năm Kiến An thứ 14, Chu Du chiếm Giang Lang. Lưu Bị lúc này cũng thừa cơ chiếm 4 quận Võ Lăng, Trường Sa, Linh Lăng, Quế Dương, làm chủ Kinh Châu từ đó đã có chỗ đứng chân.

Sau trận Xích Bích, Tôn Quyền và Lưu Bị thừa cơ phát triển. Tôn Quyền chiếm Giao Châu, Quảng Châu ở phía nam. Lưu Bị chiếm Ích Châu ở phía tây. Từ đó hình thành xong cục diện Tam Quốc.

“Hỏa phát ư nội, tắc tảo ứng chi ư ngoại ”

Lửa cháy ở trong doanh trại địch, thì phải kịp thời cho quân ứng chiến ở bên ngoài.

Phan Mỹ dùng lửa đánh Lưu Sưởng, chiêm Quảng Châu

Thời Bắc Tống, tháng 9 năm Khai Bảo thứ 3, Tống Thái Tử Triệu Khuông Dận cử Phòng ngự sứ Đàm Châu Phan Mỹ làm Hành doanh chư quân bộ đô tri, tập trung các đạo binh đến Hạ Châu tiến đánh Nam Hán.

Quân Tống bao vây Hạ Châu, Nam Hán vương Lưu Sưởng phái tướng Ngũ Nhan Nhu đem hơn một vạn binh mã đi cứu viện. Quân Tống mai phục ở Nam Hương tiêu diệt viện binh của Ngũ Nhan Nhu, đánh chiếm Hạ Châu.

Để giải trừ mối uy hiếp hậu phương, quân Tống vòng lên phương bắc, chiếm Chiêu Châu, Quế Châu, rồi lại chuyển sang hướng đông chiếm Liên Châu làm cho Lưu Sưởng tưởng rằng quân Tống chỉ thu phục lại bốn châu Hạ, Chiêu, Quế, Liên vốn là đất cũ Hồ Nam, chứ không có ý tiến quân xuống phía nam nữa.

Từ Liên Châu, Phan Mỹ lại kéo quân Tống đến tận Thiều Châu. Thiều Châu là cửa ngõ phía bắc Quảng Châu. Đô Thống Nam Hán là Lý Thừa Ác đem hơn mười vạn quân đóng ở Liên Hoa Phong.

Trong quân Lý Thừa Ác có một đội tượng binh. Trên lưng mỗi con voi có thể chở hàng chục quân sĩ. Khi ra trận, đội tượng binh xông lên thị uy. Phan Mỹ biết vậy, liền chuẩn bị cách đối phó.

Cuộc chiến vừa bắt đầu, quân Tống tập trung toàn bộ các tay cung ở phía trước đồng loạt phóng tên vào đội tượng binh. Đàn voi bị tên bắn tức thời hoảng loạn bỏ chạy, khiến các binh sĩ trên lưng bị ngã cả xuống đất. Quân Tống thừa thế tràn tới, quân Nam Hán đại bại phải chạy tháo thân. Quân Tống chiếm luôn Thiều Châu.

Lưu Sưởng nghe tin cả sợ, vội cử sứ thần sang dinh quân Tống cầu hoà, không thành, lại sai viết biểu xin hàng, cũng lại bị Phan Mỹ cự tuyệt. Lưu Sưởng hết cách, đành phái em mình là Lưu Bảo Hưng đem quân nghênh chiến.

Bấy giờ đại tướng Nam Hán là Thực Đình Hiếu và Quách Tung Nhạc đóng sáu vạn quân ở Mã Kinh Sơn lập doanh trại, dựa vào thế núi hiểm trở

để cố thủ. Lưu Bảo Hưng dẫn quân tới hội hợp, tổng số quân Nam Hán còn tới 15 vạn người.

Phan Mỹ kéo quân gấp xuống phía nam, tới Mã Kinh Sơn, năm lần bảy lượt cho kỵ binh khiêu chiến, nhưng quân Nam Hán chỉ cố thủ không đánh.

Phan Mỹ thấy vậy liền cho quân đào hào đắp lũy, nghĩ kế đánh địch. Đứng trên núi thấy doanh trại quân Nam Hán toàn bằng tre gỗ, Phan Mỹ nói với các tướng: “Nếu dùng hỏa công, địch ắt loạn, bấy giờ đem bộ đội tinh nhuệ tấn công thì chắc thắng”. Các tướng gật đầu khen phải.

Phan Mỹ cho mấy ngàn dân phu mỗi người mang 2 bó đuốc theo đường mòn tiếp cận doanh trại quân Nam Hán, chờ đêm tới sẽ hành động. Đồng thời cho bộ đội chuẩn bị mọi mặt để xuất kích.

Màn đêm buông xuống, mấy ngàn dân phu đốt đuốc nhất loạt quẳng vào doanh trại địch. Lúc này gió lớn, doanh trại quân Nam Hán biến thành biển lửa.

Quân Nam Hán đại bại, bị tiêu diệt mấy vạn người. Quân Tống đánh tan lực lượng đối kháng cuối cùng của quân Nam Hán, tiến thẳng vào Quảng Châu. Triều Nam Hán thế là diệt vong.

“Hỏa khả phát ư ngoại, vô đãi ư nội, dĩ thời phát chi”

Phóng hỏa từ bên ngoài vào thì không cần chờ nội ứng, có thể nương theo đầu gió mà đánh.

Tào Bân đốt cháy thủy trại, chiếm Kim Lăng

Tháng 3 năm Tống Khai Bảo thứ 7 (năm 974), Tống nghị hòa với Liêu để khỏi lo hậu phương khi tiến xuống phía nam. Tháng 9, Tống Thái Tổ phái đại tướng Tào Bân chỉ huy thủy quân, Phan Mỹ chỉ huy bộ binh, chuẩn bị tiến công Nam Đường.

Để kiểm soát đánh Nam Đường, Tống phái sứ giả xuống Nam Đường đòi Lý Dục phải đến kinh đô Tống triều cống. Lý Dục thác bệnh từ chối. Tống Thái Tổ mượn cớ đó cho quân đi trừng phạt.

Khi Tào Bân khởi hành, Tống Thái Tổ dặn: “Việc tiến đánh Giang Nam, trăm trao toàn quyền cho khanh xử lý. Dọc đường tiến quân phải giữ nghiêm quân kỷ, không được cướp bóc dân chúng, phải tạo được uy tín để dân tự quy thuận, không cần gì phải đánh gấp”.

Tháng 10, Tào Bân dẫn quân từ Kinh Nam men sông tiến sang phía đông, dễ dàng vượt qua Hồ Khẩu, nơi có nhiều quân Nam Đường trấn giữ, rồi tiến thẳng đến Trì Châu.

Tướng trấn thủ Trì Châu bỏ thành mà chạy. Sau khi chiếm Trì Châu, Tào Bân thử cho chiến thuyền làm cầu nổi qua sông thành công, quân Tống liên tiếp chiếm các huyện Đồng Lăng, Vu Hồ, Dương Dư, đồng thời chiếm Thạch Cơ, một căn cứ quan trọng ở hạ du Trường Giang.

Tháng 11, Tào Bân đưa cầu nổi đến Thạch Cơ. 3 ngày sau, quân Tống mau chóng vượt sông. Chủ lực sang sông, lập tức tấn công mãnh liệt. Từ hạ tuần tháng 1 đến tháng Giêng năm sau liên tiếp chiếm Tân Lâm, Bạch Ê Châu và Hạng Khẩu, uy hiếp kinh đô Nam Đường là Kim Lăng.

Thành Kim Lăng kiên cố, địa thế hiểm yếu, lại có hơn mười vạn quân thủy lục phòng thủ. Lý Dục chủ trương “cố thủ chờ quân Tống mỏi mệt”, suốt ngày ngồi đàm đạo dịch lý với các đạo sĩ trong vườn thượng uyển, không ngó ngàng đến chiến sự.

Lúc này, hưởng ứng lời kêu gọi của Tống Thái Tổ, quốc vương Ngô Việt là Tiền Thúc cũng đem binh phối hợp với quân Tống tiến công Thương Châu của Nam Đường ở phía nam.

Ngày 17 tháng Giêng năm 975, quân Tào Bân men Hoài Hà tấn công. Hơn mười vạn quân thủy bộ của Nam Đường bày trận đối diện với quân Tống. Nhất là thủy quân Nam Đường bố trí nhiều hàng rào gỗ trên sông rất kiên cố, gây trở ngại lớn cho việc tiến công của quân Tống. Tào Bân hạ lệnh tạm án binh bất động, rồi cùng tùy tướng Lý Hán Quỳnh đứng trên bờ sông quan sát.

Lúc này là đầu mùa xuân, gió tây bắc đang thổi mạnh. Quân Tống ở đầu gió, có thể phóng hỏa đốt thủy trại địch, Lý Hán Quỳnh nói: “Chỉ tiếc không có nội ứng”. Tào Bân nói: “Phép dùng binh phải tùy cơ ứng biến, nếu dùng hỏa công địch ắt rối loạn, không có nội ứng ta cũng thắng như thường”.

Lý Hán Quỳnh lập tức hạ lệnh quân sĩ cắt lau sậy bên bờ sông chất lên thuyền. Sau đó đổ dầu lên trên lau sậy, châm lửa, rồi nhân chiều gió mà đẩy thuyền trôi về phía thủy trại quân Nam Đường.

Các hàng rào gỗ kiên cố đều bị thiêu hủy. Quân Nam Đường không ngờ quân Tống dùng hỏa công, ai nấy kinh hoàng mất vía. Chẳng mấy chốc, chiến thuyền của Nam Đường cũng bốc cháy.

Quân Tống thừa cơ xông tới. Thủy quân Nam Đường chết đuối, bị giết mấy ngàn người. Thủy trại đã tan, quân Tống tới bao vây thành Kim Lăng. Quân Tống chỉ bao vây chứ không công phá, hơn nửa năm, từ mùa xuân đến mùa đông. Dân trong thành đến củi đun cũng không còn, cả thành nhốn nháo, bấy giờ Lý Dục mới nhận ra sự nguy cấp. Một mặt phái người đi Hồ Khẩu gọi binh cứu viện, một mặt cử sứ giả sang Biện Kinh đề nghị Tống Thái Tổ bãi binh, bị Tống Thái Tổ cự tuyệt. Viện binh từ Hồ Khẩu tới, bị quân Tống chặn đánh và tiêu diệt. Tào Bân phái người vào thành nói với Lý Dục: “Bốn tướng sở dĩ chưa đánh thành là vì thương trăm họ. Ông nên sớm qui thuận thì mới là thượng sách”. Ngày 27/11, quân Tống toàn lực công thành. Lý Dục buộc phải đầu hàng.

“Hỏa phát thượng phong, vô công hạ phong ”

Lửa cháy ở đầu gió, chớ đánh ở phía cuối gió.

Hầu Cảnh dùng hỏa công, bị gió thổi ngược, tự đốt quân mình

Thời Nam Bắc triều, năm Lương Thái Thanh thứ 2 (năm 548), đại tướng Hầu Cảnh phản lại nhà Lương, lợi dụng nội bộ cung đình nhà Lương lục đục tranh ngôi vị, có Lâm Hạ vương Tiêu Chính Đức làm nội ứng, năm sau đánh chiếm kinh đô Kiến Khang.

Hầu Cảnh vào thành, bức tử Lương Vũ đế Tiêu Diễn, lập thái tử Tiêu Cương lên thay (tức Giản Văn đế), còn mình tự xưng tướng quốc, đại đô đốc, thao túng mọi quyền hành.

Tiêu Chính Đức hận Hầu Cảnh nuốt lời hứa, giết Lương hoàng cùng thái tử để xưng đế, bèn ngầm sai người rời thành đi chiêu binh tiêu diệt Hầu Cảnh, không ngờ mật thư bị lộ, Hầu Cảnh sai lính chém đầu Tiêu Chính Đức.

Lúc này dòng họ tôn thất ở bên ngoài kinh đô còn tàn sát lẫn nhau để tranh xưng đế, thứ sử các châu cũng tự xây dựng lực lượng, chẳng ai chăm lo sản xuất.

Hầu Cảnh thấy “Tam Ngô” sản vật giàu có, lại lắm mỹ nữ, bèn sai bộ tướng đi cướp bóc. Quân lính mỗi khi chiếm được châu quận lại giết người, hãm hiếp tàn bạo. Lương thực và mỹ nữ cướp được đều đưa về Kiến Phong, nam giới thì sung quân hoặc đưa lên phía bắc làm nô lệ, người già yếu tàn tật thì bị giết. Đất “Tam Ngô” giàu có trở nên tan hoang, thê thảm.

Để khuếch trương thế lực, Hầu Cảnh xưng đế, cho quân cướp bóc tứ xứ, khiến dân phương nam căm hận, tự phát liên kết nhau chống lại. Thứ sử các châu cũng lần lượt xuất binh chống Hầu Cảnh.

Thứ sử Kinh Châu Tiêu Dịch là con thứ 7 của vua Lương Vũ đế, phụ trách đô đốc quân sự 9 châu Kinh, Ung, Tương, Tư, Sính, Ninh... Tháng 2/551, Tiêu Dịch phái tướng Từ Văn Thịnh dẫn quân đánh Hầu Cảnh.

Hầu Cảnh không chế Thái tử Tiêu Đại Khí làm con tin, đem quân nghênh chiến, đánh bại Từ Văn Thịnh. Các cánh quân khác hoảng sợ rút lui. Tiêu Dịch vội phái Vương Tăng Biện làm đại đô đốc, tập trung các cánh quân đi đánh Hầu Cảnh.

Vương Tăng Biện dẫn đại quân tiến đến Ba Lãng. Hầu Cảnh liền sai Thái bảo Tống Tử Tiên kéo quân đến gặp. Tống Tử Tiên dẫn một vạn quân đi tiên phong, Hầu Cảnh chỉ huy đại quân đi sau, thủy bộ hai đạo cùng tiến sang phía tây.

Hôm sau Hầu Cảnh tới Ba Lãng, cho người dụ hàng Vương Tăng Biện không thành, bèn hạ lệnh tiến công. Nhưng từ trong thành tên bắn ra như mưa, Hầu Cảnh đốc quân công phá mấy lần đều phải lùi về. Vương Tăng Biện bất ngờ cho kỵ binh xuất thành đột kích thẳng lợi, rồi lập tức trở vào thành. Hầu Cảnh cả giận, đích thân đến dưới chân thành đốc chiến.

Vương Tăng Biện cũng thân chinh ra đầu thành chỉ huy phòng thủ. Đồi bên đều thương vong nặng nề. Tiêu Dịch lại sai tướng Hồ Tăng Hựu dẫn 2 vạn tinh binh, 5000 thiết kỵ tăng viện cho Ba Lãng. Hầu Cảnh được tin, liền phái đại tướng Nhiệm Ước đi ngăn chặn.

Hầu Cảnh đánh thành 2 tháng vẫn không hạ được, quân sĩ thương vong, ốm đau đã quá nửa. Hầu Cảnh thấy dùng lực quân thất bại, bèn điều động thủy quân đến công phá thủy thành Ba Lãng.

Chiến thuyền trên hồ Động Đình đậu san sát, Hầu Cảnh dùng thuyền lớn tấn công mãnh liệt thủy thành. Quân giữ thành anh dũng chống trả, tên bắn như mưa, khiến quân Hầu Cảnh tiến lên không nổi trong khi lương thực đã cạn, không chiếm được Ba Lãng thì chết đói. Hầu Cảnh giận dữ hét lớn: “Đốt, đốt, phải đốt!”. Quân sĩ chất cỏ, rơm lên chiến thuyền, châm lửa rồi nung gió đẩy cho trôi về phía thủy thành.

Nào ngờ đúng lúc đó gió đông nam đột ngột nổi lên, mấy chục chiến thuyền như đàn rồng lửa trôi ngược về phía hạm đội của Hầu Cảnh. Quân sĩ vội quay thuyền né tránh, nhưng các thuyền lửa rất nhẹ, cứ trôi băng băng tới, lửa bén vào hạm đội. Quân sĩ hoảng loạn nhảy xuống nước thoát thân. Mấy vạn thủy quân của Hầu Cảnh phút chốc tiêu tan. Hầu Cảnh kinh hoàng rời thuyền lên bờ, lại được tin tướng Nhiệm Ước đã bị bắt, quân của Hồ Tăng Hựu đã tới gần Ba Lãng.

Lúc ấy, Vương Tăng Biện lại dẫn tướng sĩ trong thành xông ra, Hầu Cảnh ngay đêm đó phải đốt doanh trại mà chạy.

Vương Tăng Biện thừa thắng truy kích, lấy lại Sính Châu. Trận Ba Lãng, chủ lực của Hầu Cảnh bị diệt quá nửa, đành phải rút về Kiến Khang. Sau

khi về Kiến Khang, Hầu Cảnh cảm thấy chẳng còn được tồn tại lâu nữa, bèn giết Giản Văn đế, tự xưng Hán đế.

Tháng 3 năm sau, Vương Tăng Biện kéo quân về Kiến Khang. Hầu Cảnh không địch nổi, phải bỏ chạy. Vương Tăng Biện đuổi theo. Dọc đường Hầu Cảnh bị người anh vợ giết chết.

“Dĩ hỏa tá công giả minh, dĩ thủy tá công giả cường. Thủy khả dĩ tuyệt, bất khả dĩ đoạt ”

Dùng lửa hỗ trợ quân đội tiến công thì hiệu quả rõ ràng. Dùng nước hỗ trợ quân đội tiến công thì thế công thêm mạnh. Nước có thể chia cắt địch, nhưng không thể làm địch bị mất quân nhu, vật tư.

Triệu Nang Tử quyết dùng nước lũ đánh Trí Bá

Đầu thời Chiến Quốc, mọi quyền hành lớn của nước Tân nằm trong tay bốn dòng họ Trí, Triệu, Ngụy và Hàn, trong đó họ Trí có thế lực lớn hơn cả. Song đại phu Trí Bá vẫn cho là chưa đủ, lúc nào cũng muốn tiêu diệt 3 dòng họ kia để độc chiếm quyền hành.

Năm Chu Trinh Định vương thứ 14 (năm 455 trước Công Nguyên) Trí Bá mượn danh nghĩa nhà vua đòi 2 họ Ngụy, Hàn phải hiến 100 dặm đất và hộ khẩu cho công quỹ, lấy danh nghĩa là để tăng cường lực lượng cho quốc gia, thực chất là để làm suy yếu 2 dòng họ kia. Ngụy Hoàn tử và Hàn Khang tử vì sợ dòng họ Trí mà phải miễn cưỡng chấp hành,

Tiếp đó, Trí Bá lại sai người đến dinh họ Triệu, yêu cầu Triệu Nang tử hiến đất. Triệu Nang tử cự tuyệt thẳng thừng: “Đất đai là của tổ tiên truyền lại, đâu dễ dàng hiến cho người khác?”.

Trí Bá cá giận, liền yêu cầu hai dòng họ Hàn, Ngụy cùng họ Trí tiến đánh họ Triệu, sau đó sẽ chia ba đất đai họ Triệu mà hưởng.

Hai họ Hàn, Triệu sợ Trí Bá, không dám công khai phản đối, đồng thời cũng hy vọng được chia một phần đất đai của họ Triệu, nên cũng đem quân theo Trí Bá tiến công đất Triệu.

Triệu Nang tử biết không địch nổi 3 họ kia, vội di chuyển gia nhân đi gấp ngày đêm đến Tấn Dương, là đất mà Triệu vương ngày trước là Triệu Giản tử phong tặng họ Triệu, sau đó lần lượt được 2 người có tài giúp họ Triệu cai quản là Đông An và Doãn Phong. Tấn Dương thành trì kiên cố, lương thực dồi dào, được dân ủng hộ. Nghe Triệu Nang tử tới trăm họ đều ra nghênh tiếp.

Ít lâu sau, binh mã 3 họ kia kéo tới vây kín thành Tấn Dương. Trí Bá chỉ huy việc đánh phá thành.

Triệu Nang tử lệnh cho tướng sĩ chỉ cố thủ, không giao chiến: Mỗi lần quân 3 họ tiến công, quân trên thành lại bắn tên ra như mưa, đẩy đối phương phải lui.

Sau hơn 1 năm phòng thủ, trong thành đã dùng hết tên. Triệu Nang tử rất lo. Gia thần Trương Mạnh Đàm nói: “Ngày trước, khi Đổng An Vu quản lý Tấn Dương, đã cho bọc đồng các cây cột trong cung, nay có thể bóc ra làm mũi tên, còn cánh tên thì dùng lau hoặc cành cây...”. Triệu Nang tử cả mừng, huy động thợ mộc cùng mọi người tham gia chế tạo vô số cung tên. Quân dân Tấn Dương đồng tâm hiệp lực bảo vệ thành, binh mã 3 họ kia vây đánh hơn 2 năm vẫn không hạ nổi.

Chiến tranh kéo dài, Trí Bá nóng lòng sốt ruột. Ngày nọ Trí Bá cùng tùy tùng lên núi Long Sơn ở phía tây bắc quan sát địa hình, thấy sông Tấn Thủy từ xa chảy tới, vòng qua một đoạn sát thành Tấn Dương rồi chảy đi, liền nảy ra ý định gây ngập lụt cho thành Tấn Dương.

Trí Bá hạ lệnh đắp đập ở phía thượng du Tấn Thủy, tạo nên một hồ chứa nước khổng lồ, lại đào một dòng kênh thông vào phía tây nam thành Tấn Dương. Đồng thời ở phía ngoài doanh trại của quân sĩ bao vây thành đắp một con đê, phòng khi cho ngập thành Tấn Dương thì quân sĩ của Trí Bá không bị lụt ở bên ngoài.

Công trình vừa xong thì bắt đầu mùa mưa, trời đổ mưa lớn nhiều ngày liền, nước sông hồ dâng cao. Trí Bá hạ lệnh phá đập, nước đổ như thác vào thành Tấn Dương. Toàn thành Tấn Dương ngập lụt, trăm họ đành leo lên nóc nhà tránh nước. Nhưng quân dân toàn thành thà chết đuối chứ quyết không đầu hàng. Binh sĩ đứng trên tường thành cao 6 thước chưa bị ngập nước mà phòng thủ. Triệu Nang tử thốt lên: “Đây là nhờ công đức của Doãn Phong đối với dân ngày trước đây!”. Rồi quay sang nói với gia thần Trương Mạnh Đàm: “Lòng dân tuy đoàn kết, nhưng nếu nước dâng cao nữa, chẳng lẽ để tất cả mọi người phải chết hay sao?”. Trương Mạnh Đàm đáp: “Tôi xem chừng 2 họ Hàn, Ngụy bị buộc phải xuất binh theo Trí Bá, chứ thực tâm họ không muốn vậy. Xin chúa công cho đóng nhiều thuyền, bè, mảng, chuẩn bị tác chiến trên mặt nước, để tôi đi gặp 2 họ Hàn, Ngụy một chuyến”.

Cùng lúc ấy, Trí Bá đang ngồi chung xe với Hàn Khang tử và Ngụy Hoàn tử đi xem tình hình nước lụt. Trí Bá thấy mực nước ngày một dâng cao, thì đặc ý nói: “Hôm nay ta mới thấy có thể dùng nước tiêu diệt một quốc gia của kẻ khác”. Đoạn phá lên cười ha hả.

Hàn Khang tử và Ngụy Hoàn tử đưa mắt nhìn nhau, ngầm hiểu ý của Trí Bá định nói rằng nước cũng có thể nhấn chìm An Ấp và Bình Dương. Hai người cảm giận nhưng không dám hé miệng, phải gượng cười.

Tối hôm ấy, Trương Mạnh Đàm lên ra ngoài thành gặp Hàn Khang tử và Ngụy Hoàn tử, nói: “Tục ngữ có câu “môi hở răng lạnh”, họ Triệu nếu bị diệt vong, thì hai họ Hàn, Ngụy cũng sẽ chịu chung số phận. Mong hai vị suy xét cho kỹ”.

Hàn Khang tử và Ngụy Hoàn tử đáp: “Thực ra chúng tôi cũng biết như vậy, chỉ e sự việc bại lộ thì đại họa sẽ ập tới ngay”. Trương Mạnh Đàm nói: “Chỉ có ba chúng ta, làm sao bại lộ được?”. Thế là 3 người hẹn ngày giờ họp sức 3 họ tiến công Trí Bá.

Tối ngày thứ 3, hai họ Hàn, Ngụy liên kết giết bọn lính canh đê, rồi phá đê cho nước tràn vào doanh trại quân Trí Bá.

Trí Bá đang ngủ, giật mình tỉnh dậy, hốt hoảng bỏ chạy. Quân hai họ Hàn, Ngụy giáp công, Triệu Nang tử cũng từ trong thành đánh ra. Quân Trí Bá đại bại, Trí Bá bị giết, họ Trí bị diệt. Lịch sử gọi đó là vụ “Ba họ diệt Trí”. Từ đó quyền hành nước Tấn ở trong tay 3 họ Triệu, Ngụy, Hàn.

“Phù chiến thắng công thù, nhi bất tu kỳ công giả, hung, mệnh viết phí lưu”

Phàm đã thắng trận, chiếm được thành ấp, mà không củng cố chiến quả, thì rất nguy hiểm, gọi là dùng dằng hao phí.

Lý Tự Thành không cùng cố chiến quả, để mất thiên hạ

Năm Minh Sùng Trinh thứ 17 (năm 1644) ngày 19/3, Lý Tự Thành được Lưu Tôn Mẫn, Ngưu Kim Tinh, Tống Hiến Sách... tháp tùng, kéo nghĩa quân nông dân Đại Thuận vào thành Bắc Kinh. Trăm họ trong thành đổ ra đường nghênh đón.

Sau khi đội ngũ vào trong thành, Lý Tự Thành dừng ngựa trước cửa “Thừa Thiên”, nơi ngày trước mình từng làm mã phu ở đó, nay nhớ lại chuyện xưa cảm khái vạn phần, bỗng giương cung bắn, mũi tên trúng tấm biển treo khiến nó đổ nghiêng, tượng trưng triều đình hủ hại của Chu Minh vương đã sụp đổ.

Sau khi sắp đặt mọi công việc triều chính, Lý Tự Thành lo ổn định lòng dân và trật tự xã hội trong kinh thành. Trước hết ra thông cáo: “Chính quyền Đại Thuận 3 năm không thu thuế, không giết một người dân”. Trăm họ vui mừng báo tin cho nhau biết.

Đồng thời nghiêm cấm quân sĩ xâm phạm dân chúng. Có 2 binh sĩ cướp bóc của dân bị bắt đem ra chỗ đông chật chân tay để làm gương cho kẻ khác.

Tiếp đó, phái người tiếp quản và thanh lý các nha môn của triều đình. Trừ các đại thần từ hàng tam phẩm trở lên, tất cả những quan chức còn lại tự báo chức danh đều được xem xét lưu dụng.

Những hoàng thân quốc thích và đại thần chuyên quyền thì tùy tội mà xử. Ngày thứ 3 sau khi vào thành thì xử chém Thành Quốc công Chu Thuần Thần. 2 ngày sau lại xử tội hơn 200 viên quan khác. Sau đó mọi sinh hoạt trong thành đã trở lại bình thường. Trăm họ bắt đầu an cư lạc nghiệp.

Lý Tự Thành lại phái quan viên đi tiếp quản chính quyền ở các địa phương. Đến đầu tháng 4, chính quyền Đại Thuận đã cai quản gần nửa địa phận toàn quốc, phía đông đến Sơn Đông, phía tây đến Cam Túc, Ninh Hạ, phía bắc đến Vạn Lý Trường Thành, phía nam đến Hoài Hà và bờ bắc Trường Giang.

Tình hình thuận lợi khiến các lãnh tụ nghĩa quân nông dân sinh ra kiêu căng, khinh địch, cho rằng chỉ cần cử hành đại lễ lập ngôi hoàng đế thì sẽ bình định được thiên hạ. Quan văn ở kinh đô liền ra sức chuẩn bị cho ngày lễ đó. Ngưu Kim Tinh như 1 vị tế tướng, ngày ngày tiếp đãi khách khứa, đồng hương, hạn hữu linh đình.

Lưu Tôn Mẫn đứng đầu các võ quan vội định ra chế độ đóng góp trợ lương cho quân đội. Phàm hết thầy quan lại cũ ở kinh đô, tùy chức tước lớn nhỏ, đều phải đóng góp, nhiều thì mười vạn, ít thì vài ngàn lạng bạc. Kẻ nào không nộp sẽ bị tra khảo, đánh đập.

Từ Bắc Kinh, kiểu nộp bạc ấy mau chóng lan nhanh đi các địa phương. Hết thầy quan lại cũ, sau đến các thương nhân, đều bị tước đoạt tài sản ngày một tàn khốc, người người đều oán thán.

Các cấp thủ lĩnh nghĩa quân chẳng lo việc chính trị, chỉ lo đi thu bạc. Lý Tự Thành phát hiện hậu quả nguy hại của chế độ đó. Ngày 8/4 đích thân ra lệnh phải thả hết những người bị bắt giữ vì không nộp đủ bạc. Sau lệnh này, việc tước đoạt tài sản ở kinh đô có giảm hẳn nhưng ở các địa phương thì lại biến dạng tinh vi hơn.

Hành động ngang ngược của một số thủ lĩnh nghĩa quân có ảnh hưởng trực tiếp đến kỷ luật quân đội. Hiện tượng binh sĩ phạm luật ngày càng lan rộng.

Lý Tự Thành tuy sinh hoạt giản dị, quan tâm đến cảnh khổ cực của dân chúng, đầu tháng Tư có triệu tập các phụ lão ở Bắc Kinh và vùng ngoại vi tới thăm hỏi tình hình, nhưng cuối cùng ông cũng chỉ ở trong cung, không nắm được mọi hành vi bạo ngược, sai trái của cấp dưới.

Lúc này tổng binh Ninh Viễn là Ngô Tam Quế và tổng binh Sơn Hải Quan là Cao Đệ vốn đồng ý qui thuận Lý Tự Thành, nay đang dẫn quân về kinh đô để triều kiến và nhận chức mới. Giữa đường Ngô Tam Quế hay tin nghĩa quân bắt quan lại nộp bạc, bắt bớ đánh đập họ, phụ thân của mình cũng bị đánh chết, ái thiếp là Trần Viên Viên bị Lưu Tôn Mẫn cướp đoạt, thì cả giận, kéo quân trở sang phía đông.

Sau khi chiếm lại Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế lấy danh nghĩa “báo thù cho vua cha, bảo vệ lợi ích dân tộc” đề nghị tập đoàn nhà Thanh Mãn Châu hợp binh với mình tiến về Bắc Kinh.

Lý Tự Thành được tin, vội triệu quan viên văn võ thương nghị, cử Lưu Tôn Mẫn, Lý Quá đem quân lấy lại Sơn Hải Quan, nhưng 2 tướng này chỉ muốn hưởng lạc, không chịu đi, Lý Tự Thành bất đắc dĩ phải thân chinh xuất quân.

Đối với tập đoàn thống trị nhà Thanh từ lâu muốn xâm nhập nội địa, Lý Tự Thành vốn thiếu cảnh giác, lần này lại không ngờ Ngô Tam Quế câu kết với quân Thanh cùng đến xâm phạm. Lý Tự Thành chỉ đem 6 vạn tinh binh đi nghênh chiến, kết quả bị thua to.

Ngày 26/4 Lý Tự Thành rút về Bắc Kinh, quân Thanh đuổi theo. Lý Tự Thành lệnh cho Lưu Tôn Mẫn, Lý Nham, Lý Quá, Đường Thông liên hợp binh mười tám doanh chống cự.

Ngày 28 quân nông dân lại thua to, Lý Tôn Mẫn bị thương chạy về, quân Thanh và Ngô Tam Quế tiến sát đến kinh thành.

Lúc này tầng lớp địa chủ ở xung quanh thành Bắc Kinh lũ lượt tổ chức lực lượng võ trang mà tập kích quân nông dân. Nội bộ quân nông dân lại chia rẽ, đa số tướng lĩnh muốn lui về Quan Trung. Trong tình hình quân Thanh và Ngô Tam Quế liên tiếp uy hiếp, Lý Tự Thành vội vã làm lễ xưng đế ngày 29/4.

Sau khi kết thúc đại lễ lên ngôi, Lý Tự Thành thông cáo nhân dân toàn kinh thành đi lánh nạn để tránh bị quân Thanh tàn sát.

Sớm ngày hôm sau, sau vùn vẹn 42 ngày tiến vào kinh đô, Lý Tự Thành dẫn quân Đại Thành vội vã di tản khỏi Bắc Kinh rút về phía tây. Cuộc khởi nghĩa nông dân oanh liệt thời Minh mạt của Lý Tự Thành từ cao trào thắng lợi đến đây đi vào con đường thất bại.

“Chúa bất khả dĩ nô nhi hưng quân ”

Vua không thể vì giận mà phát động chiến tranh.

Lưu Bị vì giận mà đánh, thua to ở Di Lăng

Cuối thời Đông Hán, sau trận Xích Bích, Tào Tháo tạm thời hòa hoãn với Tôn Quyền và Lưu Bị. Mâu thuẫn giữa Tôn Quyền và Lưu Bị trái lại, ngày càng trở nên sâu sắc, nhất là việc Tôn Quyền cho quân chiếm Kinh Châu, giết Quan Vũ, khiến Lưu Bị căm giận, không thể không báo thù cho người em kết nghĩa Quan Vũ.

Tháng 7/221, sau khi xưng đế, Lưu Bị không nghe lời khuyên của Gia Cát Lượng và Triệu Vân, đã đốc đại bộ phận binh mã phát động cuộc chiến tranh đại qui mô chống Đông Ngô.

Tôn Quyền hay tin, mấy lần sai người sang gặp Lưu Bị cầu hòa đều bị cự tuyệt. Lúc này ở Đông Ngô, các tướng như Chu Du, Lỗ Túc, Lã Mông... đều đã chết, Tôn Quyền đành cử Trần Tây tướng quân trẻ tuổi là Lục Tốn làm đại đô đốc, cùng các tướng Chu Nhiên, Từ Thịnh, Hàn Đương, Tôn Hoàn... đem 5 vạn quân chống Lưu Bị.

Văn võ bá quan Đông Ngô dị nghị rất nhiều về việc Lục Tốn được cử làm đại đô đốc. Có vị bảo Lục Tốn chưa có danh vọng, khó chỉ huy nổi. Có vị nói Lục Tốn chưa đủ tài năng, không thể đảm đương trọng trách thống soái. Tôn Quyền biết rõ Lục Tốn là người trung hậu, tài năng xuất chúng, vẫn kiên quyết giao trọng trách thống soái cho ông. Để đề cao uy quyền cho Lục Tốn, Tôn Quyền trước mặt bá quan văn võ, trao bảo kiếm cho ông và nói: “Việc ở triều đình do trăm lo liệu, việc ngoài mặt trận, do khanh toàn quyền đảm trách. Kẻ nào không tuân lệnh, khanh cứ việc tiền trạm hậu tấu”. Lục Tốn xúc động nhận kiếm, từ biệt Tôn Quyền, dẫn quân thủy bộ ra tiền tuyến.

Lúc này là tháng 2/222, Lưu Bị đem hơn 4 vạn binh mã thủy bộ liên tiếp thẳng trận, tiến sâu vào đất Ngô hơn 500 dặm, đã tới gần Hào Đình, đồng thời bao vây đội quân tiên phong Tôn Hoàn của Đông Ngô ở huyện Di Đạo.

Sau khi quân Đông Ngô đến Hào Đình, các tướng đề nghị Lục Tốn gấp phá binh cứu viện Tôn Hoàn. Lục Tốn đã nắm chắc tình hình mặt trận, có chủ định sẵn, nên nói: “Tướng quân Tôn Hoàn vốn được binh sĩ quý mến,

chắc chắn sẽ giữ vững thành Di Đạo, ta khỏi cần cứu viện. Đợi quân ta đánh bại quân Thục, Di Đạo tự khắc sẽ được giải vây”.

Các tướng lại đề nghị nghênh chiến ngay với quân Lưu Bị. Lục Tốn nói: “Quân Thục tiến sâu vào đất ta liền mấy trăm dặm, nhuệ khí đang hăng. Lục quân lại đang chiếm lĩnh vùng đất cao, rất khó đánh bại chúng ngay. Nếu ta đánh không thắng sẽ làm nhụt mất sĩ khí của quân ta, bất lợi cho đại cục. Hãy khích lệ tướng sĩ ra sức phòng ngự, chờ thời cơ hành động”.

Các tướng nghe vậy, ngoài miệng không dám nói gì, nhưng trong bụng cho rằng Lục Tốn sợ địch, ai cũng bất bình. Quân Lưu Bị nhiều lần khiêu chiến. Lục Tốn ra nghiêm lệnh cấm giao chiến. Đồi bên cứ thế cầm cự từ tháng 2 đến tháng 6.

Lưu Bị muốn thắng nhanh, liền nghĩ ra một kế, cho tướng Ngô Ban dẫn mấy ngàn quân già yếu đến chỗ bãi đất bằng phẳng sát doanh trại quân Đông Ngô mà hạ trại, còn mình thì đem tám ngàn tinh binh nhân đêm tối ra mai phục ở hẻm núi, để Ngô Ban dụ địch vào đó.

Ngô Ban hạ trại xong, đem một số binh đến trước doanh trại quân Đông Ngô khiêu chiến, chửi bới thậm tệ. Tướng lĩnh Đông Ngô cả giận, xin ra đánh. Lục Tốn thản nhiên nói: “Xét hành vi của quân Thục, rõ ràng có gian kế. Các vị cứ nhẫn nại chờ xem chúng sẽ giở trò gì nữa!”

Lưu Bị chờ hai ngày, biết đối phương không mắc mưu, đành rút quân khỏi hẻm núi. Lần rút quân này bị tướng lĩnh Đông Ngô phát hiện, bấy giờ họ mới phần nào tin phục Lục Tốn.

Bấy giờ đang giữa mùa hè nóng bức dị thường. Thủy quân Thục không chịu nổi nắng nóng, luôn miệng ta thán. Lưu Bị đành cho lính thủy rời thuyền lên bờ, liên kết với lục quân, tìm những nơi có khe suối, rừng cây mà đóng hơn 40 quân doanh suốt dải Di Lăng, để tránh nắng nóng.

Lục Tốn thấy chiến tuyến của quân Thục bị dàn trải như vậy, binh lực quá ư phân tán, quân sĩ thì mỏi mệt, tinh thần sa sút, cho rằng thời cơ phản công đã tới, bèn thảo phương án tác chiến gửi về Tôn Quyền xin phê chuẩn, trong đó có viết: “Di Lăng là yếu địa yết hầu, mất chỗ này sẽ đe dọa Kinh Châu. Lần này nhất định chúng ta có thể chiếm lại Kinh Châu. Quân Thục với thủy bộ cùng tiến ta khó đối phó. Nay thủy binh bỏ thuyền lên bờ,

doanh trại dàn trải, ta có thể đánh bại chúng...”. Tôn Quyền xem xong, vui mừng nói: “Có tướng lĩnh thế này, trăm an tâm rồi!”

Hôm ấy trời rất nóng bức, Lục Tốn triệu tập chư tướng tuyên bố kế hoạch xuất binh phá quân Thục. Các tướng vừa nghe thì ngạc nhiên, nghi ngại, đều chăm chăm nhìn Lục Tốn. Lục Tốn nói: “Lưu Bị là người thông minh, có kinh nghiệm tác chiến, mưu kế đa đoan. Khi mới đến đây, thủy bộ cùng tiến, quân kỷ nghiêm minh, sĩ khí hăng hái, hơn nữa đại quân tiến sâu vào đất Ngô chỉ muốn báo thù, muốn mau chiến thắng. Lúc đó ta không giao chiến là để tránh chỗ mạnh của địch”.

Thấy chư tướng chăm chú lắng nghe, Lục Tốn tiếp: “Nay Lưu Bị cho thủy quân lên bờ, rõ ràng để tránh nắng, nhưng làm thế thì binh lực phân tán, lòng quân chán nản, tinh thần hăng hái ban đầu đã hết cả rồi. Đây chính là thời cơ rất tốt cho quân ta tiến công”. Các tướng nghe phân tích có lý, đều tán phục Lục Tốn nhìn xa trông rộng.

Để bảo đảm chắc thắng cho cuộc phản công, Lục Tốn cho 1 đơn vị nhỏ đánh thăm dò một quân doanh của quân Thục. Qua trận đó, Lục Tốn thấy rõ tình hình cụ thể là quân Thục đóng doanh trại liên tiếp nhau ven rừng dày, bèn quyết định dùng hỏa công diệt địch.

Lục Tốn hạ lệnh binh sĩ dùng thuyền chở cỏ khô và cành cây, trong mỗi bó củi, cỏ đều có đặt chất dẫn cháy (lưu hoàng, tiêu thạch,...) mau chóng chở đến các địa điểm qui định. Lại lệnh cho quân trên bộ mỗi người chuẩn bị một bó cỏ, khi đến gần doanh trại địch thì châm lửa, lựa gió ném vào. Ném xong lại tới địa điểm qui định nhận tiếp bó khác (do thủy quân để sẵn...)

Sẩm tối, mấy ngàn quân Ngô đột nhiên xuất hiện trong cánh rừng có doanh trại quân Thục. Phút chốc, mấy chục quân doanh liên tiếp của quân Thục từ đông nam đến tây bắc cùng bốc cháy. Gió thổi làm cho cả khu vực hoá thành biển lửa.

Quân Thục không đề phòng, tức thời rối loạn. Quân Ngô nương thế lửa mà tiến công, tiêu diệt. Lục Tốn lại phái Chu Nhiên, Hàn Đương vây Nhai Hương để chặn đường rút của quân Thục.

Hai tướng Trương Nam, Phùng Tập hộ vệ Lưu Bị trốn chạy, gặp ngay tướng Ngô Từ Thịnh, Hàn Đương ngăn chặn. Đôi bên kịch chiến, 2 tướng

Trương Nam, Phùng Tập bị giết, Lưu Bị tể ngựa chạy về hướng Mã Yên Sơn.

Quân Ngô truy kích, xác quân Thục ngổn ngang khắp nơi. Lưu Bị chạy đến Mã Yên Sơn, Lục Tốn đuổi theo cho quân vây chặt và nổi lửa tứ bề. Lưu Bị đành dẫn tàn binh bại tướng mở đường máu phá vây, chạy về phía tây. Lục Tốn liền chiếm “yết hầu” Di Lăng. Quân Ngô đuổi gấp, Lưu Bị may nhờ tướng Phó Đồng đi chặn hậu, liều chết cản địch, mới chạy thoát

Trong lịch sử chiến tranh cổ đại, trận Di Lăng là minh chứng hùng hồn về hậu quả tai hại của việc vua chúa vì giận mà dấy binh, và về hiệu quả của hòa công.

“Tướng bất khả dĩ uẩn nhi chí chiến”

Tướng lĩnh không thể vì uất hận nhất thời mà xuất quân tác chiến.

Dương Huyền Cảm vì giận mà đánh, bại trận bỏ mạng

Tùy Dạng đế Dương Quảng sau khi lên ngôi, chẳng những xa hoa cực độ, bắt dân nộp sưu cao thuế nặng, mà còn chiêu binh mãi mã liên miên chinh chiến. Năm 612, Dương Quảng trưng dụng hơn trăm vạn binh mã cả nước tiến đánh Cao Lỗ, kết quả thảm bại. Hơn 30 vạn quân vượt qua Liên Hà tác chiến, trở về chỉ còn vỏn vẹn sót 3.000 người.

Dương Quảng bất chấp dân chúng đói khổ, kiệt quệ vì sưu thuế và chiến tranh, tháng Giêng năm sau lại điều binh mã cả nước đánh Cao Lỗ. Trước khi xuất chinh, Dương Quảng lệnh cho Đại vương Dương Hựu ở lại Tây kinh Tràng An, Việt vương Dương Đồng ở lại Đông đô Lạc Dương. Vì hai vương này còn nhỏ tuổi, lại ủy nhiệm cho Hình bộ thượng thư Vệ Văn Thăng và Dân bộ thượng thư Phàn Tử Cái làm trợ thủ cho hai vương.

Lễ bộ thượng thư Dương Huyền Cảm phụ trách vận lương tại Lê Dương, là con của khai quốc công thần triều Tùy là Dương Tố. Dương Huyền Cảm căm hận Dương Quảng. Thừa cơ Dương Quảng viễn chinh, nhân dân oán ghét, Dương Huyền Cảm bèn tổ chức 8000 dân phu dấy binh.

Dương Huyền Cảm bàn kế với 2 em trai là Dương Huyền Đình, Dương Tích Thiện và Lý Mật. Lý Mật cũng là hậu duệ quý tộc, chịu ơn dày của Dương Tố. Dương Huyền cảm vừa gặp Lý Mật thì hai người lập tức trở nên thân thiết. Lý Mật nói: “Có thượng sách, trung sách và hạ sách”. Dương Huyền cảm hỏi: “Thượng sách thế nào?”.

Lý Mật đáp: “Dương Quảng viễn chinh Liêu Đông, nam là biển lớn, bắc có rợ Hồ hùng mạnh (chỉ tộc Đột Quyết), ở giữa chỉ có 1 đường hiểm lui về. Nếu ta tiến đến chiếm cứ nơi hiểm yếu, chặn đường rút về, Cao Lỗ biết tin sẽ đánh phía sau. Như vậy chỉ 1 tháng là quân Tùy cạn lương, quần sĩ hoặc đầu hàng, hoặc bỏ đi. Ta không cần đánh cũng bắt được Dương Quảng. Đó là thượng sách”.

Dương Huyền Cảm nói: “Xin hỏi trung sách?”. Lý Mật đáp: “Quan Trung là giao địa tứ xứ, tuy Vệ Văn Thăng trấn giữ, nhưng không đáng ngại. Ta đem quân tiến sang phía tây, đừng đánh các thành dọc đường mà

kéo thẳng đến Tràng An, cố thủ ở Đồng Quan hiểm yếu mà từ từ dựng nghiệp lớn”.

Dương Huyền Cảm lại hỏi: “Còn hạ sách?”. Lý Mật đáp: “Chọn binh sĩ tinh nhuệ đi gấp ngày đêm, tập kích Lạc Dương từ đó hiệu triệu bốn phương. Chỉ e Phàn Tử Cái ở đấy đã biết tin, có đề phòng trước. Nếu quân ta đánh thành, trong trăm ngày không hạ được, quân viễn chinh về kịp, thì hậu quả khó lường”.

Dương Huyền cảm nghe xong, cười nói: “Hạ sách của ông mới chính là thượng sách, Dương Quảng viễn chinh, gia quyến bá quan văn võ đều ở Lạc Dương. Nếu ta chiếm được, đủ khiến lòng quân dao động. Hơn nữa, ông bảo là tiến chiếm Tràng An mà không đánh các châu huyện, thì làm sao chứng tỏ uy lực của quân ta?”.

Tháng 6/613, Dương Huyền Đình dẫn 1000 quân tiên phong, đại quân theo sau, tiến thẳng tới Lạc Dương. Dọc đường nhân dân lũ lượt hưởng ứng, gia nhập đội ngũ, thanh thế ngày một mạnh.

Quân đến gần Lạc Dương, Phàn Tử Cái quả nhiên đã biết tin, sớm đề phòng. Dương Huyền Cảm công phá lâu ngày vẫn chưa hạ được. Dương Huyền Cảm bèn chia quân đi cướp các quận huyện xung quanh, chiếm Huỳnh Dương, Hồ Láo... Quan viên triều đình cùng gia quyến lũ lượt đầu hàng. Binh mã của Dương Huyền Cảm lên tới hơn 10 vạn người.

Dương Hựu ở Tràng An nghe Đông Đô nguy cấp, liền lệnh cho Hình bộ thượng thư Vệ Văn Thăng đem 4 vạn quân ứng cứu.

Dương Quảng đang vây đánh Liêu Đông nghe tin “Dương Huyền Cảm làm phản, Đông Đô nguy cấp”, vội kéo quân trở về, phái Hồ Bôn lang tướng Trần Lăng tiến đánh Lê Dương, Tả dực vệ đại tướng quân Vũ Văn Thuật, Hữu hậu vệ tướng Khuất Đột Thông đi cứu Đông Đô.

Tướng Tùy là Lai Hộ Nhi đóng quân ở Đông Lai chuẩn bị vượt biển đánh Cao Lệ, nghe tin Lạc Dương bị vây, cũng vội đem quân về cứu.

Tả võ hầu đại tướng quân Lý Tử Hùng đang ở trong quân Dương Quảng để lập công chuộc tội lúc này bèn bỏ chạy sang theo Dương Huyền Cảm.

Trung tuần tháng Bảy, Khuất Đột Thông, Vũ Văn Thuật lần lượt về tới Hà Dương.

Dương Huyền Cảm đem quân chặn đánh, để viện binh không thể vượt sông, hội hợp với Phàn Tử Cái và Vệ Văn Thăng.

Phàn Tử Cái biết tin, liền đem quân xuất thành tập kích doanh trại quân Dương Huyền Cảm. Viện binh thừa cơ vượt sông mà tới. Vệ Văn Thăng cũng từ phía đông đánh lại. Dương Huyền Cảm chia quân đối phó hai phía, tình thế bất lợi. Dương Huyền Cảm triệu Lý Mật và Lý Tử Hùng đến bàn cách đối phó. Dương Tử Hùng nói: “Viện binh kéo về Đông Đô ngày một nhiều, quân ta càng đánh càng thua, không nên ở đây lâu. Chi bằng tiến thẳng vào Quan Trung, mở kho Vĩnh Phong phát chẩn cho dân nghèo, tranh thủ lòng người, có thể dễ dàng lấy được đất Tam Phụ, sau đó tiến sang phía đông tranh thiên hạ”.

Lý Mật nói: “Chúng ta nên phao tin là Nguyên Hoảng Tự với rất nhiều quân sĩ thủ ở Hoảng Hóa cũng đã nổi dậy chống Tùy, rằng Nguyên Hoảng Tự có cử người đến đón quân ta vào Quan Trung, làm vậy có thể khiến cho quân ta yên tâm”.

Dương Huyền Cảm chấp nhận kiến nghị của hai người, hạ lệnh bỏ vây Đông Đô, dẫn đại quân chạy tới Đồng Quan.

Khi đại quân đi ngang qua thành Hoảng Nông, thái thú Dương Trí ở đó nói với thuộc hạ: “Dương Huyền Cảm biết viện binh sắp đuổi tới, vội chạy về Quan Trung. Nếu để hãn đi thoát, thì sau này khó bề khống chế. Ta nên dùng kế ngăn trở để viện binh đuổi kịp hãn”. Đoạn Dương Trí đứng trên đầu thành chửi bới Dương Huyền Cảm. Dương Huyền Cảm cả giận, lập tức thay đổi kế hoạch, cho quân đánh thành.

Lý Mật can: “Dùng binh quý ở thần tốc, ta cần tiến gấp sang phía tây. Huống hồ địch đang đuổi phía sau, sao lại dừng ở đây! Chưa tới được Đồng Quan, phía sau không có chỗ phòng thủ, rất nguy hiểm”. Dương Huyền Cảm đang giận dữ, muốn bắt Dương Trí cho kỳ được, nên không chịu nghe theo, hạ lệnh đốt cổng thành.

Dương Trí đã sớm đề phòng, cũng cho đốt lửa trong cổng. Lửa trong ngoài cùng bốc cao, quân của Dương Huyền Cảm không sao tiến vào trong thành.

Thành Hoảng Nông nhỏ nhưng kiên cố, Dương Huyền Cảm đánh 3 ngày vẫn không hạ nổi. Chợt có thám mã phi báo: “Quân địch đã đuổi tới sau

lượng”. Dương Huyền Cảm đành bỏ vây Hoảng Nông, chạy về phía tây. Nhưng bây giờ đã muộn. Cuối cùng gần tới Đồng Quan thì bị đuổi kịp.

Dương Huyền Cảm vừa đánh vừa lui, 1 ngày thua liền 3 trận, cuối cùng bị đánh tan, chỉ còn hơn 10 kỵ binh hộ vệ chạy về phía Thượng Lạc (huyện Thương, Thiểm Tây). Sau rốt, người ngựa đều rã rời, chỉ còn Dương Huyền Cảm và em là Dương Tích Thiện chạy bộ mà trốn. 2 anh em đi được 1 đoạn, Dương Huyền Cảm tự liệu khó thoát, bèn bảo em: “Anh rất đau lòng, ân hận vì không nghe lời người trung tín, nóng giận dẫn tới thất sách, hỏng việc. Anh không thể để người ta làm nhục, xin em hãy giết anh đi”. Dương Tích Thiện khóc ròn, giết anh rồi tự sát, nhưng chưa chết, bị đối phương đuổi theo bắt được.

THIÊN XIII: DỤNG GIÁN

Phàm hưng sự thập vạn, xuất binh thiên lý, bách tính chi phí, công gia chi phụng, nhật phí thiên kim, nội ngoại tao động, đãi ư đạo lộ, bất đắc thao sự giả, thất thập vạn gia. Tương thủ số niên, dĩ tranh nhất nhật chi thắng, nhi ái tước lộc bách kim, bất tri địch chi tình giả, bất nhân chi chí dã, phi nhân chi tướng dã, phi chúa chi tá dã, phi thắng chi chúa dã. Cổ minh quân hiền tướng, sở dĩ động nhi thắng nhân, thành công xuất ư chúng giả, tiên tri dã. Tiên tri giả, bất khả thủ ư quý thần, bất khả tượng ư sự, bất khả nghiệm ư độ, tất thủ ư nhân, tri địch chi tình giả dã.

Cổ dụng gián hữu ngũ: hữu hương gián, hữu nội gián, hữu phản gián, hữu tử gián, hữu sinh gián. Ngũ gián câu khởi, mạc tri kỳ đạo, thị vị thần kỳ, nhân quân chi bảo dã. Hương gián giả, nhân kỳ hương nhân nhi dụng chi. Nội gián giả, nhân kỳ quan nhân nhi dụng chi. Phản gián giả, nhân kỳ địch gián nhi dụng chi. Tử gián giả, vi cưỡng sự ư ngoại, lệnh ngô gián tri chi, nhi truyền ư địch gián dã. Sinh gián dã, phản báo dã.

Cổ tam quân chi thân, mạc thân ư gián, thường mạc hậu ư gián, sự mạc mật ư gián. Phi thánh trí bất năng dụng gián, phi nhân nghĩa bất năng sử gián, phi vi diệu bất năng đắc gián chi thực. Vi tai! Vi tai! Vô sở bất dụng gián dã. Gián sự vị phát, nhi tiên văn giả, gián dữ sở cáo giả giai tử.

Phàm quân chi sở dục kích, thành chi sở dục công, nhân chi sở dục sát, tất tiên tri kỳ thủ tướng, tả hữu, yết giả, môn giả, xá nhân chi tính danh, lệnh ngô gián tất sách tri chi.

Tất sách địch nhân chi gián lai gián ngã giả, nhân nhi lợi chi, đạo nhi xá chi, cố phản gián khả đắc nhi dụng dã. Nhân thị nhi tri chi, cố hương gián, nội gián khả đắc nhi sử dã; nhân thị nhi tri chi, cố tử gián vi cưỡng sự, khả sử cáo địch; nhân thị nhi tri chi, cố sinh gián khả sử như kỳ. Ngũ gián chi sự, chúa tất tri chi. Tri chi tất tại ư phản gián, cố phản gián bất khả bất hậu dã.

Tích Ân chi hưng dã, Y Doãn tại Hạ; Chu chi hưng dã, Lã Nha tại Ân. Cổ duy minh quân hiền tướng, năng dĩ thượng trí vi gián giả, tất thành đại

công.

Thử binh chi yếu, tam quân chi sở thị nhi động dã.

Dịch nghĩa:

Phàm dấy binh mười vạn, đem quân đi xa ngàn dặm, những phí tổn mà trăm họ và công quỹ phải gánh chịu mỗi ngày tiêu tốn ngàn vàng, tiền tuyến hậu phương đều chấn động không yên, dân phu cũng phải bôn ba nhọc nhằn, có đến bảy chục vạn hộ không thể tập trung sức lo việc chính của mình là canh tác, làm ăn. Đôi bên chống chọi nhau mấy năm để tranh một ngày chiến thắng, nếu mỗi bên lại tiếc tước lộc và tiền của, không chịu trọng dụng gián điệp để dò xét tình hình địch, do đó thất trận, thì đó là sự bất nhân cùng cực. Hạng người như thế không thể làm tướng lĩnh chỉ huy quân đội, không đáng làm kẻ phò tá cho quốc gia, cũng chẳng phải là người quyết định thắng lợi. Vua sáng suốt, tướng hiền lương sở dĩ xuất quân là chiến thắng, thành công hơn người là nhờ biết trước tình hình địch. Muốn biết trước tình hình địch, không thể cầu xin quỷ thần, không thể dựa vào ước đoán, không thể dùng độ số vận hành của trời, trăng, sao để kiểm chứng, mà phải dùng người, phải khai thác từ những người nắm được tình hình địch.

Có 5 phương thức dùng gián điệp là hương gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián. Sử dụng đồng thời 5 phương thức này sẽ khiến kẻ địch không thể biết qui mô dùng gián điệp của ta, đây là phương pháp sử dụng gián điệp thần diệu khó đoán, là pháp bảo thắng địch của nhà vua. Hương gián là sử dụng người dân, dân làng ở nước địch làm gián điệp. Phản gián là sử dụng gián điệp của địch làm gián điệp cho ta. Tử gián là tạo ra tình báo giả, rồi thông qua gián điệp của ta cài ở bên địch mà chuyển cho gián điệp của địch, khiến kẻ địch bị lừa, một khi sự việc bại lộ, gián điệp của ta khó bề thoát chết. Sinh gián là người mà ta phải đi thám thính có thể sống sót trở về báo cáo tình hình địch.

Cho nên trong quan hệ mật thiết với quân đội, không ai mật thiết hơn gián điệp, không ai được hậu thưởng hơn gián điệp, không có việc nào bí mật hơn việc dùng gián điệp. Không thông minh tuyệt đỉnh thì không thể sử dụng gián điệp. Không nhân từ khảng khái, không thể chỉ huy gián điệp. Không suy tính tinh tường, sâu xa thì không thể phân biệt tin tức gián điệp cung cấp là thật hay giả. Vi diệu thay! Vi diệu thay! Thời nào, nơi nào cũng có thể sử dụng gián điệp. Công tác gián điệp còn chưa tiến hành mà công

việc đã bị tiết lộ, thì cả gián điệp lẫn kẻ biết được bí mật ấy đều phải đem giết.

Phàm cần đánh đạo quân nào, cần chiếm thành nào, cần giết kẻ nào của địch, ắt phải biết trước họ tên của chủ tướng, tay chân thân tín, kẻ truyền tin, kẻ gác cửa, khách khứa... là ai, phải lệnh cho gián điệp của ta dò xét cho tường tận.

Địch thế nào cũng phải gián điệp sang dò xét quân ta. Ta cần phát hiện gián điệp của địch, mua chuộc, khoản đãi, dẫn dụ họ, sau đó thả họ trở về, như vậy là ta sử dụng được phản gián.

Thông qua phản gián, hiểu được tình hình địch, thì hương gián, nội gián cũng sẽ phục vụ cho ta. Thông qua phản gián hiểu được tình hình địch, thì có thể dùng tử gián chuyển tình báo giả cho kẻ địch. Thông qua phản gián hiểu được tình hình địch, thì có thể dùng sinh gián ẩn định trước thời gian trở về báo cáo tình hình địch.

Sử dụng 5 loại gián điệp, người đứng đầu đất nước phải biết và nắm vững. Biết được tình hình này hay không là nhờ sử dụng phản gián, cho nên không thể không thưởng cho phản gián thật hậu.

Xưa nhà Ân mạnh lên là nhờ Y Doãn làm gián điệp ở bên nhà Hạ, hiểu biết nội tình nhà Hạ. Nhà Chu mạnh lên là nhờ Lã Nha làm gián điệp ở bên nhà Ân, hiểu hết nội tình nhà Ân. Cho nên vua sáng suốt, tướng hiền là phải biết dùng người thông minh siêu việt làm gián điệp thì nhất định sẽ thành công lớn. Đây là công tác trọng yếu trong việc dùng binh, toàn bộ quân đội dựa vào tình hình địch do gián điệp cung cấp mà quyết định hành động quân sự.

Tóm tắt nội dung:

Thiên này chủ yếu bàn về tính chất quan trọng của việc sử dụng gián điệp trong chiến tranh, tiến hành dò xét chiến lược tình hình địch; xác định các loại gián điệp, đặc điểm và phương pháp sử dụng gián điệp.

Tôn tử chủ trương người chỉ đạo chiến tranh ắt phải “biết người biết ta”. Muốn “biết người”, điều quan trọng là biết chính xác tình hình địch, hiểu rõ, nắm chắc tình hình quân sự và chính trị của đối phương. Mà muốn đạt mục đích ấy, thì quan trọng nhất là sử dụng gián điệp, tiến hành trinh sát chiến lược. Tôn tử vạch rõ, so với chi phí rất lớn của chiến tranh, thì việc sử

dụng gián điệp là tốn kém nhỏ mà hiệu quả lớn, cho nên phải tích cực sử dụng. Còn nếu tiếc tiền của, tước lộc, coi nhẹ công tác gián điệp, nhắm mắt hành động, dẫn đến thất bại, thì đó là sự “bất nhân cùng cực”.

Trên cơ sở luận chứng tầm quan trọng của việc sử dụng gián điệp, Tôn tử đưa ra nguyên tắc và phương pháp thực thi trình sát chiến lược. Ông chia gián điệp làm 5 loại: hương gián, nội gián, phản gián, tử gián, sinh gián, phân tích cụ thể đặc điểm và công dụng của từng loại. Ông chủ trương sử dụng đồng thời cả năm loại, trong đó lấy ”phản gián ” làm chính, với 3 nguyên tắc quan hệ mật thiết, trọng thưởng thật hậu và bí mật tuyệt đối. Đồng thời nêu ra 3 điểm “trí tuệ, nhân nghĩa, vi diệu” để phát huy uy lực của việc sử dụng gián điệp. Cuối cùng Tôn tử nêu ví dụ thành công trong lịch sử, từ đó tiến tới khẳng định địa vị và ý nghĩa của việc sử dụng gián điệp.

“Minh quân hiền tướng, sử dĩ động nhi thắng nhân, thành công xuất ư chúng giả, tiên tri dã”

Vua sáng suốt, tướng hiền lương sử dĩ xuất quân là chiến thắng, thành công hơn người, là nhờ biết trước.

Vi Lý Khoan dùng gián điệp, diệt trừ tướng địch

Cuối thời Nam Bắc triều, Bắc Chu Võ đế Vũ Văn Ung chỉ muốn thôn tính Bắc Tề, thống nhất Trung Nguyên, cử danh tướng Vi Lý Khoan trấn thủ đất Ngọc Bích trọng yếu, chờ cơ hội tiến công Bắc Tề.

Vi Lý Khoan biết ưu ái thuộc hạ, giỏi dùng người, giỏi sử dụng gián điệp, thu thập tình báo. Ông phái gián điệp thâm nhập Bắc Tề, mua chuộc nội gián để họ hết lòng vì ông, vì thế có sự việc nào quan trọng xảy ra ở Bắc Tề, ông đều kịp thời hay biết.

Danh tướng Bắc Tề là Hộc Luật Quang anh dũng thiện chiến, lập nhiều chiến công. Tháng 9/569, quân Bắc Chu đánh Nghi Dương. Hộc Luật Quang đem 3 vạn quân cứu viện, đánh lui quân Bắc Chu. Hộc Luật Quang sợ Vi Lý Khoan từ Ngọc Bích tiến công Bình Dương, nên tăng cường phòng thủ Nghi Dương, rồi trở về phương bắc.

Năm 571, Hộc Luật Quang xây 13 thành ở bắc Lâm Phần, trong vòng 500 dặm đất. Vi Lý Khoan từ Ngọc Bích đem quân tiến công, bị Hộc Luật Quang đánh bại.

Cũng năm đó, Bắc Chu cho quân đánh 9 thành ở Nghi Dương. Hộc Luật Quang đem 5 vạn quân cứu viện, đánh lớn với quân Bắc Chu ở chân thành Nghi Dương, thắng to, lấy lại 4 thành, bắt hơn ngàn người, rồi kéo quân trở về. Vi Lý Khoan rất lo, tính cách loại trừ Hộc Luật Quang.

Ít lâu sau, có gián điệp về báo: “Sau đại thắng ở Nghi Dương, Hộc Luật Quang trên đường trở về nhận được lệnh của hậu chủ Bắc Tề là Cao Vũ bảo ông cho binh sĩ giải tán. Hộc Luật Quang nghĩ rằng binh sĩ chưa được ban thưởng, bèn một mặt bí mật gửi biểu về hậu chủ, xin phái sứ giả đến úy lạo, một mặt kéo quân trở về”.

Nhưng hậu chủ Cao Vĩ chậm trả lời. Hộc Luật Quang kéo quân về gần kinh đô mà vẫn chưa thấy sứ giả tới, đành tạm cho quân dừng lại đợi lệnh.

Hậu chủ thấy Hộc Luật Quang kéo quân về gần kinh đô thì hoảng sợ, vội phái sứ giả ra tuyên đọc chỉ dụ ban thưởng công lao, giải tán quân sĩ, để

Hộc Luật Quang vào triều. Mấy tháng sau, thì phong cho Hộc Luật Quang làm Tả thừa tướng.

Lại có gián điệp về báo: Hộc Luật Quang rất căm hận hai viên sủng thần của hậu chủ. Một tên gọi Tổ Đĩnh, từng phạm tội bị chọc mù hai mắt. Sau Cao Vĩ lên ngôi lại sử dụng Tổ Đĩnh làm Thượng thư hữu bộc xạ, quyền hành rất lớn. Nay Hộc Luật Quang làm Tả thừa tướng, hàm Dương vương, rất căm ghét Tổ Đĩnh.

Tổ Đĩnh biết Hộc Luật Quang ghét mình, bèn mua chuộc người hầu cận của Hộc Luật Quang, và hỏi người ấy: “Có phải Tả thừa tướng ghét ta lắm không?”, người ấy đáp: “Sau khi quan thượng nhận chức, Tả thừa tướng đêm đêm thường thở dài nói: “Người mù cầm quyền trong triều, quốc gia sắp diệt vong đến nơi rồi!”.

Viên sủng thần thứ hai là Mục Đề Bà, con trai của nữ mẫu Cao Vĩ. Mục Đề Bà từng cầu hôn với con gái của Hộc Luật Quang, bị ông cự tuyệt thẳng vì ông coi hắn là hạng tiểu nhân đặc ý. Một lần trong triều, Cao Vĩ đem đất tốt ở Tân Dương thưởng cho Mục Đề Bà. Hộc Luật Quang liền phản đối: “Số ruộng đất ấy vốn là nơi trồng lương thảo nuôi mấy ngàn chiến mã để chuẩn bị khi cần là có ngay, nay đem thưởng cho Mục Đề Bà thì sẽ hại cho quân vụ!”.

Vì lẽ đó, Tổ Đĩnh và Mục Đề Bà đều căm hận Hộc Luật Quang.

Vi Lý Khoan nắm được tình hình ấy, cho rằng có kế hở để lợi dụng. Bèn nghĩ ra câu “Cao sơn bất thối tự băng, khô mộc bất phù tự cử” (ý là: vua Bắc Tề họ Cao (Cao Vĩ) sẽ bị lật đổ, Hộc Luật Quang- chữ Hộc gồm bộ Mộc đi với chữ Hộc thành chữ Khô- sẽ xưng đế) rồi phái gián điệp đem câu đó sang gieo rắc bên Bắc Tề.

Tổ Đĩnh nghe được câu này thì cả mừng, bèn nghĩ thêm vài câu chửi mình và chửi mẹ của Mục Đề Bà liền vào câu trên, rồi cho trẻ em hát như hát đồng dao ngoài đường.

Mẹ của Mục Đề Bà là nữ mẫu của Cao Vĩ, điều khiển các thị nữ trong cung, có quyền hành lớn. Mục Đề Bà nghe mấy câu kia bèn mách với mẹ. Bà này bèn mời Tổ Đĩnh tới bàn cách đối phó. Ba người đem việc này tâu với Cao Vĩ, nói: “Nhà Hộc Luật Quang mấy đời đều là đại tướng, uy danh lẫy lừng. Bại về trên thật đáng sợ!”, Cao Vĩ trù trừ chưa quyết.

Không lâu, lại có người bí mật dâng thư, nói lần trước Học Luật Quang tây chinh trở về, hoàng thượng cho ông ta giải tán binh sĩ, vậy mà ông ta vẫn cứ đem quân về gần kinh thành, mưu đồ làm phản, sau việc chữa thành mới chịu bãi binh. Trong tư dinh của ông ta giấu nhiều binh khí, tôi tớ đông mấy ngàn, thân quyến thường bí mật lui tới, nếu không sớm diệt trừ, hậu quả sẽ khó lường.

Nghe nhắc chuyện cũ, Cao Vĩ hoảng sợ, cảm thấy Học Luật Quang thật đáng ngờ, lo ông ta sắp mưu phản, bèn lập tức cho gọi Tổ Đĩnh tới bàn.

Tổ Đĩnh bày kế: Cao Vĩ thường cho Học Luật Quang một con tuấn mã, đồng thời hẹn rằng hôm sau sẽ cùng ông cưỡi ngựa đi du ngoạn dãy núi phía đông. Học Luật Quang được triệu bèn tới nhận ngựa, bị lừa vào một chỗ và bị giết chết.

Vi Lý Khoan hay tin đó, lập tức tâu với vua Bắc Chu cử binh đánh Bắc Tề. Thế là năm Bắc Chu Kiến Đức thứ 6 (năm 577) đại quân Bắc Chu đánh Bắc Tề. Bắc Tề nội chính thối nát, không có tướng giỏi, nhanh chóng bị diệt vong.

“Tiên tri giả, bất khả thủ ư quý thần, bất khả tượng ư sự, bất khả kiểm ư độ, tất thủ ư nhân, tri địch chi tình giả dã”

Muốn biết trước tình hình địch, không thể cầu xin quý thần, không thể dựa vào ước đoán, không thể dùng độ số vận hành của trời, trăng, sao để kiểm chứng, mà phải dùng người, phải khai thác từ những người nắm được tình hình địch.

Khổng Dung khai thác người nắm tình hình, dẹp yên A Khê

Thời Minh, trong những năm Hoảng Trị (1488-1505), Tả phó đô ngự sử Khổng Dung đảm nhiệm chức Tuần phủ Quý Châu, nghe nói ở Thanh Bình Vệ có một thủ lĩnh bộ lạc Miêu tên gọi A Khê hoành hành ngang ngược, vô cùng tàn bạo.

Khổng Dung hỏi giám quân và các tướng xem A Khê là người thế nào, thì toàn nghe họ tán dương A Khê. Khổng Dung cho rằng họ nói dối, liền đích thân đến Thanh Bình Vệ xem xét.

Tại đó, Khổng Dung tìm một quan quân được tiếng là trung thực, tên gọi Vương Thông. Khổng Dung dùng hậu lễ tiếp đãi, hỏi Vương Thông về tình hình trong vùng. Vương Thông kể hết mọi sự thực, nhưng không hề nhắc đến A Khê.

Khổng Dung bèn hỏi thẳng: “Nghe đồn ở đây có tên A Khê vô cùng lợi hại. Sao ông không nhắc gì đến hắn?”, Vương Thông trầm ngâm không đáp. Khổng Dung giục già mấy lần, Vương Thông mới thận trọng nói: “Nếu tôi kể ra, ngài trị được hắn thì đó là phúc lớn cho trăm họ. Ngài mà không trị được hắn thì chẳng những ngài mất hết uy tín, mà gia quyến chúng tôi cũng khó bề sống sót”.

Khổng Dung cười giục: “Ông cứ nói đi, đừng lo”. Vương Thông đem mọi chuyện liên quan đến A Khê ra kể lại.

Nguyên A Khê là hạng đầu trâu mặt ngựa nhưng khôn ngoan mưu mẹo, hắn coi người trong bộ lạc bằng nửa con mắt. Hắn có một đứa con nuôi tên gọi A Thích, sức vóc kinh người. Hai tên đó, một có trí, một có dũng, câu kết với nhau, coi trời bằng vung, hàng năm bắt dân tộc Miêu phải đóng góp cho chúng đủ mọi khoản, ai trái lời sẽ bị chúng sát hại. Các thương nhân đi qua vùng này đều bị chúng cho tay chân cướp bóc. Khi quan phủ cho người đi bắt bọn cướp, đều nhờ A Khê trợ giúp, thì hắn rút lót quan phủ rất hậu, rồi bắt một người Miêu ở xó hẻo lánh nào đó, vu cho người ấy ăn cướp mà giao nộp. Người Miêu ở các nơi xa xôi hẻo lánh rất sợ hắn nên phải theo hắn, coi hắn như bạo chúa.

Đối với giám quân và tướng lĩnh của triều đình, A Khê năm nào cũng hối lộ rất hậu hĩnh. Có chỗ dựa ấy, A Khê càng mặc sức hoành hành bạo ngược. Hẳn còn thường xuyên gây xích mích giữa người Miêu với quan phủ để đôi bên làm hại nhau, hẳn ở giữa thủ lợi.

Nghe đến đây, Khổng Dung hỏi: “A Khê câu kết với quan phủ, kẻ thay mặt hối lộ với quan phủ là ai?”, Vương Tăng đáp: “Có hai tên, một là Vương Tăng, một là tổng kỳ Trần Thụy. Ngài khống chế được hai tên ấy thì mới thành công được”.

Hôm sau, các tướng tới yết kiến, Khổng Dung nói: “Tôi muốn chọn một viên quan tuần trong số các vị”. Đoạn ông quan sát từng người, rồi chỉ Vương Tăng, nói: “Vị này có thể được”. Rồi ông bảo Vương Tăng ở lại bàn chuyện riêng.

Khi các quan viên đã ra về, Khổng Dung đột ngột hỏi Vương Tăng: “Ông là người chỉ huy, cứ sao dám tư thông với bọn đạo tặc? , Vương Tăng tái mặt, ấp úng phân bua. Khổng Dung nói: “Hàng năm A Khê hối lộ cho quan trên, người đều bớt xén nhiều tiền của, nếu người còn chối cãi, ta sẽ theo luật hình khép người vào tội chết!”, Vương Tăng nghe vậy vội quì xuống van xin. Khổng Dung nói: “Người an tâm, ta cho phép người lập công chuộc tội. Người có thể bắt A Khê đem về đây được không?”.

Wương Tăng nói: “A Khê mưu mẹo qui quyệt, A Thích dũng mãnh hơn người, phải có trợ thủ mới đối phó nổi”. Khổng Dung bảo Vương Tăng để cử, Vương Tăng đáp tốt nhất là tổng kỳ Trần Thụy. Khổng Dung liền bảo Vương Tăng đi gọi Trần Thụy tới ngay.

Khổng Dung lại thăm vấn Trần Thụy hệt như thăm vấn Vương Tăng. Trần Thụy lén nhìn Vương Tăng, Vương Tăng nói: “Ngài tuần phủ đã biết hết mọi chuyện rồi, ông cứ thực mà khai! Ngài hứa cho chúng ta lập công chuộc tội, chúng ta phải tận lực bắt A Khê về qui án!”. Trần Thụy bảo việc đó chẳng dễ làm. Khổng Dung nói: “Không cần vội. 2 người chỉ cần dụ A Khê ra khỏi sơn trại, ta sẽ có cách bắt được hẳn!”. Trần Thụy đành bằng lòng.

Người Miêu có phong tục chọi trâu. Vương Tăng và Trần Thụy dựa vào đó bèn nghĩ ra một kế. Họ tìm một con trâu to khỏe và đẹp, buộc ở bên đường, rồi cho hơn một trăm quân mai phục ở các lùm cây xung quanh. Bố trí xong, Trần Thụy tiến vào sơn trại gặp A Khê. Đôi bên ngồi uống rượu,

đề cập việc chơi trâu. Trần Thụy bèn nói vừa thấy ở ngoài đường có một con trâu tuyệt vời. A Khê hỏi: “Nếu đúng như ngài kể thì hay lắm tôi nhất định phải bắt nó đem về đây”. Trần Thụy nói: -“Tôi ngó bộ nó không phải là của người vùng này, chỉ sợ khó ép được nó mang vào trại”. Đoạn khuyên A Khê dắt một con trâu ra đấu thử. A Khê đứng dậy cùng A Thích cưỡi ngựa lừa một con trâu ra đường. Đến nơi, ngấm con trâu kia quả nhiên là một con trâu quý.

Hai con trâu chuẩn bị tư thế chơi nhau, bỗng có người tới báo: “Có quan tuần tới!”. Trần Thụy biết đó chính là Vương Tăng. A Khê thì cười: “Ông Vương ấy thật khéo mò đầu gối”. Trần Thụy nói: “Quan tuần đến xem xét sơn trại, chúng ta phải theo lệ đón tiếp, hưởng hồ lại là người quen!”, A Khê, A Thích định phóng ngựa đi đón, Trần Thụy vội nói: “Đón tiếp quan tuần phải bỏ kiếm lại, kéo quan trông thấy thì không đúng phép!”

A Khê, A Thích chẳng chút nghi ngại, cởi bao kiếm để lại rồi đi đón Vương Tăng. Nào ngờ Vương Tăng vừa trông thấy đã lớn tiếng trách cứ: “Ta đến xem xét sơn trại, các người không dọn dẹp nhà khách đón tiếp, lại chạy ra đây làm gì?”, A Khê, A Thích đang định châm chọc Vương Tăng vài câu, bỗng Vương Tăng nổi giận thét: “Các người tưởng ta không gô cổ các người được chăng?”. Tức thì phục binh tràn tới. A Thích tuy sức lực hơn người, tay không cũng đánh ngã hàng chục người, song cuối cùng cũng bị trói gô lại như A Khê.

Vương Tăng, Trần Thụy dùng xe áp giải hai tên về Quý Dương, báo tin vui cho Khổng Dung. A Khê, A Thích bị xử cực hình trước cửa chợ. Từ đó, vùng Thanh Bình Vệ mới trở nên yên ổn.

“Nội gián giả, nhân kỳ quân nhân nhi dụng chi ”

Nội gián lợi dụng quan lại của địch làm gián điệp cho ta.

Tần Vương dùng nhiều vàng mua gián điệp, diệt trừ Lý Mục

Năm Tần vương Chính thứ 18 (năm 229 trước Công Nguyên) Tần vương Doanh Chính lệnh cho đại tướng Vương Tiễn và Dương Doan chia quân làm hai đạo đánh Triệu.

Vương Tiễn tiến đánh Tĩnh Kinh (tây Tĩnh Kinh, Hà Bắc), Tĩnh Kinh lập tức bị vây hãm. Triệu vương vội cử Võ An quân Lý Mục, tướng quân Tư Mã Thượng đem hai đạo quân đi chống cự quân Tần.

Võ An quân Lý Mục là vị tướng trứ danh của Triệu tiếp sau Liêm Pha, chuyên lo phòng thủ biên cương phía bắc của nước Triệu, từng đánh thắng Hung Nô, Lâm Hồ, Đông Hồ, giữ yên bờ cõi phương bắc mười mấy năm liền.

4 năm về trước, khi Tần đánh Triệu, Lý Mục từng chỉ huy quân phản công, đánh bại quân Tần ở Phì Hạ (tây nam Cảo Thành, Hà Bắc). Triệu vương vô cùng cao hứng nói với Lý Mục: “Khanh trí dũng song toàn không thua gì Bạch Khởi của nước Tần!”, nhân đó phong cho tước Võ An quân.

Nhưng lần này gặp lão tướng Vương Tiễn của Tần, tuy đôi bên giao chiến nhiều lần, Lý Mục vẫn chưa thắng nổi. Đôi bên giằng co hơn 1 năm.

Lúc này mưu sĩ của Tần được cài ở nước Triệu là Vương Ngao nhận được mật lệnh của Tần vương hoạt động trở lại. Vương Ngao tới đại doanh của Vương Tiễn, nói: “Theo ý của Tần vương, xin lão tướng quân viết cho Lý Mục một bức thư cầu hòa. Tôi sẽ có cách làm cho hắn thất bại”.

Vương Tiễn lĩnh hội ý đồ của Tần vương, sai sứ giả sang doanh trại Lý Mục đề nghị giảng hòa, Lý Mục cũng phái người mang thư trả lời, đồng ý đàm phán. Thế là sứ giả đôi bên qua lại để thương lượng về các điều kiện hòa đàm.

Đồng thời, Vương Ngao ở kinh đô nước Triệu khẩn trương hoạt động. Vương Ngao từng kết giao với sủng thần của Triệu vương là Quách Khai, lúc này đã trở thành một nhân vật quan trọng, hầu như ngày nào Vương Ngao cũng tới dinh phủ thăm Quách Khai. Nay biếu vàng, bạc, mai tặng

báu vật, Quách Khai thích gì, Vương Ngao nhanh chóng thỏa mãn, trở thành bạn tâm giao chí cốt.

Một hôm, Vương Ngao hỏi Quách Khai: “Nước nhà lâm nguy có phải có người khuyên Triệu vương cho mời lão tướng Liêm Pha tái xuất trận, cùng Lý Mục chống Tần thì phải?”. Quách Khai lắc đầu: “Nước Triệu còn hay mất là một chuyện, tôi với Liêm Pha suốt đời căm ghét nhau, tôi quyết không để cho Liêm Pha còn dịp trở tài”.

Hôm sau, Vương Ngao lại tới phủ Quách Khai, bí mật rỉ tai: “Lý Mục lén lút bàn tính với Vương Tiễn, hẹn nhau sau khi diệt Triệu sẽ cho Lý Mục làm đại vương”.

Quách Khai thấy đây là cơ hội để được thưởng công, bèn tâu ngay với Triệu vương. Nhà vua tỏ ý nghi ngờ, Quách Khai đề nghị cho người đi quan sát.

Triệu vương phái sứ giả tới đại doanh Lý Mục, quả nhiên thấy giữa Lý Mục và Vương Tiễn thường có thư tín qua lại với nhau.

Triệu vương nghĩ thầm: “Lý Mục phòng thủ biên cương bao năm, từng đánh bại kẻ địch xâm phạm biên cương mười mấy lần, sao lần này không đánh nổi vài vạn binh mã của Vương Tiễn?”. Thì ra hãn nôi ý đồ làm phản! Bèn phái sứ giả đến truyền lệnh cho Lý Mục: “Thăng Triệu Song làm đại tướng thay Lý Mục chỉ huy quân đội”.

Lý Mục thờ dãi: “Đúng là ta lại phải như Liêm Pha! Ông biết Triệu Song không phải là đối thủ của Vương Tiễn, nên không chịu trao quyền, mà đòi yết kiến nhà vua. Sứ giả vốn là tay chân của Quách Khai, bèn hạ lệnh Lý Mục phải bàn giao ngay quyền lực.

Lý Mục buộc phải rời đại doanh, đêm ấy ở quán trọ uống rượu giải sầu, buồn bã ngẫm nghĩ: “Về gặp nhà vua cũng vô ích, chi bằng ta sang theo nước Ngụy còn hơn”. Rồi ông say rượu ngủ lịm. Đúng lúc ấy Triệu Song sai người tìm bắt Lý Mục mang về quân doanh giết hại.

Năm 228 trước Công Nguyên, Vương Tiễn biết Lý Mục đã chết, lập tức tiến công. Do thay chủ tướng, tinh thần quân Triệu chán nản, Triệu Song kém cỏi, bị tử trận, quân Triệu đại bại. Quân Tần thừa thắng tiến đến kinh đô Hàm Đan của Triệu.

“Phản gián giả, nhân kỳ địch gián nhi dụng chi ”

Phản gián là sử dụng gián điệp của địch làm gián điệp cho ta.

Nhạc Phi dùng phản gián, phế trừ Lưu Dự

Thời Nam Tống, năm Kiến Viêm thứ hai (năm 1128) quân Kim tiến đánh phía nam, vây thành Tế Nam, Tri phủ Tế Nam là Lưu Dự bị quân Kim mua chuộc, bèn giết tướng phòng thủ là Quan Thảng, một mình lén ra hàng, thành tên giặc bán nước.

Năm Kiến Viêm thứ 4 (năm 1130), quân Kim trước sau ba lần xâm lược phía nam, nhưng đều gặp sự chống trả quyết liệt. Thủ lĩnh quân Kim thấy chỉ dùng lực lượng quân sự thì khó tiêu diệt Nam Tống, nên tháng 9 năm đó bèn phong cho Lưu Dự làm hoàng đế bù nhìn của nước “Đại Tề”, nhằm đem chức tước bổng lộc thật cao để dụ hàng các tướng lĩnh quân Tống.

Lưu Dự hàm ơn quân Kim, cam tâm làm chó săn cho giặc, ra sức dụ dỗ, lôi kéo nhiều kẻ bán nước vô liêm sỉ, hoạt động tại ven sông Hoài Hà và vùng Tây Kinh Lạc Dương đối diện với quân Tống, trở thành một chướng ngại lớn cho cuộc kháng chiến chống Kim.

Tháng 8/1137, Tống Cao Tông không chấp nhận kế hoạch chống Kim của danh tướng Nhạc Phi, chỉ cho Nhạc Phi đóng quân Giang Châu để nếu hai vùng Giang, Chiết bị nguy thì đem binh cứu viện. Nhạc Phi không bằng lòng với việc đó, ngày đêm tính cách tiến công quân Kim.

Nhạc Phi được biết Lưu Dự xu nịnh đại tướng Chiêm Hãn của nước Kim là cháu của Kim Thái tổ, mà con thứ tư của Kim Thái tổ là Tôn Bật (tức Kim Ngột Thuật) lại rất ghét Lưu Dự. Nhạc Phi cho rằng có thể lợi dụng mâu thuẫn giữa Tôn Bật và Lưu Dự để trước hết trừ bỏ Lưu Dự.

Vừa hay thuộc hạ bắt được một tên gián điệp của Tôn Bật. Nhạc Phi truyền lệnh giải hắn đến trước trưởng. Tên kia phủ phục, run như cày sậy, không dám ngẩng mặt lên.

Nhạc Phi nhìn qua, lập tức quát mắng: “Người có phải là Trương Bân đó chẳng? Ta sai người đến nước Đại Tề hẹn với Lưu Dự đánh lừa Tôn Bật, không ngờ người đi biệt mất tăm! Vậy người đã làm những gì?”

Tên kia chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì cả, chỉ sợ bị giết, nên ấp úng chưa biết trả lời ra sao. Nhạc Phi lại nói: “Ta lại sai người thứ 2 đi Đại Tề, Lưu

Dự đã đồng ý mùa đông này sẽ hợp binh với ta, dự Tôn Bật đến Thanh Hà. Ta hỏi người, tại sao người lại trái lệnh ta mà không gửi thư báo tin gì hết?”

Tên gián điệp lúc này mới hiểu Nhạc Phi đã nhận lầm hản với gã Trương Bân nào đó, bèn nhân đó đưa đây, mạo nhận Trương Bân, rồi rít van xin: “Tội con đáng chết, xin tướng quân tha mạng...”

Nhạc Phi thấy kế đã ổn, liền viết luôn một phong thư, hện cùng Lưu Dự hợp mưu giết Tôn Bật, sau đó nhét vào một viên sáp, nói với tên gián điệp: “Lần này ta tha chết cho người, người hãy mang thư này đi gặp Lưu Dự, hỏi cho rõ thời hạn. Đi mau rồi trở về cho nhanh, không được như lần trước”.

Đoạn sai lính rạch đuôi tên gián điệp, nhét viên sáp bọc thư vào trong, đoạn nói: “Nhất thiết không được tiết lộ việc cơ mật này!”.

Tên gián điệp cho rằng đã có được tin tình báo quan trọng, vội trở về doanh trại quân Kim, trao viên sáp cho Tôn Bật.

Tôn Bật xem xong thư, vừa kinh ngạc vừa giận dữ, lập tức cho người đem thư ấy phi báo với Kim Hy Tông Hoàn Nhan.

Kim Hy Tông nhớ lại cách đây ít hôm mấy lần có người đến tố giác Lưu Dự và tể tướng Nam Tống Trương Tuân phái sứ giả qua lại hện nhau chống Kim. Huống hồ từ khi quân Kim dựng “nước” Đại Tề là nhằm để ông vua bù nhìn Lưu Dự làm chỗ đệm chống Nam Tống cho quân Kim được nghỉ ngơi, không ngờ từ đó mấy lần phải viện trợ cho Lưu Dự mà Lưu Dự vẫn chẳng nên cơm cháo gì.

Nghĩ đến đây, Kim Hy Tông liền cho phép Tôn Bật cùng Nguyên Nhan Xương lấy danh nghĩa tiến công Giang Nam, đem quân đến Biện Kinh.

Tôn Bật lấy danh nghĩa “có việc khẩn cấp” mời Lưu Dự ra ngoài thành thương nghị, nhân đó bắt Lưu Dự mang về giam ở đất Kim. Lưu Dự bị phế truất ngôi vua bù nhìn, ngụy quyền Đại Tề từ đó cáo chung.

“Tử gián giả, vi cuống sự ư ngoại, lệnh ngô gián tri chi, nhi chuyển ư địch gián dã”

Tử gián là tạo ra tình báo giả, rồi thông qua gián điệp của ta cài ở bên địch mà chuyển cho gián điệp của địch, khiến kẻ địch bị lừa, một khi sự việc bại lộ, gián điệp của ta khó bề thoát chết.

Lệ Thực Kỳ 2 phen làm “tử gián”

Năm Tân Nhị thế thứ 3 (năm 7 trước Công Nguyên), Lưu Bang dẫn đại binh đánh phá Vũ Quan, tiến đến cửa ải cuối cùng ở phía đông kinh đô Hàm Dương của nước Tần là Nhiêu Quan.

Nhiêu Quan phía sau dựa vào núi cao, hai bên phía trước vách đá dựng đứng, địa thế hiểm trở, không chiếm được ải này thì khó bề tiến công Hàm Dương. Lưu Bang định điều hai vạn binh mã để đánh phá Nhiêu Quan.

Mưu sĩ Trương Lương can ngăn: “Quân Tần hiện còn nhiều lực lượng, không thể coi thường. Thần nghe nói tướng giữ ải là con một gã đồ tể, hẳn là kẻ tham lợi. Ta nên phái người mang nhiều vàng bạc đến dụ hàng”.

Lưu Bang nghe có lý, bèn mời Quảng dã quân Lệ Thực Kỳ tới, nói: “Việc quan trọng này, phiền tiên sinh lo giùm mới xong”. Lệ Thực Kỳ vâng lệnh.

Lưu Bang lại theo kế hoạch của Trương Lương, sai quân đi cắm đầy cờ trên các ngọn núi phía trước Nhiêu Quan để nghi binh.

Hôm sau tướng sĩ quân Tần nhìn thấy khắp các ngọn núi phía trước cắm đầy cờ xí quân Hán, bất giác rùng mình kinh sợ. Chợt có quân bẩm báo: “Quân Hán cử sứ thần Lệ Thực Kỳ đến xin gặp”. Tướng giữ ải liền hạ lệnh mời vào.

Lệ Thực Kỳ bày ra vô số vàng bạc châu báu, tướng Tần thích thú ra mặt, hỏi: “Vì sao mà Hán lại hậu đãi ta như vậy?”. Lệ Thực Kỳ đáp: “Chúa công tôi nghe đại danh của tướng công, có chút tặng vật gọi là tỏ lòng tôn kính, muốn khuyên tướng quân vì thiên hạ trừ hại, cùng chúng tôi tiến đánh Hàm Dương. Giả như tướng quân không đáp ứng, thì tôi đành đem tặng vật trở về. Ngoài kia sẵn có mấy chục vạn tinh binh đợi lệnh. Chúa công chúng tôi làm theo phép “tiên lễ hậu binh””.

Tướng Tần luôn miệng đồng ý, nguyện dẫn đường quân Hán tiến công Hàm Dương.

Lệ Thực Kỳ lập tức cáo từ trở ra. Lưu Bang cả mừng, bảo Lệ Thực Kỳ sang Nhiêu Quan ước hẹn phối hợp với tướng Tần. Lúc này, Trương Lương

ngồi bên liền nói: “Không được!”.

Lưu Bang ngạc nhiên. Trương Lương nói: “Hiện tại chỉ có một mình tướng Tần đồng ý hàng, lỡ sĩ tốt không tuân lệnh y thì rất nguy hiểm!”

Lưu Bang trầm ngâm một lát, hỏi: “Vậy phải làm sao?”. Trương Lương đáp: “Thừa cơ địch chuẩn bị minh ước, không đề phòng, ta bất ngờ tập kích thì nhất định thắng”. Thế là Lưu Bang lệnh cho đại tướng Chu Bột dẫn quân vòng ra sau núi, bí mật tập kích Nhiêu Quan.

Sau khi Lê Thực Kỳ về, tướng Tần cho phép quân sĩ nghỉ ngơi, an tâm chờ đại diện quân Hán sang lập minh ước. Không ngờ đột ngột bị một cánh quân Hán từ sau lưng tập kích, lập tức rối loạn.

Chu Bột xông thẳng vào doanh trại quân Tần, giết chết tướng Tần còn ngờ ngác. Chủ tướng bỏ mạng, quân Tần lũ lượt đầu hàng.

Lưu Bang dễ dàng chiếm Nhiêu Quan. Năm Hán Cao Tổ thứ ba (năm 204), cuộc chiến ở Trung Nguyên trở nên ác liệt, Lưu Bang lệnh Hàn Tín đi đánh Tề vương Điền Quang.

Lê Thực Kỳ lại muốn lập đại công, bèn khuyên Lưu Bang: “Nay đã bình định xong Yên, Triệu, chỉ còn Tề. Nước Tề đất rộng người đông, lắm mưu nhiều mẹo, dù đại vương phái mấy vạn binh mã, trong vòng nửa năm cũng chưa chắc đã diệt được”.

Lưu Bang nghĩ bụng: “Đúng thế, Hàn Tín tuy thiện chiến, nhưng đại quân đã bị ta triệu hồi, binh mã đánh Tề toàn là chiêu mộ ở nước Triệu, Hàn Tín cất quân đi đã lâu mà vẫn chưa có tin gì...”, bèn hỏi: “Tiên sinh có diệu kế gì chăng?”

Lê Thực Kỳ đáp: “Thần xin đem thư của đại vương đi thuyết phục Tề vương hàng Hán”. Lưu Bang nói: “Được! Nhân lúc binh mã của Hàn Tín chưa đến đất Tề, phiền tiên sinh lên đường ngay cho”. Thế là Lê Thực Kỳ một lần nữa đi làm “tử gián”.

Lê Thực Kỳ đến nước Tề, Tề vương Điền Quang đề phòng quân Hán tiến công, đã phái binh đóng ở Lịch Hạ tích cực phòng thủ. Nghe nói sứ giả Hán xin gặp, cũng muốn nghe xem tình hình thế nào, bèn cho mời vào thành.

Lệ Thực Kỳ nói luôn: “Hán Sở tranh hùng, đại vương có biết kết quả rồi đây sẽ như thế nào chẳng?”, Tề vương đáp: “Chẳng biết thiên hạ sẽ theo ai?”.

Lệ Thực Kỳ nói: “Theo Hán!”. Tề vương hỏi: “Vì sao tiên sinh khẳng định như vậy?”. Lệ Thực Kỳ liền kể việc Hán vương cùng Hạng Vũ hợp lực đánh Tần, rồi kết luận: “Hạng Vũ vô đạo, Hán vương nhân nghĩa, lòng người khắp thiên hạ hướng về Hán, đó là ý trời”.

Thấy Tề vương trầm ngâm, Lệ Thực Kỳ lại tiếp: “Nay Hán vương thực túc binh cường, nếu đại vương theo Hán vương, thì có thể bảo toàn nước Tề. Sự tồn vong của Tề đang ở ngay trước mắt”.

Tề vương hỏi: “Nếu ta theo Hán, quân Hán có tiến đánh hay không?”. Lệ Thực Kỳ khẳng định: “Tôi phụng mệnh Hán vương tới đây, nếu đại vương thành tâm theo Hán, tôi sẽ viết 1 phong thư, Hàn Tín lập tức dừng binh không tiến”. Đoạn lập tức viết thư phái người mang đi gặp Hàn Tín.

Tề vương cả mừng, hạ lệnh rút quân phòng thủ khỏi Lịch Hạ, ngày ngày mở tiệc khoản đãi Lệ Thực Kỳ.

Lúc này Hàn Tín tiến về phía đông, dọc đường được tin Lệ Thực Kỳ đã thuyết phục Tề vương theo Hán, định dừng quân chờ lệnh. Mưu sĩ Khoái Triệt khuyên: “Tướng quân phụng mệnh tiến công nước Tề, mà nhà vua lại phái gián điệp bảo Tề vương đầu hàng, chẳng lẽ nay có lệnh bảo tướng quân dừng lại sao? Huống hồ, Lệ Thực Kỳ vốn vẹn chỉ dùng mỗi cái lưỡi đã hàng phục được hơn 70 thành nước Tề, tướng quân chỉ huy mấy vạn quân vào sinh ra tử hơn một năm mới hạ được 50 thành nước Triệu, hoá ra làm đại tướng bao năm lại chưa bằng công lao của 1 gã thư sinh sao?”.

Hàn Tín nghe có lý, bèn hạ lệnh toàn quân tức thời vượt Hoàng Hà tiến đánh nước Tề.

Quân Tề vì đã tuyên bố theo Hán, hoàn toàn không đề phòng. Hàn Tín dễ dàng chiếm Lịch Hạ, rồi tiến nhanh về phía Lâm Tri, kinh đô nước Tề. Tề vương cho rằng Lệ Thực Kỳ đến để đánh lừa mình, bèn giết Lệ Thực Kỳ rồi bỏ chạy. Lệ Thực Kỳ trung thành với Lưu Bang, cuối cùng thành một “tử gián”.

“Sinh gián giả, phản báo dã”

Sinh gián là người mà ta phải đi thám thính có thể sống sót trở về báo cáo tình hình địch.

Đạt Hề Vũ khôn khéo giả danh do thám doanh trại địch

Thời Nam Bắc triều, trước và sau năm 535, Bắc Ngụy phân liệt thành Đông Ngụy và Tây Ngụy. Đông Ngụy đóng đô ở Nghiệp Thành, do thừa tướng Cao Hoan khống chế. Tây Ngụy đóng ở Tràng An do thừa tướng Vũ Văn Thái khống chế. Đôi bên đều muốn thôn tính nhau, đánh nhau liên miên.

Năm 537, Cao Hoan đích thân dẫn 20 vạn quân tiến đánh Bồ Luật, một lần nữa tiến công Tây Ngụy. Đồng thời sai tướng Cao Ngoa Tào dẫn ba vạn quân xuất phát từ Hà Nam để trợ uy.

Bây giờ đại khu Quan Trung mất mùa, thừa tướng Tây Ngụy Vũ Văn Thái điều động quân đội, chưa đến kịp. Binh mã nghênh chiến chẳng qua được độ vạn người. Các tướng đều cho rằng ít chẳng địch nổi nhiều, đồ nghị cử để cho địch tiến sang phía tây rồi sau tìm cách đánh chúng.

Wũ Văn Thái nói: “Nếu để cho quân Cao Hoan đến gần Tràng An, lòng người sẽ hoang mang, bất lợi cho quân ta. Nay quân địch từ xa mới đến, ta hoàn toàn có thể đánh bại”. Bèn hạ lệnh xuất chiến. Lúc này quân Cao Hoan đã vượt Hoàng Hà, đến gần Vị Hà. Vũ Văn Thái sai bắc cầu nổi trên sông Vị Hà, cho khinh kỵ chỉ đem 3 ngày lương, vượt qua Vị Hà, tới Sa Uyển hạ trại, cách quân Cao Hoan chực dậm.

Để trinh sát tình hình địch, Vũ Văn Thái phái Đạt Hề Vũ là quan huyện Tu Xương đi thám thính doanh trại quân Đông Ngụy. Đạt Hề Vũ trí dũng song toàn, chỉ đem theo 3 kỵ binh lên đường.

Trời tối thì 4 người đến sát doanh trại địch, Đạt Hề Vũ hạ lệnh xuống ngựa, nấp vào chỗ tối. Khẩu lệnh, đối thoại của tướng sĩ Đông Ngụy khi vào trại thế nào, Đạt Hề Vũ đều nắm được. Thế là 4 người lên ngựa, đến trước đại doanh đáp đúng khẩu lệnh, rồi nói: “Phụng mệnh thừa tướng đến kiểm tra doanh trại”. Quân sĩ cung kính nhường lối cho 4 người tiến vào.

Đạt Hề Vũ tự xưng là đội cảnh vệ được lệnh thừa tướng đi tuần tra ban đêm, hễ thấy kẻ nào vi phạm quân kỷ đều quở trách hoặc đánh đập. Do vậy 4 người đi khắp doanh trại mà không bị nghi ngờ.

Sau khi dễ dàng trinh sát toàn bộ tình hình địch, Đạt Hề Vũ trở về báo với Vũ Văn Thái, nói rằng quân địch tuy đông, nhưng tướng thì kiêu căng khinh địch, lính không giữ quân kỷ, chỉ là một bọn ô hợp, hoàn toàn có thể dùng kế đánh bại. Vũ Văn Thái cả mừng trọng thưởng cho nhóm Đạt Hề Vũ. Sau đó, Vũ Văn Thái bàn với chư tướng, quyết định tránh vùng đất bằng, chọn Vị Khúc cách doanh trại 10 dặm về phía tây làm nơi quyết chiến. Lệnh cho tướng sĩ mai phục trong các bãi lau sậy rậm rạp, chỉ để một lực lượng nhỏ quay lưng về phía đông mà bày trận.

Hôm sau, Cao Hoan nghe tin quân Tây Ngụy tới khiêu chiến, bèn hạ lệnh toàn quân xuất kích. Quân Đông Ngụy kéo đến Vị Khúc, có tướng can ngăn: “Vùng này nhiều bãi lau sậy, bùn sâu, đại quân khó phát huy sức mạnh, chi bằng không nên giao chiến, phái tinh binh đi tập kích Tràng An. Sào huyệt địch bị đánh, quân địch ở đây tự tan”. Lại có tướng hăng hái xin đánh: “Ta đông địch ít, sợ gì không thắng?” Cao Hoan đồng ý hạ lệnh tiến công.

Đôi bên giao chiến, quân Tây Ngụy thua chạy. Quân Đông Ngụy thấy đối phương quá yếu ớt, đua nhau tranh công, ào ào tiến lên chẳng còn đội ngũ gì nữa. Vũ Văn Thái thấy thời cơ tới, liền đích thân gióng trống. Binh sĩ mai phục ở các bãi sậy tràn ra chém giết. Một cánh kỵ binh cũng nhanh chóng xông vào địch.

Quân Đông Ngụy bị chia cắt làm hai, phần lớn tướng sĩ sa lầy trong bùn, bị chém giết vô số. Cao Hoan vội thoái tù và lui binh, chuẩn bị ngày mai tái chiến. Có quân đến báo: “Binh sĩ đều đã bỏ trốn, ở đại doanh chẳng còn ai”. Cao Hoan cả kinh, ngay đêm đó rút quân qua sông. Cao Ngao Tào xuất binh ở Hà Nam nghe tin Cao Hoan bại trận cũng vội rút về Lạc Dương.

Vũ Văn Thái trở về Tràng An, mở tiệc mừng công. Trận này lấy ít thắng nhiều, diệt 8 vạn quân Đông Ngụy. Đạt Hề Vũ gan dạ vào doanh trại địch trinh sát, có công lớn, được phong tước Cao Dương quận công.

“Tam quân chi thân, mạc thân ư gián, thường mạc hậu ư gián, sự mạc mật ư gián ”

Trong quan hệ mật thiết với quân đội, không ai mật thiết hơn gián điệp, không ai được hậu thưởng hơn gián điệp, không có việc nào bí mật hơn việc dùng gián điệp.

Lưu Bang bỏ nhiều vàng dùng kế ly gián, thắng Hạng Vũ

Mùa hạ năm thứ ba cuộc chiến tranh giữa Sở - Hán (năm 204 trước Công Nguyên), Sở vương Hạng Vũ vây hãm Hán vương Lưu Bang trong thành Huỳnh Dương, cắt đứt đường vận lương của quân Hán. Tình thế của quân Hán ngày một nghiêm trọng.

Lưu Bang cho tìm hộ quân trung úy Trần Bình tới hỏi kế giải vây. Trần Bình giỏi đưa kế lạ, từng làm đô úy trong quân của Hạng Vũ, từ khi sang theo quân Hán, được Lưu Bang trọng dụng.

Trần Bình liền hiến kế “ly gián”: “Các tướng đặc lực của Hạng Vũ chỉ có vài người như Phạm Tăng, Chung Ly Muội, Long Thư, Chu Ân, chỉ cần đại vương chịu bỏ ra nhiều tiền bạc, thi hành kế ly gián, thì có thể làm cho quân thần nước Sở nghi kỵ lẫn nhau. Quân Hán thừa cơ tiến công thì chắc thắng”.

Lưu Bang nghe có lý, bèn xuất 40 vạn lượng vàng giao cho Trần Bình, nói: “Việc dùng gián điệp chống Sở, trăm trao toàn quyền cho khanh phụ trách, số vàng này khanh muốn sử dụng thế nào cũng được, trăm không quan tâm”. Trần Bình nhận vàng, bố trí mạng lưới gián điệp, mua chuộc tướng Sở, tung tin đồn đại khắp trong quân đội Sở.

Có lúc trong quân Sở binh lính đồn đại với nhau: “Các tướng như Chung Ly Muội lập nhiều chiến tích giúp Hạng vương, nhưng trước sau vẫn không được phong vương, họ sẽ liên kết với Lưu Bang diệt trừ Hạng vương ...”

Lời đồn đến tai Hạng Vũ, Hạng Vũ tin là thực, việc lớn trong quân không hỏi Chung Lý Muội nữa. Các tướng chẳng biết phân bua làm sao, tâm trạng vô cùng lo lắng.

Lúc này Lưu Bang dùng kế hoãn binh, phái sứ giả sang gặp Hạng Vũ cầu hoà. Hạng Vũ đời nào chấp nhận. Nhưng muốn nhân cơ hội đó dò xét thực hư trong thành, bèn cử sứ thần vào thành gặp Lưu Bang.

Sứ giả Sở vào thành, chỉ thấy quan viên và người hầu ra đón. Trần Bình mời sứ giả vào sảnh đường, bày tiệc rượu thết đãi rất là thịnh soạn. Trần Bình nâng chén rượu, hỏi: “Á Phụ (chỉ Phạm Tăng) phái ngài sang đây có

gì chỉ giáo, có gửi thư cho tôi chẳng?”. Sứ giả ngỡ ngác chẳng biết trả lời ra sao, chỉ đáp: “Hạng vương đích thân cử tôi làm sứ giả sang đây, làm gì có thư nào của Á phụ nào?”.

Trần Bình cố ý cau mày ậm ừ... “Hừ, hừ, thì ra vậy”. Đoạn rời bàn tiệc. Sứ giả còn đang ngỡ người, thì mấy người hầu tới bưng hết cả rượu và đồ ăn đi, chỉ để lại âu cơm. Sứ giả giận quá, phúi tay rời thành. Về tới doanh trại quân Sở, sứ giả liền kể chuyện đó với Hạng Vũ. Quả nhiên Hạng Vũ trúng kế, nghi ngờ Phạm Tăng tư thông với Hán vương.

Phạm Tăng không hay biết gì, còn hiển kế mau chóng công phá thành Huỳnh Dương, chẳng ngờ Hạng Vũ lạnh lùng làm ngơ.

Phạm Tăng vốn tận tâm trung thành với Hạng Vũ, chỉ mong giúp Hạng Vũ dựng nghiệp bá. Thái độ của Hạng Vũ hôm nay hiển nhiên là không còn tín nhiệm nữa. Phạm Tăng oán giận thốt lên: “Thế lớn trong thiên hạ đã định hình, đại vương thừa sức lo liệu, xin đại vương cho thần được đem tấm thân già nua về quê hương bản quán!”. Mấy hôm sau, Phạm Tăng rời bỏ Hạng Vũ, trên đường về quê, phát bệnh mà chết ở gần Bành Thành.

Trần Bình thấy hai cận thần mưu lược lợi hại nhất của Hạng Vũ, một đã bị bỏ rơi, một bỏ đi, các tướng còn lại thì đều thất vọng chán chường, cho rằng thời cơ đã tới, bèn hạ lệnh mở các cửa thành phía đông, đưa hơn hai ngàn phụ nữ gồng gánh đi ra.

Hạng Vũ nghe báo vội đích thân tới cửa thành xem sao. Lúc này, cuối đoàn người có một chiếc xe. Trước xe có quân sĩ dẹp đường và hô to: “Trong thành lương thực đã cạn. Hán vương xin ra hàng”. Quân Sở nghe vậy hoan hô ầm ĩ. Quân sĩ bao vây các cửa thành khác đều dồn cả tới để xem. Hạng Vũ tới gần cỗ xe kia, thấy tướng mạo người ngồi trong xe không giống Lưu Bang, bèn quát hỏi: “Người là ai? Hán vương đâu?”. Người nọ đáp: “Ta là đại tướng Kỷ Tín. Đại vương của ta đã rời thành Huỳnh Dương lâu rồi!”

Hạng Vũ hạ lệnh giết chết Kỷ Tín, rồi tiến gấp tới cửa thành phía tây, nhưng đã muộn. Lưu Bang cùng Trương Lương, Trần Bình đã thoát khỏi vòng vây.

Thoát khỏi Huỳnh Dương, Lưu Bang chọn Trần Bình làm người thân tín, gấp việc quan trọng đều bàn bạc với Trần Bình, Trần Bình thường hiển

nhiều kế lạ, mấy phen giúp Lưu Bang chuyển nguy thành an. Cuối đời, Trần Bình làm đến chức Thừa tướng.

“Phi vi diệu bất năng đắc gián chi thực ”

Không suy tính tình huống, sâu xa thì không thể phân biệt tin tức gián điệp cung cấp là thật hay giả.

Xung Thế Hoàn dùng gián điệp diệt trừ hai Vương

Tháng Chạp năm Bắc Tống, Bảo Nguyên thứ hai (năm 1039) phán quan Phù Châu là Xung Thế Hoàn đề nghị với triều đình tại Khoan Châu cũ cách Diên An 200 dặm về phía đông bắc phá lũy, xây thành, đề phòng sự xâm lược của Tây Hạ. Triều đình chấp thuận, lệnh cho Xung Thế Hoàn xây thành và đặt tên là thành Thanh Giản.

Thành Thanh Giản địa thế hiểm yếu, công thủ tiện lợi. Xung Thế Hoàn tổ chức cày cấy 2.000 khoảnh đất ở ngoài thành, lại lôi cuốn thương nhân tới buôn bán. Thanh Giản trở nên một thị trấn nổi danh ở biên thùy.

Xung Thế Hoàn dạy dân luyện võ, cưỡi ngựa bắn cung- người giỏi được thưởng bạc, miễn lao dịch, dù phạm lỗi cũng được tha bổng, do đó người người trong vùng đều ra sức luyện tập, tinh thông võ nghệ, quân Tây Hạ không dám tùy tiện xâm lấn.

Tây Hạ vương Lý Nguyên Hiệu có 2 đại tướng tâm phúc, một tên là Dã Lợi Cương Lãng Linh, hiệu Dã Lợi vương, một là Ngô Khất, hiệu Thiên Đô vương. 2 người này là anh em ruột, mỗi người chỉ huy một đạo tinh binh, thường xâm lấn quấy nhiễu biên giới Bắc Tống. Xung Thế Hoàn muốn diệt trừ 2 “vương” ấy, khổ não nghĩ chưa ra cách.

Lúc này có 3 thủ hạ của Dã Lợi vương là Lãng Mai, Thường Khất và Mị Nương đến xin hàng. Xung Thế Hoàn biết là họ trá hàng, nhưng nghĩ thầm: “Giết chúng đi không bằng lợi dụng chúng làm gián điệp còn hơn”. Đoạn ông đích thân tiếp đón họ, cho họ ở trong thành Thanh Giản trông coi việc thu thuế. Đi đâu có quân mã tùy tùng, Xung Thế Hoàn còn thường xuyên mở tiệc thết đãi, ra điều quý mến lắm.

Gần thành Thanh Giản có ngôi chùa Tử Quang. Chùa này có một hoà thượng tên là Vương Quang Tín, pháp danh là Pháp Tung, rất dũng cảm và có tài cung nỏ, lại thông thạo đường đất Tây Hạ. Xung Thế Hoàn hay tới thăm chúa. Khi xuất binh, ông vẫn mời hoà thượng Pháp Tung làm người dẫn đường. Do nhiều lần lập công, Xung Thế Hoàn cử hoà thượng vào một chức vụ chỉ huy trong quân đội. Hoà thượng Pháp Tung hoàn tục, đổi tên thành Vương Tung.

Một ngày nọ, Xung Thế Hoàn mở tiệc tại nhà đãi Vương Tung, và nói: “Tôi định nhờ Vương đệ đi làm gián điệp một chuyến, không biết Vương đệ có bằng lòng hay chăng?”

Vương Tung đáp ngay không chút do dự: “ Xin tướng quân cứ sai bảo, tôi sẽ đi”. Xung Thế Hoàn nói: “Từ khi Lý Nguyên Hiệu xưng đế đến nay, hãn đã đánh bại các bộ lạc Thổ Phồn (Phiên), Hồi Hột, nhiều lần xâm lấn biên giới nước ta. Hãn có 2 thủ hạ lợi hại là Dã Lợi vương và Thiên Đô vương. Vừa rồi chúng cho mấy người đến đây trá hàng. Tôi muốn tương kế tựu kế, trừ diệt hai vương đó. Sau khi đệ tới Tây Hạ, dù có bị nhục hình thế nào cũng chớ tiết lộ bí mật”. Đoạn trao cho Vương Tung một bức thư, hẹn giấu cho kín. Lại trao một bức vẽ, bảo đưa cho Dã Lợi vương. Hôm Vương Tung lên đường, ông lại kín đáo dò cách đối phó cụ thể. Vương Tung cải trang thành hòa thượng đi Tây Hạ, toàn theo đường vòng. 10 ngày sau mới đến nơi đóng quân của Dã Lợi vương.

Vương Tung xin gặp Dã Lợi vương, bảo với quân lính rằng có chuyện cơ mật. Binh sĩ dẫn ông tới doanh trướng. Dã Lợi vương hỏi: “Ông là hoà thượng xứ nào? Tới đây dò xét việc gì?”

Vương Tung đáp: “Bần đạo pháp danh Pháp Tung, được tướng quân Xung Thế Hoàn phái sang gặp đại vương để trao cho đại vương một tín vật”. Đoạn trao bức vẽ.

Dã Lợi vương giờ bức vẽ ra xem, chỉ thấy vẽ một con rùa già, một cây táo, phía góc trên có lạc khoản của Xung Thế Hoàn, chẳng hiểu ý tứ thế nào, hỏi: “Xung Tướng quân bảo ông đến đây nói điều gì?”. Vương Tung đáp: “Xung tướng quân bảo rằng sau khi Lãng Mai cùng 2 người khác sang hàng, thì biết đại vương cũng định qui hàng, nên tặng bức quý đồ này, nói khi đại vương xem sẽ tự hiểu” (chữ quy là “con rùa”, đồng âm với chữ quy là “về hàng”).

Dã Lợi vương nghe vậy thì nổi giận quát: “Thằng trọc này hoá ra đến đây khuyên hàng! Ta phải chém đầu ngươi!” nhưng nghĩ làm vậy không ổn, lại hạ lệnh tống giam, để sau sẽ xử.

Sự việc lập tức lan nhanh trong quân, Dã Lợi vương biết khó giấu, nếu đến tai Lý Nguyên Hiệu càng bất lợi, bèn đích thân giải Vương Tung cùng bức họa tới kinh đô Hưng Châu gặp Lý Nguyên Hiệu. Lý Nguyên Hiệu xem

kỹ bức vẽ, nghĩ bụng: “Hay là Dã Lợi vương đã ước hẹn với Xung Thế Hoành, nên Xung Thế Hoành mới vẽ con rùa, ngụ ý khuyên Dã Lợi vương sớm sang quy hàng chăng?”. Lý Nguyên Hiệu thân chinh thăm vấn Vương Tung: “Xung Thế Hoành ngoài việc bảo người trao bức họa này, còn có thư từ gì không?”, Vương Tung kiên trì bảo không có thư.

Lý Nguyên Hiệu nổi giận, sai vệ sĩ tra tấn Vương Tung, bắt khai thật mục đích đến đây. Vương Tung cố chịu cực hình, quyết không khai. Lý Nguyên Hiệu liền sai đem chém. Lúc bị điều đi, Vương Tung lớn tiếng than: “Thế là ta chết uổng, chưa hoàn thành việc lớn của Xung tướng quân!”

Viên quan chỉ huy cuộc hành quyết quát: “Gã hoà thượng kia có gì hãy nói mau, ta sẽ băm với nhà vua tha chết cho người! . Bấy giờ Vương Tung mới xé nẹp áo cà sa lấy ra bức thư mật. Viên quan chuyển ngay tới Lý Nguyên Hiệu.

Lý Nguyên Hiệu đọc thư “...Lãng Mai cùng hai người kia đã tới. Triều đình biết ông có lòng qui thuận, quyết định cử ông làm Tiết độ sứ Châu Hạ, mong ông sớm hồi quy”. Lý Nguyên Hiệu nổi cơn lôi đình, lập tức hạ lệnh tống giam Dã Lợi vương vào ngục tối.

Để làm sáng tỏ việc Dã Lợi vương hàng Tống, Lý Nguyên Hiệu phái Lý Văn Quý là người thân tín giả làm sứ giả của Dã Lợi vương sang gặp Xung Thế Hoành.

Xung Thế Hoành hỏi sứ giả mấy câu, về những việc phát sinh ở Hưng Châu thì y nói khá rõ, còn về tình hình trú quân của Dã Lợi vương thì y trả lời quá mơ hồ. Xung Thế Hoành biết y không phải do Dã Lợi vương phái đi.

Vừa hay quân Tống mới bắt được được mấy tù binh Tây Hạ. Xung Thế Hoành bí mật cho họ nhận diện. Trong số họ, có người nhận ra sứ giả là Lý Văn Quý, 1 kẻ tâm phúc của Lý Nguyên Hiệu.

Xung Thế Hoành đã sẵn chủ đích, liền tương kế tựu kế, ân cần tiếp đãi. Sứ giả nói: “Hoà thượng Pháp Tung đã tới gặp Dã Lợi vương chuyển tặng bức họa, nhưng Dã Lợi vương chưa rõ ý tứ cụ thể, mong tướng quân chỉ rõ”.

Xung Thế Hoàn muốn sứ giả trở về bảo Dã Lợi vương rằng sau khi 3 người kia sang hàng, Tây Hạ vương đã nghi ngờ Dã Lợi vương, vậy Dã Lợi vương nên sớm qui thuận mới tránh được tai họa. Lý Văn Quý ra về, Xung Thế Hoàn lại đem nhiều vàng bạc châu báu, nhờ Lý Văn Quý chuyển cho Dã Lợi vương.

Tây Hạ vương Lý Nguyên Hiệu quả nhiên trúng kế. Ít lâu sau có tin truyền về rằng Lý Nguyên Hiệu đã xử tử Dã Lợi vương, còn em ruột của Dã Lợi vương là Thiên Đô vương cũng không tin nhiệm nữa, bãi mọi chức tước, rồi sau đó mượn cớ giết nốt.

Sau đó Tây Hạ hòa hiếu với triều Tống. Lý Nguyên Hiệu phóng thích Vương Tung. Vương Tung vì có công lớn liền chết ly gián vua tôi Tây Hạ, trở về kinh thành được làm quan.

Tất sách địch nhân chi gián lai gián ngã giả, nhân nhi lợi chi, đạo nhi xá chi, cố phản gián khả đắc nhi dụng dã”.

Địch thế nào cũng phải gián điệp sang dò xét quân ta. Ta cần phát hiện gián điệp của địch, mua chuộc, khoản đãi dẫn dụ họ, sau đó thả họ trở về, như vậy là ta sử dụng được “phản gián”.

Cao Nhân Hậu Dùng Phản Gián Đệp Loạn Thiên Năng

Tháng 3 năm Đường Hi Tông Trung Hoà thứ hai (năm 882) tướng Thiên Năng ở châu Cùg do vi phạm thời hạn công vụ sợ bị ghép tội, liền phát động võ trang phản loạn, cướp bóc dân chúng vây đánh thành ấp, hoành hành ở khu vực giữa 2 châu Cùg và Nhã, quân số tới hàng vạn người.

Tiết độ sứ Tứ Xuyên phái tướng Cao Nhân Hậu đi dẹp loạn. 1 ngày trước hôm Cao Nhân Hậu xuất quân, có một tiểu thương gánh hàng đến gần doanh trại, suốt buổi sáng cứ la cà chỗ này chỗ nọ, con mắt láo liên. Lính tuần tra thấy bộ dạng khả nghi của y liền bắt giữ, thẩm vấn mới hay y là gián điệp do Thiên Năng phái đến do thám tình hình.

Cao Nhân Hậu nghe báo, liền đích thân coi trời, ôn tồn hỏi tên gián điệp. Y nói: “Tôi là người dân, Thiên Năng bắt giữ cha mẹ, vợ con tôi, buộc tôi phải đi dò xét tình hình, nếu tôi không chịu hẳn sẽ giết cả nhà tôi. Vì vậy tôi đành phải đi làm việc này”.

Cao Nhân Hậu nói: “Nếu thế, ta đâu nỡ giết người? Nay ta thả cho người về cứu cha mẹ, vợ con người. Nhưng với 1 điều kiện, ta đã cứu sống cả gia đình người, thì người phải thay ta làm việc này”. Đoạn ông nói cho y nghe yêu cầu của mình. Tên gián điệp gật đầu lia lịa. Cao Nhân Hậu thả cho y đi.

Thiên Năng nghe báo gián điệp trở về, vội cho vào gặp, hỏi tình hình. Gián điệp y lời Cao Nhân Hậu dặn dò, nói: “Quân đội của Cao Nhân Hậu ngày mai xuất phát, chỉ đem theo 500 người”. Thiên Năng bèn thưởng cho gián điệp, bảo đợi đánh xong trận này sẽ thả cho gia đình y về làng.

Gián điệp lui ra, theo lời dặn của Cao Nhân Hậu, đến các doanh trại kín đáo rỉ tai những người bị bức theo quân phản loạn, rằng khi Cao Nhân Hậu đem quân tới, họ hãy hạ vũ khí đầu hàng thì sẽ được tha về quê làm ăn yên ổn. Cao Nhân Hậu chỉ giết Thiên Năng và 5 tên cầm đầu thôi.

Hôm sau, Cao Nhân Hậu đem quân đến Song Lưu, Thiên Năng biết tin, sai La Hổn Kinh dựng 5 doanh trại ở phía tây Song Lưu, đồng thời mai phục một ngàn quân ở cánh rừng Dã Kiêu, chuẩn bị tập kích quan quân.

Cao Nhân Hậu lại sai binh sĩ mặc giả nông dân trà trộn vào doanh trại đối phương nói y những lời như gã gián điệp hôm trước đã nói. Một số quân sĩ đối phương bị bắt buộc theo quân phiến loạn chứ không phải tình nguyện, nay nghe nếu hàng sẽ được tha tội, liền rủ nhau quăng vũ khí sang hàng.

Cao Nhân Hậu vỗ về họ, đoạn sai người viết vào lưng áo họ 2 chữ “quy thuận”, rồi bảo họ trở về doanh trại khuyên những ai chưa hàng. Các binh sĩ khác của đối phương lũ lượt sang hàng. La Hổn Kinh thấy vậy, vội bỏ trốn, nhưng bị binh sĩ bắt giải nộp cho Cao Nhân Hậu.

Cao Nhân Hậu sai đeo gông, giải hãn về tỉnh. Đồng thời cho đốt hết doanh trại địch, chỉ giữ lại cờ xí của địch để dùng.

Hôm sau Cao Nhân Hậu ghép các hàng binh cứ 50 người một đội, mỗi đội cầm 1 lá cờ lộn ngược, cho họ đi trước hàng quân, tiến về phía Xuyên Khẩu.

Đến Xuyên Khẩu, các hàng binh vừa vẫy cờ vừa kêu to: “La Hổn Kinh đã bị bắt! Quan quân sắp kéo tới, anh em mau đầu hàng sẽ được tha về!”

Bộ tướng của Thiên Năng là Câu Hồ Tăng bố trí 11 doanh trại ở Xuyên Khẩu. Quân sĩ trong trại nghe tiếng kêu gọi đều ra hàng. Câu Hồ Tăng cả kinh, rút kiếm ngăn chặn, bị quân sĩ bắt giữ, giao cho Cao Nhân Hậu.

Do gián điệp tuyên truyền trước, sau đó hàng binh lại khuyên đồng đội đầu hàng, Cao Nhân Hậu dễ dàng làm quân phiến loạn tan rã, bắt sống Thiên Năng, 2 tên cầm đầu khác tự sát. Chỉ 6 ngày, Cao Nhân Hậu khéo dùng phản gián, dẹp xong quân phiến loạn.

“Minh quân hiền tướng, năng dĩ thượng trí vi gián giả, tất thành đại công”

Vua sáng suốt, tướng hiền tài phải biết dùng người thông minh siêu việt làm gián điệp thì nhất định sẽ thành công lớn.

Thương Thang dùng người tài làm gián điệp, diệt vua Kiệt

Ở vùng Hà Nam, Sơn Đông thuộc hạ du Hoàng Hà có một bộ lạc là dân tộc Hoa Hạ, còn gọi là bộ lạc Thương. Truyền thuyết kể rằng tổ tiên của bộ lạc Thương là Khiết, từng cùng vua Vũ trị nạn hồng thủy, lập công nên được phong đất Thương.

Đầu thế kỷ thứ 16 trước Công Nguyên, bộ lạc Thương truyền tới Thành Thang, tuy vẫn thuộc quyền cai quản của triều đình nhà Hạ, nhưng bộ lạc này đã trở thành nước chư hầu mạnh nhất ở phía đông.

Thành Thang tướng mạo xuất chúng, xử sự khôn ngoan mưu trí. Bấy giờ đứng đầu triều đình nhà Hạ là vua Kiệt, kẻ lừng danh trong lịch sử Trung Quốc-như một tên bạo chúa. Vua tôi không đồng lòng, trăm họ khổ cực, gia đình ly tán. Thành Thang có chí tây tiến, liền dời đô đến đất Bắc. Sau khi dời đô, Thành Thang tu sửa quốc chính, thu dụng hiền tài. 1 hôm trong rừng Thành Thang thấy một ông già chằng lưới bắt chim, miệng khấn to: “Chim chóc 4 phương hãy bay cả tới đây mà lọt vào lưới của ta!”

Thành Thang nói: “Ôi, thế này thì bắt hết chim chóc trong thiên hạ hay sao!”, đoạn nhà vua gỡ ba góc lưới, chỉ chừa một góc và cũng khấn: “Hỡi chim muông trên trời, muốn bay sang phải thì bay, muốn bay sang trái thì bay, nếu trái lệnh ta, thì cứ việc chui vào lưới này!”

Thần dân biết chuyện đó đều tán thưởng: “Đại vương đối với cầm thú còn nhân từ như thế, huống hồ đối với quốc dân?”. Thế là hiền nhân chí sĩ 4 phương về theo một đông.

Trong số nô bộc của Thành Thang, có một nô lệ tên là Y Chí về sau do trở thành đại thần “Doãn” của Thương, nên người đời gọi Y Chí là Y Doãn. Y Doãn thông hiểu vũ đạo, lại giỏi tính toán sắp đặt, một lòng phù giúp Thành Thang. Thành Thang cho Y Doãn đàm luận về tình thế thiên hạ, Y Doãn khuyên Thành Thang diệt Hạ cứu dân khỏi cảnh lầm than. Thành Thang nghe Y Doãn phân tích, phương lược đâu ra đấy, rất hợp với chí hướng mình hằng ôm ấp, thì trong bụng mừng thầm. Nhưng nghĩ đến nhà Hạ cai trị Trung Nguyên đã hơn bốn trăm năm, không rõ hư thực, cho nên chưa dám bộc lộ ý tưởng một cách tùy tiện.

Y Doãn thấy chủ im lặng, biết chủ còn có điều nghi ngại, bèn nói: “Muốn diệt Hạ, trước hết phải biết Hạ, kẻ hèn này tình nguyện sang kinh đô nhà Hạ xem xét nội tình và trình sát địa hình Trung Nguyên”. Thành Thang cả mừng. Y Doãn nhẹ nhàng nói nhỏ: “Để vua Hạ tin kẻ hèn này, xin đại vương hãy làm như vậy như vậy...”

Hôm sau, có binh sĩ vào bẩm báo: “Y Doãn bỏ chạy sang Hạ”. Thành Thang giả bộ ngạc nhiên quát: “Có việc ấy ư, mau mau đuổi bắt”.

Thành Thang đem quân sĩ đuổi, thì Y Doãn đã chạy xa. Binh sĩ giương cung định bắn theo, Thành Thang ngăn lại: “Để ta đích thân trừng trị tên phản nghịch!”

Thành Thang giương cung, nhắm hồi lâu mới bắn, không trúng, lại bắn tiếp, Y Doãn đã chạy mất.

Y Doãn đến kinh đô Châm Tầm của Hạ. Vua Kiệt thấy Y Doãn có tài, nói năng phi phàm, lại là người bị Thành Thang đuổi giết, thì tin dùng, cho làm quan trong triều.

Y Doãn ở nước Hạ, chứng kiến vua Kiệt tàn bạo, hoang dâm, dân chúng lầm than. Nhà vua ngày đêm hoan lạc với ái phi Muội Hỉ, cung đình yến tiệc, xa xỉ cùng cực, dân chúng đói rét, có năm chết đói hàng vạn người. Ai nấy căm hận. Nhà vua lại tự ví mình như vàng thái dương chói lọi. Dân chúng nguyện rửa, chỉ mong vua Kiệt sớm bị diệt vong như mặt trời phải lặn. Có một đại thần tên là Quan Long Phùng vào cung kể lại lời oán hận ấy với vua Kiệt và khuyên nhà vua: “Vua biết thương dân, dân an tất nước an!”.

Vua Kiệt dùng dùng nổi giận, bảo Quan Long Phùng rửa vua mau chết, rồi hạ lệnh đem chém. Để chứng tỏ uy lực của mình, vua Kiệt cất quân trừng phạt nước Mân Sơn. Vua Mân Sơn biết Kiệt tàn bạo, hiếu sắc, vội đem hiến hai mỹ nữ tuyệt sắc, một nàng tên Uyển, một nàng tên Diễm. Kiệt nhìn thấy Uyển, Diễm có sắc đẹp chim sa cá lặn, lập tức rút quân về.

Sau khi có hai mỹ nữ, Kiệt trở nên lạnh nhạt với ái phi Muội Hỉ, Muội Hỉ thất sủng, căm giận. Y Doãn nhân đó kết giao với nàng, được nàng tin cậy.

3 năm sau, Y Doãn đã nắm vững nội tình nhà Hạ như trong lòng bàn tay, trở về nước Thương. Thành Thang thấy Y Doãn về đúng hẹn, cả mừng,

phong Y Doãn làm Hữu thừa tướng, hoạch định kế sách diệt Hạ.

Thành Thang hỏi Y Doãn: “Lương thực của nước ta không đủ, phải làm thế nào?”. Y Doãn đáp: “Vua Kiệt có ba vạn cung tần mỹ nữ, y phục toàn bằng hàng thêu. Kinh đô ta có rất nhiều thợ thêu giỏi, có thể tổ chức thêu xiêm y. Mỗi hộ xiêm y thêu đổi được 100 chung thóc...”

Thành Thang theo kế cho làm. Mấy năm sau, triều Hạ đã tổn cơ man tiền của, trong khi kho lẫm nhà Thương dồi dào. Y Doãn lại khuyên Thành Thang đem số lương thực dư thừa cứu tế cho dân nghèo các nước sắp chết đói, thế là khắp nơi đều truyền tụng Thành Thang nhân đức, nhiều nước lần lượt qui thuận nhà Thương.

Vua Kiệt ngày càng cảm thấy Thương là đối thủ nguy hiểm, hạ chiếu đòi Thành Thang tới. Thành Thang tới kinh đô nước Hạ liền bị vua Kiệt bỏ tù tại Hạ Đài.

Thành Thang bị giam cầm, vua chúa các nước chư hầu đều bất bình, chỉ trích vua Kiệt vô lý. Ở kinh đô nước Thương thì các đại thần chỉ trích việc Y Doãn chủ trương để Thành Thang đến kinh đô nước Hạ.

Y Doãn đã có chủ định, liền nói: “Thương là thần dân của triều Hạ, bị triệu mà không tới, vua Kiệt sẽ lấy cớ dẫn quân chinh phạt, như thế chẳng phải là gây tai ương cho trăm họ sao? Nay đại vương bị cầm tù, tôi tự có kế giải cứu, các vị khỏi lo”.

Y Doãn mang rất nhiều châu báu và mấy chục mỹ nữ sang kinh đô nước Hạ. Vua Kiệt thấy nhiều mỹ nữ và báu vật thì đã xiêu lòng. Y Doãn lại đưa mắt cho Muội Hi đứng cạnh vua Kiệt. Muội Hi bèn nói: “Nhà Thương cũng là thuộc quốc của đại vương. Thành Thang giúp đại vương làm việc cứu bần là có công đáng ra phải khen”.

Muội Hi lúc này địa vị không bằng hai nàng Uyển, Diễm nhưng vua Kiệt vẫn còn nể nang, nên hạ lệnh thả Thành Thang. Muội Hi lại nói nhỏ với riêng Y Doãn: “Hôm qua đại vương nằm mộng thấy phương tây có mặt trời, phương đông cũng có mặt trời. Hai mặt trời đánh nhau, mặt trời phía tây thắng, mặt trời phía đông thua”. Y Doãn hiểu ý Muội Hi ngầm bảo có thể đem quân đánh Hạ, bèn cáo lui.

Thành Thang và Y Doãn về nước, trước hết lấy cớ Cát Bá vô đạo, không thờ phụng tổ tiên, đem quân đi diệt nước Cát là đồng minh của nước Hạ.

Đầu thế kỷ thứ 16 trước Công Nguyên, cuối cùng nước Thương phát động chiến tranh với nước Hạ, lần lượt tiêu diệt vây cánh của triều Hạ là nước Vĩ, nước Cố, nước Côn Ngô.

Sau đó Thành Thang tiến quân thẳng đến Kinh đô Châm Tầm của nước Hạ. Vua Kiệt bỏ thành mà chạy. Thành Thang dẫn quân truy kích, tại Minh Điều thì đánh tan quân Hạ. Vua Kiệt trốn vào núi Trung Điều, sau chết trong núi.

Nhà Hạ diệt vong, Thành Thang kiến lập nhà Thương. Thành Thang là người đầu tiên sáng lập việc dùng người thông minh siêu việt làm gián điệp. Vì lập công lớn mà Y Doãn thành người phò tá trọng yếu của Thành Thang, chấp chương đại quyền nhà Thang suốt 5 đời vua (Thành Thang, Thái Đinh- con trai Thành Thang, Ngoại Bích, Trung Nhâm, Thái Giáp- cháu của Thành Thang).

...Hết...

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiếu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers